



LIÊU THỤY MINH

& ĐÀU LƯỖI NGÒI BÚT

LỊCH SỬ VĂN HỌC
TIẾNG MẸ ĐỂ ĐÀI LOAN

TƯỜNG VI VẤN (Chủ biên)
LÙ VIỆT HÙNG - PHẠM NGỌC THÚY VI
THÁI THỊ THANH THỦY (Dịch)



9 786049 959424

Giá: 250 000 đ

LIÊU THỤY MINH

ĐÀU LƯỖI & NGÒI BÚT

LỊCH SỬ VĂN HỌC TIẾNG MẸ ĐỂ ĐÀI LOAN



LIÊU THỤY MINH

ĐÀU LƯỖI & NGÒI BÚT

LỊCH SỬ VĂN HỌC
TIẾNG MẸ ĐỂ ĐÀI LOAN

TƯỜNG VI VẤN (Chủ biên)
LÙ VIỆT HÙNG - PHẠM NGỌC THÚY VI
THÁI THỊ THANH THỦY (Dịch)



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

ĐẦU LƯỚI VÀ NGÒI BÚT

LỊCH SỬ VĂN HỌC
TIẾNG MẸ ĐỂ ĐÀI LOAN



LIÊU THỤY MINH

TƯỜNG VI VĂN

(Chủ biên)

LÙ VIỆT HÙNG - PHẠM NGỌC THÚY VI - THÁI THỊ THANH THỦY

(Dịch)

ĐÀU LƯỠI VÀ NGÒI BÚT

LỊCH SỬ VĂN HỌC
TIẾNG MẸ ĐỂ ĐÀI LOAN



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

CHỦ BIÊN:

GS.TS. Trương Vi Văn (Chiung Wi-vun)

DỊCH GIẢ:

Lù Việt Hùng
Phạm Ngọc Thúy Vi
Thái Thị Thanh Thủy

HIỆU ĐÍNH:

Trần Lý Dương
Phạm Hải Vân
Phạm Thị Cảnh
Đào Hương Thảo

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của Nxb và tác giả. Không ủng hộ khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền. Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Đầu lưỡi và ngòi bút - Lịch sử văn học tiếng mẹ đẻ Đài Loan / Trương Vi Văn (ch.b.), Liêu Thụy Minh, Lù Việt Hùng... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2020. - 460tr. ; 21cm
ISBN 9786049959424

1. Nghiên cứu văn học 2. Văn học hiện đại 3. Tác giả 4. Tác phẩm 5. Đài Loan
895.1090052 - dc23

HVK0042p-CIP

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU NỘI DUNG	7
GIỚI THIỆU TÁC GIẢ	9
LỜI GIỚI THIỆU CỦA PGS. TS. NGUYỄN ĐĂNG ĐIẾP	11
LỜI GIỚI THIỆU CỦA GS. TS. TÔ THẠC BÀN	14
LỜI GIỚI THIỆU CỦA GS. TS. TUỒNG VI VĂN	16
LỜI TÁC GIẢ	21
GIỚI THIỆU ĐỘI NGŨ BIÊN SOẠN & BIÊN DỊCH	28
QUY ƯỚC CHUNG	29
QUY ƯỚC TRÌNH BÀY	30
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT	32
I. Giá trị văn hóa của tiếng mẹ đẻ	33
II. Hiện trạng sử dụng tiếng mẹ đẻ của các tộc người ở Đà Loan.....	35
III. Hệ thống chữ viết tiếng mẹ đẻ của các tộc người ở Đà Loan.....	41
IV. Nguồn gốc dòng văn học tiếng mẹ đẻ của các tộc người ở Đà Loan.....	49
V. Tổng kết chung	51
CHƯƠNG 2. NỀN VĂN HỌC TIẾNG MẸ ĐẼ ĐÀI LOAN	
TRƯỚC KHI Ý THỨC TIẾNG MẸ ĐẼ ĐƯỢC THỨC TỈNH.....	53
I. Văn học tiếng mẹ đẻ truyền miệng	56
II. Văn học chữ Peh-oe-ji tiếng Đài	59
III. Tiểu thuyết chữ Hán và sách Koa-a-chheh trong thời kỳ Nhật trị	82
IV. Văn học tiếng mẹ đẻ sau chiến tranh đến trước khi ý thức tiếng mẹ đẻ được thức tỉnh	91
CHƯƠNG 3. PHONG TRÀO PHỤC HƯNG	
TIẾNG MẸ ĐẼ CỦA ĐÀI LOAN.....	101
I. Sự ra đời của phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ	104
II. Phong trào tiếng mẹ đẻ của phái chữ Hán	113

III. Phong trào tiếng mẹ đẻ của phái chữ La tinh	128
IV. Phong trào tiếng mẹ đẻ của phái độc lập	173
V. Tiếng Khách Gia và tiếng các dân tộc bản địa trong phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ	180

CHƯƠNG 4. NHỮNG TRANH LUẬN VỀ VẤN ĐỀ

CHỮ VIẾT VÀ VĂN HỌC TIẾNG MẸ ĐỂ	187
I. Những tranh luận và thống nhất về phương án chữ viết tiếng mẹ đẻ	189
II. Những tranh luận từ bên trong và bên ngoài của dòng văn học tiếng mẹ đẻ	202

CHƯƠNG 5. CỘNG ĐỒNG VĂN HỌC TIẾNG MẸ ĐỂ 223 |

I. Cộng đồng văn học của phái chữ Hán	224
II. Cộng đồng văn học phái chữ La tinh	242
III. Cộng đồng văn học phái độc lập	257

CHƯƠNG 6.

VƯỜN HOA VĂN HỌC TIẾNG MẸ ĐỂ CỦA ĐÀI LOAN	269
I. Thơ tiếng Đài Loan	273
II. Tiểu thuyết tiếng Đài Loan	319
III. Văn xuôi và kịch tiếng Đài Loan	335
IV. Văn học tiếng Khách Gia	344

CHƯƠNG 7. KẾT LUẬN - VIỄN CẢNH CỦA VĂN HỌC

TIẾNG MẸ ĐỂ ĐÀI LOAN	348
I. Sự phát triển và giải phóng của sáng tác tiếng mẹ đẻ	350
II. Viễn cảnh của văn học tiếng mẹ đẻ	358
NIÊN BIỂU VĂN HỌC 1626 - 2012	363
TÀI LIỆU THAM KHẢO	430
GIỚI THIỆU TRƯỜNG BIÊN LỊCH SỬ VĂN HỌC ĐÀI LOAN	458

GIỚI THIỆU NỘI DUNG

Quyển sách này được dịch từ quyển cuối cùng trong bộ sách tiếng Trung mang tên *Trường biên Lịch sử Văn học Đài Loan* (gồm 33 quyển) giới thiệu toàn bộ lịch sử văn học Đài Loan được Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan lần lượt xuất bản từ năm 2010 đến năm 2013. Nội dung cuốn sách này tập trung trình bày về sự phát triển của dòng văn học tiếng mẹ đẻ sau phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ trong những năm 80 của thế kỷ 20 ở Đài Loan. Trong nguyên tác, tác giả không đi sâu vào vấn đề ý thức sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ đặc thù, mà tập trung trình bày về các vấn đề chính như sau: quá trình phát triển và các vấn đề gây tranh cãi của phong trào tiếng mẹ đẻ, sự hình thành của các cộng đồng tác gia văn học tiếng mẹ đẻ, một số tác gia và tác phẩm tiêu biểu của dòng văn học này.

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

Liêu Thụy Minh (廖瑞銘) (1955-2016)

Tiến sĩ khoa Sử học, Đại Học Văn Hóa Trung Quốc (Đài Loan), từng là giáo sư Khoa Ngữ Văn Đài Loan, Đại Học Y Học Trung Sơn, người chịu trách nhiệm xuất bản kiêm Tổng biên tập *Báo BONG Đài Văn Thông Tấn* (台文通訊BONG報). Lĩnh vực chuyên môn là văn học tiếng Đài, giảng dạy ngữ văn Đài Loan, lịch sử kịch hiện đại Đài Loan. Các tác phẩm đã xuất bản: *Cái đẹp trong đời sống* (生活中的美感) (Đài Bắc, Nhà Xuất Bản Đài Lập, 1996), biên tập và giới thiệu *Câu chuyện đời hoang vu: ký sự ly kỳ nơi điền trang* (拋荒的故事：田庄傳奇記事) (Dữ Hoang Chi Lục, Thi Tuấn Châu cùng nhóm biên tập, Đài Bắc, Nhà Xuất Bản Tiên Vệ, 2012).

VĂN HỌC TIẾNG MẸ ĐỂ ĐÀI LOAN: SỰ TRÌNH HIỆN CỦA MỘT BẢN SẮC

PGS. TS. Nguyễn Đăng Điệp

*Viện trưởng Viện Văn học,
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM*

Sẽ ra sao nếu một dân tộc bị mất đi tiếng nói và con người không được kết nối với nhau bằng tiếng mẹ đẻ? Câu hỏi này chạm đến một bi kịch khủng khiếp khi con người bị vong thân ngay trên chính quê hương bản quán của mình. Bởi thế, “Hãy để tôi được nói bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của tôi” đã trở thành một nhu cầu khẩn thiết của bất cứ cá nhân, dân tộc nào. Một khi tiếng nói mẹ đẻ không còn, người ta sẽ bị bơ vơ về văn hoá vì tiếng mẹ đẻ chính là nhân tố tối quan trọng để hình thành nhân cách và xây dựng hệ giá trị cộng đồng. Để tránh sự bơ vơ và bất an văn hoá, con người phải biết hướng đến nguồn cội để tìm lấy điểm tựa vững chắc nhằm mở ra những dự phóng về tương lai.

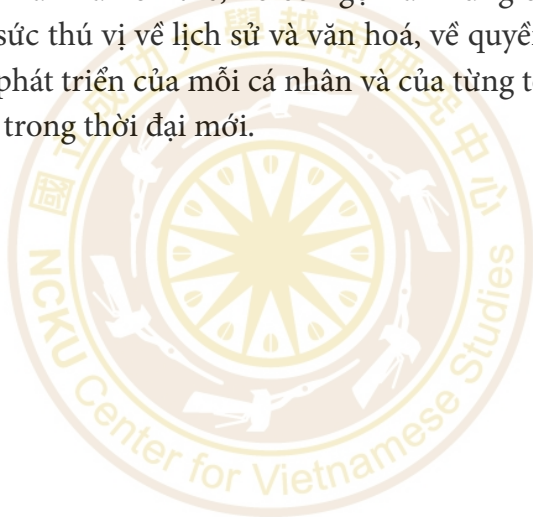
Khởi thủy là lời. Ngôn ngữ, tiếng mẹ đẻ, vì thế, đâu phải là những ký hiệu vô tri mà tự nó chính là văn hoá, là lịch sử, là minh chứng về sự hiện hữu của con người và cộng đồng trong vô vàn những kết nối phức tạp, tinh vi. Trong môi trường tiếng mẹ đẻ, con người sẽ hiện lên như những sản

phẩm của văn hoá và chính họ là chủ thể sáng tạo văn hoá chứ không phải là những thực thể đến từ hư vô!

Tầm quan trọng của tiếng mẹ đẻ đã được tổ chức UNESCO công nhận trong phiên họp toàn thể tháng 11/1999 và sau đó được Đại hội đồng Liên hiệp quốc thông qua trong phiên họp ngày 16/5/2007 với lời kêu gọi tất cả các quốc gia trên thế giới “thúc đẩy việc bảo tồn và gìn giữ tất cả các ngôn ngữ được nói bởi các dân tộc trên toàn thế giới”. Cũng từ thời điểm này, ngày 21/2 hàng năm được coi là Ngày tiếng mẹ đẻ quốc tế. Đây là dịp để các quốc gia ý thức sâu sắc hơn về sự đa dạng của ngôn ngữ, là cơ hội để xiển dương sự khoan dung và tinh thần đối thoại văn hoá.

Tôi đã đọc công trình *Đấu lưôi và ngòi bút - Lịch sử văn học tiếng mẹ đẻ Đài Loan* từ một hình dung như thế về ý thức tìm lại tiếng mẹ đẻ trong văn học Đài Loan trong hơn ba thập kỷ qua. Phong trào “phục hưng” tiếng Đài sau nhiều thăng trầm lịch sử, đặc biệt là sau thời đại bị tước đoạt và bị “đánh mất tiếng nói” chính là bằng chứng sinh động cho tinh thần tìm về cội nguồn và niềm tự tôn dân tộc đang phát triển mạnh mẽ ở xứ sở này. Vượt lên những đè nén và áp bức, những mưu đồ đồng hoá và triệt tiêu văn hoá, các tộc người Đài Loan vẫn nỗ lực bảo lưu tiếng mẹ đẻ và dựng lên nền văn học của riêng mình. Ý thức phục hưng mạnh mẽ này có thể coi là hệ quả trực tiếp của môi trường dân chủ xã hội ngày càng mở rộng và tinh thần nhân văn hiện đại ngày càng được đề cao. Từ trong những chuyển động ấy của lịch sử, các tộc người bản xứ Đài Loan đã dẫn đi tới một thức tỉnh

chiều sâu: tìm về tiếng mẹ đẻ, làm cho tiếng mẹ đẻ ngày càng phong phú là nguyên tắc mang tính sống còn để bảo tồn và phát triển văn hoá. Chỉ một khi thấm nhuần sự phát triển mang tính nhân văn này, bản sắc và khả năng lan toả của văn hoá Đài Loan mới thực sự bền vững. Cũng vì lẽ đó, trong cái nhìn của tôi, *Đầu lười và ngòi bút - Lịch sử văn học tiếng mẹ đẻ Đài Loan* không chỉ dừng lại ở chuyện tái hiện lịch sử văn học tiếng Đài mà hơn thế, nó còn gợi ra những câu chuyện khác hết sức thú vị về lịch sử và văn hoá, về quyền lựa chọn mô hình phát triển của mỗi cá nhân và của từng tộc người ở Đài Loan trong thời đại mới.



NHẬT KÝ THỜI ĐẠI: SỰ HỒI XUÂN TIẾNG MẸ ĐỂ

GS.TS. Tô Thạc Bân

GIÁM ĐỐC BẢO TÀNG QUỐC GIA VĂN HỌC ĐÀI LOAN

Đài Loan là đất nước có một môi trường văn hóa dân chủ và những người dân từ nhiều sắc tộc khác nhau. Nền văn học Đài Loan hiện đại cũng giữ gìn được quyền sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ của các tộc người. Tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ tự nhiên nhất, do đó, việc giao tiếp và sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ là sự thể hiện của mỹ học trong cuộc sống. Tuy nhiên, việc sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ ở Đài Loan đã phải trải qua một quá trình lịch sử đầy chông gai và thử thách. Quyển sách *Đầu lưỡi và ngòi bút - Lịch sử văn học tiếng mẹ đẻ Đài Loan* này sẽ giới thiệu về giai đoạn lịch sử đó.

Lịch sử cận đại của Đài Loan đã chứng kiến sự thay đổi một cách nhanh chóng của chính quyền thống trị, xã hội Đài Loan cũng vì thế mà có nhiều tộc người cùng chung sống. Họ nói thứ ngôn ngữ quen thuộc của mình, nhưng đối với tộc người khác lại vô cùng xa lạ. Họ tụ họp lại trong một thế giới đời sống chung, chỉ có điều đa nguyên văn hóa không chắc chắn khiến thế giới của văn học trở nên rục rờ hơn. Năm 1945, trước khi chiến tranh kết thúc, dòng văn học tiếng mẹ đẻ của các tộc người Đài Loan bị kìm kẹp bởi lý do “xuất thân” từ mảnh đất thuộc địa của Nhật Bản; sau khi chiến

tranh kết thúc, Đài Loan bị Trung Hoa Dân Quốc thống trị, cùng với đó là chính sách Quốc ngữ một chiều của chính phủ trung ương, do vậy rất nhiều nhà văn nhà thơ đã bị đẩy vào “thời đại đánh mất tiếng nói”.

Trước khi lệnh giới nghiêm được dỡ bỏ vào cuối những năm 80 của thế kỷ 20, nhân dân Đài Loan đã giành được sự dân chủ chính trị, giải phóng tư tưởng, những ngôn ngữ mẹ đẻ từng bị kìm hãm nay dần được giải thoát, ngọn lửa sức sống của những sáng tác văn học tiếng mẹ đẻ mới lại được thổi bùng lên.

Giáo sư Liêu Thụy Minh chính là người tiên phong trong phong trào “phục hưng tiếng mẹ đẻ” của Đài Loan, ông đã dành cả cuộc đời mình dốc sức vào sự nghiệp phát triển văn học Đài Loan. Năm 2013, ông đã viết cuốn sách *Đầu lưỡi và ngòi bút - Lịch sử văn học tiếng mẹ đẻ Đài Loan*. Đây có thể coi là thành quả bước đầu của dòng văn học tiếng mẹ đẻ Đài Loan. Chỉ tiếc rằng, ông đã mất vào ba năm trước, nhưng tôi tin rằng Giáo sư Liêu Thụy Minh sẽ rất mãn nguyện khi chính phủ ban bố “Luật Phát Triển Ngôn Ngữ Quốc Gia” với nội dung bảo vệ tiếng mẹ đẻ cố hữu của tất cả mọi người và khuyến khích sáng tác bằng ngôn ngữ tự nhiên.

Cuốn sách này ghi chép lại tinh thần thời đại của “sự hồi xuân tiếng mẹ đẻ” ở Đài Loan trong gần 30 năm trở lại đây. Chúng tôi tha thiết mong muốn đưa tác phẩm này đến với bạn đọc trên thế giới. Chúng tôi cũng hy vọng thông qua cuốn sách này, các bạn đọc của Việt Nam sẽ hiểu biết hơn về nền văn hóa đa nguyên và nền văn học đa dạng của Đài Loan.

LỜI GIẢI CHO ẮN SỐ “VĂN HỌC ĐÀI LOAN”

GS.TS. Tưởng Vi Văn

CHỦ NHIỆM KHOA VĂN HỌC ĐÀI LOAN,
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH CÔNG

Văn học Việt Nam là gì? Tôi tin chắc rằng các độc giả Việt Nam ai cũng có một đáp án chung rõ ràng. Tuy nhiên, câu hỏi “Văn học Đài Loan là gì?”, có lẽ không chỉ độc giả Việt Nam không hiểu, mà ngay cả người Đài Loan cũng không biết phải trả lời như thế nào cho xác đáng. Thậm chí, đã có rất nhiều người ngộ nhận rằng văn học Trung Quốc là văn học Đài Loan. Tại sao lại có hiện tượng hoang đường như vậy? Cuốn sách này chính là con đường đưa độc giả tìm đến đáp án chính xác và hiểu sâu hơn về nền văn học thực sự của Đài Loan với những tác phẩm văn học được sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ.

Có không ít người Việt Nam hiểu nhầm rằng tiếng mẹ đẻ của người Đài Loan là tiếng Hoa, nhưng trên thực tế, ngôn ngữ bản địa của Đài Loan được 90% người Đài Loan sử dụng khác hoàn toàn với tiếng Hoa. Trong đó, ngôn ngữ bản địa của Đài Loan được chia thành ba loại chính, gồm có ngôn ngữ của nhóm nói tiếng Đài chiếm khoảng 76% dân số Đài Loan, nhóm nói tiếng Khách Gia chiếm khoảng 12% và 2% là của nhóm nói hệ ngữ Nam Đảo. Tiếng Hoa là ngôn ngữ được chính quyền Tưởng Giới Thạch đưa vào Đài Loan và ép buộc

người Đài Loan sử dụng thông qua chính sách độc tôn tiếng Hoa vào sau năm 1945.

Tại sao người Đài Loan lại bị ép buộc học tiếng Hoa? Bởi vì Đài Loan không may mắn như đất nước Việt Nam đã sản sinh ra nhân tài kiệt xuất là Hồ Chí Minh. Tôi xin phép bắt đầu giải thích từ giai đoạn lịch sử sau Chiến tranh Thế giới thứ 2 vào năm 1945.

Vào ngày 15 tháng 8 năm 1945, trước khi Thiên Hoàng Nhật Bản đầu hàng quân đồng minh, Đài Loan vẫn là thuộc địa của Nhật Bản. Theo nội dung Mệnh lệnh số 1 của tướng *Douglas MacArthur* (1880-1964) được phát đi vào ngày mùng 2 tháng 9 năm 1945, Tướng Giới Thạch đảm trách những công việc liên quan đến sự đầu hàng của quân đội Nhật Bản ở các vùng như Trung Quốc (trừ Mãn Châu), Đài Loan và miền Bắc Việt Nam tính từ vĩ tuyến 16 trở ra. Với Mệnh lệnh số 1 này, Tướng Giới Thạch đã đưa một đội quân tiến vào Việt Nam và Đài Loan. Mượn danh nghĩa là giải giáp vũ khí của quân đội Nhật Bản, Tướng Giới Thạch ngấm ngầm chuẩn bị chiếm đóng lâu dài cả Việt Nam lẫn Đài Loan. Thật may mắn rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận ra âm mưu này, đồng thời mượn sức quân Pháp để buộc Tướng Giới Thạch phải rút quân khỏi Việt Nam vào năm sau đó. Đáng tiếc, lúc bấy giờ ở Đài Loan đã không xuất hiện lãnh tụ chính trị có thể nhìn xa trông rộng như Chủ tịch Hồ Chí Minh, nên mới để chính quyền quân đội Tướng Giới Thạch tiếp tục chiếm đóng Đài Loan.

Theo lẽ thường, sau khi hoàn tất những công việc liên quan đến sự đầu hàng của quân đội Nhật Bản, Tướng Giới

Thạch phải rút quân khỏi Đài Loan. Tiếp theo, Đài Loan phải được ủy thác chính quyền Mỹ quản lý một thời gian nhất định, sau đó công dân Đài Loan sẽ bỏ phiếu tự quyết định tương lai của đất nước giống như Hàn Quốc và quần đảo Lưu Cầu (*Ryukyu islands*). Thật đáng tiếc, chính quyền Tưởng Giới Thạch sa lầy trong cuộc nội chiến Trung Quốc và thua Đảng Cộng Sản Trung Quốc, nên đành phải tiếp tục chiếm đóng Đài Loan và tự xưng Đài Loan luôn là một bộ phận của Trung Quốc. Sau đó, cũng vì chiến tranh Triều Tiên và Việt Nam liên tiếp xảy ra, Mỹ muốn lợi dụng Tưởng Giới Thạch cản đường Đảng Cộng Sản Trung Quốc, nên cố tình làm ngơ trước vận mệnh của Đài Loan, thế nên chính quyền lưu vong Tưởng Giới Thạch mới tạm thời lưu lại Đài Loan.

Chính quyền Tưởng Giới Thạch tìm được chỗ dung thân mà không nhớ ơn người Đài Loan, thậm chí còn thực thi chế độ thống trị độc tài bằng việc ban bố lệnh giới nghiêm kéo dài 38 năm (1949-1987). Chính quyền Tưởng Giới Thạch sau khi chiếm đóng Đài Loan, tiến hành chính sách bóc lột kinh tế, đàn áp chính trị và kỳ thị văn hóa, dẫn đến đời sống của người Đài Loan gian khổ và bất mãn cùng cực. Ngày 28 tháng 2 năm 1947, dân chúng tập trung tại quảng trường phía trước Công Sở Hành Chính Trung Ương để biểu tình, yêu cầu đối thoại, nhưng lại bị đội vệ binh càn quét bằng vũ lực, nên đã nổ ra cuộc kháng chiến khởi nghĩa trên toàn Đài Loan. Sau đó, Tưởng Giới Thạch đã điều động hàng vạn quân từ Trung Quốc đến Đài Loan tiếp tục mở rộng đàn áp đẫm máu. Trong vòng ba tháng ngắn ngủi, Đài Loan đã có khoảng

30.000 người thiệt mạng, sự kiện này được đặt tên là “Vụ thảm sát 228” trong lịch sử cận đại của Đài Loan.

Ngoài ra, chính quyền Tưởng Giới Thạch còn thực hiện mưu đồ “tẩy não” để người Đài Loan trở thành người Trung Quốc thông qua giáo dục và truyền thông trong thời gian dài, đồng thời tước bỏ quyền được giáo dục của người Đài Loan, cấm đoán người Đài Loan học tập và tìm hiểu ngôn ngữ, văn học, lịch sử và văn hóa của mình. Tình hình này hoàn toàn giống với thời kỳ nghìn năm Bắc thuộc trong lịch sử Việt Nam. Điều này đã khiến cho rất nhiều người Đài Loan vốn sử dụng tiếng Đài như ngôn ngữ mẹ đẻ buộc phải học và sử dụng tiếng Bắc Kinh của Trung Quốc, thậm chí có rất nhiều thanh niên Đài Loan đã mất đi năng lực sử dụng tiếng Đài. Chính quyền Tưởng Giới Thạch còn nâng đỡ, dung túng những nhà văn thuộc dòng “văn học chống Cộng” chuyên sáng tác bằng tiếng Bắc Kinh của Trung Quốc hay những kẻ chủ trương Đài Loan là một tỉnh của Trung Quốc. Những sáng tác chân chính bằng tiếng Đài hay mang quan điểm của người Đài Loan đều bị cấm đoán và “bị đẩy ra rìa”. Hậu quả là dòng văn học thật sự phản ánh “tiếng lòng” của người dân Đài Loan đã bị bóp chết từ trong trứng nước, còn dòng văn học tị nạn của chính quyền lưu vong Tưởng Giới Thạch lại được tung hô thành những tác phẩm văn học tiêu biểu của nền văn học Đài Loan một cách có chủ đích.

Mặc dù nền văn học Đài Loan đã trải qua thời kỳ đen tối như vậy, nhưng cùng với sự giác ngộ ý thức ngày một tăng của người Đài Loan, sự đối xử tệ bạc bất công này có lẽ sẽ dần

dần mất đi. Ví như vào năm 2009, một nhóm nhà văn Đài Loan chủ trương sáng tác bằng tiếng Đài đã thành lập Hội Nhà Văn Đài Loan (*Taiwanese Pen*) tại Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan. Sự kiện này được tượng trưng cho sức mạnh giác ngộ của người Đài Loan thời đại mới đã lên đến đỉnh cao, tựa như con sóng thủy triều của Thái Bình Dương.

Để hoàn thành công việc dịch sang tiếng Việt và xuất bản cuốn sách này tại Việt Nam, chúng tôi xin ghi nhận sự đóng góp công sức của nhiều cá nhân và tập thể. Đầu tiên, xin trân trọng cảm ơn Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan đã cung cấp kinh phí dịch và xuất bản cuốn sách này. Tiếp theo, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới đội ngũ dịch thuật và biên tập với tinh thần làm việc hăng say và cẩn trọng, trong đó gồm có Lù Việt Hùng, Thái Thị Thanh Thủy, Phạm Ngọc Thúy Vi, Phạm Hải Vân, Trần Lý Dương, Phan Tú Liên, Lâm Mân Tranh, Phạm Thị Cảnh, Đào Hương Thảo. Ngoài ra, chúng tôi cũng vô cùng biết ơn Viện trưởng Nguyễn Đăng Điệp, Viện Văn Học thuộc Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam đã bớt chút thời gian viết lời tựa cho cuốn sách này. Chúng tôi cũng gửi lời cảm ơn trân trọng nhất tới Nhà Xuất Bản Hội Nhà Văn vì đã chấp nhận xuất bản cuốn sách này. Cuối cùng, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn tới những độc giả đang đọc cuốn sách này, bởi vì chính các bạn sẽ là những người hiểu sâu về tình hình của nền văn học Đài Loan. Chúng tôi tin chắc rằng, cuốn sách này sẽ mở rộng sự thúc đẩy sự giao lưu văn học giữa Việt Nam và Đài Loan, đồng thời cũng thắt chặt tình hữu nghị giữa hai bên một cách sâu rộng.

LỜI TÁC GIẢ

Theo nguyên tác tiếng Trung được xuất bản năm 2013

Thời còn trẻ, đọc được một câu danh ngôn của nhà sử học người Anh, *E.H. Carr*: “Lịch sử là quá trình tương tác qua lại không ngừng giữa lịch sử gia với sự thực, là sự đối thoại không ngừng giữa hiện tại và quá khứ”, tôi nghĩ lấy câu nói đó để nói về kinh nghiệm viết quyển sách này thực là phù hợp và xác đáng. Bởi vì giữa những sự thực viết ra cùng với những kinh nghiệm trải qua của bản thân trong quá trình tham gia phong trào tiếng mẹ đẻ có sự trùng lặp quá cao, đối với tôi mà nói, đây không chỉ đơn thuần là viết sách, mà còn là ghi chép lại những kinh nghiệm của đoạn đường tôi đã đi qua. Vì thế, để duy trì đảm bảo sự khách quan, trung lập trong học thuật, điều này là cả một sự thử thách cam go.

Cuối năm 1991, trong một dịp tình cờ ngẫu nhiên, tôi bị hấp dẫn và lôi cuốn bởi một tờ tập san miễn phí ở trước cổng của Nhà Xuất Bản Tiền Vệ mà đã tham gia phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ Đài Loan. Tôi bắt đầu như một người ngoài cuộc, với một sự hiếu kỳ đến việc cố gắng học tri thức về ngôn ngữ học, cùng mọi người ra đường gào thét, phát cờ, học tập cách viết tiếng Đài, rồi mở lớp dạy tiếng Đài ở trong trường Đại học, nghiên cứu về văn học tiếng Đài, làm giám khảo văn học tiếng Đài, và tổ chức kỳ thi đánh giá năng

lực tiếng Đài, thành lập Khoa Tiếng Đài cho đến khi Khoa Tiếng Đài ngừng chiêu sinh..., tôi trải qua những hoạt động trên với hơn 20 năm, tích lũy được vô số kinh nghiệm và tài liệu tham khảo. Nhờ vào sự tự tin về “kinh nghiệm cá nhân” này mà hồi đó tôi đã mạnh dạn nhận lời mời tham dự kế hoạch biên soạn *Trường biên Lịch sử Văn học Đài Loan* (台灣文學史長編). Hy vọng thông qua kế hoạch này sẽ đem cả quá trình của phong trào văn học tiếng mẹ đẻ ghi chép và chỉnh lý lại để các người đồng chí đồng sự trong phong trào tự kiểm điểm, rút kinh nghiệm về quá trình kinh qua của bản thân và cũng để cho những người có tâm muốn viết về lịch sử Văn học tiếng Đài sau này làm tham khảo. Mục tiêu rất đơn giản, lại rõ ràng, tôi coi đây là một niềm vinh quang và cũng là một sứ mệnh vậy.

Lúc mới bắt đầu, tôi vạch ra một đại cương biên soạn trước, làm căn cứ tạm thời cho việc suy nghĩ hay thu thập tài liệu. Đợi đến khi đọc thực tế những tài liệu tìm được, rồi bắt tay vào viết mới phát hiện ra có sự khác biệt rất lớn với điều tưởng tượng sơ khai ban đầu và độ khó của sự biên soạn rất cao. Thật không dễ dàng khi đem những sự kiện cốt lõi sắp xếp, chỉnh lý xong, đưa vào kế hoạch đại cương và hoàn thành bản thảo đầu tiên. Tôi nghĩ nộp để được thẩm duyệt trước, đợi sau khi các ủy viên của Ban đánh giá thẩm định cho ý kiến thì sẽ tiến hành chỉnh sửa tổng hợp. Nào ngờ, một tháng sau, khi tôi căn cứ vào ý kiến của các ủy viên thẩm duyệt để sửa thì mới phát hiện ra vấn đề không đơn giản như tôi nghĩ, không phải chỉ cần sửa ở những phần chi tiết hay

bộ phận là có thể giải quyết xong. Bởi vì, bản thân tôi đối với bản thảo hoàn toàn không vừa ý, ngoài ra càng đọc nhiều tài liệu càng gặp nhiều vấn đề khó khăn, càng không dám đặt bút viết tiếp. Nhất là trong thời kỳ viết quyển sách này, trên thị trường liên tiếp xuất bản hai quyển sách liên quan đến lịch sử văn học Đài Loan, một quyển là *Lịch sử Văn học tiếng Đài Loan và biên soạn thư mục* (台語文學史暨書目彙編) của Phương Diệu Kiến (方耀乾) và một quyển là *Bình luận chung về tác phẩm và Lịch sử tiểu thuyết tiếng Đài Loan* (台語小說史暨作品總評) của Lâm Ương Mẫn (林央敏), làm tôi có áp lực trong việc có thể bị đưa ra so sánh đối chiếu. Tôi đã nghĩ, mình phải có nhiều tài liệu đầy đủ hơn họ? Hay quan điểm lịch sử phải phù hợp hơn họ? Từ đó, buộc tôi quyết tâm từ bỏ lối suy nghĩ về kết cấu nội dung ban đầu và viết lại.

Dựa theo những phần đã dự thảo của kế hoạch *Trường biên Lịch sử Văn học Đài Loan* này mà lý giải, “văn học tiếng mẹ đẻ” (母語文學) chỉ là một phần trong các hiện tượng phát triển đa nguyên của văn học Đài Loan vào những năm 80 của thế kỷ 20 sau khi dỡ bỏ lệnh giới nghiêm. Trọng tâm của quyển sách này là ở chỗ trả lời, giải thích về thực tế của sự phát triển của đợt văn học tiếng mẹ đẻ này trong “Lịch sử văn học Đài Loan” (台灣文學史), chứ không phải viết về “Lịch sử văn học tiếng mẹ đẻ” (母語文學史), càng không phải là viết “Lịch sử của phong trào văn học tiếng Đài Loan” (台語文學(運動)史). Bởi thế, tôi luôn ép mình phải làm được những nguyên tắc như “sơ lược quá

khứ, chi tiết hiện tại”, “quan tâm đến tất cả thực tế của tiếng mẹ đẻ”, “lấy thực tế văn học làm chính, lấy sự thực lịch sử phong trào làm phụ”.

Đưa ra lý luận hoặc nguyên tắc rất đơn giản, nhưng mà để thực hiện một cách triệt để thì lại không dễ dàng chút nào. Bởi vì, sự phát triển của văn học tiếng mẹ đẻ sau Chiến tranh Thế giới thứ 2 cơ bản là lấy văn học tiếng Đài làm nòng cốt, ngôn ngữ tiếng Khách Gia và ngôn ngữ của các dân tộc bản địa khác không coi văn học tiếng mẹ đẻ là trọng tâm phát triển, vì thế nên những hoạt động và tác phẩm của văn học tiếng mẹ đẻ của họ rất chi là ít ỏi, khó mà có sự cân bằng về tỉ lệ. Còn sự phát triển của văn học tiếng Đài trên thực tế là kết quả của phong trào ngữ văn Đài, nhất là những tác gia ngữ văn Đài trong thời kỳ đầu, họ đều là những nhà hoạt động trong phong trào ngữ văn Đài, chúng ta không thể tách rời văn học tiếng Đài và phong trào ngữ văn Đài. Ngoài ra, những tác giả này phần lớn đều vì có quan điểm khác nhau về hệ thống chữ viết mà chia thành nhiều phe phái khác nhau, tiêu chuẩn mỹ học của họ đối với tác phẩm văn học tiếng Đài cũng thường có quan hệ mật thiết với quan điểm của phong trào ngữ văn Đài, nếu đưa toàn bộ các tác giả, tác phẩm đặt trong cùng một bối cảnh, một dòng chảy để trình bày hoặc đánh giá hay sắp xếp thứ tự, thì rất khó có được sự công bằng và thỏa đáng. Vì thế, tôi cố tình phân nhóm để xử lý cho công bằng. Hơn nữa, quá trình phát triển của văn học tiếng mẹ đẻ vốn không dài, đối với những tác phẩm hiện có tôi cố gắng trình bày rất thực tế, tránh việc đánh giá lịch sử

một cách vô đoán, chủ quan hoặc tuyệt đối; về thứ tự xuất hiện của các tác giả, tôi cố gắng thận trọng, cân nhắc thời gian sáng tác và chất lượng xuất bản của tác phẩm. Tại đây, tôi cũng đã gửi lời cảm ơn trân trọng nhất tới các thành viên trong ban đánh giá thẩm định, đồng thời cũng trả lời ý kiến đánh giá của từng người.

Viết xong quyển sách này, cảm xúc lớn nhất của tôi là điều mà Bành Thụy Kim (彭瑞金), Lý Kiều (李喬) lo lắng khi cho rằng “để xứng văn học tiếng Đài sẽ mang đến sự tri trệ và thảm họa cho văn học Đài Loan” đã không trở thành hiện thực, Trần Nhuộc Hi (陳若曦) lại cho rằng sáng tác bằng tiếng Đài là “không thể được”, cũng như sự mĩa mai tiếng Đài là “không cần thiết, không ra gì” của Hoàng Xuân Minh (黃春明) cũng không làm tắt được ngọn lửa nhiệt tình của các tác giả văn học Đài Loan. Sự phán đoán “có ngôn ngữ, không có văn học” của Trần Phương Minh (陳芳明) cũng cần phải xem xét lại. Trên thực tế, văn học tiếng mẹ đẻ của Đài Loan phát triển đến hiện nay, nhất là bộ phận tiếng Đài, đã đạt được những thành tựu bước đầu. Đương nhiên, trong tương lai, chỉ có càng vững mạnh hơn, không cần lo lắng nó sẽ bị mai một hoặc mất đi. Nếu nhìn lại lịch sử ngôn ngữ thế giới thì việc một ngôn ngữ sắp bị biến mất như tiếng Đài, sau mọi sự cố gắng trong 30 năm của chúng ta, đã có thể hồi phục sinh mệnh và sản sinh ra nền văn học của mình, là một ví dụ hiếm có trong lịch sử ngôn ngữ thế giới.

Trong quá trình biên soạn, đối với khái niệm “văn học tiếng mẹ đẻ” và vị trí của nó trong vị trí của lịch sử văn học

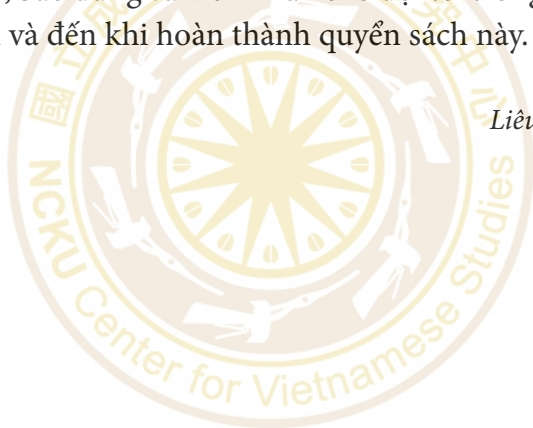
Đài Loan khiến tôi có nhiều trăn trở sâu sắc và cũng trưởng thành lên rất nhiều. Hôm nay, việc trình bày dưới dạng bản thảo cuốn sách này cũng có thể coi là một điều tâm đắc của cá nhân tôi đối với chủ đề các giai đoạn của văn học tiếng mẹ đẻ được đưa ra chia sẻ với mọi người, đương nhiên vẫn còn rất nhiều điều, nhiều chỗ cần phải thảo luận lại. Tôi xin cảm ơn dự án này của Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan đã để cho văn học tiếng mẹ đẻ có được vị trí nhất định trong lịch sử văn học Đài Loan. Tôi hy vọng đây là sự khởi đầu trong việc coi trọng sự phát triển của văn học tiếng mẹ đẻ. Kỳ vọng của tôi là có thể động viên càng nhiều người tham gia sáng tác văn học tiếng mẹ đẻ, ngày càng có nhiều tác phẩm mới chi tiết hơn nữa về lịch sử văn học tiếng mẹ đẻ hoặc lịch sử (phong trào) văn học tiếng Đài ra đời.

Cuối cùng, nhân dịp này, tôi nhất định phải cảm ơn Thi Tuấn Châu (施俊州) về hai tác phẩm lớn của ông: một tác phẩm là *Giới thiệu về văn học Đài Loan* (台語文學導論) đã xuất bản (Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan xuất bản năm 2011), một tác phẩm là *Niên biểu lịch sử phong trào văn học tiếng Đài* (台語文學運動史年表) chưa ra mắt. Tác phẩm đầu là tác phẩm bình luận về văn học tiếng Đài, sưu tập những tác phẩm văn học tiếng Đài đầy đủ nhất, đọc và nghiên cứu bình luận những tác phẩm văn học tiếng Đài nhiều nhất hiện nay. Sự giới thiệu và đánh giá của tác phẩm này về các tác phẩm văn học tiếng Đài có thể trở thành chỉ số thư mục và những bình luận tác phẩm của quyển sách này. Tác phẩm thứ hai là niên biểu tường tận nhất về lịch

sử phong trào văn học tiếng Đài, có thể dẫn dắt tôi trong cả quá trình phát triển của văn học tiếng mẹ đẻ và những bối cảnh văn hóa lịch sử liên quan, giúp tôi có thể quan sát một cách toàn diện và phong phú. Nếu không có hai tác phẩm kể trên, chắc chắn tôi sẽ không có cách nào hoàn thành quyển sách này.

Tất nhiên, tôi cũng vô cùng biết ơn chị Bội Dung, nghiên cứu viên ở Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, về sự cố gắng quan trọng của chị. Cảm ơn chị đã giúp đỡ, động viên, bao dung và kiên nhẫn chờ đợi tôi trong quá trình biên soạn và đến khi hoàn thành quyển sách này.

Liêu Thụy Minh
10/2013



GIỚI THIỆU ĐỘI NGŨ BIÊN SOẠN & BIÊN DỊCH

HỘI ĐỒNG BIÊN SOẠN:

Chủ tịch TS. **Tưởng Vi Văn** (*Chiung Wi-vun*)

Giáo sư Khoa Văn Học Đài Loan, kiêm Giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Nam, Đại Học Quốc Gia Thành Công

Ủy viên TS. **Nguyễn Đăng Điệp**

Viện trưởng Viện Văn Học thuộc Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam

Ủy viên TS. **Trần Lệ Quân** (*Tan Le-kun*)

Phó Giáo sư Khoa Văn Học Đài Loan, Đại Học Quốc Gia Thành Công

DỊCH GIẢ:

Lù Việt Hùng

Hội viên Hội Nhà Văn Đài Loan

Giảng viên tiếng Việt, Trung Tâm Ngoại Ngữ, Đại Học Quốc Gia Thành Công

Phạm Ngọc Thúy Vi

Tiến sĩ Khoa Văn Học Đài Loan, Đại Học Quốc Gia Thành Công

Giảng viên Khoa Nhân Học, Đại Học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh

Thái Thị Thanh Thủy

Thạc sĩ Khoa Văn Học Đài Loan, Đại Học Quốc Gia Thành Công

Giảng viên tiếng Việt, Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Nam, Đại Học Quốc Gia Thành Công

HIỆU ĐÍNH:

Trần Lý Dương

Phạm Hải Vân

Phạm Thị Cảnh

Đào Hương Thảo

QUY ƯỚC CHUNG

Theo nguyên tác tiếng Trung được xuất bản năm 2013

1. Trường biên lịch sử văn học Đài Loan (dưới đây gọi tắt là “Trường biên”) tổng cộng gồm 33 quyển, trong đó tất cả đều xoay quanh tiến trình phát triển của văn học Đài Loan, về số thứ tự của các quyển sẽ dùng chữ số La tinh, chia nhiều đợt xuất bản.

2. Mỗi cuốn “Trường biên” đều có tác giả riêng, mỗi quyển “Trường biên” đều có Lời nói đầu, niên biểu văn học (loại trừ mảng văn học truyền miệng của các dân tộc bản địa), tài liệu tham khảo và giới thiệu về tác giả.

3. Về thể lệ biên tập các quyển “Trường biên”, chúng tôi sẽ cố gắng thống nhất, nhưng cũng tôn trọng phong cách hành văn, một số cách dùng từ và dấu chấm câu của riêng từng tác giả.

4. Tùy vào nội dung mỗi quyển “Trường biên”, các tác giả sẽ bổ sung thêm phần “Đọc thêm” và “Tìm hiểu thêm” và đặt ở cuối các chương, nhưng do kết cấu của từng quyển, các phần này có thể được cho vào phần tài liệu tham khảo để người đọc dễ tìm hiểu.

QUY ƯỚC TRÌNH BÀY

Ngoài các quy tắc trình bày văn bản thông thường, ban biên tập có một số quy ước trình bày khác biệt sẽ được nói rõ dưới đây:

1. Viết hoa các tên đơn vị, tổ chức, dự án: Ngoài quy tắc viết hoa thông dụng các tên riêng chỉ người, địa danh, chúng tôi đặc biệt viết hoa các chữ cái đầu tiên trong tên tổ chức, đơn vị hay dự án, trừ những từ như “các”, “của”, “và”, “những”, “ở” v.v... để tiến gần tới tiêu chuẩn viết hoa trên thế giới. Ví dụ: Dự Án Nghiên Cứu Thời Kỳ Đầu Trường Biên của Lịch Sử Văn Học Đài Loan, Văn Phòng Liên Lạc của Đài Văn Thông Tấn tại Đài Loan.

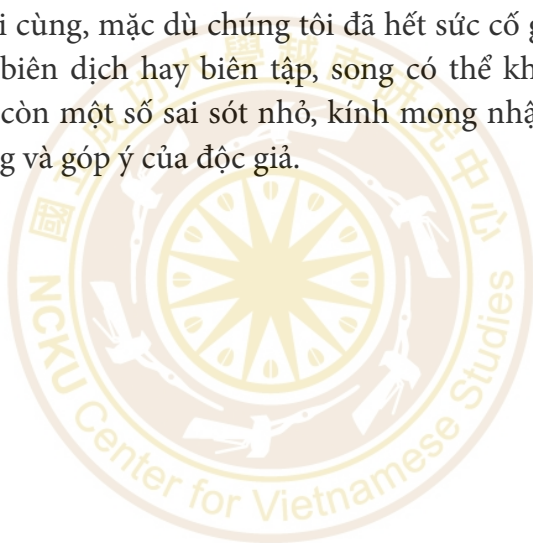
2. Viết in nghiêng: tên các ấn phẩm bằng tiếng Việt đã được in thành sách và xuất bản, ví dụ: *Nước mắt của mẹ*, *Vượt qua cái chết* v.v...; tên người nước ngoài, ví dụ: *Thomas Barclay*, *Sakai Tohru* v.v...; các từ ngoại lai chỉ địa danh giữ nguyên cách viết trong tiếng Anh, ví dụ: *New York*, *Canada*, *Iowa*, *Los Angeles* v.v...; các từ phiên âm La tinh của tiếng Đài, ví dụ: *Peh-oe-ji*, *Ka-tang*, *Penn-pou* v.v...

3. Các tên bài viết, tham luận hội thảo, cách dùng từ đặc biệt theo nguyên tác chúng tôi để trong ngoặc kép, ví dụ: “Chỉ có một con đường”, “Hai kiểu thương yêu”, “Anh ấy là chồng tôi”, “Nghiên cứu Văn học tiếng Đài trong tài liệu *Peh-oe-ji*”, “tam vị nhất thể” v.v...

4. Để tiện cho việc đối chiếu tên người, tác phẩm, tổ chức v.v... chúng tôi đã để song ngữ hoặc đa ngữ một số từ.

5. Phần chú thích dưới cuối trang (nếu có) gồm có chú thích theo nguyên tác và chú thích của dịch giả. Phần chú thích của dịch giả là nội dung giải thích chủ quan của từng dịch giả để giúp người đọc hiểu rõ hơn về khái niệm cụ thể nào đó.

Cuối cùng, mặc dù chúng tôi đã hết sức cố gắng trong công tác biên dịch hay biên tập, song có thể không tránh khỏi vẫn còn một số sai sót nhỏ, kính mong nhận được sự cảm thông và góp ý của độc giả.



CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT

Đài Loan là một hải đảo xinh đẹp nằm ở phía Tây Thái Bình Dương, các tộc người khác nhau di dân đến đây khai khẩn từ những vùng đất khác nhau và vào từng thời điểm khác nhau. Qua nhiều thời kỳ bị thực dân ngoại bang thống trị, Đài Loan đã viết nên trang sử đặc biệt của riêng mình. Trải qua sự đổi thay của nhiều chính quyền thống trị trong thời gian dài, tiếng mẹ đẻ của các tộc người trên hòn đảo này đã xảy ra hiện tượng đa ngôn ngữ trước sau trùng lặp, mới cũ hỗn hợp, tạo nên một nền văn hóa đa nguyên với rất nhiều loại ngôn ngữ.

Ngôn ngữ là tế bào của sinh thái văn hóa, đa ngôn ngữ là điều kiện rất tốt cho sức sống của một nền văn hóa. Đài Loan đáng ra có cơ hội “trời cho” như vậy, nhưng do chịu nhiều tầng thống trị áp bức, khiến tiếng mẹ đẻ của các tộc người ở Đài Loan dần dần bị thay thế bởi các ngôn ngữ ngoại lai có thế lực hơn, thậm chí gần như biến mất. Dưới sự thống trị của nhiều thể chế thực dân, ngay đến quyền cơ bản như “nói” và “nghe” tiếng mẹ đẻ của các tộc người còn là vấn đề nan giải, huống hồ là cơ hội phát triển hệ thống chữ viết hay cao hơn nữa là sáng tác văn học. Do đó, nếu bàn tới vấn đề văn học tiếng mẹ đẻ, không thể không bàn đến sinh thái, sự tồn vong, cũng như sự phát triển hệ thống chữ viết tiếng mẹ

đẻ của các tộc người Đài Loan.

I. Giá trị văn hóa của tiếng mẹ đẻ

Về mặt từ vựng, tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ mà một người từ khi sinh ra học được từ mẹ của mình, trong tiếng Anh gọi là *mother tongue*, tức là “ngôn ngữ đầu tiên” (*first language*) của loài người chúng ta; xét từ góc độ ngôn ngữ xã hội học, tiếng mẹ đẻ có thể phân thành tiếng mẹ đẻ cá nhân (*personal mother tongue*) và tiếng mẹ đẻ tộc người (*ethnic language*, hay còn được gọi là tiếng mẹ đẻ dân tộc *national language*). Thông thường, “ngôn ngữ đầu tiên” không những là tiếng mẹ đẻ cá nhân, mà còn là tiếng mẹ đẻ tộc người.¹ Tiếng mẹ đẻ tộc người là biểu trưng cơ bản nhất của một tộc người, do vậy, có người đã nhấn mạnh rằng “ngôn ngữ là cái gốc văn hóa của một tộc người”, nếu tiếng mẹ đẻ tộc người nào đó biến mất hay chết đi, đồng nghĩa với việc tuyên cáo rằng văn hóa của tộc người ấy đã bị tuyệt diệt.

Văn hóa là biểu hiện tổng thể phương thức sống của một tộc người. Mỗi tiểu tiết trong cuộc sống như sự việc, sự vật hay tình cảm, bao gồm hữu hình hay vô hình, trừu tượng hay cụ thể, đều được đặt tên, biểu đạt, ghi chép và tường thuật bằng tiếng mẹ đẻ. Ở một chừng mực nhất định, tiếng mẹ đẻ phản ánh phương thức tư duy và nhân sinh quan của một tộc người. Do đó, một khi không thể sử dụng tiếng mẹ đẻ của mình để biểu đạt, ghi chép các tiểu tiết trong cuộc sống, mà phải dựa vào một loại ngôn ngữ thay thế khác, có

1 Tường Vi Văn (蔣為文), *Ngôn ngữ, văn học và tái tưởng tượng quốc gia Đài Loan*, Đài Nam, Trung Tâm Nghiên Cứu Tiếng Đài, Khoa Văn Học Đài Loan, Đại Học Quốc Gia Thành Công, 2007, trang 203.

nghĩa rằng đặc trưng văn hóa của dân tộc đó đã bị thay thế bởi văn hóa của ngôn ngữ khác, tức là bị “đồng hóa” như người ta vẫn thường gọi. Trong lịch sử Đài Loan, sự biến mất của các ngôn ngữ vốn đã từng tồn tại trong các tộc người *Penn-pou*² là một ví dụ rõ ràng nhất. Đây cũng là lý do tại sao bất kỳ một tộc người nào khi gây dựng lại nền văn hóa của mình đều phải bắt đầu từ việc khôi phục tiếng mẹ đẻ. Cứu được tiếng mẹ đẻ, thì mới có hi vọng khôi phục được nền văn hóa.

Giới sinh thái học cho rằng, sự bảo tồn tế bào của thể giới sinh vật càng đa dạng, hệ sinh thái càng phong phú và càng có sức sống. Hệ sinh thái đa dạng nhất là hệ sinh thái mạnh mẽ nhất, thậm chí là có điều kiện tồn tại mãi mãi. Điều tương tự cũng phù hợp với những quan sát về văn hóa. Ngôn ngữ là tế bào của văn hóa, nếu bảo tồn được càng nhiều loại ngôn ngữ, văn hóa của thế giới này sẽ càng đa dạng và phong phú. Hệ sinh thái ngôn ngữ đa dạng nhất là hệ sinh thái văn hóa mạnh mẽ nhất và khó bị phá hoại nhất, cho dù bị phá hoại cũng khá dễ dàng hồi phục. Theo quan điểm trên, Tổ Chức Giáo Dục, Khoa Học và Văn Hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) vô cùng coi trọng vấn đề ngôn ngữ. Vì thế, vào năm 1996, tổ chức này đã công bố “Tuyên Ngôn Quyền Ngôn Ngữ Thế Giới” (*Universal Declaration of Linguistic Rights*) tại thành phố *Barcelona*, trong đó nhấn mạnh tất cả các loại ngôn ngữ đều có thể trở thành ngôn ngữ chính thức (*official language*). Năm 1999, tổ chức này tiếp tục

2 Chú thích của dịch giả: danh từ chỉ những dân tộc bản địa sinh sống ở vùng đồng bằng của Đài Loan.

ra quyết định từ năm 2000 trở đi sẽ lấy ngày 21 tháng 2 hằng năm làm Ngày Tiếng Mẹ Đẻ Thế Giới (*IMLD, International Mother Language Day*), đồng thời nhấn mạnh rằng ngôn ngữ không chỉ là yếu tố không thể thiếu của tài sản văn hóa nhân loại, mà còn là tiền đề cơ bản để gợi mở sức sáng tạo của con người và duy trì tính đa dạng của văn minh. Tổ chức này cũng lên tiếng kêu gọi các nước trên thế giới phải coi trọng sự tồn vong của tiếng mẹ đẻ một cách nghiêm túc, đồng thời phải tích cực nghiên cứu, bảo tồn và phát triển tiếng mẹ đẻ. Lời kêu gọi này đã nhận được sự đồng thuận của các học giả nhân loại học văn hóa (*cultural anthropology*) trên toàn thế giới, khi cho rằng tất cả các loại ngôn ngữ đều là di sản văn hóa chung của toàn nhân loại. Đối với nhân loại, tính đa dạng của văn hóa vô cùng cần thiết và không thể thiếu được, giống như tính đa dạng của sinh vật trong việc duy trì sự cân bằng sinh thái vậy. Do vậy, hiện nay, trên mọi ngóc ngách của thế giới này, mọi người đều tích cực triển khai hành động, các nước tiên tiến cũng lần lượt thành lập nhiều cơ quan bảo vệ ngôn ngữ, cung cấp kinh phí để khuyến khích tiến hành nghiên cứu, bảo tồn và phát triển các loại ngôn ngữ, đồng thời coi những hành động chú trọng tiếng mẹ đẻ là tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá trình độ văn minh của một quốc gia hiện đại.

II. Hiện trạng sử dụng tiếng mẹ đẻ của các tộc người ở Đài Loan

Đài Loan là một hòn đảo xinh đẹp với rất nhiều tộc người từ khắp nơi di cư đến khai khẩn, sinh sống, vốn đã có thể trở thành một kho tế bào tiếng mẹ đẻ phong phú,

một khu trưng bày điển hình về đa nguyên văn hóa. Chỉ tiếc rằng, từ khi đường hàng hải mới được khai thông vào cuối thế kỷ 15, do Đài Loan nằm ở vị trí địa lý có ưu thế đặc thù trên vùng biển Đông Á, nên hòn đảo này luôn trở thành đối tượng tranh giành của các thế lực như hải tặc và thương gia. Đầu tiên là những nước từ châu Âu vượt biển đến như Hà Lan, Tây Ban Nha, tiếp đến là các nước ở Đông Á như Trung Quốc và Nhật Bản. Do vậy, Đài Loan đã phải chịu nhiều tầng thống trị của thực dân trong mấy trăm năm như một định mệnh. Theo thông lệ, trước tiên chính quyền thực dân thống trị sẽ thay thế ngôn ngữ của thuộc địa, do đó mỗi lần thay đổi kẻ thống trị, người Đài Loan lại bị buộc phải thay đổi “Quốc ngữ” của mình, tiếng mẹ đẻ của các tộc người Đài Loan cũng chính vì thế mà bị tuyệt diệt tận cùng. Đến những năm 80 của thế kỷ 20, xã hội Đài Loan mới bùng lên “phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ”.

Lẽ ra, có bao nhiêu tộc người thì có bấy nhiêu loại ngôn ngữ, thậm chí nhiều hơn, ví dụ: Trung Quốc có 55 dân tộc thiểu số, sử dụng hơn 80 loại ngôn ngữ³. Vậy thì, trên mảnh đất Đài Loan tồn tại bao nhiêu loại ngôn ngữ?

Các dân tộc bản địa trên đảo quốc Đài Loan được chia thành những tộc người sống trên núi cao và những tộc người sống ở vùng đồng bằng. Những tộc người sống trên núi cao lại được chia thành những tộc người như *Atayal*, *Saysiat*,

3 Theo Trung Cộng Tân Hoa Xã, tin ngày 30/1/1991, Trung Quốc có 55 dân tộc thiểu số, sử dụng hơn 80 loại ngôn ngữ, trong đó có 23 dân tộc thiểu số có chữ viết riêng. *Trung Quốc Đại Lục*, 4/1991, trang 81. Vấn đề ngôn ngữ của các bộ lạc ở châu Phi càng phức tạp hơn.

Puyuma, Pangcah / Amis, Paiwan, Bunun, Tsou, Rukai, Tao / Yami, Taroko / Taruku, Sakiraya, Seediq. Những tộc người sống ở vùng đồng bằng chủ yếu tập trung sinh sống ở vùng núi thấp và đồng bằng, như *Ketagalan, Kavalan, Taokas, Pazeh, Papora / Papura, Babuza, Basay, Ita Thao, Kulon, Hoanya, Siraya, Makattao, Qauqaut* và *Taivoan*.

Những dân tộc bản địa này đều có tiếng mẹ đẻ riêng biệt. Nhiều học giả hiện nay đã dựa vào các manh mối của ngôn ngữ học để đưa ra suy đoán rằng, những tộc người sống trên núi cao và đồng bằng của Đài Loan, cùng với những người dân trên các đảo thuộc châu Đại Dương có thể cùng thuộc về chủng người của ngữ hệ Nam Đảo. Thậm chí Đài Loan là quê hương của các tộc người ngữ hệ Nam Đảo trên châu Đại Dương. Tất cả các loại ngôn ngữ Nam Đảo, tính từ đảo *Madagascar* ở phía Tây đến đảo Phục Sinh ở phía Đông, đều do tổ tiên họ xuất phát từ Đài Loan mang đến⁴. Trong đó, phần lớn những tộc người sống ở núi cao, do sinh sống ở vùng núi, thung lũng hay đảo nhỏ, nên vẫn giữ được một cách tương đối ngôn ngữ dân tộc và truyền thống văn hóa bộ lạc của mình; còn những tộc người sống ở vùng đồng bằng, do chịu sự xâm lược, đồng hóa không ngừng của những nhóm di dân nước ngoài (đặc biệt là người Hán), nên ngôn ngữ và văn hóa của họ dần dần biến mất, thậm chí bị tuyệt diệt.

Ngoài các dân tộc bản địa, từ thế kỷ 20 hoặc sớm hơn, đã có nhiều đợt người dân từ vùng Mãn Việt ven biển Đông

4 Tác giả *Jared Diamond*, Vương Đạo Hoàn (王道還) và Liêu Nguyệt Quyên (廖月娟) dịch, *Súng đạn, vi khuẩn bệnh và sắt thép: vận mệnh của xã hội loài người*, Đài Bắc, NXB Văn Hóa Thời Báo, 1998, trang 374.

Nam Trung Quốc vượt biển đến Đài Loan để khai khẩn. Trong đó, nhiều nhất là những người dân đến từ Tuyên Châu, Chương Châu của Mãn Nam, họ nói tiếng *Ho-lo*, tự xưng là người Mãn Nam. Còn những người đến từ Đông Việt nói tiếng Khách Gia, thường tự xưng là người Khách Gia (*Hak-ka*).

Sau Chiến tranh Thế giới thứ 2, những người Trung Quốc gồm thành phần như chính quân đảng⁵ đã theo chân chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng đến Đài Loan tiếp quản và những người phải chạy trốn khỏi chính quyền Đảng Cộng Sản vào những năm 50 của thế kỷ 20 để chạy theo Trung Quốc Quốc Dân Đảng “rút quân” về Đài Loan, cũng là một tộc người lớn ở Đài Loan. Những người này đến từ các tỉnh thuộc Trung Quốc, tuy rằng họ nói thứ phương ngữ của các tỉnh, nhưng họ đã quen gọi ngôn ngữ của mình là “Quốc ngữ”, và gọi ngôn ngữ được sử dụng phổ biến ở Đài Loan là “phương ngữ”.

Thực ra, trước chiến tranh, những người di dân từ hai vùng Tuyên Châu, Chương Châu đến Đài Loan là nhiều nhất, họ quen tự gọi ngôn ngữ mình sử dụng là “tiếng Đài Loan” (*Tai-oan-oe*), nhưng người Khách Gia lại gọi ngôn ngữ đó là “tiếng *Ho-lo*”; còn người Nhật Bản nhận thấy ngôn ngữ đó được nhiều người Đài Loan sử dụng nhất nên đã gọi là “tiếng Đài Loan” (たいわんご), để phân biệt với tiếng Khách Gia và tiếng mẹ đẻ của các dân tộc bản địa khác. Sau khi người Nhật Bản chiếm lĩnh Đài Loan, do yêu cầu của công cuộc

5 Chú thích của dịch giả: tên gọi tắt của đảng, chính quyền và quân đội.

thống trị, họ đã huấn luyện nhân viên cảnh sát an ninh học nói được tiếng Đài, đồng thời họ đã biên soạn các loại giáo trình tiếng Đài và *Đài Nhật Đại Từ Điển* (台日大辭典). Đây là một cách tiếp nhận rất tự nhiên tên gọi “tiếng Đài”, và tuyệt đối không hề nhầm lẫn với tiếng mẹ đẻ của các tộc người khác.

Sau chiến tranh, chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng đến Đài Loan và tiến hành chính sách Quốc ngữ. Đầu tiên, họ đã lấy “tiếng Bắc Kinh” đặt làm “Quốc ngữ”, đồng thời coi tiếng Đài là phương ngữ, thậm chí còn đổi từ “tiếng Đài” vốn rất thông dụng thành “tiếng Mân Nam”. Một mặt, tránh được phải dùng từ “Đài Loan”, mặt khác còn có thể nhấn mạnh chứng cứ văn hóa “Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc”. Vào những năm 80 của thế kỷ 20, khi mà các phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ nổi lên, người Đài Loan bắt đầu đấu tranh cho quyền được nói tiếng Đài Loan, tên gọi “tiếng Đài” đã phải đối mặt với vô vàn thử thách, ví dụ như những người dân bản địa nói rằng họ mới chính là người Đài Loan thực thụ và cho rằng ngôn ngữ họ sử dụng mới là “tiếng Đài Loan” hoặc “tiếng Đài”. Người Khách Gia cũng đòi sửa tên cho “tiếng Đài”, họ cho rằng “tiếng Ho-lo” chỉ là một trong những ngôn ngữ của “tiếng Đài Loan”, người Ho-lo không nên có tư tưởng “chủ nghĩa Sô vanh của người Ho-lo”⁶, độc chiếm tên gọi “tiếng Đài”. Thậm

6 Chú thích của dịch giả: chủ nghĩa Sô vanh (*Chauvinism*) là chủ nghĩa sùng bái tinh thần bè phái cực đoan, mù quáng trên danh nghĩa một nhóm (thường là một quốc gia hoặc một dân tộc), nhất là khi tinh thần bè phái đó có bao gồm cả sự thù hận chống lại một nhóm địch thủ.

chỉ có người còn cho rằng “tiếng Đài” nên chỉ tất cả các loại ngôn ngữ được các tộc người sử dụng ở Đài Loan, trong đó gồm có cả tiếng Bắc Kinh. Tóm lại, tiếng Đài không được sử dụng tên gọi là “tiếng Đài”.

Bất kể khái niệm tiếng Đài được định nghĩa như thế nào, thì ngôn ngữ này, cùng với các thứ tiếng mẹ đẻ của các tộc người ở Đài Loan, đã phải chịu sự hủy hoại ở mức độ khác nhau vào những thời điểm khác nhau, thậm chí bị tuyệt diệt, đó là thực tế. Ví dụ, tiếng mẹ đẻ của các dân tộc sống ở vùng đồng bằng đã bị lớp người Hán tiếp xúc đầu tiên đồng hóa và đã biến mất từ rất sớm. Tiếng mẹ đẻ của các dân tộc bản địa đến thời kỳ Nhật trị mặc dù vẫn gìn giữ được, nhưng đã được thêm vào rất nhiều thành phần tiếng Nhật. Tiếng Đài và tiếng Khách Gia do có số người sử dụng nhiều hơn, lại phụ thuộc vào cách viết chữ Hán, nên mặc dù phải trải qua sự đàn áp, đè nén của “chính sách Quốc ngữ (tiếng Nhật)” trong “phong trào Hoàng dân hóa”, nhưng sau khi chiến tranh kết thúc, chúng vẫn giữ được sức sống nhất định. Sau chiến tranh, việc thực thi giai đoạn mới “chính sách Quốc ngữ (tiếng Bắc Kinh)”, thông qua tính toàn diện của thể chế giáo dục và truyền thông báo đài, đã thu hẹp không gian tồn tại của “phương ngữ” (tiếng mẹ đẻ của các tộc người). Các ngôn ngữ mẹ đẻ của người Đài Loan dần dần biến mất trong giao tiếp của thế hệ trẻ, do đó “tiếng mẹ đẻ sẽ biến mất” đã trở thành nguy cơ có thể dự báo được.

III. Hệ thống chữ viết tiếng mẹ đẻ của các tộc người ở Đài Loan

Văn học là nghệ thuật của ngôn ngữ. Bất kỳ nền văn học nào cũng bắt đầu từ sáng tác và lưu truyền văn học truyền miệng, cho đến khi chữ viết được phát minh để ghi chép ngôn ngữ thì mới hình thành hệ thống chữ viết và phát triển sự sáng tác văn học trên phương diện chữ viết. Do đó, nếu chúng ta chấp nhận khái niệm văn học Đài Loan dùng để chỉ loại hình văn học được mỗi một tộc người ở Đài Loan sử dụng tiếng mẹ đẻ của riêng họ để sáng tác, thì phải chú ý đến những tác phẩm được các tộc người này sáng tác bằng những hình thức ngữ văn khác nhau và vào những giai đoạn khác nhau.

Trong lịch sử văn học Đài Loan từ trước đến nay, phần lớn các tác phẩm được viết bằng chữ Hán, hơn nữa lại tuân theo truyền thống văn học Trung Quốc một cách rất tự nhiên, vốn chỉ bàn thảo tới phần văn học chủ lưu⁷ (*mainstream literature*), còn về các mảng văn học truyền miệng, văn học dân gian, văn học đại chúng v.v... chỉ được trình bày sơ qua, hoặc xếp vào phạm trù văn học phi chủ lưu (*non-mainstream literature*) khác. Các tác phẩm văn học chữ *Peh-oe-ji*⁸ tiếng Đài càng chưa bao giờ được xếp vào phạm vi thảo luận của lịch sử văn học. Chỉ sau khi “văn học tiếng mẹ

7 Chú thích của dịch giả: từ dùng để chỉ dòng văn học có nhiều nhà văn và tác phẩm, không hề liên quan đến tính chính thống của bản thân dòng văn học đó.

8 Chú thích của dịch giả: đây là hệ thống chữ La tinh do các giáo sĩ người phương Tây tạo ra để ghi chép âm tiếng Đài.

đẻ” trở thành một chủ đề thảo luận, thì tất cả các tác phẩm được sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ mới được các nhà bình luận chấp nhận và đối diện với thực tế rằng dòng văn học này tồn tại, đồng thời cũng mới để ý đến yếu tố ngôn ngữ trong văn học. Do vậy, muốn thảo luận về văn học tiếng mẹ đẻ, trước tiên phải hiểu về sự phát triển hệ thống chữ viết tiếng mẹ đẻ của các tộc người ở Đài Loan.

Đài Loan giống với Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam, từ rất sớm đã nằm trong Vùng văn hóa chữ Hán (漢字文化圈) của Trung Quốc, nghĩa là sử dụng chữ Hán để viết ngôn ngữ của mình, hình thức ngữ văn chủ yếu là chữ Hán. Sau khi đường hàng hải được phát hiện vào thế kỷ 15, Đài Loan có cơ hội tiếp nhận “lễ rửa tội” của ngữ văn phương Tây và mới vô tình tiếp xúc với chữ viết La tinh để sau đó hình thành nên hai hệ thống chữ viết khác nhau.

1. Hệ thống chữ viết bằng chữ Hán

Trong lịch sử, từ sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất sáu nước và thực thi chính sách “thống nhất chữ viết”, Trung Quốc ngoài việc sử dụng chữ Hán để viết ra, đã không còn các loại chữ viết khác, cho dù có nhiều ngôn ngữ khác nhau. Các nước thuộc Vùng văn hóa chữ Hán do có quan hệ lịch sử qua lại lâu dài với Trung Quốc, nơi khởi phát của chữ Hán, nên từ rất sớm đã sử dụng chữ Hán để viết ngôn ngữ của mình, hơn nữa, việc viết chữ Hán ở nội bộ các quốc gia này đã hình thành thế lực với lợi ích vốn có vừa phong kiến vừa lũng đoạn tri thức, ngăn cản sự phát triển mang tính chủ thể của ngữ văn. Thậm chí, do có mối quan hệ này, các

quốc gia này mặc dù đã từng bị Trung Quốc trực tiếp thống trị, sau đó đã giành được độc lập, nhưng về mặt chính trị, lại luôn luôn phải duy trì địa vị “chư hầu” với Trung Quốc, về mặt văn hóa, cũng chịu sự chi phối của quan niệm “văn hóa chính thống Trung Nguyên”. Do vậy, các quốc gia này sau đó đều đã trải qua quá trình “loại bỏ chữ Hán” để đạt được “yếu tố bên ngoài” và hoàn toàn độc lập về chính trị và văn hóa.

Đài Loan vốn là một mắt xích trong Vùng văn hóa chữ Hán, nên về mặt chính trị và văn hóa, Đài Loan cũng khó có thể xa rời sự chi phối của quan niệm “văn hóa chính thống Trung Nguyên”. Tiếng Đài, tiếng Khách Gia và tiếng Quảng Đông, tiếng Thượng Hải, tiếng Sơn Đông v.v... đều bị coi là “phương ngữ của tiếng Hán”, và bị sát nhập vào hệ thống chữ viết bằng chữ Hán. Tiếng mẹ đẻ của các tộc người ở Đài Loan (bao gồm các tộc người dân tộc bản địa) tự cổ chí kim đều chỉ có một loại chữ viết duy nhất là chữ Hán. Sau chiến tranh, dưới chính sách Quốc ngữ, tất cả mọi thứ càng phải viết bằng chữ Hán mới càng chính thống, thậm chí ngay cả các dân tộc bản địa cũng đều nhận định dùng chữ Hán viết họ tên mới chuẩn.

2. Hệ thống chữ viết bằng chữ La tinh

Có thể chia quá trình phát triển của hệ thống chữ viết La tinh của Đài Loan thành hai thời kỳ: một là thời kỳ Hà Lan thống trị vào khoảng từ thế kỷ 17 đến đầu thế kỷ 19, xuất hiện hệ thống “chữ Tân Cảng” (新港文) do các giáo sĩ người Hà Lan sáng tạo ra để ghi âm tiếng nói của các dân tộc bản địa sống ở vùng đồng bằng. Hai là thời kỳ nửa sau thế kỷ

19 cho đến nay, tồn tại hệ thống chữ *Peh-oe-ji* do các giáo sĩ phương Tây sáng tạo ra để ghi âm tiếng Đài.

2.1. Hệ thống chữ Tân Cảng

Từ những tài liệu hiện có, tiếng mẹ đẻ của các dân tộc bản địa Đài Loan chưa từng có hệ thống chữ viết của riêng mình. Chỉ đến thời kỳ người Hà Lan chiếm đóng, khi các giáo sĩ truyền giáo đến Đài Loan, vì mục đích truyền giáo, họ đã sáng tạo ra một hệ thống chữ viết bằng ký tự La tinh cho người dân bản địa thời bấy giờ. Đây là loại văn tự có hệ thống đầu tiên xuất hiện trong lịch sử Đài Loan, cũng là hệ thống chữ viết La tinh đầu tiên.

Thời bấy giờ, phương pháp của các giáo sĩ truyền giáo là thông qua ngôn ngữ bản địa để truyền thụ giáo lý. Để sử dụng ngôn ngữ bản địa, các giáo sĩ đã tận dụng những ký tự chữ La tinh để sáng tạo ra một hệ thống chữ viết có thể miêu tả ngôn ngữ bản địa, lại vừa đơn giản dễ học. Hệ thống chữ viết La tinh này, một mặt có thể giúp các giáo sĩ ghi chép, học tập ngôn ngữ bản địa, mặt khác cũng có thể giúp người dân bản địa dễ dàng dùng ngôn ngữ của họ để viết sách Kinh Thánh và giáo lý Cơ Đốc.

Năm 1627, giáo sĩ người Hà Lan *Georgius Candidius* đến Đài Loan để truyền giáo ở xã Tân Cảng, Đài Nam. Năm 1636, ông cho mở trường học để dạy chữ La tinh cho các dân tộc bản địa sống ở vùng đồng bằng tại xã Tân Cảng và dùng tiếng Tân Cảng để dịch Kinh Thánh. Hệ thống chữ viết ký âm La tinh này chủ yếu ghi âm ngôn ngữ của tộc người *Siraya* (西拉雅族) sinh sống ở quanh Đài Nam, đại

bản doanh của người Hà Lan chiếm đóng thời đó. Do ảnh hưởng từ việc truyền giáo của người Hà Lan, nên tộc người *Siraya* sống gần Đài Nam đã học được cách sử dụng chữ La tinh để viết và đọc ngôn ngữ của mình để sử dụng trong cuộc sống. Sau khi Trịnh Thành Công (鄭成功) đánh đuổi người Hà Lan khỏi Đài Loan, mặc dù “chữ Hán” trở thành văn tự chính thống thời bấy giờ, nhưng chữ Tân Cảng với các ký tự La tinh vẫn được lưu truyền và sử dụng trong dân gian một thời gian sau đó. Trong một số tài liệu như *Chư La Huyện Chí* (諸羅縣志), “Hạ Đạm Thủy Xã Ký Ngữ” (下淡水社寄語) đã ghi chép lại loại “chữ của người tóc đỏ”, chứng minh loại chữ này đã từng được sử dụng.

Tuy nhiên, sau khi ngôn ngữ của tộc người *Siraya* dần dần bị mất đi, đến tận thế kỷ 19, các nhà khoa học mới phát hiện ra chứng cứ tộc người này đã từng sử dụng chữ La tinh trong quá khứ. Đó là những văn tự cổ được viết bằng chữ Tân Cảng, trong đó có trang được viết hoàn toàn bằng chữ Tân Cảng, cũng có trang được viết song song theo kiểu đối chiếu bằng chữ Tân Cảng và chữ Hán. Các văn tự cổ này phần lớn là những khế ước mua bán, thế chấp hay thuê mướn. Vì hầu hết các văn tự này được phát hiện tại vùng “Tân Cảng” (khu Tân Thị, thành phố Đài Nam hiện nay) nên các học giả đã đặt tên loại tài liệu đó là “Tân Cảng văn thư” (新港文書), một số người dân quen gọi là “*Hoan-a-khe*” (番仔契)¹⁰. Theo nghiên cứu của *Murakami Naojiro* (村上直次

9 Chú thích của dịch giả: người tóc đỏ là tên gọi mà người bản địa Đài Loan gọi người Hà Lan thời bấy giờ.

10 Chú thích của dịch giả: khế ước của người dân tộc bản địa.

郎), hiện nay còn khoảng 141 văn tự của Tần Cảng văn thư, trong đó văn tự được viết sớm nhất vào năm 1683, muộn nhất được viết vào năm 1813. Điều này cho thấy, ít nhất cho đến đầu thế kỷ 19 vẫn còn có người *Siraya* biết viết chữ Tần Cảng. Do tiếng *Siraya* được sử dụng để viết thời đó đã biến mất, nên bây giờ chúng ta gặp rất nhiều khó khăn để đọc các văn tự này, càng không thể bàn tới việc nghiên cứu văn học, có chăng cũng chỉ có thể xem như một loại tài liệu để lưu niệm mà thôi.

2.2. Hệ thống chữ *Peh-oe-ji*

Nếu nói sự xuất hiện của chữ Tần Cảng chứng tỏ rằng trên hòn đảo Đài Loan lần đầu tiên có những hoạt động truyền giáo từ nước ngoài đến, thì sự phát triển của chữ *Peh-oe-ji* lại tượng trưng cho sự tái phục hưng của các hoạt động truyền giáo nước ngoài tại Đài Loan kể từ khi người Hà Lan rời đi.

Từ sau khi người Hà Lan rút quân, các hoạt động truyền giáo của phương Tây đến Đài Loan tạm thời lắng xuống, cho đến nửa sau thế kỷ 19 mới bắt đầu trở nên rầm rộ. Năm 1858, nhà Thanh ký “Điều ước Thiên Tân” (天津條約), chính thức cho phép các giáo sĩ người nước ngoài đến Trung Quốc truyền giáo. Dưới bối cảnh lịch sử này, Thiên Chúa Giáo và Cơ Đốc Giáo đã lần lượt đến Đài Loan truyền giáo. Trong đó, có đóng góp nhiều nhất vào việc quảng bá chữ *Peh-oe-ji* là “Giáo Hội Trưởng Lão”, do bác sĩ *James L. Maxwell* (1836-1921) đi đầu, đã chính thức thành lập cơ quan truyền giáo tại Đài Nam vào năm 1865. Trước khi những giáo sĩ này đến

Đài Loan, họ đã hoạt động ở vùng Đông Nam Trung Quốc một thời gian dài và đã bắt đầu dùng chữ La tinh để sáng tạo ra hệ thống chữ viết cho tiếng Mân Nam và tiếng Khách Gia. Ví dụ như cuốn *Đường Thoại Phiên Tự Sơ Học* (唐話番字初學), sách dạy cách sử dụng chữ La tinh để viết tiếng Hạ Môn, được xuất bản vào năm 1852 tại Hạ Môn do *John Van Nest Talmage* (1819-1892) biên soạn. Bộ chữ La tinh này được gọi là “chữ *Peh-oe-ji*” hay “chữ La tinh Giáo Hội”. Gọi là “chữ *Peh-oe-ji*” là vì bộ chữ này là ngôn ngữ miêu tả tiếng nói trong đời sống thường nhật, người học có thể dễ dàng sử dụng chữ *Peh-oe-ji* để viết ra những lời họ nói, không giống như chữ Hán, phải học rất lâu mà vẫn không đọc được âm chuẩn.

Ban đầu, “chữ *Peh-oe-ji*” được sáng tạo ra vì mục đích truyền giáo, do vậy việc ứng dụng và xuất bản phần lớn đều có liên quan tới tôn giáo. Những ấn phẩm xuất bản bằng chữ *Peh-oe-ji* hoặc tài liệu ứng dụng cá nhân có thể chia làm 6 loại như sau: giáo trình dạy chữ *Peh-oe-ji*, từ điển hoặc từ điển chữ *Peh-oe-ji*; Kinh Thánh, sách hỏi đáp về giáo lý và sổ tay tuyên truyền; báo và tạp chí chữ *Peh-oe-ji*; các loại sách khác liên quan đến đề tài Triết học, Toán Lý, tiểu thuyết v.v... và những ghi chép hay thư từ cá nhân v.v...

Bắt đầu từ thế kỷ 18, có không ít từ (tự) điển chữ *Peh-oe-ji* được xuất bản, ví dụ như *Phúc Kiến Phương Ngôn Tự Điển* (福建方言字典) của *Water H. Medhurst* (1796-1857) xuất bản năm 1837; *Hạ Anh Đại Từ Điển* (廈英大辭典) của mục sư *Carstairs Douglas* (1830-1877) xuất bản năm 1837; hiện nay được sử dụng phổ biến nhất tại Đài Loan là cuốn *Hạ*

Môn Âm Tân Tự Điển (廈門音新字典) do mục sư William Campbell biên tập, được Nhà Xuất Bản Công báo Giáo Hội ở Đài Nam phát hành vào năm 1913.

Cuốn Kinh Thánh Tân Ước bằng chữ *Peh-oe-ji* đầu tiên là *Kinh Tân Ước của Chúa Cơ Đốc Ki-tô của chúng ta* (*Lan e Kiu-chu Ia-sou Ki-tok e Sin-iok*) được xuất bản vào năm 1873, *Kinh Thánh Cựu Ước* (*Ku-iok e Seng Keng*) được xuất bản vào năm 1884. *Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo* (台灣府城教會報)¹¹, một tờ báo được viết bằng chữ *Peh-oe-ji* do mục sư Thomas Barclay phát hành năm 1885, đã đóng góp vô cùng lớn khiến cho chữ *Peh-oe-ji* được sử dụng rộng rãi trong Giáo Hội ở Đài Loan vào thời gian đầu. Nội dung các ấn phẩm sử dụng chữ *Peh-oe-ji* ngoài liên quan trực tiếp đến tôn giáo ra, còn có một số chủ đề không hề liên quan đến giáo lý tôn giáo. Ví dụ như cuốn *Toán học Sơ cấp* (筆算的初學) của Rev. William MacGregor (*Ge Ui-Lim*倪為林) xuất bản vào năm 1897; Cuốn *Nội Ngoại Khoa Khán Hộ Học* (*Lai Goa Kho Khan-hou-hak*, tên tiếng Anh *The Principles and Practice of Nursing*) của G. Gushue-Taylor xuất bản năm 1917; Cuốn tiểu thuyết *Vượt qua cái chết* (*Chhut Si-Soann*) của Trịnh Khê Phán (鄭溪泮) xuất bản vào năm 1926; Cuốn phê bình xã hội *Mười điều khuyên* (*Chap-hang Koan-kian*) của Thái Bồi Hỏa (蔡培火) xuất bản năm 1925.

Thông thường, sau khi các tín đồ học viết chữ *Peh-oe-ji* ở Giáo Hội xong, họ sẽ sử dụng loại chữ viết này trong cuộc sống hàng ngày, ví dụ như viết thư cho con cái, viết nhật ký,

¹¹ Chú thích của dịch giả: Đây là tờ báo đầu tiên sử dụng chữ La tinh ở Đài Loan. Phủ Thành là tên gọi cũ của Đài Nam.

hoặc ghi chép việc lớn nhỏ trong cuộc sống. Trước những năm 70 của thế kỷ 20, chữ *Peh-oe-ji* vẫn được sử dụng phổ biến trong Giáo Hội ở Đài Loan; Sau đó, do ảnh hưởng của chính trị và “chính sách Quốc ngữ”, số người sử dụng loại chữ này mới dần dần ít đi.

Mặc dù chữ *Peh-oe-ji* được tạo ra nhằm phục vụ cho mục đích tôn giáo trong thời gian đầu, nhưng sau những năm 80 của thế kỷ 20, theo đà phát triển của các phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ ở Đài Loan, giới sĩ phu bản địa Đài Loan đã mạnh mẽ hô hào khẩu hiệu “miệng nói tiếng Đài, tay viết chữ Đài”, do vậy, hiện nay có rất nhiều tổ chức hoặc cá nhân vẫn tiếp tục sử dụng chữ *Peh-oe-ji* hoặc chữ *Peh-oe-ji* cải tiến để viết chữ Đài và không chỉ dừng lại trong phạm vi viết về các sự việc tôn giáo nữa. Do có sự đa dạng hóa bởi việc tham gia sáng tác bằng chữ Đài của các tác giả này, khiến cho phạm vi ứng dụng “chữ *Peh-oe-ji*” cũng thoát ra khỏi đề tài Giáo Hội và truyền giáo để đến với thế giới bên ngoài.

IV. Nguồn gốc dòng văn học tiếng mẹ đẻ của các tộc người ở Đài Loan

Ngôn ngữ là nguyên tố cơ bản để sáng tác văn học, giống như vai trò của các nốt nhạc đối với âm nhạc, hay như nguyên liệu vẽ tranh đối với hội họa. Mỗi người sử dụng tiếng mẹ đẻ của mình để sáng tác văn học, vốn dĩ là một việc quá đỗi tự nhiên. Trước khi hệ thống chữ viết chưa hình thành, có một khoảng thời gian dài, các tộc người đều trực tiếp sử dụng tiếng mẹ đẻ để ca hát, thờ cúng, truyền miệng

các câu chuyện thần thoại, truyền thuyết, câu chuyện dân gian của dân tộc mình. Những hành vi như vậy đều thuộc văn học dân gian truyền miệng. Đặc trưng của loại hình văn học này gồm có: 1. Không có tác giả cụ thể hay thời gian sáng tác chính xác; 2. Có nhiều dị bản do lưu truyền qua lại; 3. Sau này được điều tra và sưu tầm lại, được ghi chép thành tài liệu theo cách hiểu, ngôn ngữ và loại chữ viết của người nghiên cứu.

Trong khái niệm văn học Trung Quốc truyền thống, sự khác biệt của ngôn ngữ các tộc người chưa bao giờ là chủ đề được quan tâm, do vậy, cũng không hề có cái gọi là “văn học tiếng mẹ đẻ”. Cho dù vào những năm 30 của thế kỷ 20, khi diễn ra “bút chiến”¹² về ngôn ngữ và chữ viết Đài Loan, chủ đề của những cuộc tranh luận này cũng lắm là về các vấn đề như nội dung và hình thức của văn học, hay vấn đề về chữ viết như “lời nói” phải được “viết” như thế nào. Cho đến sau khi phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ nổ ra vào những năm 80 của thế kỷ 20, khái niệm “văn học tiếng mẹ đẻ” mới bắt đầu được hình thành rõ nét.

Dưới sự “tàn phá” theo từng giai đoạn của “chính sách Quốc ngữ”, tiếng mẹ đẻ của người Đài Loan dần biến mất là điều tất yếu, không thể nào có cơ hội phát triển hệ thống chữ viết thông qua thể chế nhà nước, đương nhiên càng không có cơ hội sử dụng hệ thống chữ viết để sáng tác văn học. Do đó, không chỉ các nhà văn tiếng Đài, tiếng Khách Gia sử dụng hệ thống chữ Hán để sáng tác, mà ngay cả phần lớn các

12 Chú thích của dịch giả: chỉ cuộc tranh luận bằng các bài viết của những người bất đồng ý kiến.

nhà văn thuộc các dân tộc bản địa cũng phải dùng chữ Hán để sáng tác văn học. Khái niệm “văn học tiếng mẹ đẻ” phải đến mãi sau này mới bắt đầu được hình thành. Trước những năm 80 của thế kỷ 20, các tộc người sáng tác văn học bằng tiếng mẹ đẻ chủ yếu là ca dao, truyền thuyết, truyện dân gian và thần thoại được lưu truyền trong dân gian. Trong đó, các tác phẩm này đều do người đời sau sưu tầm và ghi chép lại và thường được xếp vào phạm trù văn học dân gian truyền miệng, mà không được đưa vào lịch sử văn học Đài Loan để thảo luận chuyên sâu. Chỉ có phần tiếng Đài, nhờ có được hệ thống chữ viết *Peh-oe-ji* và sự lưu thông của các văn bản trong ca nhạc và sân khấu của thị trường giải trí, hơn nữa các văn bản lại có mối quan hệ tương hỗ với việc sáng tác văn học tiếng Đài về sau, nên nó đã được liên kết như một chủ đề của văn học Đài Loan.

V. Tổng kết chung

Cuốn sách này là một phần của *Trường biên lịch sử văn học Đài Loan*, chú trọng đến việc trần thuật thực tế phát triển của nền văn học tiếng mẹ đẻ sau khi phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ được phát động vào những năm 80 của thế kỷ 20. Bởi vì trước những năm 80, hệ thống chữ viết ngôn ngữ mẹ đẻ chỉ là những sáng tác được hình thành một cách tự nhiên trước khi ý thức về tiếng mẹ đẻ được thức tỉnh, những người sáng tác cũng không đặc biệt nhấn mạnh ý thức viết bằng tiếng mẹ đẻ một cách cụ thể. Sau những năm 80, khi mà các phong trào vận động phục hưng tiếng mẹ đẻ nổ ra, họ mới bắt đầu có ý thức rõ về “văn học tiếng mẹ đẻ”. Trong

đó phần văn học tiếng Đài có người tham gia đông hơn, tranh luận cũng nhiều, thành quả văn học cũng tương đối phong phú, số lượng sáng tác vì thế đương nhiên cũng nhiều hơn. Thậm chí điều này đã gây ra sự “xung đột” với nội hàm của khái niệm chung là “văn học Đài Loan”. Cuốn sách này tập trung vào các nội dung chính như quá trình phát triển của phong trào tiếng mẹ đẻ, các chủ đề gây tranh cãi trong quá trình đó, sự hình thành của các nhóm sáng tác văn học tiếng mẹ đẻ, giới thiệu các tác phẩm và tác gia của nền văn học tiếng mẹ đẻ.

ĐỌC THÊM

1. Trương Phục Tụ, “Ngày tiếng mẹ đẻ thế giới”, *Tự Do Thời Báo*, 19/1/2001, bản 15.
2. David Crystal, Chu Ủy dịch, *Cái chết của ngôn ngữ*, Đài Bắc, NXB Chim cú mèo, 2001.
3. Tưởng Vi Văn, *Ngôn ngữ, sự tự nhận thức và phi thực dân hóa*, Đài Nam, Trung Tâm Nghiên Cứu Tiếng Đài, Khoa Văn Học Đài Loan, Đại Học Quốc Gia Thành Công, 2005.
4. Tưởng Vi Văn, *Ngôn ngữ, văn học và sự tưởng tượng lại về quốc gia Đài Loan*, Đài Nam, Trung Tâm Nghiên Cứu Tiếng Đài, Khoa Văn Học Đài Loan, Đại Học Quốc Gia Thành Công, 2007.
5. Jared Diamond, Vương Đạo Hoàn, Liêu Nguyệt Quyên dịch, *Súng đạn, vi khuẩn bệnh và sắt thép: vận mệnh của xã hội loài người*, Đài Bắc, NXB Văn Hóa Thời Báo, 1998.

CHƯƠNG 2

NỀN VĂN HỌC TIẾNG MẸ ĐỂ ĐÀI LOAN TRƯỚC KHI Ý THỨC TIẾNG MẸ ĐỂ ĐƯỢC THỨC TỈNH

Nguyên tố sáng tác văn học cơ bản nhất chính là ngôn ngữ, khởi nguyên của văn học đều bắt nguồn từ sự sáng tác tập thể và truyền miệng. Phải đợi đến sau khi hệ thống chữ viết được xây dựng, mới có thể phát triển văn học cá nhân và văn học chữ viết. Nền văn học của các tộc người Đài Loan cũng bắt đầu từ sáng tác tập thể và truyền miệng, trải qua thời kỳ truyền giáo của giáo sĩ nước ngoài, di dân từ Trung Quốc và sự thống trị của Nhật Bản, các hệ thống chữ viết được du nhập vào Đài Loan, sau đó mới dần dần hình thành nền văn học chữ viết. Nếu chúng ta đồng ý với luận điểm rằng những loại hình văn học được tất cả các tộc người sinh sống tại Đài Loan sáng tác bằng chính ngôn ngữ mẹ đẻ của mình đều được quy nạp vào phạm trù lịch sử văn học Đài Loan, thì đồng thời cũng phải sẵn sàng tiếp nhận các văn bản văn học tiếng mẹ đẻ của các tộc người sáng tác bằng Hán tự và phi Hán tự.

Trước khi ý thức về tiếng mẹ đẻ được thức tỉnh, ngoài những sản phẩm văn học dân gian truyền miệng của các tộc

người như truyền thuyết, văn tế, ca dao, thực ra người Đài Loan đã sáng tác văn học bằng tiếng mẹ đẻ, chỉ là họ không hề dựa trên nền tảng ý thức thức tỉnh tiếng mẹ đẻ, ví dụ: câu chuyện truyền thuyết dân gian, nghệ thuật hát nói của các nghệ nhân dân gian, văn học chữ *Peh-oe-ji* được phát triển bởi Giáo Hội Trưởng Lão Đài Loan, các bài hát thị trường bằng tiếng Đài, các vở kịch sân khấu tiếng Đài và các bộ phim điện ảnh tiếng Đài. Đặc điểm chung của các tác phẩm này là đều được sáng tác và biểu diễn bằng phương thức truyền miệng, văn bản chữ viết chỉ tồn tại một cách lệ thuộc. Có một số tác phẩm được biểu diễn bằng phương thức truyền miệng, sau đó mới được ghi chép lại bằng chữ Hán thông dụng để lưu lại tham khảo, giống như những ghi chép được tìm thấy khi điều tra điền dã. Có một số tác phẩm mặc dù được viết trực tiếp bằng chữ La tinh, nhưng chỉ được lưu thông trong Giáo Hội với phương thức như là một loại hình văn hóa thứ yếu. Tóm lại, những tác phẩm sử dụng hình thức “phương ngữ”, không sử dụng hình thức chữ viết chính thống là chữ Hán, khi ra đời, thông thường được xếp vào loại hình văn học dân gian hay văn học thông tục, thậm chí là bị xếp vào phạm trù biểu diễn nghệ thuật. Từ trước đến nay, chúng chưa bao giờ được giới văn học chủ lưu thừa nhận, càng không có cơ hội được đưa vào lịch sử văn học Đài Loan để cùng thảo luận như nền văn học chủ lưu.

Trong quá trình chúng tôi sắp xếp tiến trình phát triển “văn học tiếng mẹ đẻ” của văn học Đài Loan, thì những tác

phẩm vốn không được thừa nhận tư cách văn học hay không được coi trọng này lại là những chứng cứ văn học vô cùng quan trọng, trong đó có rất nhiều tài liệu mà sau khi chúng tôi đánh giá lại giá trị của văn học tiếng mẹ đẻ mới được “khai quật”. Những tác phẩm này, theo chúng tôi nhận định và gọi tên là dòng văn học tiếng mẹ đẻ của Đài Loan trước khi ý thức tiếng mẹ đẻ được thức tỉnh, để phân biệt với dòng văn học tiếng mẹ đẻ phát triển vào những năm 80 của thế kỷ 20 khi sau khi phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ bùng nổ.

Trước khi phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ trở nên rầm rộ, ngoài văn học tiếng mẹ đẻ truyền miệng ra, số người sáng tác văn học tiếng mẹ đẻ nhiều nhất là những người sử dụng tiếng Đài. Các thể loại họ sáng tác cũng đa dạng nhất, ngoài những tác phẩm thơ từ cổ điển truyền thống viết bằng Hán tự, sáng tác văn học mới hiện đại, còn có: 1. Dòng văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài truyền thống phát triển trong môi trường Giáo Hội Trưởng Lão Cơ Đốc Giáo và những đơn vị liên quan từ thế kỷ 19 đến nay, trong đó trung tâm là *Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo* (台灣府城教會報); 2. Những cuốn sách *Koa-a-chheh*¹³ lưu truyền trong dân gian ra đời vào thời kỳ Nhật trị và những tác phẩm văn học tiếng Đài được viết bằng Hán tự, ra đời trong khoảng thời gian từ sau phong trào văn học mới của Đài Loan đến nay; 3. Những văn bản có tính chất biểu diễn của các bài hát thịnh hành tiếng Đài và nghệ thuật sân khấu tiếng Đài xuất hiện sau Chiến tranh Thế giới thứ 2.

13 Chú thích của dịch giả: một loại sách hát nói của Đài Loan.

Trong phần này, xin lần lượt trình bày quá trình phát triển của văn học tiếng mẹ đẻ Đài Loan trước khi ý thức tiếng mẹ đẻ được thức tỉnh như sau.

I. Văn học tiếng mẹ đẻ truyền miệng

Từ trước đến nay, các tộc người của Đài Loan sáng tác văn học dưới những hình thức khác nhau bằng tiếng mẹ đẻ của mình một cách rất tự nhiên.

Các dân tộc bản địa đã sử dụng văn học truyền miệng như thần thoại, truyền thuyết, ca dao để ghi chép, ca ngợi khởi nguyên lịch sử vinh quang của tộc người mình, truyền lại những kinh nghiệm văn hóa ứng xử với tự nhiên cũng như trí tuệ của tổ tiên các đời được tích lũy trong quá trình sinh tồn. Nhưng trước khi hệ thống chữ viết tiếng mẹ đẻ được hình thành, những tác phẩm văn học mà họ sáng tác chỉ có thể được lưu truyền bằng hình thức truyền miệng. Sau này, những tác phẩm đó mới được các chuyên gia học giả người trong tộc hoặc ngoại tộc điều tra và sưu tập, đồng thời sử dụng chữ Hán hay chữ Nhật ghi chép, truyền lại dưới hình thức văn bản văn tự và được xếp vào thể loại văn học dân gian.

Trước khi bị văn hóa Hán xâm nhập, văn hóa của các tộc người sinh sống ở vùng đồng bằng của Đài Loan đã có rất nhiều ca khúc, điệu múa, nghi thức cúng tế và phong tục văn hóa đặc sắc được lưu truyền trong các tộc người khác nhau bằng hình thức truyền miệng dân gian. Sau khi người Hán di cư tới Đài Loan, dù vô tình hay cố ý họ đã tiến hành thu thập những nét văn hóa này một cách đơn lẻ, sau đó dùng chữ Hán dịch âm, thêm phần chú giải bằng chữ Hán, ghi chép vào các tài liệu lịch sử chữ Hán với hình thức khác

nhau, ví dụ như cuốn *Tỉ Hải Kỷ Du* (裨海紀遊) của Úc Vĩnh Hà (郁永河), cuốn *Đài Hải Sử Sai Lục* (台海使槎錄) của Hoàng Thúc Cảnh (黃叔璥) và một số ghi chép trong sách địa chí. Tuy nhiên, những tài liệu này không thể phản ánh thực trạng ngôn ngữ chữ viết của họ, một khi ngôn ngữ của họ đã chết hay biến mất, hiện nay những ghi chép này chỉ là một chồng “thiên thư” không ai đọc hiểu, thậm chí cũng không phải là văn học truyền miệng, cùng lắm là để cho người đời sau ngưỡng vọng thông qua sự chú giải bằng chữ Hán.

Ngoài những tài liệu lịch sử kể trên, loại tài liệu ghi chép chân thực liên quan đến văn hóa của các tộc người sinh sống ở vùng đồng bằng được lưu truyền đến nay và khá có giá trị là “Tân Cảng văn thư” (新港文書).

Đầu thế kỷ 17, người Hà Lan thống trị Đài Loan, những nhà truyền giáo người Hà Lan theo Công Ty Đông Ấn Hà Lan đến Đài Loan để truyền giáo. Nhờ có nguyên cơ này, hệ thống chữ viết La tinh được du nhập để viết tiếng *Siraya*, và đã để lại một số tác phẩm văn học Kinh Thánh được phiên dịch thời bấy giờ và một số giấy tờ ghi chép cuộc sống của các dân tộc bản địa sống ở vùng đồng bằng. Những tài liệu này đến thế kỷ 19 mới được phát hiện, nhưng do tiếng *Siraya* hầu như đã thất truyền¹⁴, nên ngày nay không còn ai có thể đọc được. Chúng ta chỉ có thể coi những văn bản cổ này như

14 Chú thích của dịch giả: đây là quan điểm theo nguyên gốc của cuốn sách được xuất bản vào năm 2013, lúc đó tiếng *Siraya* được coi là đã biến mất. Nhưng hiện nay, với sự nỗ lực chung của nhiều học giả và cộng đồng người *Siraya*, ngôn ngữ này đã được khôi phục và nhận được sự quan tâm của giới học thuật.

những đồ cổ, di tích để ngắm, cũng không thể coi đó là văn học tiếng mẹ đẻ. Hơn nữa, trong những văn bản hiện còn giữ được này, ngoài những giấy tờ khế ước mua bán đất đai và văn bản mang tính chất tôn giáo ra, vẫn chưa tìm thấy bất cứ một tác phẩm văn học nào, không thể võ đoán rằng tộc người *Siraya* có sử dụng hay không hệ thống chữ viết này để sáng tác văn học vào thời kỳ đó.

Sau khi người Hà Lan thống trị Đài Loan, chính quyền gia tộc Trịnh Thành Công đặt chân tới Đài Loan, mang theo hệ thống chữ Hán. Thời bấy giờ, Thẩm Quang Văn (沈光文) được tôn sùng như một nhà thơ đầu tiên có thành tựu trong văn học sử Đài Loan, thậm chí có người đã nói một cách khoa trương rằng: “Xưa nay, Đài Loan không có người, Tư An (Thẩm Quang Văn) đến mới có người; Đài Loan không có văn chương, Tư An đến mới có văn chương”¹⁵. Từ đó đã mở ra thời kỳ văn học cổ điển Đài Loan, bất kể người thuộc dân tộc nào, sử dụng ngôn ngữ nào, đều có thể viết và sáng tác bằng chữ Hán. Trong vòng khoảng 250 năm nằm dưới sự thống trị của vương triều gia tộc Minh Trịnh đến đế quốc nhà Thanh, tất cả người dân Đài Loan đều phải tiếp nhận nền giáo dục chữ Hán, bước vào “Vùng văn hóa chữ Hán” một cách toàn diện.

Không chỉ người Hán di cư từ Trung Quốc đến, ngay cả những dân tộc bản địa sinh sống ở vùng núi và vùng đồng bằng cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa chữ Hán.

15 Đây là lời của Quý Kỳ Quang, Tri Huyện Chư La nhiệm kỳ thứ nhất trong thời kỳ nhà Thanh, đọc bản chú giải tiếng Nhật của Diệp Thạch Đào cuốn *Đài Loan Văn Học Sử Cương*, Cao Hùng, NXB Xuân Huy, 9/2010, trang 3.

Họ kết hôn với người Hán, đổi họ tên chữ Hán, học chữ Hán và gần như bị Hán hóa hoàn toàn. Mặc dù cuộc sống thường nhật của các tộc người Đài Loan vẫn sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, nhưng bởi chìm ngập trong văn hóa chữ Hán, nên việc viết lách và ghi chép đều sử dụng chữ Hán, đặc biệt là những nhóm dân cư sử dụng tiếng Đài Loan và tiếng Khách Gia. Họ càng tự nhận mình là người Hán, quen sử dụng ngôn ngữ và chữ viết Hán để sáng tác thơ ca cổ điển truyền thống và văn học hiện đại mới. Còn những sáng tác văn học truyền miệng dân gian, chúng đều được lưu lại dưới dạng văn bản chữ Hán thông dụng, hoặc được người đời sau điều tra, sưu tầm và tiếp tục dùng chữ Hán để chuyển đổi thành tư liệu lịch sử, sau đó được xếp vào loại hình văn học dân gian trong nền văn học Trung Quốc. Từ trước đến nay, chưa từng có học giả nào đặc biệt nhấn mạnh đến sự tồn tại của việc sáng tác “văn học tiếng mẹ đẻ”.

II. Văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài

Nửa sau thế kỷ 19, những nhà truyền giáo phương Tây đến Đài Loan, vì mục đích truyền giáo, họ tiếp tục đưa chữ La tinh vào hệ thống chữ viết tiếng mẹ đẻ một lần nữa. Lần này là viết tiếng Đài, ngôn ngữ có số dân sử dụng nhiều nhất ở Đài Loan, vì vậy, loại chữ này còn có tên gọi là “chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài”, vì nó chỉ lưu thông trong hệ thống Giáo Hội, nên có người cũng gọi là “chữ La tinh Giáo Hội”. Những người thuộc nhóm tiếng Đài đã sử dụng hệ thống chữ viết này để viết lách, sáng tác, nên đã hình thành văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài nằm ngoài văn học chữ Hán, song, chỉ là

có thêm một loại chữ viết nữa bên cạnh chữ Hán, chữ vẫn chưa có ai gọi tên dòng văn học này là “văn học tiếng mẹ đẻ”.

1. Tài liệu *Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo* và văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài

Cuối thế kỷ 19, các nhà truyền giáo Cơ Đốc phương Tây đến Đài Loan đã quyết định sử dụng hệ thống chữ viết chữ *Peh-oe-ji* để truyền bá Phúc Âm và thúc đẩy các công việc trong Giáo Hội. Họ tiến hành công tác giáo dục đọc viết cơ bản đối với các tín đồ, giúp những tín đồ chưa biết chữ thời bấy giờ có thể đọc được Kinh Thánh, hiểu được giáo lý. Tiếng Đài do vậy đã được xây dựng thành một hệ thống chữ viết ổn định, tiến thêm một bước phát triển lên thành dòng văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài mà trong đó trung tâm là *Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo*.

Năm 1880, bác sĩ *James Laidlaw Maxwell* (1836-1921), từ nước Anh đến Phủ Thành¹⁶ truyền giáo và đã tặng cho Giáo Hội một chiếc máy in kèm phụ kiện. Đây là chiếc máy in đầu tiên sử dụng chữ rời ở Đài Loan. Sau khi máy in và phụ kiện (bao gồm 11 thùng gồm giá xếp chữ, chữ chì đúc) được vận chuyển tới Đài Loan, mục sư *Thomas Barclay* (1849-1935) ngay lập tức đã bắt tay vào công việc xây dựng hiệu sách và in ấn sách báo. Ông về Anh học kỹ thuật nhật chữ, xếp bản in. Sau khi quay lại Đài Loan năm 1884, ông đã hoàn thành ngay việc lắp ráp máy in và bắt đầu công tác in ấn. Mục sư *Thomas Barclay* đặt tên cho nhà sách mới thành lập là “Tụ Trân Đường” (聚珍堂), hiện nay là “Hiệu Sách Tân

¹⁶ Chú thích của dịch giả: tên gọi cũ của thành phố Đài Nam.

Lâu” (新樓書房). Ngoài việc in ấn Kinh Thánh chữ *Peh-oe-ji*, công hiến lớn nhất của chiếc máy in này chính là in ấn báo giấy, chính là tờ *Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo* do mục sư *Thomas Barclay* phát hành số đầu tiên vào tháng 7 năm 1885 (hiện nay là *Đài Loan Giáo Hội Công Báo*). Đây là tờ báo giấy, phương tiện truyền thông bằng báo chí in đầu tiên được phát hành tại Đài Loan. Cho đến trước năm 1969, đây là tờ báo tiếng Đài duy nhất hoàn toàn sử dụng chữ *Peh-oe-ji*.

Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo được phát hành kéo dài qua ba thế kỷ và vẫn được tiếp tục cho đến ngày nay. Mặc dù mục đích phát hành ban đầu là để tuyên truyền giáo lý và làm công cụ liên lạc giữa nội bộ Giáo Hội, song, bên cạnh đó, tờ báo này cũng tranh thủ đưa văn minh hiện đại của phương Tây du nhập vào Đài Loan, đồng thời ghi chép lại bề dày lịch sử và văn hóa phong phú của Đài Loan từ cuối thế kỷ 19 đến nay. Đây là tài liệu lịch sử vô cùng quan trọng bên cạnh những tài liệu chữ Hán. Quan trọng nhất là những tin tức ký sự, phê bình văn học, luận thuyết tôn giáo và nhiều hơn cả là tác phẩm văn học trong đó gồm có thơ, tản văn, tiểu thuyết v.v... được đăng trên *Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo* đã lưu giữ một cách trung thực về từ ngữ tiếng Đài đương thời, cung cấp nguồn ngữ liệu không thể thiếu trong công tác nghiên cứu ngôn ngữ học tiếng Đài, và là tài liệu tiếng Đài vô cùng quý báu. Có thể nói *Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo* là kho tàng báu vật vô cùng quan trọng của ngôn ngữ, văn học và văn hóa Đài Loan.

Do *Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo* có giá trị lịch sử vô cùng to lớn, vì thế, mấy năm gần đây, khá nhiều dự

án coi tờ báo này là trọng tâm nghiên cứu lần lượt được triển khai và đã tự hình thành nên một lĩnh vực nghiên cứu học thuật về chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài. Luận văn thạc sĩ của Hoàng Giai Huệ (黃佳惠) “Nghiên cứu về văn học tiếng Đài trong tài liệu chữ *Peh-oe-ji*” (白話字資料中的台語文學研究) (2000) lần đầu tiên coi những tác phẩm chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài làm đề tài nghiên cứu văn học Đài Loan. “Dự án sưu tập và chỉnh lý tài liệu văn học chữ *Peh-oe-ji* Đài Loan” (台灣白話字文學資料蒐集整理計畫) của Lữ Hưng Xương (呂興昌) (Trung Tâm Văn Tư, 2001-2004), “Kho dữ liệu kỹ thuật số ngữ văn Đài giai đoạn một - Hệ thống phát âm chữ La tinh ngữ văn Đài” của Cao Thành Diêm (高成炎) (Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, 2004-2005), “Kho dữ liệu kỹ thuật số ngữ văn Đài Giai đoạn hai - Bảo tàng *online* văn học tiếng Đài” (台語文數位典藏資料庫--台語文學線上博物館) của Dương Duẩn Ngôn (楊允言) (Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, 2005-2006) và “Dự án số hóa Bảo tàng chữ *Peh-oe-ji*” (白話字博物館數位典藏計畫) của Liêu Thụy Minh (Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, 2009-2010), “Dự án số hóa tài liệu lịch sử chữ *Peh-oe-ji* của Đài Loan Giáo Hội Công Báo” (台灣教會公報白話字文獻數位典藏計畫) của Lý Cẩn Ngạn (李勤岸) (Ủy Ban Khoa Học Quốc Gia, 2008) v.v... đã tiếp sức cho *Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo* và các tác phẩm chữ *Peh-oe-ji* liên quan được số hóa, cung cấp cho giới học thuật một kho dữ liệu nghiên cứu vừa phong phú vừa thuận tiện. Năm 2011, *Tuyển tập văn học chữ Peh-oe-ji tiếng Đài* (gồm 5 tập) do Tưởng Vi Văn (蔣為文) làm Tổng biên tập được xuất bản, trong đó Tưởng Vi Văn, Dương Duẩn Ngôn (楊允言), Hà Tín Hàn

(何信翰), Lâm Dục Khải (林裕凱), Trương Học Khiêm (張學謙) lần lượt làm chủ biên của các tập khác nhau. Đây là lần đầu tiên những tác phẩm văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài chủ yếu lấy từ Giáo Hội Công Báo được tuyển chọn và xuất bản. Tập sách này giúp chúng ta có cái nhìn trực diện về giai đoạn trước khi nền văn học mới của Đài Loan được hình thành vào những năm 20 của thế kỷ 20 và truyền thống lịch sử của “văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài” được hình thành sớm hơn trước đó.

Các dự án nghiên cứu và số hóa nói trên không những đã nâng tầm giá trị của chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài, mà còn chứng minh sự tồn tại thực sự của văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài, đồng thời có cống hiến to lớn giúp chúng ta hiểu thêm về diện mạo của lĩnh vực này.

2. Văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài từ thời Nhật trị đến nay

Khi sử dụng chữ *Peh-oe-ji* làm công cụ viết lách, ngoài việc có thể viết được ngôn ngữ mẹ đẻ của các tộc người ở Đài Loan, có thể mang tới hiệu quả đích thực của việc “tay tôi viết lời tôi nói”, sự phát triển hoàn thiện của văn thể “văn Bạch Thoại”¹⁷ đã trở thành hình thức sáng tác văn học, hoàn toàn phù hợp với nhu cầu về “văn học mới” của Đài Loan lúc bấy giờ. Từ *Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo* bản chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài phát hành từ năm 1885 cho đến năm 1969 thì bị chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng cấm. Trong thời gian phát hành hơn 80 năm, số bài được đăng chủ yếu

17 Chú thích của dịch giả: là thể văn được viết gần gũi hơn với khẩu ngữ, để phân biệt với thể văn ngôn hay cổ văn.

đều là “văn học Bạch Thoại” bao gồm thơ mới, tản văn, phê bình văn học, tiểu thuyết và kịch bản sân khấu, thậm chí còn có nhiều tác phẩm văn học dịch. Những thể loại này hình thành sớm hơn văn học mới của Đài Loan. Hơn nữa, từ cuối thời kỳ nhà Thanh chiếm lĩnh, trải qua thời kỳ Nhật trị, kéo dài cho đến thời kỳ chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng sau Chiến tranh Thế giới thứ 2, tờ báo này chưa từng bị đứt đoạn và tự hình thành nên một truyền thống văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài, tồn tại song song mà không mâu thuẫn với văn học mới của Đài Loan. Chỉ tiếc rằng, mặc dù trong thời kỳ Nhật trị có Thái Bồi Hỏa (蔡培火) đề xướng phong trào chữ La tinh, nhưng bởi vì truyền thống văn hóa Hán chủ lưu của Đài Loan không hề tiếp nhận hệ thống chữ viết *Peh-oe-ji*, nên loại chữ này vẫn không được các phần tử tri thức đương thời thừa nhận, trong khi họ là những người đang lãnh đạo hoặc tham gia phong trào chính trị, xã hội và văn hóa Đài Loan. Do đó, mặc dù trong thời kỳ Nhật trị các tác phẩm văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài này đã phát triển đến mức hoàn thiện, lại hoàn toàn không được giới văn học chủ lưu chấp nhận. Chỉ cho đến khi phong trào vận động phục hưng tiếng mẹ đẻ nổi lên vào sau Chiến tranh Thế giới thứ 2, nó mới được đề cập tới một lần nữa. Trong quá trình đánh giá lại tiến trình lịch sử, người ta đã khai thác được rất nhiều tác phẩm văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài của thời kỳ đó.

Khi chúng tôi khai thác kỹ lưỡng tài liệu văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài cùng với tài liệu về các tác gia, mới phát hiện số lượng tác gia chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài nhiều hơn

chúng tôi tưởng tượng. Theo như nghiên cứu tìm hiểu của Thi Tuấn Châu (施俊州), chỉ tính riêng các tác gia văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài có đủ họ và tên, sinh cùng thời với Lại Hòa (賴和) vào những năm 90 của thế kỷ 19 thì ít nhất có tới 60 người. Rất nhiều tài liệu về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của họ có thể được tìm thấy trong kho sử liệu của Trưởng lão Lại Vĩnh Tường, trong đó có người mang sứ mệnh truyền đạo, bác sĩ có lai lịch liên quan tới y tế và truyền đạo, mục sư, vợ mục sư, cũng có “Hán Văn Tiên” phụ trách biên soạn tự điển, sách công cụ, cũng có nhà thơ hay thậm chí là sử gia. Lai lịch của họ vô cùng đa dạng, phong phú.¹⁸

Trong thời kỳ Nhật trị, ngoài những tác phẩm văn học tiếng Đài được đăng trên *Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo*, trong dân gian cũng xuất bản không ít sách báo viết bằng chữ *Peh-oe-ji*, ví dụ như cuốn sách về y học *Nội Ngoại Khoa Khán Hộ Học* (內外科看護學) do “cha cứu tế bệnh hủi của Đài Loan” - bác sĩ *Dr. George Gushue-Taylor* biên soạn vào năm 1917; cuốn *Lịch sử của Giáo Hội Trưởng Lão Cơ Đốc Đài Loan ở miền Bắc* do Trần Thanh Nghĩa viết vào năm 1923; tuyển tập tản văn *Mười điều khuyên* (十項管見) của Thái Bồi Hỏa (蔡培火) vào năm 1924; cuốn tiểu thuyết *Nước mắt của mẹ* (阿娘的目屎) của Lại Nhân Thanh (賴仁聲) vào năm 1925; tiểu thuyết dài *Vượt qua cái chết* (出死線) của Trịnh Khê Phán (鄭溪泮) vào năm 1926 v.v...; Những tác phẩm này không những minh chứng sự phát triển của hệ

18 Thi Tuấn Châu (施俊州), “Lại Hòa chết đuối - Những tưởng tượng về văn học sử khi biên tập danh mục tác gia và tác phẩm tiếng Đài”, *Trại Văn Hóa Tiếng Đài Thế Giới* Lần Thứ 17 Năm 2013, Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan, 7/2013, trang 49.

thống chữ viết ngữ văn Đài, mà còn ghi lại dấu tích đặc sắc về phong tục trong ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử và y tế cũng như sự tiến bộ của xã hội Đài Loan đương thời.

Năm 2008, Lý Cần Ngạn làm dự án của Ủy Ban Khoa Học Quốc Gia “Dự án số hóa tài liệu lịch sử chữ *Peh-oe-ji* của Đài Loan Giáo Hội Công Báo (1885-1969)” đã phát hiện ra số 1-22¹⁹ của tờ nguyệt san *Hạt cải bẹ*, trong đó tìm thấy rất nhiều tác phẩm văn học tiếng Đài được viết bằng chữ *Peh-oe-ji*. Nguyệt san này được viết bằng chữ *Peh-oe-ji*, ra số đầu tiên vào năm 1925 và do Trần Thanh Trung phát hành kiêm chủ bút. Tài liệu mới tìm thấy này đã bổ sung một số sử liệu về quá trình truyền giáo của Cơ Đốc Giáo ở miền Bắc Đài Loan cùng thời kỳ, đồng thời cũng cung cấp cho người đời sau hiểu thêm về các tác phẩm và cống hiến của Trần Thanh Trung đối với “văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài”. Số đầu tiên và số thứ hai của *Hạt cải bẹ* đã đăng hai kỳ tiểu thuyết dạng vừa với chủ đề tôn giáo “Cứu rỗi” của Quách Đỉnh Thuận. Những tác phẩm viết bằng chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài của Trần Thanh Trung đăng trên *Hạt cải bẹ* phần lớn là tác phẩm văn học dịch từ văn học phương Tây, ví dụ như sau số đầu tiên đã đăng bản dịch tiểu thuyết *Tiếng chuông Giáng Sinh* (*Chirstmas Carol*) của *Charles Dickens*; ngoài ra, cũng có bản dịch một số kịch bản sân khấu của phương Tây như tác phẩm “Một sợi dây” (*La Ficelle*) của *Guy de Maupassant* (1850-1893) đăng ở số 27 sau khi sát nhập vào chuyên mục

19 Từ sau số thứ 23 năm 1928, được xếp chung vào chuyên mục *Hạt cải bẹ* của Sự vụ miền Bắc trong *Đài Loan Giáo Hội Công Báo*, đến tháng 8 năm 1937, sau số 139 của *Đài Loan Giáo Hội Công Báo*, đã xóa tên *Hạt cải bẹ* thay vào đó lấy tên “Sự vụ miền Bắc” để đăng bài.

Hạt cải bẹ của Đài Loan Giáo Hội Công Báo vào năm 1928, và bản dịch cảnh đầu tiên trong hồi thứ tư (*Venice, A court of Justice*) của vở *Một thương gia ở Viên* (*The Merchant of Venice*) của *William Shakespeare* (1564-1616) vào thời kỳ đầu sau Chiến tranh Thế giới thứ 2. Các tác phẩm dịch sang tiếng Đài từ văn chương phương Tây này của Trần Thanh Trung là sự thể hiện khác biệt của văn học tiếng mẹ đẻ Đài Loan đương thời. Những tác phẩm dịch sang tiếng Đài khác như thơ ca, thần học, triết học, văn học phương Tây có độ dài không giống nhau của Trần Thanh Trung đều rất đáng để mở thêm nhiều hướng nghiên cứu và thảo luận.²⁰

Trên thực tế, từ cuối thế kỷ 19 trở lại đây, văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài đã phát triển ổn định, đến thời kỳ Nhật trị càng phát triển song hành với văn học mới của Đài Loan, và chính nó đã tự hình thành nên một hệ thống riêng. Nhưng có điều, các tác phẩm của hệ thống này chỉ lưu hành trong nội bộ Giáo Hội, số người bên ngoài Giáo Hội biết đến không nhiều, càng không thể đưa vào phạm trù văn học chủ lưu để thảo luận. Do đó, nghiên cứu về mảng này hiện nay vẫn không nhiều. Dưới đây, chúng tôi chỉ chọn ra hai tác gia tiêu biểu để giới thiệu là Trịnh Khê Phán và Lại Nhân Thanh. Phần giới thiệu về Trịnh Khê Phán sẽ nhấn mạnh vào thành tựu của ông như một người đi tiên phong, còn phần giới thiệu Lại Nhân Thanh sẽ trình bày ý nghĩa các tác phẩm của ông và ý nghĩa của việc gìn giữ được tính chủ thể

20 Lý Cần Ngan, “*Hạt cải bẹ* trên Đài Loan Giáo Hội Công Báo ở miền Bắc và sự xuất hiện của Trần Thanh Trung”, *Văn học chữ Peh-oe-ji - Văn hóa Đài Loan và sự giao lưu với ngôn ngữ và văn học*, Đài Nam, Khai Lãng Tạp Chí Sự nghiệp, 2010.

ngôn ngữ văn học dù phải trải qua hai thời kỳ sử dụng ngôn ngữ thực dân.

2.1. Trịnh Khê Phán và tác phẩm *Vượt qua cái chết*

Trịnh Khê Phán cũng giống như Lại Hòa, được sinh ra trong thời kỳ Đài Loan nằm dưới sự thống trị của Nhật Bản. Họ cùng một thời đại, chỉ có điều giữa họ có sự khác biệt về tín ngưỡng tôn giáo, nghề nghiệp, môi trường giáo dục và toilet luyện, nên đã tạo dựng nên sự nghiệp văn học khác nhau, thuộc về hai lĩnh vực khác nhau. Lại Hòa có thành tựu văn học lớn trong nền văn học mới với hệ thống chữ viết bằng chữ Hán, và được tôn xưng là “Cha đẻ nền văn học mới của Đài Loan”; còn trên lĩnh vực văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài, Trịnh Khê Phán mặc dù với cương vị là người tiên phong, nhưng ngoài Giáo Hội ra, giới văn học Đài Loan lại chỉ có rất ít người biết đến. Đây cũng là một câu chuyện rất đáng để suy ngẫm.

Trịnh Khê Phán, sinh ngày 23 tháng 5 năm 1896 tại vùng Ngô Kỳ Đàm, Vĩnh Khang, Đài Nam. Cha là Trịnh Hán Xuyên, một nhạc công chơi nhạc hòa tấu dân gian nổi tiếng, thường xuyên đi theo đoàn biểu diễn khắp nơi²¹. Năm Trịnh Khê Phán được 4 tuổi thì cha mất, mẹ ông vẫn giữ tín ngưỡng tôn giáo của

21 Trịnh Chiêu Dĩnh, “Mục sư Trịnh Khê Phán - người dốc sức cho sự nghiệp âm nhạc của Giáo Hội” được đưa vào trang 214 của cuốn *Ký ức và sự kế thừa của tín ngưỡng - Hồ sơ các nhân vật Giáo Hội Đài Loan (quyển 1)* (Đài Nam, NXB Nhân Quang, 2001) do Trịnh Ngưỡng Ân chủ biên. Ngoài ra, xin mời tham khảo thêm tài liệu về thân thế của Trịnh Khê Phán trong *Người chăn chiên dốc sức cho phong trào tự trị của Giáo Hội - Truyện ký mục sư Trịnh Khê Phán* của Trần Tư Thông, Trịnh Tuyên Thanh, Trịnh Chiêu Dĩnh, được đưa vào trang 221-226 của cuốn sách dẫn nhập cũng do Trịnh Ngưỡng Ân chủ biên.

mình, tiếp tục bồi dưỡng ông từ Tiểu Học Giáo Hội Thái Bình Cảnh, Trung Học Giáo Hội Trưởng Lão (nay là Trung Học Trường Vinh) cho đến tháng 3 năm 1917 thi tốt nghiệp Trường Thần Học Đài Nam (nay là Viện Thần Học Đài Nam), tháng 4 cùng năm đó ông kết hôn với bà Ngô Ân Gia.

Sau khi kết hôn, Trịnh Khê Phán được cử đến Giáo Hội phía Bắc Quy Nhân truyền giáo. Tháng 4 năm 1919, ông được phong làm mục sư và được nhận vào làm việc tại Giáo Hội Lý Cảng. Ông làm ở Giáo Hội Lý Cảng 12 năm, sau đó để hưởng ứng phong trào “Tự dưỡng”, “Tự truyền”, “Tự lập” (nghĩa là tự lo liệu kinh phí hoạt động, tự truyền giáo, tự thành lập)²², khuyến khích người Đài Loan tự thành lập trung hội của Giáo Hội Trưởng Lão Cơ Đốc Đài Loan, Trịnh Khê Phán đã bắt tay ngay vào thực hiện. Ông cùng với một vài người đồng chí hướng dùng bản thép sao chép, mỗi tháng phát hành 1.000 tờ *Cao Hùng Cơ Đốc Giáo Báo*. Sau đó, được Tiến sĩ *Thomas Barclay* giới thiệu, ông đặt chữ chì đúc kiểu mới của Thượng Hải Trung Quốc, in ấn phát hành *Giáo Hội Tân Báo*, thành lập “Tòa Soạn Tỉnh Thể”. *Giáo Hội Tân Báo* do mục sư Lâm Yến Thần và ông Nham Khánh Dong phụ trách phần tiếng Hán, ông Tu Điển Thanh Cơ đảm nhiệm phần tiếng Nhật, Trịnh Khê Phán tự đảm nhiệm chủ bút chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài La tinh

22 Sau sự thành công của phong trào “Tự dưỡng”, “Tự truyền”, “Tự lập” của Giáo Hội Trưởng Lão Cơ Đốc miền Nam Đài Loan, sau này đã thành lập 4 Trung Hội (Cao Hùng, Đài Nam, Gia Nghĩa, Đài Trung), còn đặt ra Đại Hội Nam Bộ, Đại Hội Bắc Bộ, Đại Hội Đài Loan (sau này là Tổng Hội), có thể tham khảo kỹ hơn về quá trình này trong *Từ dựa dẫm đến tự lập - Nghiên cứu về Giáo Hội Trưởng Lão Cơ Đốc miền Nam Đài Loan trước khi kết thúc chiến tranh* (Đài Nam, NXB Nhân Quang, 2003).

kiêm chủ sự của “Tòa Soạn Tỉnh Thế”²³. Cũng trong khoảng thời gian này, Tòa Soạn Tỉnh Thế đã xuất bản *Vở kịch Giáng Sinh Chúa Cứu Thế* tổng cộng 6 tập và tiểu thuyết tự truyện *Vượt qua cái chết, Tôn Đại Tín Truyền* do Trịnh Khê Phán tự viết bằng chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài và *Nước mắt của mẹ (An-nia e bak-sai)*²⁴ của Lại Nhân Thanh. Ngoài ra, Trịnh Khê Phán còn biên soạn, xuất bản gần 10 tập *Sách chuẩn bị Giáng Sinh* cho Giáo Hội sử dụng, nội dung gồm có thơ ca, đối thoại, kịch v.v... được Giáo Hội rất yêu thích²⁵. Ngoài hệ thống *Đài Loan Giáo Hội Công Báo* ra, “Tòa Soạn Tỉnh Thế” là đơn vị xuất bản sách báo chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài quan trọng nhất thời bấy giờ.

Trịnh Khê Phán còn có một số công việc khác liên quan đến Giáo Hội, ở đây xin phép không trình bày chi tiết. Năm 1946, sau cuộc phẫu thuật chữa bệnh đục thủy tinh thể ở Bệnh Viện Cao Hùng thất bại, 3 ngày sau thì ông bị mù²⁶. Sau khi bị mù, Trịnh Khê Phán nghiên cứu máy chữ nổi La tinh tiếng Đài chuyên dụng cho người mù. Ông sử dụng chữ nổi đơn giản hóa được ông tự phát minh và cải tiến. Ông còn tự tay biên soạn Kinh Thánh, Thánh Ca cho người mù, tiếp tục viết

23 Trần Tư Thông, Trịnh Tuyên Thanh, Trịnh Chiêu Dĩnh, *Người chăn chiên dốc sức cho phong trào tự trị của Giáo Hội - Truyện ký mục sư Trịnh Khê Phán*, trang 222-223.

24 Trần Tư Thông, Trịnh Tuyên Thanh, Trịnh Chiêu Dĩnh, *Người chăn chiên dốc sức cho phong trào tự trị của Giáo Hội - Truyện ký mục sư Trịnh Khê Phán*, trang 222-223.

25 Trịnh Chiêu Dĩnh, “Mục sư Trịnh Khê Phán - người dốc sức cho sự nghiệp âm nhạc của Giáo Hội”, trang 214-215.

26 Lý Cần Ngạn, “Tác giả tiểu thuyết tiếng Đài những năm 20 *Vượt qua cái chết* Trịnh Khê Phán - Phỏng vấn Trịnh Tuyên Thanh”, Kỳ 52 *Đài Văn Thông Tấn*, trang 13.

lời phổ nhạc²⁷. Tháng 7 năm 1950, nhận lời mời của Giáo Hội Thủy Đê Liêu, ông đã đến Giáo Hội này sinh sống và phụng sự, trở thành mục sư khiếm thị có biên chế đầu tiên của Giáo Hội Đài Loan. Ngày 24 tháng 6 năm 1951, ông qua đời do mắc bệnh phổi²⁸, để lại 5 người con trai và 3 người con gái.

Cuộc đời của Trịnh Khê Phán rất nhiều sắc thái, ông không những là một mục sư quan trọng trong lịch sử Giáo Hội thời kỳ đầu của Đài Loan, mà cũng là một nhà văn, nhạc sĩ đa tài. Ông đã để lại rất nhiều tác phẩm được người đời yêu thích và đặc biệt có cống hiến mang tính tiên phong trong lĩnh vực giáo dục người mù.

Nền giáo dục mà Trịnh Khê Phán được tiếp nhận vô cùng đa dạng, trong thời gian học ở Giáo Hội Thái Bình Cảnh, nền tảng chữ Hán và chữ La tinh Giáo Hội của ông được bồi dưỡng vững chắc. Bên cạnh đó, trong thời gian học ở Trung Học Trường Vinh, Viện Thần Học Đài Nam, ông cũng học và biết nói một chút tiếng Nhật, nhưng không đọc được²⁹. Trong *Vượt qua cái chết*, có thể thấy được rằng ông đã vận dụng vô cùng linh hoạt ba loại hình là chữ *Peh-oe-ji*, chữ Hán và tiếng Nhật.

Vượt qua cái chết là một tiểu thuyết tự truyện gia tộc, nội dung câu chuyện được viết bắt đầu từ khi cô gái Chí Cẩn

27 Trịnh Chiêu Dĩnh, “Mục sư Trịnh Khê Phán - người dốc sức cho sự nghiệp âm nhạc của Giáo Hội”, trang 216.

28 Lý Căn Ngạn, “Tác giả tiểu thuyết tiếng Đài những năm 20 *Vượt qua cái chết* Trịnh Khê Phán - Phòng văn Trịnh Tuyên Thanh”, Kỳ 52 *Đài Văn Thông Tấn*, Lời dẫn nhập, trang 14.

29 Giống chú thích trên.

(mẹ của tác giả) được 16 tuổi (năm 1887³⁰), trong gia đình xảy ra nhiều biến cố, cho đến Trần Thanh (tác giả) ra đời, rồi đến con trai của Trần Thanh là *Spring* (con trai thứ ba của tác giả tên là Trịnh Tuyền Thanh) ra đời (đêm 18 tháng 5 năm 1925³¹), sau đó suýt chết vì bệnh, nhưng may mắn được cứu sống (ngày 28 tháng 4 năm 1926³²). Tiểu thuyết này có tổng cộng 40 chương. Cuối cùng tác giả ghi chú là “hết tập đầu”, với dụng ý sẽ tiếp tục viết các tập tiếp theo. Theo Trịnh Tuyền Thanh (鄭泉聲), tập tiếp theo của *Vượt qua cái chết* viết về *Spring* theo Học Viện Thần Học (tốt nghiệp Viện Thần Học Đài Nam vào tháng 3 năm 1948), rồi hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Cuốn này đã hoàn thành 99%, nhưng không ngờ sau này bị phá hủy hoàn toàn bởi bom đạn của quân đội Mỹ trong chiến tranh Thái Bình Dương.³³

Theo Trịnh Tuyền Thanh, Trịnh Khê Phán từng muốn viết tiếp, nhưng tiếc rằng sau khi bị mù hoàn toàn do phẫu thuật chữa bệnh đục thủy tinh thể thất bại nên không thể viết tiếp được nữa³⁴. Trong thời đại thể chế tiếng Hoa độc

30 Trịnh Khê Phán, Lý Cần Ngạn chú giải, *Vượt qua cái chết*, Đài Nam, Tòa Soạn Khai Lăng Tập Chí, 2009, trang 1.

31 Trịnh Khê Phán, Lý Cần Ngạn chú giải, *Vượt qua cái chết*, Đài Nam, Tòa Soạn Khai Lăng Tập Chí, 2009, trang 194.

32 Trịnh Khê Phán, Lý Cần Ngạn chú giải, *Vượt qua cái chết*, Đài Nam, Tòa Soạn Khai Lăng Tập Chí, 2009, trang 220.

33 Lý Cần Ngạn, “Tác giả tiểu thuyết tiếng Đài những năm 20 *Vượt qua cái chết* Trịnh Khê Phán - Phòng vấn Trịnh Tuyền Thanh”, Kỳ 52 Đài Văn Thông Tấn, trang 13.

34 Lý Cần Ngạn, “Tác giả tiểu thuyết tiếng Đài những năm 20 *Vượt qua cái chết* Trịnh Khê Phán - Phòng vấn Trịnh Tuyền Thanh”, Kỳ 52 Đài Văn Thông Tấn, Lời dẫn nhập, trang 14.

tôn, giới văn học Đài Loan chưa có ai từng nhắc đến tác phẩm này, sau khi giáo sư Lý Cần Ngạn giới thiệu trên *Đài Văn Thông Tấn* vào năm 1998, tiểu thuyết này từ đó mới xuất hiện trong giới văn học.

Trịnh Khê Văn rất thích kể chuyện, câu chuyện trong *Vượt qua cái chết* phần lớn là tình hình chân thực của xã hội đương thời³⁵. Do vậy, những câu chuyện về lễ tục xã hội, lịch sử, lịch sử Giáo Hội, trường học Giáo Hội được kể đến trong tiểu thuyết mang rất nhiều giá trị tham khảo lịch sử. Ngoài việc tả thực lịch sử, *Vượt qua cái chết* có một vài điểm đặc sắc đáng được đưa ra giới thiệu rõ:

a. Đem câu chuyện thật viết thành tác phẩm văn học. *Vượt qua cái chết* có một vài tình tiết Trịnh Khê Phán lấy kinh nghiệm thật của bản thân đưa vào tác phẩm văn học, ví dụ, trong truyện ký về ông, có một đoạn viết việc ông đạp xe về Lý Cảng, trên đường gặp mưa to gió lớn, nước sông chảy xiết, nên đã đi cùng sáu người nông dân vào làng tránh mưa gió, đợi đến khi nước rút mới về nhà³⁶. Câu chuyện trên đã trở thành một tình tiết trong chương thứ 29 (*Vượt qua cái chết* trang 151-153).

b. Phát huy nét đặc sắc của loại chữ phiên âm, ghi chép chính xác những điểm thú vị của ngôn ngữ.

35 Lý Cần Ngạn, "Tác giả tiểu thuyết tiếng Đài những năm 20 *Vượt qua cái chết* Trịnh Khê Phán - Phòng văn Trịnh Tuyên Thanh", Kỳ 52 *Đài Văn Thông Tấn*, trang 13.

36 Trần Tư Thông, Trịnh Tuyên Thanh, Trịnh Chiêu Dĩnh, "Người chăn chiên dốc sức cho phong trào tự trị của Giáo hội - Truyện ký mục sư Trịnh Khê Phán", trang 223-224.

Bởi vì *Vượt qua cái chết* viết bằng chữ Peh-oe-ji, cho nên đã biểu hiện rất linh hoạt những nét thú vị của nhiều thứ tiếng như tiếng Đài, tiếng Hán và tiếng Nhật, khiến chúng ta cảm nhận được môi trường sử dụng ngôn ngữ trong xã hội Đài Loan những năm 20 của thế kỷ 20. Ví dụ như việc lấy cuộc chiến tranh chinh phục Hung Nô gian khổ của Lý Lăng đời Hán để hình dung cảnh tượng Chí Cẩn đơn thương độc mã đối phó với bọn cướp (*Vượt qua cái chết* trang 5-6). Ngoài văn Bạch Thoại tiếng Đài, tác phẩm cũng sử dụng rất nhiều thành ngữ tiếng Hán, như “bất giải kỳ ý” (trang 3), “nhất đao lưỡng đoạn” (trang 6), “tận quy ô hữu” (trang 8), “ương tam thác tứ” (trang 10), “hoán nhiên nhất tâm” (trang 27), “phụ cập tông sư” (trang 31), “tâm mãn ý túc” (trang 86). Có một phần trong *Vượt qua cái chết* cũng chịu ảnh hưởng của tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc, ở cuối mỗi chương, tác giả sử dụng vài câu thơ tóm tắt tình tiết câu chuyện. Đặc sắc nhất là đoạn viết về một người vừa tẹt mũi vừa ngong nghịu, nên nói không rõ ràng, tác giả đã “giữ nguyên giọng” cho nhân vật: “*Ang-I iang-a. Ong beh o ou in. Oa beh ai I a oann-mai e.*” (trang 74). Hóa ra cách nói bình thường phải là “*Tang-ki iang-a. Kong beh cho thou-gin. Goa beh lai-khi khoann mai leh.*” Nếu như không sử dụng cách viết bằng chữ phiên âm, thì tuyệt đối không thể nào ghi được chính xác loại ngữ âm đặc biệt đó.

c. Trích dẫn các câu chuyện và nguyên văn trong Kinh Thánh. Phần lớn nội dung cả cuốn tiểu thuyết *Vượt qua cái chết* đều viết về câu chuyện cuộc sống của tín đồ Cơ Đốc, do vậy, chỗ nào cũng thấy có trích dẫn nội dung Kinh Thánh hay đem câu chuyện trong Kinh Thánh ra để đối chiếu. Cách hành văn của *Vượt qua cái chết* cũng mô phỏng phương thức “lấy Kinh giải Kinh” trong *Kinh Thánh*, sử dụng “Kinh Thánh nói” hay “Jesus nói” để trích dẫn lời Kinh Thánh, tăng thêm hàm ý của câu chuyện trong tiểu thuyết. Do đó, có thể chắc chắn rằng việc sáng tác văn học của Trịnh Khê Phán chịu ảnh hưởng của văn học Kinh Thánh, về điểm này, chúng ta nên chẳng tiếp tục thảo luận sâu hơn nữa về sự ảnh hưởng của Kinh Thánh tiếng Đài đối với văn học Đài Loan, để văn học Đài Loan có thêm một chủ đề có thể thảo luận.

Bởi vì hệ thống chữ *Peh-oe-ji* chưa từng được giới văn hóa chủ lưu của Đài Loan chấp nhận, thêm vào đó, tác phẩm này luôn bị đánh giá là sách truyền giáo của Cơ Đốc Giáo, nên chưa từng được coi trọng. Thực ra, nếu chúng ta thừa nhận nét đặc sắc của văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài được hình thành trong môi trường tôn giáo, thì cuốn *Vượt qua cái chết* được xuất bản vào năm 1926 là tiểu thuyết dài đầu tiên viết bằng loại chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài, đáng ra phải được hưởng vị thế đặc biệt trong lịch sử văn học Đài Loan.

2.2. Lại Nhân Thanh và các tác phẩm văn học chữ Peh-oe-ji tiếng Đài

Lại Nhân Thanh (1898-1970) tên thật là Lại Thiết Dương, người làng Lê Đầu Điểm (tên tục là Điểm Tâm Tử) Bắc Đồn, Đài Trung, là con trưởng của Trưởng lão Lại Lâm (tên thật là Trường Lâm) ở Giáo Hội Trưởng Lão Liễu Nguyên, thành phố Đài Trung. Từ năm 1913 -1917, Lại Nhân Thanh học Trung Học tại Giáo Hội Trưởng Lão Đài Nam, năm 1915 nhập học Trường Thần Học Đài Nam, được dạy bởi các mục sư trong đó có *Thomas Barclay*. Năm 1921, ông tốt nghiệp Trường Thần Học Đài Nam, sau đó làm nhà truyền giáo ở Nam Tử. Ngày 23 tháng 4 năm 1924, ông được phong làm mục sư. Năm 1926, mục sư *Nakada Juji* của Giáo Hội Thánh Khiết Nhật Bản đến Đài Loan truyền giáo, Lại Nhân Thanh rất cảm động, sau đó đã đi học tại trường Thánh Thư ở *Tokyo* Nhật Bản vào năm 1927. Từ tháng 4 đến tháng 9 năm 1928, ông làm việc ở Giáo Hội Phong Nguyên. Năm 1929, ông được phái làm “Phúc Âm sứ” ở Giáo Hội Thánh Khiết tại Uyển Lý. Từ năm 1930-1931, ông làm việc ở Đài Trung, đến năm 1933 ông truyền giáo ở Giai Lý, sau đó quay lại Giáo Hội Trưởng Lão. Năm 1933, ông truyền giáo ở Đoàn Thanh Niên Giáo Hội Liễu Nguyên cho đến năm 1935. Ngoài ra, ông cũng làm việc ở các nơi như Bệnh Viện Cơ Đốc Giáo Chương Hóa, Giáo Hội Mã Công (1939-), Giáo Hội Thanh Thủy (1949-1953), Giáo Hội Nhị Lâm (1953-1955), Giáo Hội Bạch Hà (1956-1961), Giáo Hội Vạn Phong (1961-1968). Đến năm

1968, ông mới nghỉ hưu. Năm 1970, ông từ trần, hưởng thọ 73 tuổi.³⁷

Lại Nhân Thanh làm mục sư ở vùng nông thôn Trung Nam Bộ Đài Nam một thời gian rất dài, quãng thời gian này có ảnh hưởng rất lớn tới thái độ và tư tưởng của ông. Cũng vì tôn giáo tín ngưỡng và danh phận mục sư, nên các tiểu thuyết của ông mang đầy sắc thái của tôn giáo và giáo lý. Những điều mà tác phẩm của ông muốn miêu tả phần nhiều là cuộc sống người dân hoặc những câu chuyện được cứu rỗi sau khi theo đạo Cơ Đốc Giáo, mang đậm tính tôn giáo và tính xã hội³⁸.

Lại Nhân Thanh có thể nói là một tác gia có rất nhiều tác phẩm, bên cạnh những tin tức từ các Giáo Hội, ông còn có nhiều sáng tác văn học như tản văn, tiểu thuyết ngắn, tiểu thuyết dài và các tác phẩm dịch, trong đó phần lớn các tác phẩm này đều viết bằng chữ *Peh-oe-ji* và đăng trên *Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo*. Ông là tác gia xuất bản tiểu thuyết chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài nhiều nhất trong lịch sử văn học Đài Loan. Từ năm 1924-1969, những tiểu thuyết tiếng Đài nổi tiếng của Lại Nhân Thanh gồm có 5 tác phẩm: *Nước mắt của mẹ* (Tòa Soạn Tỉnh Thế ở Bình Đông, 1925), *Ký hiệu Cây thập giá* (Tòa Soạn Tỉnh Thế ở Bình Đông, 1925), *Bông hoa ly trong bụi gai* (刺仔內e百合花) (Tổ Thanh Niên Trung

37 Trích dẫn từ hồ sơ điện tử do Lại Vĩnh Tường làm.

38 Thi Tuấn Châu, “Lại Hòa chết đuối - Những tưởng tượng về văn học sử khi biên tập danh mục tác gia và tác phẩm tiếng Đài”, Trại Văn Hóa Tiếng Đài Thế Giới Lần Thứ 17 Năm 2013, Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan, 7/2013, trang 49.

Hội Đài Trung, Bộ Giáo Dục, 1954), *Thương em hơn cả thế giới* (疼你贏過通世間) (1955), *Kẻ thù đáng yêu* (可愛仇人) (Đài Loan Giáo Hội Công Báo, 1960). Ngoài ra, còn có một số tác phẩm ngắn đăng trên *Đài Loan Giáo Hội Công Báo* như: “Quay lưng với Thượng đế” (用尻脊向上帝) (số 653-655, 658, 8-10/1939, 1/1940), “Chỉ có một con đường” (只有一條路) (số 661,4/1940), “Hai kiểu thương yêu” (兩款疼) (số 662, 5/1940), “Anh ấy là chồng tôi” (伊是我丈夫) (số 663, 6/1940), “Sự giáo dục có hai thái cực” (兩極端教育) (số 664, 665, 7/1940, 8/1940), “Một cốc nước lạnh” (一杯冷水) (số 793, 1/1955), “Thân thể và sự nghiệp của Hoai-tek-hui” (*Hoai-tek-hui* 傳記) (1955), “Rùa đi máy bay” (烏龜坐飛機) (kỳ 30, Bạn của gia đình, 8/1960), “Thượng đế quan tâm con” (伊關心你) (số 1045-1050, 1-3/1969).³⁹

Lại Nhân Thanh sử dụng chữ La tinh tiếng Đài (chữ *Peh-oe-ji*) hoàn toàn vì lý do tôn giáo. Trong phần lời nói đầu của tác phẩm *Nước mắt của mẹ* xuất bản sớm nhất vào năm 1925, ông có nhắc đến lý do sáng tác, không hề liên quan đến văn học. Có thể nói, động lực để Lại Nhân Thanh viết tiểu thuyết hoàn toàn là vì tính thực dụng, tính giáo hóa, ví dụ: khuyến khích các tín đồ mượn việc đọc tiểu thuyết, học tập chữ La tinh để bồi dưỡng đức tin và phẩm hạnh, đem đến cho các gia đình Cơ Đốc Giáo một thứ có thể đọc đồng thời động viên tinh thần họ. Trong phần lời nói đầu

³⁹ Dương Duẩn Ngôn, Trương Học Khiêm, Lữ Mỹ Thân chủ biên, Điều tra, phỏng vấn phong trào tiếng Đài và tổng hợp sử liệu, (Đài Bắc, Quốc Sử Quán, 2008), trang 62-63. Gồm các tác phẩm của Lại Nhân Thanh thành “Tác phẩm giản biểu”.

của tác phẩm *Kẻ thù đáng yêu* được xuất bản vào năm 1960 sau chiến tranh, ông cũng nhấn mạnh một lần nữa việc sử dụng chữ La tinh để viết tiểu thuyết vì mục đích chủ yếu là “xây dựng đức tin”.

Đã là vì nguyên cơ tôn giáo, viết tiểu thuyết dành cho tín đồ Cơ Đốc, hẳn nhiên nội dung cũng mang chủ đề tôn giáo. Được xuất bản sớm nhất là *Nước mắt của mẹ* và *Ký hiệu Cây thập giá*. Hai cuốn này đều có chủ đề là những câu chuyện minh chứng cho sự cứu rỗi của tín ngưỡng; cuốn *Bông hoa ly trong bụi gai* và *Kẻ thù đáng yêu* được xuất bản sau chiến tranh đã bổ sung chủ đề tình yêu nam nữ để khuyến khích tín đồ Cơ Đốc. Trong phần lời tựa của cuốn *Kẻ thù đáng yêu*, tác giả đã chỉ rõ vì nhận thấy xã hội đương thời vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề tình yêu nam nữ, nên mới viết tiểu thuyết này. Cuốn *Bông hoa ly trong bụi gai* được xuất bản sớm hơn cũng là nội dung giảng đạo về vấn đề tình yêu nam nữ mà Lại Nhân Thanh muốn gửi đến Giáo Hội đương thời, được viết lại và lồng vào câu chuyện *Ký hiệu Cây thập giá*.

Tác phẩm của Lại Nhân Thanh rất phong phú, ngoài *Kẻ thù đáng yêu* được ra đời sau chiến tranh ra, hai tác phẩm đáng được nhắc đến nhất là *Ký hiệu Cây thập giá* được xuất bản tại Bình Đông năm 1925 và *Bông hoa ly trong bụi gai* được xuất bản ở Đài Trung vào năm 1954. Hai tác phẩm được ra đời cách nhau gần 30 năm, nhưng, nếu đọc kỹ, sẽ phát hiện cả hai có nhiều điểm trùng lặp với nhau, tên người và cốt truyện có tính chất đồng nhất cao, có thể đặt cạnh nhau để nghiên cứu so sánh. Trong *Bông hoa ly trong bụi gai*,

Lại Nhân Thanh đã sử dụng cuốn *Ký hiệu Cây thập giá* ra đời năm 1924 làm nền móng, sau đó mở rộng và cải biên thành tiểu thuyết, xét về nội dung, kết cấu câu chuyện, đối thoại nhân vật hay tình tiết, đều vô cùng giống nhau, chỉ là miêu tả chi tiết và phong phú hơn *Ký hiệu Cây thập giá*. Tác phẩm này có thể coi là bản mở rộng của *Ký hiệu Cây thập giá*.⁴⁰

Cho đến nay, Lại Nhân Thanh là tác gia văn học sáng tác và xuất bản nhiều tiểu thuyết chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài nhất, tác phẩm của ông có vị trí nhất định trong lịch sử văn học Đài Loan. Điều này đã mở ra tầm nhìn mới cho chúng ta khi thảo luận về vấn đề lịch sử văn học Đài Loan.

Trước tiên, phần nhiều các tác phẩm của Lại Nhân Thanh đã buộc chúng ta phải nhìn thẳng vào một sự thực, đó là sự tồn tại của tiểu thuyết chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài, nhìn từ góc độ xã hội học của văn học, tầm ảnh hưởng xã hội của các tác phẩm Lại Nhân Thanh không hề thua kém những tác phẩm luôn được giới văn học sử chủ lưu Đài Loan nhắc tới. Chúng ta phải đặc biệt coi trọng ý nghĩa mà các tác phẩm của ông muốn truyền đạt. Thứ hai, những địa điểm trong các câu chuyện tiểu thuyết của Lại Nhân Thanh được đặt ở Trung Quốc, nếu suy nghĩ kỹ, thì sẽ thấy điều này có ý nghĩa mang tính chủ thể văn hóa rất sâu sắc. Bởi vì, những

40 Nếu như nội dung câu chuyện giống nhau, vậy tại sao Lại Nhân Thanh không dùng tên sách như ban đầu, Hoàng Giai Huệ cho rằng tác phẩm *Ký hiệu Cây thập giá* nhấn mạnh sự kiên định của tín ngưỡng Cơ Đốc, còn *Bông hoa ly trong bụi gai* lại làm nổi bật những điều mà nhân vật nữ chính gặp phải và nhân cách thuần khiết của cô. Tham khảo “Nghiên cứu về văn học tiếng Đài trong tài liệu chữ *Peh-oe-ji*” của Hoàng Giai Huệ, Đài Nam, Luận văn Thạc sĩ Khoa Văn Hóa Quê Hương Học Viện Sư Phạm Đài Nam, 1999, trang 124..

hủ tục và mặt đen tối trong *Ký hiệu Cây thập giá* và *Bông hoa ly trong bụi gai* như quân nhân cướp vợ, vụ việc giết người cướp của trong khách sạn, hiện thực phong kiến như trong đại gia đình lấy thêm vợ lẽ, đặt trong bối cảnh Trung Quốc đương thời, thì càng có thêm tính thuyết phục, mặt khác cũng làm nổi bật hình ảnh xã hội Đài Loan văn minh hơn. Về mặt ngữ văn, có ý nghĩa nhất là các tiểu thuyết chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài của Lại Nhân Thanh thường nhấn mạnh miêu tả nhân vật và nội dung đối thoại. Ông sử dụng lối viết tiếng Đài linh hoạt, lưu loát thể hiện một cách tự nhiên văn hóa và lối suy nghĩ của người Đài Loan. Các đoạn đối thoại và lời nói của nhân vật trong tiểu thuyết đều viết bằng chữ *Peh-oe-ji*, hoàn toàn thể hiện được ngữ cảm của người Đài Loan, khiến người đọc cảm thấy đặc biệt thân thiện. Một lần nữa, các tiểu thuyết tiếng Đài của Lại Nhân Thanh đã biểu đạt tính tất yếu và ý nghĩa văn hóa sâu xa của việc dùng ngôn ngữ mẹ đẻ trong sáng tác văn học, cũng là điều mà chúng ta không nên coi nhẹ. Cuối cùng, nhìn vào quá trình phát triển của văn học Đài Loan, chúng ta có thể thấy rằng để có khả năng vượt qua được sự bức hại của ngôn ngữ thực dân, thì phải giống như cách mà Lại Nhân Thanh sử dụng chữ *Peh-oe-ji* để viết tiểu thuyết tiếng Đài vậy. Điều này có thể đem lại một hướng suy nghĩ thông thoáng hơn cho rất nhiều người đang hoài nghi việc sử dụng tiếng mẹ đẻ để sáng tác văn học.

Ngoài ra, những sáng tác văn học của Lại Nhân Thanh đã trải qua hai thời kỳ Nhật Bản và chính quyền Trung Quốc

Quốc Dân Đảng thống trị, môi trường ngôn ngữ và chính sách ngôn ngữ của chính quyền ngoại lai đương thời, ít nhiều cũng ảnh hưởng tới những sáng tác và cách dùng từ ngữ, tạo nên nét đặc sắc rất riêng cho các tác phẩm của ông⁴¹. Hơn nữa, những tác gia trong văn học sử Đài Loan dùng sáng tác tiếng Đài để vượt qua sự bức hại của ngôn ngữ thực dân mà không bị đề tài ngôn ngữ bó buộc giống như ông là rất hiếm.

Bên cạnh đó, việc hai cuốn tiểu thuyết kể trên lần lượt ra đời vào hai thời đại đã chứng minh rằng trong cộng đồng Giáo Hội, người Đài Loan vẫn giữ được tính chủ thể trong viết lách, các tác phẩm tiểu thuyết chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài vẫn luôn tồn tại từ thời kỳ Nhật trị cho tới những năm 60 của thế kỷ 20 sau chiến tranh, đồng thời không xuất hiện vấn đề đứt đoạn ngôn ngữ sáng tác do chịu ảnh hưởng của hai loại “chính sách Quốc ngữ” là tiếng Nhật, tiếng Hoa. Trong văn học sử Đài Loan, đây là hiện tượng rất đáng được chúng ta quan tâm.

III. Tiểu thuyết chữ Hán và sách *Koa-a-chheh* trong thời kỳ Nhật trị

Sau khi bị chính quyền gia tộc Trịnh Thành Công thống trị, Đài Loan phải chịu sự giáo hóa từ Nho giáo và bước vào “Vùng văn hóa chữ Hán”, bất cứ tộc người nào, nói tiếng mẹ đẻ nào, cũng đều chỉ có một loại “Quan thoại” và hệ thống chữ viết bằng chữ Hán. Trong thời kỳ Nhật trị, người Đài

41 Khâu Lam Bình, “So sánh việc vay mượn từ trong các tiểu thuyết tiếng Đài của Lại Nhân Thanh qua hai thời đại”, Đài Bắc, Luận văn Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Ngôn ngữ và Văn học Đài Loan, Đại Học Sư phạm, 2008.

Loan nói các loại ngôn ngữ mẹ đẻ riêng của từng tộc người trong đời sống hàng ngày, nhưng “Quan thoại” đổi thành tiếng Nhật, hệ thống chữ viết thì áp dụng chế độ song song hoặc chữ Hán, hoặc chữ Nhật. Loại chữ viết để sáng tác của các tác gia văn học luôn luôn kế thừa truyền thống của chính quyền Trịnh gia để lại, bất kể là người dân tộc nào, nói ngôn ngữ mẹ đẻ nào, họ đều không hề băn khoăn khi sử dụng chữ Hán để viết văn ngôn, thơ ca cổ điển. Chỉ có điều, đến những năm 20 của thế kỷ 20, từ khi văn học mới nổi lên, với đề xướng “tay tôi viết lời tôi nói”, văn Bạch Thoại mới xảy ra tranh luận là viết loại chữ nào mới thực sự đối ứng với thứ “tiếng” đó? Mà trong thời kỳ Nhật trị, lời nói được phân loại theo sự tự nhận thức (*identity*)⁴² dân tộc và văn hóa, lúc bấy giờ chỉ có “tiếng Nhật” và “không phải tiếng Nhật”; nhóm không phải tiếng Nhật lại được chia làm hai phạm trù tiếng Hán (gồm tiếng Đài, tiếng Khách Gia) và không phải tiếng Hán (các loại ngôn ngữ dân tộc bản địa), trong đó nhóm nói tiếng Đài chiếm phần lớn. Do đó, sau khi nền văn học mới của Đài Loan nổi lên, khi mà vấn đề đối ứng giữa tiếng nói và chữ viết phát sinh, những điều được đưa ra thảo luận về “ngôn ngữ chữ viết của Đài Loan” thông thường đều xoay quanh việc sử dụng lối viết tiếng Đài, mà trong đó phương án viết tiếng Đài lại chỉ quanh quẩn với vấn đề “chữ Hán”.

Thời điểm này, một số người như Hoàng Thạch Huy (黃石輝) đã đưa ra chủ trương “xây dựng ngôn ngữ, chữ viết

42 Chú thích của dịch giả: là hành động của một cá nhân tự nhận mình thuộc về một quốc gia, dân tộc hay nền văn hóa nào đó.

của Đài Loan”, trở thành một trong những hành động đấu tranh của tầng lớp bị trị. Do đó, lí tưởng sử dụng ngôn ngữ chữ viết của Đài Loan để sáng tác văn học Đài Loan / văn học quê hương⁴³ đã nhận được sự đồng thuận của rất nhiều người. Dưới sự thống trị của thực dân đương thời, việc có ý thức kiên quyết sử dụng lời nói của mình và từ chối sử dụng tiếng Nhật, chữ Nhật để sáng tác hay viết lách văn học, là biểu hiện ý thức dân tộc cơ bản nhất. “Ngôn ngữ, chữ viết của Đài Loan” đã trở thành ngôn ngữ, chữ viết mang tính chủ thể của tầng lớp người dân bị thực dân thống trị, để xây dựng đối trọng với ngôn ngữ, chữ viết của chính quyền thực dân là tiếng Nhật và chữ Nhật, chứ chưa phát triển đến mức trở thành nhu cầu phải được thức tỉnh về ý thức ngôn ngữ mẹ đẻ của các dân tộc. Lấy ví dụ như Lại Hòa và quan điểm của ông về văn học mới, ông đã nhận thức rằng “phong trào văn học mới chỉ đơn thuần là chịu sự ảnh hưởng của văn học phương Tây mới bột phát,... tôn chỉ của nó là thống nhất giữa đầu lưỡi và ngòi bút”⁴⁴. Do đó, những sáng tác của ông, “toàn là viết bằng văn ngôn, sau đó sửa thành văn Bạch Thoại, rồi tiếp tục sửa thành loại văn chương gần với tiếng Đài Loan”⁴⁵. Cuối cùng vẫn phải sử dụng chữ Hán mới đạt đến mức độ “gần với

43 Chú thích của dịch giả: đề tài sáng tác của dòng văn học này thường là đất nước và con người Đài Loan.

44 Lại Hòa, “Độc “So sánh văn học mới cũ” trên “Đài Loan Nhật Nhật Tân Báo”, đăng trên số 89 *Đài Loan Dân Báo*, 24/1/1926. Trích dẫn chuyển tiếp từ *Lại Hòa Toàn Tập (ba): Tập Quyển* do Liêu Thụy Minh biên tập, Đài Bắc, NXB Tiền Vệ, 2000, trang 97-98.

45 Vương Cẩm Giang, “Lại Lãn Vân Luận”, trong cuốn *Văn học mới Đài Loan dưới thời kỳ Nhật trị Minh Tập 1: Lại Hòa Tiên Sinh Toàn Tập* do Lý Nam Hoành chủ biên, Đài Bắc, NXB Minh Đàm, 1979, trang 405.

tiếng Đài Loan”, chứ không phải là sáng tác bằng ngữ văn Đài một cách độc lập hoàn toàn với ngữ văn Hán.

Bởi vì luôn dẫn đo với việc “viết bằng chữ Hán”, nên trong thực tế sáng tác, khó khăn đầu tiên mà các phần tử trí thức đương thời phải đối mặt là sử dụng chữ viết. Do đó, họ phải mất rất nhiều thời gian để thảo luận các vấn đề tiêu chuẩn hóa và tính thống nhất của chữ Hán tiếng Đài, mà ít bàn tới thực tiễn sáng tác văn học, thậm chí cuối cùng từ bỏ hẳn việc sáng tác. Giống như sau khi Lại Hòa hoàn thành “Bức thư của một đồng chí” (一個同志的批信) bằng ngữ văn Đài Loan, ông đã tự động dừng hẳn việc sáng tác văn học mới, và quay lại với con đường cũ của văn nhân truyền thống⁴⁶. Cuộc tranh luận về chữ Hán tiếng Đài không những không thể đạt được đồng thuận về hệ thống chữ viết chữ Hán và vượt qua khó khăn trong sáng tác bằng ngôn ngữ, chữ viết của Đài Loan, mà cuối cùng do chịu ảnh hưởng từ các nhân tố như sự đàn áp mạnh mẽ của môi trường chính trị khách quan, và sự không đồng thuận chủ quan, nên vấn đề này đã không được tiếp tục nhắc đến nữa. Đáng tiếc hơn là những tác phẩm của dòng ngữ văn Đài Loan được lưu giữ là vô cùng ít ỏi.

Tóm lại, nếu tách riêng những tiểu thuyết văn học chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài trong Giáo Hội được trình bày ở phần trước, trong thời kỳ Nhật trị, những tác phẩm tiếng Đài viết bằng chữ Hán bao gồm những tiểu thuyết chữ Hán tiếng Đài và các văn bản sách *Koa-a-chheh*, chỉ có thể tính là thực trạng viết bằng tiếng mẹ đẻ trước khi được thức tỉnh ý thức tiếng mẹ đẻ.

46 Lâm Thụy Minh, “Văn học và tinh thần các tác phẩm của Lại Hòa”, *Văn học Đài Loan và tinh thần thời đại: Tuyển chọn các nghiên cứu về Lại Hòa*, Đài Bắc, Công Ty Xuất Bản Dẫn Thần, 1999, trang 344.

1. Tiểu thuyết chữ Hán tiếng Đài: Lại Hòa, Thái Thu Đồng, Hoàng Thạch Huy

Đài Loan là một xã hội chữ Hán, giới tri thức thực tế đã nhận định rằng tiếng Đài là một chi hay phương ngữ của tiếng Hán, lại muốn khuếch trương thanh thế của tiếng Đài, nên đã gán ghép một cách khiên cưỡng rằng tiếng Đài giữ được âm cổ của Trung Nguyên, rằng chữ Hán văn ngôn và chữ Hán tiếng Hoa đều là chữ Hán tiếng Đài, coi chữ Hán là công cụ đầu tiên của công cuộc văn tự hóa tiếng Đài.

Từ thời kỳ Nhật trị đến nay, các văn bản tiếng Đài được viết bằng chữ Hán, ví dụ như tiểu thuyết chữ *Peh-oe-ji* của Lại Hòa, các tác phẩm văn học quê hương bằng tiếng Hoa sau chiến tranh, tác phẩm *Tiểu Phong Thần* (小封神) của Hứa Bính Đình (許丙丁), và các văn bản văn học dân gian, như sách *Koa-a-chheh*, đĩa hát và kịch bản phân vai hoặc tuyển tập bài hát. Các tiểu thuyết chữ Hán trong thời kỳ Nhật trị đều chỉ được tính là lỗi viết tiếng mẹ đẻ trước khi có sự thức tỉnh về ý thức tiếng mẹ đẻ, là đề cương của văn học tiếng mẹ đẻ.

Theo sự tổng hợp trong luận văn thạc sĩ *Nghiên cứu tiểu thuyết tiếng Đài trong thời kỳ Nhật trị* của Lữ Mỹ Thân⁴⁷, các tiểu thuyết chữ Hán trong thời kỳ Nhật trị gồm có:

47 Lữ Mỹ Thân, “Nghiên cứu tiểu thuyết tiếng Đài trong thời kỳ Nhật trị”, Tân Trúc: Luận văn Thạc sĩ, Khoa Văn Học Đài Loan, Đại Học Thanh Hoa, 2007, đây là phần tổng hợp từ các nghiên cứu cơ sở của các học giả như Lâm Thụy Minh (1992, 1993, 1996, Lại Hòa Toàn Tập 2000), Lữ Hưng Xương (1993; 1996 hiệu đính, 1996/1997; Hứa Bính Đình 1996), Bành Tiểu Nghiên (Đương Quý Toàn Tập 1998/2001), Trần Thực Dung (2000; 2004).

1. Các tác phẩm của Thái Thu Đồng: ngoài 7 tiểu thuyết chữ Hán “Dân chúng đi ỉa” (放屎百姓) (1931) còn có 4 tác phẩm mới được tìm thấy: “Bí sử làng Đế Quân” (帝君庄的秘史)⁴⁸, “Liên tọa” (連座)⁴⁹, “Cầu được ước thấy” (有求必應)⁵⁰, “Si mê” (癡)⁵¹; 2. “Tự sát, chẳng thà giết địch” (以其自殺, 不如殺敵)⁵² của Hoàng Thạch Huy; 3. *Tiểu Phong Thần* bản đăng trên Tam Lục Cửu Tiểu Báo của Hứa Bính Đình⁵³, trên sách chú thích “Hoạt kê đồng thoại” (滑稽童話); Lữ Hưng Xương đã nhận định rằng: “Cuốn tiểu thuyết tiếng Đài viết bằng chữ Hán đầu tiên của Đài Loan được chính thức ra đời”⁵⁴. Sau đó, *Tiểu Phong Thần* bản đăng trên Tam Lục Cửu Tiểu Báo này đã được đưa vào cuốn *Tuyển tập tác phẩm Hứa Bính Đình* do Lữ Hưng Xương biên tập và hiệu đính (5/1996) và *Tuyển tập văn học tiếng Đài Hứa Bính Đình* bản

48 Thái Thu Đồng, “Bí sử làng Đế Quân”, số 249, 251, 253-255, 259-260, 265-267 của *Tân Cao Tân Báo*, 4/12/1930-16/4/1931.

49 Thái Thu Đồng, “Liên tọa”, số 273-276 của *Tân Cao Tân Báo*, 28/5-25/6/1931.

50 Thái Thu Đồng, “Cầu được ước thấy”, số 278, 282, 284, 286 của *Tân Cao Tân Báo*, 2/7/1931-1932.

51 Thái Thu Đồng, “Si mê”, trong số đầu tiên của *Hiếu chung* (12/1931), mới tìm được 1 kỳ.

52 Hoàng Thạch Huy, “Tự sát, chẳng thà giết địch”, kỳ 18 *Văn học Đài Loan* (4/1996); Tổng Trạch Lai chủ biên, *Tuyển chọn tiểu thuyết tiếng Đài*, Đài Bắc, NXB Tiền Vệ, 1998.

53 Hứa Bính Đình, *Tiểu Phong Thần*, *Tam Lục Cửu Tiểu Báo*, từ số 50 ra ngày 26/2/1931 bắt đầu đăng liên tiếp tổng cộng 24 chương của tiểu thuyết *Tiểu Phong Thần* Lục San Am (Hứa Bính Đình), số 50-89, số 96-111, 19/9/1931; số 166-202, 26/3/1932-26/7/1932.

54 Lữ Hưng Xương biên tập và hiệu đính, *Tuyển tập văn học tiếng Đài Hứa Bính Đình*, Đài Nam, Trung Tâm Văn Hóa Thành Phố Đài Nam, 1996.

do Công Ty Chân Bình xuất bản (10/2001); 4. Tác phẩm “Cái chết của bần nông” (貧農的變死)⁵⁵ và “Đứa trẻ chặt củi” (剝柴圇仔)⁵⁶ của Dương Quỳ (楊達); 5. Các tiểu thuyết chữ Hán của Lại Hòa như “Bức thư của một đồng chí”⁵⁷, “Lịch sử của những người giàu” (富戶人的歷史)⁵⁸; 6. Tác phẩm tiểu thuyết lịch sử *Côn Đảo Dật Sử* (鯤島逸史) của Trịnh Khôn Ngũ (鄭坤五), có tổng cộng 4 bản: Bản thứ nhất, vào tháng 9 năm 1942, đăng từ kỳ 160 đến kỳ 188 (1/1/1944) trên tạp chí *Nam Phương* (南方); chưa đăng hết, tạp chí *Nam Phong* đã phát hành sách (toàn bộ 50 hồi, 3/1944); Bản thứ hai, vào năm 1968, Nhà Xuất Bản Thái Dương đã in lại cuốn *Côn Đảo Dật Sử* và đổi tên thành *Đài Loan Dật Sử* (台灣逸史); Bản thứ ba, tháng 5 năm 1996, Trung Tâm Văn Hóa Cao Hùng

55 Dương Quỳ, “Cái chết của bần nông”, chương thứ nhất của *Lập Chí* (1932); Bành Tiểu Nghiên chủ biên quyển, *Dương Quỳ Toàn Tập quyển thứ tư - quyển tiểu thuyết (I)*, Đài Nam, Ban Trù Bị Trung Tâm Bảo Tồn Nghiên Cứu Tài Sản Văn Hóa Quốc Gia, 6/1998, trang 317.

56 Dương Quỳ, “Đứa trẻ chặt củi”, bản viết tay 14/4/1932; Bành Tiểu Nghiên chủ biên quyển, *Dương Quỳ Toàn Tập quyển thứ 13 - chưa hoàn chỉnh*, Đài Nam, Ban Trù Bị Trung Tâm Bảo Tồn Nghiên Cứu Tài Sản Văn Hóa Quốc Gia, 12/2001, trang iii.

57 Lâm Thụy Minh biên tập, “Bức thư của một đồng chí”, *Lại Hòa Toàn Tập quyển thứ nhất*, Đài Bắc, NXB Tiên Vệ, 2000. Được đăng trong số đầu tiên *Văn học mới Đài Loan* vào tháng 12 năm 1935; cũng được chọn đưa vào *Tuyển chọn tiểu thuyết tiếng Đài* do Tống Trạch Lai chủ biên, Đài Bắc, NXB Tiên Vệ, 1998.

58 Lâm Thụy Minh biên tập, bản chưa đăng của bản thảo viết tay “Lịch sử của những người giàu”, *Lại Hòa Toàn Tập quyển thứ nhất*, tổng cộng có 3 bản thảo, trong số đầu tiên của *Văn học Đài Loan* (12/1992) có 2 bản gồm nguyên gốc và bản gốc đã được chỉnh sửa do Lâm Thụy Minh chỉnh sửa; cũng được đưa vào cuốn chuyên đề nghiên cứu về Lại Hòa của Lâm Thụy Minh là *Văn học Đài Loan và tinh thần thời đại: Tuyển chọn các nghiên cứu về Lại Hòa*, Đài Bắc, Công Ty Xuất Bản Dẫn Thần, 1993.

phát hành hai tập *Côn Đảo Dật Sử* thượng và hạ do La Cảnh Xuyên (羅景川) hiệu đính. Bổ sung thêm một bản nữa, bản thứ tư là *Côn Đảo Dật Sử* do Thượng Chí Văn hóa phát hành, được gọi là “bản cách tân” hay “Đài Loan Ngoại Ký”, được xuất bản vào tháng 2 năm 1993. Cũng giống như *Tiểu Phong Thần*, *Côn Đảo Dật Sử* sử dụng hình thức tiểu thuyết chương hồi, cũng thuộc tiểu thuyết truyền thống. Năm 1967, *Tiểu Phong Thần* được Công Ty Điện Ảnh Đông Ánh (Nhật Bản) dựng thành phim tiếng Đài; *Côn Đảo Dật Sử* cũng từng được cải biên thành bộ phim truyền hình nhiều tập của Đài Truyền hình Đài Loan, như vậy có thể thấy được tính phổ biến của hai tác phẩm này.

Tuy nhiên, cuốn sách *Lịch sử tiểu thuyết tiếng Đài và bình luận tác phẩm* (台語小說史及作品總評) của Lâm Ương Mẫn (林央敏) lại phủ định vị trí trong văn học tiếng Đài của các tiểu thuyết chữ Hán như *Tiểu Phong Thần* bản đăng trên Tam Lục Cửu Tiểu Báo; đồng thời đã bổ sung tác phẩm “Thư Trần Tam Tị” (書陳三姐) của Liên Hoành (連橫) (1876-1936) và đánh giá rất cao. Ngoài ra, ông nói thêm “chỉ có hai tác phẩm tiểu thuyết tiếng Đài được viết bằng chữ Hán Bạch Thoại và phù hợp với tiêu chuẩn của chúng ta” là “Bức thư của một đồng chí” và “Tự sát, chẳng thà giết địch”. Đồng thời, ông cũng phủ định “Lịch sử của những người giàu” của Lại Hòa và tiểu thuyết chữ Hán của Thái Thu Đồng; bên cạnh đó, khi bàn về “tiểu thuyết tương tự cổ văn tiếng Đài” và “tiểu thuyết văn xuôi Bạch Thoại”, ông cũng cho rằng những thể loại này lại càng xa với chủ đề văn học tiếng mẹ đẻ.

2. Sách *Koa-a-chheh* viết bằng chữ Hán

“*Koa-a*” nghĩa là ca khúc, “*chheh*” nghĩa là sách, “sách *Koa-a-chheh*” (歌仔冊) cũng được gọi là sách *Koa-a-pou*, xét về ý nghĩa tên gọi, thì đây là những bản chép đơn lẻ lời hát của ca dao Dân gian, bao gồm những bài ca dao và hát nói phổ biến, nhưng thông thường là chỉ những văn bản của nghệ thuật hát nói dân gian được ghi chép bằng chữ viết và phát hành thành sách. Những bài hát này được nghệ nhân dân gian biểu diễn bằng lối hát nói, nội dung có nhiều câu chuyện lịch sử, truyền thuyết dân gian hoặc câu chuyện thường nhật, cách dùng từ ngữ sinh động và linh hoạt, mang đầy sức sống dân dã. Ban đầu diễn xướng bằng miệng có trước, rồi mới có người chép lại thành tập bài hát, thậm chí phát hành ra thị trường. Sau đó, cũng có văn nhân tham gia sáng tác và trở thành bậc thầy dạy hát nói.

“Sách *Koa-a-chheh*” khi mới xuất hiện trong dân gian chỉ là sách chép tay, đến cuối thế kỷ 19 mới dần dần có người in tập ca từ thành sách để bán ra thị trường. Vì “sách *Koa-a-chheh*” thuộc thể loại văn học dân gian, nên rất khó xác định lịch sử ra đời của loại hình này, thậm chí tác giả đích thực cũng rất khó biết được, cùng lắm chỉ biết được loại hình biểu diễn hát nói dân gian và “sách *Koa-a-chheh*” trở nên rất thịnh hành trong dân gian từ thời kỳ Nhật trị. Thời kỳ này xuất hiện rất nhiều nghệ sĩ dân gian xuất chúng cùng với những tác phẩm kiệt xuất của họ, cho đến tận sau chiến tranh họ đã trở thành nghệ nhân quốc gia, như Lã Liễu Tiên (呂柳仙) với bài *Thập Điện Diêm Quân* (十殿閻君), Dương

Tú Khanh (楊秀卿) với bài *Ruổi Muỗi đại chiến* (胡蠅蚊仔大戰歌), Ngô Thiên La (吳天羅) với “Hát về lịch sử Đài Loan” (台灣歷史說唱).

Mỗi câu hát trong sách *Koa-a-chheh* thông thường có 7 chữ hoặc 5 chữ, có vần và nối liền nhau khoảng 300-400 câu. Cách dùng chữ của “sách *Koa-a-chheh*” thường không chuẩn xác khi sử dụng các loại chữ giản thể, chữ thông tục, chữ mượn âm, chữ giả tá, thậm chí tự tạo chữ mới. Tuy nhiên, do lượng phát hành vô cùng lớn, nên đã có rất nhiều “luật bất thành văn”, khiến những chữ này trở thành chữ Hán mới và được mọi người chấp nhận. Bên cạnh đó, loại “sách *Koa-a-chheh*” sở dĩ trở nên đáng giá, ngoài giá trị về mặt nội dung hiện thực, ghi chép lịch sử, hơn hết, những sách này là văn bản viết tiếng mẹ đẻ thuần túy trước khi ý thức về tiếng mẹ đẻ được thức tỉnh, không những gìn giữ được ngữ liệu tiếng Đài quý báu, mà còn khơi gợi nguồn cảm hứng sáng tác cho những tác gia văn học tiếng mẹ đẻ sau này, đồng thời trở thành tài sản quý giá của truyền thống văn học tiếng mẹ đẻ.

IV. Văn học tiếng mẹ đẻ sau chiến tranh đến trước khi ý thức tiếng mẹ đẻ được thức tỉnh

Do chịu sự thống trị nhiều tầng của chính quyền thực dân ngoại lai, tiếng mẹ đẻ của các dân tộc bản địa Đài Loan thường không giành được tính chủ thể trong ngữ văn, hết lần này đến lần khác bị “ngôn ngữ chính thức” (hay còn gọi là “Quốc ngữ”) của kẻ thực dân đè nén, chà đạp mà “kề cận tuyệt diệt”. Sau khi người Hán di cư đến Đài Loan với số lượng lớn, tiếng Đài và tiếng Khách Gia vốn được phần lớn

mọi người sử dụng lại bị hạ thấp xuống thành phương ngữ của tiếng Hán. Dưới “thông lệ ngữ văn” của văn hóa Hán có “sự phân lập của ngôn từ và chữ viết” và “tiếng khác nhau, viết giống nhau”, mặc nhiên sử dụng chữ (văn) Hán để viết, không hề có chủ đề tiếng mẹ đẻ. Vì vậy, cho dù giới văn học Đài Loan trong thời kỳ Nhật trị đã có ý thức làm nổi bật tính đặc thù của văn hóa Đài Loan trên phương diện ngôn ngữ nên mới có chủ trương và tranh luận về “ngôn ngữ, chữ viết của Đài Loan”, giống như đã trình bày ở trước, nhưng xét cho cùng điều này vẫn chưa được coi là nhu cầu thức tỉnh ý thức về tiếng mẹ đẻ. Do vậy, sau chiến tranh, mặc dù kẻ thống trị chuyển từ người Nhật Bản sang người Trung Quốc, “ngôn ngữ chính thức” cũng chuyển từ tiếng Nhật Bản sang tiếng Trung Quốc, thì người Đài Loan vẫn chưa nhận thức được việc phải đòi hỏi “quyền sử dụng tiếng mẹ đẻ”, mà lại tiếp tục cam chịu học tập một loại “Quốc ngữ” khác.

Tiếng mẹ đẻ bị áp bức và không thể trở thành ngôn ngữ sáng tác văn học của các nhà văn, điều đáng tiếc nhất là họ không được sử dụng văn bản chữ viết để góp mặt vào những sáng tác chủ lưu. Dẫu vậy, những sáng tác văn học sử dụng tiếng mẹ đẻ của người Đài Loan (đặc biệt là tiếng Đài) giống như những “mạch nước ngầm”, mà bằng cách này hay cách khác vẫn tiếp tục tồn tại trong xã hội và dưới ách thống trị của các chính quyền thực dân cùng với những “chính sách Quốc ngữ” đi kèm trong suốt chiều dài lịch sử. Ví dụ như đã nói ở trước, loại hình nhạc Nam Quân, Bắc Quân và sách *Koa-a-chheh* của Đài Loan trong thời kỳ Nhật trị, cùng với

dòng văn học chữ *Peh-oe-ji* lưu truyền trong Giáo Hội, giữa các tín đồ và cả các bài ca dao thịnh hành trong dân gian.

Khi mà ngôn ngữ sinh hoạt đời thường bị thay đổi, quy luật sinh hoạt và bầu không khí xã hội cũng sẽ thay đổi theo. Đối với các thi nhân mà nói, đây là sự thay đổi vô cùng trọng đại, bởi vì ngôn ngữ là căn nguyên của sáng tác, đánh mất ngôn ngữ gần như là bị tước đoạt năng lực biểu đạt. Sau chiến tranh, trải qua hai thời kỳ ngôn ngữ khác nhau, người Đài Loan lại phải đứng trước sự chọn lựa ngôn ngữ, nhưng hơn thế, các tác gia văn học còn phải đối mặt với sự thay đổi của hệ thống chữ viết. Đây là vấn đề vô cùng nan giải trong cuộc sống thực tế.

Thời kỳ đầu sau chiến tranh, dưới tiền đề “chính sách Quốc ngữ”, giới văn học chủ lưu chỉ phải thay đổi ngôn ngữ mà không hề nhắc tới văn học tiếng mẹ đẻ. Nhưng, bởi vì tiếng Đài vẫn là tiếng mẹ đẻ được nhóm người chiếm đa số ở Đài Loan quen sử dụng, nên ngoài lĩnh vực sáng tác văn học, thì điện ảnh, kịch sân khấu hay nhạc thịnh hành, thuộc lĩnh vực văn hóa thường dân, vẫn tồn tại và được lưu truyền một cách “ngoại lệ” những văn bản “văn học tiếng Đài”. Đây cũng có thể coi như là minh chứng lịch sử mong manh cho nền văn học tiếng mẹ đẻ.

Những văn bản “văn học tiếng Đài” xuất hiện trong thời kỳ này có thể phân thành các phần sau: một là, ca dao thịnh hành trong dân gian; hai là, tác phẩm “Kịch bản Quốc sách” (國策劇本) do Lữ Tố Thượng (呂訴上) (1915-1970) xuất bản, trong đó vận dụng “sự chiếm hữu tính công cụ của

ngôn ngữ, chữ viết tiếng Đài”; ba là, những vở diễn các tác phẩm kịch sân khấu của Vương Dục Đức (王育德) và tác phẩm “Bích” (壁), vở bi kịch một màn của Tống Phi Ngã (宋非我), được Hội Nghiên Cứu Diễn Kịch Thánh Phong biểu diễn lần đầu tiên tại Công Hội Đường Đài Bắc.

1. Ca dao thịnh hành dân gian

Ca dao là hình thức biểu đạt tình cảm trực tiếp nhất của nhân dân trăm họ, nhưng lại có mối quan hệ chặt chẽ với môi trường chính trị, xã hội. Từ thời kỳ Nhật trị, Thái Bồi Hỏa đã sáng tác nhiều bài hát phong trào cho “Hiệp Hội Văn Hóa Đài Loan” (台灣文化協會), “Đoàn Mỹ Đài”, “Hiệp Hội Chữ *Peh-oe-ji* Đài Loan” (台灣白話字協會) để khích lệ tinh thần nhân dân. Đến sau chiến tranh, các phong trào hoạt động ngoại đảng đã cải biên các bài dân ca Đài Loan như “Vá lưới rách” (補破網), “Khúc nhạc thôn quê” (農村曲), “Bốn quý hồng” (四季紅) thành các bài hát vận động tranh cử, đánh thức ký ức dân tộc của người Đài Loan; Sự bùng nổ của những đĩa nhạc tiếng Đài, kịch tiếng Đài vào những năm 50 của thế kỷ 20, sự “du nhập” một lượng lớn từ ngữ tiếng Đài vào tiểu thuyết quê hương những năm 70; phong trào dựng phim điện ảnh tiếng Đài từ những tiểu thuyết quê hương như *Con rối lớn của con trai* (兒子的大玩偶), *Cửa hồi môn - Một chiếc xe bò* (嫁妝一牛車) của giới điện ảnh vào những năm 80; cho đến những bài hát tiếng Đài châm biếm chính quyền gia tộc họ Tưởng như “Bài hát điên dại” (抓狂歌) và “Thằng Thảo dân chủ” (民主阿草) trong “Văn Phòng Danh Sách Đen” (黑名單工作室)

của những năm 90; một đoạn ngắn “quảng cáo” bằng tiếng Đài trong “*Heng-chhun-a*” (恆春兮) nổi như cồn trong giới học sinh vào cuối những năm 90, và những bài hát phong trào⁵⁹ như “Hồn Đài Loan” (台灣魂), “Quốc gia hải dương” (海洋的國家), “Chủ nghĩa dân tộc Đài Loan” (台灣民族主義) được Vương Minh Triết (王明哲) liên tục sáng tác từ đầu những năm 90. Tiếng Đài vốn bị thực dân hạ thấp coi là thô tục trong một thời gian dài, mặc dù không thể trở thành ngôn ngữ chính thức để viết và sáng tác văn học, nhưng luôn tồn tại trong trái tim mỗi con người Đài Loan dưới hình thức đặc biệt như ca dao hay thi ca. Điều này nghiêm nhiên đã trở thành một mắt xích quan trọng của “phong trào văn học tiếng Đài”.

2. “Kịch bản Quốc sách” của Lữ Tổ Thượng

Lữ Tổ Thượng, người Khê Châu, Chương Hóa. Cha là Lữ Thâm Quyển, có một đoàn kịch trong thời kỳ Nhật trị tên là Đoàn Hát Nói Câu Lạc Bộ Sái Mẩu Đơn Doanh Châu. Lữ Tổ Thượng đồng thời vừa là người có vai trò “phong cách ngự dụng”⁶⁰ vừa là nghệ sĩ dân gian, lại được đào tạo chuyên ngành ở Nhật Bản, khiến ông trở thành trường hợp đặc biệt trong lịch sử văn học tiếng Đài. Tác phẩm nổi tiếng *Lịch sử nghệ thuật sân khấu và điện ảnh Đài Loan* của ông

59 Về mối quan hệ giữa ca dao Đài Loan và phong trào chính trị, xin mời đọc cuốn *Ngâm xướng Đài Loan sử* của Ngô Quốc Trinh, Đài Bắc, Tòa Soạn Ngọc Sơn, 2003.

60 Chú thích của dịch giả: ngự dụng nghĩa là “vua chúa dùng” hoặc chỉ chính quyền tay sai, phong cách ngự dụng ở đây chỉ phong cách sáng tác phù hợp với tư tưởng và chính sách của thực dân thống trị đương thời.

được coi như bông hoa nở trong “sa mạc văn hóa” sau chiến tranh. Mặc dù tôn trọng tác phẩm trên, nhưng đối với việc đề xướng và thực hiện chế độ kiểm duyệt nhạc kịch sân khấu, thúc đẩy giáo dục xã hội về nghệ thuật sân khấu chính thống, biên đạo phong cách ngữ dụng cho kịch bản Quốc sách trong thời kỳ chiến tranh và thời kỳ “phản Cộng kháng Nga” sau chiến tranh của Lữ Tố Thượng, Vương Dục Đức (王育德) không hề đồng thuận và nhận định ông là “người văn hóa thời loạn”.

Những kịch bản sân khấu mà Lữ Tố Thượng đã xuất bản, đăng ở các tạp chí hay được chọn vào các tuyển tập đều là sau chiến tranh: 1. Kịch bản Quốc sách: *Nữ phi* (hát nói, 10 cảnh, 5/1951, Nhà Xuất Bản Tin tức Đài Loan; *Giám hồ nữ hiệp* (hát nói, 6 cảnh, 11/1-1/3/1953, đăng liên tiếp trên mục Văn nghệ từ kỳ 2-7 cuốn 12 của tuần san “Đài Đường Thông tấn”; *Mẹ nuôi và mẹ đẻ* (kịch nói một màn, được chọn vào *Tuyển tập kịch sân khấu* do Nhà Sách Chính Trung xuất bản vào 9/1954); *Trả lại tự do cho tôi* (kịch nói bốn màn, Nhà Xuất Bản Ấu Sư, 6/1955); Vở hát nói *Diêm Bình Vương phục quốc* viết về Trịnh Thành Công (12/1955) là bản thảo viết tay, được đóng thành sách, đã được công diễn, nhưng chưa xuất bản chính thức; 2. Không thuộc loại hình Kịch bản Quốc sách: *Trần Tam Ngũ Nương hiện đại* (kịch nói 5 màn, Văn Phòng Xuất Bản Ngân Hoa xuất bản lần đầu vào 6/1947, tái bản vào 7/1947), tác giả đã tự nhận “tiểu thuyết (kịch) tiếng bản địa Đài Loan” là kịch bản, không phải là tiểu thuyết theo nghĩa hẹp; những tác phẩm trên đã thể hiện mặt

nghệ sĩ sân khấu dân gian ngoài phong cách ngữ dụng của Lữ Tổ Thượng. Ngoài ra, khi Khâu Khôn Lương viết *Lữ Tổ Thượng* (Đài Bắc, Ủy Ban Xây Dựng Văn Hóa, 12/2004) đã liệt kê thêm 16 kịch bản chưa được xuất bản.

Một bộ phận của loại kịch (loại văn) của kịch bản Quốc sách nêu trên thuộc loại hình kịch hát nói trong nghệ thuật sân khấu dân gian. Kịch hát nói thuộc loại hình văn hóa tiếng Đài dân gian, có nền tảng văn hóa thường dân và điều kiện ra đời - chính là *logic* thương mại và *logic* dân gian. Lữ Tổ Thượng đã “cải tiến” quốc sách, thật ra là sự tái lợi dụng *logic* chính trị đối với *logic* thương mại và *logic* dân gian. Hay nói một cách khác, kịch bản Quốc sách của Lữ Tổ Thượng đã đọc nhầm (*misread*), “cải biên” văn bản dân gian, là sự chiếm dụng (*appropriation*) tính công cụ của ngữ văn Đài.

3. Tiếp nối truyền thống văn hóa tân kịch trước chiến tranh

Bên cạnh những lối diễn kịch quan cách, giải trí và truyền thống dân gian, lịch sử nghệ thuật sân khấu còn có một lối diễn kịch kết hợp *logic* chính trị và *logic* dân gian, thậm chí kết hợp giữa *logic* mỹ học và *logic* thương mại; đó là kinh nghiệm tân kịch dưới kịch văn hóa trước chiến tranh và được các phần tử tiến bộ đề xướng, họ đi theo phong cách này, có thể gọi đó là “hướng đi đặt nền móng” cho chính trị / mỹ học.

Ngày 13 tháng 6 năm 1946, Hội Nghiên Cứu Diễn Kịch Thánh Phong biểu diễn vở bi kịch *Bích* (壁) lần đầu tiên tại Công Hội Đường Đài Bắc (Tổng Phi Ngã biên dịch và đạo diễn), và vở hài kịch 3 màn *La Hán hện hò* (羅漢赴會)

(Tống Phi Ngã biên đạo). Từ năm 1945-1946, việc Vương Dục Đức, Hoàng Côn Bản và Trần Nhữ Chu thành lập Hội Nghiên Cứu Nghệ Thuật Sân Khấu, đồng thời sử dụng danh nghĩa Hội hay Liên Minh Học Sinh Đài Nam để thực hiện hóa những hoạt động của nghệ thuật sân khấu không mang tính thương mại và những kinh nghiệm sân khấu của Câu Lạc Bộ Nghệ Thuật Sân Khấu của Học Viện Sư Phạm Đài Loan (chủ tịch là Thái Đức Bản) từ năm 1947-1948 đều có thể xếp vào “hướng đi đặt nền móng” này. Nhưng thật đáng tiếc, những kịch bản này không được lưu giữ lại, mà rất nhiều trong số đó là tác phẩm dịch. Tác phẩm *Bích nguyên* tác tiếng Nhật của Giản Quốc Hiền, được dịch sang tiếng Trung sau đó mới được phát hiện, bản tiếng Trung do Lam Bác Châu tự hiệu đính và được đăng trên kỳ 112 của *Văn Học Liên Hợp* (2/1994). Bản dịch tiếng Đài năm 1946 của Tống Phi Ngã, hiện đang được Lam Bác Châu lưu trữ. Bản tiếng Đài mà hiện nay chúng ta được xem, là bản do Hồng Long Bang sửa lại từ bản tiếng Trung (Lâm Ương Mẫn chú giải), đăng liên tiếp ba kỳ trên chuyên mục nghệ thuật sân khấu trong kỳ 8 của tạp chí *Ka-tang*⁶¹ (1/1-1/3/1996).

Nói đến “hướng đi đặt nền móng”, chúng ta phải bổ sung hai ví dụ. Tháng 9 năm 1943, Hội Nghiên Cứu Nghệ Thuật Sân Khấu Hựu Sinh lần đầu tiên ra mắt vở tiếng Nhật *Thiến gà* gồm 2 màn 6 cảnh (tại Vĩnh Lạc Tọa, Đài Bắc), nguyên tác tiểu thuyết của Trương Văn Hoàn, Lâm Đoàn Thu (林搏秋) (博秋 Bác Thu) cải biên, Lữ Tuyên Sinh soạn nhạc, sau chiến tranh đã được diễn lại vài lần: 1. Năm 1995,

61 Chú thích của dịch giả: trong tiếng Đài, nghĩa là cây nhội.

Hoàng Anh Hùng biên kịch, Lý Toàn Tây đạo diễn, Khang Đình đảm nhiệm giám đốc sản xuất; 2. Theo các tài liệu của Thạch Uyển Thuần, vào mùng 4 tháng 4 năm 1998, Lâm Đoàn Thu qua đời, trong tay vẫn còn cầm một tập kịch bản viết tay điện ảnh tiếng Đài của vở *Thiến gà* đang viết dở, là bản viết hoàn toàn bằng chữ Hán; 3. Bản tiếng Đài hoàn chỉnh nhất là bản của Đoàn Kịch Người Đài Nam: vở *Thiến gà* được biểu diễn lần đầu tiên tại Nhà Hát Kịch Quốc Gia từ 15-17 tháng 8 năm 2008, kịch bản do Vương Hữu Huy viết bổ sung, Lữ Bách Thân đạo diễn; nữ nhân vật chính trong bản này có đất diễn hơn, cũng coi như “trả hồn lại” cho nguyên tác theo phong cách “tiếp tục đặt nền móng”.

Theo những khảo sát về lịch sử nghệ thuật sân khấu Đài Loan, chúng ta thấy được nghệ thuật sân khấu Đài Loan từ các loại kịch không có kịch bản thời kỳ đầu, rồi đến kịch bản tiếng Nhật, cuối cùng đến kịch bản chữ Hán và kịch bản viết về quê hương sau chiến tranh - hiện tượng “kịch bản Quốc ngữ diễn bằng tiếng Đài” được giải phóng con đường phát triển, đương nhiên có mối quan hệ với phong trào chữ viết tiếng Đài. Từ trước đến nay, vấn đề chữ viết của kịch bản tiếng Đài chính là điểm mơ hồ trong cách phân loại văn học tiếng Đài. Phong trào sân khấu nhỏ của Đài Loan đã có một số lần biểu diễn bằng tiếng Đài vào những năm 80 của thế kỷ 20. Sau này, Liêu Thụy Minh chủ biên cuốn “Con đường giao lưu của nghệ thuật sân khấu” đã đưa vào 4 cuốn trong số 25 cuốn kịch bản.

ĐỌC THÊM

1. Thi Tuấn Châu, *Khái quát về văn học tiếng Đài*, Đài Nam, Bảo tàng Quốc gia Văn Học Đài Loan, 2012.

2. Lý Cần Ngân, *Văn học chữ Peh-oe-ji - Văn hóa Đài Loan và sự giao lưu với ngôn ngữ và văn học*, Đài Nam, Khai Lãng Tạp Chí Sự Nghiệp, 2010.

3. Liều Thụy Minh, “Tiểu thuyết lãng mạn tôn giáo của Lại Nhân Thanh - So sánh *Ký hiệu Cây thập giá* và *Bông hoa ly trong bụi gai*”, tham luận tại Hội thảo Quốc tế về Văn Học Tiếng Đài Năm 2010, Đài Bắc, Viện Nghiên cứu Văn Hóa, Ngôn Ngữ và Văn Học Đài Loan, Đại Học Quốc gia Sư Phạm Đài Loan, 23/10/2010.

4. Liều Thụy Minh, “*Từ Vượt qua cái chết* bàn về phương hướng và góc độ tôn giáo của văn học tiếng Đài”, kỳ 1 cuốn 3 *Tạp chí Nghiên cứu Tiếng Đài*, 3/2011.

5. Vương Dục Đức, *Bài giảng thứ 17-19 trong loạt luận đàm về tiếng Đài Loan*, Đài Bắc, NXB Tự Lập, 1993.

CHƯƠNG 3

PHONG TRÀO PHỤC HƯNG TIẾNG MẸ ĐỂ CỦA ĐÀI LOAN

Quan niệm về ngữ văn của người Đài Loan lẫn lẫn trong vòng “văn hóa Hán”, mà văn hóa Hán thì tuyệt đối tôn sùng chữ Hán và không hề có khái niệm về ngôn ngữ học, cũng như càng không biết gì về “tiếng mẹ đẻ”. Tuy Trung Quốc là một quốc gia tập hợp bởi rất nhiều tộc người, mỗi tộc người có ngôn ngữ riêng của mình, thế nhưng xã hội Trung Quốc lại chỉ tồn tại một ngôn ngữ chiếm ưu thế tuyệt đối - “tiếng Quan thoại”. Bên cạnh đó, dựa theo nguyên tắc “ngôn văn phân lập”, ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói tự thân phát triển theo các hướng khác nhau; miệng nói “tiếng Quan thoại” hoặc các ngôn ngữ mẹ đẻ, tay viết ra các văn bản viết gọi là “văn ngôn”, nhưng tuyệt nhiên không hề có sự tồn tại kiểu một chữ viết sẽ tương ứng với một âm tiết nói. Từ khi Tần Thủy Hoàng thực thi chính sách “thư đồng văn”, thì đối với người Trung Quốc, ngôn ngữ và chữ viết là hai mặt của một thể thống nhất, không thể tách rời. Trong một xã hội mà ngôn ngữ toàn dân là “tiếng Quan thoại”, văn bản viết thông hành toàn quốc sử dụng “văn ngôn”, thì người ta không hề nhắc đến các vấn đề giữa ngôn ngữ và tiếng mẹ đẻ, hay nghĩ đến những chủ đề về “văn học tiếng mẹ đẻ”. Chỉ

đến khi khái niệm của phong trào văn học Bạch Thoại - “tay tôi viết lời tôi nói” ra đời và phát triển, thì mới xuất hiện quan niệm tách riêng giữa ngôn ngữ và chữ viết cùng với quan niệm về “ngôn văn hợp nhất”.

Đầu những năm 80 của thế kỷ 20, cùng với sự bùng nổ hàng loạt những phong trào đấu tranh xã hội, người Đài Loan bắt đầu có nhận thức về tiếng mẹ đẻ của mình và tiến hành đồng loạt các hoạt động phục hưng tiếng mẹ đẻ trên toàn quốc. Cho đến những năm 90, hòa chung cùng với phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ ở nhiều nơi trên thế giới, tại Đài Loan, tiếng mẹ đẻ đã không bị cấm sử dụng nữa, mà còn thịnh hành trào lưu viết văn bằng tiếng mẹ đẻ. Đến năm 2000, khi đảng cầm quyền có sự hoán đổi, thì phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ không chỉ dừng lại ở những cuộc vận động xã hội bên lề mà được chính thức đưa vào và tiếp tục phát triển trong hệ thống giáo dục quốc gia. Nhờ đó, ý thức về tiếng mẹ đẻ của người dân Đài Loan được nâng cao mạnh mẽ. Nó đã trở thành nền tảng lý luận và động lực phát triển cho quá trình sáng tác văn học. Trải qua quá trình “nói tiếng mẹ đẻ → viết bằng tiếng mẹ đẻ → sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ”, một niềm tin hy vọng về tương lai tươi sáng của những áng văn học tiếng mẹ đẻ đã được thắp lên.

Sau chiến tranh, phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ của Đài Loan được đánh dấu bằng cột mốc là cuộc đại diễu hành “Trả lại tiếng mẹ đẻ cho tôi” vào ngày 28 tháng 12 năm 1988, được thực hiện bởi rất nhiều đoàn thể xã hội khác nhau (như

Hội Bút Đài Loan⁶²(台灣筆會), tạp chí Phong Vân Khách Gia (客家風雲雜誌), Hội Bảo Vệ Quyền Lợi Dân Tộc Bản Địa của Đài Loan (原權會) v.v...). Tuy nhiên, trên thực tế, ý thức về tiếng mẹ đẻ của các nhóm người cũng như những hành động để bảo vệ nó chắc chắn đã có từ rất sớm; đặc biệt là nhóm tiếng Đài - nhóm có số người sử dụng đông nhất, với lịch sử phát triển lâu đời của văn học tiếng Đài được viết thông qua hai hệ thống: chữ Hán và chữ La tinh, thì chắc chắn rằng những trào lưu phục hưng tiếng mẹ đẻ vẫn luôn ngầm tồn tại trong nhân dân, chỉ cần có cơ hội là bùng phát.

Mục tiêu ban đầu của phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ là nói tiếng mẹ đẻ, viết bằng tiếng mẹ đẻ để khôi phục sức sống cho nó. Trong đó, phong trào phục hưng tiếng Đài quy tụ nhiều lực lượng hội nhóm đoàn thể nhất, đại đa số coi các lớp dạy tiếng Đài làm cơ sở để phát triển, tập hợp những người đồng chí hướng, khi đã đủ lực lượng ủng hộ thì sẽ tiếp tục mở những buổi thuyết giảng để tuyên truyền tư tưởng và quan điểm, sau đó là thành lập các tạp chí tiếng Đài như một khu vườn văn học để những tác phẩm viết bằng tiếng Đài được nuôi dưỡng và phát triển. Tiếp đó, liên kết với các hội nhóm bên ngoài có cùng chí hướng bảo vệ tiếng mẹ đẻ, để hợp tác hỗ trợ, thậm chí cùng nhau xuống đường biểu tình,

62 Chú thích của dịch giả: tổ chức này được thành lập vào 18/1/1987, với phương châm hoạt động là “bảo vệ nhân quyền của các tác gia, gây dựng văn hóa mới của Đài Loan”. Tổ chức này hoạt động hoàn toàn độc lập với thể chế nhà nước, khác hoàn toàn với Hội Bút Trung Hoa Dân Quốc (*Taipei Chinese Center, PEN International*). Nhưng vì hiện nay không có nhiều kinh phí, nên tổ chức này dần dần đã không còn hoạt động gì nữa.

nỗ lực hết mình vì mục tiêu cao cả là phục hưng tiếng mẹ đẻ. Những hội nhóm vận động để phục hưng tiếng Đài do cách thức hoạt động khác nhau nên tạm thời được phân thành ba phái như sau: thứ nhất, phái chữ Hán do Hồng Duy Nhân (洪惟仁) lãnh đạo; thứ hai, nhóm dạy chữ La tinh do Trịnh Lương Vĩ (鄭良偉) lãnh đạo và cuối cùng là các phái độc lập tự phát minh ra hệ thống chữ viết.

Các hội nhóm vận động ủng hộ tiếng mẹ đẻ về cơ bản là sử dụng cách thức mưa dầm thấm lâu, dựa theo những nhu cầu của phong trào mà cùng nhau liên kết. Các thành viên của những nhóm này do sự khác biệt về quan điểm nhìn nhận cũng như đưa ra các chủ đề khác nhau để phát triển tiếng mẹ đẻ nên có những giai đoạn phân tách rồi lại tái hợp. Chương này dựa theo trình tự thời gian và các phe phái khác nhau để miêu tả lại quá trình phát triển của phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ ở Đài Loan, cũng như nêu lên những tranh luận xoay quanh các phương án về chữ viết và văn học tiếng mẹ đẻ, sau cùng là những hiệu ứng văn học và thành quả mà phong trào mang lại.

I. Sự ra đời của phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ

Dưới sự đàn áp của các chế độ thực dân trong thời gian dài, ngôn ngữ mẹ đẻ của các tộc người ở Đài Loan dần dần mất đi. Trước chiến tranh, với sự thanh tẩy của “chính sách Quốc ngữ” trong “công cuộc Hoàng dân hóa” của Nhật Bản, ngôn ngữ chiếm ưu thế tuyệt đối trong xã hội Đài Loan là tiếng Nhật - nói tiếng Nhật, viết chữ Nhật. Sau chiến tranh, trong khoảng thời gian rất ngắn, từ một chính quyền thực

dân cai trị 50 năm chuyển sang một tập đoàn thống trị xa lạ, cùng với chính sách tiếng Quốc ngữ khác, đã khiến cho ngôn ngữ mẹ đẻ của các tộc người ở Đài Loan vẫn tiếp tục bị đàn áp và dần biến mất. Dưới tiền đề của tư tưởng “Trung Quốc là tổ quốc”, người Đài Loan không hề có ý thức về tiếng mẹ đẻ của mình mà nỗ lực học tiếng phổ thông, không hay biết tiếng mẹ đẻ của mình đang dần bị mai một. Mãi cho đến những năm 80 của thế kỷ 20, khi các phong trào đấu tranh xã hội bùng nổ, thì ý thức về tiếng mẹ đẻ của người dân Đài Loan mới được thức tỉnh để giành lại quyền được sử dụng tiếng mẹ đẻ của mình.

1. Nhận thức về tiếng mẹ đẻ bị đàn áp và được thức tỉnh sau chiến tranh

Người Đài Loan sau nửa thế kỷ bị thống trị bởi thực dân Nhật Bản đã phần nào được tiếp nhận nền văn minh hiện đại; sau chiến tranh, chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng tiếp quản Đài Loan, họ hoàn toàn không nhìn nhận sự thật này. Họ không những không đối xử với người Đài Loan như với đồng bào của mình, ngược lại còn cho rằng người Đài Loan là nhóm người thấp kém đã bị nô lệ hóa. Họ trút hết lòng căm hận đối với người Nhật lên người Đài và tăng thêm sự kỳ thị. Vì thế, trong giai đoạn chuyển giao giữa hai chính quyền Trung - Nhật, người Đài Loan đã phải đối mặt với rất nhiều vấn đề khó khăn để thích ứng với hai kiểu mô hình văn hóa và chính trị khác nhau.

Nhóm người tiếp quản Đài Loan do Trần Nghi (陳儀) cầm đầu đã hoán đổi hoàn toàn vị trí của chính quyền thực

dân Nhật Bản ngay khi đến Đài Loan. Để “đạt được mục đích khiến cho đồng bào Đài Loan hiểu rõ về văn hóa của tổ quốc”, thay đổi sự tự nhận thức văn hóa của người Đài Loan, ngay khi vừa tiếp nhận quyền lực, nhóm người này đã áp dụng “chính sách Quốc ngữ” một cách cứng rắn và áp dụng triệt để quy trình thanh tẩy văn hóa “hậu thực dân”. Vì thế, người Đài Loan không những không được giải phóng khỏi “chính sách Quốc ngữ” thời Nhật trị, mà ngược lại còn bị buộc phải học thêm một thứ tiếng “Quốc ngữ” mới và tiếp nhận thêm một nền văn hóa mới. Về bề ngoài, Trần Nghi quán triệt chính sách Quốc ngữ, đưa Đài Loan hoàn toàn thoát khỏi ảnh hưởng của tiếng Nhật, nhưng thực tế chính là thiết lập quyền uy cho “tổ quốc” từ phương diện văn hóa, củng cố tính hợp lý cho việc chính quyền Trung Quốc thống trị Đài Loan, đồng thời triệt tiêu ngôn ngữ mẹ đẻ của những tộc người nơi đây.

Sau năm 1956, chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng tiến hành “Phong trào nói Quốc ngữ” một cách toàn diện, quy định tất cả cơ quan ban ngành các cấp, trường học và nơi công cộng đều phải nhất loạt sử dụng Quốc ngữ. Bộ Giáo Dục của Đài Loan ra lệnh cấm nói tiếng địa phương, đồng thời thiết lập đội cờ đỏ ở các trường học để cùng giám sát. Các trường Tiểu học ở địa phương đều bị quản thúc phải đồng loạt sử dụng Quốc ngữ khi nói chuyện, cấm sử dụng tiếng Nhật; các rạp chiếu phim phải chiếu bằng Quốc ngữ và không được đưa tiếng Đài vào phần thuyết minh. Tất cả những quy định và lệnh cấm này đều thông qua hệ thống

giáo dục và phương tiện truyền thông để quán triệt đến mọi lĩnh vực, mọi khía cạnh; cho đến những năm 70, cả xã hội Đài Loan đã bị cải tạo trở thành một thế giới “độc tôn Quốc ngữ (tiếng Hoa)”, thay đổi hoàn toàn giá trị thẩm mỹ về ngữ văn, cũng như niềm hứng thú văn học và tổ chức đọc viết của người Đài Loan. Ngôn ngữ chiếm ưu thế trong xã hội Đài Loan từ “tiếng Nhật” (nói tiếng Nhật, viết chữ Nhật) chuyển sang thể chế “miệng nói Quốc ngữ (tiếng Hoa), tay viết Trung văn”.

Chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng một mặt nhào nặn nên thế giới “độc tôn Quốc ngữ (tiếng Hoa)”, mặt khác không cho tiếng mẹ đẻ có môi trường được sử dụng bằng cách kiên quyết cấm sử dụng tiếng địa phương, không thu nhận những ấn phẩm và Kinh Thánh viết bằng tiếng mẹ đẻ, hạn chế thời lượng phát sóng và các tiết mục có tiếng địa phương trên sóng truyền hình. Năm 1975, điều 20 của Luật phát thanh truyền hình được thông qua, nghiêm khắc hạn chế việc sử dụng tiếng địa phương trên sóng truyền hình, thu hẹp không gian tồn tại của những ngôn ngữ địa phương, khiến cho những ngôn ngữ này nhanh chóng đối mặt với nguy cơ bị diệt vong và biến mất. Khi còn giữ chức Chủ nhiệm Ủy Ban Dân Tộc Khách Gia (客委會), Diệp Cúc Lan (葉菊蘭) đã có một ví von vô cùng chuẩn xác về hiện trạng ngôn ngữ mẹ đẻ của các tộc người ở Đài Loan như sau: “Ngôn ngữ mẹ đẻ của các dân tộc bản địa sắp phải vào nhà xác, tiếng Khách Gia thì nằm trong phòng chăm sóc đặc biệt, còn tiếng Đài thì đã nằm trong phòng cấp cứu”. Tình

trạng nguy kịch của ngôn ngữ mẹ đẻ của người Đài Loan cứ tiếp diễn như vậy cho đến những năm 80 mới bắt đầu có cơ hội được đem ra thảo luận chính thức; dần dần ý thức về ngôn ngữ mẹ đẻ của người Đài Loan được thức tỉnh cùng với những phong trào đấu tranh xã hội, nhu cầu “Trả lại tiếng mẹ đẻ cho tôi” (還我母語) được đề xuất và là tiền đề cho phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ ra đời.

Ngày 15 tháng 7 năm 1987, người đứng đầu của chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng - Tưởng Kinh Quốc (蔣經國) tuyên bố bãi bỏ lệnh giới nghiêm, sau một thời gian dài bị đàn áp, cả xã hội như bùng nổ trong phút chốc. Do đoàn kết xã hội và quyền cơ bản của nhân quyền về tự do ngôn luận được giải phóng, mọi người được thoải mái phát biểu ý kiến, ra đường biểu tình đòi lại quyền lợi cho mình; thông qua phương tiện truyền thông nắm bắt thông tin, nhiều khía cạnh xã hội được chính thức truyền tải, thảo luận và thậm chí phát triển thành các phong trào xã hội, trong đó phong trào “Trả lại tiếng mẹ đẻ cho tôi” là một trong những phong trào xã hội được ra đời trong hoàn cảnh đó.

Cùng với bãi bỏ giới nghiêm chính trị, chính sách Quốc ngữ cũng nói lỏng sự đàn áp đối với các ngôn ngữ mẹ đẻ của các tộc người. Ngày 20 tháng 8 năm 1987, Bộ Giáo Dục phát đi thông cáo cấm các trường ở các cơ sở áp dụng hình phạt bất hợp lý lên thân thể hay tài chính của các học sinh khi các em sử dụng tiếng địa phương trong khuôn viên nhà trường. Đây được coi là bước ngoặt đầu tiên trong việc bãi bỏ giới nghiêm đối với tiếng địa phương. Sau đó, các tộc người ở

Đài Loan từng bước tìm lại tiếng nói cho ngôn ngữ mẹ đẻ của mình. Ngày 28 tháng 12 năm 1988, các đoàn thể xã hội của Đài Loan (bao gồm Hội Bút Đài Loan, tạp chí Phong Vân Khách Gia, Hội Bảo Vệ Quyền Lợi Dân Tộc Bản Địa của Đài Loan v.v...) nhất loạt cùng nhau diễu hành giương cao khẩu hiệu “Trả lại tiếng mẹ đẻ cho tôi”, yêu cầu sửa đổi lại Luật phát thanh truyền hình hạn chế tiếng địa phương, thiết lập chính sách mới đa nguyên ngôn ngữ. Sau 5 năm, với nhiều áp lực đấu tranh từ xã hội, ngày 14 tháng 7 năm 1993, Viện Lập Pháp cuối cùng cũng thông qua việc bãi bỏ những hạn chế tiếng địa phương trong Điều 20 của Luật phát thanh truyền hình, nêu rõ “phát thanh truyền hình trong cả nước phải ưu tiên cho ngôn ngữ trong nước, đặc biệt phải đảm bảo cơ hội phát sóng cho những nhóm ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số hoặc của các nhóm người thiểu số khác, không được đưa ra tỷ lệ phát sóng hạn chế cố định như trước”. Người Đài Loan đã buộc chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng phải chấm dứt sự đàn áp và kỳ thị đối với tiếng mẹ đẻ của các tộc người theo quy trình lập pháp.

Phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ của nhóm tiếng Đài, tiếng Khách Gia và các dân tộc bản địa gần như đồng loạt tiến hành, những yêu cầu của các nhóm đối với chính phủ không nằm ngoài quyền được sử dụng ngôn ngữ của cha ông mình, trong đó có các chủ đề như: phong trào “Trả lại tiếng mẹ đẻ cho tôi” của các dân tộc bản địa, khích lệ động viên thanh niên trở về với bộ tộc để học tiếng mẹ đẻ với những người già, tìm về cội nguồn văn hóa của bộ tộc

mình, thậm chí yêu cầu thanh niên “từ bỏ tên tiếng Hán, khôi phục lại tên nguyên thủy trong bộ tộc”; phong trào “Trả lại tiếng Khách Gia cho tôi” của nhóm tiếng Khách Gia thì cổ vũ động viên các bạn trẻ nói tiếng Khách Gia, thành lập các tạp chí để quảng bá văn hóa Khách Gia; nhóm tiếng Đài thì kêu gọi “miệng nói tiếng Đài, tay viết chữ Đài” v.v... Những yêu cầu của các dân tộc bản địa và người Khách Gia dần dần nhận được hồi đáp từ phía Chính phủ, Viện Hành Chính Trung Ương và chính quyền địa phương các cấp liên tiếp thành lập “Ủy Ban Dân Tộc Bản Địa”, “Ủy Ban Dân Tộc Khách Gia”, “Đài Truyền Hình Dân Tộc Bản Địa”, “Đài Truyền Hình Khách Gia”; tổ chức “Kỳ Thi Năng Lực Tiếng Bản Địa và Tiếng Khách Gia”, đồng thời đưa ra nhiều chính sách để bảo tồn, phục hưng tiếng mẹ đẻ và văn hóa cho các dân tộc bản địa và người Khách Gia. Thế nhưng phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ của nhóm tiếng Đài thì vẫn luôn nằm ngoài thể chế và vẫn đang phải ngày đêm tranh đấu giành lại quyền lợi cho mình.

Tuy phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ của nhóm tiếng Đài không nhận được sự hồi đáp từ chính phủ như của nhóm các dân tộc bản địa và Khách Gia, nhưng may thay điều kiện sinh tồn và phát triển của hệ thống chữ viết của tiếng Đài nhìn chung khá tốt, cho nên mục tiêu hướng tới của phong trào phục hưng tiếng Đài cũng khác so với các tộc người còn lại, không những phải giành lại quyền cơ bản về nghe và nói tiếng Đài, mà còn phải tích cực phát triển năng lực đọc và viết, để có thể tiến thêm một bước nữa là sáng tác văn học

bằng tiếng Đài. Do đó, về phương diện nghiên cứu và thiết lập hệ thống chữ viết, nhóm tiếng Đài có nhiều luồng tranh luận hơn, thậm chí nảy sinh ra nhiều phe phái khác nhau.

2. Các nhóm phe phái khác nhau trong phong trào tiếng mẹ đẻ

Trong quan niệm truyền thống của Trung Quốc, ngôn ngữ chỉ được phân thành hai nhóm là tiếng Quan thoại và tiếng địa phương, tiếng mẹ đẻ của các tộc người chỉ là một loại phương ngữ của tiếng Hán. Ở Đài Loan, ngoài các dân tộc bản địa ra, dân tộc *Ho-lo* và dân tộc Khách Gia đều bị gọi chung là nhóm người Hán di dân, cho nên tiếng Đài và tiếng Khách Gia đều bị coi là phương ngữ của tiếng Hán, nằm trong lĩnh vực nghiên cứu của tiếng Hán. Việc nghiên cứu này chưa từng bị gián đoạn, cho dù là trước chiến tranh trong thời kỳ Nhật trị hay sau chiến tranh dưới “chính sách Quốc ngữ” của chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng, thì vẫn luôn có những nhà nghiên cứu Hán học bỏ công sức nghiên cứu hệ thống chữ viết bằng Hán tự và nguồn gốc biến đổi âm vận của tiếng Đài và tiếng Khách Gia, như Liên Nhã Đường (連雅堂), Ngô Thủ Lễ (吳守禮), Hứa Thành Chương (許成章), Trần Quan Học (陳冠學) v.v...

Dưới tiền đề nhận thức như vậy, nên những chủ đề về tiếng mẹ đẻ xuất hiện trong giới văn hóa Đài Loan đều xoay quanh “chữ viết” chứ không phải “ngôn ngữ”. Trước chiến tranh, cuộc “tranh luận về ngữ văn Đài Loan” (台灣話文論戰) thực chất cũng chỉ là những bàn cãi xoay quanh hệ thống chữ viết bằng Hán tự dành cho tiếng Đài mà thôi.

Sau chiến tranh, dưới sự ép buộc thực thi “chính sách Quốc ngữ”, những chủ đề về “tiếng mẹ đẻ / phương ngữ” đều bị cấm kỵ, duy chỉ có một lần được nhắc đến khá rõ nét trong tạp chí văn học, đó là trong số thứ 4 của *Văn Hữu Thông Tấn* (文友通訊) - một ấn phẩm do Chung Triệu Chính (鍾肇政) tự in ấn và lưu hành vào năm 1957; Trong đó, các cây bút đề cập đến vấn đề “phương ngữ” trong các tác phẩm văn học và nêu lên quan điểm riêng của mình. Đại đa số đều chủ trương sử dụng chữ Hán, không tán thành việc đưa các ngôn ngữ địa phương khác xen lẫn trong tiếng Hán để viết, càng không thể viết hoàn toàn bằng tiếng mẹ đẻ (phương ngữ). Trong một xã hội “độc tôn Quốc ngữ”, mọi người nỗ lực học và viết chữ Quốc ngữ, không ai đem vấn đề tiếng mẹ đẻ ra thảo luận, điều này có thể hiểu được. Chỉ có trong các Giáo Hội Trưởng Lão thì việc truyền đạo bằng tiếng Đài, cùng nhau đọc Kinh Thánh và Thánh Ca bằng chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài, phát hành *Đài Loan Giáo Hội Công Báo* bằng chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài vẫn được tiếp diễn. Tuy nhiên, những việc này cũng chỉ được xem như cách duy trì truyền thống trong hệ thống Giáo Hội mà thôi, không thể được xem là phong trào tiếng mẹ đẻ.

Thời kỳ đầu của phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ, mọi người đều nhất trí với việc “bảo tồn tiếng mẹ đẻ”, chỉ là tranh cãi về “sách lược bảo tồn”, cũng giống như trong làn sóng “tranh luận về tiếng Đài Loan” hồi trước chiến tranh, mọi người đều nhất trí với quan điểm “dùng tiếng Đài Loan để viết”, nhưng lại tranh cãi về vấn đề “viết như thế nào”. Do đó,

trong thời kỳ đầu trước và sau làn sóng phong trào tiếng mẹ đẻ này, nhóm tiếng Đài xuất hiện hàng loạt những chuyên gia ngôn ngữ và nhà phát minh chữ viết. Trong những đoàn thể hội nhóm của phong trào tiếng mẹ đẻ, nhóm tiếng Đài là tích cực nhất, nhưng cũng vì lựa chọn phương án chữ viết cho tiếng mẹ đẻ khác nhau, mà có thể đại khái chia thành 3 nhóm: nhóm thứ nhất, phái chữ Hán Hồng Duy Nhân (洪惟仁); nhóm thứ hai, phái chữ La tinh Trịnh Lương Vĩ (鄭良偉) và nhóm thứ ba, nhóm chữ viết độc lập. Trong quá trình hoạt động của phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ, cả ba nhóm này vừa có sự liên kết nhưng cũng vừa có những bất đồng quan điểm, dẫn đến tình trạng hợp nhất rồi lại phân tách. Sau đó, cũng vì bất đồng quan điểm về phương án lựa chọn chữ viết mà nảy sinh những khác biệt về quan điểm trong văn học, từ đó hình thành nên những nhóm khác nhau, tạo nên diện mạo phong phú cho văn học tiếng Đài.

II. Phong trào tiếng mẹ đẻ của phái chữ Hán

Sau chiến tranh, do “chính sách Quốc ngữ” được quảng bá mạnh mẽ, xã hội Đài Loan càng bị định nghĩa là nhóm người Hán có “cùng chung nguồn gốc và văn hóa” với người Trung Quốc, ngôn ngữ và văn hóa nằm trong truyền thống của văn hóa Hán, cho nên muốn phục hưng tiếng mẹ đẻ phải xuất phát từ nguồn gốc của văn hóa Hán. Tiếng Đài và tiếng Khách Gia đều là phương ngữ của tiếng Hán, đều bảo tồn những âm vận của tiếng Hán cổ, khôi phục tiếng Đài thực chất là một trong những con đường để tôn vinh văn hóa Trung Hoa. Những nhà nghiên cứu Hán học truyền thống

vấn cổ công nghiên cứu mối quan hệ giữa tiếng Đài và âm vận cổ của Trung Nguyên, không những có niềm tin mãnh liệt vào việc sẽ tìm ra được Hán tự chuẩn xác để thiết lập hệ thống chữ viết cho tiếng Đài và tiếng Khách Gia, mà khi đó họ còn cùng nhau tán dương sự uyên sâu của văn hóa Trung Hoa. Vì vậy, những nhà hoạt động cho phong trào tiếng mẹ đẻ theo phái chữ Hán từ rất sớm đã kết hợp với những nhà nghiên cứu Hán học truyền thống để cùng nhau phát triển.

1. Hồng Duy Nhân khởi xướng cho phong trào tiếng mẹ đẻ

Nhóm hoạt động đấu tranh cho tiếng mẹ đẻ được thành lập công khai và sớm nhất trong xã hội Đài Loan sau chiến tranh là nhóm xuất bản tiếng Đài phát hành tạp chí *Đài Ngữ Văn Trích* (台語文摘) vào ngày 15 tháng 8 năm 1989, nhóm này về cơ bản là lấy Hồng Duy Nhân làm hạt nhân tạo dựng và thành lập nhóm.

Hồng Duy Nhân sinh năm 1946 tại Gia Nghĩa. Năm 1966, ông thi đậu vào Khoa tiếng Trung của Học Viện Văn hóa Trung Quốc, nhờ sự giới thiệu của người bạn thời cấp ba là Từ Thanh Mậu, ông theo học ngôn ngữ học với giáo sư Chung Lộ Thăng, người Huệ An, Phúc Kiến ở Khoa Trung Văn Trường Đại Học Phụ Nhân, giáo sư Chung Lộ Thăng là nhà ngôn ngữ học đầu tiên ở Đài Loan nghiên cứu về phương ngữ Địa lý học. Năm 1972, Hồng Duy Nhân tốt nghiệp thạc sĩ Khoa Trung Văn Trường Đại Học Quốc Gia Sư Phạm Đài Loan, do tham gia sự kiện chính trị “Quân cách mạng thanh niên chủ nghĩa đại đồng” mà bị bắt, đến năm 1979 thì được

thả ra. Cũng cuối năm đó, xảy ra Sự kiện Mỹ Lệ Đảo (美麗島事件)⁶³, một sự kiện góp phần thay đổi hoàn toàn diện mạo chính trị của Đài Loan.

Hồng Duy Nhân sau khi ra tù, lấy bút danh là “Hong Côn” (洪鯤), mưu sinh bằng dịch thuật và viết chính luận cho rất nhiều tạp chí ngoài đảng. Ông đã xuất bản hai cuốn sách về nghiên cứu tiếng Đài là *Nghiên cứu thanh điệu tiếng Ho-lo Đài Loan* (台灣河洛話聲調研究) và *Từ điển về lễ nghi phong tục của Đài Loan* (台灣禮俗語典). Năm 1985, ông bắt đầu tiến hành khảo sát phương ngữ trên toàn Đài Loan. Năm 1989, ông nhận lời mời của giáo sư Cung Hoàng Thành vào Viện Nghiên Cứu Trung Ương làm Dự án Điều tra phương ngữ Đài Loan, biên soạn một bộ *Mân Nam Ngữ Kinh Điển Từ Thư Vựng Biên* (閩南語經典辭書彙編) gồm 14 loại.

Năm 1988, Hoàng Kinh Liên mở lớp tiếng Đài trong “Trung Tâm Ngữ Văn Hán Thanh” có mời Hồng Duy Nhân và cả Trịnh Lương Vĩ đến giảng dạy. Khi đó cứ hai tuần một lần, ông đến dạy về âm vận học và một số kiến thức cơ bản của tiếng Đài. Ngoài Hoàng Kinh Liên ra, còn có các học viên khác như Đỗ Kiến Phường (杜建坊), Trần Hiến Quốc (陳憲國), Khâu Văn Tích (邱文錫), Lâm Cẩm Hiền (林錦

63 Chú thích của dịch giả: Sự kiện Mỹ Lệ Đảo xảy ra vào 10/12/1979, là sự kiện xung đột lớn nhất giữa chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng và người dân kể từ sau Sự kiện 228. Nguyên nhân chính của sự kiện là một số nhân vật nòng cốt của tạp chí Mỹ Lệ Đảo tổ chức diễu hành, yêu cầu tự do dân chủ và dỡ bỏ lệnh giới nghiêm, sau đó chính quyền viện có đàn áp bạo động để tiến hành bắt bớ các nhân vật trên và đưa ra tòa án binh xét xử. Sự kiện này cũng được gọi là Sự kiện Cao Hùng.

賢), Trần Hằng Gia (陳恆嘉), Hồng Cẩm Điền (洪錦田), Ngô Tú Lệ (吳秀麗), Hoàng Quan Nhân (黃冠人), Cao Dĩnh Lượng (高穎亮), Thái Tuyết Hạnh (蔡雪幸), Lạc Gia Bằng (駱嘉鵬) v.v... Sau đó, họ đều trở thành những nhân vật nổi tiếng trong giới tiếng Đài.

Năm 1991, Hồng Duy Nhân kết hợp với các học giả trong và ngoài nước thành lập “Hội Học Thuật Ngữ Văn Đài Loan” (台灣語文學會) và đảm nhiệm vai trò là trưởng ban thư ký đầu tiên của Hội, Hội trưởng do Tào Phùng Phủ (曹逢甫) đảm trách. Cống hiến lớn nhất của Hội là đã lập ra “Bảng mẫu tự ngữ âm ngôn ngữ Đài Loan”, gọi tắt là TLPA, sau đó được Bộ Giáo Dục đề xuất vào năm 1995, đến năm 1998 chính thức công bố và trở thành bảng phiên âm được sử dụng rộng rãi nhất ở Đài Loan.

Năm 1988, Hồng Duy Nhân nhận lời mời của Hội Đài Loan ở Mỹ và Nhật Bản cùng với Quỹ Đài - Mỹ (台美基金會) lần lượt đến diễn thuyết ở Mỹ và Nhật Bản, được tiếp xúc với phong trào vận động vì tiếng Đài ở hải ngoại. Tuy nhiên, Hồng Duy Nhân cho rằng theo đuổi con đường vận động vì tiếng Đài không thể chỉ dựa vào lòng nhiệt huyết, mà còn phải làm nghiên cứu và chú trọng đến văn học dân gian truyền thống. Vì vậy, sau khi trở về nước, vào tháng 8 năm 1989 ông sáng lập *Đài Ngữ Văn Trích* với tôn chỉ là “sưu tầm tất cả những tài liệu có liên quan đến tiếng Mân Nam, tiếng Khách Gia và các tiếng bản địa khác như luận văn nghiên cứu, các bài bình luận, các bài giới thiệu về những bài viết và tác phẩm văn học cũng như tin tức về giới học thuật v.v..., với

mục đích thông qua giao lưu trao đổi tài liệu, gắn kết những người có chung chí hướng với nhau”. Nội dung của nguyệt san có viết: sưu tầm tất cả những tài liệu có liên quan đến tiếng Mân Nam, tiếng Khách Gia và các tiếng bản địa khác như luận văn nghiên cứu, các bài bình luận và bài báo có chủ đề liên quan đến vấn đề ngôn ngữ v.v... nhằm gia tăng sự trao đổi thông tin giữa các nhà nghiên cứu và các nhà hoạt động vì tiếng Đài. Đây được coi là đoàn thể ngoài thể chế đầu tiên sử dụng hình thức hoạt động xã hội để nghiên cứu học thuật tiếng Đài. Ngày 29 tháng 2 năm 1995, “Câu Lạc Bộ Tiếng Đài” (台語社) được chính thức thành lập, Hồng Duy Nhân tiếp tục giữ chức vụ Trưởng ban xuất bản, sau đó đổi sang phát hành song nguyệt san *Gieo hạt* (稼種), là một ấn phẩm thông tấn tổng hợp của phong trào vận động vì tiếng Đài. Cho tới khi ngừng xuất bản vào tháng 3 năm 2005, nguyệt san này đã phát hành tổng cộng 39 kỳ, những người biên tập chính (gồm Tổng biên tập và Chủ biên) gồm có Trần Hiến Quốc và Lâm Văn Bình.

Câu Lạc Bộ Tiếng Đài thường xuyên tổ chức các hoạt động như “hội sáng tác ngữ văn Đài”, “lớp tập huấn tiếng Đài”, “lớp Hán văn tiếng Đài” và “lớp văn học dân gian Đài Loan” v.v... Ngoài việc khuyến khích một số nhà văn tiếng Hoa nổi tiếng sau chiến tranh chuyển hướng sang tiếng Đài, như Hoàng Kính Liên, còn bồi dưỡng được rất nhiều nhân tài dùng tiếng mẹ đẻ viết văn như: Lâm Cẩm Hiền, Hồng Cẩm Điền, Lâm Văn Bình, Trần Hiến Quốc, Khâu Văn Tích. Bên cạnh đó, còn tổ chức các hoạt động như: trao giải

thường sáng tác tiếng Đài *Gieo hạt*, tổ chức trại hè sinh hoạt tiếng Đài và thi diễn thuyết bằng tiếng Đài cho thiếu nhi v.v... Tổ chức này có những cống hiến nhất định mang tính giai đoạn trong phong trào quảng bá giáo dục và sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ.

Năm 1996, Hồng Duy Nhân đến dạy ở một tổ chức ngoài thể chế là Học Viện Văn Hóa Đài Loan và Đại Học Tỉnh Nghi ở Đài Trung. Năm 1999, ông đảm nhiệm chức Phó Giáo sư tại Đại học Nguyên Trí ở Trung Lịch. Năm 2003, ông hoàn thành học vị Tiến sĩ ở Viện Nghiên Cứu Ngôn Ngữ thuộc Đại Học Thanh Hoa. Năm kế tiếp, ông thành lập Khoa Ngữ Văn Đài Loan ở Đại Học Giáo Dục Đài Trung, thực tiễn hóa những quan điểm của phong trào tiếng Đài trong môi trường giáo dục.

Việc nghiên cứu tiếng Đài của Hồng Duy Nhân về cơ bản là được thiết lập trên nền tảng điều tra điền dã phương ngữ một cách nghiêm túc chặt chẽ kết hợp với cơ sở về thanh vận, ngữ văn và Hán tự học của tiếng Trung. Tôn chỉ hoạt động và cách làm của phong trào tiếng Đài theo phái Hán tự này về cơ bản là dựa trên những thành quả học thuật chuyên ngành của ông mà nhân rộng ra. Thành tích hoạt động của các thành viên trong phong trào này đa số theo khuynh hướng tĩnh, chủ yếu thiên về sưu tầm và biên tập tài liệu, ví dụ: Trần Hiến Quốc phát triển theo mảng phát thanh truyền hình, đồng thời phối hợp với Hội Quốc ngữ của Bộ Giáo Dục để tham gia các khóa đào tạo giáo viên dạy tiếng mẹ đẻ cấp cơ sở. Ngoài ra, ông còn kết hợp với Khâu Văn

Tích để cùng biên tập *Từ Điển Tục Ngữ* (俗語辭典) và *Từ Điển Đối Chiếu Hoa Đài* (華台語對照辭典), xuất bản sách *Koa-a-chheh* truyền thống và tiểu thuyết chữ Hán có thêm phần ký tự ngữ âm hiện đại với mong muốn thông qua các tài liệu này truyền bá tư tưởng của mình. Những thành viên cá nhân khác có thể gia nhập hội nhóm khác có tư tưởng tương tự và tham gia các hoạt động phong trào.

2. Hoàng Kính Liên trở về quê hương để phát động phong trào tiếng mẹ đẻ ở phía Nam Đài Loan

Năm 1988, việc Hồng Duy Nhân tham gia giảng dạy ở lớp tiếng Đài do Hoàng Kính Liên (黃勁連) mở trong “Trung Tâm Ngữ Văn Hán Thanh” đã vô tình tạo mối liên kết cho phong trào tiếng mẹ đẻ ở phía Nam Đài Loan.

Hoàng Kính Liên, sinh năm 1946 ở Giai Lý Hưng Đàm Tử Kiến huyện Đài Nam, là vùng đất văn phong hưng thịnh từ thời xa xưa, thời Nhật trị từng được coi là cái nôi của văn học Đài Loan, nổi tiếng với tên gọi “Diêm Phân Địa Đới” (vùng đất làm muối). Hoàng Kính Liên là nhà văn kiệt xuất dưới thể chế tiếng Hoa sau chiến tranh, năm 1970 (khi mới 25 tuổi) đã vinh dự giành được giải thưởng “Nhà thơ trẻ ưu tú toàn quốc”. Năm 1979 (34 tuổi), trước Sự kiện Mỹ Lệ Đảo, ông kết thúc sự nghiệp trong ngành xuất bản ở Đài Bắc, trở về quê nhà Giai Lý Hưng Đàm Tử Kiến, cùng với những người đồng chí trong giới văn học Đài Nam lên kế hoạch tổ chức “Trại Văn Học Diêm Phân Địa Đới Lần Thứ Nhất”. Đây là hoạt động văn học đầu tiên trong Văn đàn Đài Loan không bị nhà cầm quyền khống chế, cũng là hoạt động tạo

dựng nền tảng cho bản sắc văn học quê hương đầu tiên của nền văn học hiện đại Đài Loan. Cũng trong trại văn học quê hương này, Hoàng Kính Liên thấy rằng mọi người đều quen với việc dùng tiếng Đài để diễn thuyết, như Hường Dương (向陽), Lâm Tông Nguyên (林宗源), Kha Kỳ Hóa (柯旗化), Triệu Thiên Nghi (趙天儀) đều mang những áng thơ sáng tác bằng tiếng Đài của mình ra đọc cho mọi người cùng nghe, khiến ông cảm thấy vô cùng phấn chấn. Cũng tại đây, ý tưởng về việc trở về quê hương Đài Nam phát động cho phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ của ông đã được nhen nhóm.

Năm 1981, Hoàng Kính Liên trở lại Đài Bắc cùng với những người bạn của mình thành lập “Trung Tâm Ngũ Văn Hán Thanh”, mở lớp nghiên cứu ngữ văn Đài Loan và mời Hồng Duy Nhân đến giảng dạy. Đây được coi là điểm khởi đầu cho việc ông tham gia vào phong trào tiếng Đài. Sau đó, ông quyết tâm chấm dứt tất cả sự nghiệp của mình ở Đài Bắc, trở về quê nhà kết hợp với Lâm Tông Nguyên và Thi Bình Hoa (施炳華) thành một khối lực lượng để bắt đầu phát động cho phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ ở phía Nam Đài Loan.

Sau khi trở về Đài Nam, Hoàng Kính Liên đi diễn giảng ở khắp nơi, cùng với sự trợ giúp của Lý Thừa Trung - Chủ tịch Hội Giảng Dạy Văn Học Truyền Thống Thành Phố Đài Nam và Lưu A Tô - Thư ký của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố, ông mở lớp dạy tiếng Đài trong Trường Tiểu Học Trực Thuộc Cao Đẳng Sư Phạm Đài Nam, Phương Diệu Kiền là

một trong những lứa học sinh đầu tiên của lớp này. Ông cũng mở lớp nghiên cứu tiếng Đài ở văn phòng làm việc sau miếu Diên Bình Quân Vương trong 4-5 năm, thu hút thêm nhiều lực lượng ủng hộ tiếng Đài.

Sau đó, dưới sự ủng hộ của “Quỹ Văn Giáo Hương Thành” do Nhan Huệ Sơn - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công Ty Hương Thành sáng lập, Hoàng Kính Liên kết hợp với giáo sư Thi Bình Hoa ở Khoa Trung Văn, Đại Học Quốc Gia Thành Công thành lập các lớp dạy tiếng Đài ở “Hương Thành Sinh Hoạt Học Uyển” (鄉城生活學苑). Tháng 4 năm 1996, thành lập “Hội Đọc Sách Tiếng Đài Hương Thành” (鄉城台語文讀書會) (4/1996 - 3/2001), hội viên chủ yếu là học viên của các lớp tiếng Đài ở Hương Thành, bao gồm: giảng viên Đại học và giáo viên PTTH, THCS và PTCS; cũng có người làm nội trợ, lái xe *taxi*, dẫn chương trình truyền hình, nghiên cứu lịch sử văn học, kinh doanh v.v... đủ mọi đối tượng ngành nghề. Những người sau đó thành danh có: Phương Diệu Kiên, Chu Định Bang (周定邦), Hứa Chính Huân (許正勳), Đồng Phong Chính (董峰政), Trần Thái Nhiên (陳泰然), Trần Chính Hùng (陳正雄), Vương Tông Kiệt (王宗傑), Lam Thục Trinh (藍淑貞) v.v... Những người này sau đó đều trở thành những nhà hoạt động phong trào cốt cán và là những nhà văn tiếng Đài quan trọng của vùng Đài Nam. Hội viên trong Hội gặp mặt mỗi tuần một lần, cùng nhau đọc sách và bình luận về các tác phẩm tiếng Đài. Một bộ phận thành viên bắt đầu thử sáng tác văn học, tháng 6 năm 1997 thành lập “Câu Lạc Bộ Thơ Hoa Cỏ Lau” (菅

芒花詩社) và *Tập san Thơ Hoa Cỏ Lau* (菅芒花詩刊), vào tháng 1 năm 1999, thành lập tạp chí *Văn học tiếng Đài Hoa Cỏ Lau* (菅芒花台語文學).

Ngày 9 tháng 5 năm 1998, tại Hương Thành Học Uyển ở địa chỉ tầng hầm B1 số 375 đường Dụ Nông của thành phố Đài Nam, các thành viên trong Hội Đọc Sách Tiếng Đài Hương Thành đã thành lập “Hội Văn Học Tiếng Đài Hoa Cỏ Lau Thành Phố Đài Nam”. Hoàng Kính Liên trở thành chủ tịch sáng lập Hội, những người sau đó lần lượt giữ chức chủ tịch gồm: Thi Bình Hoa, Phương Diệu Kiên, Chu Định Bang và Lam Thực Trinh. Tôn chỉ sáng lập Hội là:

“Kết hợp các nhân sĩ quan tâm đến tiếng Đài, cùng đảm bảo sự tiếp tục phát triển của ngữ văn Đài Loan, thiết lập nền tảng xã hội mới đa văn hóa, đa ngôn ngữ cho Đài Loan, thúc đẩy sự giao lưu tìm hiểu, tôn trọng và chung sống hòa bình giữa các tộc người có ngôn ngữ khác nhau; kế thừa Phong trào ngôn ngữ và chữ viết Đài Loan do Hoàng Thạch Huy và Quách Thu Sinh đề xướng vào năm 1930, cổ vũ “nói tiếng mẹ cha, viết chữ Đài Loan”, xây dựng một nền văn học Đài Loan với sự tôn nghiêm cần có”.

Tôn chỉ này thể hiện rằng họ đã “kế thừa phong trào vận động vì ngôn ngữ và chữ viết Đài Loan do Hoàng Thạch Huy (黃石輝) và Quách Thu Sinh (郭秋生) đề xướng vào năm 1930”, phải “thành lập một nền văn học Đài Loan với sự tôn nghiêm cần có”. Hơn nữa, điều mà họ hướng tới không chỉ dừng lại ở hoạt động đấu tranh vì tiếng mẹ đẻ, mà còn tham vọng phát triển cả nền văn học tiếng mẹ đẻ. Hội này

cũng giống với những câu lạc bộ văn Đài khác, ngoài những hoạt động đấu tranh vì tiếng mẹ đẻ và dạy tiếng mẹ đẻ như: mở lớp nói chuyện tiếng Đài Phủ Thành, lớp tập huấn tiếng Đài, đêm hội biểu diễn thơ ca ca dao Đài Loan, tổ chức trại văn học tiếng Đài, trợ giúp mở câu lạc bộ tiếng Đài trong các trường học, tổ chức hoặc liên kết tổ chức hội thảo v.v... mục tiêu chủ yếu của Hội là nhằm đẩy mạnh sáng tác văn học tiếng Đài và xuất bản những ấn phẩm văn học tiếng Đài.

Sau đó, Lam Thực Trinh còn thành lập thêm “Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài Vùng Rừng Ngập Mặn”, Chu Định Bang thành lập “Văn Phòng Nghệ Thuật Hát Nói Đài Loan”, vợ chồng Hứa Chính Huân và Hoàng Kim Phần kết hợp thành lập “Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài Phủ Thành” (府城台語文推展協會), tất cả các tổ chức trên đều như những nhánh cây con nảy mầm từ cái gốc “Hoa Cỏ Lau”. Ngoài ra, Phương Diệu Kiển, Chu Định Bang, Trần Chính Hùng sau đó còn tham gia thành lập *Văn Nghệ Đài Loan* (台灣文藝) và *Đài Văn Chiến Tuyến* (台文戰線), cũng đều được coi là những động thái diễn tiến văn học xuất phát từ nhóm “Hoa Cỏ Lau”.

3. Tập chí Văn học tiếng Đài Hai-ang đi sâu vào tầng lớp giáo viên tiếng Đài cấp Tiểu học và Trung học cơ sở

Hoàng Kính Liên sau khi rời khỏi Hội Văn Học Tiếng Đài Hoa Cỏ Lau thì quen Thái Kim An (蔡金安), người sáng lập Tổ Chức Văn Giáo Kim An⁶⁴. Lần đầu tiên bước vào văn

64 Tổ chức Văn Giáo Kim An là công ty chuyên xuất bản sách tham khảo, đề thi dành cho bậc Tiểu học, Trung học cơ sở. Người sáng lập ra tổ chức này là Thái Kim An.

phòng của Thái Kim An, ông nhìn thấy khung tranh treo dòng chữ “xin hãy nói tiếng Đài” thì vô cùng cảm động. Thế là nhân duyên đến với hai người có cùng chung chí hướng với văn học tiếng Đài. Năm 2000, Hoàng Kính Liên bỏ việc dạy học ở các nơi khác, chuyển đến làm việc ở Kim An, đảm nhiệm chức Tổng biên tập kiêm cố vấn văn học tiếng Đài, dốc toàn tâm toàn sức cho sự nghiệp xuất bản tiếng Đài, chuyên tâm xuất bản sách giáo khoa dạy tiếng Đài cho cấp Tiểu học. Ông còn làm chủ biên tạp chí *Văn học tiếng Đài Hai-ang*⁶⁵ (海翁台語文學), từ đó kêu gọi thêm được lực lượng ủng hộ cho phong trào tiếng mẹ đẻ từ các thầy cô giáo dạy tiếng Đài bậc Tiểu học và Trung học cơ sở.

Văn học tiếng Đài Hai-ang là một tạp chí văn học tiếng Đài được in ấn tinh tế đẹp mắt, kết hợp nhuần nhuyễn cả tính giáo dục và văn học trong một ấn phẩm. Tạp chí này nhắm thẳng tới đối tượng sử dụng chính là các thầy cô giáo dạy tiếng Đài trực tiếp ở bậc Tiểu học và Trung học cơ sở. Chính vì thế, về mặt chữ viết, tạp chí này cố gắng tuân theo các tiêu chuẩn của nhà nước, ban đầu trong phần nội dung, ngoài việc sử dụng bản cải tiến của *TLPA* cho hệ thống phiên âm, đồng thời vẫn tôn trọng các hệ thống chữ viết của mỗi tác gia khác nhau. Sau đó, Bộ Giáo Dục công bố một số gợi ý khi sử dụng chữ Hán, vào cuối năm 2006 lại công bố Hệ thống phiên âm La tinh tiếng Mân Nam Đài Loan. Cũng vào tháng 12 năm đó, kỳ 60 của tạp chí *Văn học tiếng Đài Hai-ang* đã đi tiên phong trong việc phối hợp với chính sách của

65 Chú thích của dịch giả: trong tiếng Đài nghĩa là cá voi.

Bộ Giáo Dục, tránh đi những tranh cãi trong hệ thống viết, để đưa văn học tiếng Đài đi sâu vào thể chế giáo dục một cách thuận lợi và đến với các tầng lớp giáo viên dạy tiếng Đài. Nhằm nâng cao hiệu quả thực tế cho việc đưa văn học tiếng mẹ đẻ vào hệ thống giáo dục, tạp chí này cũng đăng tải rất nhiều kịch thiếu nhi, thơ thiếu nhi, truyện thiếu nhi và cả những bài viết mẫu để thi hùng biện cho học sinh bậc Tiểu học, cung cấp giáo trình dành cho các giáo viên dạy tiếng mẹ đẻ sử dụng.

Văn học tiếng Đài Hai-ang chú trọng đến việc sắp xếp lại dòng văn học dân gian, đăng tải những bài viết bình luận về các bài ca dân gian và biên tập lại những câu chuyện dân gian v.v... Đây là những đóng góp đáng được ghi nhận. Ngoài ra, *Văn học tiếng Đài Hai-ang* mỗi kỳ đều cố định đăng tải một đến hai bài luận văn nghiên cứu văn học. Điều này có ý nghĩa tiêu biểu trong việc nghiên cứu học thuật chuyên sâu cho văn học tiếng Đài. Tạp chí này cũng đăng tải rất nhiều bài tham luận nghiên cứu văn học tiếng Đài, tích lũy được chiều sâu nhất định đối với lý luận về phương pháp viết tiếng mẹ đẻ, sử luận về phong trào văn học tiếng Đài, bài viết và nghiên cứu của các tác gia tiếng Đài (Hoàng Kính Liên, Lâm Ương Mẫn, Lý Cần Ngạn, Phương Diệu Kiển, Trang Bách Lâm, Trần Lôi, Trần Minh Nhân, Hướng Dương v.v...) cùng với vấn đề mỹ học trong các tác phẩm của họ. Tạp chí này có cống hiến to lớn trong việc bao quát và tham khảo về lịch sử văn học tiếng Đài. Những học giả nghiên cứu văn học tiếng Đài tiêu biểu như Lý Cần Ngạn, Hứa Cực Đôn (許極)

燉), Sakabulajo, A.D. (沙卡布拉揚), Hồ Dân Tường (胡民祥), Phương Diệu Kiến, Trần Hằng Gia (陳恆嘉), Thi Bình Hoa, Lâm Ương Mẫn, Tưởng Vi Văn (蔣為文), Hoàng Kính Liên, Diệp Địch (葉笛), Liêu Thụy Minh, Thi Tuấn Châu, Chu Hoa Bân (周華斌), Lữ Mỹ Thân v.v... đều có bài viết trên tạp chí này.

Bên cạnh việc xuất bản *Văn học tiếng Đài Hai-ang*, Tổ Chức Văn Giáo Kim An cũng xuất bản một ấn phẩm về giảng dạy văn học tiếng Đài mang tên *Quý san giảng dạy Ngữ văn Đài Hai-ang* vào tháng 9 năm 2008. Trong đó chủ yếu ưu tiên tính ứng dụng của tập san, với mục đích là đáp ứng những nhu cầu thực tế trong giảng dạy tiếng mẹ đẻ mà đối tượng sử dụng là những giáo viên tiếng Đài và những nhân sĩ có hứng thú với tiếng Đài.

Đối với lĩnh vực xuất bản văn học tiếng Đài mà nói, Tổ Chức Văn Giáo Kim An đã phát hành rất nhiều tuyển tập sáng tác văn học tiếng Đài. Như bộ sách gồm 15 tập “Đài Ngữ Văn Học Đại Hệ” là điểm sáng nhất trong các ấn phẩm của văn học tiếng Đài, bao gồm: *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Hứa Bính Đình* (許丙丁台語文學選), *Tuyển tập Thơ tiếng Đài Lâm Tông Nguyên* (林宗源台語詩選), *Tuyển tập Thơ tiếng Đài Hướng Dương* (向陽台語詩選), *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Lâm Ương Mẫn* (林央敏台語文學選), *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Hoàng Kính Liên* (黃勁連台語文學選), *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Trần Minh Nhân* (陳明仁台語文學選), *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Hồ Dân Tường* (胡民祥台語文學選), *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Trần Lôi*

(陳雷台語文學選), *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Sakabulajo*, A.D. (沙布卡拉揚台語文學選), *Tuyển tập Thơ tiếng Đài Lý Căn Ngạn* (李勤岸台語詩選), *Tuyển tập Thơ tiếng Đài Lâm Trầm Mặc* (林沉默台語詩選), *Tuyển tập Thơ tiếng Đài Trang Bách Lâm* (莊柏林台語詩選), *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Nhan Tín Tinh* (顏信星台語文學選), *Tuyển tập Thơ tiếng Đài Lộ Hàn Tự* (路寒袖台語詩選), *Tuyển tập Thơ tiếng Đài Phương Diệu Kiến* (方耀乾台語詩選). Tính đến nay, đây là công trình xuất bản đồ sộ kinh điển nhất của văn học tiếng Đài.

Năm 2003, Tổ Chức Văn Giáo Kim An bắt đầu tổ chức “Giải thưởng văn học tiếng Đài Hai-ang” (海翁台語文學獎) (những loại hình được trao giải bao gồm tiểu thuyết, thơ, tản văn và văn học thiếu nhi), Ngô Kim Đức, một Đài kiều sống tại Mỹ đã tài trợ phần lớn kinh phí cho hoạt động này. Trong đó, tôn chỉ của hoạt động rất rõ ràng: “1. Lấy việc quảng bá văn học Bạch Thoại tiếng Đài làm mục đích hoạt động. 2. Cổ vũ những nhân tài mới tham gia sáng tác văn học tiếng Đài”. Trong thời kỳ đầu, để động viên những người mới tham gia sáng tác, nên điều kiện chỉ giới hạn dành cho những người có bài viết bằng tiếng Đài trong vòng 10 năm trước khi tranh giải, đồng thời phải có bài viết được đăng trên tạp chí *Văn học tiếng Đài Hai-ang*. Sau đó, do nhận được nhiều góp ý, nên giải văn học này đã loại bỏ quy định giới hạn 10 năm. Đến lần thứ tư, số người tham gia giải thưởng văn học tăng lên rất nhiều, chất lượng tác phẩm cũng được nâng cao rõ rệt. Điều này có tác dụng

cổ vũ lớn lao đối với thế hệ mới theo đuổi sự nghiệp sáng tác văn học tiếng Đài. Từ những nhà văn đoạt giải, có thể phát hiện ra rất nhiều cây bút trẻ có tiềm năng như: Vương Trinh Văn, Hồ Trường Tùng (胡長松), Lâm Văn Bình, Dương Hồn Hiển (楊焜顯), Trần Chính Hùng, Trần Đình Tuyên (陳廷宣), Kha Bách Vinh (柯柏榮), Vương Chiêu Hoa (王昭華), Lữ Mỹ Thân (呂美親), Lý Trường Thanh (李長青) v.v...

Ngoài ra, bắt đầu từ năm 2005, Tổ Chức Văn Giáo Kim An đều tổ chức Trại Văn Học Đài Loan *Hai-ang* vào mỗi năm để mở rộng chiêu sinh ra bên ngoài. Đây được coi là sự tiếp nối tinh thần của phong trào vận động ngoài thể chế, nhân rộng tư tưởng về văn học tiếng mẹ đẻ Đài Loan. Trại lấy tên là “Văn Học Đài Loan”, chứ không phải “Văn Học Tiếng Đài”, với hy vọng văn học Đài Loan có thể thoát khỏi ảnh hưởng về cách viết của tiếng Hoa và phản đối việc văn học Đài Loan bị văn học Trung Quốc dị hóa trong một thời gian dài. Nếu ta đối chiếu với tập kỷ yếu *Đòi lại tên chuẩn cho Văn Học Đài Loan* (台灣文學正名) do Tổ Chức Văn Giáo Kim An xuất bản vào năm 2006 thì có thể thấy rõ được ý chí của phong trào vận động vì tiếng mẹ đẻ đã có bước quá độ sang văn học hậu thực dân.

III. Phong trào tiếng mẹ đẻ của phái chữ La tinh

Trước khi phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ được khởi xướng, các tộc người ở Đài Loan do bị ép học “Quốc ngữ” mà tự động từ bỏ tiếng mẹ đẻ, giúp cho thể chế tiếng Hoa dần dần đi vào ổn định. Nhưng những người Đài Loan ở Mỹ

và Nhật Bản lại không hề bị đè nén nên vẫn kiên quyết bảo tồn tiếng mẹ đẻ của mình. Họ thông qua các trường học và phương tiện truyền thông của cộng đồng người Đài Loan để duy trì tiếng mẹ đẻ. Ngay từ đầu những năm 70 của thế kỷ 20, họ đã bắt đầu tiến hành phong trào vận động vì tiếng Đài. Đến những năm 90, *Đài Văn Thông Tấn* (台文通訊) thiết lập trụ sở liên lạc ở Đài Loan, sau đó thông qua việc mở rộng phát triển “Hội Giao Lưu Độc Giả” và sự gắn kết với phong trào vận động vì tiếng mẹ đẻ trong nước, đã quy tụ một cách thành công nguồn lực phong trào từ những đoàn thể người Đài Loan ở trong và ngoài nước, đưa phong trào tiếng mẹ đẻ từ nước ngoài mở rộng về đến Đài Loan.

Trên con đường đưa phong trào tiếng mẹ đẻ từ nước ngoài mở rộng về Đài Loan, ngoài việc quy tụ được nguồn lực ủng hộ từ những tổ chức người Đài Loan ở nước ngoài, một điều đặc biệt hơn nữa là vì khác với phong trào tiếng mẹ đẻ theo phái chữ Hán đã có trong nước lúc đó, nên sự xuất hiện của phong trào này như mở ra một cánh cửa mới cho phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ, làm thay đổi quan niệm truyền thống chỉ muốn dựa vào chữ Hán. Hơn nữa, nhờ tiếp thu kiến thức của ngôn ngữ học hiện đại phương Tây, phong trào này đã vạch ra được sách lược mới cho vấn đề ngôn ngữ. Trong đó chú trọng vào ứng dụng thông tin và truyền thông, đồng thời thông qua các ấn phẩm của phong trào chữ viết tiếng Đài để đẩy mạnh công tác phục hưng tiếng mẹ đẻ, từ đó tạo ra một luồng gió mạnh mẽ, hiện đại và tân tiến.

1. Phong trào chữ viết tiếng mẹ đẻ của người Đài Loan ở hải ngoại

Sau chiến tranh, rất nhiều du học sinh Đài Loan đến học tập ở các nước Bắc Mỹ đã chọn lựa con đường ở lại tiếp tục phát triển và định cư ở nước bạn. Nhưng họ đều rất có ý thức trong việc gìn giữ bảo tồn tiếng mẹ đẻ và văn hóa của mình. Những người đồng hương Đài Loan ở hải ngoại này đã cố gắng mở những lớp tiếng Đài trong các trường tiếng Hoa để có thể truyền dạy tiếng mẹ đẻ cho các thế hệ con em của mình. So với tình hình trong nước lúc đó thì ở đây càng có nhiều không gian bảo tồn tiếng mẹ đẻ hơn. Sau đó, họ kết hợp với những nguồn lực từ các đoàn thể độc lập của Đài Loan ở nước ngoài để hình thành nên phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ của người Đài Loan ở hải ngoại.

Những năm 70 của thế kỷ 20, hoạt động của tổ chức Liên Minh Đài Loan Độc Lập (UFI) từ Nhật Bản đã lan rộng sang các nước Bắc Mỹ là Mỹ và *Canada* v.v... Những tổ chức đoàn thể người Đài Loan ở hải ngoại thông qua các hội đồng hương ở khắp mọi nơi được tích cực nhân rộng, thiết lập mạng lưới và dần dần hoàn thiện. Tháng 6 năm 1966, những đại diện của Liên Minh Đài Loan Độc Lập ở khắp mọi nơi trên nước Mỹ đã thành lập “Liên Minh Đài Loan Độc Lập Toàn Mỹ” (UFAI) ở *Philadelphia*. Để tiện cho việc liên lạc, từ mùa thu năm 1968, những cán bộ chủ chốt đều lần lượt chuyển đến *New York*. Sau đó một năm, vào ngày 20 tháng 9 năm 1969, họ tập hợp những đoàn thể Đài Loan Độc Lập ở Mỹ và Nhật Bản để thành lập Liên Minh Đài Loan Độc Lập

toàn thế giới ở *New York* (WUFI). Vào mùa hè hằng năm, các hội đồng hương Đài Loan ở khắp nơi lại liên kết tổ chức “Trại hè”. Trong thời gian diễn ra hoạt động, ban tổ chức mời những chuyên gia nghiên cứu về văn hóa ngôn ngữ Đài Loan từ trong nước sang diễn giảng, tuyên truyền tư tưởng thành lập nước Đài Loan độc lập. Trong đó, vấn đề ý thức tiếng mẹ đẻ Đài Loan cũng là một trong những chủ đề được đưa ra thảo luận. Thông qua những hoạt động này đã gắn kết tình cảm và tăng tình đoàn kết giữa người Đài Loan với nhau. Phong trào vận động vì tiếng mẹ đẻ của người Đài Loan ở hải ngoại (bao gồm tiếng Đài và tiếng Khách Gia) đã được hình thành và lan rộng cũng chính từ những hoạt động ý nghĩa này.

1.1. Phong trào chữ viết tiếng Đài ở Mỹ và giấc mơ truyền thông Đài Văn

Khảo sát trên những tài liệu lịch sử cho thấy, tổ chức đoàn thể đấu tranh cho ngôn ngữ chữ viết mẹ đẻ xuất hiện sớm nhất ở hải ngoại là “Trung Tâm Quảng Bá Ngôn Ngữ Đài Loan” (*The center for the Study Promotion of the Taiwanese Languages*) do Lý Phong Minh (李豐明) và những cộng sự sáng lập ở *New York*. Tổ chức này đã sáng lập song nguyệt san *Đài Ngữ Thông Tấn* (台語通訊) vào ngày 15 tháng 8 năm 1975, trong đó Lý Phong Minh làm chủ biên. Khi mới bắt đầu phát hành, tờ báo này dùng toàn bộ chữ Hán để trình bày và in ấn, nhưng từ kỳ thứ ba trở đi bắt đầu chuyển sang viết bằng chữ La tinh. Tập san này phát hành được 200 bản, mục đích chủ yếu là quảng bá giảng dạy tiếng Đài và cung

cấp một nơi thực nghiệm cho các phương pháp viết tiếng Đài. Tháng 10 năm 1976, “Trung Tâm Quảng Bá Ngôn Ngữ Đài Loan” thông qua phê chuẩn của chính quyền thành phố *New York* đã đổi tên thành “Trung Tâm Quảng Bá Ngữ Văn Đài Loan” (台灣語文推廣中心), thể hiện nội dung quảng bá bao gồm cả hai hạng mục là ngôn ngữ và văn hóa.

Tháng 5 năm 1977, “Trung Tâm Quảng Bá Ngữ Văn Đài Loan” biểu quyết thông qua, từ kỳ thứ 7 trở đi, *Đài Ngữ Thông Tấn* chuyển thành báo giấy và đổi tên thành *Đài Loan Ngữ Văn Nguyệt Báo* (台灣語文月報 - *Taiwan Linguistic & Cultural Monthly*). Đây là tờ báo đầu tiên của người Đài Loan được phát hành ở các nước Bắc Mỹ. Tờ báo này tiếp tục sử dụng kết hợp chữ Hán và chữ La tinh tiếng Đài để viết, truyền tải nội dung bao gồm vấn đề ngôn ngữ và chữ viết Đài Loan và những bài thơ tình thất ngôn trong những năm 30 của thế kỷ 20, số lượng phát hành được nâng lên thành 1.000 bản, người phát hành vẫn là Lý Phong Minh. Trần Thanh Phong (陳清風) phụ trách biên tập, in ấn và phát hành ở *Chicago*, Trịnh Lương Vĩ ở *Hawaii* làm cố vấn ngôn ngữ. Lý Phong Minh, Khâu Văn Tông phụ trách quảng bá ở *New York*, ngoài các nước Bắc Mỹ, tờ báo này còn được gửi đến các nơi như châu Âu và Nhật Bản.

Từ những thông tin mà *Đài Loan Ngữ Văn Nguyệt Báo* truyền tải qua mỗi kỳ, có thể thấy được Trung Tâm Quảng Bá Ngữ Văn Đài Loan đã tổ chức rất nhiều hoạt động liên quan đến chữ viết tiếng Đài ở khắp mọi nơi trên đất Mỹ, bao gồm: lớp học cấp tốc chữ *Peh-oe-ji*, lớp dạy học tiếng Đài,

hội thưởng thức văn hóa Đài Loan, triển lãm văn hóa và ngôn ngữ Đài Loan, hội trại hè thiếu nhi, biểu diễn kịch nói v.v... Ngoài ra, tổ chức này còn xuất bản giáo trình dạy chữ *Peh-oe-ji*, giáo trình cho thiếu nhi, băng nhạc ca dao dân ca Đài Loan, tự điển hình ảnh v.v...

Tháng 5 năm 1978, *Đài Loan Ngữ Văn Nguyệt Báo* lại đổi tên thành *Đài Loan Luận Báo* (台灣論報 - *Taiwan Tribune*) và tiếp tục phát hành, đến tháng 1 năm 1979 sau kỳ thứ 21 thì ngưng phát hành. Sau đó, một bộ phận thành viên của tờ báo này đã chuyển hướng sang tham gia thành lập *Á Châu Thương Báo* (亞洲商報).

Sau khi *Đài Loan Luận Báo* ngưng phát hành vào đầu năm 1979, nhiệt huyết của người Đài Loan ở khu vực Mỹ và *Canada* đối với phong trào tiếng mẹ đẻ vẫn không hề giảm sút. Thỉnh thoảng, họ vẫn đăng các tác phẩm văn học tiếng Đài và thông tin về các hoạt động chữ viết tiếng Đài thông qua các tờ báo tiếng Trung khác ở các nước Bắc Mỹ để tiếp nối sinh mệnh cho phong trào và thậm chí là đưa tầm ảnh hưởng mở rộng về trong nước.

Sự phát triển của phong trào chữ viết tiếng Đài ở hải ngoại luôn đi kèm với truyền thông báo chí. Trong đó, *Đài Loan Công Luận Báo* là báo tiếng Trung ủng hộ cho chữ viết tiếng Đài nhất. Năm 1990, tờ báo này đã bắt đầu đăng tải liên tục tiểu thuyết dài tập “Căn bệnh quái lạ của Lý Thạch Đầu” (李石頭的古怪病) có đối chiếu song ngữ Hoa - Đài của Trần Lôi (陳雷). Năm 1991, *Đài Văn Thông Tấn* (台文通訊) được sáng lập ở *Los Angeles*. Sau đó 1 năm, vào kỳ thứ

1084 của *Đài Loan Công Luận Báo*, tờ báo này bắt đầu thêm phần “Hộp Thư Đài Văn Thông Tấn” để truyền tải những nội dung của *Đài Văn Thông Tấn*. Năm 1994, Thái Chính Long được bầu làm chủ tịch của Liên Minh Đài Loan Độc Lập Kiến Quốc ở Mỹ. Ông nhận thức được tính quan trọng của phong trào chữ viết tiếng Đài đối với việc xây dựng nước Đài Loan độc lập, nên đã quyết định mời Lý Cần Ngạn phụ trách lập nhóm viết xã luận để mở chuyên mục Xã luận tiếng Đài trên *Đài Loan Công Luận Báo*. Công việc này chính thức bắt đầu từ tháng 9 năm 1994 và kết thúc vào giữa năm 1997. Nhóm sáng tác của xã luận tiếng Đài gồm: Lý Cần Ngạn, Hồ Dân Tường, Giản Trung Tùng, Thái Chính Long, Trần Bách Thọ v.v... Trong đó, Hồ Dân Tường viết nhiều bài nhất.

Năm 1996, *Đài Loan Công Luận Báo* mở thêm một chuyên san chữ viết tiếng Đài do Lý Cần Ngạn làm chủ biên. Từ năm 1998 đến năm 2002, Giám đốc xuất bản Dương Huệ Kiều mời Hồ Dân Tường làm chủ biên cho chuyên san văn hóa Đài Loan và vườn văn học, đồng thời đăng tải các tác phẩm sử dụng chữ viết tiếng Đài. Các tác phẩm của vườn văn học bao gồm tiếng Hoa và tiếng Đài, trong đó các tác phẩm tiếng Đài được phân thành loại sử dụng hoàn toàn chữ Hán và loại sử dụng chữ Hán - La tinh kết hợp. Năm 2003, người chịu trách nhiệm phát hành Hứa Thế Mạc (許世模) đã mời Lâm Tuấn Dục (林俊育) tiếp tục biên tập cho “Chuyên san chữ viết tiếng Đài Loan - Vườn Khoai Lang” (番薯園 - 台灣語文專刊), từ nửa trang báo thành cả trang báo. Chuyên san này chủ yếu sử dụng loại

chữ Hán - La tinh kết hợp và cũng có một phần viết hoàn toàn bằng chữ La tinh.

Những tờ báo quan tâm đến chủ đề chữ viết tiếng Đài ở các nước Bắc Mỹ còn có: *Đài Loan Học Sinh (Taiwan Collegian)*, *Thái Bình Dương Thời Báo (Pacific Times)*, *Đài Loan Văn Hóa (台灣文化)*, *Đài Loan Hương Tấn (台灣鄉訊)* v.v... *Đài Loan Học Sinh* tuy đăng tải rất ít bài viết tiếng Đài nhưng cũng từng phát hành một kỳ về chuyên san văn học tiếng Đài. *Thái Bình Dương Thời Báo* là một tờ tuần báo, được Ngô Tây Diện (吳西面) sáng lập vào ngày 15 tháng 6 năm 1987 ở *California*, Mỹ. Bắt đầu từ năm 1991, mỗi tháng dành ra nửa trang báo đăng tải những bài viết của *Đài Văn Thông Tấn* và đưa rất nhiều tin về các hoạt động của tiếng Đài, ví dụ: năm 2001, Lý Cần Ngạn đến Đại Học *Harvard* dạy tiếng Đài, tin về trường học tiếng Đài ở *Los Angeles* và trường học tiếng Đài ở *Washington* v.v... Vào tháng 7 năm 1985, Quỹ Tưởng Niệm Giáo Sư Trần Văn Thành (陳文成教授紀念基金會) phát hành số đầu tiên của *Đài Loan Văn Hóa* (7/1985-3/1989, tổng cộng phát hành 19 kỳ). Trong đó, đăng trên tờ báo này có các sáng tác và luận văn về văn hóa tiếng Đài như “Bàn về sự phát triển văn học hóa của “tiếng Đài Loan” trong thời kỳ phong trào văn học mới của Đài Loan” (台灣新文學運動時期「臺灣話」文學化發展的探討) của Hồ Dân Tường, “Âm văn ngôn và âm Bạch Thoại trong tiếng Đài Loan” (台灣話裡的文言音與白話音) của Trịnh Lương Vĩ, tiểu thuyết tiếng Đài “Rừng long não xinh đẹp” (美麗樟腦林) của Trần Lôi v.v... *Đài Loan Hương Tấn*

(*Houston Taiwanese American Journal*) là nguyệt san do Hội Đồng Hương Đài Loan ở *Houston* (*Taiwanese Association of American - Houston Chapter*) phát hành. Tờ báo này lần lượt phát hành thử vào tháng 11 và tháng 12 năm 1998, sau đó chính thức phát hành vào tháng 1 năm 1999. Đây là ấn phẩm duy nhất ở khu vực *Houston* được xuất bản dựa trên quan điểm của người Đài Loan. Tờ báo này mỗi tháng phát hành 2.000 tờ, và được gửi tặng miễn phí cho các hội viên, thậm chí những người không phải hội viên cũng được đọc miễn phí. Tháng 4 năm 2003, tờ báo này bắt đầu mở thêm chuyên mục đặc san ngữ văn Đài, cho đến tháng 2 năm 2004, những tác gia văn Đài tham gia sáng tác chính có Giản Trung Tùng và Hứa Chuẩn Phu (許隼夫) v.v...

1.2. Tạp chí Đài Văn Thông Tấn ra đời

Phong trào chữ viết tiếng mẹ đẻ ở hải ngoại ngoài những thành quả thể hiện trong các ấn phẩm văn Đài kể trên, về phương diện phong trào đoàn thể xã hội cũng có sự nỗ lực kế tiếp sau đó, ví dụ: năm 1985, những người Đài Loan ở *Los Angeles* đã lập nên “Trường Đài Mỹ Nam Loan”, tiếp tục sự nghiệp dạy học tiếng mẹ đẻ Đài Loan. Ngoài ra, các tổ chức tương đối nổi tiếng có “Hội Xúc Tiến Văn Hóa Đài Loan ở *Chicago*” (芝加哥台灣文化促進會) do Trần Thanh Phong (陳清風) thành lập vào những năm 70, “Hội Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan ở *Los Angeles*” (洛杉磯台灣語文促進會) do Ôn Huệ Hùng (溫惠雄) thành lập năm 1999 và “Câu Lạc Bộ Tiến Bộ Tiếng Đài ở *Boston*” (波士頓台語進步社) do Lâm Tuấn Dục (林俊育) sáng lập vào năm 2002. Những đoàn thể

đấu tranh cho chữ viết tiếng Đài này thường xuyên tổ chức hội đọc sách và các hoạt động liên quan đến văn học tiếng Đài. Hằng năm, trong các hội trại hè của người Đài Loan được tổ chức ở khắp nơi, họ luôn sắp xếp những buổi tọa đàm về chữ viết tiếng Đài. Đây là dịp quan trọng để các hội nhóm hoạt động vì chữ viết tiếng Đài trong và ngoài nước có cơ hội được gặp gỡ, giao lưu và trao đổi ý kiến. Trong đó, trại hè tiếng Đài ở các nước Bắc Mỹ năm 1995 do Thái Chính Long khởi xướng. Lúc này, ông đang giữ chức chủ tịch của Liên Minh Đài Loan Độc Lập Kiến Quốc ở Mỹ. Đây được coi là hoạt động có ý nghĩa tiêu biểu trong việc tiếp nối phong trào chữ viết tiếng Đài ở trong và ngoài nước. Lần đầu tiên, trại hè được tổ chức từ ngày 13 đến 17 tháng 7 năm 1995 ở *Houston, Texas* (Mỹ) đã thu hút được nhiều nhân sĩ tham gia, từ các chuyên gia chữ viết tiếng Đài, các học giả, tác gia và cả những đồng hương yêu thích và quan tâm đến chữ viết tiếng Đài. Sau đó, trại hè này đổi tên thành Trại Văn Hóa Tiếng Đài Thế Giới, khi lan rộng về Đài Loan, Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan tiếp tục tổ chức cho đến ngày nay. Phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ của Đài Loan sau chiến tranh sở dĩ có thể đạt được những thành tích nổi bật, không thể không kể đến công lao tiếp sức và trợ giúp của những lực lượng từ phong trào ở hải ngoại.

Năm 1990, “Hội Tập Sáng Tác Văn Đài” sáng lập nên *Đài Văn Thông Tấn* (台文通訊) ở *Los Angeles* được coi là một bước chuyển ngoặt đầy ý nghĩa cho phong trào chữ viết tiếng Đài ở hải ngoại.

Cuối năm 1990, Lý Phong Minh - người từng làm *Đài Loan Ngữ Văn Song Nguyệt Báo* (台灣語文雙月報) - cùng với một số người khác ở *Los Angeles* trong đó có Trịnh Lương Quang (鄭良光) học cách gõ chữ tiếng Đài trên máy vi tính. Sau khi học xong, họ nảy sinh niềm hứng thú với việc sáng tác và viết tiếng Đài, nên đã sắp xếp gặp mặt định kì để học chữ La tinh, đồng thời cùng nhau chia sẻ và giao lưu viết lách những cảm nhận và suy nghĩ về các tác phẩm văn Đài. Về sau, ngày càng có thêm nhiều người cùng tham gia, nên họ quyết định thành lập “Hội Tập Sáng Tác Văn Đài” (*Taiwanese Writing Forum*). Khi đó, tôn chỉ sáng lập của Hội vô cùng đơn giản, chính là khuyến khích động viên những người thuộc mọi ngành nghề dùng văn Đài để giới thiệu về ngành nghề của mình, để ngôn ngữ và chữ viết Đài Loan có thể sánh kịp với sự phát triển văn minh của xã hội; đồng thời thông qua sự quảng bá cách dùng bộ gõ tiếng Đài trên máy vi tính, thúc đẩy chữ viết tiếng Đài được cập nhật hóa và tiêu chuẩn hóa, bồi dưỡng thêm nhiều tác gia văn Đài, đẩy nhanh công tác tiêu chuẩn hóa chữ viết tiếng Đài. Sau đó, nhờ mối quan hệ với anh trai của Trịnh Lương Quang là Trịnh Lương Vĩ, Hội đã hợp tác với Dự Án Nghiên Cứu Tiếng Đài của Khoa Ngữ Văn Đông Nam Á Trường Đại Học *Hawaii* cho ra đời nguyệt san *Đài Văn Thông Tấn* (台文通訊) vào tháng 7 năm 1991. Tờ báo này đã trở thành cơ sở để các hội viên trong Hội Tập Sáng Tác Văn Đài trình bày các sáng tác của mình. Kinh phí dự trù ban đầu cho tờ báo này là 10.000 đô la Mỹ, những người quyền góp gồm có Vương Thu Sâm, Trịnh Lương Quang, Trần Lập Tông, Giang Chiêu Nghi, Trần Lôi, Trịnh Lương Vĩ, Hồ Duy Cường

v.v... Em trai của Trịnh Lương Vĩ là Trịnh Lương Quang (bút danh La Văn Kiệt) đảm nhiệm chức Tổng biên tập kiêm người chịu trách nhiệm phát hành, Trịnh Lương Vĩ lấy danh nghĩa “Dự Án Nghiên Cứu Tiếng Đài của Khoa Ngữ Văn Đông Nam Á Trường Đại Học Hawaii” đảm nhiệm vai trò người đồng tài trợ.

Đài Văn Thông Tấn được sáng lập vào tháng 7 năm 1991 ở Los Angeles với mục đích chính là làm “mồi lửa” thắp sáng ngọn lửa ngữ văn Đài Loan trước nguy cơ bị diệt vong. Về cơ bản mà nói, *Đài Văn Thông Tấn* là tờ báo nền tảng cho phong trào chữ viết tiếng Đài. Với mục tiêu hoạt động là kêu gọi thức tỉnh ý thức về tiếng mẹ đẻ của người dân và phát triển sáng tác tiếng mẹ đẻ, tờ báo này có những chức năng sau đây:

1. Tuyên truyền nội dung của phong trào chữ viết tiếng Đài, cổ vũ cho những đóng góp nền tảng.
2. Nâng cao hứng thú học tập tiếng Đài / chữ viết tiếng Đài của quần chúng.
3. Gây tầm ảnh hưởng đến chính sách của chính phủ dành cho chữ viết tiếng Đài.
4. Cung cấp cơ sở cho sáng tác nói chung và sáng tác tiếng mẹ đẻ nói riêng.
5. Thúc đẩy sự phát triển ngôn ngữ viết cho tiếng Đài.
6. Giới thiệu và quảng bá văn học tiếng Đài.

1.3. Công tác phát hành và biên tập của *Đài Văn Thông Tấn*

Đài Văn Thông Tấn mỗi tháng xuất bản một kỳ, mỗi kỳ có 16 trang và được in thành 4.000-5.000 bản. Ở các nước

Bắc Mỹ do Quỹ Tưởng Niệm Chị Thông Mỹ (聰美姊紀念基金會)⁶⁶ phụ trách phát hành và chuyển phát, phía Đài Loan do Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khuốc (李江却台語文教基金會) phụ trách. Khâu biên tập và phát hành kỳ đầu tiên của *Đài Văn Thông Tấn* đều được hoàn thành ở *Los Angeles*. Sau đó tờ nguyệt san này được in thành 2.000 bản và tặng miễn phí cho các thành viên của tổ chức “Xã Hội Mới Đài Loan” và “Hiệp Hội Cơ Đốc Giáo của Người Đài Loan ở Bắc Mỹ” v.v... Bắt đầu từ kỳ thứ 2, ra vào tháng 8 năm 1991, mỗi kỳ in 5.000 bản, Nhà Xuất Bản Tiền Vệ (前衛出版社) ở Đài Loan được ủy quyền gửi tặng miễn phí cho các độc giả của mình. Sau đó, tờ báo này đã từng hợp tác khoảng một năm với *Đài Loan Giáo Hội Công Báo* và gửi tặng miễn phí cho các độc giả. Từ kỳ 14 đến kỳ 24, số lượng phát hành của tờ báo này ở Đài Loan tăng lên 10.000 bản, và được tặng miễn phí cho Liên minh Y khoa Đài Loan và các đoàn thể xã

66 Hoàng Thông Mỹ là một bác sĩ, sau khi kết hôn với bác sĩ Y Đằng Bang Hạnh (伊藤邦幸), họ cùng nhau đến *Nepal* hẻo lánh để làm công tác chữa bệnh trong 7 năm. Sau khi trở về Nhật Bản, bà dùng tên Tỉnh Thượng Lỗ Độn (井上魯鈍) quyên góp 5 vạn Yên Nhật cho tạp chí *Thanh Niên Đài Loan* (台灣青年) hằng tháng, nhằm ủng hộ cho phong trào Đài Loan độc lập. Bà cứ âm thầm quyên góp như vậy trong hơn 20 năm cho đến khi qua đời. Năm 1993, em trai của Hoàng Thông Mỹ là bác sĩ Hoàng Thanh Hồng đã thành lập “Quỹ Tưởng Niệm Chị Thông Mỹ” (聰美姊紀念基金會) ở *New York*, Trưởng ban cán sự là mục sư Trần Bá Thọ. Tôn chỉ thành lập Quỹ là kế thừa tình yêu Đài Loan và tinh thần âm thầm cống hiến của Hoàng Thông Mỹ, để ủng hộ cho những nhân sĩ đang xây dựng nền tảng cho các phong trào văn hóa và giáo dục của Đài Loan. Tháng 10 năm 1993, nhằm duy trì và phát triển tiếng mẹ đẻ của Đài Loan, Quỹ này bắt đầu đảm đương công tác phát hành *Đài Văn Thông Tấn*.

hoạt động trong quần chúng về lĩnh vực truyền thông, giáo dục và bảo vệ môi trường. Năm 1992, nội dung của *Đài Văn Thông Tấn* lần lượt được đăng tải trên *Đài Loan Công Luận Báo* (từ kỳ 1084 mở thêm chuyên mục “Hộp Thư Đài Văn Thông Tấn”), *Đài Sinh Báo* của Nhật Bản (từ tháng 8 trở đi), *Đài Loan Giáo Hội Công Báo* (từ tháng 10, mỗi tháng tăng thêm 3 trang), nhờ vậy đã mở rộng thêm mạng lưới phát hành cho *Đài Văn Thông Tấn*.

Bắt đầu từ kỳ 25 ra vào tháng 11 năm 1993, *Đài Văn Thông Tấn* do “Quỹ Tưởng Niệm Chị Thông Mỹ” ở New York Mỹ phụ trách công tác phát hành, số lượng trang đã tăng lên thành mỗi kỳ 16 trang. Cho đến tháng 9 năm 2000, Quỹ Tưởng Niệm Chị Thông Mỹ gặp khó khăn về tài chính, do đó đã phát đi lời kêu gọi khẩn cấp⁶⁷ đến các độc giả của *Đài Văn Thông Tấn*, kêu gọi mỗi độc giả hằng năm quyên góp ít nhất 200 đô la Mỹ hoặc đô la Canada, người quyên góp sẽ được gia nhập vào hàng ngũ đồng phát hành. Ngoài ra, từ cuối năm 1992, tờ báo này đã lập thêm trụ sở liên lạc ở Đài Loan, Nhà Xuất Bản Tiền Vệ và Công ty Truyền thông Đài Loan phụ trách phát hành. Sau năm 1997, tờ báo này chuyển

67 Lời kêu gọi khẩn cấp, được in trong kỳ thứ 80, nhấn mạnh: Nếu như ngôn ngữ Đài Loan biến mất, cái gốc dân tộc và văn hóa Đài Loan cũng sẽ mất theo, người Đài Loan muốn được làm một người Đài Loan chân chính cũng không thể được nữa, chúng tôi kêu gọi các độc giả gia nhập hàng ngũ những người đồng phát hành của *Đài Văn Thông Tấn*, mỗi năm quyên góp ít nhất 200 đô la Mỹ hoặc đô la Canada cho việc phát hành *Đài Văn Thông Tấn*, để tạp chí này được tiếp tục được duy trì. Kết quả là, lời kêu gọi đã thu hút được hơn 100 người tự nguyện tham gia, trong đó có cá nhân và cả đoàn thể. Danh sách đóng góp đều được đăng tải trên mỗi kỳ của *Đài Văn Thông Tấn*.

giao cho Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khước phụ trách phát hành. Tháng 2 năm 2006, Quỹ Tưởng Niệm Chi Thông Mỹ chấm dứt phát hành *Đài Văn Thông Tấn*. Từ kỳ 143 trở đi, Quỹ Lý Giang Khước đảm trách việc phát hành, đến năm 2012 thì tờ báo này cùng với *Báo BONG Đài Văn* (台文BONG報) hợp nhất thành *Báo BONG Đài Văn Thông Tấn* (台文通訊 BONG報) và được tiếp tục phát hành.

Kỳ đầu tiên của *Đài Văn Thông Tấn* do các thành viên của “Hội Tập Sáng Tác Văn Đài” ở *Los Angeles* phụ trách biên tập, Trịnh Lương Quang làm Tổng biên tập và phát hành. Đến năm 1998, từ kỳ 51, công tác biên tập chuyển từ *Los Angeles* sang *Hawaii*, giao cho Lý Cần Ngạn lúc bấy giờ đang học tiến sĩ về ngôn ngữ học Đài Loan ở Đại Học *Hawaii* đảm đương chức Tổng biên tập. Đến mùa hè năm 1999, vì lý do bận học, nên Lý Cần Ngạn đã xin thôi chức Tổng biên tập. Lúc bấy giờ, Chủ tịch Quỹ Tưởng Niệm Chi Thông Mỹ là Trần Bá Thọ, sau khi thảo luận và xin ý kiến bác sĩ Trần Lôi ở *Canada*, đã quyết định từ kỳ 69 ra vào tháng 9 năm 1999, công tác biên tập sẽ chuyển từ *Hawaii* sang *Canada*, đồng thời do các thành viên của “Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn *Toronto*” đảm nhiệm⁶⁸. Đến năm 2011, công việc

68 Nhóm biên tập của *Đài Văn Thông Tấn* ở *Toronto* gồm các thành viên: Trần Lôi, Trần Tinh Húc, Lại Bách Niên, Liêu Bích Ngọc, Lý Xuân Huệ và Trương Tú Mãn, Tổng biên tập là Tô Chính Huyền. Đây là lần đầu tiên kể từ khi sáng lập *Đài Văn Thông Tấn*, công tác biên tập do cả nhóm phụ trách. Tất cả những thành viên này đều làm việc tự nguyện, không có lương và đã đóng góp vô điều kiện thời gian cũng như công sức của mình. Sau đó, có thêm Hứa Văn Chính gia nhập nhóm, đến tháng 2 năm 2002, Trương Tú Mãn đảm nhiệm chức Tổng biên tập, Trần Tinh Húc làm Phó Tổng biên tập.

này lại được chuyển về Đài Loan⁶⁹. Năm 2012, tờ báo này cùng với *Báo BONG Đài Văn* hợp nhất thành *Báo BONG Đài Văn Thông Tấn*.

Hội nghị biên tập của *Đài Văn Thông Tấn* đều cố định họp trước khi xuất bản, công tác chủ yếu của nhóm biên tập gồm có: tập hợp bài viết, chỉnh lý, phiên dịch, chọn bài, sửa bài và hiệu đính; Tổng biên tập phụ trách hướng dẫn và điều chỉnh. *Đài Văn Thông Tấn* sử dụng phương pháp thịnh hành nhất trong giới tiếng Đài hiện nay là “kết hợp chữ Hán - La tinh” để viết. Trong thời kỳ đầu, việc biên tập sử dụng kết hợp hai phần mềm máy tính “Hệ thống tiếng Đài HOTSYS-HAKSYS” do Tô Chi Manh (蘇芝萌) phát minh và “*Taiwanese Package*” của Lưu Kiệt Nhạc (劉杰岳). Mọi công việc gửi bài, nhận bài đều thông qua máy tính và mạng *internet*, sau khi biên tập và chỉnh lý, các bài viết được đồng thời gửi đến *Los Angeles* và Đài Loan để in ấn và chuyển phát, ở các nước Bắc Mỹ do Quỹ Tưởng Niệm Chị Thông Mỹ phụ trách, ở Đài Loan do Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khước phụ trách phát hành.

1.4. Hiệu ứng lan tỏa của *Đài Văn Thông Tấn* ở hải ngoại

“Hội Tập Sáng Tác Văn Đài” sau này đổi tên thành “Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn *Los Angeles*”. Hội

69 Tổng biên tập của *Đài Văn Thông Tấn* qua các thời kỳ: Trịnh Lương Quang (7/1991-7/1997), Lý Cần Ngạn (2/1998-9/1999), Tô Chính Huyền (10/1999-1/2002), Trương Tú Mãn (2/2002-12/2003), Diệp Quốc Cơ (1/2004-1/2012). Đến kỳ thứ 214 (1/2012) thì hợp nhất với *Báo BONG Đài Văn* và đổi tên thành *Báo BONG Đài Văn Thông Tấn* tiếp tục phát hành kỳ 215 (2/2012), Tổng biên tập là Liêu Thụy Minh.

này đã trở thành địa điểm quảng bá chữ viết tiếng Đài cho các tổ chức của người Đài Loan. Sau đó, hình thức tổ chức này được sao chép, áp dụng tại Đài Loan và đã lan rộng một cách thành công phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ ở Đài Loan. Đồng thời, ở hải ngoại “Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn” cũng tiếp tục được thành lập, khiến phong trào chữ viết tiếng mẹ đẻ được mở rộng hơn, diễn hình như cộng đồng người Đài Loan ở *Canada* đã mượn Giáo Hội Liên Hợp *Toronto* để thành lập “Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn *Toronto*” vào tháng 1 năm 1994. “Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn *Toronto*” được thành lập vào tháng 2 năm 1996, mỗi tháng có từ 15 đến 25 người gặp mặt. Các hội viên được chia thành các lớp sơ cấp, trung cấp và cao cấp. Lớp sơ cấp học các khái niệm ngữ văn Đài Loan, còn mục tiêu của lớp trung cấp là biết đọc, biết viết chữ La tinh không ghi dấu thanh điệu, lớp cao cấp phải học xong chữ viết hỗn hợp Hán - La tinh và loại chữ thuần La tinh. Việc phân cấp các lớp học một cách thức linh hoạt, có thể được điều chỉnh bất cứ lúc nào tùy theo tiến độ của học viên. Học viên mới cũng có thể gia nhập bất cứ lúc nào. Dưới sự dẫn dắt của Trần Lôi, mọi người đều hòa nhập một cách nhanh chóng vào các hoạt động như học chữ La tinh, thưởng thức các tác phẩm văn học tiếng Đài, đọc thơ, diễn kịch và tập viết văn Đài. *Toronto* đã nhanh chóng trở thành một trong những đại bản doanh của phong trào chữ viết tiếng Đài ở hải ngoại.

Hội viên của “Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn *Toronto*” chủ yếu là những người nhiệt tình, sống trong

cộng đồng người Đài Loan ở khu vực sở tại. Họ không những có ý thức dân tộc mạnh mẽ, mà còn thường xuyên tham gia các loại câu lạc bộ, đồng thời họ cũng có khả năng tổ chức và vô cùng năng động. Ngoài các cuộc gặp định kỳ, Hội này cũng tổ chức nhiều hoạt động quảng bá chữ viết tiếng Đài, ví dụ như: tổ chức hoạt động diễn thuyết, đăng tạp chí đồng hương, lập ra chuyên mục “mảnh vườn tiếng mẹ đẻ”, và từng biểu diễn bằng tiếng Đài ở các trại hè, hoạt động kỷ niệm ngày 28 tháng 2, dạ tiệc hội đồng hương, ví dụ như đọc thơ tiếng Đài, diễn kịch tiếng Đài và đối đáp nhanh tiếng Đài. Tính ra, đây là tổ chức chữ viết tiếng Đài vẫn tiếp tục hoạt động và duy trì lâu nhất ở nước ngoài cho đến thời điểm này.

Tháng 4 năm 1994, Quỹ Đài Loan tại thành phố *New Jersey* của Mỹ và Liên Minh Đài Loan Độc Lập Kiến Quốc có sự hỗ trợ về tài chính cho *Đài Văn Thông Tấn*. Họ đã gửi tờ nguyệt san này cho toàn bộ ủy viên trung ương của mình ở nước ngoài. Năm 1995, Hội Tập Sáng Tác Văn Đài ở *Los Angeles* đã diễn vở kịch nói tiếng Đài *Hàng xóm bên cạnh* (厝邊隔壁) của Trần Lôi, chủ bút của *Đài Văn Thông Tấn*. Năm 1996, “Trại Hè Ngữ Văn Đài Loan tại Bắc Mỹ Lần Thứ Hai” đã được tổ chức tại *Los Angeles*.

Phong trào ngôn ngữ và chữ viết tiếng Đài ở nước ngoài thời cận đại gần như là đồng bộ với phong trào trong nước. Ngoài *Thanh Niên Đài Loan* (台灣青年) tại Nhật Bản phát hành vào những năm 60 của thế kỷ 20 và tờ *Đài Loan Ngữ Văn Nguyệt Báo* phát hành vào năm 1977, có thể nói

Đài Văn Thông Tấn đã đóng vai trò tiên phong. Từ năm 1991 đến nay, tờ tạp chí này đóng vai trò gieo mầm hạt giống, giữ “hương khói” cho ngôn ngữ và chữ viết Đài Loan. Đây là tạp chí tiếng Đài duy trì phát hành lâu nhất trong nước tính tới thời điểm này. Nó hoàn toàn dựa vào đóng góp tiền bạc và công sức của các độc giả để duy trì vận hành. Điều này thể hiện rõ nét nền móng vững chắc được phong trào ngôn ngữ và chữ viết tiếng Đài ở nước ngoài gây dựng nên. Ảnh hưởng của tạp chí vươn tới các thành phố như *Los Angeles, Houston, Boston* v.v... của các nước Bắc Mỹ. Các thành phố này đều có các trường học và Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Tiếng Đài. Ngoài ra, còn có một số trường đại học đã chính thức mở lớp học tiếng Đài. Hai tờ báo quan trọng trọng nhất của người Đài Loan ở nước ngoài: *Thái Bình Dương Thời Báo* (chuyên mục “Mảnh vườn Đài Văn Thông Tấn”), *Đài Loan Công Luận Báo* (chuyên mục “Vườn Khoai Lang”) đều đã từng đăng các bài viết của *Đài Văn Thông Tấn* trên các chuyên mục của mình.

Từ kỳ 1 đến kỳ 117 của *Đài Văn Thông Tấn*, bản nước ngoài và bản trong nước được phát hành đồng bộ, Viện Nghiên Cứu Trung ương, Bộ Giáo Dục và các trường Đại học đều đã từng yêu cầu *Đài Văn Thông Tấn* cung cấp tài liệu bài viết để họ làm kho ngữ liệu. Thậm chí, một số các bài giảng thực tế đều sử dụng bài viết của *Đài Văn Thông Tấn* làm giáo trình tiếng Đài. *Đài Văn Thông Tấn* đã trở thành kho sử liệu chữ viết tiếng Đài được tất cả mọi người công nhận.

2. Văn Phòng Liên Lạc của Đài Văn Thông Tấn ở Đài Loan và “Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khuốc”

Không lâu sau khi *Đài Văn Thông Tấn* được phát hành tại *Los Angeles*, vào cuối năm 1992, Trịnh Lương Quang đã mời thêm mười người như Vương Thu Sâm, Trương Duy Gia, Vương Lương Ích v.v... mỗi người quyên góp 10.000 Đài tệ, tổng cộng được 100.000 Đài tệ, làm kinh phí ban đầu cho Văn Phòng Liên Lạc ở Đài Loan để quảng bá các hoạt động tiếng mẹ đẻ ở Đài Loan, đồng thời mời Trần Phong Huệ (陳豐惠) làm chủ nhiệm văn phòng này.

2.1. Văn Phòng Liên Lạc của Đài Văn Thông Tấn ở Đài Loan.

Vào ngày 15 tháng 2 năm 1993, Văn Phòng Liên Lạc ở Đài Loan đã thành lập “Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn” lần đầu tiên ở phòng họp của Quỹ Phong Thái tại đường Lâm Thâm Nam của Đài Bắc theo phương thức của “Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn *Los Angeles*”, Chủ tịch hội nghị - ông Đoàn Chấn Vũ (段震宇) cho rằng, chứng bệnh “diệt chủng ngôn ngữ” chắc chắn phải có cách trị liệu mang tính lâu dài và triệt để, đồng thời nhấn mạnh vai trò của hội giao lưu độc giả chính là một cách làm mang tính triệt đó. Thực ra về chất, mục đích của văn phòng này là kết nối độc giả và người tình nguyện ở các khu vực. Độc giả có thể học được cách đọc viết kiểu chữ hỗn hợp Hán - La tinh của tiếng Đài thông qua tổ chức này; đồng thời cũng là để trao đổi thông tin, hưởng ứng và thúc đẩy phong trào tiếng mẹ đẻ khắp nơi trên hòn đảo Đài Loan. Hình thức vận

hành của văn phòng này chủ yếu sẽ tổ chức hội nghị định kỳ hàng tháng, trong đó chủ đề và nội dung của hội nghị gồm: luyện hát bài hát mới tiếng Đài, lần lượt đọc các bài viết của *Đài Văn Thông Tấn*, luyện tập đọc viết chữ La tinh, báo cáo hiện trạng ngữ văn, thảo luận công việc và giao lưu sau hội nghị. Tổ chức này hy vọng thông qua các hội nghị giao lưu cơ sở và nòng cốt, kết hợp những nhân vật có sứ mệnh lịch sử, từ đó sản sinh ra các hành động cụ thể, từng bước đặt cơ sở để hình thành trào lưu mới về nói, đọc, viết, để tiếng mẹ đẻ hồi sinh trên khắp Đài Loan. Kỳ thứ 18 của *Đài Văn Thông Tấn* đã đăng một bài viết chung của Đoàn Chấn Vũ và La Văn Kiệt mang tên “Vá lưới rách: thành lập Hội Giao Lưu Đọc Giả Đài Văn Thông Tấn” - Thành lập Hội Giao Lưu Đọc Giả Đường Lâm Sâm Nam Đài Bắc.

Sau đó, đã có lần lượt tổng cộng 35 hội như vậy được thành lập trên toàn Đài Loan, ví dụ như ở Đạm Thủy (Tưởng Vi Văn), đường Dân Quyền Đông (Trần Phong Huệ), đường Lâm Sâm Nam và đường Dân Sinh Đông (Lâm Liên Lợi), Bản Kiều (Lưu Minh Tân), Tân Trúc (Lý Phong Minh, Lâm Dân Phân và Lâm Dục Khải), Đài Trung (Tăng Chính Nghĩa), Đài Nam (Nhan Tín Tinh). Những người được nêu tên trên đây cũng chính những nhân vật quan trọng của phong trào ngữ văn Đài trong những năm 90 của thế kỷ 20.

Thông qua việc vận hành các hội giao lưu đọc giả, mối quan hệ xã hội nhiều mặt đã được mở rộng phát triển, kết nối được các đoàn thể xã hội và học sinh lại với nhau. Tính tới giữa tháng 8 năm 1993, trên toàn Đài Loan đã lần lượt thành

lập tổng cộng 15 hội giao lưu độc giả, thu hút rất nhiều giáo viên và những nhà hoạt động xã hội tham gia vào phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ đang phát triển rầm rộ trên toàn Đài Loan. Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn đã trở thành “cứ điểm” giải cứu nguy cơ tuyệt chủng của tiếng mẹ đẻ và quảng bá phong trào văn Bạch Thoại tiếng Đài.

Vào ngày 14 tháng 8 năm 1993, Đại hội kỷ niệm hai năm thành lập Đài Văn Thông Tấn và Hội Giao Lưu Độc Giả Toàn Quốc đã được tổ chức tại Khách Sạn Kim Quốc ở Đài Trung. Hoạt động này đã mời toàn thể hội viên của các hội giao lưu độc giả khắp nơi về tụ hội, để bạn bè trong nước và quốc tế, cùng những người quan tâm đến sự phát triển của chữ viết tiếng Đài được gặp gỡ, kết nối tinh thần, trao đổi và xây dựng tiếng nói chung. Hoạt động này chính là một ngày hội lớn của giới tiếng Đài.

Có thể nói, Đài Trung và Chương Hóa là hai địa phương khá thành công trong việc mượn hình thức “Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn” xây dựng “cứ điểm” tại Đài Loan để ươm mầm hạt giống và kết giao những người đồng chí hướng của phong trào chữ viết tiếng Đài. “Hội Giao lưu Đài Trung” được Tăng Chính Nghĩa tổ chức, sau đó ông đã mở thêm lớp dạy sử dụng máy tính bằng tiếng Đài, khuyến khích các thành viên sáng tác bằng tiếng Đài. Hội này sau đó trở thành “Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Ngữ Văn Đài Loan Cơ Sở Đài Trung”, đóng góp cho việc phát hành số đầu tiên của tạp chí *Đài Loan Ngữ Văn Nghiên Cứu Thông Tấn* (台灣語文研究通訊) (20/6/1994-1996, tổng cộng 19 kỳ) và *Tạp Chí*

Đài Văn Hoa Dong Rieng (蓮蕉花台文雜誌) (20/1/1999-20/10/2008, tổng cộng 39 kỳ). Hội Giao Lưu Độc Giả ở Đạm Thủy của Tưởng Vi Văn và ở Tân Trúc của những người như Lâm Dục Khải đã tượng trưng cho một lĩnh vực mới của thế hệ trẻ - phong trào tiếng Đài của học sinh, sinh viên. Hội Giao Lưu Độc Giả Chương Hóa của Trần Phúc Dương (陳福當) phát triển mạnh mẽ, trở thành “căn cứ” chữ viết tiếng Đài ở Chương Hóa. Hội này đã bồi dưỡng được rất nhiều nhà văn tiếng Đài. Mặt khác, từ tháng 10 năm 1999, Hội Giao Lưu Độc Giả *Toronto ở Canada* đảm nhận việc biên tập tạp chí *Đài Văn Thông Tấn* (kỳ 69-214), trong đó có 3 vị Tổng biên tập đều là thành viên của hội.

Văn Phòng Liên Lạc của *Đài Văn Thông Tấn* tại Đài Loan thực ra là một điểm hoạt động mang tính toàn quốc của phong trào chữ viết tiếng Đài. Ngoài việc tích cực xây dựng hội giao lưu độc giả, công việc của đơn vị này cũng là mở các lớp tiếng Đài, tiến hành nhiều hoạt động dạy chữ viết tiếng Đài. Tháng 11 năm 1992, tổ chức này thành lập “Công Ty Truyền Thông Tiếng Đài”, làm chương trình tiếng Đài và phát trên đài phát thanh (ví dụ: tiết mục tiếng Đài đặc sắc “Tiếng hát gió xuân” do Trần Minh Nhân, Trần Phong Huệ dẫn chương trình, được phát đi từ Đài Phát Thanh Bảo Đảo Tân Thanh *TNT* lúc bảy giờ), làm các sản phẩm tiếng Đài như các loại băng đĩa ghi âm tiếng Đài, hoạt hình tiếng Đài để tung ra thị trường. Tháng 1 năm 1993, Văn Phòng Liên Lạc đã hỗ trợ thành lập tạp chí *Khách Gia Đài Loan* (客家台灣) - một tạp chí tiếng Khách Gia được

viết bằng ngữ văn Đài đầu tiên trên toàn thế giới. Năm 1993, Văn Phòng Liên Lạc cũng hỗ trợ một số sinh viên như Lô Đản Xuân (盧誕春), Dương Duẩn Ngôn (楊允言), Phan Khoa Nguyên (潘科元) thành lập “Hội Sinh Viên Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan”.

Năm 1996, có một phong trào tiếng mẹ đẻ rất đặc biệt. Đó là một số người như Trần Minh Nhân đã tham gia và thành lập “Đảng Thanh Tản Bản Địa Màu Xanh” (sau này đổi tên thành Đảng Xanh), đồng thời đại diện cho các tổ chức chữ viết tiếng Đài cử Trần Phong Huệ, Liêu Thụy Minh tham gia bầu cử Đại Hội Quốc Dân năm đó. Họ đưa ra một chính kiến chung là “yêu tiếng mẹ đẻ, không phải yêu bầu cử”, đồng thời hy vọng mượn việc bầu cử để tăng thêm sự chú ý của xã hội, từ đó quảng bá cho phong trào tiếng mẹ đẻ. Mặc dù không trúng cử đúng theo như dự đoán, nhưng sự việc này đã tạo được thanh thế nhất định cho phong trào chữ viết tiếng mẹ đẻ.

2.2. “Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khước” và Báo BONG Đài Văn

Mùa hè năm 1996, sau khi cuộc bầu cử Đại Hội Quốc Dân kết thúc, “nhóm ba người” gồm có Trần Minh Nhân, Trần Phong Huệ và Liêu Thụy Minh đã đi khu vực Mỹ và Canada tham gia Trại Hè Ngữ Văn Đài Lần Thứ Hai, đồng thời tranh thủ tổ chức *tour* giới thiệu và quảng bá văn học tiếng Đài cho các tổ chức của người Đài Loan. Họ đã nhận được rất nhiều hưởng ứng nhiệt tình của đồng hương Đài Loan. Chuyến công du ở nước ngoài này đã xúc tiến hai

việc: thành lập tạp chí *Báo BONG Đài Văn* và Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khuốc.

Sau khi “nhóm ba người” trên trở về Đài Loan, nhận thấy Đài Loan vào thời điểm bấy giờ còn thiếu mảng truyền thông chịu tiếp nhận các tác phẩm chữ viết tiếng Đài, vì vậy, họ quyết định phải thành lập một tạp chí để làm “mảnh vườn” đón nhận các tác phẩm văn học nhiều hơn và tốt hơn để đặt nền móng cho văn học tiếng Đài. Do đó, trên cơ sở hội viên cơ bản của Hội Sáng Tác Văn Đài Đài Bắc⁷⁰, họ đã tích cực cho ra đời *Báo BONG Đài Văn* vào năm 1996 - một tạp chí chuyên nghiệp về văn học tiếng Đài, chú trọng vào tính văn học, tính chuyên nghiệp và tính linh hoạt để đưa phong trào chữ viết tiếng Đài từ giai tầng ngôn ngữ tiến lên bước vào giai tầng văn học, thậm chí là giai tầng văn hóa. Có thể coi đây là bước khởi đầu cho một giai đoạn khác của phong trào chữ viết tiếng Đài ở Đài Loan trong những năm 80, cũng là sự mở rộng của *Đài Văn Thông Tấn* từ nước ngoài.

Năm 1996, trong lần diễn thuyết ở *Pittsburgh* (Mỹ), có một đồng hương Đài Loan là Lâm Tích Dương (林哲陽) vô cùng đồng thuận với lý tưởng của phong trào quảng bá chữ viết tiếng Đài của “nhóm ba người” trên. Ông cho rằng nên thành lập một quỹ để hỗ trợ lâu dài cho phong trào này. Do đó, không lâu sau khi “nhóm ba người” trở về Đài Loan, vào năm 1997, hai vợ chồng ông Lâm Tích Dương đã quyên tặng

70 Hội Sáng Tác Văn Đài ở Đài Bắc là tổ chức được hình thành từ việc cải tổ Hội Giao Lưu Độc Giả *Đài Văn Thông Tấn* vào năm 1995, tổ chức này thường xuyên tổ chức gặp mặt và các hoạt động định kỳ ở Văn Phòng Liên Lạc.

hai triệu Đài tị, đồng thời đăng ký thành lập “Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khuốc” trở thành quỹ chuyên trách về các hoạt động quảng bá chữ viết tiếng Đài đầu tiên ở Đài Loan. Quỹ này có tôn chỉ hoạt động là đề cao tiếng mẹ đẻ của các tộc người ở Đài Loan, phát triển văn học và văn hóa tiếng mẹ đẻ. Kế hoạch hoạt động của Quỹ bao gồm: tổ chức các hoạt động như xúc tiến việc sử dụng hoàn toàn ngôn ngữ và chữ viết của các dân tộc ở Đài Loan để sáng tác, phiên dịch, nghiên cứu, dạy học và làm truyền thông. Công việc đầu tiên của Quỹ này chính là gánh vác việc phát hành *Báo BONG Đài Văn*.

Tháng 2 năm 2006, “Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khuốc” bắt đầu nhận thêm công việc phát hành *Đài Văn Thông Tấn* từ Quỹ Tưởng Niệm Chị Thông Mỹ của Mỹ từ kỳ thứ 143. Năm 2011, ban biên tập chuyển về Đài Loan. Năm 2012, *Đài Văn Thông Tấn* hợp nhất với *Báo BONG Đài Văn* trở thành *Báo BONG Đài Văn Thông Tấn* và tiếp tục được phát hành đến nay.

Tên gọi *Báo BONG Đài Văn* phải trải qua rất nhiều lần thảo luận mới được chọn, trong số ra lần đầu tiên, đã có rất nhiều giải thích với từ “BONG” này như sau⁷¹:

Tờ báo này của chúng tôi nghĩ thử, viết thử, mọi người đọc thử, phê bình thử, quyền góp thử.

Bùng! Trùng với âm tiếng nổ.

71 Chú thích của dịch giả: trong tiếng Đài, từ “BONG” gần âm với những từ có nghĩa là “thử”, “ngồi một”, “chạm nhẹ”, “che lấp”, “dại khờ” v.v....

Bone, chữ viết tiếng Đài như là xương cốt của ý thức văn hóa Đài Loan.

Chữ viết tiếng Đài sắp tuyệt chủng rồi, phải xây một “ngôi mộ”.

Với những người không coi trọng chữ viết tiếng Đài, chạm nhẹ vào để nhắc nhở.

Ở Đài Loan, chữ viết tiếng Đài, đã bị che lấp và sắp chết rồi.

Kêu gọi mọi người đừng đại khờ mãi nữa, hãy phấn đấu vì tiếng Đài.

Đùa mọi người thôi, BONG tức là B-O-N-G, tùy mọi người thích nghĩ thế nào cũng được, hãy tự giải thích theo ý mình nhé!

Về hình thức, tên gọi này có một chút bông đùa, nhưng thực tế nó đã thể hiện thái độ cơ bản đối với hệ thống chữ viết tiếng Đài và phong trào chữ viết tiếng Đài đương thời. Tờ báo này cũng hy vọng có thể quy tụ được những người yêu Đài Loan, chung sức vận hành một tờ tạp chí tiếng Đài, đối mặt một cách nhẹ nhàng với nguy cơ biến mất của chữ viết tiếng Đài, đồng thời phải đưa phong trào chữ viết tiếng Đài phát triển theo chiều sâu và trở thành phong trào văn học tiếng Đài.

Nơi phát hành *Báo BONG Đài Văn* được gọi là Tòa Soạn *Báo BONG Đài Văn*, chịu trách nhiệm phát hành là Liêu Thụy Minh, chủ nhiệm là Lữ Tử Minh (呂子銘). Lời giới thiệu “*Báo BONG Đài Văn* ra đời” đã xác định một

cách rõ ràng rằng tạp chí này không phải là tạp chí nội bộ của Hội Sáng Tác Văn Đài, mặc dù tạp chí này có thể vận hành được là do thành viên của hội quyên góp tiền của và công sức. Cách thức vận hành là áp dụng “cơ chế ủy viên thường vụ tòa soạn”, giống như “cơ chế phát hành chung” của *Đài Văn Thông Tấn*, tức là mỗi ủy viên thường vụ tòa soạn phải quyên góp định kỳ 1.000 Đài tệ một tháng để làm quỹ cơ bản. Trong đó, người chịu trách nhiệm phát hành, chủ nhiệm và biên tập viên đều là những chức danh nghĩa vụ không nhận lương, các công việc chung của tòa soạn như đánh máy, xếp bài, gửi thư từ đều do các tình nguyện viên ở khu vực Đài Bắc đảm nhiệm. Trong số đầu tiên, tờ báo này đã đưa ra danh sách 16 vị ủy viên thường vụ tòa soạn, ngoài 3 người cán bộ đầu tiên ra, còn có Trần Minh Nhân (陳明仁), Trần Phong Huệ, Trương Tố Hoa (張素華), Trần Hiến Quốc, Hoàng Đề Minh (黃提銘), Hoàng Giai Huệ, Lâm Tích Dương, Lâm Nguyên Tuyền (林源泉), Khâu Văn Tích, Diệp Quốc Hưng (葉國興), Trang Huệ Bình, Chiêm Tù Dương (詹隨陽), Hồng Cẩm Điền. Hai nhiệm kỳ đầu do Dương Gia Phân làm Chủ biên, từ kỳ thứ 3 mới có thêm chức Tổng biên tập. Các Tổng biên tập tiền nhiệm gồm: Trần Minh Nhân (kỳ 3-50), Trần Phong Huệ (kỳ 51-83), Lưu Kiệt Nhạc (劉杰岳) (kỳ 85-96), Trần Đức Hoa (陳德樺) (kỳ 97-102), Liêu Thụy Minh (kỳ 103-184); vào tháng 2 năm 2012, *Đài Văn Thông Tấn* và *Báo BONG Đài Văn* đã hợp nhất thành *Báo BONG Đài Văn Thông Tấn* để phát hành, Tổng biên tập vẫn là Liêu Thụy Minh.

Mặc dù áp dụng “cơ chế ủy viên thường vụ tòa soạn” để vận hành, tạp chí nhận được quyền góp cố định, nhưng vẫn rất khó để duy trì thu chi cân bằng một cách bình thường. Vì vậy, từ kỳ thứ 13 năm thứ 2 (năm 1997), tờ báo này đã tiếp nhận sự hỗ trợ một phần kinh phí hành chính và nhân sự từ “Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khước”. Năm 2002, văn phòng “Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khước” chuyển đến địa chỉ ở đường Trung Hoa, nên *Báo BONG Đài Văn* cũng chuyển đi theo. Trên thực tế, phần lớn kinh phí hoạt động đều do Quỹ này tài trợ. Đầu năm 2005, Hội đồng quản trị của Quỹ đã ra quyết định chính thức đưa *Báo BONG Đài Văn* trở thành tạp chí trực thuộc Quỹ, đến đầu năm 2012, hợp nhất trở thành *Báo BONG Đài Văn Thông Tấn* và tiếp tục phát hành cho đến nay.

Báo BONG Đài Văn Thông Tấn không phải là tạp chí nội bộ dù trong đó chủ yếu là thành viên của Hội Sáng Tác Văn Đài, nhưng tạp chí vẫn nhận được nhiều bài viết từ các ngành nghề trong xã hội, trong đó gồm có nhiều sáng tác dưới dạng văn bản văn học như các loại thơ, tản văn, tiểu thuyết. Đồng thời, báo này cũng hoan nghênh các bài giới thiệu chuyên ngành không phải văn học như y học, khoa học, công nghiệp, pháp luật v.v... Bài viết của các ngành nghề đều được chọn đăng, chỉ có một yêu cầu duy nhất là viết bằng tiếng Đài. Ngoài ra, tạp chí cũng đặc biệt kêu gọi và hoan nghênh những nhà văn sử dụng tiếng mẹ đẻ tiếng Khách Gia hay tiếng dân tộc bản địa cũng như những tác

phẩm do họ sáng tác, và hoàn toàn không muốn biến *Báo BONG Đài Văn Thông Tấn* trở thành tạp chí chỉ dành riêng cho văn học tiếng Đài. Hay nói một cách khác, họ mong muốn trên tạp chí này có thể thấy được tiếng nói của các tộc người trên toàn Đài Loan. Trong lời giới thiệu khi phát hành số đầu tiên, tạp chí đã nêu rõ quyết tâm thành lập kênh truyền thông của mình, sử dụng văn tự để thu thập lại âm thanh của chính mình, trong âm thanh ấy có thơ văn, có tình người, có lý tưởng, có yêu thương, quan trọng nhất là có “chất Đài Loan” với sức sống mạnh mẽ.

2.3. Hội Sinh Viên Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan

Như đã trình bày ở phần trước, việc chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng hủy bỏ lệnh giới nghiêm đã tạo ra sự giải phóng toàn diện trong xã hội Đài Loan. Phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ là một mắt xích của phong trào xã hội. Trong khuôn viên các trường đại học, dần dần hình thành nên một luồng tư tưởng và sự phản tỉnh về ý thức văn hóa bản địa. Trong thời đại vẫn chưa có khoa đào tạo chính thức về tài liệu văn sử Đài Loan lúc đó, thì việc học sinh tự đứng ra thành lập các câu lạc bộ liên quan đến ngữ văn Đài Loan là một hành động cơ bản nhất. Những câu lạc bộ như vậy được thành lập sớm nhất là Câu Lạc Bộ Tiếng Đài Đại Học Quốc Gia Thành Công (1988), tiếp đó là Câu Lạc Bộ Ngữ Văn Đài Loan Đại Học Đài Loan (1990), Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Tiếng Đài Đại Học Giao Thông (1990), Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Ngôn Ngữ Văn Hóa Đài Loan Đại Học

Đạm Giang (1991), Câu Lạc Bộ Tiếng Đài Đại Học Thanh Hoa, Đại Học Quốc Gia Sư Phạm Đài Loan v.v... Sau này, một số trường Trung học như Trường Trung Học Đại Đồng, Trường Trung Học Nữ Sinh Cảnh Mỹ, Trường Trung Học Dương Mai cũng thành lập câu lạc bộ tiếng Đài. Các câu lạc bộ này có thể nói là những tổ chức “tiên phong đưa chữ viết tiếng Đài chính thức bước vào hệ thống giáo dục”.

Các câu lạc bộ học sinh này đã truyền lại tri thức về tiếng mẹ đẻ và học tập cách đọc viết tiếng mẹ đẻ, thông qua phương thức “gà mẹ dạy gà con”, hoặc mời giáo viên đến dạy ở câu lạc bộ, học tập văn sử, văn học tiếng mẹ đẻ của Đài Loan. Hầu hết các câu lạc bộ tiếng Đài ở phía Bắc đều mời Trần Minh Nhân làm giáo viên hướng dẫn, ngoài ra cũng mời một số giáo viên khác đến dạy. Ví dụ trong thời gian từ 1988 - 1992, Câu Lạc Bộ Tiếng Đài Đại Học Quốc Gia Thành Công đã mời Diệp Quang Nghị (葉光毅) của Khoa Quy Hoạch Đô Thị mở lớp hội thoại tiếng Đài, Lâm Kế Hùng (林繼雄) và Lưu Chí Minh (劉至明) mở lớp thư pháp chữ hiện đại (chữ phiên âm); Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Tiếng Đài Đại Học Giao Thông do một thành viên tên là Lô Đản Xuân tự mở lớp dạy tiếng Đài cho các thành viên vào năm 1990; năm 1990, Câu Lạc Bộ Ngữ Văn Đài Loan Đại Học Đài Loan mời Ngô Tú Lệ mở lớp dạy phiên âm La tinh tiếng Đài, Lâm Thượng Siêu mở lớp thơ Hán, Lý Nguyên Hầu mở lớp cổ văn tiếng Đài, Thái Tuyết Hạnh mở lớp hội thoại sinh hoạt tiếng Đài. Năm 1991, Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Ngôn Ngữ Văn Hóa Đài Loan Đại Học Đạm Giang mời

Nguyễn Đức Trung (阮德中) dạy phát âm tiếng Đài, năm 1992, mời Dương Bích Xuyên (楊碧川) giới thiệu về lịch sử Đài Loan; năm 1991, Câu Lạc Bộ Tiếng Đài Đại Học Thanh Hoa mời Phan Khôi Nguyên mở các buổi tọa đàm về ngôn ngữ bản địa v.v...

Ngoài việc mở lớp dạy tiếng mẹ đẻ (tiếng Đài, tiếng Khách Gia), câu lạc bộ tiếng Đài ở các trường Đại học cũng phát hành các tạp chí tiếng mẹ đẻ, quảng bá lý tưởng văn hóa tiếng mẹ đẻ và đăng nhiều sáng tác bằng chữ viết tiếng mẹ đẻ. Ví dụ: *Tiểu Tây Môn* của Câu Lạc Bộ Tiếng Đài Đại Học Quốc Gia Thành Công, *Đài Ngữ Phong* của Câu Lạc Bộ Tiếng Đài Đại Học Thanh Hoa và Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Tiếng Đài Đại Học Giao Thông xuất bản chung, *Đài Loan Ngữ Văn* của Câu Lạc Bộ Ngữ Văn Đài Loan Đại Học Đài Loan, *Con cháu Đài Loan* của Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Ngôn Ngữ Văn Hóa Đài Loan Đại Học Đạm Giang, *Thông tấn chữ viết tiếng Đài trong đời sống* của Câu Lạc Bộ Tiếng Đài Đại Học Thanh Hoa, *Những chuyện gốc* của Câu Lạc Bộ Thường Thức Văn Học Đài Loan Đại Học Thực Tiễn v.v...

Các câu lạc bộ tiếng Đài của các trường Đại học, ngoài tổ chức những hoạt động như các buổi đọc sách và diễn thuyết định kỳ trong câu lạc bộ, còn tham gia nhiều hoạt động phong trào xã hội ở bên ngoài trường lúc bấy giờ. Mối quan hệ giữa các trường cũng nhờ đó mà được gắn kết hơn, cùng chung sức quảng bá phong trào chữ viết tiếng mẹ đẻ. Vào ngày mừng 3 tháng 5 năm 1992, các câu lạc bộ ngữ văn Đài Loan ở các trường đại học liên kết tổ chức thành lập

“Hội Sinh Viên Xúc Tiến Ngũ Văn Đài Loan” tại Hội Quán của Đại Học Đài Loan. Những người đã từng đảm nhiệm chức vụ Hội trưởng gồm có Dương Duẩn Ngôn, Lô Đản Xuân, Hứa Văn Thái (許文泰), Ngô Quốc Trinh v.v...

Lớp học sinh, sinh viên này mong muốn thông qua Hội thực hiện quyết tâm quảng bá phong trào chữ viết tiếng Đài. Lời giới thiệu khi phát hành *Đài Ngũ Học Sinh* viết rõ:

Chúng tôi hy vọng thông qua việc thành lập tổ chức này sẽ hội tụ sức mạnh đang nằm rải rác ở mỗi trường, để quần chúng xã hội biết sự quyết tâm quảng bá phong trào chữ viết tiếng Đài.

Tạp chí này là một phần thành tích đã đạt được. Chúng tôi hy vọng sẽ nhận được sự đánh giá, góp ý của các giới. Hơn hết, chúng tôi mong muốn thông qua những nỗ lực này, khuyến khích nhiều người tham gia phong trào chữ viết tiếng Đài hơn, để chúng ta có thể thấy được sự thành công của phong trào này một cách nhanh chóng.

Sự thành lập của “Hội Sinh Viên Xúc Tiến Ngũ Văn Đài Loan” mang ý nghĩa to lớn nhất chính là đã quy tụ được những sinh viên quan tâm tới văn hóa tiếng mẹ đẻ của Đài Loan trên toàn quốc, đồng thời nói lên được tiếng nói chính nghĩa khi theo đuổi tiếng và quyết tâm quảng bá phong trào tiếng mẹ đẻ. Mặt khác, Hội hy vọng có thể đưa phong trào lan rộng ra bên ngoài, khuyến khích nhiều người hơn nữa tham gia vào phong trào chữ viết tiếng Đài và kỳ vọng có thể nhanh chóng nhìn thấy được thành quả của phong trào này.

Các hoạt động chủ yếu của “Hội Sinh Viên Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan” là khơi gợi ý thức tiếng mẹ đẻ và bồi dưỡng nhân tài tiếng mẹ đẻ. Các cách làm cụ thể gồm có: viết thư bằng tiếng Đài, trong thư điện tử sử dụng chữ *Peh-oe-ji*, tham gia “Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn”, tổ chức trại hè tiếng Đài cho học sinh Trung học, tham gia làm chương trình tiếng Đài trên Đài Phát Thanh Dân Chủ, tham gia cuộc Diễu hành yêu cầu cải cách giáo dục 410⁷², đặt ra yêu cầu đưa tiếng Đài vào chương trình giáo dục phổ thông, xây dựng kho dữ liệu văn hóa Đài Loan v.v... Năm 1993, thực hiện “Điều tra thái độ đối với tiếng mẹ đẻ của các ứng cử viên huyện trưởng, thị trưởng” và tổ chức buổi điều trần công khai, hợp tác tổ chức “Trại Hè Ngữ Văn Đài”. Năm 1995, Hội Học Thuật Ngữ Văn Đài Loan và Viện Nghiên Cứu Ngôn Ngữ Đại Học Đài Loan cùng nhau hợp tác tổ chức “Hội Thảo Quốc Tế về Ngôn Ngữ Đài Loan Lần Thứ Hai”, trong đó quy định ngôn ngữ sử dụng trong hội nghị là “Quốc ngữ” và “tiếng Anh”. Vụ việc này đã vấp phải sự phản đối của một số câu lạc bộ tiếng Đài, “Hội Sinh Viên Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan” cũng tham gia vào hoạt động phản đối này.

Vào ngày mùng 1 tháng 7 năm 1992, Hội đã phát hành số thử nghiệm của tạp chí *Đài Ngữ Học Sinh*. Sau bốn kỳ

72 Chú thích của dịch giả: một số tổ chức đoàn thể xã hội của Đài Loan đã tổ chức diễu hành trên quy mô lớn vào 10/4/1994 để đưa ra bốn yêu cầu cải cách giáo dục mới là thực hiện chính sách giảm sĩ số lớp, thu gọn quy mô trường; xây dựng thêm trường THPT và Đại học; xúc tiến hiện đại hóa giáo dục; xây dựng Luật Giáo dục cơ bản. Sự kiện này đã mở màn cho cuộc đổi mới giáo dục của Đài Loan.

phát hành thử nghiệm, tạp chí đã được chính thức ra mắt vào ngày 10 tháng 9, đến ngày 25 tháng 2 năm 1995 phát hành kỳ thứ 22 rồi dừng hẳn, tổng cộng 26 kỳ. Người chịu trách nhiệm phát hành chủ yếu là Dương Duẩn Ngôn, 4 kỳ cuối cùng mới đổi thành *Lô Đản Xuân* đảm nhiệm chức vụ này. *Tờ Đài Ngữ Học Sinh* là nơi để cho các học sinh, sinh viên đăng những bài viết bằng tiếng Đài của mình, nội dung các bài viết chủ yếu là những suy nghĩ đối với các đề tài như ý thức, giáo dục và phong trào tiếng mẹ đẻ, xã hội, lịch sử, chính trị và môi trường của Đài Loan. Kỳ 14 (20/1/1993) đến kỳ 18 (28/2/1993) có bài “Quá khứ và hiện tại của quá trình văn tự hóa tiếng Đài” của Dương Duẩn Ngôn. Bài viết này đã phân tích và sắp xếp lịch sử phát triển của quá trình văn tự hóa tiếng Đài. Ngoài ra, kỳ 20 (trang 14-76, 13/3/1994) đã đăng một bài chuyên đề điều tra các ứng cử viên huyện trưởng và thị trưởng trong cuộc bầu cử năm 1993 mang tên “Điều tra thái độ của các ứng cử viên huyện trưởng, thị trưởng đối với giáo dục tiếng mẹ đẻ”, trong đó kết quả cho thấy, có thái độ tốt nhất là các ứng cử viên của Đảng Dân Chủ Tiến Bộ (民主進步黨), tiếp theo là người của Trung Quốc Quốc Dân Đảng (中國國民黨), ứng cử viên của Tân Đảng hoàn toàn từ chối hợp tác điều tra. Bản báo cáo dài 42 trang của cuộc điều tra này rất có giá trị tham khảo về các đảng phái và thái độ của các nhân vật chính trị đối với tiếng mẹ đẻ. Từ kỳ 19 trở đi, tạp chí này mới có một số lượng lớn các tác phẩm văn học. Điều này cho thấy, phong trào chữ viết tiếng Đài của học sinh, sinh viên kéo dài từ năm 1988 đến năm 1994, năng lực sáng tác bằng tiếng Đài của

học sinh, sinh viên trải qua một thời kỳ tôi luyện, đã dần dần được hình thành. “Đội quân sáng tác chủ lực” gồm có Dương Duẩn Ngôn, Tưởng Vi Văn, Đinh Phụng Trân (丁鳳珍), Đồng Diệu Hồng (董耀鴻) v.v...

Ngoài việc phát hành định kỳ *Đài Ngữ Học Sinh*, họ còn tận dụng các kỳ nghỉ để luân phiên tiến hành phỏng vấn những người quảng bá chữ viết tiếng Đài, trong đó có Hồng Duy Nhân, Hoàng Nguyên Hưng, Trần Khánh Châu, Trần Lô, La Văn Kiệt, Ngô Tú Lệ, Lâm Tôn Nguyên, Trần Quan Học v.v... Công việc phỏng vấn này ngoài tác dụng như một kỳ nghỉ kết hợp tìm tòi nghiên cứu đối với học sinh và sinh viên, đồng thời còn là một quá trình ghi lại những bước đi của lớp người tiên phong trong phong trào chữ viết tiếng Đài. Sau đó, những ghi chép này đã được biên tập và in thành sách mang tên *Con đường tiếng Đài*. Điều này có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với việc gìn giữ những tài liệu lịch sử về tiếng Đài.

Trong thời kỳ vẫn chưa có khoa đào tạo chính thức về ngữ văn Đài Loan, dưới tình trạng không thể học tiếng mẹ đẻ và văn hóa bản địa thông qua các kênh giáo dục chính thống, học sinh và sinh viên đành phải học tập một cách tự phát thông qua các khóa học và hoạt động của câu lạc bộ. Tiếp đó, họ đã thực tiễn hóa hệ thống chữ viết tiếng mẹ đẻ thông qua việc cho ra đời các tập san, báo chí. Những nhân vật ưu tú của các câu lạc bộ này sau khi được “cảm hóa”, đã tiếp tục nghiên cứu về tiếng Đài, thậm chí ra nước ngoài du học và trở về với bằng tốt nghiệp trên tay, sau đó tiếp

tục vào dạy học ở các khoa văn học của các trường đại học, ví dụ như Tưởng Vi Văn, Dương Duẩn Ngôn, Trần Vĩnh Khâm, Lâm Dục Khải, Ngô Quốc Trinh, Đinh Phụng Trân v.v... Hiện nay, họ đã trở thành những nhân vật quan trọng trong phong trào quảng bá chữ viết tiếng Đài hoặc những học giả nghiên cứu chữ viết tiếng Đài. Có thể nói đây chính là thành quả của giai đoạn phát triển này.

2.4. Dự Án Phiên Dịch Sang Tiếng Đài 5% và Hội Xúc Tiến Ngũ Văn Đài Loan

Ngoài các hoạt động liên quan của Hội Giao Lưu Độc Giả *Đài Văn Thông Tấn*, còn có hai tổ chức đoàn thể trong phong trào chữ viết chữ La tinh tiếng Đài đã từng tồn tại. Đó là Dự Án Phiên Dịch Sang Tiếng Đài 5% và Hội Xúc Tiến Ngũ Văn Đài Loan.

a. Dự Án Phiên Dịch Sang Tiếng Đài 5%

Cuối năm 1995, một nhóm thanh niên vốn quan tâm đến tiền đồ của chữ viết tiếng Đài đã quyết tâm dùng hành động thực tế thay thế các cuộc tranh luận về ký tự, chữ viết. Họ tiến hành phiên dịch các tác phẩm nổi tiếng trên thế giới sang tiếng Đài, giúp người Đài Loan có nhiều cơ hội hơn trong việc sử dụng tiếng mẹ đẻ để đọc sách, dạy con trẻ và phổ biến lý tưởng “tay tôi viết lời tôi nói”.

Tháng 2 năm 1996, dưới sự mong chờ của mọi người, nhóm người này đã cùng thành lập Dự Án Phiên Dịch Sang Tiếng Đài 5% tại Quỹ Sáng Quốc, để “phiên dịch các tác phẩm nổi tiếng trên thế giới, xác lập tính tất yếu của phong trào chữ viết tiếng Đài, phổ cập văn hóa tiếng Đài đã hiện

đại hóa”. Thông qua các công việc phiên dịch, xuất bản thực tế, có thể nâng cao địa vị xã hội của tiếng Đài, thực hiện văn tự hóa tiếng Đài, phát triển số hóa hệ thống chữ viết tiếng Đài (lúc bấy giờ đã nghiên cứu và phát triển *HOTSYS*), biên soạn giáo trình chữ viết tiếng Đài, bồi dưỡng các tác gia văn học tiếng Đài. Kinh phí của dự án này do chính những người tham gia dự án tự gánh vác, mỗi tháng họ đóng góp 5% thu nhập cá nhân để lập quỹ xuất bản, người đã đi làm đóng góp ít nhất 500 Đài tệ, còn học sinh, sinh viên đóng góp ít nhất 300 Đài tệ mỗi tháng. Những người tham gia Dự án có quyền đòi hỏi được tham gia công việc dịch thuật. Cách vận hành thực tế như sau: họ thành lập ủy ban thường vụ, bầu ra người chủ trì (Ngô Tôn Tín (吳宗信)), thư ký điều hành và tài vụ; đồng thời thành lập hội đồng biên tập, thẩm duyệt và hội đồng sáng tác, mỗi hai tuần họp một lần. Thời điểm đó, họ còn phát hành một tờ thông tin nội bộ, báo cáo không định kỳ với các thành viên trong dự án về tiến độ công việc và lịch trình hoạt động.

Lúc bấy giờ, Dự án bắt đầu dịch sang tiếng Đài những tác phẩm có sẵn, phương châm chọn sách là những tác phẩm của Đài Loan trong thời kỳ Nhật trị, sách thiếu nhi và các sách kinh điển về tư tưởng xã hội v.v... Năm 1996, họ đã hoàn thành công việc phiên dịch và xuất bản thành công bộ 7 quyển (bao gồm vở kịch nổi tiếng *Vua Lia* của *William Shakespeare*, *Lịch sử của những người giàu* (富戶人の歴史) của Lại Hòa (賴和), “Chuyện tình trước khi trời sáng” (天光前的戀愛故事) của Ông Náo (翁鬧) v.v...). Vào tháng 9 năm

1997, họ đã xuất bản loạt sách thứ 2 gồm 7 quyển, trong đó có sách tranh thiếu nhi *Mỹ nhân ngư* (美人魚), *Nông trang động vật* (動物農莊) của *George Orwell* và “Quả sung” (無花果) của Chu Điểm Nhân (朱點人) v.v...

Vào thời điểm bấy giờ, số người góp tiền, góp sức không tính hết được, trong đó, phần lớn là những cán bộ cốt cán trong Văn Phòng Liên Lạc ở Đài Loan của *Đài Văn Thông Tấn*, những người như Lý Tự Kính (李自敬), Ngô Tôn Tín, Hứa Huệ Tông (許惠宗), Trang Huệ Bình, Lô Đản Xuân, Liêu Lệ Tuyết (廖麗雪), Trần Phong Huệ, Liêu Thụy Minh, Trương Học Khiêm (張學謙), Tiêu Bình Trị (蕭平治), Đinh Phụng Trân v.v... đảm nhận trực tiếp các công việc góp tiền, phiên dịch, vẽ tranh minh họa và xuất bản. Đáng tiếc rằng, sau này vì thiếu đi sự gắn kết giữa các thành viên, nên Dự án đã không được tiếp tục thực hiện.

b. Hội Xúc Tiến Ngũ Văn Đài Loan

“Hội Xúc Tiến Ngũ Văn Đài Loan” được Ngô Tú Lệ trụ bị tổ chức trong vòng nửa năm.

Ngô Tú Lệ, sinh năm 1951, người Gia Nghĩa. Năm 1972, bà đảm nhiệm công việc truyền giáo ở Giáo Hội Đông Hậu Liêu ở huyện Gia Nghĩa. Khi mới tiếp xúc với chữ viết tiếng Đài, bà đã sử dụng loại chữ này để viết bản thảo bài giảng đạo. Năm 1987, bà sử dụng bút danh để đăng bài viết tiếng Đài đầu tiên. Năm 1988, bà nhận làm gia sư tại gia đình cho con trai của Đỗ Kiến Phường, do vậy mà đã quen với Hồng Duy Nhân và Trịnh Lương Vĩ.

Tháng 12 năm 1990, Ngô Tú Lệ nhận công việc phụ trách chuyên mục tiếng Đài *Quầy điểm tâm tiếng Đài* trên *Tự Lập Văn Báo*. Chuyên mục này do Trịnh Lương Vĩ thương thảo với tờ báo này lập ra. Lúc bấy giờ, có một nhóm mang tên “Hội Nghiên Cứu Ngữ Văn Đài Loan” do Trịnh Lương Vĩ thành lập, trong đó thành viên gồm có: Triệu Thiên Nghi, Lý Nam Hoành (李南衡), Hướng Dương, Triệu Thuận Văn (趙順文), Trần Hằng Gia, Phương Nam Cường (方南強). Tổ chức này họp ở *Tự Lập Văn Báo*, quyết định đặt tên cho chuyên mục và đề nghị để Ngô Tú Lệ trực tiếp phụ trách. Ban đầu, Ngô Tú Lệ tự đánh máy hoàn thành bản thảo bằng máy tính rồi mới đưa cho tòa soạn để đăng bài, lúc này Dương Duẩn Ngôn vừa đi nghĩa vụ quân sự về nên đã hỗ trợ được rất nhiều.

Nổi tiếp sự nhiệt tình của mình thông qua *Quầy điểm tâm tiếng Đài*, Ngô Tú Lệ đã tiếp tục khiến một nhóm người trong Giáo Hội Thành Trung ở Đài Bắc thuộc Giáo Hội Trưởng Lão Đài Loan và những người quan tâm đến quê hương đất nước cảm động. Họ hy vọng thông qua sức mạnh của tập thể có thể quảng bá các công việc văn tự hóa tiếng Đài Loan. Do đó, từ đầu năm 1992, họ bắt đầu công tác trừ bị, đến ngày 21 tháng 6 đã thành lập tổ chức “Hội Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan” (*Tai-oan gu-bun chhiok-chin-hoe, Taiwan Languages Association*).

“Hội Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan” có hai tôn chỉ hoạt động: một là, quảng bá ngôn ngữ văn bản sử dụng hỗn hợp

chữ Hán - La tinh của tiếng Đài Loan; hai là, quảng bá giáo dục tiếng mẹ đẻ theo nhu cầu của xã hội và Giáo Hội. Khẩu hiệu của họ chính là “miệng nói tiếng Đài Loan, tay viết chữ Đài Loan”. Vào tháng 4 năm 1992, họ đã phát hành bản thử nghiệm tạp chí *Đài Ngữ Phong* để làm tạp chí nội bộ, ngày 21 tháng 6 đã chính thức thành lập “Hội Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan”, Hội trưởng đầu tiên là Trịnh Tín Chân (鄭信真), Hội phó là Thái Đông Minh (蔡東明), Hội có 13 ủy viên thường vụ, Ngô Tú Lệ làm Trưởng ban điều hành kiêm biên tập của *Đài Ngữ Phong*.

Tạp chí *Đài Ngữ Phong* phát hành định kỳ hai tháng một lần. Đây là tạp chí đại diện cho tổ chức này, do Ngô Tú Lệ biên tập nội dung, Khâu Quỳnh Uyển (邱瓊苑) biên tập mỹ thuật. Phương hướng của *Đài Ngữ Phong* là phát triển dạng văn bản của tiếng Đài, không chỉ là những lời nói xã giao, chào hỏi, mà còn hy vọng có thể sử dụng tiếng Đài để viết những bài về các lĩnh vực tư tưởng, nghệ thuật, văn học, y học, khoa học, lịch sử, kiến trúc và âm nhạc. Trong số thử nghiệm ra vào tháng 4 năm 1992, có bài “Mẹ ơi, xin hãy giữ sức khỏe” (媽媽請您保重) của Trần Hằng Gia, bài “Nền văn hóa Đại Bộn Khanh và các dân tộc bản địa” (大壠坑文化與原住民) của giáo sư Ôn Chấn Hoa (溫振華) trong số đầu tiên.

Tổ chức này duy trì xuất bản kỳ 6 của tạp chí *Đài Ngữ Phong* đến tháng 6 năm 1993, sau đó thì không có hoạt động cụ thể nào nữa.

2.5. Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan và sự kết nối của phái chữ La tinh

Phong trào chữ viết tiếng Đài trong nước có hai con đường: một đường là giới học thuật tiếng Trung xây dựng hệ thống tiếng Đài chính xác dựa trên đầu mối phương ngữ của chữ Hán, trong đó có Liên Hoàn với cuốn *Đài Loan Ngữ Điển* (台灣語典), Ngô Thủ Lễ, Hứa Thành Chương (許成章), Hồng Duy Nhân, Diệu Vinh Tống (姚榮松). Một con đường khác là truyền thống sử dụng chữ *Peh-oe-ji* của Giáo Hội Trưởng Lão Cơ Đốc Giáo.

Trong thời kỳ chính sách Quốc ngữ của chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng như “sấm đèn gió cuốn”, việc nói tiếng Đài bị cấm đoán, những nghiên cứu tiếng Đài của giới học thuật tiếng Trung không những không được coi trọng, mà truyền thống sử dụng chữ *Peh-oe-ji* của Giáo Hội cũng chịu sự áp bức cấm đoán đủ đường. Bản chữ *Peh-oe-ji* của Đài Loan Giáo Hội Công Báo bị cấm vào những năm 60. Đến năm 1993, một số ý kiến của Tổng Hội Giáo Hội Trưởng Lão lại phản đối chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài vốn đã được sử dụng từ năm 1865. Do vậy, năm 1994, mục sư Trịnh Nhi Ngọc (鄭兒玉) đã mở “Lớp văn hóa tiếng Đài trung cấp” tại Viện Nghiên Cứu Xã Hội Học Viện Thần Học Đài Nam của Giáo Hội Cơ Đốc để đào tạo đội ngũ giáo viên tiếng mẹ đẻ Đài Loan. Đến năm 2002, ông đã đào tạo được tổng cộng khoảng 400 giáo viên tiếng Đài. Bác sĩ Trương Phục Tụ (張復聚) là học viên giỏi hoàn thành khóa học đầu tiên của lớp tiếng Đài này. Bác sĩ Trương Phục Tụ tiếp tục mở lớp chữ

Peh-oe-ji tiếng Đài ở Cao Hùng và đào tạo được một nhóm nhân tài tiếng Đài, thậm chí sau đó họ đã thành lập một tổ chức mang tên “Hiệp Hội Chữ La tinh Cao Hùng”, lập ra tạp chí viết bằng chữ La tinh *Chữ Đài Loan (Tai-oan-ji)*. Sau đó, tổ chức này kết hợp với những nhà hoạt động quảng bá chữ viết tiếng Đài trên khắp Đài Loan thành lập “Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan” (台灣羅馬字協會) vào năm 2001.

Năm 2001, bác sĩ Trương Phục Tụ dưới sự đề xướng của mục sư Trịnh Nhi Ngọc đã liên kết với các những người đồng chí hướng trong phong trào thúc đẩy chữ viết tiếng Đài khắp nơi, trong đó có các thành viên cơ bản của “Lớp tập huấn chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài Cao Hùng”, để đứng ra thành lập tổ chức “Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan” tại Đại Học Chân Lý ở Đạm Thủy, Đài Bắc vào ngày 19 tháng 8.

Bác sĩ Trương Phục Tụ ở Cao Hùng tham gia lớp tiếng Đài do mục sư Trịnh Nhi Ngọc mở tại Học Viện Thần Học Đài Nam, khi đã học được chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài, ông đã tự mở lớp tiếng Đài ở Cao Hùng và thu hút được một số đồng chí. Sau đó, ông còn tổ chức “Lớp tập huấn chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài Cao Hùng”, phát hành tạp chí *Chữ Đài Loan (Tai-oan-ji)*, tạp chí này do Trịnh Thi Tông (鄭詩宗) làm Tổng biên tập. Vào ngày 20 tháng 5 năm 2000, tạp chí này ra số đầu tiên, đến ngày 20 tháng 3 năm 2005 thì dừng hẳn, tổng cộng đã phát hành được 18 kỳ. Mục đích chủ yếu là quảng bá chữ La tinh tiếng Đài và sử dụng chữ La tinh để sáng tác.

“Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan” được thành lập tại Đại Học Chân Lý ở Đạm Thủy, Đài Bắc vào năm 2001, thành

viên chủ yếu gồm những nhân vật như Trương Phục Tụ, Lâm Thanh Tường (林清祥), Tưởng Vi Văn, Hà Tín Hàn (何信翰), Liêu Thụy Minh, Trần Phong Huệ, Trịnh Thi Tông, Trương Học Khiêm, Ngô Nhân Sát (吳仁瑟), Kha Xảo Lị (柯巧俐), Đinh Phục Trân, Dương Duẩn Ngôn, Lâm Dục Khải (林裕凱). “Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan” có mục đích lớn nhất là thúc đẩy quá trình La tinh hóa tiếng Đài và địa vị pháp luật của ngôn ngữ Đài Loan. Xin được nói rõ ở đây khái niệm “chữ La tinh là hệ thống chữ La tinh được dùng trong Kinh Thánh chữ *Peh-oe-ji* của Giáo Hội Trưởng Lão Cơ Đốc truyền thống (của các dân tộc bản địa, Khách Gia, *Ho-lo*)”. Tôn chỉ của tổ chức này như sau:

1. Thúc đẩy nghiên cứu và phổ cập hóa chữ La tinh Đài Loan.

2. Yêu cầu thừa nhận địa vị pháp luật của chữ La tinh Đài Loan và tiếng Đài Loan.

3. Yêu cầu chính phủ thực hiện chính sách đa ngữ văn một cách công bằng và chính nghĩa.

4. Xây dựng văn hóa Đài Loan đa nguyên, mở cửa và tôn trọng lẫn nhau.

Hội trưởng Trương Phục Tụ khi phát biểu tại đại hội thành lập tổ chức này đã đưa ra chủ trương của “Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan” bằng một quan điểm rất đơn giản mà vô cùng rõ ràng:

Hãy bảo tồn ngôn ngữ văn hóa trên hành tinh này, đó là tài nguyên của hành tinh, và cũng là tài sản chung của toàn nhân loại.

Chủ trương này đã đưa phong trào chữ viết tiếng Đài nâng tầm lên như một nhu cầu mang tính quốc tế, việc bảo tồn tiếng mẹ đẻ không chỉ đơn thuần là sự phản kháng đối với thủ đoạn đàn áp ngôn ngữ trong thời gian dài của chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng, mà còn là sự nỗ lực chung với nhân loại trên toàn thế giới để bảo tồn nguồn tài nguyên quan trọng trên hành tinh này. Yêu cầu đơn giản này đã đưa ra một hướng đi rất rõ ràng cho phong trào.

Các công việc chủ yếu của “Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan” là: 1. tổ chức bồi dưỡng giáo viên, dạy học và các hoạt động tập huấn chữ La tinh Đài Loan; 2. tổ chức hội thảo mang tính định hướng và tính học thuật; 3. khuyến khích biên soạn và phát hành các ấn phẩm chữ La tinh Đài Loan; 4. xúc tiến việc số hóa chữ La tinh Đài Loan. Ngoài các hoạt động và xuất bản định kỳ, còn tổ chức “Hội Thảo Học Thuật Chữ La tinh Đài Loan”, thúc đẩy việc sử dụng hoàn toàn chữ viết tiếng Đài để tiến hành viết báo cáo khoa học, thảo luận. Bản công văn điều lệ của tổ chức này sử dụng hoàn toàn chữ La tinh tiếng Đài, tiếng Trung chỉ là bản phụ đính kèm, biểu hiện rõ ràng quyết tâm về tính chủ thể ngữ văn. Đây là bước đi thực tiễn lớn so với phong trào chữ viết tiếng Đài trong những năm 80, và cũng là sự khởi đầu cho một giai đoạn mới của phong trào này.

“Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan” đã tiếp bước Mục sư *Thomas Barclay* trong thời kỳ triều đình nhà Thanh chiếm lĩnh và Thái Bồi Hòa thời kỳ Nhật trị để quảng bá hệ thống chữ viết La tinh, cùng với các nghiên cứu học thuật về tài liệu

lịch sử liên quan đến loại chữ này, đồng thời đưa chữ La tinh tiếng Đài từ hệ thống Giáo Hội đến với thế giới bên ngoài. Bắt đầu từ năm 2002, “Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan” đã tổ chức hai năm một lần “Hội Thảo Học Thuật Quốc Tế về Giảng Dạy và Nghiên Cứu Chữ La tinh Đài Loan”, hiện đã tổ chức được 6 lần. Ngoài ra, bắt đầu từ kỳ thứ 8 (năm 2002) mỗi năm tổ chức thêm “Trại Văn Hóa Tiếng Đài Thế Giới”, năm nào cũng có khoảng 100 - 200 người tham gia. Chủ đề thảo luận của các hoạt động này vô cùng đa dạng và sâu sát, như quảng bá và giáo dục tiếng mẹ đẻ, nghiên cứu ngôn ngữ, văn học tiếng Đài, sáng tác văn học, chính sách tiếng mẹ đẻ, tiếng mẹ đẻ và văn hóa Đài Loan, tiếng mẹ đẻ và xây dựng tính chủ thể, tính đa dạng của ngôn ngữ và văn hóa Đài Loan, nhân quyền ngôn ngữ, tình hình giảng dạy tiếng Đài, tiếng mẹ đẻ và quốc tế hóa, lịch sử ngữ văn Đài, tiếng Đài và máy tính, hệ thống phiên âm, tiếng Đài của trẻ em v.v... có ảnh hưởng rất lớn tới phong trào quảng bá tiếng Đài.

Việc thành lập “Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan” có thể được coi như một lần “thay da đổi thịt” khác của phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ của phái chữ La tinh. Hiệp hội này hiện nay vẫn đang tiếp tục theo đuổi những tôn chỉ hoạt động ban đầu của mình.

IV. Phong trào tiếng mẹ đẻ của phái độc lập

Ngoài các tổ chức đoàn thể của phái chữ Hán và chữ La tinh, phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ cũng có một số tổ chức có lý tưởng tương đồng, nhưng chính sách hoạt động lại rất khác biệt. Họ cũng xây dựng các phương án

về hệ thống văn tự tiếng mẹ đẻ của riêng mình, cũng như thu hút được một số đông người ủng hộ. Trong đó, những người nhiệt tình tham gia hoạt động của các tổ chức phong trào tiếng mẹ đẻ gồm có: nhà sĩ Trần Khánh Châu (陳慶洲) với chủ trương “văn tự hóa nguồn gốc tiếng Đài”, nhà sĩ Hoàng Nguyên Hưng ở Quan Độ, người lái xe *taxi* kiêm nhà thơ Trần Chiêu Thành (陳昭誠), người biên tập tự điển Ngô Quốc An (吳國安). Ngoài ra, đại diện cho phái tự hình thành còn có “Thư pháp hiện đại tiếng Đài” của Lâm Kế Hùng và hệ thống *Ka-tang* của Lâm Ương Mẫn.

1. Phái thư pháp tiếng Đài của Lâm Kế Hùng

Phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ của Đài Loan ở miền Nam có những người đi tiên phong là Lâm Kế Hùng và mục sư Trịnh Nhi Ngọc ở Viện Thần Học Đài Nam duy trì truyền thống chữ *Peh-oe-ji*. Sau này, có Hoàng Kính Liên từ Đài Bắc trở về quê hương Giai Lý ở Đài Nam, cùng với một số người như Lâm Tôn Nguyên, Thi Bình Hoa đã tập hợp được một sức mạnh thúc đẩy phong trào tiếng Đài.

Lâm Kế Hùng học được chữ *Peh-oe-ji* từ Giáo Hội, sau này tự sửa và đóng thành một cuốn sách mang tên “Thư pháp hiện đại tiếng Đài”, đồng thời mở ra một đường đi mới cho phong trào tiếng Đài.

Lâm Kế Hùng sinh năm 1930 tại thành phố Đài Nam. Từ nhỏ đã học chữ La tinh với Mục sư *Thomas Barclay* ở Giáo Hội Thái Bình Cảnh, Đài Nam. Ông là một trong những bạn học cùng khóa với mục sư Cao Tuấn Minh (高俊明). Năm 1987, ông thành lập “Hội Nghiên Cứu Ngữ Văn

Đài Loan” ở Giáo Hội Thái Bình Cảnh, tiếp đó lại thành lập “Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Ngữ Văn Đài Loan” ở Đại Học Quốc Gia Thành Công. Tháng 2 năm 1990, Bộ Giáo Dục cho phép mở lớp “Chữ Viết Hiện Đại Tiếng Đài” ở Khoa Hộ Lý Đại Học Quốc Gia Thành Công. Đây là lần đầu tiên lớp học tiếng Đài được mở trong một trường Đại học ở Đài Loan. Tháng 8 cùng năm, ông mở lớp học tương tự ở Học Viện Y Cao Hùng, tháng 11 mở lớp “Tiếng Đài Y Tế” ở chi nhánh của Bệnh Viện Vinh Dân Cao Hùng. Năm 1992, Lâm Kế Hùng nhận được lời mời đi giảng tại các trại hè của các Hội Đồng Hương Đài Loan ở Mỹ, chủ đề giảng là “Tiếng Đài và ý thức Đài Loan”. Ở nước ngoài, Triệu Hồng Nhã, Phùng Chiêu Khanh đã tiếp tục mở lớp dạy thư pháp của ông trong cộng đồng người Đài Loan. Năm 1993, ông bắt tay vào tổ chức một loạt hoạt động xã hội, như “Lớp Phương Pháp Đọc Tiếng Đài”, “Lớp Quảng Bá Ngữ Văn Đài Loan”, “Lớp Hội Thoại Tiếng Đài cho Người Ngoại Tỉnh”⁷³. Năm 1995, ông bắt đầu đào tạo các giáo viên dạy ngữ văn Đài Loan.

Năm 1993, Lâm Kế Hùng mở lớp tiếng Đài ở Học Viện Văn Hóa Đài Loan tại Đài Trung, Giáo sư Trang Thắng Hùng (莊勝雄) của Đại Học Trung Hưng sau khi học xong, đã dựa vào nền tảng thư pháp học được từ Lâm Kế Hùng để sáng tạo ra một phái mới có tên là phương pháp phiên âm “phổ thực Đài văn”.

73 Chú thích của dịch giả: tên gọi chỉ những người Trung Quốc chạy theo chính quyền Quốc Dân Đảng đến Đài Loan sau Chiến tranh Thế giới thứ 2 và đặc biệt là sau cuộc nội chiến của Trung Quốc vào năm 1949.

2. Nhóm *Ka-tang* của Lâm Ương Mẫn

Trong phong trào tiếng mẹ đẻ Đài Loan vào những năm 80 của thế kỷ 20, ngoài hệ thống “Câu Lạc Bộ Tiếng Đài” của Hồng Duy Nhân và “Văn Phòng Liên Lạc của Đài Văn Thông Tấn” ở Đài Loan, “Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài” do Lâm Ương Mẫn phát động thành lập nhìn chung phát triển mạnh mẽ nhất.

Hệ thống các “Câu Lạc Bộ Tiếng Đài” thuộc phái chữ Hán, còn *Đài Văn Thông Tấn* thuộc phái chữ La tinh. Bước vào những năm 90, phong trào tiếng Đài phát triển mạnh mẽ, giới tiếng Đài giống như trong thời kỳ chiến quốc, “trăm hoa đua nở, trăm nhà tranh tiếng”, nên đã xuất hiện rất nhiều phương án chữ viết, ký tự. Lâm Ương Mẫn và một số người bạn quan tâm đến phong trào tiếng Đài cho rằng phải tiến hành tổng hợp sắp xếp lại, vì thế vào ngày 28 tháng 5 năm 1995, ông và bạn bè đã cùng nhau phát động thành lập “Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài”, gọi tắt là “Đài Triển Hội”. Những người đã từng làm Hội trưởng là Lâm Ương Mẫn, Lâm Minh Nam (林明男), Lâm Tôn Nguyên, Ngô Trường Năng (吳長能). Số người tham gia Hiệp hội này từng lên tới 240 người, họ đã xuất bản và phát hành *Nguyệt san tiếng Đài Ka-tang* (茄苳台文月刊) để làm cơ quan đại diện cho tiếng nói của Hiệp hội, lượng phát hành cao nhất của tờ báo này đã từng lên tới 3.000 bản. Điều này phản ánh năng lượng khuấy động phong trào tiếng Đài cực lớn của Hiệp hội này vào thời điểm bấy giờ.

Lâm Ương Mẫn, sinh ra tại thành phố Thái Bảo, Gia Nghĩa vào năm 1955. Năm 1972, ông học ở trường Cao Đẳng Sư Phạm Gia Nghĩa. Năm 1975, ông bắt đầu gửi bài đăng ở các báo đồng thời đảm nhận chức Tổng biên tập của tạp chí Trường Cao Đẳng Sư Phạm Gia Nghĩa. Năm 1997, ông tốt nghiệp và đã tổ chức một buổi triển lãm thơ hiện đại trong trường. Năm 1983, ông tốt nghiệp Khoa Tiếng Trung Đại Học Phụ Nhân, một năm sau đó xuất bản tập thơ đầu tiên *Người ngủ trên bản đồ* (睡地圖的人). Có thể coi ông như một nhà thơ nổi danh của giới văn học tiếng Hoa sau chiến tranh. Đến năm 1987, bài thơ tiếng Đài đầu tiên của ông tên là “Sấm chớp” (雷公燐燐) được đăng trên kỳ thứ 5 của *Đài Loan Tân Văn Hóa* (台灣新文化). Từ đó, ông bắt đầu gia nhập phong trào và sáng tác văn học tiếng Đài.

Sau khi tốt nghiệp tại Cao Đẳng Sư Phạm Gia Nghĩa, ông đi dạy ở Tiểu học. Sau khi tham gia các hoạt động xã hội, vào tháng 5 năm 1989, ông đảm nhiệm chức ủy viên Hội Đồng Tang Lễ Trịnh Nam Dong (鄭南榕). Tháng 5 năm 1991, ông tham gia thành lập “Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai” (蕃薯詩社). Sau đó, vào tháng 9, ông đăng bài “Trả lại diện mạo cho văn học Đài Loan” (回歸台灣文學的面腔) trên “Tự Lập Văn Báo”. Bài viết này đã khơi mào cho cuộc “bút chiến” đầu tiên về văn học tiếng Đài. Tháng 11, ông đã đoạt giải thưởng viết lời hay nhất cho ca khúc “phương ngữ” trong Giải Giai Diệu Vàng do Cục Truyền Thông Viện Hành Chính lần đầu tổ chức với bài “Đừng chê Đài Loan” (毋通

嫌台灣) (Tiêu Thái Nhiên phổ nhạc), nhưng chỉ vì một từ “phương ngữ”, nên ông đã từ chối lên nhận giải. Năm 1992, “Liên Minh Giáo Viên Đài Loan” được thành lập, ông cũng là một trong những hội viên đầu tiên đứng ra thành lập tổ chức này.

“Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài” có tôn chỉ hoạt động là “phát triển tiếng Đài, “gieo trồng” ý thức dân tộc Đài Loan, phục hưng văn hóa bản địa, phát triển văn hóa mới của Đài Loan”, đồng thời là một “tổ chức phong trào mang tính văn hóa”. “Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài” có chủ trương tổng hợp và sắp xếp lại ký tự của tiếng Đài, để chúng hoàn toàn được hệ thống hóa và số hóa, giúp cho người dân trong xã hội có thể sử dụng thuận tiện, nhằm vươn tới mục tiêu là tất cả mọi giai cấp trong xã hội Đài Loan đều có thể “miệng nói tiếng Đài, tay viết chữ Đài”. Đây là tổ chức văn hóa đầu tiên có chủ trương đưa tiếng Đài trở thành ngôn ngữ chính thức và ngôn ngữ giáo dục toàn dân.

“Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài” ngoài việc phát hành báo chí, cũng tổ chức nhiều hoạt động cụ thể và mang tính phong trào, ví dụ như diễu hành đường phố, tham gia biểu tình mang tính chính trị yêu cầu xây dựng nền giáo dục tiếng mẹ đẻ, biểu tình phản đối sự kỳ thị đối với tiếng Đài, mở nhiều chương trình tiếng Đài ở một số đài truyền thanh ở khắp Bắc - Trung - Nam, mở hội đọc sách tiếng Đài ở 4 huyện thị, tổ chức các buổi biểu diễn ca dao Đài Loan và được phát đi bằng đài phát thanh, tổ chức các buổi “Đêm Ươm Mầm Văn Hóa Tiếng Đài”, “Hoạt Động Thương Thức

Văn Học Tiếng Đài” ở các chùa miếu ở hai miền Nam - Bắc, tổ chức “Hội Thảo Những Nguyên Cơ đối với Văn Hóa Tiếng Đài”, thành lập “Trung Tâm Phục Vụ Sách Đài Loan”, kết nối các hội viên tâm huyết thường quan tâm và góp ý cho giới truyền thông để xúc tiến việc xây dựng chương trình tiếng Đài và soạn bản thảo cho các đại biểu Hội Đồng Nhân Dân trả lời chất vấn về văn hóa tiếng Đài v.v...

Hội trưởng Lâm Ương Mẫn còn có một cống hiến quan trọng khác là đã tập hợp được một nhóm tác gia trong Hiệp hội để cùng biên tập bộ tuyển tập tiếng Đài, tổng cộng gồm 5 cuốn, lần lượt là *Ngôn ngữ văn hóa và dân tộc quốc gia* (語言文化與民族國家), *Tuyển tập báo cáo khoa học phong trào văn học Đài Loan* (台語文學運動論文集), *60 năm Thơ tiếng Đài* (台語詩一甲子), *12 năm Tản văn tiếng Đài* (台語散文一紀年), *Tuyển tập tiểu thuyết tiếng Đài* (台語小說精選卷). Họ đã sắp xếp lại tất cả những tài liệu lịch sử phong trào tiếng Đài và những tác phẩm văn học tiếng Đài từ trước đến nay. Bộ sách này có thể nói là toàn bộ thành tích của nền văn học tiếng Đài cho đến năm 1997.

Chủ nhiệm tờ *Nguyệt san tiếng Đài Ka-tang* do Lâm Ương Mẫn kiêm nhiệm, những người từng đảm nhận chức vụ này gồm có Trương Xuân Hoàng, Trần Kim Thuận, Hoàng Nguyên Hưng, Lâm Ương Mẫn. Hội viên gồm có các nhân vật trong mọi tầng lớp xã hội của các huyện thị, có bác sĩ, luật sư, giáo viên, giáo sư, sinh viên, nhà thơ, tác gia, họa sĩ và chính khách.

V. Tiếng Khách Gia và tiếng các dân tộc bản địa trong phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ

Phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ của các tộc người Đài Loan vào những năm 80 của thế kỷ 20 về cơ bản nổi lên một cách đồng bộ, chỉ có điều sự phát triển về sau của mỗi tộc người có sự khác biệt do mục tiêu và chính sách hoạt động khác nhau. Cũng giống như những người Đài Loan ở khu vực *Canada* và Mỹ, phong trào tiếng mẹ đẻ của họ của phần lớn là tổ chức các hoạt động quảng bá chữ viết tiếng Đài, sức ảnh hưởng của phong trào này thậm chí đã lan đến Đài Loan, mà trong đó chỉ có một đại diện duy nhất quảng bá tiếng Khách Gia là bác sĩ Chu Chân Nhất (朱真一). Ông là người có cống hiến nhiều nhất cho sự ra đời của “Chuyên San Tiếng Đài - Khách Gia”, trong rất nhiều hoạt động của phong trào chữ viết tiếng Đài đều thấy sự hiện diện của ông. Còn về tiếng của các dân tộc bản địa thì mới chỉ chú trọng vào việc phục hưng tiếng của dân tộc mình, chứ họ chưa vội và phát triển sáng tác văn học tiếng mẹ đẻ.

1. Tiếng Khách Gia trong phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ

Phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ của tiếng Khách Gia là một bộ phận của phong trào Khách Gia Đài Loan. Năm 1974, chính phủ bày tỏ mong muốn kết hợp với các đoàn thể xã hội cùng thành lập “Tổng Hội Khách Gia Thế Giới” (世界客屬總會). Đây là sự khởi đầu của phong trào Khách Gia. Năm 1987, khi Đài Loan dỡ bỏ lệnh giới nghiêm, một nhóm trí thức thanh niên người Khách Gia đã đoàn kết lại, cùng thành lập tạp chí *Khách Gia Phong Vân* (客家

風雲) (sau đổi thành *Khách Gia Tạp Chí* (客家雜誌), coi đây là tạp chí phát ngôn của người Khách Gia), kết hợp với các trí thức tiến bộ của người Khách Gia ở phía Bắc, tham gia cuộc biểu tình lên đến hàng vạn người “phong trào đòi lại tiếng mẹ đẻ” (還我母語運動), “đeo khẩu trang” cho Tôn Trung Sơn (孫中山) ở các đường phố Đài Bắc, với thông điệp tượng trưng cho giai đoạn lịch sử bi thương “có miệng, nói khó”. Sự kiện này đã gây được sự chú ý rất lớn đối với truyền thông đại chúng. Đây là giai đoạn thứ hai của phong trào Khách Gia. Tiếp đến là “Hiệp Hội Sự Vụ Công Cộng Khách Gia Đài Loan” (台灣客家公共事務協會) được những người nhiệt tình với phong trào như Chung Khởi Chính (鍾肇政) đứng ra thành lập, họ đưa ra chủ trương “người Khách Gia mới”. Năm 1997, “Hội Liên Hiệp Khách Gia Đài Loan Thế Giới” (世界台灣客家聯合會) được thành lập. Trong “Tuyên ngôn chung”, Hội này đã đưa ra các yêu cầu đối với chính phủ như sau:

1. Bảo đảm bình đẳng như nhau giữa các tộc người trong nước, các loại ngôn ngữ và văn hóa của các tộc người đều được hưởng sự bảo hộ thỏa đáng.

2. Quy định các đơn vị truyền thông điện tử hữu thanh phải định ra tỉ lệ thời lượng dành cho ngôn ngữ các tộc người.

3. Chính phủ phải công bố tiếng Khách Gia, tiếng Đài, tiếng Bắc Kinh và tiếng dân tộc bản địa đều là ngôn ngữ chính thức chung của Đài Loan.

4. Các trường Tiểu học và Trung học cơ sở của Đài Loan phải quy định tiếng Khách Gia là môn học bắt buộc chính thức, mỗi tuần phải dạy ít nhất 2 tiếng.

Do có những động thái chính trị đối với các tộc người, nên chính quyền địa phương và trung ương đều lần lượt thành lập “Ủy Ban Sự Vụ Khách Gia”, ngoài ra, cũng thành lập “Học Viện Khách Gia”, “Đài Truyền Hình Khách Gia”. Có được cơ quan nhà nước cấp trung ương và đài truyền hình, đối với việc phát triển tiếng Khách Gia và văn hóa Khách Gia mà nói, là điều kiện vô cùng có lợi. Tuy nhiên, đối với sự phát triển của văn học tiếng mẹ đẻ tiếng Khách Gia, điều này vẫn không có tác động tích cực nào. Đây có lẽ là do quan điểm bó hẹp trong tư tưởng viết bằng chữ Hán truyền thống của người Khách Gia, nên họ không thể nào tách ly một cách hiệu quả khỏi nền văn học tiếng Hán chủ lưu, để phát triển thành hệ thống chữ viết tiếng Khách Gia độc lập.

2. Phong trào “Đòi lại tiếng mẹ đẻ” của các dân tộc bản địa

Cũng tham gia phong trào “đòi lại tiếng mẹ đẻ”, nhưng các nhóm người dân tộc bản địa chỉ chú trọng đến việc bảo tồn ngôn ngữ giống như nhóm người nói tiếng Khách Gia, chứ không tích cực như nhóm người nói tiếng Đài trong vấn đề phát triển hệ thống chữ viết.

Năm 1980 chính là thời điểm xã hội Đài Loan phải đối mặt với bước ngoặt của sự chuyển biến trên nhiều mặt. Dưới những đòi hỏi “bản địa hóa”, phong trào dân tộc bản địa hy vọng sẽ quy tụ được “ý thức dân tộc” thuộc về riêng các dân tộc bản địa trong sự đấu tranh không ngừng. Do vậy, nền văn học dân tộc bản địa với chủ đề “đấu tranh” cũng theo đó mạnh mẽ hình thành và dần dần có được vị trí tiếng nói trên truyền thông báo chí. Những tác phẩm có tính tiêu biểu như

Bông lúa đẹp xinh (美麗的稻穗) của *Malieyafusi Monaneng* (莫那能), *Người tình và gái điếm* (情人與妓女) và *Người thợ săn cuối cùng* (最後的獵人) của *Tuobasi Tamapima* (拓拔斯·塔瑪匹瑪). Giữa khoảng thời gian từ năm 1987 đến 1989, Ngô Cẩm Phát (吳錦發) biên tập và xuất bản hai cuốn *Tuyển tập tiểu thuyết miền núi Đài Loan* (台灣山地小說選) và *Tuyển tập tản văn miền núi Đài Loan* (台灣山地散文選). Trong đó, có rất nhiều tác phẩm liên quan đến người miền núi do người Hán và các dân tộc bản địa sáng tác, đồng thời sử dụng khái niệm “văn học miền núi” để định ra dòng văn học đặc biệt này. Sau này, khái niệm có tính không gian “miền núi” này đã chuyển biến thành khái niệm chỉ tên nhóm tộc người “dân tộc bản địa”, sử dụng khái niệm “văn học dân tộc bản địa” để thể hiện rõ kinh nghiệm sống của nhóm người dân tộc bản địa có sự khác biệt với các sáng tác văn hóa Hán chủ lưu.

Phong trào dân tộc bản địa từ năm 1980 đến nay, một mặt đã khơi gợi sự quan tâm chú trọng của các dân tộc bản địa đối với chính dân tộc mình, mặt khác cũng trở thành mô-típ và động lực sáng tác cho tất cả nhà văn dân tộc bản địa sau này. Song, vẫn chưa thể bàn tới chủ đề tiếng mẹ đẻ. Bởi vì, họ chỉ mới mượn hệ thống chữ viết của tiếng Hán và sử dụng ngòi thứ nhất để chứng minh sự tồn tại của bản thân rồi phát triển thành dòng văn học tiếng Hán của các dân tộc bản địa mà thôi.

Năm 1993, song nguyệt san *Sơn Hải Văn Hóa* (山海文化) ra đời, đã đại diện cho một mốc bia khác. Khi viết lời tựa cho số đầu tiên, Tôn Đại Xuyên đã dùng danh nghĩa của một

người dân tộc *Puyuma*, để cố tình tách biệt với văn hóa Hán, coi văn hóa dân tộc bản địa với yếu tố “sơn hải” là chính, làm căn nguyên và đại diện một kiểu kinh nghiệm sống khác của người Đài Loan. Tôn Đại Xuyên đã “làm nổi bật nhu cầu trở về với thiên nhiên của con người” để định ra vị trí của văn học dân tộc bản địa, hy vọng nó sẽ khác với “văn học Đài Loan” vốn càng ngày càng bị đô thị hóa, thị trường hóa, cũng muốn không giống với cái gọi là “văn học tiếng Đài” đầy hàm ý chính trị.

Mặc dù dưới sự vận hành “náo nhiệt” của thị trường văn học, văn học dân tộc bản địa có sự trưởng thành rất lớn cả về chất và lượng. Nhưng, dòng văn học này nếu vẫn tiếp tục chỉ sử dụng tiếng Hán để sáng tác thì không thể thỏa mãn đối với một số nhà văn dân tộc bản địa. Do đó, ngoài việc sử dụng chữ Hán như một công cụ viết lách, họ cũng thử viết bằng cách sử dụng phương án như phiên âm tiếng mẹ đẻ, đối chiếu phần dịch tiếng Hán, viết song hành hoặc sử dụng chữ phiên âm, đồng thời họ cũng mong muốn có sự đột phá. Ví dụ như tác phẩm *Dấu chân Atayal* (泰雅腳蹤) của *Walis · Naqang* (娃利斯 · 羅干) viết hoàn toàn bằng chữ La tinh, với ý đồ mong muốn tác phẩm sẽ trở nên gần gũi với văn hóa của tộc người *Atayal* hơn; tác phẩm *Thần thoại Bát Đại Loan* (八代灣的神話) của *Syaman Rapongan* (夏曼 · 藍波安) và *Câu được ủng* (釣到雨鞋) của *Syapen Jipengaya* (夏本奇伯愛雅) chọn cách thức chiết trung⁷⁴, tức là sử dụng cách viết song hành có đối chiếu bản dịch tiếng

74 Chú thích của dịch giả: là cách thức trung hòa giữa các quan điểm khác nhau một cách máy móc.

Hán. Những cách viết tiếng mẹ đẻ này liên quan tới năng lực biểu đạt và độ chính xác của phần dịch tiếng Hán, do đó vẫn còn điểm yếu phải khắc phục.

Trong quá trình Ban giám khảo chấm giải cho “Giải Thường Văn Học Đài Loan Lần Thứ Hai”, có một đoạn bình luận về lối viết tiếng Hán của văn học dân tộc bản địa với một quan điểm hoàn toàn khác hẳn, qua đó có thể gián tiếp nói lên những toan tính mang tính chiến lược của các dân tộc bản địa khi phát triển “văn học tiếng mẹ đẻ”. Lý Kiều (李喬), một người Hán, đã nhận định rằng ngôn ngữ trong tiểu thuyết của *Husluman Vava* (người *Bunun*), “theo thói quen ngôn ngữ của người Hán, thì thấy hơi lạ”. *Walis Nokan* người *Atayal* thì lại coi những đặc sắc ngôn ngữ trong tiểu thuyết của *Husluman Vava* chính là một sự “ruồng bỏ” đối với ngôn ngữ chủ lưu (tiếng Hán). Hơn nữa, việc mượn cách viết “phản nghịch” như trên có thể giúp cho những sáng tác của các dân tộc bản địa tiến thêm một bước nữa trong quá trình phi thực dân hóa⁷⁵.

Để các nhà văn dân tộc bản địa có thể đi đến giai đoạn phải chọn lựa giữa việc viết bằng tiếng Hán hay chữ viết tiếng mẹ đẻ, e rằng sẽ còn phải trải qua một quá trình tranh luận lâu dài, đồng thời phải khắc phục được hàng loạt các vấn đề về kỹ thuật.

⁷⁵ *Walis Nokan* phát biểu tại “Giải Thường Văn Học Đài Loan Lần Thứ Hai”.

ĐỌC THÊM

1. Dương Duẩn Ngôn, “Tình hình phong trào chữ viết tiếng Đài trong trường học từ những năm 90 trở lại đây”, Hội Thảo Khoa Học về Thể Hệ Mới của Đài Loan Lần Thứ 7, Đài Bắc, Quỹ Văn Hóa Đài Loan, 15-16/7/1995.

2. Liêu Thụy Minh, “Tiếng Đài vẫn còn chần chừ ngoài cánh cửa của thể chế văn học - Suy nghĩ về phong trào ngữ văn Đài Loan từ những năm 90 trở lại đây”, Tham luận tại Hội Thảo về Tính Chủ Thể của Đài Loan và Nghiên Cứu Học Thuật, Hội Sử Học Đài Loan tổ chức, 7/2006.

3. Thái Kim An chủ biên, *Đòi lại tên chuẩn cho Văn Học Đài Loan*, Đài Nam, Tòa Soạn Khai Lăng Tạp Chí, 2006.

4. Lâm Ương Mẫn, “Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài gieo trồng *Ka-tang*”, *Tập san Thơ Hoa Cỏ Lau*, kỳ 4 Tân Cách, 7/2005.

5. Lý Cần Ngạn, “Tình hình nghiên cứu, giảng dạy và quảng bá ngữ văn Đài ở các nước Bắc Mỹ”, *Bình luận Văn học Đài Loan*, kỳ 3 quyển 4, 7/2004.

6. Hoàng Hằng Thu, *Khái luận Lịch sử Văn học Khách Gia Đài Loan*, Đài Bắc, Văn Phòng Văn Sử Đài Loan Khách Gia xuất bản, 1998.

7. Khang Vĩnh Kỳ, *Nghiên cứu về Trại văn nghệ Diêm Phân Địa Đối*, Đài Nam, Cục Văn Hóa Thành Phố Đài Nam, 2013.

8. Trần Phong Huệ, “Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khước và phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ Đài Loan”, Đài Bắc, Luận văn Thạc sĩ Khoa Ngữ Văn Đài Loan, Đại Học Quốc Gia Sư Phạm Đài Loan, 2012.

CHƯƠNG 4

NHỮNG TRANH LUẬN VỀ VẤN ĐỀ CHỮ VIẾT VÀ VĂN HỌC TIẾNG MẸ ĐỂ

Trong phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ Đài Loan, các dân tộc của Đài Loan đã cùng nhau cố gắng đấu tranh giành lại “quyền cơ bản của tiếng mẹ đẻ”, bao gồm “trả lại tiếng mẹ đẻ cho tôi” của các dân tộc bản địa, “trả lại tiếng Khách Gia cho tôi” của tộc người Khách Gia và quyền “sử dụng tiếng Đài Loan” của người Đài Loan. Những hành động đấu tranh mang tính cụ thể như: các dân tộc bản địa khuyến khích lớp thanh thiếu niên quay về để học ngôn ngữ của bộ tộc mình với những người già, tìm lại bản sắc văn hóa tộc người, thậm chí là kêu gọi mọi người “bỏ tên chữ Hán và sử dụng lại tên gọi đọc theo âm tiếng mẹ đẻ”. Tộc người Khách Gia cũng đã bắt đầu khuyến khích tầng lớp thanh thiếu niên nói tiếng Khách Gia, phát hành tạp chí quảng bá văn hóa Khách Gia.

Sau một loạt các phong trào xã hội, vận động hành lang chính trị, những lời kêu gọi đã từng bước được thực hiện. Viện Hành Chính Trung Ương và chính quyền địa phương các cấp liên tiếp thành lập “Ủy Ban Dân Tộc Bản Địa” (原住民委員會), “Ủy Ban Dân Tộc Khách Gia” (客家委員會),

bắt đầu thiết lập “Đài Truyền Hình Dân Tộc Bản Địa” (原住民電視台), “Đài Truyền Hình Khách Gia” (客家電視台); tổ chức “Kỳ Thi Năng Lực Tiếng Bản Địa và Tiếng Khách Gia”. Tiếng mẹ đẻ cùng với văn hóa của các dân tộc bản địa và người Khách Gia đã được bảo tồn cũng như phục hồi thông qua rất nhiều chính sách với nguồn ngân sách lớn. Duy chỉ có tộc người nói tiếng Đài, tính cho đến nay vẫn bị liệt ra ngoài thể chế và gặp phải nhiều tranh cãi. Không hề có một cơ quan chuyên trách, cũng không có kinh phí cho các dự án, không thể thực hiện các kế hoạch ngôn ngữ thực tế, chỉ có những khẩu hiệu trống rỗng và những tranh cãi vô tận về chữ viết, ký tự.

Nhìn lại sự phát triển của phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ những năm 80 của thế kỷ 20, có thể quy thành ba giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên là đấu tranh giành lại “quyền cơ bản của tiếng mẹ đẻ”, chủ yếu là về phương diện “nói”; giai đoạn hai tiến đến văn tự hóa tiếng mẹ đẻ, chủ yếu là về phương diện thống nhất hệ thống chữ viết; giai đoạn ba mới là thiết lập vị thế của văn học tiếng mẹ đẻ và vấn đề mỹ học. Các dân tộc bản địa và Khách Gia phần lớn tập trung sức lực đấu tranh cho giai đoạn đầu tiên và cũng đã gặt hái được thành công bước đầu. Chỉ có nhóm tiếng Đài mới đi tiếp đến hai giai đoạn sau của phong trào.

Ở giai đoạn đầu, khi đưa ra yêu cầu được “nói tiếng mẹ đẻ”, mục tiêu của các đoàn thể đều rất đơn giản và thống nhất, về cơ bản giữa họ không hề có sự dị biệt về quan điểm và có sự gắn kết khá cao. Nhưng khi bước vào giai đoạn thứ

hai là văn tự hóa tiếng mẹ đẻ, các tổ chức này đã bắt đầu xuất hiện những quan điểm và ý kiến khác nhau. Bởi lẽ, để bảo tồn ngôn ngữ thì không thể chỉ dựa vào lời nói mà phải tiến hành ghi chép văn tự. Hơn thế nữa, khi tiến hành biên soạn giáo trình, dạy học và thi cử thì vấp phải vấn đề phải tiêu chuẩn hóa hệ thống chữ viết. Và ngay khi vừa tiến hành văn tự hóa, tiêu chuẩn hóa, ngay lập tức sẽ xuất hiện sự phân hóa tổ chức và phe phái. Bởi vì, mỗi tổ chức đều có đề xướng văn tự và hệ thống chữ viết riêng. Khi mà mỗi người đều vận dụng tiếng mẹ đẻ để viết lách và thậm chí là sáng tác văn chương và tạo nên phái văn học dựa trên quan điểm riêng, những quan điểm về mỹ học của các phái khác biệt này sẽ tạo nên những tiêu chí phê bình văn học, từ đó sẽ dẫn đến những làn sóng tranh luận về quan điểm văn chương. Chương này sẽ dựa trên những cơ sở lịch sử thực tế về phong trào tiếng mẹ đẻ đã được đề cập ở các chương trước để khảo sát những tranh luận cũng như sự phát triển của hệ thống chữ viết và văn học tiếng mẹ đẻ. Một điều cần phải nói rõ là những tranh luận này chủ yếu tập trung vào nhóm tiếng Đài và tiếng Khách Gia.

I. Những tranh luận và thống nhất về phương án chữ viết tiếng mẹ đẻ

Những tranh cãi về hệ thống chữ viết tiếng mẹ đẻ chủ yếu xuất hiện ở nhóm tiếng Đài. Bởi vì, người nói tiếng Đài ở Đài Loan chiếm số lượng đông nhất và số người có nhu cầu viết tiếng Đài cũng nhiều nhất. Ngoài ra, tiếng Đài vốn tồn tại hai hệ thống chữ viết là chữ Hán và chữ

La tinh, vì vậy, ngoài sự tranh cãi về ký tự chữ viết, còn vướng phải quan điểm cá nhân về tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc.

Từ buổi đầu của phong trào cho đến cuộc tranh luận về ngữ văn Đài Loan những năm 30 của thế kỷ 20, các nhà vận động chữ viết tiếng Đài đã mất rất nhiều thời gian và tài lực để tranh luận về các phương án văn tự hóa tiếng Đài. Ngoài những “Kế hoạch nghiên cứu ngôn ngữ” do các cơ quan chính phủ như Bộ Giáo Dục và Ủy Ban Xây Dựng Văn Hóa v.v... tài trợ ra, cũng có khá nhiều những nghiên cứu mang tính tự phát trong tầng lớp nhân dân. Họ cũng đã đề xướng rất nhiều giải pháp khác nhau như biên tập tự điển, phát hành tạp chí, tiến hành những tranh luận xem chừng rất náo nhiệt nhưng thực chất lại vô ích.

Sau chiến tranh, lần tranh luận về các phương án văn tự hóa này nhìn chung chia làm 3 phái: phái chữ Hán, phái phiên âm và phái chiết trung. So với cuộc tranh luận về ngữ văn Đài Loan trong những năm 30 của thế kỷ 20 trước khi chiến tranh thế giới xảy ra, vì có thêm chính sách lý luận ngôn ngữ học của phương Tây, nên lần tranh luận này đã thoát khỏi những vướng mắc của chữ Hán và mở ra một phương án khả thi mới vượt ra khỏi đề tài chữ Hán và phiên âm.

1. Tiếp nối những tranh luận về ngữ văn Đài Loan thời kì trước chiến tranh

Vào những năm 30 của thế kỷ 20, vấn đề văn tự hóa tiếng Đài đã từng xảy ra tranh luận, nhưng khi vẫn chưa

đạt được kết quả thì đã bị chính quyền Nhật Bản lúc bấy giờ ngăn chặn. Sau chiến tranh, việc chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng thi hành “chính sách Quốc ngữ” một cách mạnh mẽ, đã khiến cho tiếng mẹ đẻ của các tộc người Đài Loan chịu nhiều áp lực và bị giới hạn. Đương nhiên, vấn đề văn tự hóa tiếng Đài cũng không còn cơ hội được đề xuất, mãi cho đến khi làn sóng mới về phong trào tiếng mẹ đẻ trở lại, thì vấn đề này mới lại được thảo luận sôi nổi.

Cuộc “tranh luận về ngữ văn Đài Loan” trong những năm 30 trước đây chủ yếu xoay quanh đề xướng của Hoàng Thạch Huy về quan điểm “dùng tiếng Đài Loan để sáng tác văn thơ và âm nhạc Đài Loan”. Đại đa số mọi người đều ủng hộ việc sử dụng tiếng Đài để sáng tác văn học quê hương, nhưng vấn đề là làm thế nào để thực hiện điều này. Vì vậy, những bài viết trong cuộc tranh luận đa số đều tập trung vào tính chính xác và tính thực tiễn của việc dùng chữ Hán để viết tiếng Đài. Do còn có quá nhiều khó khăn trong việc dùng chữ Hán để viết tiếng Đài, dẫn đến việc có rất nhiều người đi đào sâu nghiên cứu chữ Hán của tiếng Đài, nhưng trên thực tế, người sử dụng tiếng Đài để sáng tác lại rất ít. Trước mắt, chỉ có tiểu thuyết “Bức thư của một đồng chí” của Lại Hòa và sau này là tiểu thuyết “Câu chuyện của những người giàu” được Lâm Thụy Minh “khai quật”, và một tác phẩm có lẽ được Hoàng Thạch Huy mượn tên của cháu trai để viết “Thay vì giết địch, thà rằng hi sinh vì công lý”.

Thực ra, khi cuộc “tranh luận về ngữ văn Đài Loan” xảy ra vào những năm 30, cũng trong thời gian này, xã hội Đài

Loan luôn tồn tại những văn bản tiếng Đài viết hoàn toàn bằng chữ La tinh “chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài Giáo Hội”. Ngoài tờ báo *Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo* được phát hành liên tục từ năm 1885, còn khá nhiều ấn phẩm văn học được xuất bản như *Nước mắt của mẹ* (*An-nia e Bak-sai*) (1923) của Lại Nhân Thanh, *Mười điều khuyên* (*Chap Hang Koan Kian*) (1925) của Thái Bồi Hỏa, *Vượt qua cái chết* (*Chhut Si Soann*) (1926) của Trịnh Khê Phán. Sau chiến tranh, mặc dù trong Giáo Hội Trưởng Lão vẫn có người sử dụng chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài để sáng tác văn học, việc xuất bản và lưu hành chưa từng ngưng nghỉ, ví dụ như tác phẩm *Kẻ thù đáng yêu* (*Kho-ai e Siu-jin*) (1954) của Lại Nhân Thanh. Điều này cho thấy rằng, “chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài Giáo Hội” luôn luôn là hệ thống chữ viết ổn định và hoàn chỉnh trong xã hội Đài Loan. Nhưng chỉ vì sự mê muội với chữ Hán và sự cản trở từ thành kiến với tôn giáo mà giới trí thức Đài Loan đã không chịu thừa nhận hoặc chấp nhận điều trên, thậm chí họ sẵn sàng dành nhiều thời gian và sức lực vào một vấn đề không hề có kết quả là hệ thống chữ viết hoàn toàn bằng chữ Hán.

Sau chiến tranh, dưới “chính sách Quốc ngữ” của chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng, ngay cả hành vi “nói tiếng Đài” trong thể chế cũng là điều cấm kỵ và bị sỉ nhục, huống hồ là viết tiếng Đài. Chỉ trong lĩnh vực văn học dân gian đại chúng thì vẫn còn có không gian cho việc sáng tác bằng tiếng Đài. Ví dụ: kịch dân gian tiếng Đài *Koa-a-hi* và múa rối *Pou-te-hi*, nghệ thuật hát nói Đài Loan và dân ca ca

dao thịnh hành tiếng Đài, phim tiếng Đài, kịch sân khấu, kịch truyền thanh và hài kịch v.v... Ngoài những văn bản của loại hình nghệ thuật biểu diễn và hình ảnh âm thanh ra, còn có những ấn phẩm là văn bản giấy như sách *Koa-a-chheh* và sách lời bài hát được phát hành và lưu thông như những sản phẩm thị trường, trong đó những sản phẩm này đều viết bằng chữ Hán thông tục (giống như chữ Nôm của Việt Nam).

Những ấn phẩm tiếng Đài mang tính đại chúng này hầu như không được thừa nhận tính chính xác, giới văn học chủ lưu cũng không thảo luận đến. Sau chiến tranh, khi mà làn sóng của phong trào ngữ văn Đài trở dậy, các nhà vận động phong trào đã bỏ qua các phương án chữ viết trong các văn bản này mà trực tiếp thảo luận từ nền tảng của cuộc “tranh luận về ngữ văn Đài Loan” trước chiến tranh để toan tính thiết lập nên một hệ thống chữ viết chuẩn bằng chữ Hán.

2. Những tranh luận về văn tự hóa tiếng Đài

Trên thực tế, các tác gia muốn sáng tác văn chương thì đều gặp phải vấn đề về văn tự hóa ngôn ngữ. Để hoàn thành việc chuẩn hóa ngôn ngữ viết thì cần phải có sự tham gia của các nhà ngôn ngữ học. Tuy nhiên, từ khi bắt đầu phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ, trong xã hội Đài Loan đột nhiên xuất hiện rất nhiều chuyên gia ngữ văn đưa ra vô vàn phương án văn tự hóa. Trong số những chuyên gia này, tất nhiên cũng có những tác gia văn học và nhà ngôn ngữ học, chỉ có điều nhóm này chiếm tỷ lệ không lớn. Vì vậy, khi tranh luận, nhiều lúc

những người này lại sử dụng những lý lẽ mang tính tự phát thay vì sử dụng những lý thuyết của ngôn ngữ học. Thậm chí, trong cuộc tranh luận này cả hai bên đều không phải là các tác gia văn học, về mặt lý thuyết phương án tốt nhất lại không phải là tính thực tiễn trong sáng tác và không giúp ích được gì cho sáng tác văn học tiếng mẹ đẻ.

Phần lớn các phương án văn tự hóa tiếng Đài có thể chia thành 4 phái chính sau đây: Nhóm thứ nhất cho rằng, chiếu theo những thông lệ cũ của văn học Trung Quốc thì đừng mơ thực hiện “văn ngôn phân lập”, cùng lắm chỉ có thể chuyển thành cách viết văn Bạch Thoại của tiếng Trung. Nhóm thứ hai tiến bộ hơn, họ cho rằng phải đưa lời nói trở thành văn bản hóa hoàn toàn, sử dụng chữ Hán để ghi chép chính xác tiếng Đài. Nhóm thứ ba, cho rằng cần phải noi theo hệ thống chữ *Peh-oe-ji* của Giáo Hội Trưởng Lão để viết tiếng Đài. Nhóm thứ tư, hay nhóm chiết trung, cho rằng, nếu chỉ dùng thuần chữ Hán hoặc thuần chữ La tinh để viết thì đều gặp phải khó khăn, do đó, họ đề xuất chủ trương sử dụng phương thức kết hợp hai loại chữ Hán và chữ La tinh để viết. Trong nội bộ của bốn nhóm này lại cũng xảy ra những tranh luận riêng, “nhóm chữ Hán” tranh luận với nhau về một chữ nào đó được viết ra sao ở dạng chữ cổ và chữ chính tả, có người thì tham khảo thư tịch cổ của Trung Quốc, có người thì dứt khoát tự tạo ra chữ mới. “Nhóm phiên âm” thì lại sáng tạo ra các loại hệ thống ký tự phiên âm khác nhau, hoặc sửa đổi chữ La tinh của Giáo Hội. Do đó, đã xuất hiện rất nhiều “học giả văn tự”, sản sinh ra rất

nhiều “Thương Hiệt” (倉頡)⁷⁶ lần lượt biên tập những quyển tự điển ngày một dày hơn.

2.1. Hành trình giải quyết vấn đề văn tự hóa tiếng Đài

Khi tranh luận với những chuyên gia ngôn ngữ của phái chữ Hán, xung đột lớn nhất thường là theo quan điểm của hệ thống tiếng Trung truyền thống, thì chữ viết và ngôn ngữ là hai khái niệm rất khó tách rời, đặc biệt là với quan niệm cổ hữu “có âm thì có chữ”, do đó hầu hết thời gian tranh cãi đều về “chữ viết” chứ không phải là “ngôn ngữ”. Vấn đề văn tự hóa tiếng Đài nhìn chung đều dừng lại ở bước “làm thế nào để sử dụng chữ Hán viết tiếng Đài”, mỗi người đều tự cho rằng mình là nhà ngôn ngữ học, chuyên gia tiếng Đài, đều nói có sách mách có chứng “nhìn chữ phán nghĩa”, nói đến những vấn đề to tát. Rất nhiều nhà văn còn mượn điều này để làm cái cớ mà cho rằng đợi đến khi nào nhóm chuyên gia ngữ văn nghiên cứu ra một bộ chữ viết tiếng Đài hoàn chỉnh, thì khi đó hãy bàn đến việc sáng tác văn học tiếng mẹ đẻ.

Nếu chỉ loanh quanh tranh cãi về vấn đề tính chính xác của chữ Hán tiếng Đài thì nhất định sẽ giẫm lên vết xe đổ cuộc “tranh luận về ngữ văn Đài Loan” thời kỳ 1930 mà không đạt được kết quả gì. Nhưng thật may mắn, sau chiến tranh, phong trào chữ viết tiếng Đài tiếp xúc với lý luận ngôn ngữ học phương Tây, đã khiến cho việc văn tự hóa tiếng Đài có được bước phát triển khác. Lúc bấy giờ, giải quyết vấn đề

76 Chú thích của dịch giả: tên người. Theo truyền thuyết, Thương Hiệt là người sáng tạo ra chữ Hán.

văn tự hóa tiếng Đài có 2 hướng chính: hướng thứ nhất là đi theo con đường âm vận học truyền thống của Trung Quốc và nguyên tắc tạo chữ trong Lục Thu⁷⁷ của Hứa Thận để tìm ra “chữ chuẩn” của tiếng Đài. Hướng thứ hai lại đi theo con đường lý luận ngôn ngữ của phương Tây, xem tiếng Đài là một ngôn ngữ độc lập, nên muốn phục hưng ngôn ngữ, phải áp dụng phương thức quy hoạch ngôn ngữ để giải quyết.

Hướng âm vận học truyền thống của tiếng Trung và hướng lý luận ngôn ngữ học phương Tây có những nhận thức khác nhau về tiếng Đài. Nhóm truyền thống cho rằng tiếng Đài là một phương ngữ của tiếng Hán, tất cả tiếng Hán đều được ký hiệu bằng chữ Hán, có âm thì có chữ, và đều có thể tìm ra cách viết chữ chính tả từ các cổ tài liệu của Trung Quốc. Mỗi chữ Hán đều có âm vận, hình chữ và ý nghĩa, vì vậy, nghiên cứu tiếng Đài thật ra là nghiên cứu ký hiệu chữ Hán của tiếng Đài, chủ thể nghiên cứu trên thực tế là chữ viết, không phải ngữ liệu (tài liệu ngôn ngữ), đối tượng nghiên cứu là “chữ Hán”, không phải là “từ ngữ”. Tất cả phương pháp nghiên cứu đều giống với văn tự học, âm vận học, giải nghĩa từ trong sách cổ của lĩnh vực tiếng Trung, nghiêm khắc mà nói, chúng đều thuộc về lĩnh vực nghiên cứu của ngành tiếng Trung, không phải là nghiên cứu ngôn ngữ học.

Một loại nghiên cứu khác về tiếng Đài thì xem tiếng Đài dưới góc độ của một ngôn ngữ nhân loại, không phải

77 Chú thích của dịch giả: sáu phương pháp phân tích và quy nạp chữ Hán của thời xưa bao gồm tượng hình, chỉ sự, hình thanh, hội ý, chuyển chú và giả tá.

là một nhánh hoặc phương ngữ của tiếng Hán, muốn ghi ngôn ngữ này không chỉ có sử dụng chữ Hán mới là hướng đi duy nhất, đối tượng nghiên cứu là “từ ngữ”, không phải là “chữ Hán”, như vậy thì mới không rơi vào “hố đen” của chữ Hán. Hướng này không những có tính chủ thể của nghiên cứu ngôn ngữ hơn, mà còn tiếp cận gần hơn với thực tế cuộc sống, cũng sẽ đạt được hiệu quả thực tế đối với việc bảo tồn ngôn ngữ. Phương pháp nghiên cứu này khá phù hợp với lý luận ngôn ngữ học hiện đại, hoàn toàn khác xa với kết quả nghiên cứu của những học giả tiếng Trung.

Sau chiến tranh, trong làn sóng phong trào vận động tiếng Đài, Trịnh Lương Vĩ đại diện cho hướng nghiên cứu trên và trở thành cầu nối dẫn dắt phong trào vận động ngữ văn tiếng Đài của cộng đồng người Đài Loan tại Mỹ. Chính vì quan hệ này, vô tình đã giúp cho phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ của Đài Loan mở rộng tầm nhìn và tạo ra những kết quả rực rỡ.

2.2. Phương án chiết trung chữ viết tiếng mẹ đẻ của Trịnh Lương Vĩ

Như đã đề cập ở trên, vào cuối thế kỷ 19, sau khi các nhà truyền giáo Cơ Đốc Giáo phương Tây truyền bá hệ thống chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài vào Đài Loan, thì ở Đài Loan tồn tại song song hai hệ thống chữ viết tiếng mẹ đẻ. Chỉ có điều, hệ thống chữ viết bằng chữ Hán được đưa vào hệ thống giáo dục chính thống, luôn giữ vai trò chủ đạo. Cho đến phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ sau chiến tranh, vì phong trào ngữ văn Đài ở nước ngoài lan truyền và kết nối

với phong trào ngữ văn Đài trong nước, vì vậy mới có cơ hội được tích hợp, phát triển thành phương án chữ viết thứ ba. Và người đi đầu trong hướng phát triển này chính là Trịnh Lương Vĩ.

Trịnh Lương Vĩ đã dựa vào những lý luận ngôn ngữ học phương Tây để tìm ra được sách lược tốt cho sự hồi sinh của tiếng Đài, đó chính là hiện đại hóa ngôn ngữ và văn tự, bao gồm đi từ góc độ nhân tính hóa, phổ thông hóa, khẩu ngữ hóa, phiên âm hóa, thông tin hóa để phá vỡ những rào cản trong việc văn tự hóa tiếng Đài. Từ việc sáng lập ra phần mềm bộ gõ tiếng Đài, tích cực tham gia các hoạt động văn học tiếng Đài, giải quyết ngay khó khăn trong việc hồi sinh tiếng mẹ đẻ và chữ viết văn học. Chúng ta không những lấy được bằng chứng về sự hồi sinh của tiếng Đài, mà còn khai thông con đường sáng tác văn học tiếng Đài, thoát khỏi sự ràng buộc của văn học tiếng Hoa, phát triển nền văn học hậu thực dân bằng tiếng mẹ đẻ của mình.

Những học giả ngữ văn của phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ ở những năm 80, có rất nhiều người hoài cổ, ôm ấp hy vọng đưa nghiên cứu tiếng Đài vào hệ thống nghiên cứu tiếng Hán. Trịnh Lương Vĩ và những học giả nghiên cứu Đài Văn cùng thời ấy thì lại khác, mục tiêu của ông không chỉ là phục hưng văn hóa tiếng Đài, mà tất cả những công trình nghiên cứu tiếng Đài và sáng chế của ông đều mang đầy tinh thần hiện đại hóa ngữ văn, cân nhắc việc nhân tính hóa và hiệu quả sử dụng của ngữ văn. Cùng với việc thúc đẩy phong trào văn bản hóa tiếng Đài, cũng rất chú ý đến xu

hướng đại chúng hóa, ứng dụng hóa, khẩu ngữ hóa chữ viết. Bởi vì là cách tiếp cận từ góc độ hiện đại hóa ngữ văn, nên phương pháp cụ thể chính là thúc đẩy tiêu chuẩn hóa văn viết tiếng Đài và tích cực sáng chế phần mềm đánh chữ tiếng Đài, hai công việc này trở thành sách lược và điểm trọng yếu để Trịnh Lương Vĩ thúc đẩy ngữ văn tiếng Đài và lẽ tự nhiên trở thành xu hướng văn học tiếng Đài hiện đại. Một mặt, các tác phẩm văn học tiếng Đài là chủ thể nghiên cứu tiếng Đài của ông, mặt khác hoạt động nghiên cứu tiếng Đài của ông đã thúc đẩy sáng tác văn học tiếng Đài hiện đại, đây chính là quan hệ nhất thể lưỡng diện.

Những tranh luận về tiếng Đài đã trải qua thời kỳ chiến quốc “trăm hoa đua nở”, đến năm 1984, phái phiên âm xuất hiện nhận thức chung hoàn chỉnh đầu tiên. Trong chính bức thư của Vương Dục Đức (王育德) - nhà tiên phong nghiên cứu tiếng Đài thời kỳ Nhật Bản, viết cho Trịnh Lương Vĩ đã tình nguyện dựa vào chữ La tinh Giáo Hội truyền thống để cùng thúc đẩy văn tự hóa tiếng Đài. Nội dung thư có đoạn viết như sau:

“Tôi có một lập trường cơ bản rằng, tiếng Đài Loan đã có lịch sử chữ viết La tinh Giáo Hội truyền thống trong 150 năm, cơ sao lại không được bảo vệ và quảng bá. Cách ký hiệu xa lạ do những kẻ ngoài ngành phát minh sao có thể hơn được chữ La tinh của Giáo Hội. Nhưng chữ La tinh Giáo Hội đương nhiên sẽ có khuyết điểm của nó, chúng ta chỉ cần sửa đổi những khuyết điểm đó là được thôi.”

Bởi vì lúc bấy giờ là thời đại thông tin điện tử, phái phiên âm đã có một nhận thức chung hoàn chỉnh như thế, thì bước tiếp theo cần phải làm đó chính là đồng bộ hóa nghiên cứu hệ thống xử lý văn bản của máy tính, giải quyết tất cả vấn đề văn tự hóa (chữ viết) tiếng Đài.

Năm 1990, Trịnh Lương Vĩ đã thiết lập Phòng Tư Liệu Tiếng Đài tại Khoa Ngữ Văn Đông Á Trường Đại Học *Hawaii* (Mỹ), đồng thời tích cực nghiên cứu tạo ra phần mềm đánh máy và xử lý văn bản tiếng Đài bằng máy tính, kết hợp cách đánh máy chữ La tinh và “phần mềm máy tính tiếng Trung *Eten*”, hoặc các phần mềm máy tính tiếng Trung khác, để những ai biết tiếng Đài có thể học được cách gõ chữ Hán - La tinh tiếng Đài hoặc chữ Hán trên máy vi tính trong thời gian ngắn nhất. Có thể nói rằng, việc sử dụng phiên âm chữ La tinh Đài Loan để gõ chữ Hán tiếng Đài mà không phải sử dụng cách đánh chú âm tiếng Trung có ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển của ngữ văn Đài.

Phát triển thành công hệ thống xử lý văn bản tiếng Đài trên máy vi tính đã tạo ra bước đột phá mang tính lịch sử về mặt kỹ thuật trong việc tiêu chuẩn hóa chữ viết tiếng Đài. Thông qua việc phổ cập hóa hệ thống này, có thể lạc quan rằng tất cả những người sử dụng tiếng Đài trong mọi ngành nghề sẽ dùng tiếng Đài để viết bài phát biểu, bản tin thời sự, công bố tham luận khoa học và sáng tác văn học v.v... Như thế, tiếng Đài sẽ đạt đến bước văn minh hiện đại và tiến vào quá trình hiện đại hóa.

2.3. Thực tiễn của phương án chữ viết kết hợp “Hán - La tinh”

Vào cuối những năm 70 của thế kỷ 20, Trịnh Lương Vĩ đã phát hành ở hải ngoại tạp chí *Đài Loan Ngữ Văn Song Nguyệt San* sử dụng loại chữ Hán - La tinh kết hợp, tích cực phát triển bộ gõ và phần mềm ngắt từ tiếng Đài, đồng thời thu thập một lượng lớn từ ngữ vào kho ngữ liệu tiếng Đài. Về sau này, trong bất kể tác phẩm nào có liên quan đến lĩnh vực giáo dục hay nghiên cứu học thuật, ông đều sử dụng kiểu chữ viết “Hán - La tinh kết hợp”. Trong đó, các tác phẩm tiêu biểu như *Thử viết tin mừng Thánh Luca bằng chữ Hán - La tinh*, *Hướng đến chuẩn hóa ngữ văn Đài Loan* và *Đài Ngữ Thơ Lục Gia Tuyển* (台語詩六家選) - tập thơ tiếng Đài đầu tiên của Đài Loan được biên soạn và viết bằng chữ “Hán - La tinh”. Ông còn tuyển chọn trích đoạn từ tiểu thuyết viết bằng chữ *Peh-oe-ji* mang tên *Kẻ thù đáng yêu* (可愛的仇人) của Lại Nhân Thanh và dùng chữ “Hán - La tinh” viết lại thành giáo trình đọc hiểu tiếng Đài cao cấp.

Về sau, loại “chữ viết hỗn hợp” này không chỉ tinh chọn ưu điểm của chữ Hán và chữ La tinh, mà còn kế thừa quan điểm văn hóa bao hàm trong hai loại chữ viết giống như tính chất “ưu thế lai tạo” trong sinh học và giành được sự ủng hộ của nhiều người hơn. Thậm chí, dưới sự thúc đẩy phát triển của rất nhiều nhân sĩ trong phong trào văn học tiếng Đài, loại chữ này nhận được những phản hồi rất khả quan. Hàng loạt những tác phẩm dài được ra đời, ví dụ những áng văn xuôi tiếng Đài liên tục được xuất bản từ sau những năm

90, tựa như những búp măng non đua nhau nảy nở sau kỳ mưa xuân. Trong những tác phẩm vừa, có tiểu thuyết và kịch của Trần Lôi, Trần Minh Nhân và rất nhiều tác gia viết tiểu thuyết bằng tiếng Đài, vận dụng tiếng mẹ đẻ để sáng tác, viết về những câu chuyện của chính họ, bao gồm nữ tác gia Vương Trinh Văn, Thanh Văn và các tác gia khá trẻ tuổi như Trần Đình Tuyên và Lưu Thừa Hiến v.v...

Gia nhập vào phong trào ngũ văn Đài những năm 80 của thế kỷ 20 đa phần là những nhà văn tiếng Đài, từ cuối những năm 90 đến những năm tiếp theo sau năm 2000, số lượng người quan tâm và gia nhập vào đội ngũ sáng tác văn học tiếng Đài gia tăng gấp bội. Cùng với sự mở cửa, bản địa hóa và hiện thực hóa tính chủ thể của xã hội Đài Loan, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ qua bộ chữ “Hán - La tinh” đã không còn bị hạn chế bởi chữ Hán, mà đã có được bước đột phá với số lượng lớn các tác phẩm thơ, văn xuôi, tiểu thuyết và kịch.

II. Những tranh luận từ bên trong và bên ngoài của dòng văn học tiếng mẹ đẻ

Sau khi “văn học tiếng mẹ đẻ” được giới văn học Đài Loan thừa nhận ở một mức độ nhất định, tất nhiên sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức từ những quan điểm truyền thống. Nhìn chung, có thể phân thành hai tầng lớp, một là quan hệ chính phụ giữa văn học tiếng mẹ đẻ (văn học tiếng Đài) và văn học Đài Loan, nhóm này gặp phải vấn đề là sự tranh cãi giữa tác giả văn học tiếng Trung và tác giả văn học tiếng mẹ đẻ; Hai là vấn đề lý tưởng về cái đẹp trong sáng tác văn học tiếng mẹ đẻ (văn học tiếng Đài), vấn đề mà nhóm

này gặp phải là sự bất đồng quan điểm nội bộ. Phần này chủ yếu trình bày về cuộc tranh cãi văn học nảy sinh từ vấn đề viết tiếng mẹ đẻ.

Trong khoảng thời gian từ năm 1987 đến năm 1996, các tác gia Đài Loan lại bắt đầu những chuỗi luận đàm về vấn đề ngôn ngữ sáng tác của văn học Đài Loan và sâu xa hơn là vấn đề “văn tự hóa tiếng Đài”, một lần nữa đã tạo ra hàng loạt những cuộc thảo luận, hình thành nên “Cuộc tranh luận về văn học tiếng Đài”.⁷⁸ Cuộc tranh luận lần này chia làm ba giai đoạn: giai đoạn năm 1989 do Liêu Hàm Hạo (廖咸浩), năm 1991 do Lâm Ương Mẫn (林央敏) và năm 1996 do Trần Nhược Hy (陳若曦) khởi xướng. Trong đó, có thể quy về hai nhóm tranh luận chính: “phái văn học bản địa” đại diện cho nhóm phong trào ngữ văn Đài và “phái văn học phi bản địa”; trong nội bộ “phái văn học bản địa” là tranh luận giữa các tác gia tiếng Đài và tiếng Khách Gia. Dựa trên sự khác biệt của hình thái giá trị về cơ sở lập luận, vị trí

78 Trong cuộc tranh luận lần này, mở màn là bài “Cuộc đấu tranh vùng ven của văn học tiếng Đài - xoay quanh cuộc tranh luận văn học tiếng Đài những năm 80, 90” của Lữ Hưng Xương (呂興昌) trong cuốn *Kỷ yếu Dân tộc Đài Loan và quốc gia hướng đến thế kỷ 21* do Trương Viêm Hiến (張炎憲), Tăng Thu Mỹ (曾秋美) và Trần Triều Hải (陳朝海) biên tập (Đài Bắc, Quỹ Sử Liệu Đài Loan Ngô Tam Liên, 2001), bài viết này đứng từ góc độ lịch sử văn học để thảo luận về quá trình phát triển của cuộc tranh luận một cách chi tiết. Về sau lại có Trần Mộ Chân (陳慕真) với bài viết “Hướng đến cách mạng văn học của dân tộc Đài Loan - luận bàn về cuộc tranh luận văn học tiếng Đài những năm 80, 90” trong *Phê bình văn học Đài Loan* kỳ 1 cuốn 6 vào tháng 1 năm 2006. Trọng tâm thảo luận tập trung vào những giá trị đảng sau cuộc tranh luận về văn học tiếng Đài, từ đó phân tích và đánh giá cái đích cuối cùng cũng như ý nghĩa thời đại của cuộc tranh luận chính là hướng đến một nền văn học dân tộc của Đài Loan.

phát ngôn, bối cảnh tộc người mà chủ đề của nhóm đầu tiên xoay quanh “quan điểm chủ thể Đài Loan / Trung Quốc”, nhóm thứ hai xoay quanh chủ đề “ý kiến khác biệt trong nội bộ của nhóm quan điểm chủ thể Đài Loan”.

1. Bản chất vấn đề của sáng tác văn học tiếng mẹ đẻ

Tháng 6 năm 1989, Liêu Hàm Hạo đã viết bài “Cuộc cách mạng cần thêm nhiều dưỡng chất - điểm mù và hạn chế của lý luận trong phong trào văn học tiếng Đài” trên chuyên mục bản địa của tờ *Tự Lập Văn Báo*, mở màn cho “cuộc tranh luận văn học tiếng Đài”, thu hút sự phản ứng của “phái văn học bản địa” Lâm Ương Mẫn, Hồng Duy Nhân, Tống Trạch Lai v.v...

Năm 1989, Liêu Hàm Hạo đã viết bài “Thảo luận về văn học tiếng Đài” trên chuyên mục bản địa của tờ *Tự Lập Văn Báo*. Liêu Hàm Hạo khẳng định rằng, vào những năm 80, hành vi “sáng tác văn học bằng tiếng Mân Nam vì sự thức tỉnh ý thức Đài Loan” là sự phản hồi quá độ đối với văn hóa bá quyền của tiếng phổ thông, cũng là sự tiếp nối những nỗ lực “biểu lộ sự uyên thâm của văn hóa Trung Hoa”, phê phán những điểm mù và hạn chế của lý luận văn học tiếng Đài. Đầu tiên là kế thừa điểm mù của phong trào văn học Bạch Thoại - văn ngôn hợp nhất; Kế đến là tiếp thu “tâm thái chính thống” hoặc “tâm thái bá quyền” sản sinh từ “chủ nghĩa chuẩn dân tộc”, chủ nghĩa này sản sinh từ ý thức Đài Loan. Cuối cùng, tóm lại là: Lý luận của văn học tiếng Đài là “quan điểm văn ngôn đối lập lỗi thời”, “quan điểm tái hiện tả thực một cách cầu thả”, “quan điểm ngây thơ của văn học

giai cấp vô sản” và “lý luận chính thống thuần hoá mang tính bài trừ cái khác” đều là “những ngỗ cụt hoặc cũng không đi được đến đâu”.

Ngay lập tức, dấy lên làn sóng tranh luận của Hồng Duy Nhân và Lâm Ương Mẫn phản bác lại Liêu Hàm Hạo.

Vào tháng 7 cùng năm, Hồng Duy Nhân đã viết bài “Chủ nghĩa thuần hóa cảm động lòng người” nhằm phản bác lại bài “Điểm mù và hạn chế của lý luận trong phong trào văn học tiếng Đài” của Liêu Hàm Hạo in trên chuyên mục bản địa của tờ *Tự Lập Văn Báo*. Đầu tiên để phản bác lại cách nói “tâm thái bá quyền” của Liêu Hàm Hạo, ông nói: “Từ trước đến nay, chưa ai có nhận thức hạn hẹp đến mức cho rằng chỉ có tiếng Mân Nam mới là “tiếng Đài”, hoàn toàn khác so với những người cho rằng tiếng phổ thông hay thậm chí chỉ có tiếng Bắc Kinh mới gọi là “Quốc ngữ” trong “phong trào Quốc ngữ”, những người này thậm chí còn coi toàn bộ những ngôn ngữ khác đều là “phương ngữ”. Tiếp đó, ông phản bác lại những luận điểm có liên quan mà Liêu Hàm Hạo nêu ra về “văn viết”, “văn nói” v.v... Hồng Duy Nhân cũng cho rằng, sự ra đời của bất kỳ một loại chữ viết nào đều chứa đựng bối cảnh xã hội của nó. Lý do khiến dòng văn học tiếng Đài hiện đại ra đời chính là vì có sự bất mãn đối với chữ viết mà dòng văn học quê hương đã sử dụng vào những năm 70 của thế kỷ 20. Loại chữ đó không thể nào bộc lộ hết sự tinh tế trong ngôn ngữ của người Đài Loan, cũng như không thể nào phản ánh được hết văn hóa và tư tưởng của người Đài Loan, vì thế mới phải tạo ra nền văn học Đài

Loan và văn học tiếng Đài với chủ thể là ngôn ngữ riêng của người Đài Loan.

Lâm Ương Mẫn đã viết bài “Không được xuyên tạc phong trào văn học tiếng Đài - Phản bác Liêu Hàm Hạo” trên phụ san của *Dân Chúng Nhật Báo* (民眾日報), trong đó viết: “Cái gọi là “văn ngôn hợp nhất” mà các nhà lý luận văn học tiếng Đài chủ trương xuất phát từ sự đối lập với văn thể “văn ngôn” vô cùng không thống nhất giữa tiếng nói và chữ viết, cũng như lối viết Trung văn hoàn toàn khác với khẩu ngữ của người Đài Loan. Đồng thời, ông cũng bác bỏ cách nói của Liêu Hàm Hạo khi đưa các sáng tác tiếng Đài vào văn hóa Trung Hoa. Lâm Ương Mẫn cho rằng nếu xem xét từ góc độ bối cảnh lịch sử văn học Đài Loan, thì bất kể là những người chủ trương và tích cực tham gia sáng tác bằng văn Bạch Thoại tiếng Đài của những năm 30 hay năm 80, đại đa số họ đều không đồng ý đặt văn học tiếng Đài dưới ngọn cờ văn hóa Trung Hoa. Không chỉ có thế, họ còn tiến một bước là nỗ lực xây dựng một nền văn hóa Đài Loan khác với văn hóa Trung Quốc. Họ quyết tâm xây dựng một cá thể văn hóa Đài Loan để giải quyết vấn đề thống nhất giữa tiếng nói và chữ viết của Đài Loan bằng việc sáng tác tiếng Đài; nâng tầm vị thế ngôn ngữ bản địa; làm phong phú giá trị của tiếng Đài; khôi phục sự tôn nghiêm và bản sắc dân tộc của người Đài Loan. Lâm Ương Mẫn đã chỉ rõ, văn học tiếng Đài chính là phép tính thử cho mục tiêu khôi phục vị thế văn hóa Đài Loan, kiến tạo nên tính chủ thể của người Đài Loan, tìm lại sự tôn nghiêm dân tộc của Đài Loan. Ngược lại, Liêu Hàm

Hạo lại đặt văn học tiếng Đài vào vị trí bên rìa của văn học / văn hóa Trung Quốc, sự thử nghiệm của “văn học tiếng Đài” lại bị xuyên tạc là ý đồ bộc lộ sự uyên thâm của văn hóa Trung Quốc, cố ý khinh thường dòng lịch sử của văn học / văn hóa Đài Loan, hạ thấp sự truy cầu tính chủ thể văn hóa Đài Loan xuống thành một bộ phận văn hóa Trung Quốc. Cách nói này lộ rõ sự hô ứng với hình thái ý thức của nhà cầm quyền và luận điệu văn hóa chủ thể Trung Quốc.

Một cuộc tranh cãi khác giữa hai nhóm “phái văn học bản địa” và “phái văn học phi bản địa” cách 7 năm sau đó bắt nguồn từ bài “Không thể chấp nhận sáng tác bằng tiếng Đài” của Trần Nhượng Hy đăng trên phụ san của *Trung Quốc Thời Báo* (中國時報) vào tháng 6 năm 1996. Bài viết này đã phủ định những sáng tác được viết bằng tiếng Đài hoặc “văn học tiếng Đài”. Trần Nhượng Hy đưa ra các luận điểm có thể quy nạp như sau: Một là, các tác gia Đài Loan từng đề xướng văn bản tiếng Đài, cổ xúy sử dụng phương ngữ Đài Loan để thể hiện cuộc sống của người Đài Loan, những tác phẩm viết bằng phương ngữ như thế này cũng không lưu lại được bao nhiêu; Hai là, những người Đài Loan hiểu tiếng Đài khi đọc những tác phẩm xa xưa của Vương Trinh Hòa thậm chí cũng cảm thấy cứng lưỡi. Ngoài ra, ngay cả bản thân bà là người Đài Loan cũng không thể hiểu được, hoặc phải dùng cách đoán hay đọc đi đọc lại mới hiểu được đôi ba phần nội dung của những bài viết thuần túy chỉ dùng tiếng Đài, cuối cùng đành phải bỏ cuộc; Ba là, trong quá khứ, Đài Loan chịu sự khinh miệt là sự thật, nhưng sửa

chữ sai lầm lịch sử thì cũng không nhất thiết phải là “âm với âm thành dương”, ngược lại, chúng ta có thể lợi dụng điều thuận lợi có được trong khó khăn này, tức là có được ngôn ngữ và chữ viết thống nhất trên toàn quốc, thúc đẩy sự hòa hợp dân tộc; Bốn là, ngôn ngữ và chữ viết là công cụ trao đổi và giao tiếp, vậy nên càng tính trao đổi càng lớn thì càng thuận tiện, người sử dụng tiếng Hán có hơn 12 tỷ người, vì vậy tận dụng tiếng Hán có thể xóa tan rào cản ngôn ngữ; Năm là, Mỹ, *Canada*, Úc đều là từng là thuộc địa của Anh, sau này khi độc lập vẫn sử dụng tiếng Anh làm Quốc ngữ mà không hề tổn hại quốc thể. Cuối cùng, bà kết luận rằng “văn học tiếng Đài” phải chăng là lựa chọn “tự sát” của sinh mệnh văn học?

Những luận điểm phản đối văn viết tiếng Đài của Trần Nhượng Hy cơ bản là do nền giáo dục thực dân đã hình thành nên giá trị quan văn hóa Trung Quốc. Trần Nhượng Hy không những đã tiếp thu mà còn thừa nhận quan điểm và mô thức giải thích của kẻ thống trị thực dân đối với văn hóa bản địa, gán cho ngôn ngữ bản địa vị trí thấp hèn và sự đánh giá giá trị tiêu cực một cách tự nhiên. Phản đối luận điểm mà Trần Nhượng Hy đưa ra, Lâm Ương Mẫn đã đáp trả ngay lập tức bằng bài “Viết bằng ngôn ngữ của dân tộc là điều cần thiết - phản đối quan điểm duy ngã độc tôn Trung Quốc của bà Trần Nhượng Hy” đăng trên chuyên mục phụ của *Dân Chúng Nhật Báo*, tiếp đó, Hồng Duy Nhân cũng đăng bài “Không thể viết tiếng Đài ư?” trên phụ san Nhân Gian của tờ *Trung Quốc Thời Báo* nhằm phản đối bài viết của Trần Nhượng Hy.

Lâm Ương Mẫn chỉ rõ, đọc không hiểu bài viết tiếng Đài tuyệt đối không thể coi là nguyên nhân chính để “Không thể chấp nhận sáng tác bằng tiếng Đài”. Bởi vì, “Trần Nhược Hy tuy là người Đài Loan, có thể nói lưu loát tiếng Đài, nhưng điều này không có nghĩa là bà ấy sẽ đọc được chữ viết tiếng Đài nếu không trải qua quá trình học tập”. Người Đài Loan đã trải qua một thời gian dài bị thực dân đô hộ, đã mất đi cơ hội tiếp thu nền giáo dục tiếng Đài, vì vậy, “đọc không hiểu” là điều đương nhiên, chỉ cần trải qua quá trình học tập cơ bản, sẽ có thể hiểu được các tác phẩm viết bằng tiếng Đài. Về ý kiến lịch sử không nhất thiết phải “âm với âm thành dương” và cách nói “nên tuân theo ngôn ngữ giao tiếp chung hiện có để duy trì sự hòa hợp dân tộc” mà Trần Nhược Hy nêu ra, Lâm Ương Mẫn nói rõ, trong một đất nước đa ngôn ngữ và đa dân tộc, quy định về ngôn ngữ giao tiếp chung là việc nên làm, nhưng nếu dùng sức mạnh vũ lực chính trị và sự bá quyền để chọn ngôn ngữ của tộc người thiểu số làm “Quốc ngữ”, đồng thời đẩy ngôn ngữ của tộc người đa số xuống làm “phương ngữ” thì đó là một chính sách ngôn ngữ sai lầm. Chính sách Quốc ngữ “tôn sùng tiếng Hoa của nhóm thiểu số, bức hại ngôn ngữ các tộc người khác” mới là rào cản lớn nhất đối với sự hòa hợp dân tộc. Ngoài ra, về nội dung mà Trần Nhược Hy nêu ra về việc nước Mỹ, *Canada* vẫn dùng tiếng Anh sau khi giành độc lập mà không hề tổn hại quốc thể, xem ra có vẻ hợp lý. Tuy nhiên, rõ ràng là Trần Nhược Hy đã bỏ qua những luận điểm về bối cảnh lịch sử đặc biệt và kết cấu tộc người của Đài Loan. Lâm Ương Mẫn chỉ ra rằng, “Mỹ, *Canada* chọn tiếng Anh làm Quốc ngữ là

một việc hết sức tự nhiên, bởi vì, tiếng Anh vốn là tiếng mẹ đẻ của đại đa số tộc người ở các quốc gia này (75% dân số nói tiếng Anh). Nhưng đối với tình hình ở Đài Loan thì hoàn toàn ngược lại, tiếng mẹ đẻ của 75% dân số không những không thể trở thành ngôn ngữ giao tiếp phổ thông của Đài Loan, ngược lại còn bị đàn áp. Giờ đây, để khiến cho phần lớn những người đang thiếu hụt sự thức tỉnh dân tộc có thể đọc hiểu được, nhưng vẫn phải “thuận lòng” chế độ giáo dục ngữ văn của hơn 50 năm qua bằng việc tiếp tục viết bằng tiếng Trung, thì quả thật là điều trái với hiện tượng thông thường. Ngoài ra, bài viết của Trần Nhược Hy cho rằng “những tác phẩm văn học viết bằng phương ngữ Đài Loan những năm 30 của thế kỷ 20 không được lưu giữ lại bao nhiêu” để phủ định truyền thống và tính cần thiết của việc các tác gia văn học Đài Loan sáng tác bằng “phương ngữ”, không khác gì bỏ qua một sự thật là tầng lớp thống trị thực dân thời kỳ Nhật trị cấm hoàn toàn việc sáng tác bằng tiếng Đài. Nhìn lại nền văn học trong thời kỳ Nhật trị, chúng ta có thể thấy rằng, vẫn có nhiều tác gia Đài Loan như Lại Hòa, Dương Quý cố gắng phát triển văn viết tiếng Đài Loan trong những kẽ hở của chế độ thực dân cường quyền. Ngoài ra, vào thời Nhật trị, Đài Loan vẫn có hàng hà sa số những tác phẩm văn học dưới dạng sách *Koa-a-chheh*, và những tài liệu lịch sử dùng chữ *Peh-oe-ji* (chữ La tinh Đài Loan) do Giáo Hội Trưởng Lão phát triển ra từ cuối thế kỷ 19, bao gồm những tác phẩm văn học như báo, tiểu thuyết chữ *Peh-oe-ji*, văn xuôi, thơ ca, thư tịch cá nhân, tự điển, từ điển, sách giáo khoa, sách y học

chuyên ngành và các tư liệu phong phú khác⁷⁹. Đây đều là tài sản và truyền thống của văn học tiếng Đài. Những trình bày và phân tích của Lâm Ương Mẫn về cơ bản đã chỉ ra khuyết điểm và mâu thuẫn trong luận điểm của Trần Nhượng Hy, và cũng đứng từ quan điểm dân tộc Đài Loan để bàn thảo “văn học tiếng Đài”, đặt sáng tác văn học tiếng Đài ngang tầm với sự phát triển của văn học dân tộc Đài Loan. Bởi vì, “tiếng Đài là ngôn ngữ dân tộc và ngôn ngữ xã hội quan trọng nhất của người Đài Loan, lẽ ra phải sử dụng tiếng Đài để sáng tác mới hợp lý”.

Bài viết của Hồng Duy Nhân thì tập trung hướng đến giới trí thức sinh ra và lớn lên tại Đài Loan (ví dụ như Trần Nhượng Hy) nhưng lại có thái độ lãnh đạm thờ ơ và khinh thường tiếng mẹ đẻ của dân tộc đến vậy. Ông cho rằng, “lịch sử văn học tiếng Mân Nam tính đến nay đã trải qua hơn 400 năm, chứ không phải là mới bắt đầu từ hôm nay, nhưng cho đến hôm nay, giới trí thức coi tiếng Mân Nam là tiếng mẹ đẻ lại trâng tráo nói rằng không thể hiểu được những bài viết được viết bằng tiếng Mân Nam. Điều này thể hiện họ không muốn hiểu chứ không phải không hiểu”. Ngoài ra, đứng từ lập trường của giai cấp lao động Đài Loan thảo luận về “văn học tiếng Đài”, Hồng Duy Nhân chỉ ra những tác gia sử dụng tiếng Đài để sáng tác văn Đài như bác lái xe *taxi* Hồng Cẩm Điền (洪錦田) với tác phẩm “Ông Lok-kang kể chuyện” (鹿

79 Về văn học chữ *Peh-oe-ji* và tài liệu lịch sử, xin vui lòng tham khảo “Nghiên cứu về văn học tiếng Đài trong tài liệu chữ *Peh-oe-ji*” của Hoàng Giai Huệ, Đài Nam, Luận văn Thạc sĩ Khoa Văn Hóa Quê Hương Học Viện Sư Phạm Đài Nam, 2000.

港仙講古), người phụ nữ chưa tốt nghiệp Tiểu học Quách Ngọc Vân (郭玉雲) với tập thơ sắp xuất bản v.v... Ông còn đưa ra luận điểm “tầng lớp lao động chỉ dùng tiếng mẹ đẻ của mình mới có thể thể hiện bản thân, họ không thể phiên dịch những áng văn chương trong tim mình thành ngôn ngữ do giai cấp cầm quyền giáo dục mà cảm thấy tự hào được”. Đúng về mặt quan điểm nhân quyền văn hóa, “sáng tác văn học không nên chỉ thuộc về đặc quyền của giới trí thức, không ai có quyền cướp đi quyền được sáng tác của con người”. Lý luận được nêu ra trong đoạn này càng cho thấy mục tiêu rõ ràng muốn đem quyền ngôn ngữ, quyền văn tự trả về cho dân tộc và đại chúng. Quan điểm đưa “văn học tiếng Đài” trở thành đại diện cho tầng lớp vô sản và giai cấp lao động này là mạch nối tiếp của tinh thần và hệ thống giá trị của các tác gia Đài Loan trong cuộc tranh luận về ngữ văn Đài Loan ở những năm 30.

2. Những quan điểm khác nhau về nền văn học tiếng mẹ đẻ trong giới văn học bản địa

Lần tranh luận khác về văn học tiếng Đài dấy lên vào những năm 90 của thế kỷ 20 là do nội bộ trong nhóm văn học bản địa có ý kiến trái chiều về việc nhìn nhận ngôn ngữ Đài Loan / tiếng Đài. Điều đáng chú ý là tranh luận lần này bắt nguồn từ cuộc tranh luận của nhóm văn học bản địa và nhóm văn học phi bản địa trước đó. Điều này làm cho những người tham gia phải đối mặt với sự công kích từ hai phía của cả hai phái.

Làn sóng tranh luận lần này là do Lâm Ương Mẫn khởi xướng khi đăng bài “Quay về với diện mạo của văn học Đài Loan” trong chuyên mục Bản Địa của tờ *Tự Lập Văn Báo* vào tháng 9. Bài viết thảo luận về vấn đề nền văn học Đài Loan chịu ảnh hưởng bởi đặc trưng lịch sử và bối cảnh chính trị của thực dân ngoại bang trong suốt một quãng thời gian dài, diện mạo của văn hóa và văn học rất mơ hồ, không còn cố định và do giai cấp thống trị nhào nặn ra. Mãi cho đến những năm 80 của thế kỷ 20, khi văn hóa và dân tộc quay về bản địa và ý thức của người Đài Loan ngày càng dâng cao thì diện mạo của văn học Đài Loan mới dần dần được tái hiện. Dòng “văn học quê hương” đã có thể chính thức mang tên chuẩn là “văn học Đài Loan”. Và những tác phẩm đó đều được định nghĩa là “những tác phẩm miêu tả tâm tư tình cảm và biểu hiện ý thức của con người Đài Loan trên lập trường và quan điểm của người Đài Loan”. Tuy vậy, khi mà những tranh luận và định nghĩa về “văn học Đài Loan” sắp đi vào thoái trào, lại xuất hiện một luận điểm khác căn cứ vào ngôn ngữ để định nghĩa “văn học Đài Loan”. Luận điểm này cho rằng “văn học tiếng Đài mới là đại diện hợp lý nhất cho văn học Đài Loan”. Lâm Ương Mẫn đồng thuận với quan điểm này. Tiếp đến, theo góc nhìn “lấy đa số làm đại diện cho toàn bộ” đã dùng “tiếng Đài” theo nghĩa hẹp để định nghĩa lại “văn học Đài Loan”. Từ quan điểm này, ông cho rằng, tiếng Đài chính là tiếng mẹ đẻ mang tính bản địa và tính đại diện của người Đài Loan, do vậy những tác phẩm văn học sáng tác bằng tiếng Đài mới mang tính đại diện và phù hợp nhất với xã hội Đài Loan cũng như phản ánh rõ rệt nhất về xã hội và cuộc sống Đài Loan. Còn về những tác

phẩm không viết bằng tiếng Đài trong quá khứ thì có thể đặt tên là “văn học chữ Hán của Đài Loan”, “văn học tiếng Nhật của Đài Loan”, “văn học tiếng Hoa của Đài Loan”. Lập luận của Lâm Ương Mẫn xuất phát từ lập trường của chủ nghĩa dân tộc Đài Loan. Sau này quan điểm hậu thực dân cho rằng, những điều mà văn học tiếng Đài muốn làm là thoát khỏi nền văn học và ngôn ngữ mang tính chất thực dân thống trị trong quá khứ. Người Đài Loan phải tư duy, sáng tác bằng ngôn ngữ dân tộc (75% nhóm người *Ho-lo* coi tiếng Đài là ngôn ngữ chính) và xây dựng một diện mạo văn học, ngôn ngữ hướng về bản sắc quê hương một cách chân thực.

Lúc đầu, khi Lâm Tông Nguyên và Lâm Ương Mẫn đưa ra quan điểm “Văn học tiếng Đài mới là văn học Đài Loan”, thì ngay lập tức bị nhiều người phê phán. Đầu tiên, đương nhiên các nhà văn dùng tiếng Hoa sáng tác không thể chấp nhận điều này. Các học giả người Trung Quốc cho rằng đây là quan điểm “văn học Đài Loan độc lập điển hình”. Kế tiếp là các tác gia lớn người Khách Gia như Lý Kiều, Bành Thụy Kim (彭瑞金) v.v... liên tục viết bài để phản đối, và cho rằng đây là khái niệm “hẹp hòi” theo “chủ nghĩa Sô vanh của người *Ho-lo*”. Giới văn học chủ lưu của Đài Loan khi ấy cho rằng văn học tiếng Đài không những là sản phẩm của chủ nghĩa bè phái, mà còn là thứ “không thể chấp nhận được”.

Tuy nhiên, luận điểm này cũng đã làm cho hai tác gia của phe bản địa là Lý Kiều và Bành Thụy Kim vô cùng lo lắng. Ngay lập tức vào tháng 9 năm 1991, Lý Kiều đã đăng một bài báo có tên là “Con đường ngôn ngữ rộng lớn - suy ngẫm về ngữ văn Đài Loan” trên tờ *Tự Lập Văn*

Báo. Tiếp sau đó, vào tháng 10 cùng năm, cũng trên tờ báo này, Bành Thụy Kim viết bài “Xin đừng chôn ngòi cho quả bom ngôn ngữ”, tiếp sau đó ông lại đăng thêm bài “Ngữ - Văn - Văn học”.

Đầu tiên, Lý Kiều khẳng định tính thiết thực trong việc sử dụng tiếng mẹ đẻ của các dân tộc ở Đài Loan trong nghiên cứu và sáng tác. Nhưng không có nghĩa là bài xích những ngôn ngữ khác hoặc có chủ trương kỳ thị cái khác. Ngoài ra, còn phản đối sự định nghĩa mang tính hạn hẹp đối với “tiếng Đài Loan”, “chữ viết tiếng Đài” và “văn học Đài Loan”. Càng phản đối việc coi “tiếng Đài” là “tiếng Ho-lo” mà bài trừ ngôn ngữ của các dân tộc bản địa, tiếng Khách Gia và tiếng Bắc Kinh. Bành Thụy Kim còn cho rằng, vén mở ra những tranh luận trong ngôn ngữ sẽ chỉ đẩy văn học trở về điểm ban đầu; Ông cũng không chủ trương đem “văn học tiếng Khách Gia” làm mục tiêu để chặn hưng “văn học Khách Gia”. Ông cho rằng, “trong lịch sử văn học Đài Loan, vấn đề ngôn ngữ không phải là vấn đề chính của văn học, phái cải cách ngôn ngữ và chữ viết cũng chưa từng giành được quyền chủ đạo của nền văn học mới, các tác gia cũng chưa từng chờ đợi giải quyết xong những vấn đề ngôn ngữ mới nhấc bút sáng tác, hy vọng ngôn ngữ không trở thành viên đá cản đường phát triển của văn học”. Phát ngôn của Lý Kiều và Bành Thụy Kim rõ ràng nhắm vào Lâm Ương Mẫn. Còn về vấn đề làm rõ định nghĩa ngôn ngữ của “tiếng Đài”, cho dù trên nghĩa rộng bao hàm ngôn ngữ mẹ đẻ của các dân tộc tại Đài Loan, nhưng việc các nước trên thế giới đều lấy ngôn ngữ của tộc người đông nhất để làm ngôn ngữ

quốc gia là sự thật không thể chối cãi, hai tác gia lớn người Khách Gia là Lý Kiều và Bành Thụy Kim vì ý thức về văn học Đài Loan mà trở nên lo lắng, điều này hàm chứa sự đấu tranh tinh thần giữa các tộc người về ý thức tộc người, sự lo lắng này có thể thông cảm nhưng thực sự không cần thiết. Nếu chỉ dừng ở vấn đề là định nghĩa “tiếng Đài”, mà xem nhẹ sự đối kháng giữa các dân tộc *Ho-lo*, Khách Gia và các dân tộc bản địa tại Đài Loan, thực ra chính là do chữ Quốc ngữ / văn viết tiếng Hoa đã giữ vị thế bá quyền trong suốt một thời gian dài mà chưa từng rơi vào hoàn cảnh yếu thế như tiếng mẹ đẻ. Cuộc chiến đề phòng và công kích về mặt tâm lý giữa các tộc người cùng với sự đối lập về hình thái ý thức chẳng những không thể kiện toàn và thúc đẩy tốc độ phát triển nhanh chóng ngôn ngữ mẹ đẻ của các tộc người, trái lại càng làm cho tiếng Hoa vốn ở vị thế thực dân bá quyền thêm phần khởi vui mừng.

3. Sự đối lập của phân lập ngôn ngữ và hình thái ý thức

Tổng quan ba lần tranh luận được đề cập trên đây xoay quanh vấn đề văn học tiếng Đài, thực ra là thể hiện rõ rệt sự khác biệt nhận thức về văn học, ngôn ngữ và văn hóa Đài Loan của hai bên, cụ thể là sự khác nhau về định nghĩa của văn học Đài Loan, tiếng Đài và văn học tiếng Đài. Ba lần tranh luận này là cả một bầu không khí mang tính thời đại kéo dài từ khi “văn học quê hương” đã có thể chính thức mang tên “văn học Đài Loan”. Về cơ bản, đều có nhận thức chung ở bước đầu, thừa nhận rằng “văn học Đài Loan” độc lập với “văn học Trung Quốc”, và nó hiện hữu trong lịch sử

của Đài Loan. Nhưng về tinh thần và nội hàm của “văn học Đài Loan” vẫn còn tồn tại nhiều khác biệt lớn.

Khi phái văn học bản địa với chủ trương “quan điểm chủ thể Đài Loan” đã đề xuất lấy văn học tiếng Đài làm tiêu chuẩn đại diện cho văn học Đài Loan, thì các tác gia của phái văn học phi bản địa với chủ trương “quan điểm chủ thể Trung Quốc” hoặc coi điều này là bản chất phát xít đầy tính chính trị hoá hoặc lại coi đó là chủ nghĩa thuần hoá mang tính bài trừ cái khác (cách nói của Liêu Hàm Hạo); rồi viện vào có rằng văn viết tiếng Đài chưa thống nhất, việc đọc hiểu tiếng Đài còn nhiều khó khăn để phản bác lại phái văn học bản địa, còn cho rằng nên lấy ngôn ngữ đã được thống nhất là tiếng Hoa để thúc đẩy “sự hòa hợp dân tộc” (cách nói của Trần Nhược Hy), đồng thời vẫn còn tồn tại cách lý giải rằng “tiếng Đài” và “văn học tiếng Đài” là một phần văn hóa địa phương thuộc về “văn hóa Trung Hoa uyên bác”. Những lập luận như thế này đã phản ánh được ý đồ đồng hóa của nền giáo dục thực dân thống trị và vị thế phát ngôn mang ý thức đại Trung Quốc và quan điểm chủ thể thực dân.

Cuộc tranh cãi lần này tuy không mang lại kết quả cụ thể, nhưng giờ đây khi nhìn lại mới thấy được sự nỗ lực của những người viết tiếng Đài và những nhà vận động trong phong trào ngữ văn Đài vào những năm 80, 90. Trong đó, mọi nỗ lực gây dựng này có chủ thể chính là Đài Loan. Điều này đã để lại dấu ấn mang tính lịch sử rất quan trọng. Rất nhiều chủ trương và lời kêu gọi xuất phát từ các cuộc tranh luận như: “tiếng Đài hoá văn học Đài Loan”, “văn tự hóa tiếng Đài”, “giáo dục tiếng mẹ đẻ”, “thúc đẩy tiếng Đài trở

thành ngôn ngữ chính thức” v.v... được lan rộng sau cuộc tranh luận. Nó cũng khiến cho người Đài Loan ngày càng có ý thức về vấn đề phục hưng tiếng bản địa của Đài Loan. Đặc biệt vào cuối những năm 90 của thế kỷ 20, chủ trương “giáo dục ngôn ngữ bản địa” chính thức đi vào các trường học, người Đài Loan đã dần dần thoát khỏi sự bôi nhọ, làm xấu hình ảnh của tiếng mẹ đẻ mà nền giáo dục thực dân gây ra trước kia, từ đó khôi phục niềm tự hào dân tộc.

Ngoài ra, chủ trương “văn tự hóa tiếng Đài” và “văn tự hoá tiếng mẹ đẻ” dưới khung lý luận của học giả ngôn ngữ Trịnh Lương Vĩ đã có tính khả thi hơn để thực hiện. Năm 1988, Trịnh Lương Vĩ đề ra chủ trương đối với “văn tự hoá tiếng mẹ đẻ” như sau:⁸⁰

“Vì sao chúng ta cần phải văn tự hóa tiếng mẹ đẻ? Thứ nhất là vì chúng ta cần phải có nền văn học mang tính toàn dân. Ngoài văn học tiếng Trung, cần phải có văn học tiếng mẹ đẻ, bởi vì văn học tiếng mẹ đẻ dễ hiểu hơn, có sức sống hơn, người dân đọc tự khắc có cảm xúc hơn, tự thường thức được hơn. Còn về văn học tiếng Trung thì chỉ có một số ít thành phần trí thức mới hiểu được. Vì vậy, văn học tiếng mẹ đẻ mới là văn học đại chúng, hay văn học mang tính toàn dân. Thứ hai là để nâng cao tri thức. Bởi lẽ, trong thời đại này, nếu chúng ta chỉ biết nói và nghe là chưa đủ, nhất thiết phải có chữ viết. Thứ ba là để biểu đạt ý dân. Bất kể là người nông dân, công nhân hay lái xe, nếu dùng tiếng mẹ đẻ để viết văn thì dễ dàng biểu đạt ý của họ hơn, vì vậy nếu mọi người biểu đạt ý

80 Trịnh Lương Vĩ, “Giáo dục song ngữ và văn tự hoá tiếng Đài”, tạp chí Văn Nghệ Đài Loan, kỳ 111, 5-6/1988.

kiến bằng ngôn ngữ của cha mẹ một cách tự nhiên, thì ý kiến của họ sẽ được biểu đạt một cách hoàn chỉnh hơn, chứ không cần phải để nhóm người thiểu số đảm trách thay.”

Từ nhận định trên, chúng ta có thể thấy rằng những lý luận của “văn học tiếng Đài” được tạo ra trên nền tảng tư tưởng “văn học toàn dân”, “văn học đại chúng”. Những nhà vận động trong phong trào ngữ văn Đài tính mượn việc thực hiện “văn tự hoá tiếng mẹ đẻ”, khiến cho tất cả người dân có thể dùng chữ viết để biểu đạt một cách chuẩn xác nhất, trực tiếp nhất ngôn ngữ lời nói, khiến văn học không còn sự phân chia giai cấp địa vị cao thấp, mọi người đều có thể viết để truyền đạt ý muốn, tiến thêm một bước để hình thành nền văn học toàn dân, đồng thời cũng nói rõ mục tiêu cuối cùng của những nhà vận động trong phong trào văn học tiếng Đài là xây dựng nền văn học dân tộc Đài Loan.

4. Bàn về việc tiếp tục đòi lại tên chuẩn cho Văn học Đài Loan

Năm 2000, chính trường Đài Loan xuất hiện một sự chuyển biến lớn là “thay thế chính đảng”. Điều này đã cổ vũ cho giới văn học bản địa Đài Loan, đặc biệt là những tác gia của dòng văn học tiếng mẹ đẻ trong việc xác định lại vị thế của mình một lần nữa, đồng thời cũng nhen nhóm nhiều hi vọng cho một thời kỳ mới của phong trào ngữ văn Đài. Một lần nữa, cuộc thảo luận “Đòi lại tên chuẩn cho văn học Đài Loan” đã được đẩy lên. Các bài viết thảo luận này sau đó được tập hợp thành cuốn *Đòi lại tên chuẩn cho Văn Học Đài Loan*, xuất bản năm 2006⁸¹.

81 Thái Kim An chủ biên, *Đòi lại tên chuẩn cho Văn học Đài Loan*, Đài Nam, Tòa Soạn Khai Lãng Tạp Chí, 2006.

Mục đích chủ yếu của những bài viết này là định nghĩa lại “văn học Đài Loan” và thay đổi hiện tượng dị hóa văn học tiếng Đài. Phần lớn những bài viết này được đăng trên nguyệt san *Văn học tiếng Đài Hai-ang*, trong đó có những luận điểm khá quan trọng như sau:

Lý Căn Ngạn nhìn từ góc độ mô hình tiếng Anh thống trị thế giới, cho rằng văn học tiếng mẹ đẻ nên được đổi thành tên chuẩn là “văn học Đài Loan”, chứ không chỉ là văn học tiếng Đài, văn học tiếng Khách Gia hay văn học tiếng bản địa nữa. Hiện tại, cái mà giới chủ lưu coi là văn học Đài Loan, chính là dòng văn học sáng tác bằng tiếng Hoa của chế độ thực dân, nên đổi thành “văn học Đài Loan Trung Hoa” (*Sino-Taiwan literature*).⁸² Tưởng Vi Văn dựa vào sự phân loại ngôn ngữ, chia hiện tượng dị hoá văn học ở Đài Loan hiện nay thành ba loại để định nghĩa: “văn học Đài Loan”, “văn học Trung Hoa Dân Quốc” và “văn học Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa”. Trong đó, “văn học Đài Loan” chính là tất cả tác phẩm được “người Đài Loan” sáng tác bằng “ngôn ngữ Đài Loan” (bao gồm tiếng Đài, tiếng Khách Gia, và ngôn ngữ các dân tộc bản địa). “văn học Trung Hoa Dân Quốc” là các tác phẩm được “người có quốc tịch nước Trung Hoa Dân Quốc” sáng tác bằng Quốc ngữ của Trung Hoa Dân Quốc (tiếng Hoa). Còn “văn học Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa” (hay gọi tắt là văn học Trung Quốc) là các tác phẩm được người Trung Quốc (bất kể sống ở Trung Quốc, Đài Loan hay

82 Lý Căn Ngạn, “Đòi lại tên chuẩn cho văn học Đài Loan – Văn học Đài Loan nhìn từ văn học tiếng Anh hậu thực dân”, Thái Kim An chủ biên, *Đòi lại tên chuẩn cho Văn học Đài Loan*, trang 26.

hải ngoại) sáng tác bằng tiếng phổ thông Trung Quốc (tiếng Hoa).⁸³ Phương Diệu Kiên thì cho rằng, tất cả những sáng tác qua các thời đại trên không gian mảnh đất Đài Loan này và sử dụng ngôn ngữ của các dân tộc khác nhau đều phải được xem là văn học Đài Loan; Dẫu vậy, nếu xét về khái niệm văn học dân tộc, thì nên coi văn học tiếng mẹ đẻ (đặc biệt là văn học tiếng Đài) làm đại diện cho văn học Đài Loan, đồng thời chọn tiếng mẹ đẻ trung tâm nhất để xây dựng lịch sử văn học Đài Loan.⁸⁴

Cũng vào tháng 3, tháng 4 cùng năm, “Tọa Đàm Đòi Lại Tên Chuẩn cho Văn Học Đài Loan” được tổ chức mỗi tháng một lần, lấy chủ đề là “Sự bắt đầu của một thời đại mới” và “Từ quá trình hình thành văn học quốc dân của châu Âu bàn luận tính tất yếu của việc đòi lại tên chuẩn cho văn học Đài Loan”. Kết luận của tọa đàm một lần nữa nhấn

83 Tường Vi Văn, “Văn học Trung Hoa Dân Quốc có tương đương với Văn học Đài Loan không?”, Thái Kim An chủ biên, *Đòi lại tên chuẩn cho Văn học Đài Loan*, trang 35-36.

84 Trong luận văn tiến sĩ, Phương Diệu Kiên dùng khái niệm “hệ thống số nhiều” và “trung tâm đa nguyên” xét lại dòng văn học Đài Loan đa dân tộc, đa ngôn ngữ, để hoá giải cục diện căng thẳng của hai bên đối lập Trung Quốc và Đài Loan. Có thể nói, ông đã rất nỗ lực và sáng tạo, chỉ là quá sa đà vào lý luận của phương Tây, nên khó tránh khỏi việc đầu đuôi lẫn lộn, làm phức tạp vấn đề hơn. Bởi vì, những dân tộc từng sinh sống trên mảnh đất Đài Loan không nhất định có nền văn học được lưu truyền lại, hơn nữa ngôn ngữ của những tộc người không có hệ thống chữ viết vẫn chưa được thu thập hết, thì viết vào “văn học sử” bằng cách nào? Ngoài ra, phải làm sao dựa vào lý luận của tác giả để xây dựng nên nền văn học Đài Loan? Vì vậy, “văn học sử Đài Loan” hiện chỉ có mỗi tiếng Hoa độc tôn, mà bỏ qua sự tồn tại văn học tiếng Đài, quả thật là rất đáng chê trách. Tuy nhiên, nếu vì thế mà phải thiết lập trung tâm cho nền văn học của mọi ngôn ngữ tộc người thì quả thật lại thành ra “uốn cong thành thẳng”.

mạnh “Sự cần thiết của việc dùng tiếng mẹ đẻ sáng tác đối với việc xây dựng tính chủ thể của văn học Đài Loan”, đồng thời đạt được nhận thức chung về việc “dùng tiếng mẹ đẻ của Đài Loan sáng tác văn học Đài Loan”. Thái Kim An vốn hy vọng là việc xuất bản quyển sách này sẽ thu hút làn sóng tranh luận mới về vấn đề đòi lại tên chuẩn cho văn học Đài Loan, nhưng kết quả chỉ nhận được rất ít phản hồi từ văn đàn Đài Loan. Điều này cho thấy có lẽ giới văn học Đài Loan đã có một nhận thức chung nhất định đối về vấn đề này và họ sẽ dùng tác phẩm của mình để chứng minh sự tồn tại của bản thân.

ĐỌC THÊM

1. Trần Mộ Chân, “Hướng đến cách mạng văn học của dân tộc Đài Loan - luận bàn về cuộc tranh luận văn học tiếng Đài những năm 80, 90”, *Phê bình Văn học Đài Loan*, kỳ 1 cuốn 6, 1/2006, trang 145-160.
2. Ngô Trường Năng, *Cuộc tranh luận văn học tiếng Đài và các bước phát triển liên quan: 1987 - 1996*, Tân Trúc, Hội Thời Hành Đài Ngũ Văn, 2012.

CHƯƠNG 5

CỘNG ĐỒNG VĂN HỌC TIẾNG MẸ ĐỂ

Văn học tiếng mẹ đẻ phát triển cùng với phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ. Vào thời kỳ đầu của phong trào này, các đoàn thể ủng hộ phong trào ngữ văn tiếng Đài trong và ngoài nước đã áp dụng phương pháp tổ chức hội đọc sách, biên soạn tạp chí, thông qua các tạp chí khoa học về ngữ văn tiếng Đài để truyền đạt và thực hiện tư tưởng “miệng nói tiếng Đài, tay viết chữ Đài”. Đa số các nhà văn tiếng Đài đều đi theo tiếng gọi lý tưởng của các tổ chức trong phong trào tiếng mẹ đẻ, để học tập hệ thống chữ viết tiếng mẹ đẻ. Họ đăng tác phẩm của mình trên các tạp chí được những tổ chức này xuất bản, việc họ tiến hành viết lách, sáng tác, thực ra là thực tiễn hóa lý tưởng của phong trào tiếng mẹ đẻ này. Sáng tác văn học là cách thức để duy trì tiếng Đài, các tác phẩm văn học chỉ là những sản phẩm phụ của phong trào này, đương nhiên các tác phẩm này sẽ khó tránh khỏi việc bộc lộ rõ tính phong trào và tư tưởng chính trị sâu đậm, ví dụ như sự chế giễu các tác gia tiếng Hoa “chữ nghĩa nhiều nhưng văn học lại ít”.

Cộng đồng văn học tiếng mẹ đẻ đa số phát triển từ các đoàn thể của phong trào tiếng mẹ đẻ, các tác phẩm của các

nhà văn tiếng Đài thông thường sẽ đăng trên tập san tiếng Đài của đoàn thể của mình trước. Các đoàn thể của phong trào tiếng mẹ đẻ đều có lập trường riêng về những phương án viết bằng tiếng mẹ đẻ, do đó, các đoàn thể của phong trào tiếng mẹ đẻ, tạp chí văn học tiếng Đài của các đoàn thể và cộng đồng văn học tiếng mẹ đẻ cơ bản đã hình thành nên phong cách văn học và giá trị mỹ học của riêng mình, cấu thành nên quan hệ “tam vị nhất thể”, trở thành khởi nguồn của sự quan sát, lý giải về sự phát triển văn học tiếng mẹ đẻ Đài Loan.

Các đoàn thể của phong trào tiếng mẹ đẻ Đài Loan trải dài khắp các khu vực Bắc, Trung, Nam của Đài Loan, có sự khác biệt về thời gian thành lập, và vì lý tưởng của mỗi thành viên trong các đoàn thể không hoàn toàn giống nhau, cũng như có sự khác biệt giữa quan điểm phê bình văn học và tiêu chí giải thích, nên lẽ đương nhiên đã phát sinh những thay đổi trong việc tập hợp và tổ chức lại. Chương này sẽ dựa theo các phương án viết tiếng mẹ đẻ để chia ra 3 cộng đồng văn học lớn bao gồm phái chữ Hán, phái chữ La tinh và phái độc lập, tiếp đó sẽ trình bày sự khác biệt về lý tưởng văn học, thuộc tính của các ấn phẩm và phong cách văn học riêng biệt của các nhóm tác gia.

I. Cộng đồng văn học của phái chữ Hán

Đài Loan từ xa xưa đã tự cho mình là thành viên của Vùng văn hóa chữ Hán, bất luận là thuộc tộc người nào, tiếng mẹ đẻ là gì thì chủ yếu đều chỉ viết chữ Hán. Bất kể là nền văn học cổ điển hay sáng tác văn học mới, việc dùng

chữ Hán để sáng tác chung quy đều được cho là chính thống chủ lưu. Bất kể là cuộc tranh luận về ngữ văn Đài Loan vào thời Nhật trị hay phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ những năm 80 của thế kỷ 20, thì việc viết tiếng Đài, tiếng Khách Gia bằng chữ Hán luôn được ưu tiên thảo luận.

Từ những năm 80 trở lại đây, những “cộng đồng văn học đổi mới”⁸⁵ của các đoàn thể phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ bao gồm: nhóm Câu Lạc Bộ Tiếng Đài của Hồng Duy Nhân, nhóm “Hoa Cỏ Lau” và “Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai” v.v... do Hoàng Kính Liên gây dựng nên. Trong đó, nhóm “Hoa Cỏ Lau” lại có một phân nhánh kết hợp với nhóm *Ka-tang* của Lâm Ương Mẫn và nhóm *Văn nghệ mới Đài Loan* của Tống Trạch Lai tạo thành cộng đồng *Đài Văn Chiến Tuyến*. Bản thân Hoàng Kính Liên vì đến nhậm chức tại Nhà Xuất Bản Kim An, chủ biên *Nguyệt san Văn học tiếng Đài Hai-ang*, nên đã cùng với các văn sĩ tiếng Đài của khu vực Đài Nam thành lập nên cộng đồng *Ngữ văn tiếng Đài Hai-ang*.

1. Câu Lạc Bộ Tiếng Đài và *Đài Ngữ Văn Trích*

Sau chiến tranh, Hồng Duy Nhân là người đầu tiên chiêu sinh mở lớp tiếng Đài và thành lập tổ chức tiếng mẹ đẻ để truyền bá tư tưởng tiếng mẹ đẻ, các thành viên của Câu Lạc Bộ Tiếng Đài và nhóm tác giả của *Đài Ngữ Văn Trích* có lẽ là cộng đồng văn học tiếng mẹ đẻ được hình thành sớm nhất.

85 Chú thích của dịch giả: là những hội nhóm nhà văn đã tự cải tổ, thay đổi sang hệ tư tưởng mới, phong cách mới, trái ngược với những tư tưởng và phong cách sáng tác cũ.

Trong cộng đồng này, Hồng Duy Nhân là nhân vật trung tâm gây dựng và phát triển, tư tưởng ngũ văn tiếng Đài. Cộng đồng vận hành chủ yếu dựa trên những nghiên cứu chuyên sâu của Hồng Duy Nhân về tiếng Đài để tạo lập hướng phát triển coi trọng tiếng Đài trong truyền thống và thuần túy của ngũ văn tiếng Hán, đồng thời cũng trân trọng tài sản truyền thống văn học cổ điển tiếng Đài mà không hướng đến sáng tác văn học hiện đại. Vì vậy, mà các thành viên sẽ phải đăng những tác phẩm mang tính chất sáng tác hiện đại ở các tạp chí tiếng Đài khác và liên minh với các đoàn thể ngũ văn tiếng Đài khác.

Thời kỳ đầu, “Câu Lạc Bộ Tiếng Đài” lấy việc sáng lập hội sáng tác ngũ văn tiếng Đài, lớp tập huấn tiếng Đài, lớp chữ Hán tiếng Đài và lớp văn học dân gian tiếng Đài v.v... để thúc đẩy sự chuyển hướng chữ viết từ thể chế tiếng Hoa sang tiếng Đài của một số tác gia bản địa nổi tiếng trong thời đại mới sau chiến tranh, ví dụ điển hình như Hoàng Kính Liên. Thông qua các lớp tập huấn tiếng Đài cũng bồi dưỡng được rất nhiều nhân tài dùng tiếng mẹ đẻ để sáng tác, ví dụ như: Lâm Cẩm Hiền, Hồng Cẩm Điền, Lâm Văn Bình, Trần Hiến Quốc, Khâu Văn Tích.

Đài Ngũ Văn Trích được Hồng Duy Nhân sáng lập vào ngày 15 tháng 8 năm 1989. Tôn chỉ của nguyệt san này là “thu thập tất cả những bài viết nghiên cứu, các tài liệu phê bình liên quan đến tiếng Đài, tiếng Khách Gia, tiếng các dân tộc bản địa, giới thiệu các bài viết, tác phẩm văn học, đưa tin về các động thái của giới học thuật, chủ yếu tập trung vào

việc trao đổi tư liệu, nắm bắt trào lưu, liên lạc bạn bè”. Vì vậy, nội dung của nguyệt san này khá phong phú, bao gồm bài viết nghiên cứu về tiếng Đài, tiếng Khách Gia, tiếng các dân tộc bản địa và các nghiên cứu về ngôn ngữ có liên quan, các bài phê bình những vấn đề ngôn ngữ, bản tin v.v... Đồng thời có thêm phần phụ chú đăng các tác phẩm văn học, chủ yếu là để gia tăng số lượng người nghiên cứu tiếng Đài và trao đổi tư liệu giữa những người theo phong trào tiếng Đài.

Đài Ngữ Văn Trích lần lượt có 3 phiên bản, 4 giai đoạn phát hành, tổng cộng phát hành được 35 kỳ. Từ kỳ 1 đến kỳ 24 là ấn phẩm tập hợp các bài viết được chọn cắt từ các loại báo, những người từng làm biên tập của các số này có 7 người, trong đó có Lâm Cẩm Hiền, Trần Hằng Gia, Dương Duẩn Ngôn. Nội dung giống như tôn chỉ đã được đề cập ở trên, thu thập tất cả những bài nghiên cứu ngôn ngữ và văn học, những bản tin về động thái của giới học thuật biên tập lại thành sách, không phải là dạng tạp chí đăng ký xuất bản chính thức mà dùng phương thức in ra để lưu truyền nhằm phục vụ cho nhu cầu của bạn bè trong nội bộ của phong trào ngữ văn tiếng Đài. Từ kỳ 25 đến kỳ 28 mới đổi thành số cách tân, loại tạp chí có khổ 26cm x 19cm do Tòa Soạn Đài Ngữ Văn Trích chính thức xuất bản và phát hành, Tổng biên tập là Lộ Hàn Tụ (路寒袖). Từ kỳ 29 đến kỳ 38 lại đổi hình thức xuất bản thành “Tập sách Đài Ngữ Văn Trích” có khổ khoảng 15cm x 21cm. Mỗi kỳ sẽ đặt tên sách khác nhau để phát hành ra thị trường, trong đó, có dạng tập sách gồm nhiều bài viết

của các tác giả khác nhau, cũng có cả bài viết cá nhân, trên thực tế đây là một cuốn sách chuyên khảo. Ví dụ như *Ngân ngữ triết lý Đài Loan* (台灣哲諺典), *Truyện cười kinh điển tiếng Đài* (台語經典笑話), *Truyện thiếu nhi Đài Loan* (台灣囡仔古), *Tâm sự của chiếc lá phong* (楓樹葉仔個心事), *Đài Loan Quốc Phong* (台灣國風) thì thuộc về phần tập sách, còn *Ông Lok-kang kể truyện* (鹿港仙講古) thì thuộc về bài viết cá nhân. Đến năm 1992, sau khi xuất bản cuốn *100 bài ca thiếu nhi Đài Loan* (台灣囡仔歌一百首) thì lại ngừng xuất bản. Ngày 29 tháng 2 năm 1995, sau khi “Câu Lạc Bộ Tiếng Đài” được chính thức thành lập, thì tiếp tục phát hành ấn phẩm song nguyệt san *Gieo hạt*, đến tháng 3 năm 2005 thì ngừng phát hành, tổng cộng đã phát hành 39 kỳ, những người phụ trách biên tập chính (bao gồm Tổng biên tập và chủ biên) là: Trần Hiến Quốc, Lâm Văn Bình. Tính chất của *Gieo hạt* lại quay về kiểu tạp chí mang tính tổng hợp của các đoàn thể phong trào ngữ văn tiếng Đài, nội dung bài viết bao gồm truyền bá tư tưởng của phong trào, truyền đi thông tin của hoạt động tiếng mẹ đẻ và sáng tác văn học tiếng Đài mới và cũ.

Bởi vì Hồng Duy Nhân có nền tảng học thuật và thái độ quyết tâm theo đuổi quy phạm chữ Hán của tiếng Đài, nên ngay từ đầu ông đã sử dụng hoàn toàn chữ Hán để viết, do đó *Đài Ngữ Văn Trích* và các tạp chí liên quan khác đã phát huy được sức ảnh hưởng nhất định trong giới tiếng Đài, không những thúc đẩy việc văn tự hóa tiếng Đài, mà còn đào tạo được một lớp nhà văn tiếng Đài sử dụng tiếng Đài viết

bằng chữ Hán để sáng tác, có vị trí quan trọng đối với tiến trình phát triển của nền văn học tiếng mẹ đẻ.

Giai đoạn 2, thông qua hình thức xuất bản loạt “Tập sách Đài Ngũ Văn Trích” đã góp phần thu thập những tác phẩm văn học tiếng Đài dân gian cổ điển và truyền thống, in thành những tập sách được viết hoàn toàn bằng văn viết tiếng Đài, cung cấp những ấn phẩm văn học dân gian truyền miệng quý báu. Ngoài ra, tập sách *Tâm sự của chiếc lá phong* (6 cuốn, 4 kỳ, tổng cộng 32 số, 5/1994) là ấn phẩm đã phản ánh khá tốt về hiện trạng sáng tác văn xuôi tiếng Đài đương đại, trong đó, bao gồm các nhà văn chuyển từ tiếng Hoa sang sáng tác bằng tiếng Đài thời kỳ sau chiến tranh như Hồ Dân Tường, Hoàng Kính Liên; còn có thể hệ phong trào tiếng Đài của sinh viên như Tưởng Vi Văn, Lâm Dự Khải v.v... Trong số những nhà văn này, có nhiều người về sau vẫn tiếp tục dùng tiếng Đài sáng tác, góp phần tạo nên một thế hệ mới của nền văn học tiếng mẹ đẻ.

Cộng đồng văn học được hình thành bởi những nhà văn cộng tác trong *Đài Ngũ Văn Trích*, chủ yếu là thành viên của Câu Lạc Bộ Tiếng Đài và những người từng đảm nhiệm vị trí chủ biên, về cơ bản họ đều có kiến thức vững chắc về tiếng Đài cổ điển của Hồng Duy Nhân, đã góp phần vào việc nuôi dưỡng chữ Hán của tiếng Đài.

2. Cộng đồng nhóm Hoa Cỏ Lau

Phong trào văn học tiếng mẹ đẻ ở khu vực phía Nam Đài Loan do nhiều nhóm khác cộng đồng tụ hợp lại, đầu tiên là nhóm học viên đã từng học lớp tiếng Đài ở Đài Nam

do Hoàng Kính Liên, Thi Bình Hoa mở đã thành lập nên “nhóm Hoa Cỏ Lau”; kế đó là “Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai”⁸⁶ do Lâm Tông Nguyên khởi xướng; tiếp theo là “cộng đồng Ngũ Văn Đài *Hai-ang*” mà trung tâm là Nhà Xuất Bản của Thái Kim An chuyên xuất bản những ấn phẩm tiếng Đài. Giữa các thành viên của các hội nhóm này có mối quan hệ tan, hợp, ghép lại với nhau, trong đó, phát triển khá mạnh là Phương Diệu Kiển của cộng đồng “Hoa Cỏ Lau”, ông không những từng là hội viên của cộng đồng “Ngũ Văn Đài *Hai-ang*”, mà sau này còn liên kết với nhóm *Ka-tang* của Lâm Ương Mẫn và nhóm *Văn học mới Đài Loan* của Tống Trạch Lai và Hồ Trường Tùng để thành lập “cộng đồng Đài Văn Chiến Tuyến”.

Cộng đồng Hoa Cỏ Lau là do Hoàng Kính Liên sáng lập. Bắt đầu từ giữa những năm 80, ông đã quyết tâm từ bỏ sự nghiệp ở Đài Bắc, trở về quê hương Đài Nam bắt đầu tham gia phong trào ngữ văn tiếng Đài, đi diễn thuyết khắp nơi, mở lớp tiếng Đài và thành lập nên cộng đồng này.

Cộng đồng này, do các thành viên của “Hội Đọc Sách Tiếng Đài Hương Thành”, được thành lập vào tháng 4 năm 1996, phát triển nên, trong đó, đáng chú ý phải kể đến Phương Diệu Kiển, Chu Định Bang, Hứa Chính Huân, Đồng Phong Chính, Trần Thái Nhiên, Trần Chính Hùng, Vương Tông Kiệt, Lam Thục Trinh v.v... Khi ấy, những người này mỗi

86 Chú thích của dịch giả: Vì hình dáng của Đài Loan giống củ khoai lang nên đất nước này còn có tên gọi thân thương là “đất nước củ khoai”. Hình ảnh củ khoai lang cũng chính vì thế đã đi vào các sáng tác thơ văn một cách tự nhiên.

tuần tập trung một lần, cùng nhau nghiên cứu tiếng Đài, trao đổi tác phẩm để học tập lẫn nhau, một số trong nhóm này bắt đầu hứng thú với sáng tác văn học, vì vậy vào tháng 6 năm 1997 đã thành lập ra “Câu Lạc Bộ Thơ Hoa Cỏ Lau”, vào tháng 5 năm 1998, cũng các thành viên này lại lập ra “Hội Văn Học Tiếng Đài Hoa Cỏ Lau Thành Phố Đài Nam”. Hội này do Hoàng Kính Liên giữ vai trò chủ tịch sáng lập hội, ngoài ra còn có một số người từng kiêm nhiệm vị trí chủ tịch hội như Thi Bình Hoa, Phương Diệu Kiển, Chu Định Bang, Lam Thục Trinh v.v... Những người này lần lượt phát hành *Tập san thơ Hoa Cỏ Lau* và *Văn học tiếng Đài Hoa Cỏ Lau*, đăng các tác phẩm tiếng Đài của hội viên, cộng đồng văn học này đã phát triển dưới sự duy trì và gắn bó của những thành viên này.

Tập san thơ Hoa Cỏ Lau ra đời vào ngày 15 tháng 6 năm 1997, tổng cộng phát hành 3 kỳ (đến tháng 7 năm 1998) là tập san của Hội Văn Học Tiếng Đài Hoa Cỏ Lau, do Nhà Xuất Bản Đài Giang ấn hành. Tháng 9 năm 2000, số cách tân kỳ đầu tiên được phát hành, đến kỳ thứ 6 vào tháng 6 năm 2008 thì kết thúc. Số cách tân do Phương Diệu Kiển làm Tổng biên tập, nội dung được đăng trên tập san chủ yếu là thơ, văn xuôi, bài phê bình và các thư từ qua lại giữa các nhà văn. Từ kỳ thứ 2 bắt đầu lập kế hoạch cho ra mắt những số chuyên biệt, ví dụ như chuyên san Lâm Tông Nguyên (kỳ 2, 12/2002), chuyên san Lâm Ương Mẫn (kỳ 3, 4/2004), chuyên san Trang Bách Lâm (kỳ 4, 7/2005), chuyên san nhóm nhà thơ Hoa Cỏ Lau (kỳ 5, 5/2006) và chuyên mục tạp chí văn

học tiếng Đài (kỳ 4, 7/2005) với lối biên tập vô cùng đặc sắc. Trong đó, nhóm tác giả chủ đạo bao gồm các hội viên như Hoàng Kính Liên, Thi Bình Hoa, Phương Diệu Kiển, Chu Định Bang, Lam Thục Trinh, Đồng Phong Chính, Hứa Chính Huân, Trần Chính Hùng, Tăng Minh Tuyền, ngoài ra còn có những nhà văn không phải là hội viên như Hồ Dân Tường, Vương Trinh Văn, Lý Cần Ngạn, Lâm Tông Nguyên, Hồ Trường Tùng, Trần Kim Thuận, Vương Tông Kiệt, Trần Khiết Dân v.v...

Văn học tiếng Đài Hoa Cỏ Lau ra đời vào tháng 1 năm 1999, đến tháng 10 năm 2001, sau khi phát hành kỳ thứ 4 thì ngừng phát hành. Từ kỳ 1 đến kỳ 3 do Phương Diệu Kiển làm chủ biên, kỳ 4 do Chu Định Bang làm chủ biên, cùng một tính chất với *Tập san thơ Hoa Cỏ Lau* đã đề cập ở trên, nhưng cũng đăng không ít bài của các nhà văn không phải thành viên. Các nhà văn thành viên chủ yếu tương tự như *Tập san thơ Hoa Cỏ Lau*.

Loại hình văn học của cộng đồng nhóm Hoa Cỏ Lau chủ yếu là thơ và văn xuôi tiếng Đài, các tác phẩm của họ đã tái hiện được sự thuần khiết, chân chất của văn học tiếng mẹ đẻ thời kỳ đầu. Khi Phương Diệu Kiển làm chủ biên, ông đã nhìn ra được tiền đồ phát triển văn học chuyên nghiệp. Ngoài ra, từ nội dung của tập san có thể thấy được các tác phẩm khác ngoài nhóm Hoa Cỏ Lau, đồng thời đã phản ánh việc mượn tập san này để kết giao bạn bè trong giới văn học, còn có thể giao lưu với các nhà thơ tiền nhân hoặc các nhà văn tiếng Đài không phải là người Đài Nam như Lâm Ưng

Mẫn, Hồ Dân Tường, Vương Trinh Văn, Lý Cần Ngạn, Lâm Tông Nguyên, Hồ Trường Tùng, Trần Kim Thuận, Trần Khiết Dân v.v...

3. Cộng đồng nhóm Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai

Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai xuất hiện tương đối sớm hơn so với nhóm Hoa Cỏ Lau do nhóm học sinh lớp tiếng Đài của Hoàng Kính Liên khởi xướng. Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai do các thi sĩ khắp Bắc Nam Đài Loan sau khi được thức tỉnh ý thức về tiếng mẹ đẻ đã tụ họp lại để thành lập nên cộng đồng này.

Các nhà văn tiếng mẹ đẻ sau chiến tranh đã trưởng thành cùng với các đoàn thể của phong trào tiếng mẹ đẻ. Nhưng mà cũng có một số người vì sự hiểu biết của bản thân đã sử dụng tiếng mẹ đẻ tự mình mò mẫm sáng tác. Những người sớm nhất đã sử dụng phương ngữ để đưa vào thơ có Lâm Tông Nguyên, Hướng Dương (Lâm Kỳ Dạng). Trong đó, Lâm Tông Nguyên là nhà văn đầu tiên thuộc “văn đàn chủ lưu” toàn tâm toàn ý muốn viết và luôn luôn viết thơ tiếng Đài sau chiến tranh, do đó ông cũng được giới văn học tiếng Đài công nhận là nhà văn đầu đàn của nhóm Củ Khoai. Vào những năm 60 của thế kỷ 20, Lâm Tông Nguyên đã lấy sách lược sáng tác “tiếng mẹ đẻ tiến vào thế giới thơ” để thu hút sự thảo luận của nhóm “văn đàn chủ lưu”. Đến những năm 80, ông đã cùng với Hoàng Kính Liên mở ra sự phát triển của cộng đồng văn học tiếng mẹ đẻ Đài Loan ở khu vực phía Nam khi Hoàng Kính Liên trở về quê thúc đẩy phong trào văn học tiếng Đài.

Vào thời khắc đón Tết âm lịch năm 1991, một số người đã họp mặt tại nhà của Lâm Tông Nguyên và thảo luận về xướng việc thành lập một tổ chức ngũ văn Đài. Trần Minh Nhân đề nghị chọn ngày 25 tháng 5, trùng với ngày thành lập nước Dân Chủ Đài Loan vào năm 1895, cùng với bạn bè trong giới văn học tổ chức đại hội thành lập “Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai” tại Viện Thần Học Đài Nam. Họ quyết tâm sử dụng tiếng mẹ đẻ trong sáng tác văn chương, dốc sức vì tiếng mẹ đẻ, do Lâm Tông Nguyên làm chủ tịch, Hoàng Kính Liên làm chủ biên của *Tập san thơ Củ Khoai*. Trang đầu tiên của số đầu tiên đăng danh sách của các thành viên bao gồm: Lâm Tông Nguyên, Hoàng Kính Liên, Trang Bách Lâm, Lý Cần Ngạn, Trần Minh Nhân, Hương Dương, Lâm Ưng Mẫn, Lâm Trầm Mặc (林沉默), Nhan Tín Tinh (顏信星), Ngô Thuận Phát (吳順發), Lợi Ngọc Phương (利玉芳), Chiêm Tuấn Bình (詹俊平), Ngô Câu (吳鉤), Chu Hoa Bân, Trần Minh Du (陳明瑜), Hoàng Hằng Thu, Lưu Huy Hùng (劉輝雄), Chu Hồng Minh (周鴻鳴), La Văn Kiệt và Hồ Minh Tường ở Mỹ, *Sakabulajo*, A.D. ở Nhật, Trần Lôi ở *Canada*.

Trong danh sách này, ngoài những nhà thơ nhóm tiếng Đài, còn có các nhà thơ của nhóm tiếng Khách Gia như Lợi Ngọc Phương, Hoàng Hằng Thu; những nhà vận động phong trào ngũ văn tiếng Đài tại Mỹ như La Văn Kiệt, Hồ Minh Tường, *Sakabulajo*, A.D. của Nhật Bản, Trần Lôi của *Canada*. Tập san này cũng đã đăng lại bài trên tạp chí tiếng Đài như *Đài Văn Thông Tấn*. Điều này cho thấy, “Câu Lạc Bộ

Thơ Củ Khoai” không những đã tập hợp được các nhà thơ tiếng Đài bản địa, mà còn liên kết được với phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ.

“Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai” là cộng đồng thơ đầu tiên ở Đài Loan nêu cao lý tưởng văn học tiếng mẹ đẻ, “Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai” là tờ tạp chí văn học tiếng mẹ đẻ đầu tiên được ra đời sau chiến tranh tồn tại khoảng 6 năm. Mục đích của việc thành lập tổ chức này đã thể hiện rõ tính lý tưởng của nó và lý tưởng văn học tiếng mẹ đẻ lúc bấy giờ, đó chính là:

1. Tổ chức này chủ trương dùng ngôn ngữ bản địa Đài Loan để sáng tạo ra nền văn học Đài Loan chính thống.

2. Tổ chức này khuyến khích sáng tác văn học tiếng Đài, văn học tiếng Khách Gia và văn học tiếng mẹ đẻ của các dân tộc bản địa của Đài Loan.

3. Tổ chức này hy vọng các tác phẩm văn học trong giai đoạn hiện đại sẽ đạt được những mục tiêu sau đây:

(1) Sáng tác những tác phẩm văn học Đài Loan mới mang bản sắc dân tộc Đài Loan.

(2) Quan tâm đến Đài Loan và thế giới, xây dựng tính bản địa và tính quốc tế trong thơ, văn xuôi, tiểu thuyết.

(3) Thể hiện đời sống xã hội, chống lại sự bá quyền, phản ánh tiếng lòng của những người dân thấp cổ bé họng đang bị đàn áp.

(4) Nâng cao chất lượng của văn học và thơ ca tiếng Đài.

(5) Theo đuổi mục tiêu văn tự hóa và văn học hóa tiếng Đài.

Trong đó, “Ngôn ngữ bản địa bao gồm văn học tiếng Đài, văn học tiếng Khách Gia và tiếng mẹ đẻ của các dân tộc bản địa Đài Loan”, “mang bản sắc dân tộc Đài Loan” và “theo đuổi mục tiêu văn tự hóa và văn học hóa tiếng Đài” là những nội dung được các nhà văn tiếng mẹ đẻ kiên trì theo đuổi cho đến ngày nay.

Các thành viên của câu lạc bộ này đã triển khai việc sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ, dồn hết tâm huyết cho tiếng mẹ đẻ, ngoài việc phát hành *Tập san thơ Củ Khoai*, tổ chức này đã cùng với các đơn vị truyền thông báo chí thúc đẩy việc dốc sức cho văn học tiếng mẹ đẻ, ví dụ: trong phần phụ san của tờ *Dân Chúng Nhật Báo* mở thêm *Chuyên san đặc biệt văn học tiếng Đài*, trong phần phụ san của tờ *Tự Lập Văn Báo* mở thêm *Nguyệt báo văn học tiếng Đài*. Ngoài ra, thông qua việc hợp tác tổ chức các hội trại văn học và hội diễn xướng thơ ca để thúc đẩy văn học tiếng mẹ đẻ. Ví dụ: ngày 23 tháng 5 năm 1993, kỷ niệm hai năm thành lập câu lạc bộ, đã tổ chức hội ngâm thơ hiện đại Đài Loan tại Viện Thần Học Đài Nam; từ năm 1994, bắt đầu hợp tác tổ chức Trại Văn Học Tiếng Đài *Lam-khun-sin*.

Vào ngày thành lập, câu lạc bộ đã phát hành số mở đầu với nội dung ngắn của *Tập san thơ Củ Khoai* (những tác phẩm thơ trong số đầu tiên này sau này cũng được đăng lại trên các kỳ khác), ngày 15 tháng 8 chính thức xuất bản kỳ đầu tiên, không xuất bản định kỳ, đến ngày 10 tháng 6 năm 1996, sau khi phát hành xong kỳ 7 thì ngừng xuất bản. Tổng biên tập của tập san này là Hoàng Kính Liên, ông sáng tác hoàn toàn bằng tiếng Đài, mỗi kỳ đều lấy tên một bài thơ

của một tác gia để đặt tên cho sách, lấy các tác phẩm của tác gia đó để xuất bản thành một cuốn sách chuyên khảo. Ví dụ: kỳ 1 (8/1991) là tác phẩm *Mùi vị cuộc đời* của Lâm Tông Nguyên, kỳ 2 (4/1992) là tác phẩm *Nếu mùa xuân quê hương đến* của Lâm Ương Mẫn, kỳ 3 (10/1992) là tác phẩm *Ôm ấp giấc mộng của chúng ta* của Hoàng Kính Liên, kỳ 4 (6/1993) là tác phẩm *Quận Vương nắm lấy tay tôi* của Trang Bách Lâm, kỳ 5 (12/1993) là tác phẩm *Sản xuất tại Đài Loan* của Hồ Dân Tường, kỳ 6 (8/1994) là tác phẩm *Nếu mà hoa trầu nở* của Trần Minh Nhân, kỳ 7, kỳ cuối cùng, (6/1996) là tác phẩm *Vị thần thơ Đài Loan* của Lý Cần Ngạn.

Mặc dù lấy tên là tập san về thơ nhưng trong *Tập san thơ Củ Khoai* này còn đăng rất nhiều thể loại văn học khác. Căn cứ vào thống kê trong bài viết “Lần đầu tìm hiểu về Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai và *Tập san thơ Củ Khoai*” của Chu Hoa Bân, có 78 bài phê bình, 439 bài thơ, 114 bài văn xuôi, 3 bài tiểu thuyết, 19 bức thư tín và 2 bài phỏng vấn, trong đó, bài phê bình, thơ và văn xuôi là 3 loại có số lượng nhiều nhất. Vào khoảng nửa đầu những năm 90 của thế kỷ 20, có khá nhiều lý luận về phong trào văn học tiếng Đài được đăng hoặc đăng lại trên tập san này, bao gồm các vấn đề như ngôn ngữ Đài Loan, tái kiến tạo tính chủ thể văn hóa, thúc đẩy quá trình văn tự hóa và văn học hóa của tiếng mẹ đẻ v.v.... Chủ đề của các tác phẩm trong tập san này chủ yếu là về ý thức Đài Loan, phê bình chính trị, trần trụi xã hội, tình người nhân thế, nỗi nhớ quê hương v.v... Nhóm tác giả đều giữ trong trái tim mình lý tưởng về văn học được nêu ra trong tôn chỉ của Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai. Ngoài ra, do sử dụng

tiếng mẹ đẻ để sáng tác, nên họ thường viết về tình thân hoặc quê hương. Những tác gia chính là Lâm Tông Nguyên, Lâm Ương Mẫn, Hoàng Kính Liên, Trần Minh Nhân, Hồ Dân Tường, Lý Cần Ngạn, Trang Bách Lâm, Hướng Dương, Lâm Trầm Mặc, Trần Lôi, Ngô Câu, *Sakabulajo, A.D.*, Nham Thượng (巖上), Tạ An Thông (謝安通), Vương Bảo Tinh (王寶星) v.v...

Tập san duy trì được 6 năm, tổng cộng phát hành 7 cuốn tập san theo dạng đặc san. Tập san này đã quy tụ được các nhà văn tiếng Đài quan trọng của miền Nam và miền Bắc Đài Loan, lưu giữ được các tác phẩm văn học tiếng Đài của những năm 90 và đi sâu vào quan điểm văn học tiếng Đài. Sau khi ngừng phát hành, những thành viên của câu lạc bộ này đã phát huy sức mạnh trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Ví dụ: Hoàng Kính Liên đã sáng lập Hội Văn Học Tiếng Đài Hoa Cỏ Lau (1998), phát hành *Tập san thơ Hoa Cỏ Lau*, đảm nhiệm chức vụ Tổng biên tập của *Văn học tiếng Đài Hai-ang* (2001); Lâm Ương Mẫn sáng lập ra Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài (5/1995), chủ biên của *Ka-tang*, đảm nhiệm chức chủ tịch của *Đài Văn Chiến Tuyến* (xuất bản tạp chí vào 12/2005); Lý Cần Ngạn chủ biên tờ chuyên san văn học tiếng Đài của *Đài Loan Công Luận Báo* và *Đài Văn Thông Tấn* ở Mỹ; Trần Minh Nhân đảm nhiệm vai trò Tổng biên tập của tờ *Báo BONG Đài Văn* (1996) v.v... và mở ra nhiều chi nhánh ở khắp nơi trên đất nước Đài Loan, phát huy lực lượng của phong trào, khai sinh ra nhiều thêm các đoàn thể và các ấn phẩm tiếng Đài, gây dựng nên thế giới mới của văn học tiếng Đài.

Tập san thơ Củ Khoai đã huy động được những nhà văn tiếng Đài quan trọng khắp hai miền Nam Bắc Đài Loan, đặt nền tảng mang tính giai đoạn cho nền văn học tiếng Đài, là cộng đồng văn học tiếng Đài quan trọng của những năm 90.

4. Cộng đồng Ngũ Văn Đài *Hai-ang*

Sau khi rời khỏi Hội Văn Học Tiếng Đài Hoa Cỏ Lau, năm 2000, Hoàng Kính Liên chuyển đến Tổ Chức Văn Giáo Kim An, dốc sức tập trung vào việc làm nguyệt san *Văn học tiếng Đài Hai-ang* và đã lập ra một cộng đồng văn học tiếng Đài khác.

Tờ nguyệt san này được thành lập vào tháng 2 năm 2001, do Khai Lăng Tạp Chí Sự Nghiệp phát hành (trực thuộc Tổ Chức Văn Giáo Kim An), do Hoàng Kính Liên làm chủ biên. Tờ nguyệt san này lấy tên là “*Hai-ang*”, và lấy hình ảnh cá voi phun ra lá khoai lang để làm hình biểu tượng, thể hiện rõ nét về ý nghĩa của văn hóa lịch sử Đài Loan. Trong trang đầu tiên của số mở đầu tờ nguyệt san này đăng bài “Tuyên ngôn của *Hai-ang*” của Lý Cần Ngạn, cho thấy rằng Đài Loan cần phải thay đổi từ tâm trạng bi thương của “củ khoai” trở thành “cá voi” với tinh thần vững trãi, giương buồm vươn ra thế giới.

Tôn chỉ khi sáng lập ra tờ *Văn học tiếng Đài Hai-ang* là:

1. Chủ trương “miệng nói tiếng mẹ đẻ, tay viết chữ Đài Loan”, theo đuổi lý tưởng văn tự hóa và văn học hóa của ngôn ngữ Đài Loan, kiến tạo tính chủ thể của văn học Đài Loan.

2. Tìm kiếm mảnh đất phì nhiêu cho văn học tiếng Đài phát triển, xây dựng nền tảng truyền thống của văn học tiếng Đài.

3. Nghiên cứu và quảng bá những sáng tác văn học hiện đại tiếng Đài, để văn học tiếng Đài không những có thể tồn tại và phát triển ở Đài Loan, mà còn thúc đẩy sự giao lưu giữa văn học tiếng Đài với văn học quốc tế.

4. Liên lạc với những nhân sĩ yêu mến ngôn ngữ bản địa và văn học, cùng nhau phấn đấu, dốc hết tâm huyết, thúc đẩy sự phục hưng của nền văn hóa nghệ thuật Đài Loan.

5. Phát huy tinh thần như cá voi và biển cả trong việc khởi xướng giáo dục tiếng mẹ đẻ của các dân tộc và thúc đẩy sự hòa thuận đoàn kết của các dân tộc Đài Loan.

Nội dung của 2 mục đầu tiên trong tôn chỉ này là lý tưởng của Hoàng Kính Liên được thể hiện xuyên suốt từ khi ông sáng lập ra tờ *Tập san thơ Củ Khoai*, tham gia Hội trại văn học tiếng Đài *Lam-khun-sin*, Hội trại văn học Đài Loan *Lok-ni-mng* đến Hội văn học tiếng Đài Hoa Cỏ Lau. Chúng ta cũng có thể xem *Văn học tiếng Đài Hai-ang* như một thành tựu của phong trào ngữ văn do Hoàng Kính Liên gây dựng tại Phủ Thành.

Thời gian đầu, tờ nguyệt san không những đã đăng các tác phẩm văn học tiếng Đài nổi tiếng sau chiến tranh mà còn kêu gọi mọi người gửi bài, bao gồm bài viết phê bình, thơ hiện đại, văn xuôi, tiểu thuyết, kịch bản, *po-koa*⁸⁷, bài hát thiếu nhi, truyện thiếu nhi, Đài Loan quốc phong, bản thảo bài diễn thuyết, đối đáp nhanh v.v... Kể từ kỳ 13 được phát

87 Chú thích của dịch giả: *po-koa* là thể loại hát dân gian của Đài Loan. Ca từ chủ yếu là thể hiện tình cảm lứa đôi, theo hình thức mỗi đoạn gồm 4 câu, mỗi câu 7 chữ.

hành vào tháng 1 năm 2003, song nguyệt san được đổi thành nguyệt san, có kèm CD ở bìa, làm thành giáo trình bổ trợ cho việc giảng dạy tiếng mẹ đẻ, quảng bá tiếng mẹ đẻ, cung cấp không gian đăng tải các tác phẩm văn học tiếng Đài, là một quyển tạp chí văn học tiếng Đài được in ấn đẹp mắt và có tính giáo dục lẫn tính văn học rất cao. Ngoài ra, *Văn học tiếng Đài Hai-ang* mỗi kỳ cố định đăng từ 1 đến 2 bài viết nghiên cứu văn học, có ý nghĩa quan trọng đối với việc đi sâu nghiên cứu văn học tiếng Đài về mặt học thuật.

Từ năm 2003, Tổ Chức Văn Giáo Kim An triển khai tổ chức “Giải thưởng văn học tiếng Đài *Hai-ang*” (bao gồm các thể loại tiểu thuyết, thơ, văn xuôi, văn học thiếu nhi), có tác dụng “khích lệ” thế hệ trẻ sáng tác văn học tiếng Đài. Từ những nhà văn nhận được giải thưởng này đã tìm ra được những cây bút rất có tiềm năng của thời đại mới như Vương Trinh Văn, Hồ Trường Tùng, Lâm Văn Bình, Dương Hồn Hiển, Trần Chính Hùng, Trần Đình Tuyên, Kha Bách Vinh, Vương Chiêu Hoa, Lữ Mỹ Thân, Lý Trường Thanh v.v...

Về lĩnh vực sáng tác văn học tiếng Đài, *Văn học tiếng Đài Hai-ang* đã quy tụ được nhóm tác giả ở nhiều thế hệ khác nhau bao gồm tác giả lớn tuổi, trung niên và cả thanh niên như Hoàng Kính Liên, Lâm Ương Mẫn, Trang Bách Lâm, Hồ Dân Tường, Lý Cần Ngạn, Phương Diệu Kiển, Vương Trinh Văn, Chu Định Bang, Trần Khiết Dân, Lâm Tông Nguyên, Thôi Căn Nguyên (崔根源), *Sakabulajo*, A.D., Trần Chính Hùng, Trần Kiến Thành, Dương Hồn Hiển, Kha Bách Vinh, Thúy Linh (翠苓), Lam Thục Trinh v.v... Đặc biệt

là đã thu hút được rất nhiều giáo viên dạy tiếng Đài cơ sở gia nhập vào cộng đồng sáng tác văn học tiếng Đài, đây là nét đặc trưng của cộng đồng này.

II. Cộng đồng văn học phái chữ La tinh

Nếu đề cập đến cộng đồng ngữ văn tiếng Đài viết chữ La tinh, thì cần phải đề cập đến hệ thống Giáo Hội với tờ *Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo* xuất hiện sớm nhất từ nửa sau thế kỷ 19. Còn nếu bàn về cộng đồng Đài văn chữ La tinh được hình thành từ phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ sau chiến tranh thì phải tính từ các tổ chức tiếp thu phương án “kết hợp chữ Hán - La tinh” được khởi xướng bởi Trịnh Lương Vĩ, hơn nữa các cộng đồng lại được lan truyền từ nước ngoài về đến Đài Loan.

Cộng đồng Đài văn phái chữ La tinh với trung tâm là tờ *Đài Văn Thông Tấn*, từ nước ngoài đến Đài Loan để mở chi nhánh và cộng đồng được phát triển từ hệ thống Giáo Hội nhỏ lẻ, ví dụ: Hội Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan do Ngô Tú Lệ thành lập, Hiệp Hội Chữ La tinh Cao Hùng do Trịnh Nhi Ngọc xây dựng nên.

1. Sự hình thành cộng đồng Đài văn hải ngoại

Cộng đồng người Đài Loan ở nước ngoài đã triển khai phong trào ngữ văn tiếng mẹ đẻ sớm hơn cả tờ *Đài Ngữ Văn Trích* của Câu Lạc Bộ Tiếng Đài.

Từ năm 1975, khi Lý Phong Minh làm chủ biên của tờ *Đài Ngữ Văn Thông Tấn* trở đi, cộng đồng người Đài Loan ở nước ngoài ngoài việc kiên trì sử dụng tiếng mẹ đẻ trong đời sống hằng ngày mà còn thông qua học tập viết tiếng mẹ

để và việc vận động giới truyền thông ngữ văn Đài để tăng cường sức sống của tiếng mẹ đẻ, hình thành nên cộng đồng văn học tiếng mẹ đẻ dựa trên nền tảng truyền thông báo chí ngữ văn Đài.

Thời kỳ đầu xuất bản, tờ *Đài Ngũ Thông Tấn* phát hành hoàn toàn bằng chữ Hán, đến kỳ thứ 3 thì đổi sang hình thức “chữ Hán - La tinh” kết hợp. Hai năm sau, tháng 5 năm 1977, “Trung Tâm Quảng Bá Ngữ Văn Đài Loan” ở *New York* quyết định từ kỳ thứ 7 trở đi, tờ *Đài Ngũ Thông Tấn* sẽ đổi sang hình thức một tờ báo và đổi tên thành *Đài Loan Ngữ Văn Song Nguyệt Báo* tiếp tục phát hành, vẫn sử dụng cách viết kết hợp chữ Hán - La tinh. Đây là tờ báo đầu tiên của người Đài Loan được phát hành ở các nước Bắc Mỹ. Người phát hành vẫn là Lý Phong Minh, người biên tập là Trần Thanh Phong ở *Chicago*, cố vấn ngữ văn do Trịnh Lương Vĩ ở *Hawaii* phụ trách. Điều này cho thấy sự lan rộng của truyền thông Đài văn đã vượt ra khỏi phạm vi một thành phố. Đến năm 1978, đổi tên thành *Đài Loan Luận Báo*, năm 1979 thì dừng phát hành. Đến tháng 6 năm 1991, phát hành tờ *Đài Văn Thông Tấn*, không chỉ tiếp tục giấc mơ truyền thông của người Đài Loan mà còn mở rộng phong trào và cộng đồng Đài văn.

Đầu những năm 90, các thành viên của “Hội Tập Sáng Tác Văn Đài” ở *Los Angeles* đã sáng lập ra tờ *Đài Văn Thông Tấn* để làm nơi đăng tải các tác phẩm của các thành viên trong hội. Thành viên của “Hội Tập Sáng Tác Văn Đài” và nhóm nhà văn của tờ *Đài Văn Thông Tấn* một cách tự nhiên

đã hình thành nên cộng đồng văn học tiếng Đài. Về sau, công tác biên tập tờ *Đài Văn Thông Tấn* từ *Los Angeles* chuyển đến *Hawaii*, và sau đó chuyển đến *Toronto*. Những nhà văn đã từng làm Tổng biên tập của tờ báo này là Lý Cần Ngạn, Tô Chính Huyền, Trương Tú Mẫn, Diệp Quốc Cơ v.v... Nhóm nhà văn của tờ *Đài Văn Thông Tấn* cũng chịu sự ảnh hưởng của việc di chuyển này, đã mở rộng cộng đồng văn học tiếng Đài nước ngoài ở các nước Bắc Mỹ.

Ngày 30 tháng 1 năm 1994, cộng đồng người Đài Loan ở *Canada* thành lập “Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn *Toronto*”, mỗi tháng cố định có 15 đến 25 người tập hợp, dưới sự dẫn dắt của Trần Lôi, mọi người học tập chữ La tinh, thưởng thức tác phẩm văn học tiếng Đài, đọc thơ, diễn kịch và tập viết chữ tiếng Đài, sắp xếp đăng các bài viết tiếng Đài của các thành viên trên báo *Đài Văn Thông Tấn*. Hội Giao Lưu Độc Giả *Toronto* sau khi tiếp quản tờ *Đài Văn Thông Tấn* thì 3 người Tổng biên tập sau này đều là thành viên của hội, Trần Lôi là tác gia tiểu thuyết nổi bật trong số họ, công sức thành lập cộng đồng ngữ văn tiếng Đài của họ rất đáng được ghi nhận.

2. Cộng đồng Đài văn của *Đài Văn Thông Tấn*

Tờ *Đài Văn Thông Tấn* được sáng lập vào tháng 7 năm 1991 tại *Los Angeles*, mục tiêu chính là sử dụng truyền thông báo chí làm “mồi lửa” để duy trì sức sống cho ngữ văn Đài Loan trong bối cảnh các loại ngôn ngữ của Đài Loan đang phải đối mặt với nguy cơ bị diệt vong. Tờ *Đài Văn Thông*

Tấn về cơ bản là tờ báo mang tính bình dân của phong trào ngữ văn Đài, có nhiệm vụ “tuyên truyền phong trào ngữ văn Đài”, “nâng cao hứng thú học tập của người dân đối với tiếng Đài và ngữ văn Đài”, “tác động đến chính sách ngữ văn Đài của chính phủ”, “tạo ra một không gian sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ”, “thúc đẩy sự phát triển về mặt văn viết của tiếng Đài”, “giới thiệu và quảng bá văn học tiếng Đài”. Vì vậy, nội dung chủ yếu gồm 2 hạng mục chính là cung cấp thông tin liên quan đến phong trào ngữ văn Đài và đăng tải tác phẩm văn học của các thành viên.

Đài Văn Thông Tấn là một tờ báo có tính phong trào, thời sự và tổng hợp, không thuần túy chỉ là một ấn phẩm văn học. Nội dung vô cùng phong phú, ngoài những bài viết mang tính văn học ra, còn có những bài phê bình học thuật và chính trị, nghiên cứu ngôn ngữ, tin tức, chuyên đề và phỏng vấn cá nhân v.v... Những bài viết đã được đăng tải luôn duy trì việc sử dụng thuần túy và chính xác tiếng Đài, tránh việc sử dụng tiếng Đài đã bị “Hoa ngữ hóa”. Ngoài ra, *Đài Văn Thông Tấn* tuy được biên tập ở các nước Bắc Mỹ, nhưng nội dung chủ yếu lại phản ánh những chủ đề về Đài Loan, đồng thời cũng có nhiều chủ đề mang tầm quốc tế. Có một phần là những bài viết miêu tả cuộc sống của người Đài Loan ở nước ngoài, ít nhiều phản ánh tư tưởng nhân văn và đời sống tinh thần của người Đài Loan sống tại nước ngoài. Nếu muốn tiến thêm một bước để phân loại cụ thể thì có thể phân thành 2 loại sau:

2.1. Tính văn học

Những bài viết có tính văn học chiếm khoảng trên 50% bao gồm thơ, tiểu thuyết, văn xuôi, kịch, truyện cười, truyện nhi đồng, bài hát thiếu nhi v.v... Nhà văn Trần Lôi là người thường xuyên đăng bài trên *Đài Văn Thông Tấn* nhất, mỗi kỳ ít nhất ông đăng một tác phẩm tiểu thuyết. Các nhà văn khác bao gồm Lý Cần Ngạn, Trịnh Nhã Di, Vương Trinh Văn, Thanh Văn, Trần Bách Thọ, Hoàng Chân Cửu, Lâm Tuấn Dục, Trương Tú Mẫn, Diệp Quốc Cơ v.v...

2.2. Tính học thuật

Những bài viết có tính học thuật chiếm khoảng 5 - 10%, đa số là những bài về lĩnh vực ngôn ngữ, ví dụ như: những điểm nổi bật trong luận án tiến sĩ của Lý Cần Ngạn “Quá trình diễn biến của từ vựng tiếng Đài”, bài viết do Trương Học Khiêm viết về phong trào ngữ văn Đài ở nước ngoài vào những năm 60 “Phân tích hình thái ý thức của văn viết: Lấy “Thanh Niên Đài Loan” làm đối tượng nghiên cứu”, bài “Lịch sử *Peh-oe-ji*” của *Henning Kloter*, bài viết “Sự phát triển của chữ La tinh Việt Nam” của Tưởng Vi Văn, bài “Nghiên cứu phong cách viết tiếng Đài từ góc nhìn ngữ vực và vay mượn từ ngữ” của Dương Duẩn Ngôn v.v...

2.3. Tính thời sự

Những bài viết này chiếm khoảng 10 - 15%, đa số là những bài tin về hoạt động của đồng hương ở nước ngoài và những ghi chép từ buổi diễn thuyết. Ví dụ: đưa tin về các hoạt động của trại hè của Hội Đồng Hương Đài Loan ở *Canada*, Trại Đài Văn Thế Giới, các hoạt động tưởng nhớ

Mục sư *Mackay*, đều là những tư liệu lịch sử vô cùng quý báu về những hoạt động của người Đài Loan ở nước ngoài.

2.4. Tính phê bình

Những bài viết phê bình chiếm khoảng 5%, chủ đề bình luận rất rộng, bao gồm: chính trị Đài Loan, xã hội Đài Loan, ngữ văn Đài Loan, văn hóa và ngôn ngữ của tộc người bản địa, giáo dục tiếng mẹ đẻ, văn học Đài Loan, sản xuất điện hạt nhân v.v...

2.5. Phỏng vấn nhân vật / phỏng vấn chuyên đề

Mục phỏng vấn nhân vật rất được yêu thích, phần này chiếm khoảng 10 - 15%. Cho đến hiện nay, những nhân vật trong và ngoài nước đã được phỏng vấn gồm có những bậc tiền bối của phong trào Đài Loan Độc Lập như Lâm Triết Phu (林哲夫), Chu Thúc Dạ (周叔夜) và ba người cháu gái của Mục sư *Mackay*.

Mục sư *Michael Stainton*, nhà truyền giáo cho các tộc người bản địa Đài Loan; *Sakai Tohru* (酒井亨) nhà hoạt động ngữ văn Đài người Nhật Bản; *Phunstok Jordhen* người Tây Tạng; Văn Hạ (文夏) ông vua nhạc tiếng Đài; nhà văn tiền bối Dương Thiên Hạc (楊千鶴) v.v... đều có trải nghiệm cuộc sống phong phú và là những nhân chứng quan trọng của phong trào. Từ kỳ 113 trở đi, bắt đầu có thêm mục phỏng vấn chuyên đề “Giáo dục ngữ văn Đài trong trường học”, phỏng vấn qua điện thoại các giáo viên dạy tiếng Đài trong các lớp học. Những giáo viên này bao gồm: Trương Xuân Hoàng, Trịnh Nhã Di, Tiêu Bình Trị, Vương Thục Trân và

Trương Học Khiêm. Đây là những tài liệu đầu tiên về giáo dục tiếng Đài trong trường học.

Ngoài ra, *Đài Văn Thông Tấn* cũng đã từng dùng chữ Hán - La tinh để viết lại và đăng tải liên tục nhật ký của Mục sư Mackay, đây là tài liệu chữ *Peh-oe-ji* rất có ý nghĩa lịch sử. Bắt đầu từ kỳ 77, mở thêm chuyên mục “Tác phẩm tiếng Đài đầu tay của tôi”, khuyến khích nhiều người mới học Đài văn viết ra bài viết Đài văn đầu tay của mình, đồng thời rèn luyện thói quen tiếp tục viết Đài văn của họ. Điều này có cống hiến thiết thực thúc đẩy nền văn học tiếng mẹ đẻ Đài Loan phát triển.

Các bài viết trong *Đài Văn Thông Tấn* có 75 - 80% là viết bằng tiếng Đài, khoảng 20 - 25% bài viết dịch từ tiếng Trung, tiếng Anh và tiếng Nhật. Cũng có một số bài viết hoàn toàn bằng chữ La tinh được tải về từ hộp thư điện tử *taigu@formosa.org*, được ban biên tập *Đài Văn Thông Tấn* sửa thành loại chữ Hán - La tinh để đăng. Nội dung của các bức thư này đa phần là bài viết mang tính học thuật, tin tức ngũ văn, thảo luận về cách dùng chữ và ký hiệu phiên âm tiếng Đài v.v... Tháng 1 năm 2001, thành lập trang mạng chuyên dụng <http://taiwantbts.org> đăng tải bài viết từ kỳ 52 trở đi và việc dạy chữ La tinh trực tuyến. Trang mạng này do Lại Bách Niên (賴柏年) và Ngô Nhạn Linh (吳雁玲) phụ trách.

Độc giả của *Đài Văn Thông Tấn* ở khắp nơi trên thế giới bao gồm Đài Loan, Nhật Bản, Mỹ, Canada và châu Âu. Nguồn bài viết của *Đài Văn Thông Tấn* vẫn chủ yếu tập trung

đến từ Đài Loan, đặc biệt là lớp tiếng Đài ở các vùng và các tác phẩm của học sinh trong trường tiếng Đài, ví dụ: sinh viên lớp “đọc viết ngữ văn Đài” của Đại Học Tĩnh Nghi, học viên lớp tập huấn giáo viên tiếng mẹ đẻ trường Trung học và Tiểu học huyện Chương Hóa, học viên lớp tập huấn giáo viên tiếng Đài trường Đại Học Cộng Đồng Phụ Nữ Chương Hóa, sinh viên lớp tiếng Đài Đại Học Nghĩa Thủ, sinh viên lớp tiếng Đài Đại Học *Harvard*, học viên trường tiếng Đài *Los Angeles* v.v... Nhìn trên diện rộng, các độc giả này có chung lý tưởng, đó là cộng đồng Đài văn lấy *Đài Văn Thông Tấn* làm trung tâm.

Ngoài ra, *Đài Văn Thông Tấn* thành lập Hội Giao Lưu Độc Giả tại Đài Trung, đầu tiên do Tăng Chính Nghĩa phụ trách, sau đó ông mở lớp học máy vi tính tiếng Đài, khuyến khích các thành viên sáng tác bằng tiếng Đài, phát triển thành “Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Ngữ Văn Đài Loan ở Đài Trung” và góp công sức cho sự ra đời của *Đài Loan Ngữ Văn Nghiên Cứu Thông Tấn* (台灣語文研究通訊) (20/6/1994 - 1996, gồm 19 kỳ) và *Tạp Chí Đài Văn Hoa Dong Riêng* (蓮蕉花台文雜誌) (20/1/1999 - 20/10/2008, có 39 kỳ), phát triển cộng đồng Đài văn tại miền Trung. Hội ở Đạm Thủy của Tưởng Vi Văn và Hội ở Tân Trúc của Lâm Dự Khải không chỉ tượng trưng cho cộng đồng tiếng mẹ đẻ của địa phương mà còn tượng trưng cho cộng đồng Đài văn thể hệ phong trào tiếng Đài của học sinh, sinh viên. Hội Giao Lưu Độc Giả ở Chương Hóa của Trần Phúc Dương mở rộng chi nhánh, thành lập trụ sở tiếng Đài ở Chương Hóa và bồi dưỡng những nhà văn tiếng Đài trong khu vực.

3. Cộng đồng Đài văn Báo BONG Đài Văn Thông Tấn

Đài Văn Thông Tấn phát hành năm thứ hai thì thiết lập trụ sở liên lạc tại Đài Loan, mở rộng phạm vi phát hành tạp chí, và phục chế lại mô hình “Hội Tập Sáng Tác Văn Đài” ở Los Angeles đưa về Đài Loan. Tháng 2 năm 1993, bắt đầu thành lập “Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn” tại Đài Loan, tiến hành các hoạt động thực tiễn, thúc đẩy phong trào ngữ văn Đài phát triển. Năm 1995, Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn ở Đài Bắc chuyển đổi thành Hội Sáng Tác Văn Đài. Năm 1996, thành viên Hội Sáng Tác Văn Đài sáng lập tờ tạp chí *Báo BONG Đài Văn*, trong đó nhấn mạnh vào tính văn học, tính chuyên nghiệp và tính năng động của tạp chí. Năm 1997, Quỹ Văn giáo tiếng Đài văn Lý Giang Khuốc bắt đầu công tác mở rộng phát hành tờ *Đài Văn Thông Tấn* ở Đài Loan. Về sau, tạp chí *Báo BONG Đài Văn* kết hợp với *Báo BONG Đài Văn Thông Tấn* hình thành nên cộng đồng văn học tiếng Đài to lớn hơn.

Báo BONG Đài Văn ngay từ đầu đã tự đặt ra mục tiêu làm một quyển tạp chí với nội dung hoàn toàn về văn học tiếng Đài, các chuyên mục cố định là “Tiểu thuyết báo BONG”, “Tuyển tập thơ báo BONG”, “Kịch báo BONG”. Về lĩnh vực văn xuôi thì chia nhỏ thành mục “Tả thực người Đài Loan” là nơi đăng những truyện ký văn học; “Lời người phụ nữ” là nơi đăng những câu chuyện kể về tâm sự của nữ giới; “*Chhin-oe bong thng*” là nơi đăng những điển cổ hay những phong tục tập quán cổ, “Chuyện phiếm báo BONG” là nơi đăng những bài thảo luận về các vấn đề xã hội. Từ kỳ

62, tờ tạp chí này bắt đầu mở thêm chuyên mục “Ngôi nhà Khách Gia” (HAKKA屋家) để đăng các sáng tác bằng tiếng Khách Gia. Những chuyên mục không đăng tác phẩm văn học gồm có: “Trò chuyện cùng bác sĩ dân dã - Tiếng Đài y học” (các tác gia chính gồm có Trương Phục Tụ, Lưu Nam Y, Trịnh Thi Tông); “Chuyện phiếm nghệ thuật” (藝術BONG話) viết về những bình luận về nghệ thuật; “Nơi giao lưu nhân quyền” đăng tải “Phương pháp giáo dục quyền trẻ em của Thụy Điển” của Hoàng Tình Mỹ; Các tác phẩm khác có tạp chí “Quảng trường kết hôn” (Liêu Thụy Minh, Tiêu Bình Trị v.v...), đăng tải nhiều tin báo hỷ và chuyên san tưởng niệm bạn bè (kỳ 16 của Trương Thông Mẫn, kỳ 17 của Lâm Vạn Ninh), còn có truyện cười viết bằng tiếng Đài “Cười rách miệng”. Ngoài ra, những bài như “Chàng khờ A-bong”, tiểu luận suy diễn của Hồng Cẩm Điền, “Đi Hoa Liên đi” và “Ghi chép đời sống nông thôn” của Dương Duẩn Ngôn, “Hồi ức về sự kiện 424” của Hoàng Tình Mỹ là những bài viết gây ấn tượng sâu sắc cho người đọc. Mỗi kỳ đều có “Tin tức báo BONG” và “Đèn quảng cáo báo BONG”, đưa tin về hoạt động tiếng Đài, xuất bản sách, qua đó có thể thấy được “dấu vết” của phong trào ngữ văn Đài và là tài liệu lịch sử có tính tham khảo cao về phong trào ngữ văn Đài. Những bài viết mang tính lý luận trên *Báo BONG Đài Văn* khá ít, bình luận về tiểu thuyết của Trần Minh Nhân khá nhiều (kỳ 19-23). Chủ đề của *Báo BONG Đài Văn* rất phong phú, thể loại cũng rất đa dạng, tuy rằng mỗi kỳ chỉ 16 trang, nhưng đã xuất bản hơn 200 kỳ, các tác phẩm tiếng Đài và tư liệu về phong trào ngữ văn Đài được

tích lũy thông qua tạp chí này có đóng góp tích cực cho phong trào ngữ văn Đài.

Báo BONG Đài Văn lấy việc tăng cường quảng bá việc đọc hiểu và viết chữ *Peh-oe-ji* tiếng Đài và nâng cao tính văn học của tiếng Đài là chính, về mặt nội dung, ban đầu có một cách nghĩ đơn giản là muốn phân biệt với *Đài Văn Thông Tấn*. Những bài viết mang tính phong trào và tính học thuật vẫn giữ lại trong tạp chí *Đài Văn Thông Tấn*, còn *Báo BONG Đài Văn* là chuyên về văn học tiếng Đài, hy vọng tờ báo này sẽ tích lũy đủ kinh nghiệm, thiết lập quy tắc và quy cách viết tiếng Đài. Nói một cách đơn giản là hướng đến mục tiêu “cuộc sống hóa”, “văn học hóa” và “chuyên nghiệp hóa”, dựa trên cách thể hiện “chuyên nghiệp, văn học, linh động”. Ban đầu lấy chủ đề là “*Báo BONG*”⁸⁸ với mục đích khiến cho độc giả có thể đọc với tâm thế thoải mái để nhận thức về ngữ văn Đài, thử sáng tác bằng tiếng Đài, đã thu thập được rất nhiều tác phẩm ưu tú, và đào tạo nên nhiều nhà văn tiếng Đài. Tờ báo này đã phối hợp với Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khước để tổ chức giải thưởng “Giải thưởng A-khioh” (阿却賞) vào năm 2003, dựa vào lực lượng quần chúng để thiết lập giải thưởng sáng tác văn học tiếng Đài. Tuy kinh phí hoạt động có hạn, nhưng tờ báo này lại rất tích cực, mặc dù mỗi kỳ chỉ có mười mấy trang nhưng tờ báo này luôn cố gắng duy trì việc phát hành liên tục, từ nước ngoài lan truyền đến trong nước và tồn tại đến thế kỷ 21 ngày nay.

88 Chú thích của dịch giả: “*Báo BONG*” ở đây chỉ những câu chuyện đời thường, gần gũi nhưng lại mang phản ánh thực tế cuộc sống. Lỗi viết không tuân theo những quy củ nhất định để người đọc có thể tiếp nhận một cách thoải mái.

Nếu đánh giá mục tiêu ban đầu của tạp chí này, chúng ta sẽ thấy được một số thành tựu đáng mừng như sau: 1. Đào tạo bài bản một loạt nhà văn tiếng Đài, ví dụ: Trần Minh Nhân, Tố Chi (素枝), Lưu Thừa Hiên (劉承賢); 2. Phát triển lĩnh vực tiếng Đài, ví dụ: tiếng Đài y học của Trương Phục Tụ, bài viết về nhân quyền thiếu niên của Hoàng Tình Mỹ; 3. Đưa tiếng Đài vào cuộc sống văn hóa, ví dụ: Chuyên san kết hôn của Liêu Thụy Minh, chuyên san tưởng niệm của thầy Lâm Vạn Ninh; 4. Quy phạm hóa cách viết tiếng Đài: quy nạp tiêu chuẩn cách dùng từ; 5. Tổ chức định kỳ cuộc thi viết tiếng Đài “Giải thưởng A-khih”⁸⁹.

Báo BONG Đài Văn là một tờ báo thúc đẩy việc viết chữ Hán - La tinh, rất chú trọng với quy phạm trong việc sử dụng chữ La tinh và chữ Hán trong văn viết. Từ đầu năm 2003, tổ biên tập đã dốc hết tâm huyết trong vấn đề “quy phạm hóa” của “văn viết”, đăng tải một vài “đồng thuận” trong mục “Lời ban biên tập” và đăng không định kỳ, hơn nữa Lưu Kiệt Nhạc đã từng chỉnh sửa lại kết quả thảo luận thành “Quy phạm về văn viết của Báo BONG” và “Bảng tham khảo cách dùng từ Báo BONG”, đăng trên trang mạng của Báo BONG, cung cấp làm tài liệu tham khảo cho người dân, mục đích

89 Tôn chỉ của “Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khước” là “phục hồi sức sống của ngôn ngữ các tộc người ở Đài Loan, phát triển văn học và văn hóa tiếng mẹ đẻ”, mục tiêu là thúc đẩy sử dụng một cách toàn diện tiếng mẹ đẻ các tộc người của Đài Loan trong các hoạt động sáng tác, phiên dịch, nghiên cứu, dạy học, truyền thông. Kỳ 8 của Báo BONG Đài Văn đưa tin: “Kế hoạch dự kiến trước mắt chính là bồi dưỡng các nhà văn tiếng Đài và cuộc thi viết tiếng Đài”, đây cũng chính là lý do thành lập nên giải thưởng A-khih sau này. Đây là giải thưởng văn học có lịch sử lâu đời nhất trong giới tiếng Đài.

là tiến một bước lớn trong lý tưởng quy phạm hóa văn viết tiếng Đài.

Xét về thành quả về bồi dưỡng giáo dục tiếng Đài của *Báo BONG Đài Văn* thì thành tựu đạt được rất to lớn. Họ đã dốc hết tâm sức bồi dưỡng những người mới. Đây là điều hiếm thấy so với các đoàn thể tiếng Đài khác. Ví dụ, tổ chức giải thưởng về sáng tác bằng tiếng Đài và luận văn nghiên cứu về tiếng Đài “Giải thưởng A-khioh” là trường hợp điển hình về sự thành công của việc bồi dưỡng thế hệ mới, trong đó Trần Đình Tuyên, Lưu Thừa Hiên, Trịnh Nhã Di đều là những cây bút sáng tác văn học tiếng Đài tiềm năng, những nhà văn đoạt giải thưởng về lĩnh vực nghiên cứu văn học có Thi Tuấn Châu, Trịnh Nhã Di, Chu Hoa Bân, Trương Ngọc Bình, Lữ Mỹ Thân, Trần Mộ Chân, Thái Vĩ Phân v.v... Họ đều có ảnh hưởng nhất định trong lĩnh vực nghiên cứu văn học tiếng mẹ đẻ, đáng để kỳ vọng.

Báo BONG Đài Văn có ảnh hưởng lớn đến việc sáng tác văn học bằng chữ Hán - La tinh, bồi dưỡng nên một lớp nhà văn sáng tác bằng chữ Hán - La tinh hoặc hoàn toàn bằng chữ La tinh. Các nhà văn chính gồm có Trần Minh Nhân, Hồng Cẩm Điện, Hoàng Chân Cứu, Hoàng Đế Minh, Trịnh Nhã Di, Kỳ Truyện Châu, Liêu Thụy Minh, Dương Gia Phân, Trần Phong Huệ, Thanh Văn, Lý Cần Ngạn, Dương Duẩn Ngôn, Trịnh Phương Phương, Tưởng Vi Văn, Abon, Lưu Thừa Hiên, Chu Định Bang, A-hi, Lữ Mỹ Thân v.v... Trong đó, tiểu thuyết của Trần Minh Nhân có tính đại diện nhất, tiểu thuyết của các nhà văn trẻ Thanh Văn và Lưu Thừa Hiên cũng rất đáng để kỳ vọng.

4. Cộng đồng Đài văn Chương Hóa, Đài Trung

Nhắc đến cộng đồng tiếng Đài ở Đài Trung thì phải bắt đầu thảo luận từ Hội Giao Lưu Độc Giả *Đài Văn Thông Tấn* được thành lập tại Đài Trung. Hội Giao Lưu Độc Giả ở Đài Trung đầu tiên cho Tăng Chính Nghĩa phụ trách, về sau ông ấy mở lớp học máy vi tính tiếng Đài, khuyến khích các thành viên sáng tác bằng tiếng Đài, phát triển thành “Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Ngữ Văn Đài Loan ở Đài Trung”, thúc đẩy việc sáng lập tờ *Đài Loan Ngữ Văn Nghiên Cứu Thông Tấn* và *Tạp Chí Đài Văn Hoa Dong Riêng*. Cộng đồng tiếng Đài ở Đài Trung được hình thành từ sự kết hợp giữa Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Trung và những người ủng hộ phong trào tiếng Đài. Ngoài ra, khi Trần Phúc Dương phụ trách Hội Giao Lưu Độc Giả tại Chương Hóa đã phát triển hội này tại địa phương và hình thành nên trụ sở hoạt động tiếng Đài ở Chương Hóa, bồi dưỡng được nhiều nhà văn của địa phương.

Sáng tác văn học của họ đa số đều được thể hiện rõ nét trong những quyển tạp chí phong trào do họ biên tập, tóm tắt như sau:

4.1. Đài Loan Ngữ Văn Nghiên Cứu Thông Tấn

Đài Loan Ngữ Văn Nghiên Cứu Thông Tấn do Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Tiếng Đài Đài Trung sáng lập vào ngày 20 tháng 6 năm 1994, đến tháng 12 năm 2000 thì ngừng xuất bản, tổng cộng phát hành được 22 kỳ. Trong đó, kỳ thứ 6 được đổi tên thành *Đài Loan Ngữ Văn Nghiên Cứu Thông Tấn* phát hành vào ngày 30 tháng 10 năm 1995, đến kỳ thứ 9 phát hành vào ngày 30 tháng 7 năm 1996 lại đổi tên thành

Đài Loan Ngữ Văn Nghiên Cứu Tạp Chí, từng đảm nhiệm chức vụ người phát hành gồm có Lâm Thanh Tường, Trần Duyên Huy, Trang Thắng Hùng, Lâm Hồng Nho v.v... Tờ tạp chí này chủ yếu là thúc đẩy phát triển ý thức tiếng mẹ đẻ và giáo dục ngữ văn tiếng Đài, những bài viết đăng tải trên đó cũng xoay quanh vấn đề ý thức tiếng mẹ đẻ, giáo trình dạy ngữ văn tiếng Đài và tin tức giới tiếng Đài là chính, thứ nữa đăng kèm các tác phẩm văn học tiếng Đài. Trên thực tế, ngoài việc phát hành tạp chí, còn tổ chức hội trại văn học, hội thảo, giải thưởng sáng tác văn học tiếng Đài và mở lớp tập huấn tiếng Đài.

4.2. *Tạp Chí Đài Văn Hoa Dong Riêng*

Tạp Chí Đài Văn Hoa Dong Riêng chủ yếu đẩy mạnh phát triển ý thức tiếng mẹ đẻ và dùng tiếng Đài để viết về những điều trong cuộc sống, được phát hành vào ngày 20 tháng 1 năm 1999 đến ngày 20 tháng 10 năm 2008 thì ngừng xuất bản, phát hành tổng cộng 39 kỳ.

4.3. *Thế giới tiếng Đài*

Thế giới tiếng Đài tự nhận là “tạp chí ngữ văn Đài tổng hợp mang tính quần chúng”, tháng 4 năm 1996 xuất bản số thử nghiệm, đến tháng 6 cùng năm thì chính thức phát hành, và đến kỳ thứ 17 phát hành vào tháng 5 năm 1998 thì ngừng xuất bản, tổng cộng phát hành 18 kỳ, chủ biên là Ngô Trường Năng (吳長能), Liêu Thường Siêu (廖常超). Chủ yếu đề xướng ý thức sử dụng tiếng Đài và viết về cuộc sống bằng tiếng Đài, thể loại đăng trên tạp chí này khá đa dạng bao gồm các bài viết về văn học nghệ thuật, xã hội, cuộc

sống, khoa học kỹ thuật, chính trị, lịch sử, địa lý, phong tục tập quán và giáo dục tiếng Đài v.v... Tạp chí này có cống hiến nhất định trong việc quảng bá và sáng tác bằng tiếng Đài.

III. Cộng đồng văn học phái độc lập

Văn học tiếng mẹ đẻ thời kỳ sau chiến tranh chịu ảnh hưởng lớn từ sự phát triển của phong trào phục hưng sau khi ý thức tiếng mẹ đẻ được thức tỉnh. Bởi vì nhận thức khác nhau về mối quan hệ giữa phương án văn viết tiếng mẹ đẻ và văn học chủ lưu tiếng Hán, mà những học giả tiếng mẹ đẻ có những cách nhìn và ý kiến khác nhau. Vì vậy, dựa vào sự khác biệt giữa các nhóm mà hình thành nên các cộng đồng tiếng Đài khác nhau, phát triển nền văn học tiếng mẹ đẻ cũng không giống nhau. Như đã đề cập ở trên, ngoài *Đài Ngữ Văn Trích* là đại diện tiêu biểu cho phái chữ Hán, và *Đài Văn Thông Tấn* là đại diện tiêu biểu cho phái chữ La tinh Giáo Hội, còn có rất nhiều người tự thành lập một phái riêng về văn học tiếng Đài và có những người ủng hộ của riêng họ. Tuy nhiên, nhóm được nhiều người ủng hộ và phát triển thành cộng đồng Đài văn thì lại không nhiều. Trong đó, “Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài” và tờ *Nguyệt san tiếng Đài Ka-tang* của Lâm Ương Mẫn bắt đầu kết hợp với “Câu Lạc Bộ Bản Địa Mới Đài Loan” và *Văn Nghệ Đài Loan* của Tống Trạch Lai và “Nhóm Hoa Cỏ Lau” đại diện có Phương Diệu Kiến, do cùng chung lý tưởng và có gắn kết toàn Đài Loan đã hình thành nên cộng đồng văn học “Đài Văn Chiến Tuyến”. Lâm Ương Mẫn, Tống Trạch Lai và Phương Diệu Kiến đều là những người đã dốc hết tâm huyết cho việc xây

dựng lý luận, sáng tác văn học và việc tổng kết văn học sử của văn học tiếng Đài, và gần như có cùng quan điểm. Nếu cùng thảo luận về quan điểm của họ sẽ đúc kết được mạch phát triển văn học rõ ràng, có thể có sự khác biệt với hai hệ thống phái chữ Hán và phái chữ La tinh Giáo Hội của cộng đồng tiếng Đài.

1. Cộng đồng Đài văn *Ka-tang*

Phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ Đài Loan những năm 80 của thế kỷ 20, ngoài hệ thống “Câu Lạc Bộ Tiếng Đài” của Hồng Duy Nhân và *Đài Văn Thông Tấn* ở nước ngoài thiết lập trụ sở liên lạc tại Đài Loan, thì “Hiệp Hội Phát Triển Ngũ Văn Đài” do Lâm Ương Mẫn khởi xướng được xem là hoạt động lớn nhất.

Lâm Ương Mẫn thành lập “Hiệp Hội Phát Triển Ngũ Văn Đài” vào ngày 28 tháng 5 năm 1995, gọi tắt là “Đài Triển Hội”. Những người từng đảm nhiệm vai trò hội trưởng của hiệp hội này gồm có Lâm Ương Mẫn, Lâm Minh Nam, Lâm Tông Nguyên, Ngô Trường Năng v.v... Hiệp hội này phát hành tờ *Nguyệt san tiếng Đài Ka-tang*, số lượng phát hành cao nhất đạt đến 3.000 bản. Với tên gọi là “Hiệp Hội Phát Triển Ngũ Văn Đài”, tổ chức này đã xác định là một đoàn thể có tính vận động phong trào và tính văn hóa, vì vậy, tính phong trào của cộng đồng này mạnh hơn “Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai”.

Nguyệt san tiếng Đài Ka-tang được sáng lập vào tháng 5 năm 1995 và sau khi phát hành kỳ 25 vào ngày 1 tháng 4 năm 1999 thì ngừng hoạt động. Lâm Ương Mẫn giữ chức

chủ tịch, những người từng đảm nhiệm vị trí chủ biên gồm Trương Xuân Hoàng, Trần Kim Thuận, Hoàng Nguyên Hưng, Lâm Ương Mẫn v.v... Hội viên ở khắp các huyện thị, mọi tầng lớp từ bác sĩ, luật sư, giáo viên, giáo sư, sinh viên, nhà thơ, nhà văn, họa sĩ, chính trị gia v.v... Những nhà văn chính trong nước gồm có Hoàng Nguyên Hưng, Trang Bách Lâm, Hồ Tú Phụng, Tạ An Thông, Đinh Phụng Trân, Giang Vĩnh Tiến, Trương Xuân Hoàng, Lâm Minh Nam, Trần Kim Thuận, Tưởng Vi Văn, Ngô Trường Năng, Lâm Tông Nguyên, Hồng Cẩm Điền, Trần Chiêu Thành v.v... Nhà văn nước ngoài gồm có Hồ Dân Tường v.v... Các nhà văn ngoài hội gồm có Ngô Quốc Trinh, Trịnh Nhã Di, Chu Đông Hòa, Kỷ Truyện Châu, Lý Cần Ngạn, Trần Minh Nhân, Dương Chiêu Dương, Quách Ngọc Vân, Lâm Văn Bình v.v...

Nguyệt san tiếng Đài Ka-tang ngoài việc thúc đẩy sáng tác văn học tiếng Đài, còn chịu trách nhiệm thúc đẩy sự phục hưng tiếng Đài. Vì vậy, ngoài việc đăng tải các tác phẩm văn học, các bài viết và tin tức hoạt động liên quan đến tiếng Đài, còn đăng tải những bài viết mang tính chính trị và tính vận động phong trào. Ngoài ra, còn lập kế hoạch cho xuất bản chuyên san, ví dụ kỳ 8 (phát hành 1/1996) là chuyên san về kịch, chủ yếu đăng kịch bản “Bích” của Giản Quốc Hiền (do Hồng Long Bang phiên dịch thành tiếng Đài). Kỳ 16 (phát hành 1/1997) là chuyên đề thơ viết về nhà thơ quá cố, mời các nhà văn đăng những câu thơ hoặc đoạn thơ đẹp và quan trọng của mình. Kỳ 18 (phát hành 5/1997) là chuyên san phiên dịch các tác phẩm thơ của những nhà thơ

nổi tiếng thế giới như *Omar Khayyam*, *William Shakespeare*, *George Herbert*, *Jay Parini*, *Rainer Maria Rilke* v.v... Kỳ 22 (phát hành 1/1998) là chuyên san đăng bài của những tác giả văn học tiếng Đài mới. Ngoài các tác phẩm văn học, còn có những bài viết có liên quan đến phong trào tiếng Đài, tin tức, truyện tranh, nêu cao ý thức dân tộc của người Đài Loan, kêu gọi dùng tiếng mẹ kiến tạo tính chủ thể của Đài Loan, nhắc nhở nguy cơ diệt vong của tiếng mẹ đẻ, nhấn mạnh tính quan trọng của tiếng mẹ đẻ. Kỳ thứ 10 (phát hành 3/ 1996) đặc biệt đề cập đến tạp chí đặc biệt “Hội Thảo về Nguy Cơ của Văn Hóa Tiếng Đài”, phối hợp với Đại Học Đài Loan tổ chức “Hội Thảo về Nguy Cơ của Văn Hóa Tiếng Đài” vào ngày 9 tháng 3 cùng năm. Ngoài ra, kỳ thứ 12 (phát hành 5/1996) đề xuất chuyên san khoa học tự nhiên, những bài được đăng gồm có những bài mang tính nghị luận về cá, chim, cơ khí, ô nhiễm không khí, vũ trụ huyền ảo, sụt lún đất, xây dựng công trình, thống kê học, nguyên lý số học và lĩnh vực liên quan đến quản lý, mục đích là mở rộng phạm vi biểu đạt của ngữ văn Đài, dùng tiếng Đài cũng có thể viết được những bài liên quan đến khoa học, tiến một bước trở thành sách ngôn ngữ công cụ tham khảo có tính toàn diện. Nói tóm lại, tính vận động ngôn ngữ của tờ *Nguyệt san tiếng Đài Ka-tang* đã vượt khỏi tính văn học của nó.

2. Cầu nối giữa “Câu Lạc Bộ Bản Địa Mới Đài Loan” và Văn Nghệ Đài Loan

Cộng đồng tiếng Đài *Ka-tang* của Lâm Ương Mẫn sau khi *Nguyệt san tiếng Đài Ka-tang* ngừng hoạt động thì mở

rộng sang phát hành *Nguyệt san tiếng Đài Loan Thời Hành* (時行台灣文月刊) và *Văn học tiếng Đài Đảo Hương* (島鄉台語文學), tiến một bước liên kết với cộng đồng văn học *Văn học mới Đài Loan* của Tống Trạch Lai ở Đài Trung, thành lập “Câu Lạc Bộ Bản Địa Mới Đài Loan”, hình thành nên cộng đồng tiếng Đài lớn mạnh hơn.

2.1. *Nguyệt san tiếng Đài Loan Thời Hành*

Số lượng người tham gia vào “Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài” vượt quá 240 người, đơn vị xuất bản *Nguyệt san tiếng Đài Ka-tang* từng đạt mốc cao nhất là phát hành 3.000 tờ, có thể nói đây là tổ chức lớn nhất trong lịch sử phong trào tiếng Đài sau chiến tranh, có rất nhiều người tham gia vào phong trào ngữ văn Đài cũng từ giai đoạn này, ví dụ: Giang Vĩnh Tiến, Trương Xuân Hoàng, Trần Kim Thuận, Hồ Trường Tùng v.v... Những người này lại tự phát triển nhóm tiếng Đài của riêng mình, ví dụ như vợ chồng Giang Vĩnh Tiến đã thành lập “Hội Tiếng Đài Thời Hành” ở Tân Trúc, phát hành *Nguyệt san tiếng Đài Thời Hành*. Tờ nguyệt san này được phát hành vào tháng 11 năm 1998, đến kỳ thứ 17 thì đổi thành song nguyệt san, đến tháng 5 năm 2004 thì ngừng hoạt động, tổng cộng phát hành 37 kỳ, chủ yếu là để xướng việc sáng tác bằng tiếng Đài, do Giang Vĩnh Tiến, Trương Xuân Hoàng lãnh đạo. Những người từng làm chủ biên của tờ nguyệt san này gồm có Thẩm Đông Thanh, Hoàng Thục Huệ, Trịnh Hữu Thuấn, Vưu Mỹ Kỳ, Khang Hiến Trung v.v...

2.2. Văn học tiếng Đài Đảo Hương

Văn học tiếng Đài Đảo Hương là quyển tạp chí tiếng Đài *mini* của giai đoạn vừa bước sang thế kỷ 21. Số thử nghiệm được phát hành vào ngày 15 tháng 1 năm 1998, đến ngày 30 tháng 3 cùng năm thì chính thức phát hành, sau khi phát hành kỳ 31 vào ngày 30 tháng 3 năm 2004 thì ngừng hoạt động, từ kỳ đầu đến kỳ thứ 20 (ngoại trừ kỳ 9, 18, 20) thì nội dung khoảng 8 trang, từ kỳ 21 đến kỳ 31 thì có 24 trang. Tuy ở trang về bản quyền có ghi là quyển tạp chí này do Văn Phòng Tiếng Đài Đảo Hương phát hành, có cơ chế người phát hành, chủ tịch và ban biên tập, nhưng trên thực tế, quyển tạp san này từ đầu đến cuối chỉ do một mình Trần Kim Thuận phụ trách bao gồm các công việc phát hành như chi tiền, chủ biên, kêu gọi bài viết, đánh chữ, biên tập, thiết kế và gửi v.v...

Những tác phẩm được đăng trong quyển tạp san này vượt hơn 500 bài, trong đó, thơ có khoảng 400 bài, văn xuôi khoảng 100 bài, tiểu thuyết có 24 bài. Quyển tạp chí này cũng giống như phần lớn những quyển tạp chí tiếng Đài khác, trước kỳ 21, nội dung khá chú trọng tính vận động phong trào và tính học tập. Sau kỳ 21, tính nghệ thuật của các tác phẩm được nâng cao rõ rệt. Những nhà văn chủ đạo gồm có Lâm Ương Mẫn, Hồ Dân Tường, Trần Lôi, Trần Kim Thuận, Tống Trạch Lai, Hồ Trường Tùng, Vương Trinh Văn, Phương Diệu Kiến, Trang Bách Lâm, Giang Tú Phụng, Trần Khiết Dân, Hứa Chính Huân, A-hi, Chu Hoa Bàn, Lâm Tông Nguyên, Hồng Cẩm Điền, Lâm Văn Bình, Lý Căn Ngạn v.v...

Văn học tiếng Đài Đảo Hương trải qua 4 lần ra chuyên san như sau: Số 9 (30/3/1999) phát hành “Chuyên san tưởng nhớ 10 năm Sự kiện Trịnh Nam Dong tự thiêu”, kỷ niệm sự hi sinh của người chiến sĩ nhân quyền đã đấu tranh đòi quyền tự do ngôn luận cho Đài Loan; số 18 (30/5/2000) phát hành “Chuyên san tưởng nhớ Lâm Vạn Ninh” kỷ niệm một người đã trường kỳ cống hiến cho việc xây dựng đất nước Đài Loan và phong trào tiếng Đài; số 21 (31/12/2000) phát hành “Triển lãm tiểu thuyết tiếng Đài cuối thế kỷ”, là chuyên san đầu tiên biên tập về tiểu thuyết tiếng Đài, gồm 4 tiểu thuyết: “Con bọ cánh cứng màu tím” của Hồ Trường Tùng, “Ngôi mộ giữa mùa hè” của Vương Trinh Văn, “Ngọn lửa cháy trên kem khoai môn” của Hồng Cẩm Điền, “Những điều không thể nói” (*The Unspeakable*) của Trần Lôi. Số 30 (phát hành 30/3/2003) và số 31 (phát hành 30/3/2004) là “Chuyên san thơ tình” tập 1 và 2; tập 1 gồm 7 bài thơ trong “Tình yêu nương tựa” của Tống Trạch Lai, 10 bài thơ trong “30 năm tình thâm” của Lâm Ương Mẫn, 7 bài trong “Mỹ cảm tình dục” của Lâm Tông Nguyên; tập 2 đăng tải 5 bài trong “Tình yêu chân thật” của Hồ Trường Tùng, 5 bài trong “Tình yêu thuần khiết” của Vương Trinh Văn, 4 bài trong “Tình yêu của sự biết ơn” của Phương Diệu Kiên, 5 bài trong “Tình yêu kiên định” của Trần Kim Thuận.

Quyển tạp chí này rất chú trọng trong việc khuyến khích những người mới sáng tác, vì vậy, có rất nhiều người mới đã nộp tác phẩm đầu tay của họ cho tạp chí này, ví dụ: Lâm Tuấn Phong (林峻楓), Niêm Gia Tài (粘家財),

Như Bân (如斌), Phúc Nhĩ Tạt Khố (福爾卡庫), Thái Uyển Linh (蔡宛玲), Truy Phong (追風), Lưu Thủy (流水), Lữ Quyên Phụng (呂絹鳳), Trương Chính Hùng (張正雄), Hỏa Vương Tử (火旺仔), Kha Bách Vinh (柯柏榮), Mặc Nhiên (默然), Ngô Dục Tĩnh (吳育靜). Trong đó, Hồ Trường Tùng là người có thành tựu nhất, sau này vẫn tiếp tục sáng tác văn học tiếng Đài, đã xuất bản 2 tập tiểu thuyết ngắn tiếng Đài *Dưới ngọn hải đăng* (燈塔下), *Tiếng súng* (槍聲) và một tập thơ tiếng Đài *Thành phố với những con đường bàn cờ* (棋盤街路的城市).

2.3. Câu Lạc Bộ Bản Địa Mới Đài Loan

Ngoài ra, “Câu Lạc Bộ Bản Địa Mới Đài Loan” là nơi quy tụ nhóm nhà văn bản địa mới của Đài Loan, có ý nghĩa mang tính biểu tượng.

Tổng Trạch Lai và Hồ Trường Tùng đã sáng lập ra tờ *Văn học mới Đài Loan* vào năm 2000, sau khi kết thúc, chủ biên Hồ Trường Tùng muốn tụ họp các nhà văn trong giới tiếng Đài lại nên đã lập ra “Câu Lạc Bộ Bản Địa Mới Đài Loan”. Lúc bấy giờ, Lý Cần Ngạn mới về nước cũng gia nhập vào hội trù bị, từng tổ chức hội trù bị, đặt tên cho quyển tạp chí mới phát hành là “Văn Nghệ Đài Loan” và xem quyển tạp chí này là nơi phát ngôn chính của “Câu Lạc Bộ Bản Địa Mới Đài Loan”. *Văn Nghệ Đài Loan* ra đời vào tháng 1 năm 2000, sau khi phát hành được 5 kỳ thì ngừng hoạt động vào tháng 6 năm 2005. Dương Chiếu Dương, Phương Diệu Kiển, Trương Xuân Hoàng lần lượt là những người từng đảm nhiệm vai trò chủ tịch, Hồ Trường Tùng làm Tổng biên

tập. Đây là quyển tạp chí không chỉ đơn thuần là tạp chí văn học tiếng Đài, mà còn rất xem trọng các sáng tác bằng các ngôn ngữ của các tộc người khác, nội dung của tạp chí còn bao gồm những nội dung đa dạng về văn nghệ như phê bình văn học, giáo dục văn học, văn học về nữ quyền, mỹ thuật bản địa v.v... Về sau, vì không đủ lực phát triển nên tuyên bố ngừng xuất bản, sau này mới sáng lập ra “Đài Văn Chiến Tuyến” châm lên một ngọn lửa mới.

3. Cộng đồng Đài Văn Đài Văn Chiến Tuyến

Đài Văn Chiến Tuyến ra đời vào tháng 12 năm 2005, người phát hành là Phương Diệu Kiển, Lâm Ương Mẫn làm chủ tịch, Tổng biên tập là Hồ Trường Tùng và Trần Kim Thuận. Tôn chỉ của tạp chí này là “chú trọng ý thức tiếng Đài và Đài Loan, dung hợp tinh thần truyền thống và hiện đại, phát huy và nâng cao văn học nghệ thuật Đài Loan, đề xướng trào lưu tư tưởng văn học dân tộc, thúc đẩy phục hưng văn nghệ Đài Loan, khôi phục tự tôn văn hóa và tính chủ thể của người Đài Loan”, kỳ vọng đây sẽ là tạp san tiếng Đài có cả sáng tác văn học và phê bình theo hình thức quý san.

Những thành viên chủ chốt gồm có Phương Diệu Kiển, Vương Trinh Văn, Tống Trạch Lai, Chu Định Bang, Lâm Ương Mẫn, Hồ Dân Tường, Hồ Trường Tùng, Trần Chính Hùng, Trần Kim Thuận v.v... Sau này Thôi Căn Nguyên, Tưởng Vi Văn, Lâm Văn Bình, Trần Lôi, Hà Tín Hàn, Trần Thu Bạch, Hoàng Văn Bác, Ứng Phụng Hoàng, Lý Trường Thanh v.v... Từng kiêm nhiệm chức vụ người phát hành tạp chí gồm có Phương Diệu Kiển, Phan Tĩnh Trúc (潘靜

竹), chủ tịch là Lâm Ương Mẫn, Tổng biên tập là Hồ Trường Tùng và Trần Kim Thuận.

Đài Văn Chiến Tuyến đã quy tụ được động lực và đồng thuận chung lớn nhất đó chính là thoát khỏi sự tranh cãi lâu dài về hệ thống chữ viết tiếng Đài để dồn tâm sức vào lĩnh vực phê bình văn học và sáng tác văn học, Lâm Ương Mẫn đã trải lòng trong lời tựa của số đầu tiên quyển tạp chí như sau:

“Giới nhân sĩ tiếng Đài khi tụ họp lại với nhau thường vì sự tranh cãi ký tự chữ viết mà mất hòa khí rồi tan rã, sau khi tan rã thì người này lại chỉ trích người kia, trong đó, tranh luận lớn nhất luôn xoay quanh phương thức phiên âm chữ La tinh. Sự tranh đấu này không chỉ làm phân tán lực lượng của giới tiếng Đài mà còn khiến cho chính phủ do dự không quyết, đồng thời còn vạch áo cho người xem lưng, chính vì vậy mà làm cho phong trào văn học tiếng Đài yếu đi và ngăn cản bước tiến phục hưng tiếng Đài. Đặc biệt, có một số người tự cho mình tài giỏi hoặc vờ mượn sự chuyên nghiệp quyền uy, dùng thái độ ngạo mạn để chỉ trích người khác là dùng sai ký hiệu chữ viết hoặc cho rằng những người sử dụng ký hiệu khác với mình là tội nhân, do đó đã không những phá hỏng sự đoàn kết trong nội bộ giới tiếng Đài mà còn khiến cho những người mới tuy có tâm huyết với tiếng Đài nhưng lại không dám bước đến, thậm chí có người vì điều này mà trở nên thất vọng với phong trào và rút khỏi tổ chức, không tham gia hoạt động nữa. Những điều này vô hình chung đã làm tổn hại đến sự phát triển của văn học tiếng Đài và phong trào ngữ văn Đài.”

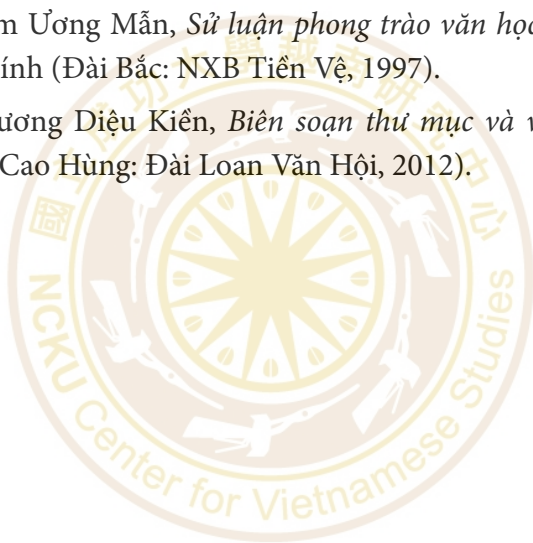
Lâm Ương Mẫn đã chỉ rõ ra rằng, giới nhân sĩ tiếng Đài đã quá chú trọng vào việc tranh luận ký hiệu chữ viết, đặc biệt là “cuộc tranh luận về phương thức phiên âm ký hiệu La tinh”, khiến cho lực lượng của giới tiếng Đài ngày càng mỏng, đồng thời gây tổn hại đến sự phát triển của văn học tiếng Đài và phong trào ngữ văn Đài.

Theo quan điểm này, những thành viên của tờ *Đài Văn Chiến Tuyến* có ý bước ra khỏi vết xe đổ của các đoàn thể phong trào ngữ văn Đài, chỉ chú trọng vào sáng tác văn học và phê bình văn học, tách biệt với những công việc mang tính vận động cho phong trào ngữ văn Đài khác. Mỗi kỳ xuất bản sẽ cố định với những chủ đề chính như: chuyên san, quang cảnh thơ mới, khu vườn tản văn, khu rừng tiểu thuyết, không gian phê bình v.v... Ngoài ra, để thể hiện sự xem trọng lý luận văn học và tầm nhìn ra văn học thế giới, quyển tạp chí này tiếp tục mở rộng các chủ đề chuyên san của *Tập san Thơ Hoa Cỏ Lau*, ví dụ: Số 1 (phát hành 12/2005) là chuyên san Hồ Dân Tường, số 2 (phát hành 4/2006) là chuyên san Lâm Ương Mẫn, số 3 (phát hành 7/2006) là chuyên san Jaroslav Seifert, số 4 (phát hành 10/2006) là chuyên san Phương Diệu Kiến, số 5 (phát hành 1/2007) là chuyên san “Tính âm nhạc trong thơ tiếng Đài”, số 6 (phát hành 4/2007) là chuyên san “Phát triển tiểu thuyết tiếng Đài 1”, số 7 (phát hành 7/2007) là chuyên san “Phát triển tiểu thuyết tiếng Đài 2”, số 8 (phát hành 10/2007) là chuyên san “Phát triển tiểu thuyết tiếng Đài 3”, số 9 (phát hành 1/2008) là chuyên san “Triển lãm sáng tác tiểu thuyết tiếng Đài”, số 10 (phát hành 4/2008) là

chuyên san “100 lý do của văn học tiếng Đài”. Qua đó, công khai những mục tiêu rõ ràng của cộng đồng *Đài Văn Chiến Tuyến* trong việc sáng tác và thực tiễn lý luận của văn học tiếng Đài, đồng thời cũng hy vọng tạo được sự khác biệt so với các cộng đồng và tạp chí tiếng Đài khác.

ĐỌC THÊM

1. Lâm Ương Mẫn, *Sử luận phong trào văn học tiếng Đài* bản hiệu đính (Đài Bắc: NXB Tiễn Vệ, 1997).
2. Phương Diệu Kiến, *Biên soạn thư mục và văn học sử tiếng Đài* (Cao Hùng: Đài Loan Văn Hội, 2012).



CHƯƠNG 6

VƯỜN HOA VĂN HỌC TIẾNG MẸ ĐỂ CỦA ĐÀI LOAN

Sự phát triển văn học tiếng mẹ đẻ của Đài Loan bắt đầu với phong trào phục hưng vào những năm 80 của thế kỷ 20, trải qua sự thức tỉnh của ý thức tiếng mẹ đẻ, đấu tranh vì quyền tiếng mẹ đẻ đến tranh luận về hệ thống chữ viết của tiếng mẹ đẻ, rồi tổng hợp, cung cấp môi trường sáng tác văn học cũng như đào tạo bồi dưỡng một thế hệ tác giả trẻ sáng tác văn học tiếng mẹ đẻ, tích lũy được một chất lượng đáng kể cho nền văn học này của Đài Loan.

Như trên đã trình bày, phần lớn tác giả sáng tác văn học tiếng mẹ đẻ đều lấy hệ thống chữ viết tương tự hình thành nên cộng đồng, các cộng đồng này cũng đều có chung một nhìn nhận về thị hiếu (thẩm mỹ) văn học. Nói chung, đặc điểm lớn nhất của các nhà văn Đài Loan phái chữ Hán là tin chắc rằng mỗi chữ, mỗi từ của tiếng Đài Loan đều có thể tìm được một chữ Hán tương ứng, cách tu từ của văn học tiếng Đài Loan cũng đều có liên quan với cách tu từ của văn học cổ điển Trung Quốc, đều có điển cố, vì vậy, sáng tác văn học hiện đại cũng nên xây dựng cơ sở từ văn học cổ điển. Đối với các tài liệu chữ Hán, không kể là thơ từ cổ điển hay văn bản, tác phẩm văn học dân gian dùng chữ Hán để ghi

chép đều vô cùng quý báu, giữa thị hiếu (thẩm mỹ) văn học và cái điều mà văn học chủ lưu của Trung Quốc coi trọng không có gì khác nhau.

Các nhà văn Đài Loan theo phái chữ Hán lấy các tác giả của phái ngữ văn Đài Loan và cộng đồng văn học Phủ Thành làm chính.

Các tác giả mang tính đại biểu cho phái ngữ văn Đài Loan gồm có Hồng Duy Nhân và thế hệ học sinh tiếng Đài đầu tiên của ông như Lâm Cẩm Hiền, Trần Hiến Quốc, Khâu Văn Tích, Hồng Cẩm Điền, Lâm Văn Bình, Dương Duẩn Ngôn, Trần Hằng Gia. Bản thân Hồng Duy Nhân lấy nghiên cứu học thuật tiếng Đài làm chính, ngoài một số bài văn xuôi ký sự và viết lại, tái tạo những câu chuyện dân gian tiếng Đài ra, hầu như không sáng tác văn học hiện đại. Lâm Cẩm Hiền có sở trường về sưu tập các bài hát *po-ko*⁹⁰ dân gian Đài Loan, Trần Hiến Quốc, Khâu Văn Tích hợp tác tận tâm với việc sưu tập và xuất bản những tác phẩm văn học dân gian như lối hát nói⁹¹ và tự điển đối chiếu giữa tiếng Đài và tiếng Hoa. Chỉ có Hồng Cẩm Điền, Lâm Văn Bình là chăm chỉ, tích cực với sáng tác văn học tiếng Đài hiện đại.

Đặc điểm lớn nhất của các nhà văn Đài Loan phái chữ La tinh là tất cả đều lấy tiếng mẹ đẻ làm chính, không những

90 Chú thích của dịch giả: đây là các bài hát đối đáp giữa nam và nữ, hay là những câu chuyện vui đùa lúc nghỉ ngơi khi đi hái trà ở các vùng núi của Đài Loan.

91 Chú thích của dịch giả: đây là một loại hình nghệ thuật truyền thống vừa hát vừa nói của Đài Loan, thường thì một người hay nhiều người cùng biểu diễn trên đường phố.

yêu cầu phải tuyệt đối trung thành với từ vựng, thậm chí phải cố gắng hết sức mô phỏng những âm tố và giọng nói của tiếng mẹ đẻ, những từ vựng, âm chữ này không thể tìm ra những chữ Hán hoàn toàn tương ứng, cho dù có tìm ra cái gọi là “chữ gốc” hay “chữ chính tả” thì cũng có thể là những chữ Hán hiện nay rất ít dùng hoặc là tự cho mình là thông minh “tạo chữ” mà thôi. Bởi vậy, sáng tác của các nhà văn Đài Loan phái chữ La tinh chính là tháo bỏ sự ràng buộc của chữ Hán, tự do sáng tác, chọn cách viết theo kiểu “kết hợp chữ Hán và chữ La tinh”. Và cũng chính vì thế mà có thể tháo bỏ những tiêu chuẩn tu từ của văn học Trung Quốc, công phu và năng lực cơ bản của sáng tác không phải ở chỗ huấn luyện về tu từ của văn học cổ điển Trung Quốc, mà ở chỗ nắm vững và quan sát sâu sắc tiếng mẹ đẻ trong cuộc sống hàng ngày.

Các nhà văn tiếng Đài Loan phái chữ La tinh chủ yếu gồm có: đội ngũ tác giả của hệ thống Đài Văn Thông Tấn và hệ thống chi nhánh của nó.

Đội ngũ tác giả của nhóm *Báo BONG Đài Văn Thông Tấn* bao gồm các nhà văn *Đài Văn Thông Tấn* ở hải ngoại, *Đài Văn Thông Tấn* tại Đài Loan và các nhà văn liên quan đến *Báo BONG Đài Văn*.

Văn học tiếng Đài Loan của Chương Hóa cần phải truy nguyên đến thời kỳ đầu của văn học mới Đài Loan vào những năm 30 của thế kỷ 20 bằng sự khai thác mở đường của những người tiên phong như Lại Hòa. Vào những năm 80 của thế kỷ 20 sau Chiến tranh Thế giới thứ 2, khi phong trào

phục hưng tiếng mẹ đẻ phát triển, thì mới hình thành một nhánh nữa của đội ngũ sáng tác tiếng Đài. Năm 1993, những giáo viên như Trương Thông Mẫn, Trần Phúc Dương, Lam Mỹ Tân, Vương Thục Phân đến Đại Học Thanh Hoa ở Tân Trúc để tham gia “Lớp Sáng Tác Tiếng Đài” do giáo sư Trịnh Lương Vĩ mở. Sau khi họ “học xong trở về quê”, với sự triệu tập của thầy giáo Trần Phúc Dương trường Tiểu Học Đại Trúc đã thành lập “Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn Chương Hóa”, định kỳ mỗi tháng mượn văn phòng của Nghị viện đại biểu địa phương họp nhau lại để đọc Đài Văn Thông Tấn và các tác phẩm của ngữ văn Đài Loan. Mỗi thành viên trong tổ chức này đều rất tích cực, với cương vị của mình họ đã quảng bá chữ viết tiếng Đài và thử sáng tác, từ đó đã xuất hiện thêm vài tác giả phái ngữ văn Đài Loan.

Ngoài đội ngũ các nhà văn sáng tác tiếng Đài Loan theo phái chữ Hán và chữ La tinh ra, còn có một số người không muốn bị xếp vào với các tác giả tiếng Đài, họ không dễ dàng chấp nhận bất cứ một phương án chữ viết tiếng mẹ đẻ nào mà dùng cách viết tự mình cho là chính xác - lấy chữ Hán làm chính - để sáng tác. Những tác giả thuộc phái này rất coi trọng tiến hành sáng tác văn học một cách sâu sắc, súc tích trên cơ sở lý luận văn học.

Các tác giả văn học tiếng mẹ đẻ thuộc phái độc lập lấy nhóm *Ka-tang* bao gồm Lâm Ương Mẫn, các tác giả và chủ biên *Ka-tang*, cùng với nhóm *Hoa Cỏ Lau* của Phương Diệu Kiên và các tác giả như Tống Trạch Lai, Hồ Dân Tường, Hồ Trường Tùng v.v... làm đại biểu.

Chương này có 4 phần, bao gồm thơ, tiểu thuyết, văn xuôi và kịch tiếng Đài Loan cùng với thơ tiếng Khách Gia, chúng tôi sẽ chia ra từng phần để giới thiệu về sự phát triển của các loại hình văn học và những tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

I. Thơ tiếng Đài Loan

Trong chữ Hán truyền thống, thơ là thể loại chủ yếu của văn học, người ta mượn thơ để bày tỏ ý chí, làm thơ là một cách biểu đạt tình cảm, thơ là loại sáng tác văn học cơ bản nhất. Đặc biệt là, Thơ Mới hiện đại không chịu sự giới hạn gò bó cách luật của văn vần, độ dài tác phẩm không lớn, chỉ cần một số từ vựng, sử dụng tiếng mẹ đẻ để sáng tác lại không gặp nhiều vấn đề, nên sáng tác thơ bằng tiếng mẹ đẻ rất dễ dàng bắt đầu, là một thể loại bắt đầu sớm nhất trong toàn bộ nền văn học tiếng mẹ đẻ, rất nhiều tác giả của nền văn học này đều xuất phát từ sáng tác thơ.

1. Đài Ngữ Thơ Lục Gia Tuyển

Nếu muốn khảo chứng bài thơ nào là bài thơ tiếng Đài đầu tiên sau chiến tranh có lẽ phải cần một ít công sức và thời gian, nhưng nếu nói *Tuyển tập thơ tiếng Đài Loan của Lâm Tông Nguyên* (林宗源台語詩選) (1988) là tập thơ tiếng Đài xuất bản sớm nhất thì sẽ có ít ý kiến tranh cãi. Tiếp đến còn có *Đài Ngữ Thơ Lục Gia Tuyển* (1990) do Trịnh Lương Vĩ chủ biên và tập thơ tiếng Đài đầu tiên *Nếu gà lôi gáy* (雉雞若啼) (1991) của Hoàng Kính Liên.

Thơ tiếng Đài Loan thời kỳ đầu có đặc điểm chung là lấy chữ Hán để sáng tác là chính, rồi trải qua việc các nhà

ngôn ngữ học làm công việc thống nhất từ ngữ. Lấy 3 tập thơ sau đây làm ví dụ, *Tuyển tập thơ tiếng Đài Loan của Lâm Tông Nguyên* là do Trịnh Lương Vĩ dùng hình thức đem thơ chữ Hán của Lâm Tông Nguyên sửa thành chữ Hán kết hợp chữ La tinh mà thành, đồng thời ông còn viết 4 bài báo để giải thích cách chọn chữ Hán cũng như cách dùng chung giữa chữ Hán và chữ La tinh. *Đài Ngữ Thơ Lục Gia Tuyển* bắt đầu bằng việc Hoàng Kính Liên mời 6 tác giả cung cấp các tác phẩm thơ mà phần lớn là dùng chữ Hán để viết của họ, rồi trải qua việc Trịnh Lương Vĩ thống nhất sửa thành chữ Hán kết hợp chữ La tinh dùng chung và ghi chú những từ đặc biệt của tiếng Đài Loan. *Nếu gà lôi gáy lại* là tập thơ mà Hoàng Kính Liên đã biên tập xong rồi mời Hồng Duy Nhân viết lời chú thích. Toàn bộ những từ ngữ được dùng đều là từng từ, từng chữ trải qua nhiều lần khảo chứng, cân nhắc và dẫn đo rồi mới quyết định sử dụng.

Chúng tôi sẽ bắt đầu thảo luận từ những nhà thơ tiếng Đài Loan sớm nhất này.

1.1. Lâm Tông Nguyên (林宗源)

Lâm Tông Nguyên (1935-), người Đài Nam (台南), tốt nghiệp Trường THPT Đệ Nhị (台南省二中) thành phố Đài Nam. Năm 1959, ông đã từng giữ chức Chủ tịch của Câu Lạc Bộ Thơ Hiện Đại (現代詩社), năm 1964, tham gia Câu Lạc Bộ Thơ Nón Lá (笠詩社), năm 1987, gia nhập Hội Bút Đài Loan (台灣筆會), năm 1991, tham gia khởi xướng Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai (蕃薯詩社), Câu lạc bộ thơ tiếng Đài đầu tiên của Đài Loan, giới sáng tác tiếng mẹ đẻ gọi ông là “đầu

củ khoai” và ông cũng từng là Hội trưởng Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài (台語文推展協會).

Năm 1970, ông chính thức dùng tiếng Đài để viết thơ, về sau còn tiếp tục sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ, ông nhấn mạnh rằng “văn học tiếng Đài Loan chính là văn học Đài Loan”, ông là tác giả đầu tiên quyết tâm dùng tiếng mẹ đẻ để làm thơ, không ngừng tiếp tục thực hiện việc sáng tác thông qua tiếng Hoa thời kỳ sau Chiến tranh Thế giới thứ 2 ở Đài Loan. Tác phẩm thơ của ông gồm có: *Vá lưới rách* (補破網), *Tinh tuyển thơ tiếng Đài Lâm Tông Nguyên* (林宗源台語詩精選集), *Tuyển tập văn học tiếng Đài Lâm Tông Nguyên* (林宗源台語文學選), *Kích tình không kiêng kỵ* (無禁忌的激情) v.v...

Thơ tiếng Đài Loan thời kỳ đầu của Lâm Tông Nguyên có tính kháng nghị, đấu tranh rất điển hình, là tiếng vọng của lịch sử Đài Loan trong thời kỳ thiết quân luật với những câu nói kinh điển như “người ta gọi bạn là một củ khoai” và “nói một câu phật một đồng”. “Người ta gọi bạn là một củ khoai” câu này phản ánh điều dưới thời bị uy quyền thống trị, bị áp bức mà người dân vẫn có thể nín nhịn, nhẫn nhục chịu đựng, đây là lời than thở cho cuộc sống lay lắt, qua ngày của người Đài Loan, ví như đoạn 1 miêu tả:

“Người ta gọi bạn là một củ khoai
Bẻ ra bên trong có ruột màu vàng
Chảy máu màu trắng, nằm gọn trong lòng đất
Trên mặt đất nở ra hoa sẽ tàn lụi nhưng vẫn sống
Không thích mặt trời, chỉ thích mặt trăng, có thật thế không?

*Cho dù đem bạn nấu, chiên, nướng
Thậm chí xay nát bạn vẫn không ra tay đỡ lại
Chỉ cần một chút đất và nước
là có thể sinh trường,
thật vậy không?*

Hai câu cuối của bài thơ là lời nguyện rất thâm thiết “chết đi, chết đi”, đây là lời cảm thán lớn nhất của nhà thơ trước sự nhu nhược, hèn yếu của người Đài Loan.

Còn câu “nói một câu phạt một đồng” là lời chống đối việc sau Chiến tranh Thế giới thứ 2 chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng đàn áp tiếng mẹ đẻ, ở đoạn mở đầu, ông viết:

*“Nói một câu phạt một đồng
Tiếng Đài Loan rẻ mạt quá
Bố tôi mỗi ngày cho tôi mấy tờ Đài tệ”*
cuối cùng là lời nghi vấn và tố cáo buộc tội:

*“Thầy ơi, bạn ấy nói tiếng Quảng Đông vì sao không bị
đánh vào lòng bàn tay*

*Thầy ơi, bạn ấy nói tiếng Thượng Hải cũng không bị phạt
lên đứng bảng*

*Thầy ơi, bạn ấy nói tiếng Tứ Xuyên cũng không bị đeo
thẻ chó*

*Thầy ơi, thầy nói tiếng Anh vì sao không bị phạt một đồng
Thầy cầm cây roi tre lên đánh nát tim tôi”.*

Và giống bài thơ trước, đều nói lên tiếng lòng yếu ớt, tội nghiệp của tầng lớp dân đen Đài Loan, ông đúng là người phát ngôn của dân tộc.

Ngoài việc với tư cách là người tiên phong trong sáng tác thơ tiếng Đài Loan, xác định vị trí vững chắc của mình ra, Lâm Tông Nguyên còn có một tập thơ tuyệt vời nữa là tập thơ tiếng Đài Loan khiêu dâm, khỏa thân *Kích tình không kiêng kỵ*, có lẽ không ai vượt qua được ông với tập thơ này.

1.2. Hoàng Kính Liên (黃勁連)

Hoàng Kính Liên, tên thật là Hoàng Tiến Liên (黃進蓮), sinh vào cuối năm 1946 ở Diêm Hương, *Tham-a-kinn*, Giai Lý Hưng, huyện Đài Nam (台南縣佳里興潭仔墘鹽鄉). Ông từng là Tổng biên tập của *Tập San Thơ Củ Khoai* (蕃薯詩刊) và *Văn Nghệ Đài Loan* (台灣文藝), Chủ tịch sáng lập Hội Văn Học Tiếng Đài Hoa Cỏ Lau (菅芒花台語文學會), hiện nay ông là Tổng biên tập của *Văn học tiếng Đài Loan Hai-ang* (海翁台語文學). Tác phẩm của ông gồm có nhiều loại sách tiếng Đài như: *Đài Loan Quốc Phong* (台灣國風), biên tập *Phiên dịch sách thánh hiền đời xưa* (台譯昔時賢文), các tuyển tập văn xuôi như *Bút ký Tham-a-kinn* (潭仔墘手記), *Tuyển tập văn học tiếng Đài Hoàng Kính Liên* (黃勁連台語文學選), *Tập tuyển tự chọn Hoàng Kính Liên* (黃勁連自選集) và các tập thơ gồm *Nếu gà lời gáy* (雉雞若啼), *Hương lúa Nam Phong* (南風稻香), *Bài ca Củ Khoai* (蕃薯兮歌). Năm 1993, ông đi Mỹ diễn giảng, ngâm đọc *Đài Văn Thông Tấn* cho kiều bào nghe. Năm 2005, ông vào học Thạc sĩ Khoa Văn Học Đài Loan ở Đại Học Quốc Gia Thành Công.

Hoàng Kính Liên vì khảo sát được rằng từ năm 1932, Đài Loan đã bắt đầu phát triển loại hình dân ca thịnh hành, phổ biến trong dân gian, chứng tỏ người Đài Loan đã có thể

sử dụng tiếng mẹ đẻ để sáng tác những tác phẩm văn học để đời, cho nên ông nhấn mạnh bản thân ông viết thơ tiếng Đài chính là để kế thừa, tiếp nối truyền thống thơ ca của Đài Loan, đồng thời để chứng minh văn học tiếng Đài hoàn toàn sinh ra từ mảnh đất Đài Loan của mình, từ đó ngày càng sinh sôi nảy nở và lớn mạnh.

Rất nhiều tập thơ tiếng Đài Loan của Hoàng Kính Liên từ tên bài, đến cách dùng từ thậm chí đến cả tiết tấu của thơ cũng đều nhìn thấy được vết tích của nhạc thịnh hành tiếng Đài Loan, như tên bài thơ “Bến cảng đêm mưa” cùng với những bài nhạc thịnh hành như “Ngọn hải đăng đêm sương mù” hay “Ngõ nhỏ đêm sương mù” cú pháp đều giống nhau. Ngôn ngữ của nhiều câu thơ phần lớn đến từ nhạc thịnh hành, như: “trôi nổi ngàn dặm”, “bến cảng về đêm”, “mưa rả rích”, “sương đêm giăng khắp lối”, “tiếng kêu của chim biển”, “làm náo loạn tai tôi”, “tiếng tàu cập bến nghe thê lương”, “mỗi tiếng đều nói lên niềm bi thương” v.v...

Vùng đất muối mặn là quê hương của Hoàng Kính Liên, đây cũng là toàn bộ thế giới văn học của ông. Việc ông trở về quê hương, bắt đầu làm một nhà thơ tiếng Đài có hai ý nghĩa của sự giác ngộ: một là ông tự giác trở về với “truyền thống văn học của vùng đất muối mặn”, hai là sự giác ngộ phải sử dụng tiếng Đài Loan để sáng tác.

1.3. Hoàng Thụ Căn (黃樹根)

Hoàng Thụ Căn (1946-2010) là người thành phố Cao Hùng, Đài Loan (台灣高雄市), tốt nghiệp Trường Cao

Đảng Sư Phạm Quốc Gia Đài Nam (台南師專), Học Viện Sư Phạm Cao Hùng (高雄師院) và là một giáo viên Tiểu học. Năm 1971, ông tham gia Câu Lạc Bộ Thơ “Chủ Lưu”, thành viên Câu Lạc Bộ Thơ Nón Lá và là hội viên *Hội Bút Đài Loan*. Các tác phẩm thơ của ông gồm có *Để tình yêu thống trị thế giới này* (讓愛統治這個大地), *Lựa chọn cuối cùng của kẻ độc tài* (獨裁者最後的抉擇) v.v... Thơ ông phần lớn đều mang tính phê phán đối với sự bất công, bất nghĩa của xã hội và thời cuộc, như “Sự kiện nông dân 520” (520農民事件), ông cũng có thơ biểu lộ tình cảm đối với người thân, như “Mẹ, hãy đi chậm chậm nhé!” (阿母，你慢慢仔行).

1.4. **Hướng Dương** (向陽)

Hướng Dương (1955-), tên thật là Lâm Kỳ Dưỡng (林淇養), người huyện Nam Đầu, Đài Loan (台灣南投). Ông tốt nghiệp tổ tiếng Nhật Khoa Ngôn Ngữ Đông Phương Trường Đại Học Văn Hóa và là Tiến sĩ Khoa Truyền Thông Trường Đại Học Chính Trị. Hướng Dương từng là chủ biên của phụ san *Tự Lập Văn Báo* (自立晚報), Tổng chủ bút của *Tự Lập Tảo Báo* (自立早報), hiện là Phó giáo sư Viện Nghiên Cứu Văn Hóa Đài Loan Trường Đại Học Giáo Dục Đài Bắc (台北教育大學台灣文化研究所). Tác phẩm thơ của ông bao gồm: *Ngước nhìn cây ngân hạnh* (銀杏的仰望), *Hạt giống* (種籽), *Bài ca của đất* (土地的歌) v.v... Ông là một nhà thơ tiếng Hoa rất có tiếng tăm. Tác phẩm thơ tiếng Đài nổi tiếng nhất của ông là “thơ phương ngữ” ở thời kỳ đầu (được đưa vào tập thơ *Ngước nhìn cây ngân hạnh*) và *Bài ca của đất* có

36 bài miêu tả tính cách và chuyện tình cảm của các thành viên trong gia tộc, sở trường của ông là đem tục ngữ, ngôn ngữ của Đài Loan đan xen vào thơ, vận dụng tiếng Đài Loan một cách khéo léo, xuất sắc. Ngoài “thơ phương ngữ” của thời kỳ này ra, Hướng Dương rất ít có thơ tiếng Đài, điều này chứng tỏ là ông không coi thơ tiếng Đài là hướng sáng tác chủ yếu của mình.

1.5. Tống Trạch Lai (宋澤萊)

Tống Trạch Lai (1952-), tên thật là Liêu Vĩ Tuấn (廖偉竣), người thôn Nhị Luân, huyện Vân Lâm (雲林縣二崙鄉), tốt nghiệp Khoa Lịch Sử Trường Đại Học Quốc Gia Sư Phạm Đài Loan. Ông từng giữ chức chủ biên và là ủy viên Câu Lạc Bộ Thơ Văn hóa mới Đài Loan (台灣新文化), Tổng biên tập của Văn học mới Đài Loan (台灣新文學), Tổng cổ vấn của Văn Nghệ Đài Loan (台灣文藝), năm 1981 bắt đầu sáng tác tiểu thuyết và thơ ca tiếng Đài. Tác phẩm của ông gồm có: tập thơ tiếng Đài *Một cái xẻng chiên* (一枝煎匙) (Liên Hợp Văn Học, 8/2001), *Bản tình ca thời đại* (普世戀歌) (INK, 9/2002) và tiểu thuyết bằng tiếng Đài *Thành phố Taneaw chống bạo loạn* (抗暴个打貓市), ngoài ra ông còn chủ biên *Tinh tuyển tiểu thuyết tiếng Đài* (台語小說精選卷) và những bình luận liên quan đến văn học và văn hóa Đài Loan như *Sơ lược về lịch sử tiểu thuyết tiếng Đài* (台語小說簡史), *300 năm Văn học Đài Loan* (台灣文學三百年) v.v...

Tập thơ tiếng Đài *Một cái xẻng chiên* của Tống Trạch Lai viết về cuộc sống hàng ngày, hình ảnh mọi thứ đều có một

hương vị “triết học” vượt qua bản thân chúng, tập thơ này ngoài việc viết về phê bình xã hội, chính trị còn có thêm tình cảm gia đình.⁹²Tổng Trạch Lai có 2 tập thơ tiếng Đài nhưng nổi tiếng nhất vẫn là 6 bài thơ bằng tiếng Đài viết vào năm 1981 khi ông đi Mỹ tham gia Trại sáng tác *Iowa*, các bài này đều được đưa vào *Đài Ngữ Thơ Lục Gia Tuyển*. Trong đó, "Nếu mà đến Hằng Xuân" (若是到恆春) là tác phẩm kinh điển:

Nếu mà đến Hằng Xuân
Thì nên đến vào lúc trời mưa
Sương mù che đỉnh núi
Nhìn giống sự e ấp, ngây thơ của thiếu nữ

Nếu mà đến Hằng Xuân
Thì nên chọn đến lúc hoàng hôn
Bạn sẽ thấy ráng chiều trên bờ biển
Ứng hồng cả bầu trời như thoa phấn

Nếu mà đến Hằng Xuân
Thì nên đến vào lúc đẹp trời
Những cánh bướm ra khơi
Lúc thì nhìn thật gần, lúc thì thấy rất xa

Nếu mà đến Hằng Xuân
Thì không cần chọn thời gian
Nhạc của Trần Đạt mà vang lên
Thì lúc đấy mọi muộn phiền đều tiêu tan

92 Thi Tuấn Châu, *Hướng dẫn đọc Văn học tiếng Đài Loan* (Đài Nam, Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, 2012).

Vào đầu thời kỳ phong trào, rất hiếm có những bài thơ tiếng Đài thật gần gũi, thân thương, mới lạ như thế này.

1.6. Lâm Ương Mẫn (林央敏)

Lâm Ương Mẫn (1955-) người thành phố Thái Bảo, huyện Gia Nghĩa (嘉義縣太保市). Ông tốt nghiệp khoa tiếng Trung trường Đại Học Phụ Nhân (輔仁大學) và Cao đẳng Sư phạm Quốc gia Gia Nghĩa (嘉義師專). Ông đã từng giữ chức Hội trưởng sáng lập Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài, Chủ tịch tạp chí tiếng Đài *Ka-tang*, thành viên của Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai. Năm 1983, ông bắt đầu dùng tiếng Đài Loan để sáng tác, tác phẩm gồm có tập thơ *Dong bướm về hướng Đài Loan* (駛向台灣的航路) (1992), *Tình ca quê hương Đài Loan* (故鄉台灣的情歌) (1997), *Thế kỷ của hy vọng* (希望的世紀) (2005), *Thơ một lá* (一葉詩) (2007), sử thi *Nước mắt phấn son* (胭脂淚) và một số tiểu thuyết cùng tác phẩm văn xuôi khác.

Thơ tiếng Đài của Lâm Ương Mẫn mang đậm tư tưởng về tổ quốc, quê hương của tác giả, bao gồm hành trình chuyển đổi tâm lý, sự thức tỉnh của ông về các chủ đề như ý thức về quê hương, tình cảm dân tộc, nhận thức bản sắc chính trị v.v... Tác phẩm thơ nổi tiếng nhất là “Đừng chê Đài Loan” (毋通嫌台灣) (1987), sau này do Tiêu Thái Nhiên (蕭泰然) phổ nhạc và nhận được Giải Giai Diệu Vàng (金曲獎):

*Nếu chúng ta yêu tổ tiên
Thì xin người đừng chê ghét Đài Loan
Đất đai này tuy có hơi chật hẹp*

Mồ hôi của cha, máu xương của mẹ
Tuổi tằm cho mọi miền quê hương

Nếu chúng ta yêu con cháu
Thì xin người đừng chê ghét Đài Loan
Cũng có ruộng vườn, cũng có núi non
Trái cây ngọt ngào, lúa gạo thơm hương
Cho đời sau cháu con ăn hoài không hết

Nếu chúng ta yêu anh em
Thì xin người đừng chê ghét Đài Loan

Tuy cuộc sống vất vả, ít an nhàn
Giành lại tự do, tương lai xán lạn
Chúng ta hạnh phúc không thua ai
Nếu chúng ta yêu quê hương
Thì xin người đừng chê ghét Đài Loan
Đất nước mình tuy nhỏ, đừng than vãn
Chăm chỉ, cần cù, tiền đồ tràn hy vọng
Tốt nhất khi chúng ta là chủ nhân

Lâm Ương Mẫn trước khi sáng tác thơ tiếng Đài đã là một nhà thơ nổi tiếng, đối với quê hương và tình cảm vốn có sự nhạy cảm về văn học bẩm sinh, thơ ông chú trọng mỹ học, chú ý tu từ, tận dụng tốt sự điệp vần, giai điệu ngữ âm của tiếng Đài, vẽ đối hoàn chỉnh, có những đặc điểm của thể loại ca dao 4 câu truyền thống⁹³. Thơ tiếng Đài của Lâm Ương Mẫn còn có một đặc điểm nữa là phần lớn đều có bản

93 Trương Xuân Hoàng (張春凰), Giang Vĩnh Tiến (江永進), Thẩm Đông Thanh (沈冬青) đồng sáng tác, *Khái luận Văn học tiếng Đài Loan* (台語文學概論), (Đài Bắc, NXB Tiền Vệ, 2001), trang 207.

đối chiếu tiếng Hoa, thậm chí còn ghi chú 2 loại ký hiệu ngữ âm để thuận tiện cho những người thích hoặc thích học nhưng không hiểu tiếng Đài xem hoặc đọc, đây là một dụng tâm quảng bá tiếng Đài Loan của ông. Lâm Ương Mẫn rất kiên trì sử dụng chữ viết trong việc sáng tác tiếng Đài, ông cũng là một tín đồ của cách nghĩ “có âm thì có chữ”, trong thời kỳ đầu của phong trào đã đưa ra “Từ điển tiếng Đài phiên bản vì tính hóa đầu tiên mới nhất trong cả nước” - *Từ điển tiếng Đài Loan giản lược* (簡明台語字典)⁹⁴. Nhưng cũng vì thế mà trong thơ văn của ông thường thấy tình trạng hỗn tạp của ngôn ngữ.

2. Nhóm nhà thơ Củ Khoai (蕃薯詩人群)

Nhóm nhà thơ tiếng Đài khoảng cùng thời với Đài Ngữ Thơ Lục Gia Tuyển đã nói ở phần trước, còn có nhóm nhà thơ thuộc *Tập San Thơ Củ Khoai*. Ngoài những nhà thơ như Lâm Tông Nguyên, Hoàng Kính Liên, Hướng Dương, Lâm Ương Mẫn đã giới thiệu ở trên, trong nước còn có các nhà thơ tiếp tục sáng tác thơ tiếng Đài như Trang Bách Lâm (莊柏林), Nhan Tín Tinh (顏信星), Lý Cẩn Ngạn (李勤岸), Trần Minh Nhân (陳明仁), Lâm Trầm Mặc (林沈默), Chu Hoa Bân (周華斌). Ở nước ngoài thì có La Văn Kiệt (羅文傑), Hồ Dân Tường (胡民祥) ở Mỹ, Trần Lôi (陳雷) ở Canada, Sakabulajo, A.D. (沙卡布拉揚) ở Nhật Bản và các nhà thơ tiếng Khách Gia như Lợi Ngọc Phương (利玉芳), Hoàng Hằng Thu (黃恒秋) chúng tôi sẽ giới thiệu ở một chương khác.

⁹⁴ Lâm Ương Mẫn, *Từ điển tiếng Đài Loan giản lược* (簡明台語字典) (Đài Bắc, NXB Tiền Vệ, 1991).

2.1 Trang Bách Lâm (莊柏林)

Trang Bách Lâm (1935-) người ở thị trấn Học Giáp, huyện Đài Nam (台南縣學甲鎮), năm 1991, xuất bản tập thơ đầu tiên bằng tiếng Hoa *Mưa rào* (西北雨). Ông vừa viết thơ tiếng Hoa ở các tạp chí, phụ san chủ lưu, vừa viết thơ ở tập san phi chủ lưu của tiếng Đài. Vì liên quan đến ý tưởng hay các mối quan hệ mà vào những năm đầu của thập niên 90, ông đã đứng cùng hàng với Lâm Tông Nguyên, Hoàng Kính Liên, trở thành một trong những người dẫn đầu phong trào văn học ở khu vực Đài Nam. Quan niệm về thơ của ông rất gần với Hoàng Kính Liên, ông đã xuất bản 3 tập thơ cá nhân, có cả nhạc và lời như *Tuyển tập thơ nhạc tiếng Đài Trang Bách Lâm* (莊柏林台語詩曲集) (1996), *Tuyển tập ca khúc về nghệ thuật Đài Loan* (台灣藝術歌曲集) (1997) và *Giọng ca Nam Doanh: Tuyển tập thơ ca Trang Bách Lâm* (南瀛的歌聲：莊柏林詩歌曲集) (2002). Đây đều là sự thể hiện bóng dáng xinh đẹp của văn học tiếng Đài Loan.

2.2 Nhan Tín Tinh (顏信星)

Nhan Tín Tinh (1946-) là Mục sư Giáo Hội Trưởng Lão, kiêm chức vụ quan trọng của tổng hội: ủy viên Ủy Ban Âm Nhạc, ủy viên Ủy Ban Xúc Tiến Tiếng Mẹ Đẻ Các Dân Tộc (族群母語推行委員會) và thành viên của Tiểu Ban Thẩm Định Bản Dịch Mới Kinh Thánh Tiếng Đài. Năm 1991-1994, phụ trách chuyên mục “Vườn Khoai Lang” ở bản tin “Lời cha mẹ” của nhà thờ. Ông là một trong những nhà hoạt động của phong trào tiếng Đài theo nghĩa rộng. Ông có năng lực chuyên môn về diễn xướng, viết nhạc, năm 1998,

xuất bản *Album hợp xướng Nhan Tín Tinh* (顏信星合唱曲專集), năm 2002, được chọn vào *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Nhan Tín Tinh* (顏信星台語文學選) quyển thứ 13 *Văn học tiếng Đài* phiên bản Kim An. *Tập thơ hoài niệm quê hương* (念鄉詩集) (1991) do Ủy Ban Giáo Dục Giáo Hội Trưởng Lão phát hành, trong đó có thơ bảy chữ, thơ thiếu nhi, thơ mới theo thể trường đoản cú, những thể loại này đều được đưa vào tuyển tập văn học của Công Ty Chân Bình.

2.3 Lý Cần Ngạn (李勤岸)

Lý Cần Ngạn (1951-), tên thật là Lý Tiến Phát (李進發), người Tân Hóa, huyện Đài Nam (台南縣新化). Ông là Tiến sĩ Ngôn ngữ học Đại Học Hawaii (美國威夷大學語言學), từng là chủ biên của *Đài Văn Thông Tấn*, thành viên Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai. Năm 1989, ông bắt đầu sáng tác bằng tiếng Đài, toàn tâm toàn ý vì phong trào văn học tiếng Đài Loan, liên tục tham dự khởi xướng *Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai*, thời làm chủ biên xã luận *Đài Loan Công Luận Báo* (台灣公論報) ở Mỹ đã quảng bá cho xã luận ngữ văn Đài. Khi hệ thống phiên âm tiếng Đài Loan trong một thời gian dài không ngớt được tranh luận, ông đã dốc hết sức vào việc “tích hợp hệ thống phiên âm”. Sáng tác của Lý Cần Ngạn bao gồm những tập thơ như *Tuyển tập thơ tiếng Đài Lý Cần Ngạn* (李勤岸台語詩選) (Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Nam, 11/1995), *Chúng con đều là tội nhân* (咱攏是罪人) (Khai Lãng, 8/2004) (開朗), *Thơ người lớn và trẻ em* (大人囡仔詩) (Khai Lãng, 8/2004), *Tiếng mẹ đẻ - canh gà của tâm hồn* (母語e心靈雞湯), *Mùa xuân đến muộn* (晏熟e早春) (Khai

Lăng, 6/2011), *Những điều đến già mới biết* (食老才知代誌) (Khai Lăng, 6/2011).

Sau khi giải ngũ, Lý Cần Ngạn mới vào học ở Đại Học Đông Hải (東海大學), tham gia “Câu Lạc Bộ Thơ Sóng Sau” (後浪詩社), chủ biên *Thi Nhân Quý San* (詩人季刊), năm 1982, ông cùng Ngô Thịnh (吳晟), Liêu Vĩnh Lai (廖永來), Tống Trạch Lai (宋澤萊) v.v... thành lập “Câu Lạc Bộ Thơ Xuân Phong” (春風詩社), biên tập thơ ra hàng quý. Năm 1987, do khi dạy học ở trường Đại Học Trung Sơn (中山大學) bị bức hại, ông quyết định đứng ra tổ chức Hiệp Hội Nhân Quyền của Giáo Viên, tham gia các phong trào của xã hội. Tại một lần diễn thuyết ở Cao Hùng, vì không thể dùng tiếng Đài Loan để đọc diễn cảm thơ tiếng Hoa của mình, ông đã giác ngộ về ý thức tiếng mẹ đẻ. Năm 1991, ông đi Mỹ du học, vì tiếng Đài Loan mà chọn học và trở thành Tiến sĩ Ngôn ngữ học, gia nhập Liên Minh Đài Loan Độc Lập.

Do có những trải nghiệm về ý thức giác ngộ như thế nên thơ tiếng Đài Loan của Lý Cần Ngạn xuất phát từ các phong trào chính trị xã hội, Hồ Dân Tường ca ngợi rằng “đây là những bài thơ vừa thực hiện phong trào giải phóng dân tộc” vừa đầy đủ những tố chất chuyên môn về ngôn ngữ và văn học. “Vương Dục Đức có đôi bàn chân” (王育德有兩支腳) là bài thơ thể hiện sự sùng bái của Lý Cần Ngạn đối với hành động dùng tiếng Đài kiến quốc của Vương Dục Đức và quyết tâm nguyện đi theo ông:

*Ông có đôi chân chắc khỏe
Đôi chân cách mạng*

*Cả một đời ông tham gia phong trào Đài Loan độc lập
Và cũng một đời tham gia phong trào tiếng Đài Loan*

.....

*Đôi chân của ông cùng tiến bước
Quả nhiên bước ra một con đường
Con đường sự tôn nghiêm của người Đài Loan*

.....

*Vương Dục Đức có đôi chân
Tôi muốn đi theo bước chân ông
Chân trái hay chân phải đều đích thực là chân của người
Đài Loan*

*Bước trên con đường kiến quốc ông đã đi qua
Tìm ra một đất nước Đài Loan đích thực*

“Chúng con đều là tội nhân” là viết về sự tự kiểm điểm của giới sáng tác tiếng Đài Loan đã vì cuộc tranh cãi ký hiệu chữ viết mà cản trở tiếng Đài phát triển, ông miêu tả rất sinh động và đầy châm biếm hiện trường lịch sử xảy ra cuộc tranh cãi:

*Chúng con đều là tội nhân
Chúng con quá yêu Đài Loan
Nguyễn hy sinh thanh xuân của đời người
Ấp nỡ ra mấy cái ký hiệu
Cho rằng đấy là password*

Dựa vào điều này tiếng Đài Loan sẽ đi được khắp nơi

Cuối cùng, nhà thơ nhận tội với Thượng đế, hy vọng mọi người vứt bỏ thành kiến, tạo điều kiện để tiếng Đài Loan có một con đường đi:

*Chúng con đều là tội nhân
 Chúng con quá yêu Đài Loan
 Xin xá tội cho con
 Con nguyện dùng hết thanh xuân của mình
 Dời bỏ những hòn đá con ấp nở ra
 Để tiếng Đài Loan
 Có một con đường đi*

Lý Cần Ngạn cũng có tác phẩm thơ mượt mà về tình thân, tình yêu như một loạt các bài thơ “Tên của mẹ tôi” (阮阿母e名), “Tình dây thắt lưng” (皮帶情), “Những điều đến già mới biết” miêu tả tâm trạng, tâm tình lúc ông đã đứng tuổi, mỗi bài đều có một phong cách và hương vị thơ riêng.

2.4 Trần Minh Nhân (陳明仁)

Trần Minh Nhân (1954-), sinh ra ở thị trấn Nhị Lâm, Chương Hóa (彰化二林鎮), bút danh *Babuja A. Sidaia* và *Asia Jilimpo*. Từ năm 1971 đến nay, đều sống ở khu vực Đài Bắc. Ông tốt nghiệp cấp hai Trường PTTH Đệ Nhị Đài Trung (台中二中), chưa tốt nghiệp cấp ba Trường PTTH Đệ Nhất Đài Trung (台中一中) (học qua bốn trường cấp ba). Sinh viên tổ Văn học Khoa Trung Văn và Thạc sĩ Khoa Triết Học Trường Đại Học Văn Hóa. Ông là người đồng sáng lập kiêm Tổng biên tập *Báo BONG Đài Văn*, từng đảm nhiệm chức vụ ủy viên Trung Ương, chủ nhiệm ban Tuyên giáo trụ sở ở Đài Loan của Liên Minh Đài Loan Độc Lập Kiến Quốc. Ông từng đảm nhiệm biên tập kế hoạch của *Văn Nghệ Đài Loan*, thành viên Câu Lạc Bộ Thơ Nón Lá, là người khởi xướng Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai và là Ủy viên thường trực Hội Bút

Đài Loan. Những năm 80 của thế kỷ 20, ông thông qua các hình thức và cách thức khác nhau thúc đẩy phong trào văn Bạch Thoại của tiếng Đài Loan. Thể loại sáng tác của ông gồm có: thơ, văn xuôi, tiểu thuyết và kịch. Ông đã xuất bản 3 tuyển tập thơ *Đi tìm Đài Loan lưu lạc* (走找流浪的台灣) (1992), *Ký sự lưu lạc* (流浪記事) (1995) và *Thơ ca tiếng Đài Trần Minh Nhân* (陳明仁台語歌詩) (Đài Lập, 1996).

Sau khi tốt nghiệp Tiểu học, Trần Minh Nhân rời quê hương, lưu lạc ở nơi xa xứ học hành, học xong THCS, ông bỏ dở việc học PTTH đến Đài Bắc tự lập, kiếm việc làm. Ông thay đổi nơi làm việc liên tục, trường học, công ty, nhà máy, cửa hàng v.v... Ông đã làm qua hơn hai mươi nghề, công việc mà ông làm lâu nhất là viết kịch bản phim. Sau đó, ông tham gia phong trào chống đối chính trị và từng là tù nhân chính trị. Do hoàn cảnh thiếu thời ở quê hương nông thôn cộng thêm có nhiều kinh nghiệm chính trị, xã hội hơn người khác, nên thơ của Trần Minh Nhân đậm chất Đài Loan, tính khí lang thang và nhiệt tình chính trị. Ở phụ đề lời tựa của tập thơ *Đi tìm Đài Loan lưu lạc*, ông đã viết: “Đi tìm Đài Loan lưu lạc cũng là đi tìm bản thân tôi lưu lạc”. Điều này nói rõ “lưu lạc” và “Đài Loan” là chủ đề chính của tác phẩm thơ ông, lưu lạc là phương pháp và quá trình truy tìm, còn Đài Loan lại là mục đích và chủ thể của điều ông quan tâm.

Ở bài thơ “Nhà thơ câm” (詩人啞口), Trần Minh Nhân đã xác định chí nguyện của đời mình đó là sáng tác thơ, dùng thơ để phản kháng lại những bất công bất nghĩa của cuộc đời: “*Sự đời nếu chuyện nào cũng công bằng. Thì nhà thơ*

có thể viết được gì?”, đồng thời ông cũng nhấn mạnh rằng nhà thơ cần phải “viết nên những câu thơ của thế gian bằng tâm tình của người lưu lạc”.

Những tác phẩm thơ của Trần Minh Nhân, với quá trình biện chứng “đi tìm Đài Loan lưu lạc cũng là đi tìm bản thân tôi lưu lạc”, đã thể hiện ở ba mặt triết học, lịch sử và ngôn ngữ. Về mặt triết học, ông đã bày tỏ thế giới quan, quan niệm về sinh tử và nhắc nhở những giá trị nội dung về tinh thần mà người Đài Loan nên có của mình. Về mặt lịch sử, bằng cách thông qua sự quan tâm và miêu tả nhân tình, phong tục tập quán, lịch sử của Đài Loan, nhà thơ đã biểu đạt một loại rất đơn giản, chất phác về “sử quan nhân bản”. Về mặt ngôn ngữ, ông cho rằng khôi phục tiếng mẹ đẻ Đài Loan là để tái hiện tình cảm lịch sử và tư duy triết học của người dân nơi đây, ông còn chỉ ra như thế sẽ làm nổi bật tính âm nhạc của tiếng Đài Loan và tầm quan trọng của ngôn ngữ văn học Đài Loan.

Trong quá trình thực hiện tính thống nhất của ngôn ngữ văn học, Trần Minh Nhân đã có những trải nghiệm mang tính đột phá ở chỗ từ trong lời bài hát của âm nhạc tiếng Đài Loan ông đã chọn lọc tiếp thu được nhiều từ vựng, từ ngữ để làm phong phú ngôn ngữ văn học của mình. Đồng thời, bản thân lời bài hát của âm nhạc thịnh hành Đài Loan đã phản ánh rất sâu sắc tình cảm và nét độc đáo về văn hóa xã hội của người Đài Loan, điều này lại càng phù hợp với chủ đề mà thơ ca Trần Minh Nhân muốn thể hiện. Bởi vậy, từ trong lời bài hát của âm nhạc tiếng Đài Loan chắt lọc

được nhiều từ vựng, từ ngữ cho ngôn ngữ văn học đối với ông trở thành một biện pháp vô cùng tự nhiên. Và loại hình như thế thể hiện nhiều nhất ở các bài thơ về “quê hương” và “lưu lạc”. Ví như, đoạn sau của bài “Rời IOWA trong mưa”:

IOWA không có nước mưa
*Rời xa sáng ấy thì bắt đầu **mưa***
*Nước mưa **lưu luyến** rơi rơi*
*Rơi trên từng trạm lại từng trạm của **trôi dạt***
Chúng tôi là những người nhạc sĩ đi biểu diễn
*Vì **quê hương***
*Vì **lưu lạc***
Từ GRAYHOUND xuất phát
Bên ngoài cửa sổ
Tối tăm mịt mù
Mưa rơi không ngớt
Và như thế
Chúng tôi rời IOWA

Đây là thơ lưu lạc rất điển hình của Trần Minh Nhân, tuy lưu lạc tha hương, nhưng tâm tình lại ở Đài Loan. Trong đó những chữ in đậm là từ ngữ thường dùng của âm nhạc Đài Loan, những từ ngữ này ở nhạc của Văn Hạ (文夏) cũng thường xuất hiện.

Sinh sống ở Đài Loan, Trần Minh Nhân có một niềm “tâm trạng của người tha hương địa phương”, thể hiện ở những bài thơ tiếng Đài Loan của ông.

Năm 1993, Trần Minh Nhân đã có bài viết “Người tha hương - tiếng Đài Loan” ở *Đài Văn Thông Tấn*, miêu tả hoàn

cảnh ngôn ngữ đương thời của người Đài Loan: “Địa vị hiện tại của Đài Loan, so với các nước thuộc địa càng thê thảm hơn. Các nước khác bị thực dân thống trị, tuy ngôn ngữ của họ không trở thành “ngôn ngữ chính thức”, nhưng ít nhất người dân của họ còn được sử dụng tiếng nói của mình. Tiếng Đài Loan thì sao?...”, 40 năm chính sách ngôn ngữ đã khiến những người Đài Loan kiên trì với tiếng mẹ đẻ bị “đày ải” trên ngay chính quê hương của mình, trở thành “người tha hương” về ngôn ngữ⁹⁵.

Sau *Kỷ sự lưu lạc*, cục diện chính trị của Đài Loan có thay đổi lớn, những phương diện mà Trần Minh Nhân quan tâm và nội dung sáng tác của ông cũng theo đó mà có những chuyển biến rõ rệt. Nói chung thơ ông bao gồm bốn phương diện như sau: có phần kháng lịch sử không thanh toán rõ ràng, xã hội không có chính nghĩa, văn học không có ý tưởng và ngôn ngữ không có địa vị, ông hy vọng sớm hình thành được giá trị quan của người Đài Loan. Trong đó, đối với nỗi đau sự kiện lịch sử 228⁹⁶, ở bài thơ “Buổi chiều ở Công viên 228” đã miêu tả tâm trạng rất tinh tế:

95 Trần Minh Nhân, “Người tha hương - tiếng Đài Loan”, *Đài Văn Thông Tấn* kỳ 23 (8/1993), trang 2-3.

96 Chú thích của dịch giả: đây là sự kiện xảy ra vào ngày 28 tháng Hai năm 1947, với những tên gọi như là “Cuộc tàn sát 228”, “Cách mạng 228”, “Biến cố 228” v.v... Vào ngày này, người dân Đài Loan đã khởi nghĩa, chống lại sự áp bức, lộng hành của quan chức chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng và họ đã bị tàn sát bằng vũ lực một cách dã man, dẫn đến hàng chục ngàn người bị bắt, bị giết, thủ tiêu hoặc mất tích. Trong đó, hầu hết những người bị hại đều thuộc tầng lớp trí thức trong xã hội Đài Loan lúc bấy giờ. Sau sự kiện này, chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng đã tiến hành lệnh giới nghiêm kéo dài suốt hơn 38 năm. Sự kiện lịch sử đau thương này có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống chính trị và văn hóa của Đài Loan.

Có một chút gió thổi qua
 Cành cây lay động
 Giọng nói còn ở lại
 Chăm chú nghe, chăm chú nghe
 Đây là tiếng khóc không lời và bình tĩnh của chúng ta

Có một chút nhớ nhung chảy ra từ mắt hồ
 Tâm tình chợt nổi lên
 Lịch sử rêu phong bám đầy
 Chăm chú nhìn, chăm chú nhìn
 Nhìn thấu nỗi sợ bóng đêm

Có ai đang hát
 Ở thời đại lâu rồi không có thơ
 Đêm dài có thể làm chứng
 Chỉ có đêm dài nghe được chúng ta
 Một bi ai thâm lặng

Đừng rơi nước mắt trước mặt tôi
 Tôi không có loại tâm tình đó
 Nước mắt có thể rửa sạch lịch sử
 Không giải tỏa được
 Vết máu trong tâm can

Khi người ta đang gào thét
 Trời đất nín câm
 Mây cũng thể thôi, lững lờ trôi
 Không để lại chút bóng dáng gì
 Cho chúng ta cơ hội nào giải thích

Lúc sắc trời đang chuyển tối
Mặt trời vẫn đang nóng nực
Phải chăng có một ít đốm lửa
Soi sáng đường giúp chúng ta
Ra khỏi đồng cỏ hoang vu

Đừng kể chuyện cho đời sau nghe
Lịch sử không viết trong sách vở
Chỉ có lá cây đầy mặt đất
Những đường vân trên lá cây
E-mail ưu sầu của chúng ta

Buổi chiều công viên
Có một chút gió thổi qua
Đấy là âm thanh gì
Chăm chú nghe, chăm chú nghe
Tiếng cười của một bầy trẻ nhỏ

Trần Minh Nhân sử dụng “chăm chú nghe, chăm chú nghe” để dẫn dắt độc giả cảm nhận sự im lặng, nín câm của công viên chiều 228 và niềm bi thương của sự nặng nề, không nói nên lời.

2.5 Lâm Trầm Mặc (林沉默)

Lâm Trầm Mặc (1959-), tên thật là Lâm Thừa Mô (林承謨), sinh ra tại vùng nông thôn nghèo Đầu Lục, Vân Lâm (雲林斗六). Ông tốt nghiệp Khoa Quản Trị Kinh Doanh, Đại Học Văn Hóa và công tác tại ngành truyền thông. Từ những năm 70 của thế kỷ 20, ông bắt đầu sáng tác văn học, thời học ở Trung Học Gia Nghĩa ông là người sáng lập Tập

san thơ *Bát Chương Khê*, rồi cùng với những người như Lộ Hàn Tụ (路寒袖), Lữ Tư Nhạc (盧思岳), Hồng Quốc Long (洪國隆) v.v... thành lập *Tập san thơ Hán Quảng* (漢廣詩刊) ở thời học đại học. Năm 1991, ông tham gia “Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai”. Những năm 90 của thế kỷ 20, ông chuyên tâm sáng tác đồng dao mới bằng tiếng mẹ đẻ, lấy bút danh là Andersen Đài Loan, ông sáng tác “*Thơ thiếu nhi Đài Loan*” - *Mặt trăng như hình quả chuối* (月啊月芎蕉) với sáng tạo độc đáo, phong cách khôi hài và dùng hình thức đọc Tam Tự Kinh để ghi chép lại một loạt bài về “kể chuyện quê hương”, miêu tả cảnh vật, con người của 309 thị trấn của Đài Loan. Năm 2006, ông đưa 44 bài thơ có tính chính luận và phê bình văn hóa vào tập thơ *Âm Thanh Trầm Mặc* (沈默之聲) (bao gồm cả lời tựa thơ), phần lớn đã được đăng ở mục “Quảng Trường Tự Do” (自由廣場) của *Tự Do Thời Báo* (自由時報). Tập thơ tiếng Đài Loan mới nhất *Mùa xuân im lặng quá* (夭壽安靜的春天) (2012) là tập thơ ghi lại những tình cảm của nhà thơ đối với cuộc sống vào thế kỷ mới của Đài Loan. Thơ tiếng Đài Loan của Lâm Trầm Mặc về cơ bản là sử dụng chữ Hán để sáng tác.

3. Những nhà thơ thế hệ mới

Năm 2000, chính đảng của Đài Loan luân phiên cầm quyền, mang lại niềm hy vọng rất lớn cho giới văn học bản địa và cũng là một sự lắng đọng, gạn lọc có tính giai đoạn đối với phong trào văn học tiếng mẹ đẻ từ cuối thế kỷ trước đến nay. Hoàng Kính Liên tiếp tục dùng phương pháp như *Đài Ngữ Văn Thơ Lục Gia Tuyển* để biên tập và xuất bản “*Đài Ngữ Văn*

Học Đại Hệ”, còn Trần Kim Thuận, Phương Diệu Kiên và Hồ Trường Tùng cũng cùng nhau mô phỏng phong cách của *Đài Ngữ Thơ Lục Gia Tuyển*, năm 2003 biên tập *Tuyển tập thơ tiếng Đài của những nhà thơ mới* bao gồm 11 nhà thơ thế hệ mới chuyên tâm sáng tác bằng tiếng Đài Loan từ những năm 90 đến nay như: Tưởng Vi Văn, Vương Trinh Văn, Trần Kim Thuận, Lâm Văn Bình, Trần Khiết Dân, Vương Tông Kiệt, Lam Thục Trinh, Trần Chính Hùng, Phương Diệu Kiên, Chu Định Bang và Hồ Trường Tùng. Nhóm nhà thơ này đa số là những nhà thơ mới của nhóm Hoa Cỏ Lau Đài Nam, với sự tham gia của Trần Khiết Dân ở Chương Hóa và Tưởng Vi Văn đã tham gia sáng tác tiếng Đài Loan từ thời sinh viên, điều này đã tượng trưng cho thế hệ các nhà thơ mới không phân biệt sự khác nhau về phong cách viết mà là có thể cùng thưởng thức tác phẩm tiếng Đài Loan của nhau, thể hiện một viễn cảnh hài hòa, hiếm thấy trong giới sáng tác ngôn ngữ văn học của Đài Loan. Nó cũng biểu hiện thành quả mang tính giai đoạn của phong trào văn học tiếng mẹ đẻ. Sau đây chúng tôi sẽ giới thiệu tóm lược thành tựu tác phẩm thơ của họ.

3.1. Tưởng Vi Văn (蔣為文)

Tưởng Vi Văn (1971-) sinh ra ở thị trấn Cường Sơn, Cao Hùng (高雄岡山鎮), tốt nghiệp Khoa Cơ Khí Đại Học Đạm Giang (淡江大學), năm 1992, ông tham gia phong trào tiếng Đài Loan của sinh viên, là người sáng lập đồng thời giữ chức Chủ tịch của Câu Lạc Bộ Ngữ Văn Đài Đạm Giang và bắt đầu sáng tác bằng tiếng Đài Loan. Sau đó ông đi du học ở Mỹ, chuyên nghiên cứu so sánh về ngôn ngữ giữa

Việt Nam và Đài Loan, tốt nghiệp trở về nước ông giảng dạy tại Khoa Văn Học Đài Loan, Đại Học Quốc Gia Thành Công ở Đài Nam. *Hai-ang*⁹⁷ (Đài Lập, 6/1996) là tập thơ kết hợp thơ và văn của Tưởng Vi Văn, thơ tiếng Đài của ông mang đậm tính bản địa và tính xã hội. Đặc biệt, ông có khả năng chuyển hóa những điều trong cuộc sống, những sự vật bên mỗi con người thành những ý niệm tượng trưng giàu chất thơ, có thể hoàn toàn chìm vào âm thanh gốc của ngôn ngữ khiến người đọc cảm động, như bài thơ “Mảnh đất vùng qua suối” (過溪的三分地):

*Từng đoạn từng đoạn của đường ray
 Như từng đốt mía đang nằm rạp trong vườn mía
 chờ giao hàng
 Im lặng nằm dưới trụ cầu
 Vượt qua con suối A-kong-tiam này
 Từng bước từng bước
 Bà nội dắt tay tôi
 Đi qua đường bờ ruộng vắt qua suối*

Trong thơ có hình ảnh của quê hương, ruộng đồng, có tâm tình của người thân sâu thẳm đáy tim.

3.2. Vương Trinh Văn (王貞文)

Vương Trinh Văn (1965-) sinh ra tại Đạm Thủy (淡水), lớn lên tại Gia Nghĩa (嘉義), tốt nghiệp Thạc sĩ ở Viện Thần Học, thành phố Đài Nam (台南神學院) và học tiến

⁹⁷ Chú thích của dịch giả: *Hai-ang* là cách phát âm theo tiếng Đài, nghĩa là Cá voi.

sĩ Thần học ở Đức. Năm 1994, bà bắt đầu sáng tác văn học bằng tiếng Đài Loan. Tiểu thuyết tiếng Đài Loan “Thiên sứ” (天使) của bà từng đạt giải Cây bút trẻ của Giải thưởng Văn Học Vương Thế Huân và sau này cùng với những tiểu thuyết ngắn khác tập hợp thành sách xuất bản, là một trong số rất ít các tác giả văn học của văn học Đạo Cơ đốc tại Đài Loan, ngôn ngữ thơ của Vương Trinh Văn giàu những đặc điểm của tôn giáo.

3.3. Trần Kim Thuận (陳金順)

Trần Kim Thuận (1956-), người Đào Viên (桃園), tốt nghiệp Khoa Phát Thanh Truyền Hình, Cao Đẳng Nghệ Thuật Đài Loan (台灣藝專廣電科). Năm 1995, ông bắt đầu chuyên tâm vào phong trào ngôn ngữ chữ viết Đài Loan, tham gia Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài, biên tập *Ka-tang*. Năm 1997, ông thành lập “Văn Phòng Đài Văn Đảo Hương”, sáng lập *Văn học tiếng Đài Đảo Hương* (島鄉台語文學). Sau đó, ông chuyển đến sống ở Đài Nam, học Thạc sĩ Khoa Văn Học Trung Quốc ở Đại Học Đài Nam (台南大學), nghiên cứu “Văn xuôi Hồ Dân Tường”. Năm 2005, gia nhập và từng là Chủ biên *Đài Văn Chiến Tuyến*.

Tác phẩm thơ của ông thời kỳ đầu chủ yếu viết về những chủ đề ca ngợi Đài Loan, phê phán thời cuộc, quan tâm xã hội và thơ tình yêu. Ông là một trong những đại diện quan trọng của thế hệ nhà thơ mới của Đài Loan. Văn xuôi của ông chủ yếu viết về tình thân, bạn bè giao hữu, tình nghĩa thầy trò, văn chương của ông đậm đà tình cảm chất phác của người Đài Loan. Trần Kim Thuận đã xuất

bản 4 tập thơ, bao gồm: *Thơ tình Đảo Hường* (島鄉詩情), *Thương nhớ bay qua đồng bằng Gia Nam* (思念飛過嘉南平原), *Một gốc cây văn học* (一橫文學樹) và *Bản đồ làng Xuân Nhật* (春日地圖), 1 tập văn xuôi *Lại Hòa trị giá 1.000 đồng* (賴和價值一千箍), tháng 11 năm 2011 ông xuất bản tập tiểu thuyết ngắn đầu tiên *Formosa thời gian không gian diễn nghĩa* (*Formosa 時空演義*) (Đài Văn Chiến Tuyến) trong đó có 10 tiểu thuyết tiếng Đài Loan viết về chủ đề liên quan lịch sử Đài Loan, thể hiện một cách sâu sắc ý thức tổ quốc, là tác phẩm nhận được tài trợ của Giải thưởng Nghệ Thuật Văn Hóa Quốc Gia.

3.4. Lâm Văn Bình (林文平)

Lâm Văn Bình (1969-) sinh ra ở Gia Nghĩa, Đài Loan (台灣嘉義) và lớn lên ở vùng Lão Nông Khê, Cao Hùng (高雄荖農溪). Ông tốt nghiệp Khoa Trung Văn, Đại Học Phụ Nhân. Ông đã từng tham gia Câu Lạc Bộ Tiếng Đài của Hồng Duy Nhân, từng chủ biên tạp chí tiếng Đài *Gieo hạt* (掖種), hiện là giáo viên môn Văn của trường Cao đẳng dạy nghề. Tác phẩm thơ của ông thiên về tả thực, thể hiện những chủ đề như tình yêu quê hương, tình gia đình và cả bảo vệ môi trường, phong cách thơ của ông mộc mạc, chân tình, là nhân chứng âm thầm của sự thay đổi thời đại. Năm 2001, ông xuất bản tập thơ đầu tiên *Nước giải khát Heysong* (黑松汽水). Năm 2006, lại xuất bản tập thơ thứ hai với tên gọi *Mùi hương của thời gian* (時間的芳味), cả hai tập thơ này đều do Văn Hóa Bách Hợp xuất bản. Tháng 9 năm 2012, *Đài Văn Chiến Tuyến* xuất bản tập thơ mới

của ông *Một bài thơ viết bởi đất Mỹ Nồng* (用美濃寫的一首詩) rất có tiềm năng trên thị trường. Những bài thơ như “Tôi đợi bạn ở Đông Cảng” (我ti東港等--你), “Công viên Đài Trung” (台中公園), “Chuyện tình trong vịnh” (內灣情事), loạt thơ về vùng đất “Mỹ Nồng” (美濃) rất được độc giả mến mộ.

3.5. Trần Khiết Dân (陳潔民)

Trần Khiết Dân (1970-), tên thật là Trần Thục Quyên (陳淑娟), sinh ra ở Thất Cổ, Đài Nam (台南七股), lớn lên ở Chương Hóa, tốt nghiệp Thạc sĩ Khoa Trung Văn trường Đại Học Tĩnh Nghi, hiện là giáo viên trường dạy nghề công nghiệp trực thuộc Đại Học Sư Phạm Chương Hóa (彰化師大). Trần Khiết Dân yêu thích văn học, Phật học, âm nhạc, mỹ thuật, năm 1997, bắt đầu sáng tác bằng tiếng Đài Loan, là hội viên của Câu Lạc Bộ Bản Địa Mới Đài Loan. Tác phẩm thơ của bà có khí chất ôn hòa, mềm mại của phụ nữ, thơ bà cũng còn có sự quan sát về cách sống từ những góc nhìn khác nhau. Như trong tác phẩm “Mùa xuân quên vẽ” bà viết:

*“Lá phong rơi thành một nắm mớ màu đỏ rực
Em nhớ nhung mùa xuân
Lặng im lặng im chôn dưới đáy mớ
Không ai biết
Từng cây phong, từng cây phong
Là từng tấm bia, từng tấm bia của nắm mớ tình yêu
Gió Thu viết chữ lên trên đấy
Từng chữ, từng chữ viết ra đều là tâm tư”*

Bà đã dùng hình ảnh rơi rụng của lá phong chuyển thành tâm tình, tương tư, đậm chất tinh tế và sâu sắc của phụ nữ.

3.6. Vương Tông Kiệt (王宗傑)

Vương Tông Kiệt (1950-), người làng Bắc Môn, huyện Đài Nam (台南縣北門鄉), tốt nghiệp Khoa Trung Văn, Đại Học Quốc Gia Sư Phạm Đài Loan, là giáo viên dạy văn và đã về hưu của Trường PTTH Đệ Nhất Đài Nam (台南一中), đã từng giữ chức Hội trưởng Hội Xúc Tiến Nhân Quyền của Giáo Viên Thành Phố Đài Nam (台南市教師人權促進會). Năm 1997, ông bắt đầu sáng tác văn học bằng tiếng Đài. Thơ tiếng Đài của ông xuất phát từ khẩu ngữ, miêu tả tình cảm làng quê và cuộc sống cũng như phong cảnh của vùng quê làng Muối, đậm đà hương vị truyền thống của nhà thơ nơi đây.

3.7. Lam Thục Trinh (藍淑貞)

Lam Thục Trinh (1946-), sinh ra ở Lý Cảng, Bình Đông (屏東里港), tốt nghiệp Đại Học Quốc Gia Sư Phạm Cao Hùng (高雄師範大學). Năm 1997, bắt đầu sáng tác văn học bằng tiếng Đài Loan, từng giữ chức Hội trưởng Hội Đọc Sách Tiếng Đài Hương Thành, là nhà thơ của nhóm Hoa Cỏ Lau. Thơ tiếng Đài của bà cũng xuất phát từ tình thân và những điều trong cuộc sống, và đặc biệt bà có đủ những phẩm chất của một nhà văn quê hương như quan tâm xã hội, yêu mến quê hương, quan tâm con cháu đời sau. Viết những “từ ngữ đơn giản mà ý nghĩa sâu xa” là khả năng nổi bật trong sáng tác thơ tiếng Đài của bà.

Năm 2013, xuất bản tập thơ tiếng Đài mới nhất của bà viết về môi trường sinh thái của thực vật Đài Loan *Tuyển tập hoa cỏ Đài Loan* (台灣花間集), đây là bản mẫu của sáng tác về thực vật Đài Loan, có hình ảnh và lời văn kết hợp rất hài hòa, đẹp mắt và cũng là một giáo trình ngữ văn tiếng Đài rất sinh động.

3.8. Trần Chính Hùng (陳正雄)

Trần Chính Hùng (1962-), người vùng Liễu Doanh (柳營) (tên gọi cũ của làng Đông Thế Đầu thôn Tứ Bảo vùng Tra Mẫu Doan). Năm 1984, tốt nghiệp Khoa Giáo Dục Công Dân, Đại Học Quốc Gia Sư Phạm Đài Loan, sau khi thực tập và giải ngũ, ông về dạy ở bộ môn xã hội của Trường PTTH Đệ Nhất Đài Nam (台南一中) và tháng 8 năm 2012 về hưu.

Tháng 12 năm 1997, ông công bố tác phẩm thơ đầu tay của mình ở Tập san thơ Hoa Cỏ Lau của Hội Đọc Sách Tiếng Đài Loan Quê Hương “Đài Loan trọn bộ 3 tập”, năm 2000, xuất bản tập thơ thứ nhất *Bài ca quê hương*, là tập tuyển chọn các tác phẩm đạt giải Cây bút trẻ trong Giải Văn Học Nam Doanh kỳ thứ 8. Tháng 7 năm 1998, công bố 3 bài thơ “Tình yêu Phủ Thành” (戀愛府城) (5/5/1997), “Nhớ nhung” (思念) (30/4/1997), “Chỉ có Phủ Thành thôi” (只有汝府城) (10/6/1997), trong đó “Tình yêu Phủ Thành” là một trong những bài thơ điển hình cho phong cách sáng tác của nhà thơ.

Năm 2010, với tác phẩm “Con dế” (灶雞^a) Trần Chính Hùng đã đạt giải nhất văn xuôi tiếng Đài Loan Giải Văn Học Phủ Thành lần thứ 16, một năm sau, những tác phẩm khác

của ông như “Đại hiệp đi tuần” (大俠顧更a), “Đầu thú” (自首), “Dương Quỳ là ai” (楊達是啥人) đã được đưa vào danh sách đề cử của nhóm văn xuôi, tiểu thuyết trong Giải Văn Học Đài Nam và Giải Văn Học Ngôn Ngữ Bản Địa của Bộ Giáo Dục. Ông là nhà thơ chuyên tâm sáng tác, dùng tác phẩm để chứng minh bản thân đã tìm ra con đường sáng tác ngoài mảng thơ trữ tình của mình.

3.9. Phương Diệu Kiên (方耀乾)

Phương Diệu Kiên (1958-), người An Định, thành phố Đài Nam (台南安定), tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa Văn Học Đài Loan, Đại Học Quốc Gia Thành Công với luận án “Từ ngoại biên đến trung tâm đa nguyên: Xây dựng chủ thể của văn học tiếng Đài Loan”, hiện nay ông là giáo sư Khoa Văn học Ngôn ngữ Đài Loan, Đại Học Giáo Dục Đài Trung (台中教育大學), Chủ tịch *Đài Văn Chiến Tuyến*. Ông là nhà văn, nhà thơ quan trọng của nhóm Hoa Cỏ Lau, đoạt nhiều giải thưởng văn học quan trọng như Giải Thi Nhân Đài Loan Vinh Hậu. Ông đã xuất bản 8 tập thơ, bao gồm: *Mẹ tôi là nhà du hành vũ trụ* (阮阿母是太空人) (1999), *Lời yêu cùng người bạn đời* (予牽手的情話) (1999), *Bài ca con cò trắng* (白鴿鸞之歌) (2001), *Gieo Đài Nam trong thơ* (將台南種佇詩裡) (2002), *Tập tuyển thơ tiếng Đài Phương Diệu Kiên* (方耀乾台語詩選) (2007), *Tập thơ Đen / Trắng* (烏 / 白) (2011), chủ đề dân tộc bản địa sống ở đồng bằng *Tayoan Paipai* (台窩灣擺擺) (2011); ông đoạt Giải Thi Nhân Đài Loan Vinh Hậu kỳ thứ 17 với tuyển tập *Con đường văn học của Phương Diệu Kiên* (方耀乾的文學旅途) (2009). Năm

2012, xuất bản *Lịch sử Văn học tiếng Đài Loan và biên soạn thư mục* (台語文學史暨書目彙編), đây là kết tinh của 10 năm tâm huyết của ông, được mệnh danh là cuốn sách lịch sử văn học tiếng Đài Loan đầu tiên.

Phương Diệu Kiên trong loạt thơ vịnh sử đã có sự thể hiện rất tốt bằng những bài thơ như “Tôi là Tayoan Paipai” (我是台窩灣擺擺), “Bi ca 5 ngõ xóm” (五條港哀歌), “Trở về Xích Khảm Lâu” (轉來赤崁樓), “Đêm chuyện trò với Thẩm Quang Văn” (Kah沈光文夜談). Với Tayoan Paipai, Phương Diệu Kiên đã dùng toàn bộ tập thơ với đề tài dân tộc bản địa sống ở đồng bằng để thể hiện tài thơ và ý thức lịch sử của mình. Còn tác phẩm thể nghiệm gần đây nhất của ông *Đen / Trắng*, là tác phẩm thuộc dòng hiện đại hay hậu hiện đại? Có quan hệ như thế nào với tiếng Đài? Những vấn đề này cần phải nhờ đến tầm nhìn của những nhà bình luận khi đọc tác phẩm này mới biết được.

3.10. Chu Định Bang (周定邦)

Chu Định Bang (1958-) là người Thanh Côn Thân vùng Tướng Quân (將軍青鯤鯓). Ông tốt nghiệp Khoa Xây dựng công trình, Học Viện Công Nghệ Đài Bắc (台北工專). Trước 40 tuổi, ông làm ăn ở lĩnh vực công trình xây dựng, sau đó thì đổi nghề tham gia phong trào phục hưng tiếng Đài Loan, xuất thân từ nhóm Hoa Cỏ Lau, ông cũng từng là thành viên của *Đài Văn Chiến Tuyến*. Hiện nay ông làm việc in ấn, xuất bản ở Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, ngành phục vụ văn học, ngoài giờ làm việc ông tập trung sáng tác. Từ năm 1998-1999, Chu Định Bang theo Ngô Thiên La (吳天

羅), Chu Đình Thuận (朱丁順) học đàn nguyệt, hát nói và dân ca Hằng Xuân, thành lập một “Văn Phòng Nghệ Thuật Hát Nói Đài Loan”, trường kỳ quảng bá cho dân ca Hằng Xuân, phát huy truyền thống hát nói, không những đi biểu diễn khắp nơi, mà còn sáng tác, xuất bản văn bản của bài hát, CD và những tác phẩm có âm thanh. Năm 2006, ông tốt nghiệp Thạc sĩ (lớp tại chức) Khoa Văn Học Đài Loan, Đại Học Quốc Gia Thành Công, đề tài luận văn là “Thơ ca, tự sự và dân ca Hằng Xuân: nghiên cứu nghệ nhân dân gian Chu Đình Thuận”.

Những năm gần đây, vì ông nhận lời mời của “Đoàn Kịch Người Đài Nam” nên đã tham gia hoạt động của kịch trường, bao gồm phiên dịch tác phẩm kịch kinh điển của phương Tây kịch bản tiếng Đài Loan và đích thân lên sân khấu biểu diễn hát nói. Những tác phẩm ông phiên dịch gồm có: kiệt tác của *Shakespeare*, kịch nổi tiếng của Hy Lạp, kiệt tác của kịch phi lý và cải biên kịch văn học Đài Loan, với phong cách đa dạng đã ảnh hưởng lớn đến sáng tác về hát nói của ông. Chu Đình Bang sử dụng sở trường hát nói của mình để sáng tác *Đàn nguyệt đơn độc một dây* (孤線月琴), tác phẩm này có “mùi” của kịch phi lý, có lẽ là lấy cảm hứng từ phiên dịch kịch phi lý của *Eugène Ionesco*, từng lọt vào danh sách đề cử Giải thưởng Sáng Tạo Kịch Bản hằng năm của Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan.

Chu Đình Bang dùng thể thơ 7 chữ sáng tác trường thiên “Bạch Thoại Sử Thi”, *Trận chiến chính nghĩa Ta-pa-ni* (義戰噍吧呷) là quyển xuất bản sớm nhất (2001), quyển thứ

hai là *Danh sách anh hùng Đài Loan* (台灣風雲榜) (2003) đã sử dụng tiểu thuyết *Tiểu Phong Thần* (小封神) của Hứa Bính Đình làm bổ sung giải thích. Sau đó, lại sáng tác kịch *Pou-te-hi Truyện anh hùng Đài Loan Dư Thanh Phương* (2003, tên gốc là “Đại biến cố Ta-pa-ni”), kịch sân khấu *Đoạn hồn Ta-pa-ni* (魂斷瞧吧咩) (2006). Quyển thứ ba là một sáng tác sử thi *Nỗi oán hoa quế* (桂花怨) (2012) tất cả có 5 bộ, tổng cộng 1.900 đoạn, 7.600 câu, sáng tác này có những đặc điểm và giá trị như: tính thời đại rõ ràng, dùng hình thức cổ truyền để hát vang lịch sử Đài Loan, lật đổ sự phân loại của văn học truyền thống, định vị những sáng tác về hát nói hiện đại thành tác phẩm của tác giả văn học hiện đại, dùng ngôn ngữ sáng tác trước rồi mới đi tìm từ, chữ thay thế, phá bỏ cách nghĩ sai lầm về cách viết tiếng Đài Loan bằng chữ Hán, sắp xếp văn bản, một bên là chữ Hán, một bên là *Peh-oe-ji* và lấy chữ *Peh-oe-ji* Đài Loan làm chủ thể, kiên trì với lòng tự tôn về tính chủ thể của việc sáng tác bằng tiếng Đài Loan.

3.11. Hồ Trường Tùng (胡長松)

Hồ Trường Tùng (1973-) sinh ra ở Cao Hùng (高雄), là Thạc sỹ Khoa Thông Tin, Đại Học Thanh Hoa (清華大學), hiện là kiến trúc sư ngành điện tử viễn thông. Năm 2001, cùng với các tác giả bản địa thành lập *Câu Lạc Bộ Sáng Tác Văn Thơ Mới Đài Loan*, năm 2000 ông bắt đầu sáng tác văn học tiếng Đài Loan. Các tác phẩm tiếng Hoa của ông như *Khúc ru hồn thiếu niên Sài Sơn*, *Quán bar đầu lâu* đã từ lâu được sự khẳng định của giới văn đàn. Thơ tiếng Đài Loan của ông nhấn mạnh việc thể hiện kỹ năng văn học hiện đại

Âu Mỹ, theo đuổi việc hòa hợp giữa âm nhạc và hình tượng. Ví dụ tác phẩm “Ánh sáng xanh, buổi sớm màn sương mỏng” (綠色光線，薄霧^e早起) có một đoạn miêu tả cảnh bà mẹ dắt tay ông đi qua đường bờ kênh:

*sau đó, mẹ dắt tay tôi
đi thẳng qua đường bờ kênh đó
đường bãi cỏ
tiếng kêu của ếch nhái từng đợt từng đợt
men theo dòng nước chảy, chảy qua
giọt sương trên bãi cỏ
như thủy tinh*

trong thơ có âm thanh, có hình ảnh, có tình thân, rất kinh điển.

4. Những nhà thơ tiếng Đài khác

Ngoài việc đã phân loại các nhà thơ tiếng Đài ở trên, bao gồm tuyển tập thơ chưa xuất bản thường được đăng ở tập san tiếng Đài và những nhà thơ ưu tú nổi lên từ các loại giải thưởng văn học tiếng Đài Loan ra, sẽ lựa chọn một số tác giả nổi bật khác và giới thiệu dưới đây.

4.1. Trần Kiến Thành (陳建成)

Trần Kiến Thành (1960-) người Đài Nam (台南), từng chủ biên các tập ấn phẩm chính thức của chính phủ thành phố Đài Nam như *Phong thái Vương thành* (王城氣度), *Thu thái Đài Nam* (悠活台南). Tác phẩm của ông thường xuất hiện ở Tập san văn học *Hai-ang* và ở tập san mà ông tự chủ biên. Ông không phải là nhà thơ của giới phong trào tiếng Đài, sáng tác tiếng Đài tuy đơn giản, mộc mạc nhưng mà thơ

tiếng Đài của ông rất hay và có phong cách hiện đại. Chủ đề sáng tác của ông rất lớn, rất rộng, suy nghĩ sâu sắc, tình cảm nồng hậu. Thơ của ông ý tưởng rất phong phú, tính văn học cao, tác phẩm thơ của ông phản ánh trực tiếp nét đặc sắc và tính tất yếu của văn học tiếng Đài, không cần phải giải thích lại “văn học tiếng Đài là gì”, cũng có thể trực tiếp đặt cùng một bình diện để bình luận với thơ tiếng Hoa mà không thua kém một chút nào cả. Những năm gần đây, ông cùng hợp tác với Vương Nghệ Minh (王藝明) sáng tác tác phẩm *Pou-te-hi* hiện đại *Quyết chiến Siraya* (決戰西拉雅) có tiếng vang rất lớn, đã tạo ra một hướng đi khác cho văn học tiếng Đài.

4.2. Thi Tuấn Châu (施俊州)

Thi Tuấn Châu (1969-), Thạc sĩ Khoa Văn Học Anh Mỹ, Đại Học Đông Hoa (東華大學), bởi vì vào học Tiến sĩ Khoa Văn Học Đài Loan, Đại Học Quốc Gia Thành Công (成功大學) và tiếp xúc với các bạn bè trong giới văn học tiếng Đài ở Đài Nam, nên mới toàn tâm toàn ý sáng tác và nghiên cứu văn học tiếng Đài. Luận án tiến sĩ của ông “Bạo lực ngôn ngữ, thể chế, tượng trưng: những nghiên cứu liên quan đến văn học tiếng Đài và văn học tiếng Hoa thời kỳ trước phong trào” đã thảo luận rất chi tiết về quá trình chuyển biến thể chế của văn học tiếng Đài Loan thời kỳ sau Chiến tranh Thế giới thứ 2 đến trước phong trào văn học Đài Loan. Đã làm phong phú (hoặc thay đổi) sự giải thích và tưởng tượng lịch sử văn học Đài Loan sau Chiến tranh Thế giới thứ 2 ở mức độ tương đối cao. Tác phẩm xuất bản gần đây *Giới thiệu Văn học tiếng Đài Loan* (台語

文學導論), ông đã đọc qua những tác phẩm từ phong trào tiếng Đài Loan đến nay rồi phân tích và bình luận, đây là một quyển sách đáng làm sách gối đầu giường.

Cùng lúc với việc chuyên tâm nghiên cứu lịch sử phong trào văn học tiếng Đài Loan, Thi Tuấn Châu cũng không quên tích cực sáng tác. Tác phẩm của ông phần lớn xuất hiện ở những giải thưởng Văn học tiếng Đài Loan trong nước trong những năm gần đây, vì đạt được giải thưởng thế nên tác phẩm của ông có một chất lượng nhất định, ví dụ như tác phẩm “Quan điểm của Thang Đức Chương” (坂井德章觀點) là tác phẩm đoạt Giải Văn Học Phụng Ấp Cao Hùng Takao (高雄打狗鳳邑文學獎) năm 2012, nhà thơ đứng trên quan điểm hiện đại sáng tác 3 thế hệ, 3 thời gian và không gian, 3 hoàn cảnh lịch sử, vận dụng thủ pháp kịch trường hiện đại và đem những yếu tố này cô đọng lại trong một hình ảnh, thông qua nỗi thống khổ của người Đài Loan của những lần bị thực dân thống trị, tạo ra một hiệu quả kịch rất mạnh mẽ. Dùng quan điểm Thang Đức Chương đã nói “lấy bản thân tôi làm đường bán kính vẽ nên một vòng tròn buồn đau”, nhà thơ đã chỉ đích danh lịch sử đau khổ “Sự kiện 228” có lý do chính đáng để trở thành điểm trung tâm của lịch sử, văn học Đài Loan và là khởi điểm của tư duy về tính chủ thể của người dân Đài Loan.

4.3. Khang Nguyên (康原)

Khang Nguyên (1947-), người thôn Phương Uyển, huyện Chương Hóa (彰化縣芳苑鄉), trước khi phong trào

văn học Đài Loan rầm rộ thì Khang Nguyên đã là nhà thơ nổi tiếng của giới văn học Đài Loan, là nhân viên công tác văn hóa rất nhiệt tình và quan trọng của vùng Chương Hóa, ông là người thành lập và cũng là giám đốc Bảo Tàng Kỷ Niệm Lại Hòa (賴和紀念館), ông đoạt Giải Cống Hiến Đặc Biệt Văn Học Hoàng Khê (磺溪文學特別貢獻獎). Tập thơ *Bát Quái Sơn* (八卦山) (Cục Văn Hóa Chương Hóa, 7/2001) là tập thơ tiếng Đài Loan sớm nhất của Khang Nguyên; thơ tiếng Đài của ông có sự thuần phác của quê hương, mang tiết tấu nhẹ nhàng của âm nhạc, thể hiện phong phú đặc điểm âm thanh của thơ tiếng Đài. Ông liên tiếp xuất bản những tập thơ như *Cùng nhau hát nhạc thiếu nhi* (逗陣來唱囡仔歌) (có các bài ca dao về động vật, thực vật, lễ tết truyền thống, đồ chơi trẻ em), bài nào cũng có thể dễ hát dễ thuộc, vừa giàu tính hồn nhiên của trẻ thơ, vừa đậm chất Đài Loan. Ngoài ra, do ông tích lũy được nhiều khả năng vững chắc về văn sử làm cơ sở nên thơ ông ca ngợi cảnh vật quê hương, hoàn cảnh lịch sử một cách chính xác, đơn giản, ngắn gọn, trong sáng, ít có người vượt qua được ông, với việc ông viết lời tựa cho tác phẩm tranh vẽ *Viết thơ tình vẽ cảnh đẹp thành Chương Hóa* (詩情畫意彰化城), Khu Công Sở Thành Phố Chương Hóa, 5/5/2011) của Thi Tịnh Tích là một trong những minh chứng.

4.4. Kha Bách Vinh (柯柏榮)

Kha Bách Vinh (1965-) người An Bình thành phố Đài Nam (台南市安平), tốt nghiệp Khoa Điện Công, Cao Đẳng

Công Thương Từ Ấu (慈幼高工). Năm 1998, ông bị đi tù, năm 1999, tham gia “Dàn Hợp Xướng Thụ Đức” của nhà tù Đài Nam, vì ông học thanh nhạc với Hoàng Nam Hải, hát những ca khúc của nghệ thuật Đài Loan mà có cơ hội tiếp xúc với những bạn bè trong giới tiếng Đài Loan ở Đài Nam, năm 2003, ông bắt đầu sáng tác văn học bằng tiếng Đài Loan. Tháng 5 năm 2009, ông ra tù, từng giữ chức chủ biên của trang thơ *Thủ Đô Thi Báo* (首都詩報), Tổng cán sự của Hội Văn Học Tiếng Đài Hoa Cỏ Lau Thành Phố Đài Nam và là hội viên của Đài Văn Chiến Tuyến. Tác phẩm tiếng Đài Loan của ông nhiều lần đạt các giải văn học tiếng Đài Loan trong nước như “Thư tình Xích Khảm Lâu” (赤崁樓的情批) là giải nhất về thể loại thơ của Giải thưởng *Hai-ang* năm 2007, bài thơ này miêu tả trải qua 400 năm lịch sử, tình yêu giữa cô gái Xích Khảm Lâu và chàng dũng sĩ thành cổ An Bình đã không “mọc cánh thành tiên”, mà ngược lại “hóa thành mũi khoan”, là niềm bi ai, nỗi niềm và sự bất lực của người Đài Loan. Bởi vì kinh nghiệm cuộc sống đặc biệt của cá nhân, nhất là thể nghiệm trong thời kỳ ở tù, khiến tác phẩm của ông luôn luôn thể hiện những suy nghĩ và diện mạo đặc thù, là một phong cảnh mới, đặc biệt của văn học tiếng Đài Loan.

4.5. Mạc Du (莫渝)

Mạc Du (1948-) tên thật là Lâm Lương Nhã (林良雅), sinh ra ở bên sông Trung Cảng Trúc Nam vùng Miêu Lật (苗栗竹南中港溪), hiện ông sống ở bên sông Đại Hán thành phố Tân Bắc (新北市大漢溪). Ông thường đọc văn

học thể giới, quan tâm văn học Đài Loan, ông là nhà thơ tiếng Hoa bản địa nổi tiếng rất sớm, năm 2008, ông đạt Giải Thi Nhân Đài Loan Vinh Hậu kỳ thứ 16. Năm 2005, xuất bản 5 tập *Tập thơ văn Mạc Du* (莫渝詩文集), thể hiện thành quả văn học thời kỳ đầu của ông, khoảng năm 2000, ông mới bắt đầu sáng tác thơ tiếng Đài Loan.

Năm 2011, Tiệm Sách Cũ Phủ Thành xuất bản tập thơ tiếng Đài Loan đầu tiên của ông mang tên *Bách hợp của mùa xuân* (春天e百合). Tập thơ này có tất cả 31 bài, phần lớn viết về người, về vật, phần còn lại viết về “sự việc”. Ví dụ như bài “Nguyện cầu thương tâm - viếng hương hồn người nông dân bảo vệ ruộng vườn - bà Chu Phùng Mẫn” (疼心e祈禱--悼護園農婦朱馮敏女士之魂), bài thơ này ghi lại “sự kiện Đại Phổ” về việc Chính quyền huyện Miêu Lật tàn bạo chiếm đoạt đất đai của người dân; “Ký sự Hải khẩu” (海口記事) lại là bài thơ miêu tả việc ô nhiễm môi trường ở Lục Khinh Mạch Liêu (麥寮六輕). Những bài thơ khác như “Giá treo cổ” (絞刑架), “Giải phóng phủ Tổng thống” (解放總統府), “Nhà tôi đổ ập xuống bờ khe” (阮兜倒在溪底), “Điếu tế ngôi làng nhỏ” (弔祭小村落) v.v... đều là những sáng tác khoảng vào năm 2008, thời gian chính phủ Mã Anh Cửu cầm quyền, là thư kháng cáo và cũng là lịch sử hiện đại đau khổ của nhân dân Đài Loan. Những bài thơ này đều viết bằng tiếng Đài, viết lên tiếng lòng của dân tộc Đài Loan, có ý nghĩa nhất là nhà thơ quyết tâm chống đối sự thống trị thực dân mới của Trung Quốc Quốc Dân Đảng, ông đã dùng tiếng mẹ đẻ để sáng tác thơ tuyên bố quốc tịch của mình.

4.6. Lộ Hàn Tụ (路寒袖)

Lộ Hàn Tụ (1958-) tên thật là Vương Chí Thành (王志誠), sinh ra tại Đại Giáp, Đại Trung (台中大甲). Ông tốt nghiệp Khoa Trung Văn, Đại Học Đông Ngô (東吳大學). Ông từng giữ chức Phó Tổng biên tập Đài Loan Nhật Báo, Phó Trưởng ban thư ký Tổng Hội Văn Hóa, Cục trưởng Cục Văn Hóa Thành Phố Cao Hùng. Năm 1991, ông chính thức sáng tác bằng tiếng Đài Loan, ở phụ san *Nhân gian* (人間) viết bài thơ tiếng Đài đầu tiên “Mưa xuân” (春雨), được đưa vào *album* âm nhạc đầu tiên *Mưa xuân* của Phan Lệ Lệ (潘麗麗). Năm 1992, ông giữ chức Tổng biên tập của *Đài Ngữ Văn Trích* (台語文摘) số đổi mới. Sau đó, các lời bài hát của ông liên tiếp lọt vào hoặc đoạt Giải Lời Bài Hát Hay Nhất của Giải Giai Điệu Vàng (金曲獎). Trong lĩnh vực sáng tác thơ ca tiếng Đài Loan, Lộ Hàn Tụ được chú ý nhiều nhất là trong những lần hoạt động bầu cử quan trọng vào khoảng năm 2000, ông cùng hợp tác với nhà soạn nhạc Chiêm Hồng Đạt (詹宏達) sáng tác những ca khúc cho bầu cử. Ví dụ những ca khúc tranh cử của Trần Thủy Biền (陳水扁): “Đài Bắc quê hương mới” (台北新故鄉), “Có ước mơ là đẹp nhất” (有夢最美), “Thiếu niên Đài Loan” (少年台灣), ca khúc tranh cử của Tạ Trường Đình (謝長廷) “Thế giới mới phương Nam” (南方新世界). Những ca khúc tranh cử tiếng Đài Loan này đã làm cho không khí bầu cử của Đài Loan có thêm phần hơi thở nhân văn, mở ra một con đường mới cho ca nhạc Đài Loan. Lộ Hàn Tụ tích cực tham gia sáng tác thơ ca bằng tiếng Đài Loan, ông hy vọng nhân cơ hội này

có thể xây dựng (tiếp xúc) với mỹ học tiếng Đài. Năm 1995, ông xuất bản *Nhụy hoa mùa xuân: Tập thơ ca tiếng Đài Loan* (春天的花蕊：台語歌詩集), năm 1999, đoạt Giải Văn Học Lại Hòa (賴和文學獎), năm 2002 *Tuyển tập thơ tiếng Đài Lộ Hàn Tụ* (路寒袖台語詩選) được chọn vào quyển thứ 14 của Đài Ngũ Văn Học Đại Hệ của kho dữ liệu văn học *Hai-ang* và xuất bản.

4.7. Trương Đức Bản (張德本)

Trương Đức Bản (1952-), người ở Cao Hùng (高雄), là thành viên vịnh dự của Đài Văn Chiến Tuyến, ông là điển hình của nhà văn sáng tác bằng tiếng Hoa chuyển sang sáng tác bằng tiếng Đài Loan. Năm 2008, ông xuất bản tuyển tập thơ tiếng Đài Loan của mình *Bơi là biển sống của chúng ta* (泅是咱的活海). Tháng 5 năm 2011, ông lại xuất bản tập thơ *Tấm bia bị áp bức muôn đời* (累世之靶) dài 2.500 hàng, lấy thần thoại về việc tạo ra thế giới làm khởi đầu, có ý nghĩa về sự phát hiện tình cờ về Thuyết nhị nguyên (sự khác biệt), ý đồ và kết cấu bố cục rất lớn. Ngoài làm thơ ra, Trương Đức Bản còn sáng tác văn xuôi, ông đối nhân xử thế, đàm luận đều mang nặng tính phê phán, thường tự cho mình là văn nhân phái “cánh tả”.

4.8. Trần Thu Bạch (陳秋白)

Trần Thu Bạch (1963-) tên thật là Trần An Tường (陳安祥), sinh tại vùng Mã Sa Câu, Đài Nam (台南馬沙溝), là người có sự tự nhận thức dân tộc *Penn-pou* mạnh mẽ.

Bắt đầu từ năm 2005, ông làm giám đốc của Câu Lạc Bộ *Chưởng môn thi học* (掌門詩學), sáng lập chuyên mục thơ tiếng mẹ đẻ, thúc đẩy sáng tác thơ tiếng mẹ đẻ. Những năm 80 của thế kỷ 20, ông chuyên sáng tác bằng chữ Hoa, năm 2008, xuất bản tuyển tập thơ tiếng Đài đầu tiên *Biển xanh lục* (綠之海), năm 2012, xuất bản tuyển tập thơ thứ hai *Khi gió thổi bắt đầu từ mùa thu cỏ xanh* (當風吹起秋天的草埔) ở thành phố Cao Hùng. Ngoài ra, *Bản đồ chiến tranh* (戰火地圖) là tập thơ ông phiên dịch từ tuyển tập của các nhà thơ nữ Trung Đông. Thơ của Trần Thu Bạch còn có “Hương vị hoang dã của gió biển”, đây là bản sắc “ấm và mặn” của các nhà thơ thành phố cảng Cao Hùng.

4.9. Lý Tú (李秀)

Lý Tú (1940-) người ở Cao Hùng (高雄), tác phẩm “Tù bờ biển Ngoại Yểm đi tìm vết tích” (佇外垵海岸走揣痕跡) (2011) của bà là tác phẩm đoạt giải nhất Giải Văn Học Phụng Ấp Takao Cao Hùng, tháng 10 năm 2012, tác phẩm thơ này được khắc ở trên tường chùa của chùa Ôn Vương miếu vùng Tây Dũ quê hương Lý Tú:

Tay trái sờ Khang Hi đời Thanh, chân phải giẫm lên thôn Ngoại Yểm

Điều khắc phức tạp nhưng tinh xảo thể hiện sự uy phong, ôn hòa của Ôn vương gia

Tưởng nhớ họ tên ghi trong danh sách đóng góp khắc trên cột đá nhà chùa

Cha ơi, tại nơi này con như tìm được một phần phong thái, tài hoa của cha

Năm 2012, Tuyển tập văn xuôi *Cô gái đi tìm con đường hoa bướm* (一个走揣蝴蝶路草的女子) của Lý Tú được Nhà Xuất Bản Ngọc Sơn ở thành phố Cao Hùng xuất bản.

4.10. Tăng Quý Hải (曾貴海)

Tăng Quý Hải (1946-) người ở Bình Đông (屏東). Ông tốt nghiệp khoa Y trường Đại học Y Cao Hùng (高雄醫學院). Hiện ông là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Quỹ Văn Giáo Chung Lý Hòa (鍾理和文教基金會). Ông đã từng là Chủ tịch của Hội Bút Đài Loan (台灣筆會), Chủ Tịch Đoàn Thể Xã Hội Miền Nam Đài Loan (台灣南社), Giám đốc Tòa Soạn Tạp Chí Đài Loan Văn học (文學台灣雜誌社), là một trong những tác giả văn học bản địa hoạt động tích cực nhất. Ông không những tích cực trong bình luận văn học và sáng tác thơ bằng tiếng Hoa mà còn sáng tác bằng những ngôn ngữ khác, ông đã xuất bản nhiều tuyển tập thơ tiếng Khách Gia và tiếng Đài Loan, đóng vai trò tiên phong, làm gương trong nền văn học tiếng mẹ đẻ, càng quan trọng hơn là thơ của ông rất sắc sảo, thành tích phi phàm. Tháng 10 năm 2010, ông xuất bản tập thơ tiếng Đài *Hình ảnh* (畫面), được Hà Tín Hàn khen ngợi là những bức tranh hình ảnh sống động, tuyệt đẹp, phản ánh những suy nghĩ sâu sắc, phong phú, nhiều kinh nghiệm từng trải cuộc đời và những quan tâm lâu dài đến Đài Loan của bác sĩ Tăng Quý Hải, đây cũng là thay đổi lớn về vấn đề “tự động hóa” của thơ tiếng Đài Loan hiện đại, cũng là suối nguồn tươi tắn cho cộng đồng thơ tiếng Đài Loan.

4.11. Lý Mẫn Dũng (李敏勇)

Lý Mẫn Dũng (1947-) sinh ra ở huyện Cao Hùng (高雄縣), lớn lên ở vùng Cao Hùng-Bình Đông (高屏). Ông lấy văn học làm sự nghiệp của đời mình, từng giữ chức Chủ biên của Tập san thơ *Nón Lá* (笠), Chủ tịch *Văn Nghệ Đài Loan*, hội trưởng Hội Bút Đài Loan. Ông là tác giả quan trọng của thể hệ sau Chiến tranh Thế giới thứ 2 của Đài Loan, ngoài việc sáng tác vô số thơ tiếng Hoa và phiên dịch thơ đương đại thế giới ra, ông cũng còn sáng tác thơ và viết nhạc tiếng Đài Loan rất phổ biến bằng hình thức dùng chữ Hán. Năm 1995, ông đã xuất bản *Bày tỏ nỗi lòng của một nhà thơ Đài Loan* (一個台灣詩人e心聲告白), đây là một tập thơ có âm thanh, gồm 21 bài thơ được chọn lọc từ 6 tập thơ đã xuất bản trước đó của Lý Mẫn Dũng, chia thành 5 phần nhỏ: Tâm tình của Đảo, Bài ca của đất, Phong cảnh cuộc sống thực tế, Đối thoại với chính mình, Lắng nghe tâm tình, những phần này đều do chính tác giả ngâm vịnh bằng tiếng mẹ đẻ của mình và có phối hợp âm nhạc. Năm 2012, ông xuất bản tuyển tập thơ tiếng Đài Loan phổ biến, thông dụng *Thơ ca Formosa* (美麗島詩歌), đây là thể hiện cụ thể, trực tiếp nhất gần đây của ông đối với việc dùng tiếng mẹ đẻ sáng tác về tình yêu đất nước.

4.12. Hà Tín Hàn (何信翰)

Hà Tín Hàn (1976-), ông tốt nghiệp Khoa tiếng Nga trường Đại Học Đạm Giang (淡江大學), sang du học và tốt nghiệp Tiến sĩ ở Nga. Sau khi vào trường Đại Học Y Trung

Sơn thì mới bắt đầu học tiếng Đài từ chữ La tinh, tích cực chuyên tâm vào phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ, đã từng đảm nhiệm hai lần chức vụ Chủ tịch Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan (台灣羅馬字協會). Năm 2012, ông bắt đầu sáng tác thơ bằng tiếng Đài, năm 2013, xuất bản tuyển tập thơ đầu tiên *iPad và cái cốc* (*iPad 杯仔*). Thơ tiếng Đài Loan của Hà Tín Hàn đề tài rất phong phú, nhịp điệu của câu thơ nhẹ nhàng, tươi mới, rất hay và dễ đọc. Trong thế giới của Hà Tín Hàn, dường như mỗi điều trong cuộc sống đều có thể lấy cảm hứng, đều có thể chạm vào ý thơ của ông. Đến cả những đồ vật sử dụng trong đời sống hàng ngày, thiết bị trong những công viên giải trí cũng đều có thể là nguồn cảm hứng sáng tác, ví dụ như *ipad* không nhất thiết là vi tính, cái cốc cũng không nhất thiết là cái cốc, nếu chúng ta không hạn chế cách nghĩ của mình thì chúng có thể là “cái gì cũng được” (*iPad và cái cốc*).

II. Tiểu thuyết tiếng Đài Loan

Trong quá trình phát triển của văn học tiếng mẹ đẻ sau Chiến tranh Thế giới thứ 2, tiểu thuyết tiếng Đài Loan phát triển hơi chậm, tác phẩm cũng không nhiều.

Khác với thơ tiếng Đài Loan, cho ra đời tiểu thuyết tiếng Đài Loan sớm nhất không phải là các thành viên của đoàn thể phong trào tiếng mẹ đẻ mà là Tống Trạch Lai (宋澤萊), người bắt đầu tư duy từ lý luận văn học bản địa. Tiếp sau đó là nhà văn Trần Lôi (陳雷) ở Canada của nhóm Đài Văn Thông Tấn. Sau khi phát hành *Báo BONG Đài Văn*, Trần Minh Nhân và những người khác tiếp tục sáng tác và xuất bản. Từ Lâm Ương Mẫn, Hoàng Nguyên Hưng của nhóm

Ka-tang, đến Hồ Trường Tùng, Trần Kim Thuận cũng sáng tác và xuất bản tác phẩm của mình.

1. Tống Trạch Lai (宋澤萊)

Năm 1987 là năm nền chính trị của Đài Loan bãi bỏ lệnh giới nghiêm, cũng là năm văn hóa Đài Loan bước vào một cuộc kiểm điểm, tranh cãi khốc liệt, Tống Trạch Lai viết “Vấn đề văn tự hóa tiếng Đài” (台語文字化个问题) đã đẩy lên một cuộc thảo luận. Tiếp theo đó, Tống Trạch Lai sáng tác truyện vừa tiếng Đài dài 30.000 chữ “Thành phố *Taneaw* chống bạo loạn: Sự tích một dòng họ chính trị nửa vời của Đài Loan” (抗暴个打貓市：一個台灣半山政治家族个故事) đăng ở tập san *Văn Hóa Mới Đài Loan* kỳ thứ 9-10, còn bản tiếng Hoa thì đăng làm nhiều kỳ vào tháng 6 ở *Tự Lập Văn Báo*. Ông dùng thực tế sáng tác để tuyên bố “Thời đại văn tự hóa tiếng Đài đã đến”.

Tiểu thuyết “Thành phố *Taneaw* chống bạo loạn” vừa nêu trên, lấy một dòng họ Đài gian làm bối cảnh trung tâm, có liên quan với Sự kiện 228, khung bố trảng đến việc chính trị dùng tiền mua chuộc ở những năm 80 của thế kỷ 20, bộc lộ nội tình đen tối của lịch sử tự trị địa phương ở Đài Loan sau Chiến tranh thế giới thứ 2. Tác giả đã lấy kỹ xảo của dòng chảy ý thức, miêu tả đan xen giữa hiện thực và ký ức, phát huy đầy đủ những nghệ thuật tự sự tiểu thuyết vốn có của Tống Trạch Lai, đưa ra những vấn đề nổi cộm, đích thực là người mở đầu cho tiểu thuyết tiếng Đài. Chỉ đáng tiếc là đến nay Tống Trạch Lai vẫn chưa tiếp tục viết tiếp tiểu thuyết bằng tiếng Đài.

2. Trần Lôi (陳雷)

Trần Lôi (1939-) tên thật là Ngô Cảnh Dụ (吳景裕), người thị trấn Ma Đậu huyện Đài Nam (台南縣麻豆鎮), sinh ra ở Nam Kinh Trung Quốc (中國南京), học xong lớp 4 trường Tiểu Học Tây Môn, ông chuyển từ Đài Bắc về thành phố Đài Nam và tốt nghiệp Trường Tiểu Học Thành Công, tốt nghiệp THCS và PTTH ở Trường PTTH Đệ Nhất Đài Nam. Thời niên thiếu, tuổi thanh niên của ông đều sống ở Đài Nam, nên Đài Nam có ảnh hưởng lớn đối với sự trưởng thành về tâm lý, phát triển tư tưởng, cảm thụ văn học và sáng tác văn học của ông sau này. Năm 1964, tốt nghiệp Khoa Y, Đại Học Y Quốc Gia Đài Loan (台灣大學醫學院), nhập ngũ 1 năm, năm 1965 đi Mỹ và làm bác sĩ thực tập ở Bệnh Viện Đại học *Michigan*. Một năm sau, ông chuyển đến Đại Học *Toronto* ở *Canada* và tốt nghiệp Tiến sĩ Ngành Miễn dịch học ở đây, sau đó ông lại đi Anh làm nghiên cứu cơ sở và lâm sàng thêm một năm rưỡi. Năm 1973, ông trở về *Canada*, mở phòng khám bác sĩ gia đình ở *Ontario*. Cho đến khi về hưu, ông vẫn là một tác giả bác sĩ điển hình. Ông là một trong những người đồng phát hành *Đài Văn Thông Tấn*. Tác phẩm của ông bao gồm các loại hình văn học như: thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết và kịch, trong đó phần lớn là tiểu thuyết. Từ năm 1987, ông sáng tác tiểu thuyết tiếng Đài đầu tiên “Rừng long não xinh đẹp” (美麗樟腦林) (đăng ở *Văn Hóa Mới Đài Loan* vào năm 1968, tại *California* do Trần Phương Minh chủ biên, có thể nói đây là tạp chí đầu tiên có đăng tải tiểu thuyết tiếng Đài), cho đến nay, ông đã sáng tác mấy chục tác phẩm kịch và tiểu thuyết tiếng Đài.

Thời sinh viên (những năm 60 của thế kỷ 20), Trần Lôi đã bắt đầu sáng tác. Năm 1982-1985, ông sử dụng tiếng Hoa viết tiểu thuyết *Bách gia xuân* (百家春) về đề tài Sự kiện 228 (dài khoảng 60.000 chữ, xuất bản lần đầu ở các nước Bắc Mỹ; sau đó, năm 1988 được xuất bản bởi Thời Đại Tự Do Đài Bắc - một tờ tạp chí ngoại Đảng). Bắt đầu từ năm 1986, ông tích cực chuyên tâm vào phong trào ngữ văn Đài, đồng thời tự trải nghiệm, bắt đầu dùng chữ La tinh kết hợp chữ Hán tiến hành sáng tác. Tác phẩm của Trần Lôi phần lớn được đăng ở *Đài Văn Thông Tấn*, hầu như kỳ phát hành nào cũng đều có đăng tiểu thuyết của ông. Từ tháng 9 năm 1999, sau khi ban biên tập của *Đài Văn Thông Tấn* dời sang Canada, ông còn gánh vác thêm phần biên tập. Tác phẩm của ông cũng có đăng tải ở *Văn Nghệ Đài Loan*, *Văn học tiếng Đài Loan Hai-ang*. Các tác phẩm tiêu biểu gồm có: tiểu thuyết về Sự kiện 228 “*The Unspeakable*”, miêu tả xã hội biến thái của Trung Quốc “Người truyền giáo” (傳道者), chuyện về phụ nữ Đài Loan “Người bà Quy Nhân” (歸仁阿媽), thiên đường trong quân đội “Thiên đường đã mất” (失樂園) v.v... Ngoài thơ tiếng Đài, văn xuôi và bình luận ra, ông còn viết truyện ngắn tiếng Đài “Rừng long não xinh đẹp” (1986), “Cô gái đua xe” (飛車女) (1991), “Chú lính khờ Hoàng Minh Lương” (大頭兵黃明良) (1987), “Bàn về chuyện xuất ngoại” (出國這項代誌) (1989) và truyện vừa “Căn bệnh quái lạ của Lý Thạch Đầu” (李石頭e古怪病) (1993). Tác phẩm xuất bản của ông gồm có: tuyển tập tiểu thuyết *Vĩnh viễn quê hương* (永遠e故鄉) (1994), *Tuyển tập văn học tiếng Đài Trần Lôi* (陳雷台

語文學選) (2001), kịch bản *Tuyển tập kịch tiếng Đài Trần Lôi* (陳雷台灣話戲劇選集) (1996), năm 2008, ông xuất bản truyện dài *Bổ sung ký sự lịch sử quê hương* (鄉史補記), tháng 4 năm 2010, Nhà Xuất Bản Khai Lãng đã xuất bản 3 tác phẩm truyện ngắn của ông *A Xuân không có tội* (阿春無罪), *Thành phố vô tình* (無情城市) và *Người bà Quy Nhân* (歸仁阿媽).

Trần Lôi có thể viết tiếng Đài một cách điêu luyện, thành thực, điểm mạnh của tác phẩm của ông là ở chỗ vẫn giữ được tính chân thực của khẩu ngữ trong cuộc sống. Ông có thể vận dụng tiếng Đài một cách sinh động nhất để miêu tả những câu chuyện về Đài Loan, tác phẩm của ông mang đậm tinh thần nhân đạo, thường phê phán những hiện tượng hỗn loạn của xã hội cũng như tố cáo những bạo lực, áp bức và những điều bất nghĩa, bất công trong xã hội.

Ký sự bổ sung lịch sử quê hương là tác phẩm kinh điển của ông, vốn là một truyện ngắn có khoảng 4.000 - 5.000 chữ, đăng tải ở *Đài Văn Thông Tấn* năm 1998, sau sửa thành truyện vừa cùng tên, đăng ở *Văn Hóa Mới Đài Loan* kỳ thứ 16 và được đưa vào *Tuyển tập văn học tiếng Đài Trần Lôi* (陳雷台語文學選) (2001). Câu chuyện trong khoảng thời gian hơn 200 năm từ năm 1786 (sự kiện Lâm Sáng Văn⁹⁸ 林爽文事件) đến năm 1996 (lần đầu tiên tổng thống do dân bầu trực tiếp) là mối quan hệ qua lại giữa người Siraya

98 Chú thích của dịch giả: Sự kiện Lâm Sáng Văn (林爽文事件) là một trong ba cuộc nổi dậy, phản kháng lớn của nhân dân Đài Loan vào thời kỳ nhà Thanh do lãnh tụ của Thiên Địa Hội là Lâm Sáng Văn phát động.

và người Hán, đặc biệt nhất là dùng quan điểm của người Siraya viết lịch sử của chính họ, từ sự chọn lựa thời gian lịch sử cũng có thể thấy được ý đồ sáng tác của tác giả. Luận văn Thạc sĩ của Trịnh Nhã Di (鄭雅怡) (2008) cho rằng cuốn tiểu thuyết này có “tinh thần giải trừ chủ nghĩa thực dân”. Trần Lôi còn có một điều đáng được các nhà nghiên cứu thảo luận sâu hơn nữa đó là vì sao ông thường cư ngụ ở Canada nhưng lại có thể sử dụng tiếng Đài một cách thuần túy, chính xác để sáng tác truyền kỳ dân dã. Việc ông sáng tác ở nơi đất khách quê người này bản thân nó chính là một điều kỳ lạ.

3. Trương Thông Mẫn (張聰敏)

Trương Thông Mẫn (1939-1997), người huyện Nam Đầu (南投縣), tốt nghiệp Trường PTTH Đệ Nhất Đài Trung (台中一中), ông làm việc ở Công Ty Xe Khách Chương Hóa và về hưu năm 1996; từ năm 1991-1994, bắt đầu học âm vận và chữ La tinh, là “khách mời” của giáo sư Trịnh Lương Vĩ ở trường Đại Học Thanh Hoa, là học viên của Lớp Sáng Tác Văn Học Tiếng Đài. Tháng 9 năm 1999, tác phẩm *A Anh, oi!* (阿瑛!啊) được xuất bản ở Trung tâm Văn hóa Chương Hóa, đây là một tác phẩm mà sau khi Trương Thông Mẫn qua đời mới phát hành công khai, có khoảng 100.000 chữ, cũng tính là truyện dài và là một tác phẩm tiêu biểu của ông. Nội dung viết về sự phấn đấu của một người phụ nữ dũng cảm, chịu thương chịu khó vào thời gian sau Chiến tranh Thế giới thứ 2 của Đài Loan. Tác phẩm này thể hiện đầy đủ, chân thực những quan sát và thể nghiệm cuộc sống của tác

giả. Nó là văn học mà cũng là một mặt khác của lịch sử về kinh tế xã hội của miền Trung và miền Nam Đài Loan.

Theo cách nói của Tiêu Bình Trị thì Trương Thông Mẫn ngay từ thời học PTTH đã sáng tác và đăng tải tác phẩm viết bằng chữ Hoa nhưng mà viết một cách ngượng ngùng, không lưu loát nên đã dừng bút 20 năm. Sau 20 năm dừng bút, ông lại viết truyện dài đề tài *Penn-pou Cơ nghiệp trăm năm* (百年基業), ban đầu viết bằng tiếng Hoa, viết khoảng một nửa thì chuyển sang dùng tiếng Đài, dùng bút, và hoàn thành trước tác phẩm kết hợp chữ Hán - La tinh *A Anh, ơi!* Ngoài ra, ông còn để lại một di cảo “Tổ khúc *Penn-pou*” (平埔組曲) (1993), ca khúc đầu tiên đã được Tiêu Bình Trị ghi chú âm và chú giải, đăng ở *Đài Văn Thông Tấn* kỳ 72-73, cho thấy nhận định và bản sắc tự sự của tác giả. “Tổ khúc *Penn-pou - I*” lấy sự kiện Quách Bách Niên⁹⁹ (郭百年事件) làm đề tài, miêu tả đầy đủ, cách sắp xếp có phong cách. *Cơ nghiệp trăm năm* thì viết về “lịch sử đầy gian nan, đau khổ, phấn đấu khai khẩn” của tộc người *Penn-pou*.

4. Trần Minh Nhân (陳明仁)

Trần Minh Nhân, giới thiệu cơ bản về thân thế của ông có thể tham khảo phần thơ tiếng Đài Loan đã trình bày ở phần trước, ngoài tập thơ *Đi tìm Đài Loan lưu lạc*, *Ký sự lưu lạc*, *Thơ ca tiếng Đài Trần Minh Nhân*, tác phẩm của ông còn có tiểu thuyết *A Tồn* (*A-chhun*), tập văn xuôi *Câu chuyện đời*

99 Chú thích của dịch giả: Sự kiện Quách Bách Niên (郭百年事件) xảy ra vào năm 1815 khi người Hán lợi dụng danh nghĩa của người dân tộc bản địa để trước là xin giấy phép khai khẩn, sau là lường gạt, ức hiếp và tàn sát họ một cách dã man.

hoang vu (Pha荒e故事), bộ sách *Tuyển tập văn học tiếng Đài Loan Trần Minh Nhân* (陳明仁台語文學選), *Chú đế trũ dưới gốc cây bên đường* (路樹下e too-peh-a) v.v...

Tác phẩm tiểu thuyết của Trần Minh Nhân có phong cách độc đáo, quan điểm tự sự của ông biến hóa ly kỳ, tác giả và nhân vật tiểu thuyết thường ở trong một trò chơi khó phân biệt, ví dụ như tác phẩm “*Babusa*”, chứng tỏ là tác giả viết tiểu thuyết lại cố tình tạo ra một nhân vật khác để thể hiện kiến giải của mình về văn học, dùng phương thức lật đổ chính mình để làm nổi bật một cái tôi thứ hai. Ngoài ra, tác phẩm “Sự kiện 228” (二二八事件) miêu tả về Sự kiện 228 khác hoàn toàn với những gì thường được nói về sự kiện này, ông dùng cách viết phản tình tiết, phản kết cấu, phản hình thái ý thức để châm biếm xã hội Đài Loan đã nghi thức hóa, thương mại hóa Sự kiện 228.

Năm 2000, Trần Minh Nhân xuất bản tuyển tập văn xuôi *Câu chuyện đời hoang vu*, 12 năm sau dùng lại hình thức sách có âm thanh chất lượng cao xuất bản, và như thế là trong lịch sử xuất bản văn học Đài Loan ông cũng tạo ra một loại truyền kỳ mới.

5. Hồng Cẩm Điền (洪錦田)

Hồng Cẩm Điền, người Lộc Cảng (鹿港), sinh năm 1949, tốt nghiệp trường Cao Đẳng Dạy Nghề Công Nghiệp, học Khoa Điện cơ ở miền Trung, vì hoàn cảnh gia đình khốn khó, học 2 năm không tốt nghiệp, năm 1966 ông đã lên miền Bắc tìm kế sinh nhai. Sau khi giải ngũ, đã làm qua công trình cơ khí thang máy, nghề lái *taxi*, làm bảo vệ để kiếm sống.

Ngoài công việc chính ra, Hồng Cẩm Điền dành toàn bộ tinh thần nghiên cứu, viết và dạy tiếng Đài, là một người toàn tâm toàn ý với phong trào văn học tiếng Đài Loan, ông cũng từng làm người dẫn chương trình ở tiết mục “Chuyến xe văn học Đài Loan” (台文列車) của Đài Phát Thanh Tiếng Nói Đài Loan mới (TNT) ở Đài Bắc.

Năm 1989, sau “Sự kiện Trịnh Nam Dong tự thiêu”¹⁰⁰ (鄭南榕自焚事件), Hồng Cẩm Điền mới vô tình tiếp xúc giới văn học ngôn ngữ tiếng Đài Loan. Năm 1990, ông tham gia lớp tiếng Đài do Hồng Duy Nhân mở tại “Lớp Học Văn Hóa Mới” của Tạ Trường Đình, một khóa 48 tiếng, mỗi lớp có 30 - 40 người, các bạn bè cùng khóa với ông có Khâu Văn Tích, Trần Hiến Quốc, Trần Văn Chương. Hồng Cẩm Điền tham gia lớp tiếng Đài để học viết tiếng Đài, tiến thêm một bước sáng tác thơ, tiểu thuyết và chuyện cổ tích thiếu nhi bằng tiếng Đài, trở thành một tác giả văn học tiếng Đài. Lúc bấy giờ, Hồng Cẩm Điền phụ trách Hội Giao Lưu Độc Giả *Đài Văn Thông Tấn* ở Bản Kiều (板橋), trong hội này, mọi người cùng nhau thảo luận, học tập lẫn nhau, luyện tập sáng tác văn học ngôn ngữ Đài Loan. Từ năm 1990, ông bắt đầu sáng tác văn học tiếng Đài và chưa bao giờ ngừng bút. Ngoài tuyển tập văn học ngôn ngữ tiếng Đài đầu tiên *Ông Lok-kang kể truyện* (鹿港仙講古) xuất bản vào năm 1995 ra, ông còn tiếp tục sáng tác và viết bài cho những tập san văn học ngôn

100 Chú thích của dịch giả: Sự kiện Trịnh Nam Dong tự thiêu (鄭南榕自焚事件) xảy ra vào năm 1989. Trịnh Nam Dong (12/9/1947-7/4/1989) sau một thời gian dài kiên trì theo đuổi yêu cầu tự do ngôn luận, hết lòng với phong trào Đài Loan độc lập, chống đối sự buộc tội của chính quyền và đã bị bắt, sau đó ông tự thiêu để tỏ rõ quyết tâm, lý tưởng của mình.

ngữ tiếng Đài khác, thường là ở tập san phát hành sớm nhất *Gieo hạt*, sau này là ở *Báo BONG* Đài Văn, *Văn học tiếng Đài Loan Đảo Hương* của Trần Kim Thuận và *Tạp Chí Đài Văn Hoa Dong Riềng* (蓮蕉花台語雜誌) của Dương Chiếu Dương ở Đài Trung.

Tác phẩm *Ông Lok-kang kể truyện* là đăng ở kỳ thứ 2 quyển thứ 7 của *Đài Ngũ Văn Trích* xuất bản vào tháng 5 năm 1995. Toàn tác phẩm đều dùng chữ Hán để viết những câu chuyện về “*Triều đại nhà Tống*”, “*Triều đại nhà Minh*” và “*Triều đại Quang Tự đời Thanh*”. Ông nói tiếng Đài rất lưu loát, rất hay và thân mật, đậm chất giọng miền quê Lộc Cảng của mình, ông sử dụng rất nhiều cách dùng từ dân gian của Đài Loan trong quá khứ, làm cho người ta khó mà tin được rằng đây là tác phẩm được sáng tác bởi một người lái xe của đô thị thời hiện đại. “Xem chơi cờ, im lặng nhìn là được” (棋恬恬仔看著好) là một tiểu thuyết ngắn gọn, súc tích, thú vị “cực ngắn”, chỉ có khoảng 400 - 500 chữ thôi nhưng rất có sức lôi kéo hấp dẫn của kịch, ông là một tác giả tiếng Đài nghiệp dư, tay ngang, rất có tính đại biểu của văn học tiếng Đài Loan.

6. Thanh Văn (清文)

Tên thật là Chu Tố Chi (朱素枝), sinh năm 1959 tại *Iam-tiann-pou*, Cao Hùng, (高雄鹽埕埔), lấy tên của cha Chu Thanh Văn (朱清文) làm bút danh, là một tác giả nữ khác của nhóm *Báo BONG*, tháng 6 năm 2006 xuất bản tập tiểu thuyết truyện ngắn *Mùi vị của cá măng sữa* (虱目仔e滋味) đã gây chấn động trong giới văn học tiếng Đài Loan, một

phụ nữ trung niên tốt nghiệp Trung cấp Thương nghiệp lại có thể dùng tiếng Đài Loan sáng tác ra một tiểu thuyết hiện đại đầy ý thức phụ nữ, rất nhiều kỹ xảo đa dạng, khiến mọi người ngạc nhiên, chúng ta tuyệt đối không thể coi đây là tác phẩm của một nhà văn nghiệp dư mà thôi.

Tác phẩm “Cháu gái” (查某孫^a) (2002) của bà miêu tả một đôi vợ chồng rất được người khác hâm mộ, nhưng sau khi ông chồng qua đời, bà vợ mới phát hiện một sự việc mà chồng đã giấu mình suốt 30 năm qua, chỉ sau khi ông ấy chết, từ việc một bức thư khóa trong ngăn kéo phải trao lại cho bà (người kể chuyện, bà Thục): thì ra đứa cháu gái này là “con riêng” của chồng bà với một người phụ nữ khác trước khi họ kết hôn với nhau. Một câu chuyện rất đời thường, được tái hiện bằng thủ pháp là nhiều lần vượt ra ngoài ký ức, đan xen với các hiệu ứng hồi hộp, ly kỳ như tiểu thuyết trinh thám. Đây là một tác phẩm kinh điển của cách kể chuyện hiện đại. Ngoài ra, phần lớn tiểu thuyết của bà đều là bối cảnh từ quê hương Cao Hùng, đã từng có nghiên cứu sinh lấy đề tài viết về Cao Hùng làm nét đặc biệt để thảo luận về tác phẩm của bà, và Thanh Văn khiến mọi người nóng lòng chờ đợi, không biết lúc nào thì bà sẽ cho ra đời tác phẩm mới đây.

7. Vương Trinh Văn (王貞文)

Tiểu sử cá nhân của Vương Trinh Văn như đã giới thiệu ở phần trước. Về tiểu thuyết tiếng Đài Loan của bà được thể hiện cụ thể ở tác phẩm *Thiên sứ* (天使) thuộc loại tiểu thuyết ngắn. *Thiên sứ* miêu tả Thiêm Mộc cảm

động bởi sự ngây thơ, trong sáng, kỳ vọng vào Thiên sứ của một cô bé tàn tật yếu đuối mà vẽ ra một bức tranh “Thiên sứ”. Vì thế vô tình mà bị cuốn vào tai họa là bị giam vào nhà tù chính trị của khủng bố trắng. Sau khi ra tù, ông chọn việc kinh doanh mỹ thuật và gặp lại cô bé tên Từ của năm nào, như là gặp phải Thiên sứ hóa thân, ngộ ra nhiều điều trong cuộc sống. Vương Trinh Văn bản thân là một giáo sĩ nên rất tự nhiên là trong tác phẩm của mình sẽ đề cập đến vấn đề tôn giáo, đây cũng là nét đặc sắc của bà, vì thế bà là một trong số rất ít những tác giả văn học Cơ Đốc Giáo của Đài Loan.

8. Lam Xuân Thụy (藍春瑞)

Lam Xuân Thụy, còn có tên gọi khác là “A Nam”, sinh năm 1952 ở khu Thụy Phương (瑞芳). Ông tốt nghiệp Khoa Chính Trị, Đại Học Đông Ngô (東吳大學), sau khi giải ngũ, ông cùng với anh trai kinh doanh ngũ kim và vật liệu điện nước ở Thụy Phương. Bắt đầu từ năm 1984, ông đi làm nhà nước. Từ năm 2002 trở đi, ông bắt đầu học tiếng Đài Loan, viết bài cho *Báo BONG Đài Văn*, *Văn học tiếng Đài Loan Hai-ang* và có nhiều thành tích đáng kể. Tháng 11 năm 2009, Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khuốc đã xuất bản Tuyển tập tiểu thuyết tiếng Đài Loan *Không dấu không vết* (無影無跡) của ông, trong đó có 4 tác phẩm đã đoạt giải.

Năm 2007, Lam Xuân Thụy còn đạt các giải chính như “Giải A-khih” và “Giải Hai-ang” về thể loại tiểu thuyết, trong đó “Giải A-khih” với tác phẩm *Không dấu không vết*, Giải *Hai-ang* với tiểu thuyết *Miếng chân giò* (豬腳khou).

Tuyển tập tiểu thuyết *Không dấu không vết* miêu tả câu chuyện về vùng đào than, ông có tài trong việc dùng ngôn ngữ rất tinh tế, sắc sảo và rất chuyên ngành để xây dựng kỹ năng tả thực, đây là việc mà phần lớn các tác giả Đài Loan khác không làm được. Giám khảo Trần Hằng Gia (陳恒嘉) đã dẫn lời của nhà bình luận văn học Liên Xô *Bakhtin* nói về tác phẩm *Truyện người khổng lồ* (巨人傳) của *Rabelais* ở thời đại văn nghệ phục hưng để đánh giá tác phẩm của Lam Xuân Thụy rằng, tác giả đã dùng một loại ngôn ngữ sinh động của cuộc sống đời thường và của lao động sản xuất vật chất, tức là ngôn ngữ của “người tầng lớp dưới” để viết *Miếng chân giò*, khen ngợi tác phẩm này đã khuấy động nên văn nghệ phục hưng ở Đài Loan. Trần Minh Nhân lại nhấn mạnh về “tính xã hội” của tuyển tập tiểu thuyết *Không dấu không vết*, cho rằng nó là “tiểu thuyết của trường phái xã hội”.

9. Lâm Ương Mẫn (林央敏)

Lâm Ương Mẫn, giới thiệu cơ bản về thân thế của ông có thể tham khảo phần thơ tiếng Đài Loan đã trình bày ở phần trước. Ngoài sáng tác thơ ra, Lâm Ương Mẫn còn viết những tác phẩm như *Sử luận phong trào Văn học tiếng Đài Loan* (台語文學運動史論) và những bình luận liên quan đến văn hóa và dân tộc Đài Loan nữa. Năm 2009, ông viết *Đoạn trường* (斷悲腸), trong đó có 4 kịch bản như “Thiên đường từ tâm can” (天堂起值心肝內), “Anh hùng đả hổ” (拍虎英雄), “Nước mắt san hô đỏ” (珊瑚紅淚), “Đoạn trường về quê” (還鄉斷悲腸) v.v... Ngoài ra ông còn viết tiểu thuyết

mini, tiểu thuyết cực ngắn về quan niệm sáng tác và phong cách sân khấu, tác giả hy vọng đồng thời có thể chiếu cố cả tính kịch trường và tính văn học của kịch bản, từ góc độ bổ sung tương hỗ mà nói, đây có thể xem là tác phẩm phụ của tiểu thuyết và thơ của Lâm Ương Mẫn. Trường thiên tiểu thuyết *Bồ đề tương tư kinh* (菩提相思經) (2011) dài 300.000 chữ được coi là ngoại truyện của *Nước mắt hương phấn* (胭脂淚) là một thành quả mới nhất trong kế hoạch sáng tác của ông. Năm 2012, ông xuất bản tác phẩm mới nhất của mình *Bình luận chung về tác phẩm và Lịch sử tiểu thuyết tiếng Đài Loan* (台語小說史及作品總評), mở ra cho giới văn học Đài Loan một không gian đàm luận mới về Văn học tiếng mẹ đẻ.

10. Hoàng Nguyên Hưng (黃元興)

Hoàng Nguyên Hưng sinh năm 1949, là người ở Bắc Đầu thành phố Đài Bắc (台北市北投) (*Ka-tang-kha*, Quan Độ) (關渡茄苳腳), tốt nghiệp Nha Khoa Đại Học Quốc Gia Đài Loan, ông nghiên cứu tiếng Đài đã 20 năm, là một bác sĩ nha khoa luôn luôn quảng bá cho việc giảng dạy tiếng Đài. Các tác phẩm tiếng Đài của ông gồm có: *Ma Tổ Chương Hóa* (彰化媽祖) (1994, Phòng Nghiên Cứu Khoa Tiếng Đài-Mân), *Vùng đất Quan Độ* (關渡地頭) (Mẫu Tổ Quan Độ 1992, Phòng Nghiên Cứu Khoa Tiếng Đài-Mân), *Đỗ Thông Minh Đài Bắc* (台北杜聰明) (2007, Nhà Xuất Bản *Ka-tang*), *Ngôi nhà gạch đỏ* (紅磚仔厝) (2009, Nhà Xuất Bản *Ka-tang*) v.v... Đây đều thuộc loại tiểu thuyết chương hồi, kể chuyện tiếng Đài Loan. *Đỗ Thông Minh Đài Bắc* viết về nhân vật

giống như tên tác phẩm, *Ngôi nhà gạch đỏ* viết về thanh niên có khuynh hướng thiên về cách mạng, bác sĩ Quách Tú Tông (郭琇琮), người hy sinh trong thời kỳ khủng bố trắng những năm 50 của thế kỷ 20. Ngoài *Tuyển tập Văn xuôi tiếng Đài Loan Hoàng Nguyên Hưng* (黃元興台語散文集) (1999, Nhà Xuất Bản Ka-tang) là tuyển tập văn xuôi ra, ông còn nghiên cứu về cú pháp, cách phát âm tiếng Đài Loan, tác phẩm có *Lý luận dạy học âm vận tiếng Đài Loan* (台語音韻教學理論), *Cách sáng tác tiếng Đài bằng chữ Hán* (台語漢字式書寫法), *Phương pháp đánh vần TTS (TTS台語簡拼法)*, *Từ điển đối chiếu 2.500 câu khó của tiếng Hoa và tiếng Đài* (台語華語2500較難句對照典), ông đã từng giảng dạy ở lớp tập huấn tiếng mẹ đẻ của Cục Giáo Dục.

Ma Tổ Chương Hóa là một tác phẩm kể chuyện cổ tích lịch sử viết bằng tiếng Đài, nội dung là lấy Cung Nam Dao của chùa Ma Tổ Chương Hóa làm trung tâm, miêu tả sự kiện lớn ở miền Trung Đài Loan vào năm 1870 đời Thanh, bao gồm Sự kiện Đới Triều Xuân và lịch sử thịnh suy giảng co của thế lực 3 dòng họ lớn ở miền Trung - nhất là một phần lịch sử của vụ án ly kỳ rắc rối nhà họ Lâm vùng Vụ Phong đời Thanh. *Ma Tổ Chương Hóa* hoàn thành lần đầu tiên vào thời gian Đông Chí tháng 12 năm 1993, đến năm 1996 và năm 2002, thì tiến hành 2 lần chỉnh sửa văn bản chữ viết. Toàn bộ tác phẩm đều chọn kiểu tiểu thuyết chương hồi để tường thuật, sử dụng cách nói, khẩu khí của người kể chuyện để viết, phạm vi của cách tường thuật là giữa kể chuyện dân gian và lịch sử chính thống, đôi khi có đan xen bình luận nội

dung thời sự hiện đại, quan điểm tường thuật rất đặc biệt, phong phú cảm giác hiện trường.

11. Hồ Trường Tùng (胡長松)

Hồ Trường Tùng, giới thiệu cơ bản về thân thế của ông có thể tham khảo phần thơ tiếng Đài Loan đã trình bày ở phần trước, tác phẩm của ông ngoài thơ ra, trước khi chuyên tâm sáng tác văn học tiếng Đài, ông đã viết 3 quyển trường thiên tiểu thuyết, gồm *Khúc an hồn thiếu niên Sài Sơn* (柴山少年安魂曲), *Quán bar đầu lâu* (骷髏酒吧) và *Cảng Ô Quỷ* (烏鬼港) (đây là bản gốc của trường thiên tiểu thuyết tiếng Đài Loan *Miệng Cảng* (大港嘴) xuất bản năm 2010). Các tác phẩm như *Dưới ngọn hải đăng* (燈塔下), *Tiếng súng* (槍聲) là những tác phẩm tiêu biểu của thời kỳ đầu sáng tác tiểu thuyết tiếng Đài của ông. *Tiếng súng* là tiểu thuyết viết về Sự kiện 228. Thi Tuấn Châu (施俊州) nói rằng Hồ Trường Tùng viết tiểu thuyết tiếng Đài Loan một cách huyền diệu, thể hiện động cơ phá bỏ chế độ thực dân rất mạnh mẽ. *Miệng Cảng* đã phản ánh tác giả lấy *Penn-pou* làm quan điểm chính trị và tôn giáo tín ngưỡng của sự cứu rỗi hoặc giải phóng dân tộc của Đài Loan. Hồ Trường Tùng chứng tỏ những tố chất và kỹ năng nghiên cứu sâu của ông về lý luận văn học hiện đại ở nhiều bình luận văn học. Hồ Trường Tùng là Tổng biên tập của nhiệm kỳ thứ 2 của *Đài Văn Chiến Tuyến*, chủ yếu thể hiện ở phần sáng tác tiểu thuyết chứ không phải phần thơ ca. Tác phẩm *Thành phố với những con đường bàn cờ* (棋盤街路的城市) là tập thơ tiêu biểu của ông, thể hiện một phong cách bố cục tiếng Đài Loan mới mẻ.

12. Thôi Căn Nguyên (崔根源)

Thôi Căn Nguyên (1938-) tên thật là Ngô Kim Đức (吳金德), người vùng xóm trên Gia Định thành phố Cao Hùng (高雄頂茄荳), hiện nay ông sống ở bang *California*, Mỹ. Năm 2004, ông thành lập Quỹ Xuất Bản Văn Học Tiếng Đài Loan Đom Đóm, tài trợ cho Giải Văn Học Tiếng Đài Loan *Hai-ang*, năm 2010, thành lập Giải Thưởng Văn Học Ngô Kim Đức. Năm 1998, ông bắt đầu sáng tác văn học tiếng Đài Loan, nội dung chủ đề tiểu thuyết của ông phần lớn tập trung viết về quê hương làng cá Gia Định, nhân tình thế thái trong cạnh tranh thương trường quốc tế, chính trị và sự nhận thức về bản sắc thân phận của ông. Tiểu thuyết tiếng Đài Loan đầu tiên của ông là “Xe bốn bánh chỉ còn ba bánh” (四輦駛俸三輦), đăng tải ở *Đài Loan Công Luận Báo* phần chuyên san *Đài Loan Văn Hóa* (2001) do Hồ Trường Tùng chủ biên. Những tiểu thuyết mà ông đã xuất bản gồm có: *Giấc mộng bèo cám* (水藻仔的夢) (2003), trường thiên *Đầu cá đối biển và cá mè ướp muối* (倒頭烏恰紅鹹鱸) (2007), *Cây không rễ* (無根樹) (2008), *Triển lãm về quá khứ* (回顧展) (2010) được giới bình luận đánh giá rất cao. Những năm gần đây, sức sáng tác của ông rất mạnh mẽ, ông là tác giả điển hình của những nhà văn thời kỳ sau này của tiếng Đài Loan.

III. Văn xuôi và kịch tiếng Đài Loan

Tác phẩm văn học tiếng Đài Loan phần lớn là thơ, tiếp đến là tiểu thuyết tiếng Đài Loan như đã trình bày ở trên. Nếu nói về số lượng thì văn xuôi tiếng Đài Loan cũng không ít, nhưng thể loại văn xuôi bao hàm phạm vi rất rộng, tác phẩm văn xuôi có tính văn học nghĩa hẹp dễ viết nhưng khó

viết hay, nên các tác giả sáng tác chủ yếu là văn xuôi không nhiều lắm. Ngoài ra, sáng tác về phương diện kịch hiện đại Đài Loan vốn đã không nhiều, sử dụng tiếng Đài Loan để sáng tác càng ít. Phần này, chúng tôi sẽ kết hợp giải thích văn xuôi và kịch tiếng Đài Loan như sau.

1. Văn xuôi tiếng Đài Loan

1.1. Hồ Dân Tường (胡民祥)

Hồ Dân Tường (1943-) người vùng *Ou-chhu-liau* ở thị trấn Thiện Hóa, huyện Đài Nam (台南縣善化鎮胡厝寮), Tiến sĩ Công Trình Cơ Khí phân hiệu Đại Học Bang New York thành phố *Buffalo* (紐約州立大學水牛城分校), từng giữ chức Chủ biên chuyên san *Đài Loan Văn hóa* của *Đài Loan Công Luận Báo* (台灣公論報) ở Mỹ, là người mở đường cho sử luận văn học tiếng Đài Loan sau Chiến tranh Thế giới thứ 2, là một tác giả văn xuôi tiếng Đài Loan có phong cách sáng tác độc đáo. Tác phẩm của ông gồm có *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Loan Hồ Dân Tường* (胡民祥台語文學選) (Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Nam 1995; Chân Bình 2002), tuyển tập thơ *Sản xuất tại Đài Loan* (台灣製) (2006), *Trà nhân trần mùi vị Đài Loan* (台灣味青草茶) (2008), tập văn xuôi *Ký sự làng Mạt Lý* (茱里鄉紀事) (2004), *Du ký Hawaii* (夏娃伊意紀遊) (Chính quyền huyện Đài Nam, 11/2008), *Cuộc đời công trình với hoa thơm cỏ lạ* (水鄉花草工程路) (2010). *Du ký Hawaii* tập trung ở miêu tả lịch sử, hiện trạng của tộc người bản địa *Hawaii* và so sánh với văn hóa của cư dân họ ngôn ngữ Nam Đảo thế giới. Ngoài ra, xã luận *Kết thúc ngôn ngữ 228* (結束語言二二八), *Đi tìm vết tích của văn học Đài Loan* (走揣台

灣文學痕跡) là những kỷ yếu về văn học ngôn ngữ Đài Loan rất có giá trị tham khảo.

1.2. Lý Cần Ngạn (李勤岸)

Lý Cần Ngạn có 2 tập văn xuôi tiếng Đài là *Bút ký tiếng Đài Harvard* (哈佛台語筆記) (Khai Lãng, 1/2007); *Hai-ang ra khơi* (海翁出帆) (Văn xuôi: Khai Lãng, 2011). Hai tập văn xuôi này ít nhất có 2 điểm đặc biệt về nội dung:

(1) Tập 1 của tập văn xuôi *Bút ký tiếng Đài Harvard* là bút ký, nhật ký (*journal*) của tác giả viết vào thời gian 2001 - 2004 lúc được mời đến giảng dạy mở lớp tiếng Đài ở Đại Học Harvard. Hai tập còn lại cũng là những tài liệu diễn giảng, tiểu luận, tiểu phẩm v.v... viết vào thời gian này.

(2) Tập 1 của tập văn xuôi *Hai-ang ra khơi* là bình luận thời sự mà tác giả dùng chữ Hán kết hợp với chữ La tinh để viết và cộng thêm chú thích từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 26 tháng 8 năm 2006 tại chuyên mục *Hai-ang ra khơi* phiên bản *Quảng trường ngôn luận* của *Tự Do Thời Báo*, mỗi tuần một bài, tổng cộng 22 bài.

1.3. Tiêu Bình Trị (蕭平治)

Thầy giáo Tiêu Bình Trị khổ học kiến thức về vi tính, có thể sử dụng vi tính một cách linh hoạt để viết tiếng Đài Loan, kiên trì viết văn xuôi về chủ đề tục ngữ, ngôn ngữ Đài Loan, sau này tập hợp thành 3 tập *Mùi vị tục ngữ Đài Loan* (台灣俗語鹹酸甜) (1999), ngoài ra ông còn sáng tác và xuất bản tuyển tập văn xuôi tự do *Tẩu thuốc lá bằng sừng hươu của bố* (阿爸的鹿角薰吹) (2002). Thầy giáo Tiêu Bình Trị còn đem toàn bộ tác phẩm văn học ngôn ngữ Đài Loan và tài

liệu giảng dạy tiếng Đài Loan đăng trên mạng để mọi người có thể sử dụng.

1.4. Dương Chiếu Dương (楊照陽)

Dương Chiếu Dương (1954-) xuất thân từ thợ sửa xe, có kinh nghiệm xã hội phong phú dày dặn, là tác giả thuộc nhóm *Hoa Dong Riêng* (蓮蕉花) ở Đài Trung, tác phẩm của ông được chọn vào “Bộ sách âm thanh Văn học tiếng Đài Loan” (台語文學有聲叢刊) (phát hành truyền thông tiếng Đài Loan). Sáng tác tiếng Đài Loan của ông có lẽ bắt đầu từ Hội Giao Lưu Độc Giả *Đài Văn Thông Tấn* Đài Trung (1992), cũng có thể từ năm 1994, liên kết sáng lập *Thông Tấn Nghiên Cứu Ngữ Văn Đài Loan* (台灣語文研究通訊). Tháng 3 năm 1995, xuất bản tập văn xuôi *Song cửa về đêm* (暗時的後窗) (Công Ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Hán Khang), có đầy đủ tư thái của một tác giả văn học tiếng Đài Loan. Văn xuôi của Dương Chiếu Dương rất có cá tính, phong phú chủ đề về cuộc sống, tri thức dân tộc có thể phát huy, không có cách suy luận cứng nhắc, mà có nhân vật, có tình tiết câu chuyện nhưng chưa đạt đến trình độ tiểu thuyết. “Song cửa về đêm”, “Tiếng gọi của *Naruwan*, thật dài thật xa” (娜魯灣的呼聲，真長真遠), cả những tác phẩm sưu tập như “Cúng bái phụ mẫu kiếp trước” (拜前世爸妈), “Bói ra ma, quét nhà ra rác” (乩姨順話尾) đều có những đặc điểm vừa nêu trên. Tác phẩm văn xuôi thứ hai *Những điều truy tìm mãi* (追求永遠的物件) (Công Ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Hán Khang 9/1997) với những tác phẩm tiêu biểu như “Gìn giữ gia phong” (洗門風), “Là ủi sừng trâu”

(鬘牛角), “Đam mê ngàn năm trầu cau” (千年萬年檳榔迷). Dương Chiêu Dương hợp tác với người khác cùng viết *Bộ sưu tập Văn học dân gian Đại Đôn thành phố Đài Trung* (台中市大墩民間文學采錄集)(Trung Tâm Văn Hóa Thành Phố Đài Trung, 1999) trong đó có tập văn xuôi “sưu tập thú vị” có thể tham khảo.

1.5. Trương Xuân Hoàng (張春凰)

Trương Xuân Hoàng (1953-) sinh ra ở Đại Liêu, Cao Hùng (高雄大寮). Năm 1992, tham gia Câu Lạc Bộ Tiếng Đài Đài Trung, quen biết những người như Trần Diên Huy. Năm 1993, tham gia Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai quen biết Lâm Tông Nguyên, Lâm Ương Mẫn, Hoàng Kính Liên. Năm 1996, Lâm Ương Mẫn cùng những người khác thành lập Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài, Trương Xuân Hoàng từng tham gia công việc biên tập *Nguyệt san tiếng Đài Ka-tang* (茄荖台文月刊), có một kỳ chuyên san công nghệ tiếng Đài Loan “Chuyên san tiếng Đài về Khoa học kỹ thuật” do bà chủ biên, sau đó dạy môn “Khoa học phổ thông tưởng tượng tiếng Đài Loan” ở Đại Học Thanh Hoa. Về sau, Hứa Thế Khải mời Trương Xuân Hoàng đến giảng dạy văn học và phương thức nhập liệu về “âm tiếng Đài Loan” tại Học Viện Văn Hóa Đài Loan ở Đài Trung. Học sinh đề nghị sáng lập *Thế giới tiếng Đài* (台語世界), Trương Xuân Hoàng cũng có tham gia, kéo dài 2 năm có tất cả 18 kỳ. “Phiên dịch tiếng Đài 1001” (台譯1001) của Trương Xuân Hoàng là sự tiếp nối của “Dự án 5%” (5%計劃).

Quyển sách đầu tiên *Con đường của thanh xuân* (青春e路途) của Trương Xuân Hoàng (2000) là dùng Giang Vĩnh Tiến (江永進) phát minh phương thức nhập liệu về “âm tiếng Đài Loan” (1993) xuất bản. Trong đó, tác phẩm văn xuôi du lịch “Du ký ngắm sương mù” (觀霧記遊) đã từng được chọn vào Tuyển tập văn xuôi *Tâm sự lá phong* (楓樹葉仔个心事), sở trường về miêu tả cảnh vật, có cách hành văn ý tứ hàm súc, ngoài ra còn có những tập văn như *Gà gáy* (雞啼) (2000), *Bầu trời đêm sao băng* (夜空流星雨) (2004), *Ba chị em nhìn thế giới* (三姊妹看世界) (viết cùng với Trương Bích Linh, Trương Lệ Chiêu, 2007), *Bánh trôi nước ngày Đông Chí* (冬節圓) (2010) đều thể hiện những suy nghĩ cảm xúc tinh tế của nữ nhà văn sáng tác tiếng Đài Loan. Trương Xuân Hoàng cùng Giang Vĩnh Tiến và Thẩm Đông Thanh đồng sáng tác *Khái luận văn học tiếng Đài Loan* (台語文學概論) (2001), nội dung hàm súc, toàn diện, từ trước đến nay luôn là sách nhập môn để hiểu rõ toàn bộ phong trào và tình hình sáng tác văn học tiếng Đài Loan của độc giả.

1.6. Ngô Chính Nhiệm (吳正任)

Ngô Chính Nhiệm (1953-), năm 2002 thông qua giám định giáo viên tiếng mẹ đẻ của Bộ Giáo Dục, nhậm chức giáo viên tiếng mẹ đẻ cơ sở, bắt đầu viết tiếng Đài Loan; năm 2005 xuất bản tuyển tập thơ tiếng Đài Loan đầu tiên *Xe qua Gu-lou-oan* (車過牛路彎), tác giả có nhiều tri thức nhân văn, địa lý về quê hương Diên Liêu, Cương Sơn của mình, lại tích cực tham gia các hoạt động văn học, văn hóa,

nghệ thuật, văn xuôi là kết quả của sự nhạy cảm phản ánh kinh nghiệm, tri thức của ông.

Văn học tiếng Đài Loan Hai-ang (海翁台語文學) là lĩnh vực do Hoàng Kính Liên lãnh đạo điều hành, đăng tải tác phẩm của giới sáng tác ngoài những tác giả đang ở trực tuyến ra, còn bồi dưỡng được nhiều nhà văn mới là những giáo viên tiếng Đài Loan ở các trường trung Tiểu học và thầy giáo Ngô Chính Nhiệm là một trong những giáo viên đó.

2. Kịch tiếng Đài Loan

Kịch của Đài Loan phân thành kịch truyền thống và kịch kiểu mới, thời kỳ Nhật chiếm đóng, Đài Loan ngoài việc trong các dịp Lễ tết tạ ơn thần mới diễn những vở kịch giải trí truyền thống như *Pou-te-hi*, *Koa-a-hi*, Nam Quân, Bắc Quân v.v... Do kinh tế chuyển biến tốt, hình thành thị trường giải trí ở đô thị, dần dần phát triển nên loại kịch mới và *Koa-a-hi* diễn xuất thương nghiệp sân khấu. Kịch hiện đại phương Tây là do Nhật Bản du nhập vào Đài Loan, trở thành chất xúc tác cho phong trào văn hóa mới, có sự tham gia phát triển của thành phần trí thức, đến thời kỳ cuối của Chiến tranh Thế giới thứ 2 thì đã có quy mô tương đối đáng kể. Chỉ đáng tiếc là sau Chiến tranh Thế giới thứ 2 bị Trung Quốc tiếp quản, ngoài những quang vinh ngắn ngủi ở thời kỳ đầu, có một số diễn xuất, đến sau Sự kiện 228, toàn bộ hoạt động của kịch mới gần như là hoàn toàn bị gián đoạn. Cho đến năm 1980 trở về sau, mới bắt đầu nổi lên một làn sóng mới của hoạt động sân khấu hiện đại.

Do đó, bộ phận “kịch” trong văn học tiếng mẹ đẻ thực sự rất nhỏ bé, yếu ớt, hiện nay, đến như sáng tác kịch bản trong bộ phận tiếng Hoa cũng rất khan hiếm, nói chi đến dùng tiếng mẹ đẻ để sáng tác kịch mới. Năm 1991, do kế hoạch của Uông Kỳ Mi, Liêu Thụy Minh chủ biên một loạt sê-ri kịch bản “Nơi giao nhau của kịch” với 25 quyển, thu thập một bộ phận những kịch bản sân khấu đã diễn xuất những năm 80 của thế kỷ 20 trở lại đây, trong đó bao gồm: *Tiếng Đài hài hước - đời sống thế tục* (台語相聲--世俗人生) của Thái Minh Nghị (蔡明毅), *Dắt tôi đi xem cá* (帶我去看魚) của Hứa Thụy Phương (許瑞芳), *Buổi chiều thôn Qua Cầu* (過溝村的下晡) của Trần Mộ Nghĩa (陳慕義), *Ca kịch Kebalan* (噶瑪蘭歌劇) và *Nhà hát kịch biết đi* (走路戲館) của Du Nguyên Khanh (游源鏗), tổng cộng 5 quyển. Những kịch bản này thực ra không tính là văn học tiếng mẹ đẻ bởi vì kịch bản gốc của nó đã được viết bằng các loại mã hóa văn tự, đến khi diễn xuất lại phiên dịch thành lời đối thoại. Khi biên tập và xuất bản phải nhiều lần chỉnh sửa mới trở thành kịch bản cuối cùng, nên nghiêm túc mà nói không phải là những tác phẩm sáng tác văn học tiếng mẹ đẻ. Ngoài ra, cũng cần nói thêm rằng, sau này Lý Quốc Tu khi sáng tác kịch bản Nhóm biểu diễn Bình Phong, vì muốn thể hiện sự cần thiết của vai trò các nhóm dân tộc ở Đài Loan, các nhân vật trong kịch bản đều dùng tiếng mẹ đẻ để diễn đạt, các lời đối thoại đều dùng tiếng Hoa viết trước rồi nhờ người viết lại tiếng Đài Loan và biểu diễn.

Chỉ từ khi sau phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ mới sử dụng kịch bản viết bằng tiếng mẹ đẻ, đầu tiên phải kể đến sáng tác kịch bản tiếng Đài Loan của Trần Lôi, năm 1996, tập hợp thành *Tuyển tập kịch tiếng Đài Trần Lôi* (陳雷台灣話戲劇選集) và xuất bản. Tuyển tập đó thu thập những vở kịch ngắn như “Hàng xóm láng giềng” (厝邊隔壁), “Bác Cảng cũng muốn bầu cử” (阿港伯阿欲選舉), “Có một ngày của tháng Ba năm ấy” (彼年三月有一工), “Vương vấn một trăm năm” (一百年膏膏纏), “Có tai không có miệng” (有耳無嘴), “Công đức viên mãn” (圓滿功德), “Sinh con” (生囡發磅), Nữ hiệp (女俠), “A Hà trở lại” (河阿轉來去), Còn người còn của (拚生無拚死). Trong đó, “Có tai không có miệng” là nói về câu chuyện bi hài kịch về sự xảy ra vết rạn nứt tiếng mẹ đẻ giữa bà nội và cháu, sau khi biểu diễn công cộng đã thu được kết quả tốt, rất đáng mừng.

Ngoài ra, giới sáng tác tiếng mẹ đẻ chuyên tâm sử dụng tiếng Đài Loan viết kịch bản còn có Trần Minh Nhân, từ kịch bản sớm nhất “Số phận gia đình họ Hứa” (許家的運命) đến năm 1997, với “Cô dâu 228” (228新娘) và năm 1999 với “Thời gian ngắm hoàng hôn” (看紅霞的日子), các kịch bản được đưa vào *A-chhun*, “Người già” (老歲仔人) là kịch bản cải biên từ tiểu thuyết “Giá trị quan của bác Ip” (*Ip仔伯的價值觀*).

Kịch bản của Trần Lôi thực ra là một loại tác phẩm diễn xuất khác của đề tài tiểu thuyết, chỉ là một bên thì dùng chữ viết để kể chuyện, một bên là dùng hình thức của kịch để thể hiện trên sân khấu. Trần Minh Nhân do xuất thân từ kịch

chuyên nghiệp cho nên ông có sự sắp xếp kịch rất kỹ xảo, không phải chỉ có phiên dịch của văn bản tiểu thuyết mà thôi.

IV. Văn học tiếng Khách Gia

Trong phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ, dân tộc Khách Gia chỉ tích cực và khẳng khẳng khôi phục tiếng mẹ đẻ của mình, nhưng không đặc biệt nhấn mạnh sáng tác tiếng Khách Gia. Sáng tác văn học chỉ bàn đến *Văn học Khách Gia* (客家文學) của tinh thần văn hóa Khách Gia trên nghĩa rộng, không cố ý phát triển văn học tiếng Khách Gia. Năm 1998, Hoàng Hằng Thu (黃恆秋) viết *Khái luận lịch sử Văn học Khách Gia Đài Loan* (台灣客家文學史概論), ở phạm trù nghĩa rộng mà nói, ông Chung Triệu Chính (鍾肇政), người viết lời tựa cho quyển sách này tuy thừa nhận “tiếng Khách Gia” và “ý thức Khách Gia” là thành phần quan trọng của văn học Khách Gia nhưng muốn “văn học Khách Gia cần phải vận dụng tiếng Khách Gia thuần túy để sáng tác”, với tình hình hiện tại, “vẫn còn là lý thuyết quá xa vời”. Bởi thế, văn học tiếng mẹ đẻ thuần túy tiếng Khách Gia vẫn cứ không dễ phát triển và quảng bá.

Mãi đến năm 2010, mới có Khâu Nhất Phàm (邱一帆) đứng ra mời các bạn bè bằng hữu người Khách Gia, phát hành tập san *Văn học Khách Gia* (文學客家), một lần nữa tuyên bố “để xứng nền văn học dùng tiếng Khách Gia sáng tác thơ văn”. Phần lời biên tập viết rõ “trước khi sử dụng từ ngữ Khách Gia được công nhận tiêu chuẩn hóa, tập san của chúng tôi tôn trọng chuyên môn và tự do của người sáng tác, chỉ cần tác giả cho rằng có thể biểu đạt tình cảm, tư

tưởng của mình đồng thời cũng có thể làm cho người khác xem và hiểu được, thì bất luận tác giả sử dụng loại “hoàn toàn chữ Hán”, “chữ Hán - La tinh” hay là “chữ La tinh” đều được tôn trọng”. Điều này rất giống tình hình mà chữ viết của văn học Đài Loan gặp phải trước đó, song có sự khởi đầu thì cũng đã đáng để hy vọng. Cho đến tháng 12 năm 2012, tập san này tổng cộng đã xuất bản 11 kỳ.

Từ khi phục hưng tiếng mẹ đẻ cho đến nay, trước khi bắt đầu phát hành tập san *Văn học Khách Gia*, các tác phẩm thơ văn hiện đại ghi chú sáng tác bằng tiếng Khách Gia, được đăng ở *Đài Văn Thông Tấn* và *Báo BONG Đài Văn* một cách lẻ tẻ. *Báo BONG Đài Văn* bắt đầu từ kỳ 62 có lập chuyên mục thơ văn tiếng Khách Gia, mời mục sư Khâu Thiện Hùng (邱善雄) phụ trách chỉ đạo về tiếng Khách Gia, không theo định kỳ đăng thơ văn tiếng Khách Gia của Giang Tú Phụng (江秀鳳), La Tú Linh (羅秀玲), Lưu Huệ Chân (劉慧真), Khâu Nhất Phàm (邱一帆) v.v... đồng thời cũng ở bộ phận *Giải A Khuốc* (阿却賞) của Giải Văn Học Tiếng Đài Loan, thành lập loại Giải tiếng Khách Gia, động viên sáng tác văn học tiếng Khách Gia. Tiếp theo là do Bộ Giáo Dục mỗi năm đều tổ chức “Giải Văn Học Tiếng Mân - Khách” mới có sự xuất hiện sáng tác bằng chữ Khách Gia. Gần đây, xuất bản thơ tiếng Khách Gia cá nhân nổi bật nhất là tập thơ *Nguyên quán - Dạ hợp* (原鄉・夜合) của Tăng Quý Hải (曾貴海). Tập thơ này là tác phẩm dùng chữ Hán để viết tiếng Khách Gia của ông, sau đấy do Khâu Thục Hoa (邱淑華) phiên dịch thành phiên bản chữ La tinh để đối chiếu. Ngoài ra, Lâm

Anh Huệ (林櫻蕙) ở luận văn “Tính quan trọng của văn học tiếng mẹ đẻ đối với sự phục hưng tiếng mẹ đẻ - lấy Thơ tiếng Khách Gia hiện đại làm ví dụ”, ngoài việc giới thiệu ý tưởng và điều tâm đắc khi sáng tác của bậc tiền bối người Khách Gia, nhà thơ nữ Đỗ Phan Phương Cách (杜潘芳格) ra, còn tường tận vẽ bảng bổ sung những tập thơ tiếng Khách Gia hiện đại chủ yếu và mục lục tiêu đề các bài thơ, rất có giá trị đối với việc tham khảo.

ĐỌC THÊM

1. Dương Tư Hiển, *Nghiên cứu về giá trị quan và hình tượng của người Đài Loan trong tiểu thuyết tiếng Đài Loan của Trần Minh Nhân*, Đài Trung, Luận văn Thạc sĩ tổ Văn Học Đài Loan Khoa Văn Học Trung Quốc, Đại Học Tĩnh Nghi, 2005.

2. Hoàng Hằng Thu, *Khái luận lịch sử văn học Khách Gia Đài Loan*, Đài Bắc, Văn Phòng Văn Sử Đài Loan Khách Gia, 1998.

3. Hồng Duy Nhân, *Văn học tiếng Đài Loan và chữ Đài Loan*, Đài Bắc, Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 1992.

4. Lâm Anh Huệ, *Tính quan trọng của văn học tiếng mẹ đẻ đối với sự phục hưng tiếng mẹ đẻ - lấy Thơ tiếng Khách Gia hiện đại làm ví dụ*, Hội Thảo Học Thuật Phục Hưng Ngôn Ngữ và Nhân Quyền về Ngôn Ngữ, Đài Đông, Khoa Giáo Dục Ngôn Ngữ Đại Học Đài Đông, 2004.

5. Liêu Thụy Minh, *Luận 3 loại diện mạo trong thơ Trần Minh Nhân*, Hội thảo Văn học Đài Loan, Học Viện Quản Lý Công Thương Quản Trị Kinh Doanh Đạm Thủy, 1995.

6. Lý Cần Ngạn, *Văn học Peh-oe-ji: Văn hóa Đài Loan và sự tương tác giữa ngôn ngữ, văn học*, Đài Nam, Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2010.

7. Lý Trường Thanh, *Lâm Thảm Mặc nghiên cứu thơ hiện đại*, Đài Trung, Luận văn Thạc sĩ Khoa Văn Học Đài Loan, Đại Học Trung Hưng 2009.

8. Phương Diệu Kiên, *Lịch sử Văn học tiếng Đài Loan và biên soạn thư mục*, Cao Hùng, Đài Loan Văn Hội, 2012.

9. Thi Tuấn Châu, *Hướng dẫn đọc Văn học tiếng Đài Loan*, Đài Nam, Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, 2012.

10. Trần Lôi, *Tuyển tập kịch tiếng Đài Loan Trần Lôi*, Đài Trung, Quỹ Văn Giáo Giáo Dục Thành Phố Đài Trung, 1996.

11. Trương Xuân Hoàng, Giang Vĩnh Tiến, Thảm Đông Thanh đồng sáng tác, *Khái luận Văn học tiếng Đài Loan*, Đài Bắc, Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 2001.

CHƯƠNG 7

KẾT LUẬN - VIỆN CẢNH CỦA VĂN HỌC
TIẾNG MẸ ĐỂ ĐÀI LOAN

Mỗi dân tộc dùng tiếng mẹ đẻ của mình để sáng tác văn học, vốn là chuyện rất tự nhiên, không cần bàn cãi, không cần đặc biệt giải thích gì, chỉ có trong môi trường ngôn ngữ Hậu thực dân, mới nhấn mạnh đến ý nghĩa và đặc điểm của tiếng mẹ đẻ trong văn học, và khiến “văn học tiếng mẹ đẻ” (母語文學) trở thành một từ ngữ mang tính chính trị.

Trung Quốc ở thời kỳ Tần Thủy Hoàng thống nhất sáu nước chư hầu, sau khi thi hành chính sách “thư đồng văn” (chữ viết giống nhau), tuy các dân tộc, các địa phương “ngôn ngữ khác nhau về âm thanh”, nhưng chữ viết lại thống nhất, từ đó trong thảo luận văn học truyền thống của Trung Quốc, ngôn ngữ và văn tự (chữ viết) là cùng một khái niệm, rất khó phân biệt. Người Trung Quốc nếu đề cập đến “ngôn ngữ” trong tác phẩm thơ thì là chỉ về tu từ chứ không phải chỉ về ngôn ngữ mà nhà thơ sử dụng để sáng tác. Và văn học truyền thống của Trung Quốc luôn tuân theo nguyên tắc “ngôn ngữ và văn tự (chữ viết) phân khai” (ngôn văn phân lập) mà phát triển, ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết là không giống nhau, thảo luận về văn học từ trước đến nay vẫn là nhằm vào văn

bản văn tự, chứ không đề cập đến ngôn ngữ, tất nhiên cũng không có ai quan tâm tiếng mẹ đẻ của các dân tộc và tính cần thiết về chữ viết văn học của nó. Mặc dù với sự phát triển của lịch sử đế quốc Trung Hoa, trong bản đồ chính trị luôn luôn tồn tại một thực tế về nhiều dân tộc, nhiều ngôn ngữ (tiếng mẹ đẻ), nhưng “lịch sử văn học Trung Quốc” (中國文學史) từ đầu đến cuối đều lấy đế quốc làm trung tâm, chỉ chiếu cố quan tâm đến những tác phẩm văn học viết bằng một ngôn ngữ duy nhất, cho dù có thảo luận về văn học có tính khu vực nhưng cũng chỉ là sự phân biệt về địa lý, và từ trước đến nay không lấy sự khác nhau về dân tộc, ngôn ngữ để thảo luận văn học. Trong thời kỳ Nhật chiếm đóng, cụm từ văn học Đài Loan vì so với kẻ thực dân là Nhật Bản mà còn bao gồm ý nghĩa dân tộc, ngôn ngữ; sau Chiến tranh Thế giới thứ 2, dưới dòng chảy của văn học Trung Quốc, văn học Đài Loan (台灣文學) bất quá chỉ là tồn tại với khái niệm là văn học có tính khu vực, hoàn toàn không thể có chút gì về phát triển ý nghĩa dân tộc. Cho dù vào giữa những năm 70 của thế kỷ 20, Hướng Dương (向陽) đã từng thử sáng tác thơ bằng tiếng mẹ đẻ, ông cũng chỉ dám nói một cách rất thận trọng rằng đây là “thơ phương ngữ” (方言詩), tự định vị mình là “văn học phương ngữ” (方言文學), không có liên quan gì với chủ đề tiếng mẹ đẻ thảo luận trong lý luận Hậu thực dân. Nói một cách nghiêm túc thì “văn học tiếng mẹ đẻ” được đưa ra, đề cập đến cùng với sự phát triển của thảo luận về hậu thực dân, và quyển sách này là căn cứ vào khái niệm ấy, lấy sự ra đời của phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ của Đài Loan thời kỳ giữa những năm 80 của thế kỷ 20 làm

ranh giới, tuy có truy nguyên về văn học tiếng mẹ đẻ truyền miệng và thực tế sáng tác văn học tiếng mẹ đẻ mang tính tự phát trước khi có “ý thức tiếng mẹ đẻ”, nhưng trọng tâm chủ yếu vẫn là thời kỳ sau phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ của Đài Loan, bởi vì thực tế phát triển của nền văn học bắt đầu từ sự giác ngộ của “ý thức tiếng mẹ đẻ”.

Toàn bộ quá trình phát triển của văn học tiếng mẹ đẻ có thể nói là sự phục hưng tiếng mẹ đẻ, sự giải phóng sáng tác tiếng mẹ đẻ thậm chí cả quỹ đạo của sự xây dựng tính chủ thể văn hóa dân tộc. Triển vọng của tiến đồ văn học tiếng mẹ đẻ của Đài Loan cần phải đặt vào dòng chảy này để quan sát, bao gồm xây dựng tính hệ thống của sáng tác về tiếng mẹ đẻ, hình thành giới tác giả văn học tiếng mẹ đẻ và tính khả thi của đề tài, hình thức, phong cách, tinh thần cũng như sự phát triển đa dạng của các tác phẩm văn học tiếng mẹ đẻ.

I. Sự phát triển và giải phóng của sáng tác tiếng mẹ đẻ

Không kể là Đông hay Tây, từ xưa đến nay, tầng lớp biết chữ vẫn thuộc về giai cấp quan liêu thống trị. Chữ viết sáng tác là để phục vụ cho tín ngưỡng / chính trị chứ không phải vì sáng tác văn học mà phát minh; sáng tác là một đặc quyền, chứ không phải là quyền lợi của người dân. Nếu quan sát từ góc độ phát triển của văn học hiện đại phương Tây thì chúng ta có thể phát hiện ra sự quá độ từ văn học cũ sang văn học mới là có sự phát triển cao độ của ý nghĩa chính trị. Nói một cách đơn giản là thông thường đều lấy “văn nói và văn viết hợp nhất” làm khởi điểm của văn học hiện đại

phương Tây. Ví dụ *Dante* (但丁) lấy ngôn ngữ địa phương của mình để sáng tác, được coi là sự bắt đầu của văn học Ý hiện đại, *Martin Luther* (馬丁路德) dùng tiếng Đức phiên dịch Kinh Thánh là sự bắt đầu của văn học tiếng Đức hiện đại. Cuối thế kỷ 19, từ Hoàng Tuân Hiến (黃遵憲), Lương Khải Siêu (梁啟超) cuối đời Thanh đến Hồ Thích (胡適) thời kỳ sau Trung Hoa Dân Quốc, đều phát triển theo hướng ý niệm “tay tôi viết lời tôi nói”, đem cái vốn có là văn ngôn từng bước đổi thành văn Bạch Thoại. Các ý nghĩa mang tính tiêu biểu của những thay đổi “văn nói và văn viết hợp nhất” này không chỉ là sự thay đổi của ngôn ngữ mà còn là sự giải phóng của quyền lợi về chính trị tôn giáo và tôn nghiêm cá nhân. Người của các giai cấp, các ngành nghề đều có thể lấy tiếng mẹ đẻ trong cuộc sống thường ngày của mình viết ra những câu chuyện hay tiếng lòng của mình, điều này chứng tỏ sáng tác không còn là một đặc quyền mà là nhân quyền cơ bản của con người thời hiện đại.

Ngôn ngữ được đi vào chữ viết ghi chép sáng tác, tri thức sẽ thông qua hệ thống đọc và viết mà phổ cập đại chúng, tầng lớp biết chữ không còn là đặc quyền nữa, đây là tầng thứ nhất giải phóng của quyền lợi về tri thức. Tiếp đến, tất cả các dân tộc đều có thể thông qua giáo dục mà học tập đọc và viết tiếng mẹ đẻ của mình, đây là “quyền học tập” cơ bản. Phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ của các dân tộc ở Đài Loan trên thực tế cần phải là phong trào của sự giải phóng “quyền tiếng mẹ đẻ”, sự phát triển văn học tiếng mẹ đẻ lại mang trình độ nhất định của ý nghĩa chính trị.

Trong đó, bộ phận tiếng Đài, vì số lượng người sử dụng nhiều nhất, là ngôn ngữ mạnh và kinh tế của xã hội Đài Loan, trong dân gian từ lâu vốn đã luôn tồn tại văn học truyền miệng và lưu hành rộng rãi các sáng tác âm nhạc, kịch có tính văn học tiếng Đài Loan, đồng thời cũng có sự lưu hành của 2 loại văn bản nữa, đó là những sáng tác chữ Hán phổ biến và chữ La tinh trong Giáo Hội, vì thế, từ cuối thế kỷ 19 với hệ thống ngôn ngữ của Giáo Hội đến trước khi có phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ, Đài Loan đã tích lũy được nhiều văn bản văn học tiếng Đài, so với văn học tiếng mẹ đẻ của các dân tộc khác thì có thành quả tương đối phong phú hơn.

Cuối thế kỷ 19, các giáo sĩ Cơ Đốc Giáo phương Tây vì sự cần thiết của việc truyền giáo đã đưa vào Đài Loan hệ thống chữ La tinh Giáo Hội làm cho sự sáng tác bằng tiếng Đài có một khả năng mới ngoài sáng tác bằng chữ Hán. Nhưng trong các nước thuộc vòng văn hóa Hán, tất cả các ngôn ngữ đều lấy cách viết bằng chữ Hán làm chuẩn, còn chữ viết La tinh của Giáo Hội chỉ với tư cách là “tiểu văn hóa” lưu hành trong hệ thống ngôn ngữ của Giáo Hội mà thôi. Đến những năm 30 của thế kỷ 20, thời kỳ đầu của văn học mới Đài Loan, đã từng xuất hiện cuộc “tranh luận về ngữ văn Đài Loan”, nhằm tranh luận về vấn đề văn nói của văn Bạch Thoại “tay tôi viết lời tôi nói” đối chiếu tương ứng thực chất là tiếng Trung Quốc phổ thông hay là ngôn ngữ tiếng Đài Loan mà đa số người Đài Loan đều sử dụng? Kết quả là vì không có cách vượt qua rào cản dùng chữ Hán để

viết tiếng Đài Loan nên vẫn duy trì việc viết chữ Hán tiếng Trung Quốc Bạch Thoại làm chính.

Bởi do sự mê muội đối với chữ Hán và sự áp chế sau hai lần thi hành “Chính sách Quốc ngữ” đã làm gián đoạn cơ hội phát triển của việc viết tiếng mẹ đẻ, mãi đến sau Chiến tranh Thế giới thứ 2, vào thời kỳ những năm 80 của thế kỷ 20 với sự xuất hiện của phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ mới lại thấp sáng lên một tia hy vọng.

1. Sự hợp tan trong các cuộc tranh cãi về chữ viết tiếng mẹ đẻ

Thời kỳ đầu của phong trào, nguyện vọng yêu cầu của các đoàn thể rất giống nhau, đều là muốn “trả lại tiếng mẹ đẻ cho tôi” (還我母語), chỉ khi bước vào vấn đề viết tiếng mẹ đẻ, có yêu cầu về các cấp độ của giáo dục thì lại phát sinh tranh cãi và chủ trương của trăm nhà đua tiếng, của tất cả các đoàn thể. Nói tóm lại, thời kỳ sớm nhất, rõ rệt nhất là phái chữ Hán của Hồng Duy Nhân (洪惟仁) và phái phiên âm (chữ La tinh của Giáo Hội) của Trịnh Lương Vĩ (鄭良偉). Phái chữ Hán của Hồng Duy Nhân lấy *Đài Ngữ Văn Trích* (台語文摘) làm chủ thể, còn phái phiên âm (chữ La tinh của Giáo Hội) của Trịnh Lương Vĩ thì lấy *Đài Văn Thông Tấn* (台文通訊) làm chủ thể. Mỗi phái đều có những người ủng hộ riêng của mình và tự thành lập đoàn thể cộng đồng. Về sau, Lâm Ương Mẫn (林央敏) quan sát thấy được nhu cầu tất yếu của sự tích hợp về vấn đề chữ viết tiếng Đài, vào năm 1955, mới thành lập Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài (台語推展協會), mở rộng hơn tổ chức của phong trào, thậm

chỉ còn thành lập phân hội để liên kết tất cả người Đài Loan tại hải ngoại. Việc này đối với sự giác ngộ về ý thức tiếng mẹ đẻ là có xu thế mở rộng, nhưng đối với tích hợp các vấn đề về tiếng mẹ đẻ thì vẫn tôn trọng ý kiến của mỗi đoàn thể. Đến năm 2000, vì có mối quan hệ của sự kiện các chính đảng luân phiên cầm quyền, nên chính sách về tiếng mẹ đẻ đã có bước tiến triển lớn, sự quảng bá và giáo dục tiếng mẹ đẻ đã được đưa từ bên ngoài đường phố vào trong nhà trường, trải qua mấy lần nghiên cứu, thảo luận và tích hợp, vào năm 2006, Bộ Giáo Dục đã có thể công bố “Phương án phiên âm chữ La tinh tiếng Mân Nam Đài Loan” (台灣閩南語羅馬拼音方案) (gọi tắt là chữ Đài La tinh) và nhiều lần giới thiệu bảng từ thường dùng làm cơ sở tiêu chuẩn cho việc đánh giá năng lực tiếng Đài và các giáo trình về tiếng mẹ đẻ, đến đây, thì việc viết tiếng mẹ đẻ và phương án phiên âm cuối cùng cũng đã kết thúc một giai đoạn, *Đài Văn Thông Tấn* và *Nguyệt san văn học tiếng Đài Loan Hai-ang* cùng những tác phẩm liên quan đến các tập san này đều sử dụng phương án “chữ Đài La tinh”, tiện lợi cho việc quảng bá thúc đẩy văn hóa tiếng mẹ đẻ.

2. Sự hợp tan của các nhóm tác giả văn học tiếng mẹ đẻ

Trong quá trình của phong trào tiếng mẹ đẻ, ngoài việc lôi kéo, lãnh đạo những người ủng hộ phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ ra, cũng đã bồi dưỡng được nhiều lớp người viết lách bằng tiếng mẹ đẻ của mình, trong đó có một bộ phận đã tham gia vào đội ngũ sáng tác văn học tiếng mẹ đẻ.

Những tác giả này lúc đầu đến từ những đoàn thể vận động cho phương án chữ viết tiếng mẹ đẻ khác nhau, nhưng do tham gia những hoạt động phục hưng ngôn ngữ này mà đã giao lưu với nhau, họ cũng mượn sự lưu hành những tập san tiếng mẹ đẻ, giữa các thành viên đã vì “lấy văn làm bạn” mà có sự thành lập và phân chia lại các nhóm tác giả văn học.

Các tác giả viết tiếng Đài sớm nhất đến từ hai hệ thống tập san là *Đài Văn Thông Tấn* và *Đài Ngữ Văn Trích*. *Đài Văn Thông Tấn* thừa kế hệ thống truyền thông tiếng Đài ở hải ngoại, đến sau khi Đài Loan thành lập trụ sở tổng liên lạc, với Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn ở các nơi như Đài Bắc, Đài Trung, Chương Hóa đã thành lập hội đọc sách hay hội sáng tác, sau đó, sáng lập *Báo BONG Đài Văn* (台文BONG報) ở Đài Loan, đến năm 2012, kết hợp thành *Báo BONG Đài Văn Thông Tấn* (台文通訊BONG報) và tiếp tục hoạt động, đào tạo được không ít các tác giả sáng tác tiếng Đài Loan. *Đài Ngữ Văn Trích* thì lại thiên về tôn trọng sự kế thừa các tri thức tiếng Đài Loan truyền thống, cổ điển, ngược lại, việc sáng tác văn học mới hiện đại thì hơi yếu, song các thành viên của Hội Sáng Tác Tiếng Đài đều dựa vào sự giao lưu của cá nhân mà nộp bài viết ở các tập san khác.

Nhà thơ của vùng đất muối mặn Đài Nam Hoàng Kính Liên (黃勁連) mời Hồng Duy Nhân mở lớp tiếng Đài ở Đài Bắc, sau khi tiếp xúc với tiếng Đài ông trở về Phủ Thành Đài Nam và mở ra một “vùng trời” của phong trào ngữ văn Đài ở miền Nam Đài Loan. Từ việc thành lập hội đọc sách của tổ học sinh lớp tiếng Đài, động viên các thành viên sáng

tác, thành lập tạp chí *Đài Ngữ Văn Trích*, mà thành lập cộng đồng văn học của nhóm *Hoa Cỏ Lau*. Về sau, Hoàng Kính Liên thành lập *Nguyệt san văn học tiếng Đài Loan Hai-ang* ở Nhà Xuất Bản Kim An, chuyên xuất bản các tác phẩm văn học tiếng Đài, hình thành nên “Cộng đồng văn học *Hai-ang*”.

Còn Phương Diệu Kiến (方耀乾) bởi vì chủ biên của các tập san tiếng Đài *Hoa Cỏ Lau* (菅芒花) mà kết duyên, giao lưu cùng các tác giả của nhóm *Ka-tang* (茄荳) của Lâm Ương Mẫn và nhóm *Văn học mới Đài Loan* (台灣新文學) của Tống Trạch Lai (宋澤萊) ở Đài Trung, rồi thành lập một nhóm riêng, từ *Văn nghệ Đài Loan* (台灣文藝) phát triển thành *Đài Văn Chiến Tuyến* (台文戰線), và từ đây cũng kết hợp với những tác giả tiếng Đài khác ví dụ như Hồ Trường Tùng (胡長松) ở Cao Hùng.

Cuối năm 2009, giới tác giả tiếng Đài với sự đề xướng của Lý Cần Ngạn (李勤岸), đã mời tất cả các cộng đồng tiếng Đài ở hai miền Nam Bắc Đài Loan tập hợp lại và thành lập “Hội Nhà Văn Đài Loan” (台文筆會), hy vọng lấy danh nghĩa của đoàn thể các tác giả một ngôn ngữ duy nhất gia nhập Hội Bút Quốc Tế (國際筆會), các tác giả văn học tiếng Đài cuối cùng cũng đã có một cơ hội hội nhập rất tốt.

3. Sự phát triển của văn học tiếng mẹ đẻ

Các dân tộc Đài Loan đối với mục tiêu theo đuổi và tưởng tượng về việc phục hưng tiếng mẹ đẻ có những điểm không giống nhau nên phát sinh hiệu quả cũng khác xa nhau một trời một vực. Các dân tộc bản địa số lượng người ít, tình hình biến mất của ngôn ngữ rất nghiêm trọng, đồng thời với

việc trước đây luôn không có sự ra đời phát triển của một hệ thống chữ viết văn tự ổn định, thuần thực, càng không thể bàn đến chuyện lấy tiếng mẹ đẻ để tiến hành sáng tác văn học. Họ chỉ phải tìm đến cách đơn giản hơn, lấy cách viết chữ Hán làm chính, để sáng tác ra những tác phẩm văn học có phong cách, tinh thần văn hóa của các dân tộc bản địa. Về dân tộc Khách Gia, với sự nỗ lực phục hưng tiếng mẹ đẻ, tuy họ rất tích cực, nhưng trên thực tiễn sáng tác văn học ngôn ngữ viết tiếng mẹ đẻ vẫn còn rất yếu ớt. Nguyên nhân chủ yếu có thể là, dân tộc Khách Gia hơi thiên về “ngôn văn phân lập”, không tích cực trong việc đem văn nói và văn viết hợp nhất với nhau, đa số mọi người đều vẫn kiên trì với việc dùng chữ Hán để chú thích, ký hiệu tiếng Khách Gia, không đặc biệt công bố (hoặc nói là: “không động viên”) việc tự thành lập một hệ thống văn tự chữ viết, cùng lắm là những tác giả tâm cơ như Chung Triệu Chính (鍾肇政), Lý Kiều (李喬) v.v... mô phỏng chữ Hán để viết phần đối thoại của tiếng Khách Gia trong các tác phẩm tiểu thuyết của mình, như thế là đã có đặc điểm của Khách Gia rồi. Họ thường chỉ nhấn mạnh tinh thần Khách Gia, phong cách văn hóa Khách Gia, như Hoàng Hằng Thu (黃恆秋) đã nói về nghĩa rộng của cụm từ “văn học Khách Gia” (客家文學) mà không đòi hỏi khắt khe về viết “hoàn toàn bằng tiếng Khách Gia”. Về phần thơ tiếng Khách Gia hiện đại, từ sau khi có phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ, luôn có người sáng tác, như sự tham gia của các nhà thơ quê hương như Phạm Văn Phương (范文芳), Hoàng Hằng Thu (黃恆秋), Lợi Ngọc Phương (利玉芳), Trương Phương Từ (張芳慈), Tăng Quý Hải (曾貴海)

v.v... Những năm gần đây lại có thêm những tác giả người Khách Gia như Khâu Nhất Phàm (邱一帆) thành lập *Văn học Khách Gia* (文學客家), nêu lên chủ trương việc hoàn toàn dùng tiếng Khách Gia để sáng tác, phát triển văn học tiếng mẹ đẻ Khách Gia.

Trong phong trào phục hưng tiếng mẹ đẻ thì tiếng Đài phát triển tích cực nhất, hoàn chỉnh nhất, thành quả cũng phong phú nhất. Không những tập trung sức lực với việc khôi phục năng lực nghe, nói tiếng Đài, mà còn tiến thêm một bước trong việc xây dựng hệ thống chữ viết ổn định, khôi phục và tăng cường năng lực đọc, viết tiếng Đài, đồng thời còn dùng hệ thống chữ viết này để phát triển văn học tiếng mẹ đẻ của tiếng Đài. Hệ thống chữ viết “Hán - La tinh kết hợp” đã càng kết nối, hội nhập cùng với văn học chữ La tinh Giáo Hội cuối thế kỷ 19 đến nay, đã đưa lịch sử văn học mới Bạch Thoại của Đài Loan lên trước thời gian đã định mấy chục năm. Ngoài ra, đã đem tất cả những sáng tác văn học tiếng Đài của thời kỳ trước và sau phong trào tiếng mẹ đẻ kết hợp lại với nhau, dường như tự hình thành nên một truyền thống văn học tiếng Đài. Trường hợp từ phát triển bảo tồn tiếng mẹ đẻ đến sáng tác văn học thuần thực như tiếng Đài thế này, trong lịch sử phục hưng tiếng mẹ đẻ của thế giới là một trường hợp thành công rất hiếm thấy.

II. Viễn cảnh của văn học tiếng mẹ đẻ

Vào thời kỳ Hậu thực dân, việc khôi phục tiếng mẹ đẻ, lấy văn học tiếng mẹ đẻ để tìm lại ký ức lịch sử của dân tộc, xây dựng lại lòng tự tin và tính chủ thể của văn hóa của dân

tộc là một công trình văn hóa quan trọng nhất, cơ bản nhất. Kiểm điểm lại những cố gắng trong những năm gần đây, chúng ta cần phải thừa nhận rằng, cố gắng như vậy là chưa đủ, thậm chí còn có nguy cơ bị thế lực văn hóa thực dân vốn tồn tại phản công lại, con đường xây dựng phục hồi lại văn hóa tiếng mẹ đẻ còn rất chậm và rất dài. Với sự va đập của trào lưu tư tưởng và sự đa nguyên văn hóa, tiếng mẹ đẻ dần dần biến mất, ý thức chủ thể của dân tộc và bản sắc địa phương cũng vì thế mà xuất hiện nguy cơ nghiêm trọng.

Giáo dục tiếng mẹ đẻ của Đài Loan vẫn còn dừng lại ở giai đoạn đối phó tùy tiện hay như trang trí mà thôi, chính phủ không coi trọng, người dân không tích cực, tiếng mẹ đẻ của các dân tộc đang từng chút từng chút một dần biến mất, môi trường ngôn ngữ nói tiếng mẹ đẻ dần dần không còn nữa, những từ ngữ cần thiết cho việc viết tiếng mẹ đẻ bị hạn hẹp, trở nên ít ỏi, năng lực ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ xuất hiện vết nứt và khác biệt nghiêm trọng giữa các thế hệ, không gian phát triển và tồn tại của văn học tiếng mẹ đẻ đương nhiên cũng chịu sự đè nén. Ngoài một bộ phận tác giả văn học tiếng Đài Loan vẫn tiếp tục chiến đấu với vị trí “ngoại biên” ra, còn có những lớp người của thế hệ mới tình nguyện gia nhập và sáng tác những tác phẩm mới. Còn ngôn ngữ của các dân tộc khác như ngôn ngữ người Khách Gia hay người bản địa thì các tác phẩm văn học viết của họ cực kỳ hiếm hoi.

Song, ở góc độ lạc quan mà nói, nhìn lại lịch sử phát triển của văn học tiếng mẹ đẻ, từ sự khác biệt và tranh cãi

về hệ thống chữ viết đến việc tính văn học được chấp nhận, tiếp thu và trải qua 30 năm hoạt động của phong trào ngôn ngữ văn học tiếng mẹ đẻ thì khí thế và phong thái của tiếng mẹ đẻ đã dần dần được hồi phục, hệ thống chữ viết dần dần được xác lập, phần mềm nhập liệu tiếng mẹ đẻ không ngừng được nghiên cứu và phát triển đã cung cấp công cụ cho các tác giả tiện lợi, có hiệu quả trong sáng tác, giúp họ sáng tác ngày càng nhiều những tác phẩm văn học hay, xuất sắc. Do hệ thống mạng phát triển, nên việc thảo luận, đăng bài hay sáng tác trên mạng đều vô cùng tiện lợi, bồi dưỡng và hình thành rất nhiều những tác giả mới.

Trong thể chế học thuật, lĩnh vực của ngành văn học tiếng Đài Loan dần dần được coi trọng, các tác phẩm văn học không ngừng được phân tích và giải thích, với việc tiếp nối liên tục của sự phê bình, đã xây dựng lý luận mỹ học thuộc văn học tiếng Đài, thoát khỏi việc dùng tiêu chuẩn mỹ học của văn học tiếng Hoa để đánh giá, khiến văn học tiếng Đài thực sự có được nét đặc sắc và sinh mệnh độc lập của chính mình. Các tác giả tiếng Đài Loan thế hệ mới không cần giống như các tác giả thời kỳ đầu phong trào phải trải qua sự chuyển đổi của tiếng Hoa mà có thể trực tiếp dùng tiếng Đài để tiến hành sáng tác văn học, dùng tiếng Đài của thời đại hiện nay để thể hiện tinh thần hay sự vật của thời đại mới. Sự phát triển của văn học tiếng Đài đã động viên dân tộc Khách Gia và các dân tộc bản địa khác cũng muốn phát triển văn học tiếng mẹ đẻ của chính mình, ví dụ như tạp chí *Văn học Khách Gia* của Khâu Nhất Phàm (là do Hội Bút Khách Gia Đài Loan xuất bản). Chúng ta rất vui mừng

khi có thể chờ đợi nền văn học Đài Loan xuất hiện văn học tiếng mẹ đẻ của các dân tộc, tùy theo tình hình thực tế mà thể hiện diện mạo đặc sắc về sự phong phú, đa ngôn ngữ của văn học Đài Loan.

Tinh thần của văn học tiếng mẹ đẻ là một loại giá trị phổ biến, bởi vì mỗi một loại ngôn ngữ đều có nét đặc thù về cảm nhận ngôn ngữ, mỹ cảm của nó, chỉ có thông qua tác phẩm văn học mới đem mỹ học của loại ngôn ngữ đó thể hiện ra ngoài, đồng thời tiến hành tiếp nối, duy trì, phát triển nó một cách tốt nhất, và một nền văn hóa thực sự có “tính bản địa” và “tính chủ thể” thì cũng mới có lòng tin có thể sâu rễ bền gốc trên chính đất đai của mình. Ngày nay, thời kỳ đầu của thế kỷ 21, trải qua sự kiên trì và cố gắng nỗ lực không ngừng của nhiều người, tiếp nối sự phấn đấu của thời kỳ đầu phong trào, từ truyền thống quá độ đến hiện đại, từ một ngôn ngữ duy nhất đến nhiều ngôn ngữ của các dân tộc, vượt qua một chặng đường dài đằng đẵng và gian khổ cuối cùng thì cũng đã xây dựng lại được truyền thống văn học tiếng mẹ đẻ của mình, một truyền thống văn học đầy tự tin, có thể chấp nhận, tiếp thu và theo đuổi.

Quan trọng nhất là các tác giả văn học tiếng mẹ đẻ thời đại ngày nay cũng giống như các tác giả văn học mới thời kỳ Nhật chiếm đóng, họ tìm được nhiệm vụ của thời đại, sáng tác ra những tác phẩm văn học thuộc về tinh thần của thời đại mình, động viên những người Đài Loan cùng thời đại, phát huy truyền thống quang vinh của văn học Đài Loan, tìm được vị trí rõ ràng của chính mình trong bản đồ văn học

thế giới, sử dụng văn học tiếng mẹ đẻ làm chỗ dựa về tinh thần và là vũ khí để xây dựng đất nước độc lập, thực hiện công cuộc chiến đấu với văn học hậu thực dân, cùng với tất cả nhân dân Đài Loan kể vai sát cánh xây dựng một đất nước quang vinh và hạnh phúc.

Mượn lời của Lý Căn Ngạn, nếu gọi văn học *Peh-oe-ji* xuất hiện vào thời kỳ cuối của thế kỷ 19 là “Xuân sớm của văn học Đài Loan”¹⁰¹, thì những nỗ lực của chúng ta trong 30 năm nay trở lại đây có thể gọi là “Sự hồi xuân của văn học tiếng mẹ đẻ” - chúng ta dùng tiếng mẹ đẻ sáng tác để tìm lại được mùa xuân của văn học Đài Loan. Tất nhiên, hoa tươi nở rộ chỉ là khúc dạo đầu của mục tiêu lý tưởng, đường vẫn còn rất dài, không chỉ có tiếng Đài, mà bao gồm cả văn học tiếng mẹ đẻ của người Khách Gia và các dân tộc bản địa đều trông chờ càng có nhiều người tham gia, cùng chung tay vun trồng, và hy vọng sẽ đâm chồi nảy lộc nhiều hơn nữa những lá cành sum suê, rực rỡ.

ĐỌC THÊM

1. Liêu Thụy Minh, *Tiếng Đài còn đang quanh quẩn trước ngưỡng cửa của thể chế văn học - Kiểm điểm phong trào tiếng Đài từ những năm 90 trở lại đây*, luận văn “Hội Thảo Nghiên Cứu Học Thuật và Tính Chủ Thể của Đài Loan” (Hội Học Thuật Lịch Sử Đài Loan tổ chức, 7/2006).

101 Lý Căn Ngạn “Lời tựa: văn học *Peh-oe-ji* - Xuân sớm của văn học Đài Loan”, Lý Căn Ngạn chủ biên “Xuân sớm của văn học Đài Loan: Đợt 1 văn học *Peh-oe-ji*” Nước mắt của mẹ (Đài Nam, Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lăng, 2009).

NIÊN BIỂU VĂN HỌC

1626 - 2012

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
1626	Các giáo sĩ truyền giáo người Tây Ban Nha dùng chữ La tinh biên dịch <i>Ngôn ngữ Đạm Thủy</i> (淡水語) của dân tộc <i>Ketagalan</i> .	
1627	Nhà truyền giáo đầu tiên người Hà Lan tại Đài Loan, <i>Goegius Candidius</i> , đã lấy chữ La tinh để viết ngôn ngữ của dân tộc <i>Siraya</i> , gọi là chữ Tân Cảng (新港文), <i>Ang-mng-ji</i> (紅毛字).	
1650	Khoảng vào năm 1650, xuất bản <i>Matthew Bible</i> phiên bản đối chiếu giữa chữ Tân Cảng và chữ Hà Lan.	
1815	<i>Morrison</i> (<i>Robert Morrison</i> , 1782-1834) ở Học Viện Anh Hoa <i>Malacca</i> soạn thảo phương án chữ La tinh Giáo Hội cho tiếng Hán.	
1865	27/5 Giáo sĩ Giáo Hội Trưởng Lão Anh bác sĩ <i>Maxwell</i> (<i>Dr. James Laidlaw Maxwell</i> , 1836-1921) đến Đài Loan truyền giáo.	
1870	Bác sĩ <i>Maxwell</i> mở lớp dạy <i>Peh-oe-ji</i> ở Mộc San (Nội Môn Cao Hùng).	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
1871	Giáo Hội Trưởng Lão <i>Canada</i>, mục sư <i>Mackay</i> (Pev. <i>George Leslie Mackay</i>, 1844-1901) từ Sán Đầu Trung Quốc đến Đài Loan, bắt đầu truyền giáo từ Cao Hùng. Giáo Hội Trưởng Lão Anh, mục sư <i>Campbell</i> (Rev. <i>William Campbell</i>, 1841-1921) đến Đài Loan truyền giáo.	
1873	<i>Maxwell</i> hoàn thành / xuất bản quyển Kinh Thánh Tân Ước chữ <i>Peh-oe-ji</i> đầu tiên <i>Đấng cứu thế của chúng ta, Giê-su, Kinh Thánh Tân Ước Cơ Đốc</i> .	
1875	Mục sư <i>Barclay</i> (Rev. <i>Thomas Barclay</i> , 1849-1935) đến Đài Loan truyền giáo.	
1880	4/5 <i>Maxwell</i> quyên tặng cỗ máy in chữ rời đầu tiên cho Hội giáo sĩ Đài Nam, dùng cho việc in ấn chữ <i>Peh-oe-ji</i> , tháng 6 đến Đài Nam.	
1882	Tiến sĩ <i>Mackay</i> thành lập <i>Oxford College</i> (tiền thân của Viện Thần Học Đài Loan) ở Đạm Thủy.	
1884	24/5 Mục sư <i>Barclay</i> thiết lập xưởng in ấn Tụ Trân Đường (<i>Chu-tin-tong</i>), tục gọi là Hiệu Sách Tân Lâu.	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Dư Nhiêu Lý (Goerge Ede, 1855-1905, Hiệu trưởng đầu tiên của Trường PTTH Trường Vinh) biên soạn sách giáo khoa tiếng Hán <i>Peh-oe-ji Chú thích Tam tự kinh Peh-oe-ji phiên bản mới</i> . <i>Maxwell</i> giám sát việc in ấn quyển Kinh Thánh Cựu Ước <i>Peh-oe-ji</i> âm Hạ Môn đầu tiên: <i>Kinh Thánh Cựu Ước (Ku-iok e Seng-keng)</i> xuất bản.	
1885	12/7 Mục sư <i>Barclay</i> sáng lập tờ báo <i>Peh-oe-ji Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo (Tai-oan Hu-siann Kau-hoe-po)</i> , là khởi điểm của Văn học mới cận đại của Đài Loan.	
1886	Kỳ thứ 7 <i>Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo</i> đăng tải tiểu thuyết <i>Peh-oe-ji Chuyện kỳ lạ của Nhật Bản (日本の怪事)</i> (không viết tên tác giả), kỳ 8 đăng tải phóng sự văn học <i>Tin tức về Ma Tổ Bắc cảng (Pak-kang-ma e Sin-bun)</i> của Chu Bộ Hà (周步霞).	
1895	<i>Izawa Shuji (伊澤修二)</i> đưa ra <i>Đề trình giáo dục Đài Loan (台灣教育意見書)</i> , đề nghị thành lập “Học	Điều ước Mã Quan giữa Nhật Bản và Trung

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Viện tiếng địa phương” (土語講習所), là cơ quan giáo dục tiếng Đài của người Nhật Bản.	Quốc ký kết có hiệu lực. Thành lập nước Dân Chủ Đài Loan (台灣民主國).
1910	Hãng thu âm <i>Columbia</i> lấy danh nghĩa chi nhánh ở Đài Loan của <i>Nipponophone Co., Ltd</i> Nhật Bản thành lập tại Đài Bắc.	
1913	Hiệu Sách Tân Lâu Đài Nam xuất bản do <i>Campbell</i> biên tập <i>Tự điển về âm Hạ Môn; A dictionary of the Amoy Vernacular: Spoken throughout the Prefectures of Chin-Chiu, Chiang-Chiu and Formosa</i> (廈門音 e 字典). Bản đầu tiên được in ấn ở <i>Yokohama-shi</i>, tục gọi là “Tự điển Cam” (甘字典), tái bản thì gọi là <i>Tân tự điển về âm Hạ Môn</i> (廈門音新字典). <i>Đài Nam Giáo Hội Báo</i> (台南教會報) bắt đầu từ kỳ 340 trở đi đổi tên thành <i>Đài Loan Giáo Hội Báo</i> (台灣教會報).	
1917	Sách giáo khoa về Y học <i>Peh-oe-ji Điều dưỡng Nội Ngoại khoa; The</i>	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	<i>Principles and Practice of Nursing</i> (Lai-goa-kho Khan-hou-hak) (內外科看護學 / <i>The Principles and Practice of Nursing</i>), tất cả gồm 675 trang do Goerge Gushue- Taylor (1883-1954) biên soạn, Bệnh Viện Giáo Hội Trưởng Lão Cơ Đốc Đài Nam xuất bản, Công Ty Liên doanh In Phúc Âm ở thành phố Yokohama-shi in ấn (5/10).	
1920	Cơ quan báo Tân dân hội Thanh Niên Đài Loan (台灣青年) phát hành, bìa sách ghi thêm tên Peh-oe-ji “THE TAI OAN CHHENG LIAN”.	Bắt đầu phong trào vận động thiết lập Nghị viện Đài Loan (-2/9/1934).
1922	Trần Đoan Minh (陳端明), “Cổ xúy ngữ văn thường nhật” (日用文鼓吹論), <i>Thanh Niên Đài Loan</i> 1 kỳ 4 quyển. Mục sư người Nhật Bản Kagawa Toyohiko (賀川豊彦) đến Đài Loan phỏng vấn, nói rằng: “Một quốc gia độc lập cần thiết phải có sự độc lập về văn hóa”.	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
1923	Hiệp Hội Văn Hóa Đài Loan (台灣文化協會) tổ chức Đại hội định kỳ lần thứ ba thông qua nghị quyết: phổ cập chữ La tinh, biên ấn sách chữ La tinh.	
1924	Lại Nhân Thanh (賴仁聲) hoàn thành tiểu thuyết <i>Peh-oe-ji Ký hiệu Cây thập giá</i> (<i>Sip-ji-ke e Ki-ho</i>), đây là bản gốc của <i>Bông hoa ly trong bụi gai</i> (<i>Chhi-a-lai e Pek-hap-hoe</i>) năm 1954.	
1925	Phát hành <i>Hạt mù tạt</i> (<i>Koa-chhai Chi</i>) (Trung Hội Miền Bắc phát hành), độc lập phát hành tất cả 22 kỳ, phụ đề <i>Công báo của Giáo Hội Trưởng Lão Cơ đốc miền Bắc Đài Loan</i>, người phát hành kiêm chủ bút là Trần Thanh Trung (陳清忠). Tiểu thuyết <i>Peh-oe-ji Cứu giúp</i> (<i>Chin-chiu</i>) của Quách Đỉnh Thuận (<i>Keh Teng-sun</i>), đăng tải ở tạp chí <i>Hạt mù tạt</i> số 1-2. Lại Nhân Thanh (1898-1970) xuất bản tiểu thuyết <i>Peh-oe-ji Nước mắt của mẹ</i> (châu Cao Hùng quận Bình	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Đồng: Tòa Soạn Tỉnh Thế / người phát hành Trịnh Khê Phán (鄭溪泮), in vào ngày 31/7/1925, phát hành vào ngày 3/8/1925). Lời tựa viết rằng cuốn tiểu thuyết này thực ra có hai cuốn, một cuốn gọi là <i>Nước mắt của mẹ</i>, một cuốn gọi là <i>Ký hiệu Cây thập giá</i>. Thái Bồi Hỏa (蔡培火) (1889-1983) xuất bản tạp chí bình luận xã hội <i>Peh-oe-ji Mười điều khuyên</i> (十項管見) (Đài Nam: Hiệu Sách Tân Lâu, in vào ngày 9/11). Lâm Mậu Sinh (林茂生) (1887-1947) với kịch bản <i>Peh-oe-ji Kịch lịch sử về cải cách tôn giáo của Luther</i> (Lou-tek Kai-kau: Lek-su-hi), Hiệu Sách Tân Lâu xuất bản. Trịnh Khê Phán (1896-1951) ở Tòa Soạn Tỉnh Thế Bình Đông lập xưởng in chữ rời, phát hành <i>Giáo Hội Tân Báo</i> (Kau-hoe Sin-po) (教會新報).	
1926	Lại Hòa (賴和), “Độc So sánh giữa văn học mới và cũ” của báo Đài Nhật” (Đài Loan Dân Báo 89):	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	“Mục đích của phong trào văn học mới là sự hợp nhất giữa đầu lưỡi và ngòi bút”.	
1929	Thái Bồi Hỏa xuất bản <i>Sách giáo khoa Peh-oe-ji (Peh-oe-ji Kho-pun)</i> (白話字課本), tất cả có 9 bài. Thái Bồi Hỏa lấy danh nghĩa hội viên Câu Lạc Bộ Dân Chúng Đài Nam, mở lớp Hội Nghiên Cứu <i>Peh-oe-ji</i> Hình Thức La tinh (羅馬式白話字研究會) ở Vũ Miếu, Phủ Thành. 1929-1930 Thái Bồi Hỏa sử dụng <i>Peh-oe-ji</i> viết nhật ký.	
1930	Những năm 30, tranh luận ngũ văn Đài Loan <i>Luận chiến văn học quê hương</i> (鄉土文學論戰) bắt đầu với bài viết: Hoàng Thạch Huy (黃石輝), <i>Vì sao không khởi xướng văn học quê hương</i> (怎樣不提倡鄉土文學) (<i>Ngũ Nhân Báo</i> số 9-11). Thái Thu Đồng (蔡秋桐) với tiểu thuyết chữ Hán <i>Bí sử của làng Đế Quân</i> (帝君庄的祕史), <i>Tân Cao Tân Báo</i> (新高新報), tất cả 10 hồi: 249, 251, 253-255, 259-260, 265- 267.	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
1931	Hoàng Thạch Huy (黃石輝) hoàn thành tiểu thuyết tiếng Đài <i>Tự sát, chẳng thà giết địch</i> (以其自殺, 不如殺敵).	
1932	Nhập khẩu bộ phim <i>Đào hoa huyết lệ ký</i> (桃花泣血記) của Công Ty Sản Xuất Băng Đĩa Điện Ảnh Liên Mỹ Thượng Hải (上海聯美影業製片印刷公司) xuất bản do Bốc Vạn Thương (卜萬蒼) biên đạo, Nguyễn Linh Ngọc (阮鈴玉), Kim Diễm (金燄) đóng vai chính, nhà cung cấp vì quảng cáo phim đã mời Chiêm Thiên Mã (詹天馬) dựa theo kịch bản để viết lời thoại cho phim, Vương Vân Phong (王雲峰) viết nhạc cho phim, làm nên ca khúc thịnh hành đầu tiên <i>Đào hoa huyết lệ ký</i> của lịch sử phong trào ca nhạc lưu hành tiếng Đài vào những năm 30 của thế kỷ 20.	
1933	<i>Koa-a-chheh Bài ca khuyên cai thuốc phiện</i> (勸改阿片歌), nơi xuất bản: Hiệu Sách Thụy Thành, số 1, khu Trung, Lộ Xuyên, thành phố Đài Trung, người phát hành Hứa Kim	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Ba (許金波). Mục sư <i>Barclay</i> hoàn thành phiên dịch Kinh Thánh Cựu Ước (1927-1931), xuất bản vào năm 1933.	
1935	Lại Hòa (賴和), thơ tiếng Đài “Đứa con khờ” (呆囡仔), <i>Văn Nghệ Đài Loan</i> 2 quyển 2 kỳ. Đới Tam Kỳ (戴三奇) biên tập <i>Koa-a-chheh Ca khúc mới ký sự kênh đào về sự kiện Kim Khoái</i> (金快運河記新歌), bộ phận tiếng Hán do Hiệu Sách Ngọc Trân Gia Nghĩa phát hành. Tạp chí <i>Hạt mù tạt</i> (芥菜子) số 114 phát hành lần điệu 7 chữ gồm 17 đoạn của <i>Ca khúc bi thương ngày động đất</i> (<i>Chin-chai Pi-siong-koa</i>) của Kha Duy Tư (柯維思). <i>Khói</i> (灰) (Lại Hòa), “Bức thư của một người đồng chí” (一個同志的批信), <i>Văn học mới Đài Loan</i> số phát hành đầu tiên.	
1936	Hiệp Hội Văn Nghệ Đài Loan xuất bản <i>Tuyển tập Văn học dân gian Đài Loan</i> (台灣民間文學集) do Lý	<i>Kobayashi Seizō</i> (小林躋造) tiếp nhận chức vụ

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Hiến Chương (李獻章) biên tập, (in vào ngày 10/6/1936, phòng kinh doanh: Hội Văn Học Mới Đài Loan), do Lại Hòa viết lời tựa.	Tổng đốc Đài Loan (-1940), đưa ra 3 phương châm thống trị Đài Loan là “vận động hoàng dân hóa” (皇民化), “công nghiệp hóa” (工業化) và “Nam tiến hóa” (南進化).
1943	Hội Nghiên Cứu Diễn Kịch Hài Sinh lần đầu tiên trình bày nghiên cứu, công diễn ở nhà hát Vĩnh Lạc Đài Bắc: Trương Văn Hoàn (張文環) nguyên tác, Lâm Đoàn Thu (林搏秋) cải biên, Lữ Tuyền Sinh (呂泉生) viết nhạc cho vở kịch Nhật Bản gồm 6 cảnh 2 màn <i>Gà trống thiến</i> (閩雞) (phần đầu). Công Hội Phụng Mệnh Thiên Hoàng thúc đẩy “phong trào tăng cường Quốc ngữ thường dùng” (國語常用強化運動): trụ sở Trung	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	ương thành lập “Ủy Ban Quảng Bá Quốc Ngữ” (國語委員會)¹⁰²; chi hội thành phố, phân hội làng xã lập ra “Cán bộ tuyên truyền sử dụng Quốc ngữ” (國語推進黨員), kết hợp thành “Đội đẩy mạnh Quốc ngữ” (國語推進黨隊), tích cực giám sát người dân sống “cuộc sống Quốc ngữ” (國語生活); quy định các ngày 1, 11, 21 trong từng tháng là “Ngày Quốc ngữ” (國語日). Trịnh Khôn Ngũ (鄭坤五) (1885-1959) xuất bản tiểu thuyết <i>Côn Đảo Dật Sử</i> (鯤島逸史).	
1945	Liên Minh Học Sinh Đài Nam (台南學生聯盟) ở nhà hát Cung cổ (nhà hát Diên Bình) (延平戲院) thành phố Đài Nam công diễn vở kịch 2 hồi bằng tiếng Đài <i>Triều đại mới</i> (新生之朝) (Trần Nhữ Chu đạo diễn) (陳汝舟導演) của Vương Mạc Thù (王莫愁) (Vương Dục Đức) (王育德) nguyên tác và vở kịch 1 màn <i>Lính đào ngũ</i> (偷走兵) do Hoàng Côn Bân (黃昆彬) biên đạo.	Thiên Hoàng Nhật Bản tuyên bố đầu hàng.

102 Chú thích của dịch giả: trong thời kỳ Nhật trị, “Quốc ngữ” là tiếng Nhật Bản.

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
1946	Hội Nghiên Cứu Diễn Kịch Thánh Phong (聖烽演劇研究會) ở Đài Bắc công diễn lần đầu tại Công Hội Đường vở <i>Bích</i> (壁) (bi kịch một màn: Giản Quốc Hiên (簡國賢) nguyên tác, Tống Phi Ngã (宋非我) biên dịch, đạo diễn) và vở <i>La Hán đi hội</i> (hí kịch 3 màn: Tống Phi Ngã biên dịch, đạo diễn); Diêu Tán Phúc (姚讚福) cùng phối nhạc.	Giám đốc Viện Hành Chính Trần Nghị (陳儀) phát biểu bài diễn thuyết trên các tờ báo lớn, nhấn mạnh “Cương tính”, kiên quyết trong việc đẩy mạnh Quốc ngữ ¹⁰³ . Ủy Ban Quảng Bá Quốc Ngữ Đài Loan chính thức thành lập (6/1959 bãi bỏ), thuộc Công sở Giám Đốc Điều Hành Phòng Giáo dục.
1947	Báo Tân Sinh (新生報) phát hành phụ san <i>Cây cầu</i> (橋), tất cả 223 kỳ (-29/3/1949); chủ biên Ca Lôi (歌)	Sự kiện ngày 28 tháng Hai (228 事件).

103 Chú thích của dịch giả: trong thời kỳ chính phủ Trung Hoa Dân Quốc đến chiếm Đài Loan, “Quốc ngữ” là tiếng Trung Quốc.

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	雷) (Sử Tập Mai) (史習枚). Học Viện Sư Phạm Đài Loan (台灣師範學院) thành lập Tổ kịch tiếng Đài (Chủ tịch Thái Đức Bản) (社長蔡德本), phát hành <i>Văn nghệ Long An</i> (龍安文藝); 1948-1949 công diễn vở <i>Trời chưa sáng</i> (天未亮) (<i>Con đường không có mặt trời</i> (沒有太陽的街); cải biên kịch bản <i>Mặt trời mọc</i> (日出) nguyên tác của Tào Ngụ (曹禺).	
1948	Kịch bản kịch nói <i>Trần Tam Ngũ Nương thời hiện đại</i> (現代陳三五娘) của Lữ Tố Thượng (呂訴上) cải biên thành kịch bản phát thanh, phát tại Đài phát thanh Trung Quốc (中國廣播電台).	Chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng tuyên bố “Điều khoản lâm thời của thời kỳ tổng động viên dẹp loạn”.
1949	Nhạc tiếng Đài <i>Vá lưới rách</i> (補破網): Lý Lâm Thu (李臨秋) viết lời, Vương Văn Phong (王雲峰) viết	Sự kiện ngày 6 tháng Tư (四六事件)¹⁰⁴.

104 Chú thích của dịch giả: Sự kiện ngày 6 tháng Tư còn gọi là Phong trào học sinh, xảy ra từ năm 1948-1949, chính phủ Trung Quốc Quốc Dân Đảng đã truy lùng, bắt bớ sinh viên với quy mô lớn ở Đại Học Quốc Gia Đài Loan và Đại Học Quốc Gia Sư Phạm Đài Loan tại Đài Bắc với lý do sinh viên đã bị Đảng Cộng Sản tẩy não.

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	nhạc. Nhạc tiếng Đài <i>Bánh chưng nóng hổi</i> (燒肉粽): Trương Khâu Đông Tùng (張邱東松) viết nhạc và lời. Ra mắt bài hát tiếng Đài <i>Hãy uống cạn ly</i> (杯底毋通飼金魚): Điền Xá Ông (田舍翁) trình bày, Cư Nhiên (居然) (Lữ Tuyền Sinh) (呂泉生) viết lời, Lữ Tuyền Sinh viết nhạc, địa điểm: Trung Sơn Đường Đài Bắc, buổi hòa nhạc thứ 2 Phòng Nghiên Cứu Văn Hóa Đài Bắc.	Phát hành bán nguyệt san Tự do Trung Quốc (自由中國).
1950	Ủy Ban Cải Tạo Đài Loan của Trung Quốc Quốc Dân Đảng trừ bị Đoàn kịch tiếng Đài Loan (台語劇團) (trưởng đoàn Lữ Tổ Thượng), lưu diễn miễn phí trên toàn quốc (1/7-8/10/1951), là tiền thân của Đội công tác văn hóa Đài Loan. Trần Thanh Trung (陳清忠) (1895-1960) phiên dịch kịch bản của Shakespeare <i>Người lái buôn thành Venice</i> (<i>Venice e Seng-li-lang</i>) tổng cộng 19 trang.	
1951	Lữ Tổ Thượng sáng tác, viết lại kịch bản <i>Koa-a-hi</i> Đài Loan <i>Nữ phi</i> (女	Ủy Ban Đẩy Mạnh Giáo

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	匪幹) do Phòng Thông Tin Đài Loan xuất bản. Bản tự in <i>Tiểu phong thần</i> (小封神): Hứa Bính Đinh (許丙丁) (1900-1977) tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc <i>Tiểu phong thần</i> cải đính và tự in (Xưởng In Đại Minh). Phát hành <i>Đài Loan Phong Vật</i> (台灣風物).	Dục Xã Hội Bộ Giáo Dục thành lập Hội phụ đạo giáo dục Quốc ngữ.
1954	Ngô Thủ Lễ (吳守禮) chỉnh sửa <i>Bản thảo Thông chí tỉnh Đài Loan - quyển 2: Nhân dân chí phần ngôn ngữ</i> (台灣省通志稿/卷二: 人民志語言篇) (Ủy Ban Văn Hiến Tỉnh Đài Loan, Đài Bắc). Liêu Dục Văn (廖毓文) (Liêu Hán Thân) (廖漢臣), “Sử lược phong trào cải cách văn tự Đài Loan” (台灣文字改革運動史略) <i>Đài Bắc văn vật</i> (台北文物) 3 quyển 3 kỳ - 4 quyển 1 kỳ. Lữ Tuyền Sinh viết nhạc, Vương Sưởng Hùng (王昶雄) viết lời cho bài hát tiếng Đài <i>Nếu tôi mở cánh cửa lòng mình</i> (阮若打開心內的門窗).	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
1955	Công văn của Bộ Giáo Dục gửi chính phủ tỉnh hạn chế Giáo Hội sử dụng <i>Peh-oe-ji</i> , cấm chỉ dùng <i>Peh-oe-ji</i> truyền giáo. Ngô Thủ Lễ sáng tác <i>Tổng thành tích nghiên cứu tiếng Đài 50 năm trở lại đây</i> (近五十年來台語研究之總成績) (Nhà Xuất Bản Đại Lập).	
1956	Tân Kỳ (辛奇) (Tân Kim Truyền 1924-), Từ Thủ Nhân (徐守仁), Lý Xuyên (李川) v.v... sáng lập Câu Lạc Bộ Kịch Thí Nghiệm Tiếng Đài Trung Hưng. Cải biên từ những sự kiện xã hội, Hà Cơ Minh (何基明) đạo diễn, Hàn Triết (寒蜚) biên kịch phim tiếng Đài <i>Ký sự tự tử vì tình trên kênh đào</i> (運河殉情記), trình chiếu lần đầu ở Công Ty Điện Ảnh Nam Dương.	Chính quyền Trung Quốc Dân Đảng toàn diện đẩy mạnh “phong trào Quốc ngữ”, quy định các cấp cơ quan, trường học, nơi công cộng bắt buộc phải nói Quốc ngữ.
1957	Buổi hòa nhạc của nhạc sĩ du học ở Nhật ông Ngô Tấn Hoài (吳晉淮) khi trở về nước. Trương Tân Hưng (張新興) biên tập <i>Koa-a-chheh Ca khúc kỳ án trên</i>	Ty giáo dục ra lệnh cho các tỉnh thành cấm chỉ Kinh Thánh <i>Peh-oe-ji</i> , các

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	<i>kênh đào Đài Nam</i> (台南運河奇案歌) tập 1-3, Thư Viện Trúc Lâm Tân Trúc phát hành. <i>Văn Hữu Thông Tấn</i> (文友通訊) kỳ thứ 4 lấy “Ý kiến của tôi về văn học quê hương của Đài Loan” làm chủ đề, ý kiến của các thành viên thiên về phủ định không đồng ý. Trương Thâm Thiết (張深切) biên kịch, đạo diễn, bộ phim tiếng Đài <i>Khu-bong-sia</i> (邱罔舍) lần đầu tiên trình chiếu. Liên Nhã Đường (連雅堂) xuất bản <i>Từ Điển Đài Loan</i> (台灣語典).	giáo sĩ phải dùng Quốc ngữ để giảng đạo.
1958	Lâm Đoàn Thu đạo diễn, Quách Chi Uyển (郭芝苑) biên soạn nhạc kịch tiếng Đài <i>Phụng Nghi Đình</i> (鳳儀亭) (Điêu Thuyền), Công Ty Điện Ảnh Ngọc Phong.	
1959	Hoài Ước Hàn (懷約翰) <i>Vấn đề ngôn ngữ của Giáo Hội vùng núi</i> (山地教會e語言問題) (Đài Loan Giáo Hội Công Báo 846). <i>Đài Loan Giáo Hội Công Báo</i> (台灣教會公報) số 852 ra “thông báo”: “Vấn đề liên quan đến Peh-oe-ji	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	người Khách Gia của Hội Truyền Giáo Phúc Âm Liên Hiệp Khách Gia” (Chủ tịch của Hội: <i>Biau Ni-kam</i>).	
1960	Vương Dục Đức (王育德) liên kết với những du học sinh ở Nhật như Hoàng Chiêu Đường (黃昭堂) thành lập Câu Lạc Bộ Thanh Niên Đài Loan ở <i>Tokyo</i>. <i>Thanh Niên Đài Loan</i> (台灣青年) ở <i>Tokyo</i> phát hành hai tháng một lần tập san bằng tiếng Nhật, bắt đầu đăng tải các <i>Bài giảng tiếng Đài</i> của Vương Dục Đức (toàn bộ 24 bài). Hoàng Vũ Đông (黃武東) đại diện Giáo Hội Trưởng Lão trả lời tin tức giả của báo chí và tòa án hành chính bác lại tố tụng hành chính của Giáo Hội Trưởng Lão: “Tổ tụng hành chính của Giáo Hội kháng cáo việc Kinh Thánh chữ La tinh bị cấm chỉ sử dụng trên toàn quốc”.	
1966	Đại Học <i>Tenri</i> của Nhật Bản bắt đầu quảng bá giáo dục tiếng Đài ở các Khoa Ngoại ngữ.	Liên Minh Đài Loan Độc Lập (<i>United Formosans in</i>

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
		<i>America for Independence, UFAI)</i> thành lập trên toàn nước Mỹ.
1967	<i>Tiểu phong thần</i> của Hứa Bính Đình do Công Ty Điện Ảnh <i>Toei</i> dựng thành phim tiếng Đài và trình chiếu lần đầu tiên.	Cục Văn Hóa Bộ Giáo Dục thành lập.
1969	Trung Quốc Quốc Dân Đảng cấm toàn bộ vận chuyển bằng bưu điện <i>Đài Loan Giáo Hội Công Báo</i> (台灣教會公報), lý do là: cấm sử dụng chữ La tinh Đài Loan; <i>Đài Loan Giáo Hội Công Báo</i> phiên bản <i>Peh-oe-ji</i> bị đình chỉ, toàn bộ 1.050 kỳ (các kỳ thứ 1049, 1050 cùng phát hành). Vương Dục Đức với luận văn “Nghiên cứu hệ thống âm Mân Nam” (còn gọi là <i>Nghiên cứu lịch sử của ngữ âm Đài Loan</i>) đã nhận học vị Tiến sĩ Văn học ở Đại Học <i>Tokyo</i>. Vương Dục Đức bắt đầu mở lớp tiếng Đài ở Đại Học Ngoại Ngữ <i>Tokyo</i>, tên chính thức là “Nghiên	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	cứu đặc biệt về phương ngữ Trung Quốc”.	
1970	<i>Đài Loan Giáo Hội Công Báo</i> kỳ 1051 bị buộc phát hành bằng tiếng Hoa (phát hành lại bằng bản tiếng Hoa). Công Ty Truyền Hình Đài Loan bắt đầu phát vở <i>Pou-te-hi</i> Vân Châu Đại Nho Hiệp (雲州大儒俠) của Hoàng Tuấn Hùng (黃俊雄). (Tháng Ba bắt đầu phát sóng đến tháng Mười Một ngưng phát sóng). Tác phẩm mới của Đinh Bang (丁邦) <i>Cội nguồn ngôn ngữ Đài Loan</i> (台灣語言源流) do Phòng Thông Tin Tỉnh Đài Loan xuất bản. (Hiệu Sách Học Sinh xuất bản phiên bản mới năm 1979).	
1971	Học Viện Ngôn Ngữ Đài Bắc (<i>Taipei Language Institute</i>, tiền thân của Viện Nghiên Cứu Ngôn Ngữ Trung Hoa) xuất bản giáo trình tiếng Đài dành cho học sinh nước ngoài <i>Kẻ thù đáng yêu</i> (<i>Kho-ai e Siu-jin</i>), do Lại Nhân Thanh (賴仁聲) viết, Đỗ Đông Châu (涂東州) chỉnh sửa (toàn bộ viết bằng chữ La	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	tình và chú thích bằng tiếng Anh), Viện trưởng Hà Cảnh Hiền (何景賢) viết lời tựa.	
1973	Nguyệt san <i>Đài Loan Giáo Hội Công Báo</i> đổi thành tuần san. Nghiệp vụ phát thanh truyền hình từ Cục Văn Hóa chuyển giao cho Cục Thông Tin quản lý, Cục Thông Tin thành lập <i>Phòng Nghiệp vụ phát thanh truyền hình</i> (廣播電視事業處), tăng cường chỉ đạo các chính lệnh và tuyên truyền giáo dục xã hội.	
1974	Cục Văn Hóa và 3 Đài Truyền Hình ra “Hiệp nghị thỏa thuận”: 1. Các đài truyền hình “luân phiên phát sóng tiếng Mân Nam và kịch tiếng phổ thông vào buổi trưa”. 2. Tiết mục “Phương ngữ” nhiều nhất là 1 ngày phát sóng 1 giờ, có thể chia thành 2 khung giờ là buổi trưa và buổi chiều mỗi lần phát sóng 30 phút. Nguyên tắc phát sóng tiết mục “Phương ngữ” chiếm 1/10 thời lượng được xác lập từ đây. Cảnh sát xông vào Giáo Hội Bác Ái đang làm lễ ở làng Hòa Bình, lục	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	soát thơ Thánh và Kinh Thánh của dân tộc <i>Tayal</i>. Thiên Chúa Giáo, Cơ Đốc Giáo hợp tác phiên dịch xuất bản <i>Tân Ước</i> (新約) <i>Peh-oe-ji</i>, tục gọi là <i>Kinh Thánh bìa đỏ</i> (紅皮聖經).	
1975	Chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng tịch thu Kinh Thánh của dân tộc <i>Tayal</i>; sau đó, còn tịch thu tổng cộng 2.200 quyển Kinh Thánh bản cũ và <i>Kinh Thánh bìa đỏ</i>. Những người như Lý Phong Minh (李豐明) thành lập Trung Tâm Quảng Bá Ngôn Ngữ Đài Loan ở <i>New York</i>, Mỹ (29/3), phát hành tập san <i>Đài Ngữ Thông Tấn</i> (台語通訊) 2 tháng một kỳ, số đầu tiên toàn dùng chữ Hán in ấn; từ kỳ thứ 3 đổi thành chữ Hán - La tinh; kỳ thứ 4 đổi tên gọi thành <i>Nguyệt san báo chí Ngôn ngữ Văn hóa Đài Loan</i> (台灣語文月報刊). Trịnh Lương Vĩ (鄭良偉) với danh nghĩa của “Hội Nghiên Cứu Ngữ Văn Đài Loan” đăng ở <i>Nguyệt san Đài Loan độc lập</i> (台獨月刊) kỳ thứ	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	37 bài <i>Dự thảo kế hoạch Ngôn ngữ Văn hóa Đài Loan</i> (台灣語文計畫草案) lấy tiếng Phúc Kiến, tiếng Khách Gia làm cơ sở cho văn Bạch Thoại, soạn thảo 6 nguyên tắc cơ bản của kế hoạch về ngôn ngữ. Tổng hội thuộc người Khách Gia trên thế giới thành lập.	
1976	<i>Luật phát thanh truyền hình</i> (廣播電視法) công bố thi hành, điều 20 quy định: “Đài phát thanh đối với ngôn ngữ phát sóng của chương trình phát thanh trong nước cần phải lấy Quốc ngữ làm chính, tiếng địa phương nên giảm bớt theo từng năm và chiếm tỷ lệ bao nhiêu thì do Cục Thông Tin dựa theo nhu cầu thực tế mà quy định”.	
1977	Trung Tâm Quảng Bá Ngôn Ngữ Văn Hóa Đài Loan phát hành có hình thức như báo chí <i>Đài Loan</i>	Sự kiện Trung Lịch (中壢事件) ¹⁰⁵ .

105 Chú thích của dịch giả: Sự kiện Trung Lịch xảy ra vào năm 1977, khi bầu cử Huyện trưởng huyện Đào Viên, chính phủ Trung Quốc Quốc Dân Đảng đã gian lận khi bỏ phiếu khiến người dân phẫn nộ, kéo đến bao vây và đốt phá phân cục cảnh sát và đã bị đàn áp, có người còn bị bắn chết. Sự kiện này được coi là sự mở màn cho phong trào đấu tranh trên đường phố sau này.

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	<i>Ngữ Văn Nguyệt Báo</i> (台灣語文月報) (<i>Taiwan Linguistic & Cultural Monthly</i>, chuyển thể của <i>Đài Văn Thông Tấn</i>, in ấn và phát hành bằng chữ Hán - La tinh. Đoàn Kịch Thực Nghiệm Canh Tân công diễn vở <i>Hy vọng anh sớm trở về</i> (望你早歸) của Vương Trinh Hòa (王禎和) (Trưởng đoàn Hoàng Dĩ Công (黃以功) đạo diễn), mở ra phong trào nhà hát thử nghiệm của Đài Loan. Trần Thiếu Đình (陳少廷) biên soạn <i>Giản sử phong trào văn học mới Đài Loan</i> (台灣新文學運動簡史) do Thời Báo xuất bản.	Tranh luận về văn học quê hương (鄉土文學論戰).
1979	Hoàng Kính Liên (黃勁連), Đỗ Văn Tĩnh (杜文靖), Dương Tử Kiều (羊子喬), Hoàng Sùng Hùng	Sự kiện Mỹ Lệ Đảo (美麗島事件)¹⁰⁶.

106 Chú thích của dịch giả: Sự kiện Mỹ Lệ Đảo xảy ra vào 10/12/1979, là sự kiện xung đột lớn nhất giữa chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng và người dân kể từ sau Sự kiện 228. Nguyên nhân chính của sự kiện là một số nhân vật nòng cốt của tạp chí Mỹ Lệ Đảo tổ chức diễu hành, yêu cầu tự do dân chủ và dỡ bỏ lệnh giới nghiêm, sau đó chính quyền viện có đàn áp bạo động để tiến hành bắt bớ các nhân vật trên và đưa ra tòa án binh xét xử.

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	(黃崇雄), Ngô Câu (吳鈞) v.v... sáng lập Trại văn nghệ vùng đất Muối lần thứ nhất. Bắt đầu phát hành tạp chí Mỹ Lệ Đảo (美麗島). Bắt đầu phát hành thơ <i>Tiểu tập Dương Quang</i> (陽光小集).	
1981	Yoshihide Murakami (村上嘉英) biên soạn <i>Từ điển tiếng Mân Nam hiện đại</i> (現代閩南語辭典) (Viện Nghiên Cứu của Đại Học Tenri Nhật Bản), hệ thống bảng ký hiệu chữ La tinh Giáo Hội. Báo của cơ quan Liên Minh Đài Loan Độc Lập: thành lập tòa soạn Đài Loan Công Luận Báo ở Mỹ, phát hành số đầu tiên <i>Đài Loan Công luận Báo</i> (台灣公論報) vào ngày 31 tháng 7, 3 ngày phát hành một lần, người phát hành La Phúc Toàn (羅福全), Chủ tịch kiêm Tổng biên tập Hồng Triết Thắng (洪哲勝). Tổng Trạch Lai (宋澤萊) được mời tham dự Chương trình Viết văn quốc tế của Đại Học Iowa, Mỹ (IWP).	Ủy Ban Kiến Thiết Văn Hóa Viện Hành Chính thành lập vào cuối năm, Trần Kỳ Lộc (陳奇祿) làm Chủ tịch.

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Bộ phim tiếng Đài cuối cùng <i>Trần Tam Ngũ Nương</i> (陳三五娘) (phim Koa-a-hi).	
1984	Giáo Hội Trưởng Lão biên soạn <i>Kinh Thánh tiếng Bunun</i> (布農語聖經).	Hội Bảo Vệ Quyền Lợi Dân Tộc Bản Địa của Đài Loan (台灣原住民權利促進會) thành lập.
1985	Trần Kiến Trung (陳建中) chủ biên, toàn bộ dùng chữ Hán để viết <i>Tuyển tập Thánh ca tiếng Khách Gia</i> (客語聖歌集) (Ủy Ban Chấp Hành Đại Hội Lễ Truyền Giáo Khách Gia). Hướng Dương (向陽) đã cùng Dương Thanh Xúc (楊青矗), lúc này vừa mới ra tù, nhận lời mời của Đại Học Iowa tham gia Chương trình Viết văn quốc tế (IWP), Hướng Dương đã lấy “Vai trò: nhà văn và tâm tình thiếu nhi” làm chủ đề, cùng mọi người chia sẻ kinh nghiệm sáng tác thơ tiếng Đài của bản thân. Ngô Thủ Lễ (吳守禮) xuất bản bản	Viện trưởng Viện Hành Chính Du Quốc Hoa (俞國華) quyết định đình chỉ chế định kế hoạch lập pháp <i>Luật ngữ văn</i> (語文法).

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	thảo viết tay <i>Tự điển tổng hợp cơ bản về tiếng địa phương Mân nam</i> (綜合閩南方言基本字典), hệ thống phiên âm chọn ký hiệu chú âm kiểu cải tiến. Các giáo sư trường Đại Học Quốc Gia Đài Loan như Trần Kim Thứ (陳金次), Dương Duy Triết (楊維哲), Lý Hồng Hy (李鴻禧) v.v... thành lập Quỹ <i>Pou-te-hi</i> Tây Điền.	
1986	Kha Kỳ Hóa (柯旗化) phát hành <i>Văn hóa Đài Loan</i> (台灣文化) (phát hành Đài Loan quý san 15/9/1988, toàn bộ 10 kỳ). Phát hành nguyệt san <i>Văn hóa mới Đài Loan</i> (台灣新文化) (5/1988, toàn bộ 20 kỳ, bị cấm 11 kỳ). Bắt đầu phát hành tạp chí <i>Nam Phương</i> (南方). Tổng Trạch Lai diễn thuyết ở Đại Học Đông Hải với tiêu đề “Thảo luận về vấn đề văn tự hóa tiếng Đài Loan” (dự thảo văn bản đăng ở kỳ 5 <i>Văn hóa mới Đài Loan</i> 1/1987). Bành Đức Tu (彭德修) biên soạn	Ở chùa Long Tự, Đài Bắc, Trịnh Nam Dong (鄭南榕) chủ yếu nhấn mạnh <i>Hành động màu xanh 519</i> (五一九綠色行動), yêu cầu dỡ bỏ lệnh giới nghiêm. Năm 1986, Hội Hỗ Trợ Bầu Cử Toàn Quốc Ngoại Đảng tập hợp ở khách sạn

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	<i>Chúng ta cùng học tiếng Khách Gia</i> (大家來學客語) (Công Hội Kinh Thánh). Giới kiều bào <i>Los Angeles</i> thành lập ngôi trường tiếng Đài đầu tiên.	<i>The Grand Hotel</i>, tuyên bố thành lập đảng mới - Đảng Dân Chủ Tiến Bộ (民主進步黨).
1987	Đại hội thành lập Hội Bút Đài Loan (<i>Taiwan Pen</i>) cử hành tại đại lễ đường F1 Viện Văn Giáo Canh Tân Đài Bắc. Dương Thanh Xúc giữ chức Hội trưởng, Lý Khôi Hiền (李魁賢) giữ chức Hội phó. Tổng Trạch Lai công bố trung thiên tiểu thuyết tiếng Đài Loan 30.000 từ “Thành phố <i>Taneaw</i> chống bạo loạn: Sự tích một dòng họ chính trị nửa vời của Đài Loan” (抗暴个打貓市：一個台灣半山政治家族个故事) (ở kỳ 9-10 của <i>Văn hóa mới Đài Loan</i>, phiên bản tiếng Hoa đăng tải <i>Tự Lập Văn Báo</i> vào tháng 6. Hội Học Thuật Ngữ Văn Đài Loan (Đài Nam) thành lập với tôn chỉ “Thẩm định phiên âm, chế định văn tự tiếng Đài”. Bộ Giáo Dục, Ty Giáo dục tỉnh có thông lệnh cấm chỉ và xử phạt học	Bắt đầu từ 0 giờ dỡ bỏ lệnh giới nghiêm.

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	sinh nói tiếng Đài Loan. Phát hành nguyệt san tạp chí <i>Khách Gia Phong Vân</i> (客家風雲), chủ trương “Dư luận chung phục vụ, phấn đấu và phát ngôn vì địa vị và tôn nghiêm của người Khách Gia lần thứ nhất”, Hồng Duy Nhân (洪惟仁) viết những bài báo liên quan đến văn hóa ngôn ngữ Khách Gia ở tạp chí này. Lâm Kế Hùng (林繼雄) sáng lập Hội Nghiên Cứu Ngữ Văn Đài Loan, xuất bản từ điển tiếng Đài, giáo trình và sách tham khảo. Hội Nghiên Cứu Ngữ Văn Đài Loan của Giáo Hội Thái Bình Cảnh thành phố Đài Nam, Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Ngữ Văn Đài Loan của Câu Lạc Bộ Sinh Viên Trường Đại Học Quốc Gia Thành Công tổ chức giảng dạy thực tế thư pháp tiếng Đài hiện đại.	
1988	Hồng Duy Nhân mở lớp tiếng Đài ở Trung Tâm Văn Hóa Ngôn Ngữ Hán Thanh (Đài Bắc) do Hoàng Kính Liên sáng lập, học viên gồm	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	có những người như Hoàng Kính Liên (黃勁連), Đỗ Kiến Phường (杜建坊), Lạc Gia Bằng (駱嘉鵬), Trần Hằng Gia (陳恆嘉), Khâu Văn Tích (邱文錫), Hồng Cẩm Điền (洪錦田), Triệu Thuận Văn (趙順文), Hoàng Quan Nhân (黃冠人), Trần Hiến Quốc (陳憲國), Ngô Tú Lệ (吳秀麗), Vương Thánh Tông (王聖宗), Lâm Cẩm Hiền (林錦賢), Cao Dĩnh Lượng (高穎亮), Phan Chí Quang (潘志光), Từ Phương Mẫn (徐芳敏), Thái Tuyết Hạnh (蔡雪幸) v.v... Trịnh Lương Vĩ (鄭良偉) biên tập chỉnh sửa <i>Tuyển tập thơ tiếng Đài Lâm Tông Nguyên</i> (林宗源台語詩選) do Nhà Xuất Bản Văn Hóa Tự Lập Văn Báo xuất bản. Sinh viên trường Đại Học Quốc Gia Thành Công thành lập Phòng Nghiên Cứu Tiếng Đài, phát hành 2 kỳ <i>Tiểu Tây Môn</i> (小西門) (1991-1992). Kỳ thứ 13 <i>Khách Gia Phong Vân</i>: “Hãy mở khẩu trang của bạn ra: Bắt	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	đầu phong trào tiếng mẹ đẻ của người Khách Gia”; lấy Tôn Trung Sơn đeo khẩu trang làm trang bìa tạp chí. Hội Xúc Tiến Quyền Lợi của Người Khách Gia phát động diễu hành thị uy “Trả lại tiếng mẹ đẻ cho tôi”, đưa ra 3 điều kháng cáo: “1. Bắt đầu phát ngay tin tức truyền hình và dự báo thời tiết nông nghiệp và thủy sản tiếng Khách Gia mỗi ngày. 2. Chính sửa luật phát thanh và truyền hình từ những điều khoản hạn chế thành những điều khoản bảo đảm quyền lợi cho tiếng địa phương. 3. Xây dựng chính sách ngôn ngữ mới mang tính đa dạng”. Lâm Kế Hùng (林繼雄) biên soạn <i>Từ điển ngữ âm hiện đại Đài Loan</i> (台灣現代語音辭典).	
1989	Sáng lập <i>Văn hóa mới</i> (新文化) (1/12/1990, tất cả 21 kỳ): Người phát hành là Tạ Trường Đình (謝長廷), Chủ tịch là Tạ Minh Đạt (謝明達). Liêu Hàm Hạo (廖咸浩) viết bản	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	thảo cho (sổ mùa hè) kỳ thứ hai của <i>Đại Học Quốc Gia Đài Loan Bình Luận</i> (台大評論): “Thảo luận về Văn học tiếng Đài: điểm mù và giới hạn về lý luận của nó” (103-114). Trịnh Lương Vĩ, “Không gian văn học càng rộng lớn: Những nhận thức cơ bản về Văn học tiếng Đài” (Phụ san <i>Bản địa</i> Tự lập Văn Báo). Phát hành quyển thứ nhất tạp chí chuyên môn tiếng Đài, tạp chí chuyên môn ngôn ngữ học vào thời kỳ sau Chiến tranh Thế giới thứ 2: <i>Đài Ngữ Văn Trích</i> (台語文摘) (15/7/1991), cơ quan phát hành: Câu Lạc Bộ Tiếng Đài. Phát hành hai tháng một kỳ tạp san <i>Peh-oe-ji</i> “Hướng gió” (<i>Hong-Hiong</i>) (風向) (9/1992, toàn bộ 18 kỳ). Người phát hành: Mục sư Trần Nghĩa Nhân (陳義仁) Giáo Hội Trưởng Lão Cao Thụ Bình Đông.	
1990	Hoàng Kính Liên chọn, Trịnh Lương Vĩ biên tập chú thích <i>Đài Ngữ Thơ Lục Gia Tuyển</i> (台語詩六家選) do Nhà Xuất Bản Tiên Vê	Tháng Ba, Phong trào học sinh Hoa ly đại (野百合學運).

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	xuất bản. Thành lập Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Ngữ Văn Đài Loan Đại Học Quốc Gia Đài Loan (Câu Lạc Bộ Ngữ Văn Đài Loan / Câu Lạc Bộ Ngữ Văn Đài). Sau đó phát hành <i>Ngữ Văn Đài Loan</i> (台灣語文), đã tổ chức 5 kỳ Trại sinh hoạt tiếng Đài sinh viên toàn quốc. Lý Thụy Đăng (李瑞騰), “Vận dụng tiếng địa phương Mân Nam trong tác phẩm văn học Đài Loan”, phát hành số đầu tiên “Tập chí quan sát Văn học Đài Loan” (台灣文學觀察雜誌). Triệu tập Đại hội thành lập Hội Học Thuật Ngữ Văn Đài Loan Trung Hoa Dân Quốc ở trường Đại Học Quốc Gia Sư Phạm Đài Loan; Hội trưởng Tào Phùng Phủ (曹逢甫), Hội phó Diệu Vinh Tùng (姚榮松), Giám đốc thường trực Trương Dụ Hồng (張裕宏), Giám sát thường trực Trương Văn Bản (張文彬), Thư ký trưởng Hồng	Hiệp Hội Giáo Sư Đài Loan (台灣教授協會) thành lập.

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Duy Nhân. Thành lập Phòng Nghiên Cứu Đài Loan, Đại Học Giao Thông (Câu Lạc Bộ Tiếng Đài). Thành lập Hiệp Hội Sự Vụ Công Cộng Khách Gia Đài Loan, Chung Triệu Chính giữ chức Hội trưởng. Trịnh Lương Quang (鄭良光), Lý Phong Minh (李豐明) v.v... thành lập Hội Tập Sáng Tác Văn Đài ở <i>Los Angeles</i>, là tiền thân của <i>Đài Văn Thông Tấn</i> sau này. Lâm Kế Hùng chủ trì lớp tập huấn bồi dưỡng giáo viên tiếng Đài mùa hè Chương Hóa YMCA (Tổng cán sự Thái Tuấn Minh) trong 2 tháng. Lâm Kế Hùng chính thức mở lớp tiếng Đài hiện đại ở Đại Học Y Khoa Thành Công, Đại Học Y Khoa Cao Hùng.	
1991	Câu Lạc Bộ Khách Gia Sinh Viên đầu tiên - thành lập Câu Lạc Bộ Khách Gia trường Đại Học Quốc Gia Đài Loan. Phòng Nghiên Cứu Khách Gia Câu	Đại hội Quốc dân họp lần thứ hai Hội nghị Lâm thời quyết nghị bãi bỏ “điều khoản

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Lạc Bộ sinh viên trường Đại Học Quốc Gia Đài Loan. Triệu tập Đại hội thành lập <i>Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai</i> ở Học Viện Thần Học Đài Nam và phát hành Tập San Thơ Củ Khoai. Phát hành <i>Đài Văn Thông Tấn</i> ở Mỹ (nguyệt san <i>Tai-bun Thong-sin</i>, 1991-), người phát hành kiêm Tổng biên tập Trịnh Lương Quang (鄭良光). Sáu đơn vị như Hiệp Hội Văn Hóa Hoàng Khê (磺溪文化學會), Hội Bút Đài Loan (台灣筆會), Hội Học Thuật Ngữ Văn Đài Loan (台灣語文學會), Tòa Soạn Tạp Chí Người Thợ Săn (獵人雜誌社), Hội Nghiên Cứu Tiếng Đài (台語研究會), Hiệp Hội Sự Vụ Công Cộng Khách Gia Đài Loan (台灣客家公共事務協會) v.v... đồng tổ chức “Hội Nghị Nghiên Cứu Văn Hóa Ngôn Ngữ Đài Loan”, yêu cầu “Thống nhất tiêu chuẩn hóa văn tự tiếng Đài”. Tự Lập Văn Báo, phụ san <i>Tự Lập</i>	lâm thời ở thời kỳ động viên dẹp loạn”.

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	(自立) phát hành tuyển tập thơ tiếng Khách Gia. Hội Học Thuật Ngữ Văn Đài Loan (台灣語文學會) chính thức thành lập. Thành lập Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Ngôn Ngữ Văn Hóa Đài Loan Đại Học Đạm Giang (Câu Lạc Bộ Ngữ Văn Đài Loan), người sáng lập là Chủ tịch Tưởng Vi Văn; phát hành <i>Những người con Đài Loan</i> (台灣因子) vào tháng 11 năm 1994. Đại Học Quốc Gia Sư Phạm Đài Loan thành lập Câu Lạc Bộ Khách Gia. Sinh viên Đại Học Thanh Hoa thành lập mạng truyền thông thư điện tử “trang mạng tiếng Đài”.	
1992	Phát hành tạp chí <i>Đài Loan Văn học</i> (文學台灣). Phát hành <i>Tin tức Hội Học Thuật Ngữ Văn Đài Loan</i> (台灣語文學會會訊). Trần Tu (陳修) biên soạn <i>Đại từ điển tiếng Đài Loan</i> (台灣話大詞	Luật hình sự điều 100 bãi bỏ.

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	典), (Nhà Xuất Bản Viễn Lưu). Hội Sinh Viên Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan (<i>Students Taiwanese Promotion Association, STAPA</i>) vào 10 giờ ngày Chủ Nhật mượn Hội Quán Hội Sinh Viên Trường Đại Học Quốc Gia Đài Loan cử hành đại hội thành lập, thông qua chương trình, bầu ra Hội trưởng đầu tiên, phòng thông tin trường Đại Học Thanh Hoa, Dương Dẫn Ngôn (楊允言). Đại hội hội viên Hội Học Thuật Ngữ Văn Đài Loan lần 2 thông qua phương án Bảng mẫu tự ngữ âm ngôn ngữ Đài Loan (<i>Taiwan Language Phonetic Alphabet</i>, gọi tắt là <i>TLPA</i>). Hội Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan thành lập. Hội Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan phát hành <i>Gió tiếng Đài Loan</i> (台語風) bán niên san (số phát thử vào tháng 4), toàn bộ 25 kỳ (-6/1994), người phụ trách Ngô Tú Lệ (吳秀麗).	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Hội Sinh Viên Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan phát hành <i>Học sinh tiếng Đài Loan</i> (台語學生) (- 25/2/1995), toàn bộ 22 kỳ (kỳ 1-18: tuần san; kỳ 19-22: quý san). Ủy Ban Khoa Học Quốc Gia mời Trịnh Lương Vĩ làm giáo sư thỉnh giảng ở Viện Nghiên Cứu Ngôn Ngữ ở Đại Học Thanh Hoa 1 năm. Phát hành tạp chí tiếng Khách Gia đầu tiên <i>Khách Gia Đài Loan</i> (客家台灣), địa chỉ: Tân Trang, Đài Bắc. Tăng Chính Nghĩa (曾正義) ở nhà riêng tại khu nhà tập thể Cử Quang và quán cà phê Văn hóa dạy phiên âm tiếng Đài, sau đó đổi thành Hội Sáng Tác Tiếng Đài. Tập thơ chữ Hán - La tinh đầu tiên: <i>Đi tìm Đài Loan lưu lạc</i> (走找流浪的台灣) Trần Minh Nhân (Nhà Xuất Bản Tiền Vệ).	
1993	Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn trong nước đầu tiên (Hội Giao Lưu Độc Giả đường Lâm Sâm Nam), mượn địa điểm của Cục Bảo vệ môi trường Quý Phong Thái	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Đài Bắc thành lập, người phụ trách Đoàn Chấn Vũ (段震宇), Lâm Linh Lợi (林伶利). Viện Lập Pháp thông qua văn bản sửa điều 20 “Luật Phát thanh Truyền hình”. Giáo Hội Trưởng Lão biên soạn <i>Kinh Thánh tiếng Pinayuanan</i> (排灣語聖經). Phòng Nghiên Cứu Văn Hóa Ngôn Ngữ Đài Loan thành phố Đài Trung (Câu Lạc Bộ Tiếng Đài Loan Đài Trung) thành lập. Thành lập Liên Minh Sinh Viên Khách Gia.	
1994	Trại văn học tiếng Đài <i>Lam-khun-sin</i> kỳ thứ 1: trại văn học tiếng Đài đầu tiên sau Chiến tranh Thế giới thứ 2 cử hành ở <i>Lam-khun-sin</i>, lấy “Chạy nhanh về phương Nam” (奔向南方) làm khẩu hiệu. Trần Lôi (陳雷) xuất bản tuyển tập tiểu thuyết tiếng Đài <i>Vĩnh viễn quê hương</i> (永遠 e 故鄉) (Đài Bắc: Vượng Văn).	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Tòa Soạn Tạp Chí Đài Ngũ Văn Trích xuất bản tuyển tập văn xuôi tiếng Đài <i>Tâm tình lá cây phong</i> (楓樹葉仔的心事) do Dương Dẫn Ngôn chủ biên. Phòng Nghiên Cứu Văn Hóa Ngôn Ngữ Đài Loan ở Đài Trung phát hành tạp chí thể loại báo chí <i>Thông tấn nghiên cứu Văn hóa Ngôn ngữ Đài Loan</i> (台灣語文研究通訊) số đầu tiên (1994-1996, quý san, toàn bộ 19 kỳ). Đại Học Thanh Hoa tổ chức Hội nghị Học thuật Quốc tế về “Văn học Lại Hòa và những tác giả cùng thời đại”. Mục sư Trịnh Nhi Ngọc (鄭兒玉) ở Viện Nghiên Cứu Xã Hội Viện Thần Học Đài Nam mở “Lớp học văn hóa tiếng Đài”, bắt đầu bồi dưỡng các giáo viên dạy tiếng Đài. Bồi dưỡng được các giáo viên hạt giống như Trương Phục Tụ (張復聚), Ngô Nhân Sắt (吳仁瑟), Lý Văn Chính (李文正), Trịnh Nhã Di (鄭雅怡).	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Hoàng Nguyên Hưng (黃元興) “Lớp học khoa tiếng Mân - Đài” tự trả phí xuất bản tiểu thuyết cổ tích lịch sử tiếng Đài <i>Ma Tổ Chương Hóa</i> (彰化媽祖).	
1995	Hội Sinh Viên Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan biên soạn <i>Con đường tiếng Đài: ghi chép phỏng vấn của những người làm công tác tiếng Đài</i> (台語這條路：台文工作者訪談錄) (Dương Duẩn Ngôn chủ biên) do Đài Lập xuất bản. Thành lập Hội Học Sinh PTTH Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan, tháng 6 hợp nhất với Hội Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan. Hiệp Hội Phát Triển Ngữ Văn Đài (gọi tắt Đài Triển Hội) mượn hội quán cựu học sinh trường Đại Học Quốc Gia Đài Loan cử hành Đại hội thành lập và Đại hội hội viên lần thứ nhất và chọn ra 11 vị Ủy viên chấp hành, phát hành nguyệt san <i>Ka-tang</i> (茄荳), toàn bộ 25 kỳ. Câu Lạc Bộ Tiếng Đài Đài Loan (tiền thân: Hội Đồng nghiệp Câu	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Lạc Bộ Tiếng Đài) lấy tập thứ nhất <i>Gieo hạt</i> (掖種) phát hành thử, Chủ biên chính (Tổng biên tập, Chủ biên) Trần Hiến Quốc (陳憲國), Lâm Văn Bình (林文平). Đông Phương Bạch (東方白) <i>Văn nho ngữ nhã: Tuyển tập tiếng Đài Đông Phương Bạch</i> (雅語雅文：東方白台語文選), Nhà Xuất Bản Tiền Vệ. Phát hành Học bổng Hoa ly đại của Giáo Hội Trưởng Lão <i>Luận đàm Đài Loan Bách hợp</i> (台灣百合論壇) (- 11/1996), toàn bộ 9 kỳ. Học Viện Quản Lý Công Thương Đạm Thủy chúc mừng trường thành lập tròn 30 năm và công tác trù bị của Khoa Văn Học Đài Loan, tổ chức Hội thảo Học thuật về văn học Đài Loan; có những học giả như Đoàn Nguyên Hưng, Trần Minh Nhân, Liêu Thụy Minh, Dương Thanh Xúc, Tang Đình Sinh (臧汀生), Trần Hằng Gia v.v... công bố những tham luận liên quan đến Văn hóa Ngôn ngữ Đài Loan.	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Câu Lạc Bộ sinh viên trường chuyên Quản lý Công thương Đạm Thủy Câu Lạc Bộ Văn Học Đài Loan (台灣文學社) thành lập (năm 2001 đổi thành Câu Lạc Bộ Văn Hóa Đài Loan (台灣文化社). Giang Vĩnh Tiến (江永進) nghiên cứu phát minh phần mềm nhập dữ liệu phiên âm tiếng Đài phiên bản Windows. Quỹ Tưởng Niệm Chị Thông Mỹ ở New York, Mỹ phát hành <i>Luận đàm Bách hợp Đài Loan</i> (台灣百合論壇) (1995-1996), toàn bộ 9 kỳ.	
1996	Hội Giao Lưu Độc Giả Đài Văn Thông Tấn Toronto thành lập. Lâm Ương Mẫn (林央敏), <i>Sử luận phong trào Văn học tiếng Đài</i> (台語文學運動史論), Nhà Xuất Bản Tiến Vệt. Liêu Thụy Minh (廖瑞銘), Trần Phong Huệ (陳豐惠) đại diện Đảng Xanh ứng cử đại biểu Đại hội Quốc dân, đồng nhất về chính kiến “Yêu tiếng mẹ đẻ, không phải yêu bầu	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	cử”; vào giữa tháng Ba, Nhà Xuất Bản Đài Lạp xuất bản <i>Cái đẹp trong đời sống</i> (生活中 e 美感) và <i>Yêu tiếng mẹ đẻ, không phải yêu bầu cử</i> (愛母語, 不是愛選舉). Xuất bản số phát hành thử <i>Thế giới tiếng Đài</i> (台語世界), cơ quan phát hành Tòa Soạn Tạp Chí Thế Giới Tiếng Đài (thành phố Đài Trung), người phát hành Lâm Quang Hâm (林光鑫) (Lâm Thời Vũ) (林時雨), Ngô Trường Năng (吳長能) đảm nhiệm chủ biên. Hội Đọc Sách Tiếng Đài Hương Thành ở Học Viện Sinh Hoạt Hương Thành thành lập, (- 3/2001 Quỹ Văn Giáo Hương Thành tiếp quản Đại Học Cộng Đồng). Giáo viên hướng dẫn bao gồm: Hoàng Kính Liên (黃勁連), Thi Bình Hoa (施炳華). Các nhiệm kỳ Hội trưởng gồm có: Đồng Phong Chính (董峯政), Trần Thái Nhiên (陳泰然), Lam Thục Trinh (藍淑貞), Phương Diệu Kiến (方耀乾), Chu Định Bang (周定邦).	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	<i>Thông tấn nghiên cứu Ngữ văn Đài Loan</i> (台灣語文研究通訊) đổi tên thành <i>Tạp chí nghiên cứu Ngữ văn Đài Loan</i> (台灣語文研究雜誌) và do Trang Thắng Hùng (莊勝雄) chủ biên. <i>Thế giới tiếng Đài</i> (台語世界) (nguyệt san 1996-1997) chính thức phát hành, người phụ trách: Du Kiên Dục (游堅煜), toàn bộ 16 kỳ. Trần Minh Nhân, Trần Phong Huệ và Liêu Thụy Minh đi diễn thuyết nhiều nơi ở các nước Bắc Mỹ. Phát hành <i>Báo BONG Đài Văn</i> (台文 BONG 報) (nguyệt san), cơ quan phát hành: Tòa Soạn Tạp Chí Báo BONG Đài Văn. Trần Lôi, <i>Tuyển tập kịch tiếng Đài Trần Lôi</i> (陳雷台灣話戲劇選集) (Quỹ Văn Giáo Giáo Dục, Đài Trung). Bộ sách dịch sang tiếng Đài đầu tiên gồm 7 tập của Văn Phòng Dự Án Phiên Dịch Sang Tiếng Đài 5%, Nhà Xuất Bản Nhân Quang xuất bản.	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Đại hội Nhân quyền ngôn ngữ thế giới <i>Barcelona</i> công bố “Tuyên ngôn ngôn ngữ thế giới” (<i>Universal Declaration of Linguistic Rights</i>), hô hào chính phủ của các nước bảo vệ, quảng bá ngôn ngữ địa phương và ngôn ngữ bản địa của mình.	
1997	Quỹ Văn Giáo Văn Hóa Ngôn Ngữ Khách Gia các nước Bắc Mỹ. Thành lập Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Ngôn Ngữ Văn Hóa Đài Loan Học Viện Sư Phạm Hoa Liên. <i>Tổ chức phi lợi nhuận Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khước</i> (財團法人李江却台語文教基金會), do Lâm Tích Dương (林哲陽), Lý Tú Khanh (李秀卿) quyên tiền thành lập, lấy “khôi phục sinh mệnh ngôn ngữ các dân tộc Đài Loan” làm tôn chỉ. <i>Tập san thơ Hoa Cỏ Lau</i> số đầu tiên <i>Nếu mà hoa lau nở</i> (菅芒花若開) do Hoàng Kính Liên chủ biên, Đài Giang xuất bản. Các nước Bắc Mỹ phát hành <i>Chuyên san tiếng Đài và tiếng Khách Gia</i> (客	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	台語專刊), người quản lý chủ yếu: Chu Chân Nhất (朱真一), Diệp Đài Vũ (葉台宇), Ôn Tinh Phủ (溫星甫), Khâu Chân (邱真). Hội Liên Hiệp Khách Gia Đài Loan Thế Giới (世界台灣客家聯合會) thành lập, công bố “Tuyên ngôn chung” và đưa ra 4 yêu cầu kêu gọi đối với chính quyền Trung Quốc Quốc Dân Đảng: 1. Bảo đảm bình đẳng như nhau giữa các tộc người trong nước, các loại ngôn ngữ và văn hóa của các tộc người đều được hưởng sự bảo hộ thỏa đáng. 2. Quy định các đơn vị truyền thông điện tử hữu thanh phải định ra tỉ lệ thời lượng dành cho ngôn ngữ các tộc người. 3. Chính phủ phải công bố tiếng Khách Gia, tiếng Đài, tiếng Bắc Kinh và tiếng dân tộc bản địa đều là ngôn ngữ chính thức chung của Đài Loan. 4. Các trường Tiểu học và Trung học cơ sở của Đài Loan phải quy	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	định tiếng Khách Gia là môn học bắt buộc chính thức, mỗi tuần phải dạy ít nhất 2 tiếng.	
1998	<i>Văn học tiếng Đài Đảo Hương</i> (島鄉台語文學) phát hành số thử, do Trần Kim Thuận (陳金順) chủ biên. Bộ Giáo Dục công bố hệ thống ký hiệu ngữ âm TLPA: “Hệ thống mẫu tự ngữ âm tiếng Mân Nam Đài Loan” (台灣閩南語音標系統), “Hệ thống mẫu tự ngữ âm tiếng Khách Gia Đài Loan” (台灣客家語音標系統) và “Hệ thống ký hiệu âm tiếng địa phương” (方音符號系統). Phương án hệ thống mẫu tự ngữ âm thông dụng thành phố Đài Bắc. Hội Văn Học Tiếng Đài Hoa Cỏ Lau Thành Phố Đài Nam triệu tập Đại hội thành lập ở Học Viện Sinh Hoạt Hương Thành, bầu ra 9 ủy viên ban chấp hành, 3 người giám sát và bầu Hoàng Kính Liên làm Chủ tịch nhiệm kỳ đầu tiên. Hoàng Hằng Thu xuất bản <i>Khái luận lịch sử văn học Khách Gia Đài</i>	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	<i>Loan</i> (台灣客家文學史概論), (Văn Phòng Văn Sử Đài Loan Khách Gia, Chung Triệu Chính (鍾肇政) viết lời tựa). Tiểu thuyết tiếng Đài toàn bằng chữ Hán: <i>Hoa ngọc lan</i> (玉蘭花) của Ngô Quốc An (吳國安) (tự in ấn, Tổng phân phối Hiệu Sách Tam Dân xuất bản). Trần Khánh Châu (陳慶洲) phát hành <i>Tạp chí Văn nghệ Duy Tân</i> (文藝維新雜誌). Phát hành Nguyệt san tiếng Đài <i>Thời hành</i> (時行) (1998-), cơ quan phát hành: Hội Tiếng Đài Thời Hành (thành phố Tân Trúc), chủ biên của các kỳ: Thẩm Đông Thanh (沈冬青), Hoàng Thục Huệ (黃淑惠), Vưu Mỹ Kỳ (尤美琪), Khang Hiến Trung (糠獻忠); kỳ 17 đổi thành tạp san 2 tháng một lần. Giải thưởng tiếng Đài Lý Giang Khuốc năm 1998 (李江却台文獎) (kỳ thứ nhất): giải về thơ gồm có giải nhất Trịnh Nhã Di (鄭雅怡),	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	giải nhì Ngô Quốc Trinh (吳國禎), giải ba Lâm Xuân Sinh (林春生).	
1999	Phát hành <i>Văn học Đài Loan Hoa Cỏ Lau</i> (菅芒花台語文學) (-1/10/2002, toàn bộ 4 kỳ), lấy ảnh Hứa Bính Đinh (許丙丁) làm bìa của tạp chí. Phát hành <i>Tạp Chí Đài Văn Hoa Dong Riêng</i> (蓮蕉花台文雜誌) (-20/10/2008, quý san, toàn bộ 39 kỳ). Cơ quan phát hành Tòa Soạn <i>Tạp Chí Đài Văn Hoa Dong Riêng</i> (thành phố Đài Trung), chủ biên của các kỳ gồm có: Lại Diệu Hoa (賴妙華), Dương Chiếu Dương (楊照陽), Tăng Đôn Hương (曾敦香). Phương Diệu Kiển (方耀乾) xuất bản Tuyển tập thơ tiếng Đài thứ nhất <i>Mẹ tôi là nhà du hành vũ trụ</i> (阮阿母是太空人) (Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Nam). Trường thiên tiểu thuyết tiếng Đài của Trương Thông Mẫn (張聰敏) <i>A Anh, ối!</i> (阿瑛！啊) do Trung Tâm Văn Hóa Huyện Chương Hóa xuất bản.	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Tuyển tập thơ văn tiếng mẹ đẻ của tác giả người Khách Gia Chung Cần Bang (鍾勳邦) <i>Truyền thuyết của bài vị tổ tiên của người Khách Gia</i> (客家人神祖牌的傳說), Nhân Quang xuất bản, trong đó có đăng 4 bài thơ, văn tiếng Đài gồm “Đêm hôm đó” (彼冥), “Chúa ơi, Người đang khóc” (主阿, 你在哭), “RF-104” và “Đêm đó, nó chảy nước miếng” (那暗, 伊流嘴延). Hội Sinh Viên Xúc Tiến Ngũ Văn Đài Loan TGB phát hành <i>Thông tấn TGB</i> (TGB 通訊) (nguyệt san). Tổ chức Giáo Dục Khoa Học và Văn Hóa Liên Hiệp Quốc kêu gọi chính phủ các nước phải tôn trọng, bảo hộ và phát triển những văn hóa ngôn ngữ yếu thế, công bố mỗi năm lấy ngày 21 tháng 2 làm <i>Ngày Tiếng mẹ đẻ thế giới</i> (世界母語日) và bắt đầu thực thi từ năm 2000.	
2000	Bộ Giáo Dục tuyên bố: “Giáo dục tiếng mẹ đẻ” (母語教育) được liệt vào môn học bắt buộc của chương	Trần Thủy Biển (陳水扁) đặc cử Tổng thống.

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	trình học cấp Tiểu học, mỗi tuần từ 1-2 tiếng, bắt đầu thực thi từ tháng 9 năm 2001. <i>Đài Loan Công Luận Báo</i> ở Mỹ phát hành phiên bản <i>Vườn Văn học</i> (文學園), Chủ biên Hồ Dân Tường (胡民祥) (-1/2002). Phát hành song nguyệt san toàn bằng chữ La tinh <i>Chữ Đài Loan</i> (Tai-oan-ji) (台灣字), toàn bộ 19 kỳ (-20/1/2007); cơ quan phát hành: Hội Tập Huấn Chữ La tinh Tiếng Đài Cao Hùng, Tổng biên tập số đầu tiên Trịnh Thi Tông (鄭詩宗) (số 1-19, 20/5/2000-20/1/2007). Trần Khánh Châu (陳慶洲), Trần Vũ Huân (陳宇勳), Trần Dục Ngạn (陳育彥) biên soạn <i>Cơ sở tiếng Đài</i> (台語文基礎) (Trần Khánh Châu in ấn); cơ quan phát hành: Viện Nghiên Cứu Nguồn Gốc Ngữ Văn Đài Loan. Hoàng Giai Huệ (黃佳惠) “Nghiên cứu Văn học tiếng Đài trong tài liệu <i>Peh-oe-ji</i>” (白話字資料中的台語	Ủy Ban Sự Vụ Khách Gia Viện Hành Chính (行政院客家事務委員會) thành lập.

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	文學研究), luận văn Thạc sĩ Viện Nghiên Cứu Văn Hóa Địa Phương Học Viện Sư phạm Đài Nam. Hội nghị trừ bị <i>Nghệ thuật của Đài Loan</i> (台灣 e 文藝) thành phố Đài Trung. <i>Tập san thơ Hoa Cỏ Lau</i> (菅芒花詩刊) được sửa đổi, xuất bản kỳ đầu số cách tân; Tổng biên tập Phương Diệp Kiển. Đài truyền hình <i>Formosa</i> tổ chức Hội thảo tiếng Đài Loan năm 2000. Tổng hội Giáo Hội Trưởng Lão Cơ Đốc Đài Loan thành lập “Ủy Ban Xúc Tiến Tiếng Mẹ Đẻ Các Dân Tộc Đài Loan” (台灣族群母語推行委員會). Bộ Giáo Dục công bố “Đề cương giáo trình tạm thời chương trình học 9 năm của các trường Tiểu học, Trung học cơ sở”, lần đầu tiên áp dụng giáo trình “ngôn ngữ bản địa” (本土語言); bộ phận tiếng Đài thì gọi là <i>tiếng Mân Nam</i> (閩南語).	
2001	Chính thức thành lập Câu Lạc Bộ Bản Địa Mới Đài Loan ở Quý Văn	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Giáo Hương Thành Đài Nam. Phát hành số đầu tiên <i>Văn nghệ Đài Loan</i>, đăng “Tuyên ngôn chủ nghĩa bản địa mới”, thành viên sáng lập gồm 34 người. Người sáng lập Vương Thế Huân, Chủ tịch đầu tiên Dương Chiêu Dương, Tổng biên tập Hồ Trường Tùng (tiếng Hoa), Chủ biên Phương Diệu Kiên (tiếng Đài), Ngô Thượng Nhiệm (吳尚任) (tiếng Khách Gia). Nhà Xuất Bản Tiền Vệ phát hành. Phát hành song nguyệt san <i>Văn học tiếng Đài Hai-ang</i> (海翁台語文學) (2001-), cơ quan phát hành Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tập Chí Khai Lãng; Tổng biên tập Hoàng Kính Liên viết lời tựa cho tập san (Sự phục hưng văn nghệ của người Đài Loan) (台灣農兮文藝復興). Quý Văn Giáo Hương Thành tiếp nhận Đại Học Cộng Đồng, Hội Đọc Sách Tiếng Đài Hương Thành dời đến Trung Tâm Giáo Dục Xã Hội, gọi là Hội Đọc Sách Tiếng Đài Phủ Thành (府城台語文讀書會). Đại hội thành lập <i>Hiệp Hội Chữ La</i>	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	<i>tin</i> Đài Loan (gọi tắt là TLH) cử hành ở trường Đại Học Chân Lý. Chủ tịch nhiệm kỳ đầu tiên: Trương Phục Tụ (張復聚), nhiệm kỳ thứ hai: Lâm Thanh Tường (林清祥). Chương trình giáo dục 9 năm: các trường Tiểu học đều thực hiện đầy đủ việc mở môn học bắt buộc “ngôn ngữ quê hương” (鄉土語言), mỗi tuần học một tiết. Trương Xuân Hoàng (張春凰), Giang Vĩnh Tiến, Thẩm Đông Thanh biên soạn <i>Khái luận Văn học tiếng Đài</i> (台語文學概論) (Nhà Xuất bản Tiền Vệ). Ủy Ban Xúc Tiến Quốc Ngữ ra nghị quyết về phương án phiên âm thông dụng áp dụng cho tiếng Trung. Lưu Kiệt Nhạc (劉杰岳) làm phần mềm nhập dữ liệu <i>Taiwanese Package</i>.	
2002	Trung Tâm Biên Dịch Quốc Gia chủ biên, Đồng Trung Tư (董忠司) đảm nhiệm tổng biên soạn <i>Từ điển tiếng Mân Nam Đài Loan</i>, Ngũ Nam xuất bản.	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Bộ Giáo Dục tổ chức, Trung tâm Xúc Tiến Đào Tạo trường Đại Học Quốc Gia Sư Phạm Đài Loan phối hợp, mở lớp bồi dưỡng giáo viên giảng dạy ngôn ngữ quê hương năm 2002, những người tham gia là các giáo viên tiếng mẹ đẻ thông qua chứng nhận của Bộ Giáo Dục đợt đầu tiên. Bộ sử thi đầu tiên về Văn học Đài Loan: Lâm Ương Mẫn sáng tác <i>Nước mắt phấn son</i> (胭脂淚) do Công Ty Chân Bình xuất bản. Phát hành <i>Tập san tiếng mẹ đẻ - Sâu rễ bền gốc</i> (Thoann 根母語文刊) (2002-), Trần Đình Tuyên (陳廷宣) (A-hi) làm chủ biên. Hiệp Hội Giáo Viên Tiếng Mẹ Đẻ Đài Loan thành lập (台灣母語教師協會). Trung Tâm Ngôn Ngữ Maryknoll Đài Trung xuất bản phiên bản mới <i>Từ điển Anh Đài</i> (台語英語字典).	
2003	Đài Loan Công Luận Báo ở Mỹ thành lập chuyên san tiếng Đài	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	phiên bản <i>Vườn Khoai Lang</i>, Lâm Tuấn Dục (林俊育) chủ biên. Tôn Đại Xuyên (孫大川) biên soạn, INK xuất bản 7 tập <i>Tuyển tập Văn học tiếng Hán của các dân tộc bản địa Đài Loan</i> (台灣原住民族漢語文學選集). Đài Truyền Hình Khách Gia bắt đầu phát sóng. Thành lập trang mạng <i>Faith Hope Love</i> tiếng Đài (http://taigi.fhl.net). Thành lập Liên Minh Tiếng Mẹ Đẻ Đài Loan Thế Giới.	
2005	Lý Cần Ngạn (李勤岸) chủ trì kế hoạch <i>Từ sử liệu Văn học Peh-oe-ji của Giáo Hội Công báo giai đoạn 1885-1984 khám phá đặc điểm văn hóa Đài Loan</i>, là một dự án nhỏ trong dự án <i>Ngữ liệu, văn bản</i> với việc xây dựng lịch sử văn hóa Đài Loan do Phòng Nghiên Cứu và Phát Triển Học Thuật trường Đại Học Quốc Gia Sư Phạm Đài Loan phụ trách. Kỳ thứ 108 của tạp chí <i>Báo BONG Đài Văn</i> ở trang bìa có in thêm 8	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	chữ “Tập chí chuyên ngành Văn học Đài Loan” (台語文學專門雜誌). Trần Thu Bạch (陳秋白) giữ chức Chủ tịch của <i>Trường môn Thi học</i> (掌門詩學). Phát hành <i>Đài Văn Chiến tuyến</i> (台文戰線); Lâm Ương Mẫn, Phương Diệu Kiến đã lần lượt làm Chủ tịch, Trần Kim Thuận, Hồ Trường Tùng đã lần lượt làm chủ biên (Tổng biên tập).	
2006	Lâm Ương Mẫn chủ biên <i>Một thế kỷ Thơ tiếng Đài</i> (台語詩一世紀), Nhà Xuất Bản Tiền Vệ. Ủy Ban Xúc Tiến Quốc Ngữ Bộ Giáo Dục đã ra quyết nghị và thông qua <i>Phương án phiên âm chữ La tinh tiếng Mân Nam Đài Loan</i> (thường gọi “chữ Đài La tinh”; ngày 14 tháng 10 chính thức tuyên bố “nghị quyết số 0950151609 tiếng Đài”, các học giả gọi là “Sự tích hợp giữa Peh-oe-ji của Giáo Hội và TLPA”. Tạp chí <i>Văn học Đài Loan Hai-ang</i> bắt đầu từ kỳ thứ 60 áp dụng phương án phiên âm chữ La tinh Đài Loan.	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Thành lập trang mạng <i>Faith Hope Love</i> tiếng Khách Gia (http://hakka.fhl.net).	
2007	<i>Chương môn Thi học</i> bắt đầu từ kỳ 46 thành lập chuyên mục Văn học tiếng mẹ đẻ. Trần Kim Thuận (陳金順), Thi Tuấn Châu (施俊州) chủ biên <i>Tập tuyển Văn học tiếng Đài</i> 2006 do Tiềm Sách Cũ Phủ Thành xuất bản. Trưởng khoa Khoa Văn Học Đài Loan phó giáo sư Lý Cần Ngạn bắt đầu chủ trì và tiến hành kế hoạch của Ủy Ban Khoa Học Quốc Gia “Dự Án Số Hóa Tài Liệu Lịch Sử Chữ <i>Peh-oe-ji</i> của Đài Loan Giáo Hội Công Báo (1885-1969)”. Lữ Mỹ Thân “Nghiên cứu về tiểu thuyết tiếng Đài thời kỳ Nhật Bản”, luận văn Thạc sĩ Khoa Nghiên Cứu Văn Học Đài Loan trường Đại Học Thanh Hoa. Lý Cần Ngạn chủ trì “Phần Hai Dự Án Số Hóa Tài Liệu Lịch Sử Chữ <i>Peh-oe-ji</i> của Đài Loan Giáo Hội Công Báo Thời Kỳ 1885-1969”, Ủy	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Ban Khoa Học Quốc Gia. <i>Báo BONG Đài Văn</i> từ kỳ 139 trở đi <i>Peh-oe-ji</i> chuyển thành sử dụng <i>Phương án ký hiệu ngữ âm chữ La tinh Đài Loan</i>. Phương Diệu Kiển “Từ ngoại biên đến trung tâm đa nguyên: xây dựng chủ thể của Văn học tiếng Đài” (<i>Ui 邊緣 kau 多元中心：台語文學 e 主體建構</i>), luận văn Tiến sĩ Khoa Văn Học Đài Loan trường Đại Học Quốc Gia Thành Công. Trường thiên tiểu thuyết dài 280.000 chữ của Trần Lôi <i>Ký sự bổ sung lịch sử quê hương</i> (<i>鄉史補記</i>) (Tập Chí Khai Lãng xuất bản). Lý Cần Ngạn chủ trì “Dự Án Số Hóa Tài Liệu Lịch Sử Chữ <i>Peh-oe-ji</i> của Đài Loan Giáo Hội Công Báo Thời Kỳ 1885-1969”, thuộc Kế hoạch nghiên cứu chuyên đề của Ủy Ban Khoa Học Quốc Gia. Phát hành <i>Quý san giảng dạy tiếng Đài Hai-ang</i> (<i>海翁台語文教學季刊</i>); Tổng biên tập Lý Cần Ngạn.	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
2009	Nhà thơ Kha Bách Vinh (柯柏榮) được tạm tha ra tù. Hoàng Nguyên Hưng (黃元興), tiểu thuyết kể chuyện cổ tích lịch sử <i>Ngôi nhà gạch đỏ</i> (紅磚仔厝) (Nhà Xuất Bản Ka-tang). Lý Cần Ngạn chủ trì “Phần Ba Dự Án Số Hóa Tài Liệu Lịch Sử Chữ Peh-oe-ji của Đài Loan Giáo Hội Công Báo Thời Kỳ 1885-1969” thuộc Kế Hoạch Nghiên Cứu Chuyên Đề của Ủy Ban Khoa Học Quốc Gia. Trung Tâm Trắc Nghiệm Tiếng Đài thuộc Đại Học Quốc Gia Thành Công, Công Ty Truyền Thông Á Châu, Công Ty Airiti phát hành bán niên san <i>Nghiên cứu tiếng Đài</i> (台語研究) (<i>Tai-gi Gian-kiu / Journal of Taiwanese Vernacular</i>), Chủ biên Tưởng Vi Văn (蔣為文). Phát hành tập san hình thức báo chí hai tháng một lần <i>Thủ Đô Thi Báo</i> (首都詩報), người phát hành Phan Cảnh Tân (潘景新), Chủ tịch Phan	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Tĩnh Trúc (潘靜竹), Tổng biên tập Kha Bách Vinh, Chủ bút Thi Tuấn Châu (chủ biên bản tin), Lâm Dụ Khải (林裕凱). Đại hội thành lập Hội Nhà Văn Đài Loan (台文筆會) cử hành ở Hội trường 1 Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan. Chủ tịch sáng lập Hội: Lý Cần Ngạn; Tổng cán sự: Hồ Trường Tùng. Trác Đoạn (卓緞) (1902-2009), xuất bản tuyển tập thơ 7 chữ <i>Peh-oe-ji Tuyển tập thơ tiếng Đài với sự chứng kiến và ca ngợi của người sống trăm tuổi Trác Đoạn - Một cuộc đời rục rờ thần kỳ.</i>	
2010	Trung Tâm Trắc Nghiệm Tiếng Đài (台灣語文測驗中心), Đại Học Quốc Gia Thành Công thành lập, Chủ nhiệm Tưởng Vi Văn. Khai mạc <i>Triển lãm thường trực tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ bản địa Đài Loan</i> (台灣本土母語常設展) ở Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan (國立台灣文學館).	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Cung Thiên Hậu <i>Lok-ni-mng</i> Đài Nam tổ chức: Trại văn hóa <i>Lok-ni-mng</i> lần thứ 13, các giảng viên của tổ thơ tiếng Đài gồm có: Lâm Ương Mẫn, Phương Diệu Kiên, Hồ Trường Tùng, Trần Thu Bạch. Thi Bình Hoa (施炳華) biên soạn <i>Nghiên cứu và thưởng thức Koa-a-chheh</i> (歌仔冊欣賞與研究) (Bá Dương Văn Hóa).	
2011	Phát hành nguyệt san <i>Báo giáo dục tiếng Đài</i> (台語教育報), cơ quan phát hành: Công Ty Chân Bình; người sáng lập Thái Kim An (蔡金安), người phát hành Thái Trinh Quan (蔡貞觀), Tổng biên tập Trần Minh Nhân (陳明仁); Chỉ đạo biên tập Lý Bích Trân (李碧珍); Chủ biên Lâm Hạnh Nga (林杏娥); điều hành Kha Bách Vinh (柯柏榮), chỉnh sửa: Liêu Tú Linh (廖秀齡), Hoàng Chi Lục (黃之綠), Thái Vịnh Dục (蔡詠洳).	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, thư viện Quốc gia và Quỹ Phát Triển Văn Học Đài Loan đồng tổ chức “Hội Thảo Một Trăm Năm Tiểu Thuyết”; địa điểm Đài Nam, diễn giả Hoàng Xuân Minh (黃春明) diễn thuyết với chủ đề “Thảo luận về giáo dục và chữ viết tiếng Đài” (台語文書寫與教育的商榷)¹⁰⁷. Đình chỉ phát hành <i>Quý san giáo dục tiếng Đài Hai-ang</i>, toàn bộ 12 kỳ. Trao Giải Thưởng Văn Học Ngô Kim Đức (吳金德文學獎) lần thứ nhất cho trường thiên tiểu thuyết	

107 Chú thích của dịch giả: vì trong khi diễn thuyết, Hoàng Xuân Minh đã sỉ nhục tiếng Đài và các nhà hoạt động trong phong trào tiếng mẹ đẻ, đồng thời cũng phê phán việc giáo dục tiếng mẹ đẻ trong nhà trường, nên đã bị những người như Tưởng Vi Văn giờ biểu ngữ phản đối. Hoàng Xuân Minh vô cùng tức giận, miệng liên tục chửi thề và đòi đánh Tưởng Vi Văn. Sự kiện này đã tạo ra cuộc tranh luận về ngữ văn Đài lần thứ ba. Đây cũng được gọi là Sự kiện 524. Có thể tham khảo thêm trong cuốn *Sự thật về Tưởng Vi Văn phản đối Hoàng Xuân Minh: nhà văn Đài Loan phải dùng tiếng Đài Loan để sáng tác*.

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	<i>Bồ đề tương tư kinh</i> (菩提相思經) của Lâm Ương Mẫn, giải thưởng trị giá 200.000 Đài tệ. Lý Căn Ngạn chủ trì <i>Kế hoạch giọng ngâm thơ của Dương Tú Khanh và sưu tập số về lời bài hát</i> thuộc Kế hoạch nghiên cứu chuyên đề của Ủy Ban Khoa Học Quốc Gia. Trương Đức Bản (張德本) và các cộng sự <i>Đài Văn Chiến Tuyến</i> sáng lập <i>Đài Loan Văn Hội</i> (台灣文薈).	
2012	<i>Đài Văn Thông Tấn</i> (1/7/1991-1/2012, toàn bộ 214 kỳ) và <i>Báo BONG Đài Văn</i> (15/10/1996- 1/2012, toàn bộ 184 kỳ) đồng phát hành, gọi là <i>Báo BONG Đài Văn Thông Tấn</i>, kỳ 215, (tiếp số <i>Đài Văn Thông Tấn</i>). Chủ tịch: Trần Minh Nhân, người phát hành kiêm Tổng biên tập: Liâu Thụy Minh; Phó Tổng biên tập: Trần Phong Huệ; biên tập văn bản: Lưu Thừa Hiên. Liâu Thụy Minh viết “Lời của người phát hành”: “Hy vọng một phương tiện truyền thông	

Thời gian	Sự kiện lớn liên quan đến Văn học tiếng mẹ đẻ	Sự kiện lịch sử lớn
	về tính chủ thể của ngôn ngữ: <i>Đài Văn Thông Tấn</i> và <i>Báo BONG Đài Văn</i> đồng phát hành”. “Ủy Ban Xúc Tiến Quốc Ngữ” (國語會) Bộ Giáo Dục họp cuộc họp mang tính lịch sử phiên cuối cùng, Ủy Ban Xúc Tiến Quốc Ngữ chính thức bị bãi bỏ. Nghiệp vụ biên soạn từ điển trước đây được chuyển giao cho Viện Nghiên Cứu Giáo Dục Quốc Gia; chính sách ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ được chuyển giao cho “Ty Giáo Dục Trọn Đời” mới thành lập. Thi Tuấn Châu sáng tác, Chu Định Bang chủ biên <i>Giới thiệu về Văn học tiếng Đài</i> (Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan xuất bản), xếp vào <i>Tùng san kỳ 15 của Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan</i>.	

Bảng niên biểu này chủ yếu tham khảo *Niên biểu phong trào Văn học tiếng Đài* (台語文學運動年表) của Thi Tuấn Châu (施俊州) (8/2013 chưa đăng).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. SÁCH THAM KHẢO

1. Dương Duẩn Ngôn chủ biên, *Con đường tiếng Đài - Ghi chép của người làm công tác tiếng Đài* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Đài Lập, 1995).

2. Dương Duẩn Ngôn, Trương Học Khiêm, Lữ Mỹ Thân chủ biên, *Biên soạn sử liệu và phỏng vấn phong trào ngữ văn Đài Loan* (Đài Bắc: Bảo Tàng Lịch Sử Đài Loan, 2008).

3. Đỗ Kiến Phường, *Koa-a-chheh giống trống: Ngôn ngữ, văn học và văn hóa* (Đài Bắc: Thư Phòng Đài Loan, 2008).

4. Hoàng Tuyên Phạm, *Ngôn ngữ, xã hội và ý thức dân tộc: Nghiên cứu về ngôn ngữ học xã hội Đài Loan* (Đài Bắc: Công Ty Xuất Bản Văn Hạc, 1994).

5. Hồ Vạn Xuyên biên tập *Kỷ yếu Hội thảo Học thuật văn học dân gian Đài Loan* (Nam Đầu: Phòng Văn Hóa Chính Phủ Đài Loan, 1998).

6. Hội Sinh Viên Xúc Tiến Ngữ Văn Đài Loan biên tập, *Con đường tiếng Đài - Ghi chép của người làm công tác tiếng Đài* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Đài Lập, 2006).

7. Lâm Ương Mẫn, *Sử luận phong trào Văn học tiếng Đài bản chính sửa* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 1997).

8. Lý Cần Ngân, *Quy hoạch về chính sách giáo dục và phiên âm tiếng mẹ đẻ* (Đài Nam, Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2006).

9. Lữ Hưng Xương, *Kỷ yếu nghiên cứu thi nhân Đài Loan* (Đài Nam: Trung Tâm Văn Hóa Thành Phố Đài Nam, 1995).

10. Lữ Tổ Thượng *Lịch sử kịch và điện ảnh Đài Loan* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Ngân Hoa, 1961).

11. Ngô Đạt Vân, Phương Diệu Kiên chủ biên, *Hội thảo Học thuật văn học tiếng Đài* (Đài Nam: Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, 2005).

12. Ngô Trường Năng, *Cuộc tranh luận Văn học tiếng Đài và các bước phát triển liên quan: 1987-1996* (Tần Trúc: Hội Tiếng Đài Thời Hành, 2012).

13. Phương Diệu Kiên, *Lý luận và thực tiễn viết lịch sử Văn học tiếng Đài* (Cao Hùng: Đài Văn Chiến Tuyến, 2009).

14. Thái Kim An chủ biên, *Đòi lại tên chuẩn cho Văn học Đài Loan* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2006).

15. Trần Mộ Chân, *Năm ngoài quan điểm chữ Hán: Quan điểm về văn minh trong Đài Loan Phủ Thành Giáo Hội Báo và tài liệu Peh-oe-ji tiếng Đài* (Đài Nam: Nhà Xuất Bản Nhân Quang, 2007).

16. Trịnh Lương Vĩ, *Hướng về sự tiêu chuẩn hóa tiếng Đài* (Đài Bắc: Tự Lập Văn Báo, 1989).

17. Trịnh Lương Vĩ chủ biên, *Đài Ngũ Thơ Lục Gia Tuyển* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 1990).

18. Trương Dự Hồng, *Khái niệm cơ bản về Peh-oe-ji: Giản lược về những chủ đề liên quan và sự tương ứng tiếng Đài* (Đài Bắc: Công Ty Xuất Bản Văn Hạc, 2001).

19. Trương Viêm Hiến, Trần Mỹ Dung, Lý Trung Quang biên tập *Kỷ yếu về lịch sử một trăm năm trở lại đây của Đài Loan* (Đài Bắc: Quỹ Ngô Tam Liên, 1996).

20. Trương Xuân Hoàng, Giang Vĩnh Tiến, Thẩm Đông Thanh đồng tác giả, *Khái luận Văn học tiếng Đài* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiên Vệ, 2001).

21. Tưởng Vi Văn và cộng sự, Hội Nhà Văn Đài Loan biên tập, *Sự thật về Tưởng Vi Văn phản đối Hoàng Xuân Minh: Nhà văn Đài Loan phải dùng tiếng Đài Loan để sáng tác* (Đài Nam: Công Ty Truyền Thông Á Châu, 2011).

22. Tưởng Vi Văn, *Ngôn ngữ, sự tự nhận thức và phi thực dân hóa* (Đài Nam: Đại Học Quốc Gia Thành Công xuất bản, 2005).

23. Tưởng Vi Văn, Phương Diệu Kiên chủ biên, *Đối thoại giữa Thơ ca và Đất đai: Kỷ yếu Hội thảo Học thuật văn học tiếng Đài 2006* (Đài Nam, Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2006).

24. Tưởng Vi Văn, *Ngôn ngữ, văn học và tưởng tượng lại về quốc gia Đài Loan* (Đài Nam: Đại Học Quốc Gia Thành Công xuất bản, 2007).

II. LUẬN VĂN THẠC SĨ

1. Hoàng Giai Huệ, “Nghiên cứu Văn học tiếng Đài trong tài liệu *Peh-oe-ji*” (Đài Nam: Luận văn Thạc sĩ Viện Nghiên Cứu Văn Hóa Địa Phương Học Viện Sư Phạm Đài Nam, 2000).

2. Hoàng Văn Đạt, “Tiểu thuyết tiếng Đài đương đại (1986-2008) và nghiên cứu ý thức Đài Loan trong đó” (Gia Nghĩa: Luận văn Thạc sĩ tổ Văn Hóa Đài Loan lớp Thạc sĩ tại chức Văn Hóa Đài Loan Viện Nghiên Cứu Văn Học Đài Loan, Đại Học Trung Chính, 2010).

3. Lý Tĩnh Mai, “Nghiên cứu các tạp chí Văn hóa Đài Loan, Văn hóa mới Đài Loan và Văn hóa mới (6/1986-12/1990): chủ yếu thảo luận về chủ đề phong trào văn hóa mới và luận thuyết về văn học tiếng Đài và văn học chính trị” (Đài Bắc: luận văn Thạc sĩ Viện Nghiên Cứu Văn Học Đài Loan Đại Học Giáo Dục, 2006).

4. Lữ Mỹ Thân, “Nghiên cứu tiểu thuyết tiếng Đài thời Nhật Bản” (Tần Trúc: Luận văn Thạc sĩ Viện Nghiên Cứu Văn Học Đài Loan trường Đại Học Thanh Hoa, 2007).

5. Trần Kim Thuận, “Chim di trú từ cộng đồng của người họ Hồ bay về hướng làng Mạt Lý: Nghiên cứu Văn học tiếng Đài Hồ Dân Tường” (Đài Nam: Luận văn Thạc sĩ Khoa Văn Học Quốc Ngữ, Đại Học Đài Nam, 2010).

III. THAM LUẬN HỘI THẢO

1. Dương Duẩn Ngôn và cộng sự, *Tình hình phong trào tiếng Đài học đường từ những năm 90 trở lại đây*, luận văn “Hội Thảo về Thế Hệ Mới của Đài Loan Lần Thứ Bảy” (Quỹ Văn Hóa Đài Loan tổ chức, 1995).

2. Liêu Thụy Minh, *Tiếng Đài còn đang quanh quẩn trước ngưỡng cửa của thể chế văn học - Kiểm điểm phong trào tiếng Đài từ những năm 1990 trở lại đây*, luận văn “Hội Thảo Nghiên

Cứu Học Thuật và Tính Chủ Thể của Đài Loan” (Hội Học Thuật Lịch Sử Đài Loan tổ chức, 7/2006).

3. Lữ Hưng Xương, *Sự bình thường hóa của chữ viết tiếng mẹ đẻ - Vị trí của văn học Peh-oe-ji trong lịch sử văn học Đài Loan*, luận văn “Hội Thảo Học Thuật Quốc Tế về Viết Lịch Sử Văn Học Đài Loan” (Khoa Văn Học Đài Loan trường Đại Học Quốc Gia Thành Công, ngày 22-23/11/2002).

IV. BÀI BÁO TẠP CHÍ

1. Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai, “Tôn chỉ thành lập Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai”, “Mùi vị cuộc đời”, *Tập San Thơ Củ Khoai* kỳ 1 (8/1991).

2. Lâm Chỉ Kỳ, “Cành lá đời đời tươi tốt sum sê, không sợ mục nát dưới bùn đất - Bàn luận *Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai*” và “*Tập san thơ Củ Khoai*, cải cách *Tập san thơ Hoa Cỏ Lau* kỳ 5 (5/2006).

3. Lâm Tông Nguyên, “Văn học tiếng Đài tức là Văn học Đài Loan”, *Nếu mùa xuân quê hương đến*, *Tập San Thơ Củ Khoai* kỳ 2 (4/1992).

4. Lâm Tông Nguyên, “Xây dựng sự tôn nghiêm cho Văn học Đài Loan”, *Nếu mà hoa trầu nở*, *Tập San Thơ Củ Khoai* kỳ 6 (8/1994).

5. Liêu Thụy Minh, “Lịch sử và ngôn ngữ”, *Đài Văn Thông Tấn* kỳ 19 (4/1993).

6. Liêu Thụy Minh, Phương hướng chính xác của phong trào *Peh-oe-ji* tiếng Đài, *Đài Văn Thông Tấn* kỳ 22 (7/1993).

7. Liêu Thụy Minh, “Phương hướng và phát triển của *Báo BONG Đài Văn*”, *Tập san thơ Hoa Cỏ Lau* cải cách kỳ 4 (7/2005).

8. Liêu Thụy Minh, “Thơ, quê hương, ca nhạc tiếng Đài - thế giới văn học Hoàng Kính Liên”, *Văn học tiếng Đài Hai-ang* kỳ 66 (2007).

9. Liêu Thụy Minh, “Khẩu khí của người thành phố trong văn học tiếng Đài - thảo luận Trần Minh Nhân viết về đề tài thành thị trong *Chú dế trũi dưới gốc cây bên đường*”, *Văn học tiếng Đài Hai-ang* kỳ 73 (1/2008).

10. Lý Cần Ngạn, “Đòi lại tên chuẩn cho Văn học Đài Loan - Văn học Đài Loan nhìn từ văn học tiếng Anh hậu thực dân”, *Văn học tiếng Đài Hai-ang* kỳ 41 (5/2005).

11. Lý Cần Ngạn, “Sự tái hiện luận thuyết về tính chủ thể của *Penn-pou-chok*: lấy trường thiên tiểu thuyết *Ký sự bổ sung lịch sử quê hương* của Trần Lôi làm điển hình”, *Văn học tiếng Đài Hai-ang* kỳ 65 (2007).

12. Tống Trạch Lai, “Bàn luận về vấn đề văn tự hóa tiếng Đài”, *Văn Hóa Mới Đài Loan* kỳ 5 (1/1987).

13. Tưởng Vi Văn, “Cội nguồn Văn học Bạch Thoại tiếng Đài là Văn học thế giới”, *Thông tấn Hội Học Thuật Lịch Sử Đài Loan* kỳ 18 (2004).

V. MỤC LỤC GIẢN LƯỢC VĂN HỌC TIẾNG ĐÀI

1. Chu Định Bang, *Người thợ xây nhà* (Đài Nam: Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Nam, 1999).

2. Chu Định Bang, *Trận chiến chính nghĩa Ta-pa-ni* (Đài Nam: Văn Phòng Nghệ Thuật Hát Nói Đài Loan, 2001).

3. Chu Định Bang, *Mùa hoa gạo nở* (Đài Nam: Cục Văn Hóa Huyện Đài Nam, 2001).

4. Chu Định Bang, *Danh sách anh hùng Đài Loan* (Đài Nam: Thư Viện Thành Phố Đài Nam, 2003).

5. Chu Định Bang, *Ilha Formosa* (Đài Nam: Chính quyền huyện Đài Nam, 2005).

6. Chu Định Bang, *Đàn nguyệt đơn độc một dây* (Đài Nam: Văn Phòng Nghệ Thuật Hát Nói Đài Loan, 2011).

7. Chu Định Bang, *Nước mắt anh hùng: Tuyển tập kịch bản Pou-te-hi* (Đài Nam: Cục Văn Hóa Thành Phố Đài Nam, 2011).

8. Chu Định Bang, *Nỗi oán hoa quế: Sử thi Bạch Thoại 7 chữ tiếng Đài* (Đài Nam: Văn Phòng Nghệ Thuật Hát Nói Đài Loan, 2012).

9. Chu Hoa Bân, *Bổ công anh* (Đài Nam: Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Nam, 1999).

10. Chu Hoa Bân, *Tình thơ và giấc mộng* (Đài Nam: Chính quyền huyện Đài Nam, 2008).

11. Dương Chiếu Dương, *Cửa sổ phía sau* (Đài Bắc: Công Ty Công Nghệ Hán Khang, 1995).

12. Dương Chiếu Dương, *Những thứ theo đuổi vĩnh viễn* (Đài Bắc: Công Ty Công Nghệ Hán Khang, 1997).

13. Dương Hỗn Hiển, *Suối nước nóng lưu huỳnh chảy qua vùng Chương Hóa* (Chương Hóa: Cục Văn Hóa Huyện Chương Hóa, 2008).

14. Dương Hồn Hiễn, *Đi qua nơi từng nhớ nhung* (Chương Hóa: Cục Văn Hóa Huyện Chương Hóa, 2011).

15. Dương Quốc Minh, *Đi chơi vườn bách thú học tiếng Đài* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2007).

16. Đỗ Thuận Tùng, *Tuyển tập văn xuôi tiếng Đài Đỗ Thuận Tùng* (Tân Doanh: Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Nam, 1995).

17. Đông Phương Bạch, *Văn nho ngữ nhã: Tuyển tập tiếng Đài Đông Phương Bạch* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 1995).

18. Giang Tú Phụng, *Cô gái hoa oải hương* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 2005).

19. Hà Thụy Hùng, Triệu Thiên Nghi, Lý Khôi Hiễn, Sakabulajo, A.D., Lý Mẫn Dũng nguyên tác, *Thơ tuyển Đài Loan: tập 1 / gồm 5 người* (Tokyo Nhật Bản: Nhà Xuất Bản Bóng Cây, 1998).

20. Hoàng Kính Liên, *Nếu gà lôi gáy* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Đài Lập, 1991).

21. Hoàng Kính Liên, *Thành phố bản thủ* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Đài Lập, 1993).

22. Hoàng Kính Liên, *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Hoàng Kính Liên* (Đài Nam: Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Nam, 1995).

23. Hoàng Kính Liên, *Bút ký Tham-a-kinn* (Đài Nam: Nhà Xuất Bản Đài Giang, 1996).

24. Hoàng Kính Liên, *Bài ca Củ Khoai: Tuyển tập thơ ca tiếng Đài Hoàng Kính Liên* (Đài Nam: Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Nam, 1998).

25. Hoàng Kính Liên, *Hương lúa Nam Phong: Tuyển tập thơ tiếng Đài Hoàng Kính Liên, tập 2* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2000).

26. Hoàng Kính Liên, *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Hoàng Kính Liên* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2001).

27. Hoàng Kính Liên, *Giở hoa* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2003).

28. Hoàng Kính Liên, *Ông Thiên Lôi khẩu khí xấu* (Đài Nam: Tòa Soạn Tập Chí Khai Lãng, 2004).

29. Hoàng Kính Liên, *Bài ca củ lạc* (Đài Nam: Tòa Soạn Tập Chí Khai Lãng, 2008).

30. Hoàng Nguyên Hưng, *Mẫu Tổ Chương Hóa Quan Độ: Văn học kể chuyện lịch sử Đài Loan* (Đài Bắc: Phòng Nghiên Cứu Khoa Tiếng Đài-Mân Nam, 1992).

31. Hoàng Nguyên Hưng, *Mẫu Tổ Chương Hóa: Văn học trường thiên tiếng Đài* (Đài Bắc: Phòng Nghiên Cứu Khoa Tiếng Đài-Mân Nam, 1994).

32. Hoàng Nguyên Hưng, *Tuyển tập văn xuôi tiếng Đài Loan Hoàng Nguyên Hưng* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Ka-tang, 1999).

33. Hoàng Nguyên Hưng, *Đỗ Thông Minh Đài Bắc: Văn học trường thiên tiếng Đài* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Ka-tang, 2007).

34. Hoàng Nguyên Hưng, *Ngôi nhà gạch đỏ: Tiểu thuyết lịch sử tiếng Đài* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Ka-tang, 2009).

35. Hoàng Tĩ, *Quê hương Hai-ang* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2002).

36. Hồ Dân Tường, *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Hồ Dân Tường* (Tân Doanh: Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Nam, 1995).

37. Hồ Dân Tường, *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Hồ Dân Tường* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2002).

38. Hồ Dân Tường, *Ký sự làng Mạt Lý* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2004).

39. Hồ Dân Tường, *Sản xuất tại Đài Loan* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2006).

40. Hồ Dân Tường, *Du ký Hawaii* (Đài Nam: Chính quyền huyện Đài Nam, 2008).

41. Hồ Dân Tường, *Trà nhân trần mùi vị Đài Loan* (Đài Nam: Thư Viện Thành Phố Đài Nam, 2008).

42. Hồ Dân Tường, *Cuộc đời công trình với hoa thơm cỏ lạ* (Đài Nam: Chính quyền huyện Đài Nam, 2010).

43. Hồ Trường Tùng, *Dưới chân cột đèn* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 2005).

44. Hồ Trường Tùng, *Tiếng súng* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 2005).

45. Hồ Trường Tùng, *Thành phố với những con đường bàn cờ* (Đài Nam: Hiệu Sách Cũ Phủ Thành, 2008).

46. Hồ Trường Tùng, *Miệng Cảng* (Cao Hùng: Đài Văn Chiến Tuyến, 2010).

47. Hồng Cẩm Điền, *Ông Lok-kang kể chuyện* (Đài Bắc: Tòa Soạn Tạp Chí Đài Ngữ Văn Trích, 1995).

48. Hồng Kiện Bân, *Tôi là một cái cây bầu cử* (Đài Nam, Hiệu Sách Cũ Phủ Thành, 2013).

49. Hồng Thụy Trân biên soạn và chú thích, Dương Tú Khanh, Dương Tái Hưng đàn và hát, *Na Tra đại náo Đông Hải: Dương Tú Khanh hát nói ca dao dân gian Đài Loan* (Đài Bắc: Câu Lạc Bộ Tiếng Đài Đài Loan, 2002).

50. Hồng Thụy Trân biên soạn và chú thích, Dương Tú Khanh, Dương Tái Hưng đàn và hát, *Liêu Thiêm Đình truyền kỳ: Dương Tú Khanh hát nói ca dao dân gian Đài Loan* (Đài Bắc: Câu Lạc Bộ Tiếng Đài Đài Loan, 2003).

51. Hồng Thụy Trân biên soạn và chú thích, Dương Tú Khanh, Dương Tái Hưng đàn và hát, *Hát nói Đài Loan: Dương Tú Khanh hát nói ca dao dân gian Đài Loan* (Đài Bắc: Câu Lạc Bộ Tiếng Đài Đài Loan, 2004).

52. Hồng Thụy Trân biên soạn và chú thích, Dương Tú Khanh, Dương Tái Hưng đàn và hát, *Biên tập mới về những ca khúc khuyên người khuyên đời* (Đài Bắc: Câu Lạc Bộ Tiếng Đài Đài Loan, 2004).

53. Hứa Bính Đình, *Tiểu phong thần* (Đài Nam: tác giả tự in, Xưởng In Đại Minh in ấn, 1951).

54. Hứa Chính Huân, *Nếu mà tôi nhìn thấy xe xích-lô* (Đài Nam: Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Nam, 1999).

55. Hứa Chính Huân, *Tam bảo của thành phố* (Đài Nam: Thư Viện Thành Phố Đài Nam, 2003).

56. Hứa Chuẩn Phu, *Lời cảm ơn của đứa trẻ miền quê* (Đài Nam: Nhà Xuất Bản Giáo Hội Công Báo, 2009).

57. Hứa Lập Xương, *Sự kiên trì tuyệt đẹp: Tuyển tập thơ tiếng Đài Hứa Lập Xương* (Hố Vĩ: Hội Nghiên Cứu Tiếng Đài Huyện Vân Lâm, 2010).

58. Hương Dương, *Bài ca của đất* (Đài Bắc: Tòa Soạn Báo Tự Lập Văn Báo, 1985).

59. Hương Dương, *Đứa trẻ trong gương* (Đài Bắc: Hiệu Sách Tân Học Hữu, 1996).

60. Hương Dương, *Ngược nhìn cây ngân hạnh* (Đài Bắc: Câu Lạc Bộ Văn hóa, 1997).

61. Hương Dương, *Tuyển tập thơ tiếng Đài Hương Dương* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2002).

62. Kha Bách Vinh, *Mùa xuân của kén tắm* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lăng, 2007).

63. Kha Bách Vinh, *Thư tình Xích Khảm Lâu* (Đài Nam: Chính quyền huyện Đài Nam, 2009).

64. Kha Bách Vinh, *Đom đóm trong nhà tù* (Đài Nam: Chính quyền huyện Đài Nam, 2010).

65. Khang Nguyên, *thơ tiếng Đài Bát Quái Sơn* (Chương Hóa: Cục Văn Hóa Chương Hóa, 2001).

66. Khang Nguyên biên soạn, *Tiệm tạp hóa Tình Yêu: tuyển tập thơ tình tiếng Đài* (Đài Trung: Công Ty Xuất Bản Thần Tinh, 2004).

67. Khang Nguyên, *Cùng nhau hát nhạc thiếu nhi (I): Ca dao về động vật Đài Loan* (Đài Trung: Công Ty Xuất Bản Thần Tinh, 2010).

68. Khang Nguyên, *Cùng nhau hát nhạc thiếu nhi (II): Ca dao về Lễ tết truyền thống Đài Loan* (Đài Trung: Công Ty Xuất Bản Thần Tinh, 2010).

69. Khang Nguyên, *Cùng nhau hát nhạc thiếu nhi (III): Ca dao về đồ chơi trẻ em Đài Loan* (Đài Trung: Công Ty Xuất Bản Thần Tinh, 2010).

70. Khang Nguyên, *Cùng nhau hát nhạc thiếu nhi (IV)* (Đài Trung: Công Ty Xuất Bản Thần Tinh, 2010).

71. Khang Nguyên, Thi Tịnh Tích vẽ tranh, *Viết thơ tình vẽ cảnh đẹp thành Chương Hóa* (Chương Hóa: UBND Thành Phố Chương Hóa, 2011).

72. Khâu Văn Tích, Trần Hiến Quốc biên tập chú thích, *Đài Loan diễn nghĩa* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Cây Long Nào, 1997).

73. Khâu Văn Tích, Trần Hiến Quốc biên tập chú thích, *Trần Tam Ngũ Nương* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Cây Long Nào, 1997).

74. Kỳ Phúc Tấn, *Mỗi ngọn cỏ, một giọt sương: Nét đẹp cuộc đời* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 2001).

75. Kỳ Phúc Tấn, *Nước mắt Golgatha* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 2005).

76. Lại Nhân Thanh, *Nước mắt của mẹ* (châu Cao Hùng quận Bình Đông: Câu Lạc Bộ Tinh Thế, 1925).

77. Lại Nhân Thanh, *Bông hoa ly trong bụi gai* tiểu thuyết dài tiếng Đài (Đài Trung: Tổ Thanh Niên Trung Hội Đài Trung và Bộ Giáo Dục cùng xuất bản phát hành, 1954).

78. Lại Nhân Thanh, *Kẻ thù đáng yêu* tiểu thuyết loại vừa tiếng Đài (Đài Nam: Tòa Soạn Công Báo Giáo Hội Đài Loan, 15/9/1960).

79. Lại Nhân Thanh sáng tác, Lý Cần Ngân dịch và chú thích, *Thương em hơn cả thế giới* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2009).

80. Lam Thục Trinh, *Nhớ nhung* (Đài Nam: Trung Tâm Nghệ Thuật Thành Phố Đài Nam, 2000).

81. Lam Thục Trinh, *Cúc bạch nhật Đài Loan* thơ tiếng Đài (Cao Hùng: Nhà Xuất Bản Xuân Huy, 2005).

82. Lam Thục Trinh, *Đi tìm ký ức của Đài Loan* thơ tiếng Đài (Đài Nam: Cục Văn Hóa Thành Phố Đài Nam, 2011).

83. Lam Thục Trinh, *Tuyển tập hoa cỏ Đài Loan: Tuyển tập thơ tiếng Đài về sinh thái thực vật Đài Loan* (Cao Hùng: Nhà Xuất Bản Xuân Huy, 2013).

84. Lam Xuân Thụy, *Không dấu không vết: Tuyển tập tiểu thuyết tiếng Đài Lam Xuân Thụy* (Đài Bắc: Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khuốc, 2009).

85. Lâm Mậu Sinh, *Kịch lịch sử về cải cách tôn giáo của Ruth* (Đài Nam: Hiệu Sách Tần Lâu, 1925).

86. Lâm Quý Long, *Tha-kheh - Tuyển tập tiểu thuyết tiếng Đài Lâm Quý Long* (Đài Bắc: Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khuốc, 2013).

87. Lâm Tâm Trí, *Đồng dao về địa lý Đài Loan* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2003).

88. Lâm Tâm Trí, *Đồng dao về ngày Lễ tết Đài Loan* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2004).

89. Lâm Tâm Trí, *Đồng dao về rau và động vật Đài Loan* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2006).

90. Lâm Tâm Trí, *Những ca khúc về điểm tâm Đà Loan* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2008).

91. Lâm Tông Nguyên sáng tác, Trịnh Lương Vĩ biên tập chú thích, *Tuyển tập thơ tiếng Đài Lâm Tông Nguyên* (Đài Bắc: Bộ Xuất Bản Văn Hóa Tự Lập Văn Báo, 1988).

92. Lâm Tông Nguyên, *Tinh tuyển thơ tiếng Đài Lâm Tông Nguyên* (Đài Nam: Trung Tâm Văn Hóa Thành Phố Đài Nam, 1995).

93. Lâm Tông Nguyên, *Tuyển tập thơ tiếng Đài Lâm Tông Nguyên* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2002).

94. Lâm Tông Nguyên, *Kịch tình không kiêng kỵ*, Câu Lạc Bộ Thơ Củ Khoai, 2004.

95. Lâm Tông Nguyên, *Tuyển tập thơ Phủ Thành* (Đài Nam: Cục Văn Hóa Thành Phố Đài Nam, 2011).

96. Lâm Trầm Mặc, *Thơ thiếu nhi Đài Loan: Biên tập mới về hát nói địa phương huyện Đài Trung* (Đài Trung: Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Trung, 1999).

97. Lâm Trầm Mặc, *Tuyển tập thơ tiếng Đài Lâm Trầm Mặc* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2002).

98. Lâm Trầm Mặc, *Âm Thanh Trầm Mặc* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiên Vệ, 2006).

99. Lâm Tư Linh, *Biển* (Đài Trung: Bạch Tượng Văn hóa, 2008).

100. Lâm Ương Mẫn, *Dong bướm về hướng Đài Loan* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiên Vệ, 1992).

101. Lâm Ương Mẫn, *Sao lạnh soi bóng cô đơn* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiễn Vệ, 1996).

102. Lâm Ương Mẫn, *Tuyển tập Văn học Đài Loan Lâm Ương Mẫn* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2001).

103. Lâm Ương Mẫn, *Nước mắt phấn son* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2002).

104. Lâm Ương Mẫn, *Thế kỷ của hy vọng* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiễn Vệ, 2005).

105. Lâm Ương Mẫn, *Thơ một lá* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiễn Vệ, 2007).

106. Lâm Ương Mẫn, *Đoạn trường* (Đài Nam: Tòa Soạn Tập Chí Khai Lăng, 2009).

107. Lâm Ương Mẫn, *Bồ đề tương tư kinh* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Gốc Cỏ, 2011).

108. Lâm Văn Bình, *Nước giải khát Heysong* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Bách Hợp Văn Hóa, 2001).

109. Lâm Văn Bình, *Mùi hương của thời gian* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Bách Hợp Văn Hóa, 2006).

110. Lâm Văn Bình, *Một ca khúc viết về Mỹ Nông* (Cao Hùng: Đài Văn Chiến Tuyến, 2012).

111. Lâm Vũ Hiến, *Mùi vị cuộc đời* (Chương Hóa: Cục Văn Hóa Huyện Chương Hóa, 2006).

112. Lộ Hàn Tụ, *Nhụy hoa mùa xuân* (Đài Bắc: Công Ty Xuất Bản Bình Thị, 1995).

113. Lộ Hàn Tụ, *Tuyển tập thơ tiếng Đài Lộ Hàn Tụ* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2002).

114. Lý Cần Ngạn, *Tuyển tập thơ tiếng Đài Lý Cần Ngạn* (Đài Nam: Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Nam, 1995).

115. Lý Cần Ngạn, *Tuyển tập thơ tiếng Đài Lý Cần Ngạn* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2001).

116. Lý Cần Ngạn, *Dân tộc du mục mới* (Đài Nam: Cục Văn Hóa Huyện Đài Nam, 2001).

117. Lý Cần Ngạn, *Chúng con đều là tội nhân* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2004).

118. Lý Cần Ngạn, *Thơ người lớn và trẻ em* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2004).

119. Lý Cần Ngạn, *Tiếng mẹ đẻ - canh gà của tâm hồn* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2004).

120. Lý Cần Ngạn, *Tuyển tập văn học Lý Cần Ngạn* (Tân Doanh: Cục Văn Hóa Huyện Đài Nam, 2004).

121. Lý Cần Ngạn, *Tuyển tập Lý Cần Ngạn*, Lâm Ương Mẫn biên tập (Đài Nam: Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, 2010).

122. Lý Cần Ngạn, *Mùa xuân đến muộn* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2011).

123. Lý Cần Ngạn, *Những điều đến già mới biết* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2011).

124. Lý Cần Ngạn, *Hai-ang ra khơi* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2011).

125. Lý Mẫn Dũng, *Thơ ca Formosa* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Ngọc Sơn, 2012).

126. Lý Trường Thanh, *Giang Hồ* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Văn Học Liên Hợp, 2008).

127. Lý Tú, *Một nụ hoa nhỏ: Tập thơ thiếu nhi song ngữ Anh Đài* (Cao Hùng: Đài Văn Chiến Tuyến, 2011).

128. Lý Tú, *Cô gái đi tìm con đường hoa bướm* (Cao Hùng: Cục Văn Hóa Thành Phố Cao Hùng / Nhà Xuất Bản Ngọc Sơn phát hành, 2012).

129. Lưu Thừa Hiền, *Trở về: Voyu Taokara Lau tuyển tập tiểu thuyết ngắn tiếng Đài* (Đài Bắc: Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khước, 2008).

130. Mạc Du biên tập, *Tuyển tập Lâm Ương Mẫn* (Đài Nam: Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, 2010).

131. Mạc Du, *Bách hợp của mùa xuân* (Đài Nam: Tòa Soạn Thủ Đô Thi Báo, 2011).

132. Ngô Chính Nhiệm, *Xe qua Gu-lou-oan* (Đài Trung: Nhà Xuất Bản Phổ Văn Học, 2005).

133. Ngư dân vùng *Lok-ni-mng* (Thái Kỳ Lan), *Tuyển tập thơ ngư dân vùng Lok-ni-mng* (Đài Nam: Thư Viện Thành Phố Đài Nam, 2002).

134. Nhan Tín Tinh, *Tập thơ hoài niệm quê hương* (Đài Nam: Nhà Xuất Bản Nhân Quang Ủy Ban Giáo Dục Tổng Hội Giáo Hội Trưởng Lão, 1991).

135. Nhan Tín Tinh, *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Nhan Tín Tinh* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2002).

136. Phương Diệu Kiển, *Mẹ tôi là nhà du hành vũ trụ* (Đài Nam: Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Nam, 1999).

137. Phương Diệu Kiến, *Lời yêu cùng người bạn đời* (Đài Nam: Quỹ Văn Giáo Thập Tín Thành Phố Đài Nam, 1999).

138. Phương Diệu Kiến, *Bài ca con cò trắng* (Đài Nam: Cục Văn Hóa Huyện Đài Nam, 2001).

139. Phương Diệu Kiến, *Gieo Đài Nam trong thơ* (Đài Nam: Thư Viện Thành Phố Đài Nam, 2002).

140. Phương Diệu Kiến, *Tập tuyển thơ tiếng Đài Phương Diệu Kiến* (Đài Nam: Tòa Soạn Tập Chí Khai Lăng, 2007).

141. Phương Diệu Kiến biên soạn, *Tuyển tập Lâm Tông Nguyên* (Đài Nam: Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, 2008).

142. Phương Diệu Kiến chủ biên, *Tuyển tập Hoàng Kính Liên* (Đài Nam: Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, 2010).

143. Phương Diệu Kiến, *Đen / Trắng* (Cao Hùng: Đài Văn Chiến Tuyển, 2011).

144. Phương Diệu Kiến, *Tayoan Paipai* (Cao Hùng: Đài Văn Chiến Tuyển, 2011).

145. Quách Ngọc Vân, *Mây trắng trên bầu trời Thổ Thành* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Cây Long Nãi, 1997).

146. Sakabulajo, A.D., *Tuyển tập thơ 4 hàng Sakabulajo, A.D.*, (Tokyo, Nhật Bản: Nhà Xuất Bản Bóng Cây, 1998).

147. Sakabulajo, A.D., *Nỗi buồn ngọn hải đăng Mũi Ngỗng* (Tokyo, Nhật Bản: Nhà Xuất Bản Bóng Cây, 2005).

148. Tạ An Thông, *Gọi là cái nôi của Đài Loan* (Đài Nam: Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Nam, 1996).

149. Tăng Quý Hải, *Nguyên Hương-Dạ Hợp* (Cao Hùng: Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan, 2010).

150. Tăng Quý Hải, *Hình ảnh* (Cao Hùng: Nhà Xuất Bản Xuân Huy, 2010).

151. Thái Bồi Hỏa, *Mười điều khuyên* (Đài Nam: Hiệu Sách Tân Lâu, 1925).

152. Thái Văn Kiệt, *Gió càng to, tôi càng muốn đi* (Đài Bắc: Công Ty Xuất Bản Viễn Cảnh, 2007).

153. Thanh Văn, *Mùi vị của cá măng sữa* (Đài Bắc: Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khước, 2006).

154. Thôi Căn Nguyên, *Giấc mộng bèo cám* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2003).

155. Thôi Căn Nguyên, *Đầu cá đối biển và cá mè ướp muối* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2007).

156. Thôi Căn Nguyên, *Cây không rễ* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2008).

157. Thôi Căn Nguyên, *Triển lãm về quá khứ* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2010).

158. Thôi Căn Nguyên, *Giữa người và chó* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2011).

159. Tiêu Bình Trị, *Mùi vị tục ngữ Đài Loan: tập 1* (Chương Hóa: Quỹ Văn Giáo Lại Hứa Nhu, 1999).

160. Tiêu Bình Trị, *Mùi vị tục ngữ Đài Loan: tập 2* (Chương Hóa: Quỹ Văn Giáo Lại Hứa Nhu, 2000).

161. Tiêu Bình Trị, *Mùi vị tục ngữ Đài Loan: tập 3* (Chương Hóa: Quỹ Văn Giáo Lại Hứa Nhu, 2001).

162. Tiêu Bình Trị, *Tiểu thuốc lá bằng sừng hươu của bố: Tuyển tập tác phẩm của thầy giáo Tiêu Bình Trị* (Chương Hóa: Quỹ Văn Giáo Lại Hứa Nhu, 2002).

163. Tống Trạch Lai, tuyển tập thơ *Ngôi ca Formosa* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 1983).

164. Tống Trạch Lai, Tập hợp truyện ngắn *Dân tộc yếu thế* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 1987).

165. Tống Trạch Lai, *Một cái xẻng chiến* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Văn Học Liên Hợp, 2001).

166. Tống Trạch Lai, *Bản tình ca thời đại* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản INK, 2002).

167. Trác Đoạn, *Tuyển tập thơ tiếng Đài với sự chứng kiến và ca ngợi của người sống trăm tuổi Trác Đoạn - Một cuộc đời rực rỡ thần kỳ* (Đài Trung: Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan, 2009).

168. Trang Bách Lâm, *Tuyển tập thơ tiếng Đài Trang Bách Lâm* (Đài Nam: Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Nam, 1995).

169. Trần Chính Hùng, *Bài ca quê hương* (Đài Nam: Cục Văn Hóa Huyện Đài Nam, 2000).

170. Trần Chính Hùng, *Cỏ Lau trong gió* (Đài Nam: Thư Viện Thành Phố Đài Nam, 2001).

171. Trần Chính Hùng, *Tuyển tập Mất ngủ* (Đài Nam: Hiệp Sách Nam Nhất, 2007).

172. Trần Chính Hùng, *Yêu đương Phủ Thành* (Đài Nam: Tòa Soạn Thủ Đô Thi Báo, 2011).

173. Trần Chính Hùng, *Ký sự tóc bạc* (Đài Nam: Cục Văn Hóa Thành Phố Đài Nam, 2012).

174. Trần Đình Tuyên, *Mưa nhỏ* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lăng, 2005).

175. Trần Hiến Quốc, *Truyện thiếu nhi Đài Loan* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Đài Ngữ Văn Trích, 1993).

176. Trần Khiết Dân, *Bước vào khung tranh của bạn* (Chương Hóa: Cục Văn Hóa Huyện Chương Hóa, 2010).

177. Trần Kiến Thành, *Người lưu lạc* (Đài Nam: Nhà Xuất Bản Khai Lăng, 2008).

178. Trần Kiến Thành, *Quyết chiến Siraya truyện các anh hùng Đài Loan* (Đài Nam: Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, 2010).

179. Trần Kiến Thành, *Yêu đương Đài Loan* (Đài Nam: Hiệp Hội Giáo Dục Tiếng Đài Hai-ang, 2010).

180. Trần Kim Thuận, *Thơ tình Đảo Hương* (Đài Bắc: Văn Phòng Tiếng Đài Đảo Hương, 2000).

181. Trần Kim Thuận, *Thương nhớ bay qua đồng bằng Gia Nam* (Đài Bắc: Văn Phòng Tiếng Đài Đảo Hương, 2005).

182. Trần Kim Thuận, *Lại Hòa trị giá 1.000 đồng* (Đài Nam: Thư Viện Thành Phố Đài Nam, 2008).

183. Trần Kim Thuận, *Một gốc cây Văn học* (Cao Hùng: Đài Văn Chiến Tuyến, 2009).

184. Trần Kim Thuận, *Diễn nghĩa thời gian và không gian Formosa* (Cao Hùng: Đài Văn Chiến Tuyến, 2011).

185. Trần Kim Thuận, *Bản đồ làng Xuân Nhật* (Đài Nam: Cục Văn Hóa Thành Phố Đài Nam, 2011).

186. Trần Lôi, *Vinh viễn quê hương* (Đài Bắc: Tòa Soạn Vương Văn, 1994).

187. Trần Lôi, *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Trần Lôi* (Đài Nam: Trung Tâm Văn Hóa Huyện Đài Nam, 1995).

188. Trần Lôi, *Tuyển tập kịch tiếng Đài Trần Lôi* (Đài Trung: Quỹ Văn Giáo Giáo Dục thành phố Đài Trung, 1996).

189. Trần Lôi, *Tuyển tập văn học tiếng Đài Trần Lôi* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2001).

190. Trần Lôi, *Ký sự bổ sung lịch sử quê hương* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2008).

191. Trần Lôi, *A Xuân không có tội* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2010).

192. Trần Lôi, *Thành phố vô tình* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2010).

193. Trần Lôi, *Người bà Quy Nhân* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2010).

194. Trần Minh Nhân, *Đi tìm Đài Loan lưu lạc* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 1992).

195. Trần Minh Nhân, *Ký sự lưu lạc* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Đài Lập, 1995).

196. Trần Minh Nhân, *Thơ ca tiếng Đài Trần Minh Nhân* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Đài Lập, 1996).

197. Trần Minh Nhân, *A Tồn - Tiểu thuyết ngắn Trần Minh Nhân* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Đài Lập, 1998).

198. Trần Minh Nhân, *Câu chuyện đời hoang vu: Tuyển tập văn xuôi Asia Jilimpo* (Đài Bắc: Công Ty Truyền Thông Tiếng Đài, 2000).

199. Trần Minh Nhân, *Tuyển tập Văn học tiếng Đài Loan Trần Minh Nhân* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2002).

200. Trần Minh Nhân, *Con đường văn học Trần Minh Nhân: Tuyển tập Trần Minh Nhân người đạt Giải thưởng Thi nhân Đài Loan Vinh Hậu kỳ thứ 15* (Đài Nam: Quỹ Văn Hóa Vinh Hậu, 2006).

201. Trần Minh Nhân, *Chú để trụi dưới gốc cây bên đường* (Đài Bắc: Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khước, 2007).

202. Trần Minh Nhân, sách âm thanh *Câu chuyện đời hoang vu: Tập 1: Ký sự truyền kỳ vùng quê*; sách kèm 2 đĩa CD (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 2012).

203. Trần Nghĩa Nhân, *Tôi không phải là tội nhân* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 1994).

204. Trần Nghĩa Nhân, *Tin Chúa Giê-su được chú trâu* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 1996).

205. Trần Nghĩa Nhân, *Thượng Đế thích đùa cợt* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 1999).

206. Trần Nghĩa Nhân, *Cùng nhà cùng lớp* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 2000).

207. Trần Nghĩa Nhân, *Bộ phác họa Đảo quý* (Đài Nam: Nhà Xuất Bản Nhân Quang, 2004).

208. Trần Nghĩa Nhân, *Gió Nam Đảo quý* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 2009).

209. Trần Nghĩa Nhân, *Người bà miền Nam* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Gốc Cỏ, 2010).

210. Trần Nghĩa Nhân, *Ông ơi, mũi ông sao quá dài* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Gốc Cỏ, 2011).

211. Trần Sĩ Chương, *Tình người chưa tròn trịa* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2008).

212. Trần Thu Bạch, *Biển xanh lục* (Cao Hùng: Hồng Văn Quán, 2008).

213. Trần Thu Bạch, *Khi gió thổi bắt đầu từ mùa thu cỏ xanh* (Cao Hùng: Cục Văn Hóa Thành Phố Cao Hùng, 2012).

214. Trịnh Khê Phán, *Vượt qua cái chết quyền Thượng* (châu Cao Hùng, quận Bình Đông: Câu Lạc Bộ Tỉnh Thế, 1926).

215. Trịnh Khôn Ngũ, *Côn Đảo Dật Sử* (Tòa Soạn Tạp Chí Nam Phương, 1944).

216. Trương Dự Hồng, *Không gian năm chiều của Di Phụng* (Cao Hùng: Hiệp Hội Chữ La tinh Đài Loan, 2005).

217. Trương Đức Bốn, *Bơi là biển sống của chúng ta* (Cao Hùng: Hiệu Sách Bút Hương, 2008).

218. Trương Đức Bốn, *Tám bia bị áp bức muôn đời: Tuyển tập thơ dài 2.500 hàng tiếng Đài Trương Đức Bốn* (Cao Hùng: Đài Văn Chiến Tuyến, 2011).

219. Trương Thông Mẫn, *A Anh, ơi!* (Chương Hóa: Trung Tâm Văn Hóa Huyện Chương Hóa, 1999).

220. Trương Xuân Hoàng, *Con đường thanh xuân: Tiếng Đài cuộc sống của tôi* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Đài Lập, 1994).

221. Trương Xuân Hoàng, *Gà gáy* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 2000).

222. Trương Xuân Hoàng, *Tình yêu lên men từ lòng Đất Mẹ* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 2000).

223. Trương Xuân Hoàng, *Con đường thanh xuân: Tiếng Đài cuộc sống của tôi* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 2000).

224. Tưởng Vi Văn, *Hai-ang* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Đài Lập, 1996).

225. Vương Tông Kiệt, *Tình vùng quê muối* (Đài Nam: Thư Viện Thành Phố Đài Nam, 2001).

226. Vương Trinh Văn, *Thiên sử* (Đài Nam: Nhà Xuất Bản Nhân Quang, 2006).

VI. TUYỂN TẬP VĂN HỌC TIẾNG ĐÀI

1. Đỗ Phan Phương Cách, Hoàng Kính Liên và cộng sự sáng tác, *Bầu trời - Ánh sáng: Tuyển tập Văn học tiếng mẹ đẻ bản địa về Sự kiện 228* (Đài Nam: Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, 2010).

2. Lâm Tông Nguyên, *Đài Ngữ Thơ Lục Gia Tuyển* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 1990).

3. Lâm Ương Mẫn chủ biên, *60 năm Thơ tiếng Đài* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 1998).

4. Lâm Ương Mẫn chủ biên, *12 năm Tản văn tiếng Đài* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 1998).

5. Lâm Ương Mẫn chủ biên, *Một thế kỷ Thơ tiếng Đài* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 2006).

6. Lý Căn Ngạn Tổng biên tập, *Tuyển tập Văn học tiếng Đài 2007* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2009).

7. Lý Cần Ngạn Tổng biên tập, *Bơi - Hai-ang - Vũ điệu: Tuyển tập Văn học tiếng Đài 2008* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2009).

8. Lý Cần Ngạn Tổng biên tập, *Lưu lạc - Đất đai - Lưu luyến: Tuyển tập Văn học tiếng Đài 2009* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2010).

9. Lý Cần Ngạn Tổng biên tập, *Khác biệt - Penn-pou - Số phận: Tuyển tập Văn học tiếng Đài 2010* (Đài Nam: Tòa Soạn Tạp Chí Khai Lãng, 2011).

10. Lý Nam Hằng, *60 bài thơ tiếng Đài* (Đài Bắc: Quỹ Nghệ Thuật Văn Hóa Đài Loan, 2003).

11. Lưu Thừa Hiền biên tập, *Tả thực về người Đài Loan: Tuyển tập văn xuôi chọn lọc Báo BONG Đài Văn* (Đài Bắc: Tòa Soạn Tạp Chí Báo BONG Đài Văn, 2008).

12. Lưu Thừa Hiền, *2008 Thơ hành: Tuyển tập Đại hội thường niên các nhà thơ tiếng mẹ đẻ Đài Loan* (Đài Bắc: Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khuốc, 2008).

13. Lưu Thừa Hiền, Trần Phong Huệ biên tập, *2009 Thơ hành: Tuyển tập Đại hội thường niên các nhà thơ tiếng mẹ đẻ* (Đài Bắc: Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khuốc, 2009).

14. Lưu Thừa Hiền, Trần Phong Huệ biên tập, *2010 Thơ hành: Tuyển tập Đại hội thường niên các nhà thơ tiếng mẹ đẻ Đài Loan* (Đài Bắc: Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khuốc, 2010).

15. Lưu Thừa Hiền, Trần Phong Huệ biên tập, *2011 Thơ hành: Tuyển tập Đại hội thường niên các nhà thơ tiếng mẹ đẻ* (Đài Nam: Hiệp Hội Giáo Dục Tiếng Đài Hai-ang Đài Loan và

Tòa Soạn Thủ Đô Thi Báo; Đài Bắc: Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khuốc đồng xuất bản, 2011).

16. Lưu Thừa Hiền, Trần Phong Huệ biên tập, 2012 *Thơ hành: Tuyển tập Đại hội thường niên các nhà thơ tiếng mẹ đẻ Đài Loan* (Đài Nam: Hiệp Hội Giáo Dục Tiếng Đài Hai-ang Đài Loan và Tòa Soạn Thủ Đô Thi Báo; Đài Bắc: Quỹ Văn Giáo Tiếng Đài Lý Giang Khuốc đồng xuất bản, 2012).

17. Phương Diệu Kiển và cộng sự, *Tuyển tập Văn học Đài Văn Chiến Tuyến: 2005-2010* (Cao Hùng: Đài Văn Chiến Tuyến, 2011).

18. Tống Trạch Lai chủ biên, *Tình tuyển tiểu thuyết tiếng Đài* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Tiền Vệ, 1998).

19. Trần Kim Thuận chủ biên, *Tuyển tập những nhà thơ tiếng Đài mới* (Đài Nam: Công Ty Chân Bình, 2003).

20. Trần Kim Thuận, Thi Tuấn Châu chủ biên, *Tuyển tập Văn học tiếng Đài 2006* (Đài Nam: Hiệu Sách Cũ Phủ Thành, 2007).

21. Trần Phong Huệ, *Yêu tiếng mẹ đẻ, không phải yêu bầu cử: Tuyển tập tác phẩm tiếng Đài Trần Phong Huệ* (Đài Bắc: Nhà Xuất Bản Đài Lập, 1996).

22. Trương Đức Bốn và cộng sự, *Thủy tinh tôi trong lửa: Triển lãm Văn học tiếng Đài về Sự kiện 228* (Cao Hùng: Hiệu Sách Bút Hương, 2010).

23. Tưởng Vi Văn Tổng biên tập, *Tuyển tập Văn học Peh-oe-ji tiếng Đài* (Đài Nam: Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan, 2011).

GIỚI THIỆU TRƯỜNG BIÊN LỊCH SỬ VĂN HỌC ĐÀI LOAN

Từ tháng 11 năm 2010, Bảo Tàng Quốc Gia Văn Học Đài Loan bắt đầu chính thức biên soạn *Trường biên Lịch sử Văn học Đài Loan*, dự tính hoàn thành sẽ gồm có 3 giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên là biên soạn “Văn học truyền miệng của người bản địa”, giai đoạn thứ hai là biên soạn về “Sự mạnh nhen của văn học chữ Hán ở thời kỳ Minh - Trịnh” và giai đoạn cuối cùng là biên soạn về “Văn học chữ Hán của người bản địa” và “Văn học tiếng mẹ đẻ”. Chúng tôi đã đào sâu nghiên cứu, tôn trọng và khẳng định dòng văn học truyền miệng của người bản địa cũng như dòng văn học chữ Hán của họ ra đời sau đó, đồng thời trân trọng sự giao thoa giữa những âm thanh và tiếng nói của văn học tiếng mẹ đẻ. Đối với những hiện tượng văn học trong các thời kỳ khác nhau như thời kỳ Minh - Trịnh, thời kỳ nhà Thanh chiếm lĩnh, thời kỳ Nhật Bản thống trị và thời kỳ sau chiến tranh, một mặt, chúng tôi sẽ trình bày tính vĩ mô của chúng, đối với mỗi quan hệ đối ứng giữa văn học và môi trường kinh tế, chính trị, các vấn đề quan trọng như các trào lưu, nhóm tổ chức, phe phái hay các cuộc tranh luận, đều sẽ được trình bày kỹ lưỡng; mặt khác, chúng tôi cũng sẽ cố gắng hết sức để trình bày những quan sát cụ thể về các vấn đề như các nhóm tác gia, văn đàn vào từng thời điểm và các thể văn đặc biệt được hình thành dưới những điều kiện lịch sử đặc biệt.

Chúng tôi quảng bá việc biên soạn *Trường biên Lịch sử Văn học Đài Loan* với một hy vọng lớn nhất là mọi người sẽ ghi nhớ cách ứng xử của những bậc tiên hiền trước những xoay vần của thời cuộc. Họ đã lao tâm khổ tứ để cống hiến và sáng tác, chúng ta không được quên lịch sử tâm hồn của họ và kỳ vọng về một thời kỳ văn học thịnh vượng, huy hoàng tiếp theo.



LIÊU THỤY MINH

ĐẦU LƯỠI VÀ NGÒI BÚT

LỊCH SỬ VĂN HỌC TIẾNG MẸ ĐỂ ĐÀI LOAN

TƯỜNG VI VẤN (Chủ biên)

LÙ VIỆT HÙNG - PHẠM NGỌC THÚY VI - THÁI THỊ THANH THỦY (Dịch)

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 04.38222135

E-mail: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

<http://nxbhoinhavan.com>

Chi nhánh miền Nam

371/16 Hai Bà Trưng-Q3-TP. HCM

Tel & Fax: 08.38297915

Email: nxbhnv.saigon@gmail.com

Chi nhánh miền Trung và Tây Nguyên

42-Trần Phú-thành phố Đà Nẵng

Tel: 0511.3849516

Email: nxbhnv.mientrungtaynguyen@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

NGUYỄN QUANG THIỀU

Biên tập:

TẠ VIỆT ĐĂNG

Bìa:

Họa sĩ VĂN SÁNG

Sửa bản in:

HẢI LY

In 1.000 cuốn khổ 14.5x20.5 cm; tại Công ty TNHH in Thanh Bình

Địa chỉ: Số 432, đường K2 Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Giấy đăng ký KHXB số: 1495-2020/CXBIPH/08-51/HNV

Quyết định của Giám đốc số: 590/QĐ-NXBHN, ký ngày 05/5/2020

Mã số ISBN: 978-604-9959-42-4

In xong và nộp lưu chiểu: Quý II năm 2020